

TRẦN HỢP

CÂY  
CẢNH

*Hoà*  
**Việt Nam**



NHÀ XUẤT BẢN  
NÔNG NGHIỆP

TRẦN HỢP

# CÂY CẢNH, HOA VIỆT NAM

(Trừ họ Phong lan : Orchidaceae)

ORNAMENTAL PLANTS AND FLOWERS IN VIETNAM

*(In lần thứ 2, có sửa chữa bổ sung)*

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP  
TP. HỒ CHÍ MINH - 2000





## LỜI MỞ ĐẦU

**T**rong kho tài nguyên của hệ thực vật nước ta, nhóm cây có hình dạng kỳ lạ, hương sắc hoa độc đáo, được gây trồng làm cảnh, có lẽ là nhóm cây phong phú và phức tạp hơn cả về số lượng Taxon. Một mặt, hệ cây có "*bản địa*" qua nhiều thế kỷ phát hiện, tuyển chọn và khai thác, đã đóng góp cho nhóm cây cảnh một số lượng loài khá dồi dào. Con số này vẫn luôn luôn được bổ sung làm giàu cho sự thống kê các loài cây có ích ở nước ta. Đây là những loài cây đã có quá trình sử dụng gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng, thẩm mỹ, tình cảm và đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Mặt khác, với vị trí địa lý - khí hậu đặc biệt của nước ta, trải qua biết bao thế hệ tiếp xúc với lịch sử trồng trọt, kiến trúc và nền văn hóa - mỹ thuật thế giới - cả phương Đông lẫn phương Tây, đã có cả một quá trình lâu dài để dẫn giống, nhập nội và thuần chủng nhiều loài "*kỳ hoa, dị thảo*" từ khắp các phương trời. Số Taxon ngoại lai, đang được gây trồng trên mọi miền đất nước ta cũng có một số lượng đơn vị phân loại khó thống kê nổi. Nó không những nhiều loài mà nguồn gốc từ các vùng nguyên sản cũng rất phức tạp, vì nhiều loài cây đã đi qua nhiều vùng trái đất để sau cùng mới đến "*ngụ cư*" ở nước ta, và trong quá trình di chuyển, các biến thái địa lý xảy ra rất mãnh liệt làm cho hình dạng, màu sắc bị thay đổi nhiều, có khi khác hẳn với "*tổ tiên*" của chúng. Các Taxon nhập nội này, phần chủ yếu đều do sự dẫn giống có ý thức của các nhà trồng trọt, các nhà vườn hay các nghệ nhân, các nhà tài tử nghiệp dư. Họ thường là những người tiên phong và có đầu óc ưa sưu tầm những "*của hiếm vật lạ*" từ khắp các nước trên thế giới. Còn một phần nhỏ khác, do cây cỏ tự tìm đến "*nhà hương thú hai*" một cách ngẫu nhiên bằng nhiều phương thức khác nhau theo các luồng di cư.

Trải qua nhiều thế hệ chọn lọc tự nhiên và nhân tạo, tất cả các cây làm cảnh hiện đang sống hòa đồng với nhau dưới bàn tay chăm sóc của con người, đã góp phần tạo nên cảnh quan xinh tươi, đa sắc, đa hương của "*hệ thực vật Việt Nam*", gắn bó với cuộc sống tinh thần ngàn năm văn hiến của dân tộc ta. Không những thế, hàng ngày hàng tháng, số lượng cây có hoa đặc sắc, cây có hình dáng hấp

dẫn vẫn luôn luôn không ngừng được bổ sung do các nhà vườn, các nhà sưu tầm đây ốc tò mò và luôn đổi mới mang về. Những Taxon được gây trồng có nguồn gốc nước ngoài trong những năm gần đây, từ các nhà vườn khắp năm châu bốn biển, mang nhiều sắc thái rất đặc biệt với màu sắc, hương thơm, hình dáng kỳ lạ, trợn hơn hẳn với các loài đến trước, làm cho vườn cây cảnh nước ta vốn đã đa dạng, lại càng thêm phong phú, phức tạp. Sự tiến bộ trong nền khoa học về tạo giống đã đẻ ra nhiều sản phẩm độc đáo, vượt qua khỏi trí tưởng tượng của loài người. Nhiều thế hệ tuyển chọn gắt gao theo nhiều dòng chủng xa lạ làm cho các con cháu sau này xa cách hẳn với các dòng thuần chủng ban đầu. Các thành công về cây cảnh mới để hấp dẫn thị trường thế giới cũng đã góp phần làm giàu cho nhóm cây cảnh nước ta, làm cho việc theo dõi lý lịch của chúng gặp nhiều bất lợi cho các nhà khoa học, các nhà vườn kinh doanh.

Do các đặc điểm độc đáo và riêng biệt của nhóm cây có hoa và làm cảnh hiện có ở nước ta, làm cho việc "kiểm kê" thật chính xác số lượng Taxon vô cùng khó khăn, nhất là đi sâu để ghi chép các đơn vị phân loại ở cấp bậc dưới loài. Cho đến nay, chúng tôi chỉ mới có khả năng đề cập đến đơn vị phân loại học cơ bản là LOÀI (Species) cùng với một số CHŨNG (Varietes) được biết khá chắc chắn với các đặc điểm phân biệt rành rọt. Các "tên gọi" khác, tuy khá phổ biến, do các nhà vườn hay các nhà kinh doanh đặt ra với mục đích thương mại hay để lôi kéo sự hiếu kỳ, mặc dù chúng tôi có tư liệu, nhưng cũng chưa dám đề cập ở đây. Vì các tên này được đặt ra một cách tùy tiện của các nhà vườn, thường là tên của người trong gia đình, tên các vua quan không gắn gì với cây cảnh, ít có giá trị khoa học. Ngay ở tên khoa học, những bộ "THỰC VẬT CHÍ" các nước nơi nguyên sản của các cây cảnh đã dẫn giống vào Việt Nam, cũng đa số chỉ mô tả đến các loài và chủng, hầu như chưa đề cập đến các Taxon bậc thấp hơn. Hy vọng với thời gian tới, khi có đầy đủ tư liệu tra cứu và mẫu vật hoàn thiện, sẽ có dịp bổ sung.

Một khó khăn nữa trong việc sắp xếp trong nhóm cây làm cảnh là cùng một cây lại có nhiều cách sử dụng làm cảnh khác nhau, nó tùy thuộc vào mục đích sử dụng và hoàn cảnh gây trồng, nên thường có khuynh hướng chia chúng thành các nhóm nhỏ để tiện việc thống

kê, trình bày và theo dõi. Nhiều tài liệu trước đây hoặc chỉ sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái tất cả các loài cây có khả năng làm cảnh (theo tên thường dùng hay theo danh pháp khoa học). Một số tài liệu khác nhằm mục đích phục vụ cho ý đồ của người sử dụng mà chia thành nhóm cây trồng ở vườn, cây trồng ở bao lon, cây trồng ở cửa sổ, cây trồng trong nhà... Để tiện nhận biết cây, các nhà làm vườn lại thống kê cây làm cảnh theo các đặc điểm gây trồng như cây hàng năm, cây lâu năm, cây có củ, cây thân gỗ... Tóm lại, theo chúng tôi, việc phân chia cây làm cảnh ra các nhóm nhỏ, vừa phải thể hiện được chức năng phục vụ cơ bản của các loài cây đó, vừa phải theo một trật tự nhất định, tốt nhất có một hệ thống phân loại học. Vì, mặc dù một loài cây làm cảnh nào đó, tuy có nhiều khả năng phục vụ đời sống tinh thần của con người, nhưng vẫn nổi bật lên một đặc tính chủ yếu trong việc làm cảnh. Sau đây là phác thảo sơ bộ các nhóm cây làm cảnh trong hệ thực vật làm cảnh<sup>(1)</sup> hiện có ở nước ta.

- I. Nhóm cây leo, cây hàng rào
- II. Nhóm cây làm cảnh bằng thân
  - II. A - Nhóm cây thân cột
  - II. B - Nhóm cây thân rỗng.
  - II. C - Nhóm cây thân mọng nước.
- III. Nhóm cây làm cảnh bằng lá
  - III. A - Nhóm cây lá xanh : Quyết thực vật
  - III. B - Nhóm cây lá kim : Thực vật hạt trần
  - III. C - Nhóm cây lá rộng : Thực vật hạt kín.
- IV. Nhóm cây làm cảnh bằng hoa
  - IV. A - Nhóm cây thân cỏ
  - IV. B - Nhóm cây thân gỗ
- V. Nhóm cây làm cảnh bằng quả
- VI. Nhóm cây làm cảnh ở nước.

---

<sup>(1)</sup> Không kể họ Phong lan (*Orchidaceae*). Xin xem "Phong lan Việt Nam" (1998) của tác giả (Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội).

Tuy nhiên, khi trình bày các nhóm cây làm cảnh, nếu gặp một loài có thể sử dụng nhiều mặt khác nhau, thì ngoài việc mô tả công dụng chính sẽ ghi chú các công dụng khác kèm theo để các nhà kinh doanh có thể khai thác các công dụng phụ đó làm tăng tính hấp dẫn của cây cỏ trong thương mại. Để bổ sung cho phần “tên gọi” Việt Nam chưa được hoàn chỉnh ở các Taxon nhập nội, sẽ ghi kèm theo các tên thông thường bằng tiếng Anh hay Pháp để có cơ sở tra cứu trên các sách nước ngoài.

Mặt khác, trong quá trình giới thiệu các taxon hiện đang được gây trồng làm cảnh, cố gắng chừng mực nhất định sẽ kết hợp giới thiệu thêm một ít loài gần gũi hiện đang mọc hoang dại nhưng có khả năng làm cảnh, để các nhà sưu tầm, cải tạo giống có thể quan tâm. Đây là một công việc lớn, cần có sự cộng tác của nhiều nhà Phân loại học thực vật, cũng như các nhà thẩm mỹ học, kiến trúc để tuyển chọn trong hệ cây cỏ nước ta, các loài cây còn đang bị lãng quên, làm giàu thêm cho gia đình cây làm cảnh.

Do chưa có đủ điều kiện để thống kê đầy đủ các loài cây làm cảnh trên phạm vi cả nước và thiếu nhiều tài liệu tra cứu, nên cuốn sách không thể tránh khỏi nhiều thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung của các nhà khoa học, các nghệ nhân, các nhà vườn để chỉnh lý và bổ khuyết cho lần xuất bản sau.

Trong quá trình sưu tầm nghiên cứu và định loại, chúng tôi đã được sự hỗ trợ rất lớn và đầy nhiệt tâm của các nhà khoa học và các nghệ nhân trong cả nước. Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn và mong rằng sự giúp đỡ quý báu đó sẽ tạo điều kiện mãi cho chúng tôi trong công việc thống kê thật đầy đủ sau này các loài cây cảnh và các nhóm cây khác có giá trị kinh tế của đất nước ta.

**TÁC GIẢ**



## **ORNAMENTAL PLANTS AND FLOWERS IN VIETNAM**

**S**pecies of plants having their specified forms : leaves, flowers, fruits of various splendid colours and their beauty suitable to be used in ornamentation are abundant and complicated in the botany system in Vietnam. It includes plants originated from species growing wildly in the forest, on the pastoral lands lying in every part of Vietnam, and plants of acclimatized species introduced from many countries in the world. (Specially from tropical countries of South America and Africa). Through a long process of selection, these species of plants became familiar, closely connected with religion, aesthetic sense and feeling of Vietnamese people. In any part of the country, in each nation, in every family or in each individual, it exists a closed connection with some determined ornamental plants, because besides of species of plants useful for the material human life, the plants having perfume and colour have contributed to build spiritual life more and more abundant and diversified of everybody in social communities. Ornamental plants have interfered, penetrated into the life of every member of Vietnam, it make the sufficient statistics of all varieties to meet with a great deal of difficulties. Presently, if only species are mentioned, it can be counted at about 1000 species that the Vietnamese are planting and breeding as ornamental plants. However, a great number of plants introduced from foreign countries with their beautiful leaves, flowers, fruits possess various complicated varieties and forms. This is the result of a permanent and oriented breeding of gardeners aiming at increasing the attractiveness of the plants in order to serve every human delight inquires. Thus, the abundance of ornamental plant group becomes more and more complicated. This book is limited only in the introduction of popular ornamental plants of which the growing in outspreading in Vietnam.

The forepart of this book introduces ornamental plants in general

and the most important part (of this book) is stood list statistically in alphabetic order (for Vietnamese language) the groups of ornamental plants in Vietnam.

In the first steps, the ornamental plants and flowers in Vietnam can be divided into following groups:

- I. Group of climbing plants, fencing plants.
- II. Group of ornamental trunk plants:
  - II. A - Group of columnar trees
  - II. B - Group of hollow trunk trees
  - II. C - Group of succulent trunk trees
- III. Group of ornamental leaf plants.
  - III. A - Green leaves plants of ferns (Pteridophytes)
  - III. B - Green leaves plants of Cycads and conifers (Gymnosperms)
  - III. C - Green or colours leaves of flowering plants (Angiosperms)
- IV. Group of ornamental flower plants.
  - IV. A - Flower plants of grass
  - IV. B - Flower plants of shrubby and shadowy trees
- V. Group of ornamental fruit trees
- VI. Group of ornamental aquatic plants.

Each group will be presented with Vietnamese names of different species in alphabetic order. Each formal Vietnamese name of plant will be followed by some regional popular names, then by scientific name and similar names which can be easily found in other scientific books, its botanical family name will be also mentioned. Equivalent species names in English or French will be also referred to in order to facilitate the consultation in foreign documents:

In every species, plants will be shortly ~~described~~ about their shapes successively: roots, trunk, leaves, flowers, fruits in ~~order~~ to identify easily in the nature. Then, the book will mention the

flowering and fructifying seasons, planting methods, the process of taking care, and a little bit of the art of displaying the ornamental plants for delight. Every species can have many uses in ornamentation, hence beside of the description of the main uses, other secondary uses in ornamentation are also listed, so the gardeners are exploiting every aspect of these species. If each category of plants possesses several different varieties and forms, the book only presents briefly their main characteristics in order to distinguish them clearly from the fundamental species. Due to the cross-breeding through several generations with various unclear origins, the change of their forms becomes more complicated. The gardeners give them many different names for their commercial purposes, less scientific value, hence the book only introduces various classified units of the varieties relatively settled and popularized in planting.

Besides the ornamental species which are universally planted in Vietnam, this book also presents a few species actually growing wild but being able to be used in ornamentation (beautiful trunk, leaves, flowers or fruits) in order to form documents for the consultation of businessmen who like to exploit new species of ornamental plants.

# I. NHÓM CÂY LEO, CÂY HÀNG RÀO

## I.1. CÂY ÁC - Ó

**Bear's breach; Acanthe à feuille entière**

***Acanthus integrifolius* T. Anders**

**Họ Ô - rô (Acanthaceae)**

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều thành bụi dày. Cành non dài, mềm mọc vươn lên cao, màu xanh bóng. Cây xanh quanh năm. Cụm hoa ngắn, mọc ra ở nách lá gồm ít hoa lớn, mọc sát nhau. Hoa màu trắng rất dễ rụng và mau tàn. Quả rất hiếm. Mùa hoa rất ngắn vào đầu mùa mưa (tháng 4 - 5) (Hình 1).



*H.1. Ác ó Acanthus integrifolius T.And.*

Cây được gây trồng rất phổ biến làm hàng rào, ngăn tường, ở các thành phố. Do cành nhánh mọc nhanh vươn dài, dễ uốn nên có thể làm cây uốn cong, hay làm cây viền các lối đi, các bồn hoa trong công viên. Cây rất dễ trồng bằng các đoạn cành. Cắt các đoạn cành bánh tẻ dài khoảng 20 cm, cắm nơi đất ẩm ngay nơi định làm hàng rào hay lối đi. Cây chóng cho rễ và nảy chồi dài. Ngoài giá trị làm cảnh, cây còn làm thuốc.

## I.2. CÂY ANG - TI - GÔN (Tigôn, Hiếu nữ, Hoa nho)

**Mountain rose; Love's chain; Corallite; Liane Antigone, Rose de Montana**

***Antigonon leptopus* Hook. et Arn.**

**Họ rau răm (Polygonaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Mêhicô) được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước và nhập trồng làm cảnh ở nước ta khá lâu.



Cây leo, thân gỗ, có củ mọc sâu trong đất. Thân mềm phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, dáng rất đẹp. Lá đơn mọc cách, đầu lá kéo dài hình mũi, gốc lá hình tim sâu, mặt lá răn teo, mềm, màu xanh nhạt. Lá xanh quanh năm, nhưng lá già khô héo không rụng, làm cho lá non mới mọc xếp đè lên lá khô, giàn cây bị nặng và dày, che bóng nhiều. Do đó vào cuối mùa khô hay đầu mùa xuân (ở các tỉnh miền Bắc) cần cắt tỉa các cành già thu gom lá khô để giàn cây được thoáng, cành non mọc ra nhiều. Đỉnh cành non dài, mọc vươn cao do có nhiều tua cuốn mảnh, đôi khi buông xuống. Cụm hoa ở đỉnh cành, sát với các lá ngọn. Hoa nhỏ bé xếp sát nhau thành một chùm dài, màu hồng nhạt, tươi, bóng, hoa ít khi nở xòe rộng, vì khi các cánh hoa mở hết là hoa bắt đầu rụng. Cụm hoa lại cho hoa nở dần từ gốc lên đỉnh, nên mùa hoa kéo dài (gần như quanh năm) và chùm hoa luôn có nụ (hoa đẹp khi còn nụ). Nụ hoa hình tim có 3 cạnh. Quả có 3 cạnh tròn, bọc trong bao hoa còn lại (Ảnh 1).

Cây rất dễ trồng bằng cách tách các nhánh mầm từ gốc cây mẹ hay bằng hạt. Cây mọc chậm lúc đầu, sau phân nhánh nhiều và vươn dài. Cây con sau 3 - 4 tháng ở vườn ươm có thể bứng bầu đem trồng nơi cố định. Ở Huế, cây trở thành hoang dại ở các bờ rào và hoa nở liên tục trong năm.

Hiện nay, ở các tỉnh miền Nam còn gây trồng 1 chủng là :

I.2.a- Cây Angtigòn trắng (*Antogonon leptopus* Hook. et Arn. var. *albiflora* Hort.) Hoa màu trắng, bóng, đẹp.

### I.3 - CÂY ÁNH HỒNG (Lá tỏi)

**Garlic vine**

***Pachyptera hymenaea* (DC.) Gentry**

**(*Bignonia floribunda* Hort.)**

**Họ Núc nác (Bignoniaceae)**

Cây leo, thân gỗ lớn, mọc chậm, nhất là vào mùa khô. Cây phân cành nhánh nhiều, cành non mềm, vươn dài, sống dựa hay leo bằng các tua cuốn mảnh ở đỉnh lá kép. Lá có 2 đôi lá phụ, mọc đối, dày, nhẵn, xanh bóng, khi nát có mùi hôi như tỏi. Cụm hoa lớn, mang nhiều hoa lớn hình ống dài trên chia 2 môi nhỏ xếp sát vào nhau,

thường có 3 chiếc ở mỗi nhánh. Hoa màu tím hồng đậm, nhạt khác nhau trong cụm hoa nên rất hấp dẫn, mềm, bóng, nhưng dễ rụng, nát. Ít khi gặp quả. Mùa hoa ngắn, hoa nở rộ vào đầu mùa khô (tháng 10 - 12) hay giữa mùa mưa, ở các cành già, hoa nở dày đặc che kín cả lá, rất lộng lẫy (Ảnh 2). Đôi khi lá rụng hết vào mùa khô.

Cây được gây trồng rất phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta vừa làm cây hàng rào, trên các giàn leo, vừa làm cây uốn cổng biệt thự.

Cây dễ trồng, dễ uốn, rất thích hợp nơi đất thoáng rộng ở công viên, bờ tường hay giàn leo trong vườn gia đình, mọc khỏe, nảy chồi nhanh, thường nhân giống bằng các đoạn cành bánh tẻ hay các chồi rễ. Cành giâm dài khoảng 15 - 20 cm, có mắt ngủ, đem cắm nơi đất ẩm, tơi xốp. Cây trồng cần đất tốt, thoát nước; nơi đất khô xấu cây cần cỗi, rụng lá và mọc chậm.

#### I.4 - CÂY BẠC THAU (Thảo bạc tím)

Small wood - rose, Elephant climber, *Argyrée remarquable*

*Argyreia nervosa* (Burm.f.) Boi (*Argyreia speciosa* Sweet.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Indonesia...) nhưng được gây trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta.

Cây leo lớn, gốc thân hóa gỗ, sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, cuốn bằng thân. Thân cành đều có lông mềm, màu trắng bạc, lá lớn, dài đến 20 cm, thuôn nhọn ở đỉnh và chia thùy dạng tim ở gốc, dày, mềm màu xanh bóng, nhẵn ở mặt trên, có lông màu bạc trắng ở mặt dưới. Cụm hoa hình xim ngắn mang nhiều hoa dày đặc, nhưng thường chỉ nở 1 - 3 chiếc. Hoa lớn màu tím hồng hợp thành phễu lớn, loe rộng ở đỉnh, mép răn reo, tròn đều. Quả có cánh dài còn lại và dày, rất ít khi gặp. Cây có hoa nở rộ và đẹp gần như quanh năm, nhưng tập trung nhiều vào mùa mưa (Ảnh 3).

Cây mọc khỏe, lớn nhanh, lá rộng, cành mềm dài chóng che kín giàn leo, rất thích hợp cho các giàn lớn nơi công viên hay giàn che mát nơi đất trống, quán bán hàng nhỏ. Cây rất dễ trồng bằng các

doan cành (đôi khi bằng hạt). Chọn các cành khỏe, dày, bánh tẻ, vùi xuống nơi đất ẩm, thoát nước, cành dễ cho chồi mới và rễ. Chỉ sau 1 năm, cành đã leo kín giàn.

#### I.5 - CÂY BÌM BÌM (Bìm đẹp, Bìm hi lạp)

*Liseron, Morning glory tree*

*Ipomoea cairica* (L.) Sw (*Convolvulus cairica* L.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ nhiều nước ở châu Á nhiệt đới, và được sử dụng làm cảnh từ rất lâu đời. Cây mọc hoang dại rất phổ biến khắp nước ta và được gây trồng làm cây hàng rào, vì dễ trồng và cho hoa khá đẹp.

Cây leo dài bằng thân cuốn mềm, phần gốc hơi hóa gỗ. Cành nhánh nhiều, dài, mảnh, nhẵn. Lá mọc cách có 5 lá phụ xếp chân vịt, mỏng màu xanh bóng, mềm nhẵn, cuống lá có 2 lá kèm giả do chồi nách sinh ra, hình dạng như lá. Cụm hoa ở nách lá, mang ít hoa. Hoa to, mềm, màu tím nhạt, chóng tàn. Cánh tràng hợp thành hình phễu loe rộng ở đỉnh, mép phễu nguyên, nhưng có vạch dọc phân chia rõ 5 thùy. Quả nang, khô hình cầu, gốc có đài còn lại (Ảnh 4).

Cây tuy ít hấp dẫn nhưng lá luôn xanh tươi, hoa nở đều gần như quanh năm, màu sắc khá đẹp, nên được ưa chuộng trồng làm cây hàng rào nhất là vùng nông thôn.

Cây mọc khỏe, rất dễ trồng bằng hạt. Lấy hạt già, gieo ngay nơi chân hàng rào hay nơi cố định, nếu đầy đủ độ ẩm chỉ sau ít ngày đã có cây nhỏ.

#### I.6 - CÂY BÌM BÌM BIẾC (Hắc sứ, Kiên ngư)

*Volubilis, Morning glory, Ipomée à feuilles de lierre*

*Ipomoea nil* (L.) Roth. (*I. hederacea* Jacq.)

*Pharbitis hederacea* Choisy; *Pharbitis nil* Choisy)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới và Australia, nhưng hiện nay mọc và gây rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới, từ Nhật Bản đến xích đạo. Ở Việt Nam cây mọc hoang từ Bắc vào Nam

và được gây trồng vừa làm cảnh vừa làm thuốc.

Cây leo bằng thân cuốn, phân nhánh nhiều, dài và mảnh. Cành non phủ đầy lông. Lá mọc cách, gốc lá dạng tim, trên chia 3 thùy nhọn, mặt trên màu xanh bóng, nhẵn, mặt dưới nhạt hơn và có lông, cuống lá mảnh, nhẵn. Cụm hoa ngắn, dạng xim, thường nở 1 - 3 hoa, mọc ra từ kẽ lá. Hoa lớn, màu hồng tím hay lam nhạt. Cánh tràng hợp thành ống dài, loe rộng hình phễu ở đỉnh. Quả nang hình cầu nhẵn, bao bọc trong các cánh dài còn lại. Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 4 - 6) và quả chín tháng 7 - 10 (Ảnh 5).

Cây leo khỏe, mọc dài, rất dễ trồng bằng hạt. Thu hoạch quả già, đập sạch phơi khô. Hạt còn là vị thuốc. Cây không yêu cầu đất nghiêm khắc. Có thể gieo hạt ở chân giậu, sau ít ngày hạt nảy mầm và mọc rất nhanh.

Có một vài chủng cho hoa đẹp là :

1 - 6 - a - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *limbata* Hort. (*I. limbata* Hort) có cánh tràng màu tím đỏ, gốc trắng.

1 - 6 - b - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *marmorata coelestina* Hort. Cây có hoa lớn, mép và vạch màu xanh lam tươi.

1 - 6 - c - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *marmorata rosea* Hort. Cây có hoa ở mép màu hồng.

1 - 6 - d - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *foliis marmoratis* Hort. Cây có mép lá vàng, cánh tràng hoa màu hồng.

1 - 6 - e - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *grandiflora* Hort. Cây có hoa màu xanh, lớn.

## I.7 - CÂY BÌM BÌM ĐỎ

**Star Ipomoea, Ipomée à fleur rouge, Ipomée écarlate**

***Ipomoea coccinea* L. (*Quamoclit coccinea* Moench.)**

**Họ bìm bìm (Convolvulaceae)**

Cây leo mập, thân hóa gỗ ở gốc, sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, leo cao, nhẵn. Lá nguyên mọc cách, thuôn dài ở đỉnh, xẻ thùy hình tim ở gốc, đôi khi phiến lá chia thùy nông và có 5 gân gốc. Cuống lá mảnh, yếu. Cụm hoa thưa, có cuống chung dài, mảnh, mang ít hoa. Hoa nhỏ dài, màu đỏ đẹp, mềm, bóng. Cánh tràng hợp thành ống hẹp dài, đỉnh loe rộng, có 5 thùy đều nhau. Quả nang, hình cầu



có cánh dài còn lại (Hình 2).

Cây có dáng đẹp, trồng làm cảnh nơi hàng rào thấp hay nơi lùm bụi rất thích hợp. Hoa nở đều gần như quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt. Chọn quả già gieo ngay nơi định trồng ở hàng rào, tưới nước ẩm đều đặn, hạt chóng nảy mầm và cây mọc khỏe cho thân dài, sau một năm đã có hoa.

Có vài chủng cho hoa đẹp là :

I.7.a - *Ipomoea coccinea* L. var. *hederifolia* Gray. Cây có lá xẻ 3 - 5 thùy, hoa lớn.



H.2. Bìm bìm đỏ. *Ipomoea coccinea* L. var. *hederifolia* Gray

I.7.b - *Ipomoea coccinea* L. var. *lutea* Hort. Cây có hoa màu vàng.

## I.8 - CÂY BÌM BÌM LAM (Mao kiến ngư)

*Ipomoea purpurea* (L.) Kunth.

(*Pharbitis hispida* Choisy, *Convolvulus majus* Hort.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây leo nhờ thân cuốn. Lá nguyên không xẻ thùy, mọc cách có cuống dài, phiến lá mềm, xanh bóng. Cụm hoa ngắn ở nách lá, thường chỉ nở 1 - 2 hoa. Hoa lớn màu lam tím, bóng nhẵn có 5 tia giữa các cánh hoa, màu đỏ làm cho hoa có màu sắc khá hấp dẫn. Quả ít thấy. Cây có mùa hoa khá dài, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (Hình 3).

Cây dễ trồng bằng hạt. Cây mọc khỏe, vươn dài, chóng có hoa, thường được trồng làm cây cảnh nơi giàn thấp. Cây còn làm thuốc.

I.8.a - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *alba* Hort. Cây có hoa trắng.

I.8.b - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *atro-caerulea* Hort. Cây có hoa  
màu xanh đậm.

I.8.c - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *atro-sanguinea* Hort. Cây có hoa  
màu tím đậm.

I.8.d - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *azurea* Hort. Cây có hoa màu  
xanh da trời

I.8.e - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *carinata* Hort. Cây có hoa màu  
đỏ tươi.

I.8.f. *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *huberi* Hort. Cây có lá mép trắng  
bạc, hoa nhiều màu có viền trắng.

I.8.g - *Ipomoea purpurea* Kunth.  
var. *flore-pleno* Hort. Hoa có 2 vòng  
cánh trắng.

I.9 - CÂY BÌM BÌM NGÓN (Bìm tay,  
Tầm sét)

*Ipomoea mauritiana* Jacq.

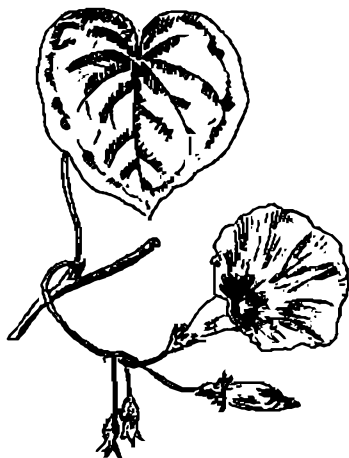
(*Ipomoea paniculata* (L.) R.

Br.; *Ipomoea palmata* Hort.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu  
Phi nhiệt đới.

Cây leo, có củ lớn, mập, thân  
khô, cuốn và phân cành nhánh  
nhiều, nhẵn. Lá lớn, xẻ thùy chân vịt  
sâu thành 5 - 7 ngón, gốc lá hình tim.  
Phiến lá màu xanh bóng nhẵn, mềm.  
Cuống lá khá dài mảnh. Cụm hoa mọc



H.3. Bìm bìm lam -  
*Ipomoea purpurea* Kunth.



H.4. Bìm bìm ngón -  
*Ipomoea digitata* L.

ra từ nách lá, mang nhiều hoa trên cuống chung phân đôi. Hoa lớn, màu hồng, bóng, mềm, khá hấp dẫn. Cánh tràng hợp thành hình phễu, loe rộng ở đỉnh. Quả nang hình cầu, mở bằng 4 mảnh. Hạt có lông màu hung vàng (Hình 4). Cây có hoa nở rộ vào mùa mưa (Tháng 5 - 7) và mùa hoa khá dài.

Cây có dáng đẹp, lá và hoa đều khá hấp dẫn nên được gây trồng rộng rãi từ Bắc vào Nam, để làm cây hàng rào, làm cảnh ở giàn leo. Ngoài ra cây còn cho củ làm thuốc, giải khát.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt. Cây mọc khỏe. Có thể gieo hạt trực tiếp nơi gốc các giàn leo hay bờ tường.

Có một chủng với hoa hấp dẫn hơn là:

I.9.a - *Ipomoea mauritiana* Jacq. var. *insignis*. Hort. (*I. insignis* Ker.). Lá không xẻ ngón, gần như nguyên hay chia thùy, mặt dưới lá màu tím nhạt.

#### I.10 - CÂY BÌM BÌM NHUNG (Thảo bạc mềm)

*Argyreia mollis* (Burm.f.) Choisy (*A. argentea* Miq.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây mọc hoang dại nơi đất trống, vùng đồi khô hay ven rừng thưa, nhưng do có hoa đẹp nên được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào khá phổ biến.

Cây có thân mềm, phân cành nhánh nhiều, leo cao, cành non và mặt dưới lá có lông dày như nhung màu trắng bạc. Lá đơn mọc cách nguyên, thuôn dài cả gốc lẫn đỉnh, màu xanh trắng, mặt trên lá có lông nằm áp sát mặt phiến. Cuống lá mảnh, mềm. Cụm hoa hình xim ngắn, mọc ra từ nách lá, thường chỉ nở có 4 - 5 hoa. Hoa có kích thước



H.5. Bìm bìm nhung -  
*Argyreia mollis* Choisy

trung bình, màu đỏ phủ lông trắng dày ở mặt ngoài. Cánh tràng hợp thành ống, đỉnh loe rộng hình phễu, chia 5 thùy đều (hình 5).

Cây mọc khỏe, leo dài phân nhánh nhiều, nên làm cây hàng rào rất thích hợp. Cây dễ trồng bằng hạt, nảy mầm nhanh nơi đất tối xốp, ẩm. Chỉ sau 10 - 15 ngày gieo đã cho cây con. Cây không đòi hỏi nhiều về đất, nên có thể trồng rộng rãi từ vùng đồng bằng đến đồi núi khô, đất xấu.

#### I.11 - CÂY BÌM BÌM TÍM

*Volubilis*; *Ipomée tricolore*, *Bolle de jour*

*Ipomoea rubro - coerulea* L.

(*Convolvulus minor* Hort., *I. hookeri* G. Don).

#### Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mehico), được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ.

Cây leo nhờ thân, cuốn, gốc thân dày, mập, hóa gỗ, sống lâu năm. Lá nguyên, hay chia 3 thùy thuôn nhọn đầu, mỏng màu xanh, bóng, nhẵn. Cụm hoa ngắn, mọc ra từ nách lá, mang 1 - 3 hoa. Hoa lớn màu tím xanh đậm, hay xanh da trời đậm, nhạt dần chuyển thành màu vàng ở họng. Cánh hoa mảnh dễ nát và héo. Quả nang.

Cây có lá xanh quanh năm, xếp thưa; mùa hoa kéo dài, màu sắc lộng lẫy nên rất được ưa chuộng trồng làm cảnh, thường được trồng nơi hàng rào; bờ tường thấp hay giàn leo. Cây có thể gieo trồng bằng hạt vào đầu mùa mưa, hạt chóng nảy mầm, cây mọc khỏe, nhanh và sớm có hoa.

Trên thế giới, loài này có nhiều chủng và Taxon lai, cho hoa đẹp và dễ gây trồng, nhưng hiện nay ở Việt Nam các chủng đó chưa được gây trồng.

Có thể nhập để trồng các chủng sau :

I.11.a - *Ipomoea rubro - coerulea* L. var. *vittatus* Hort. Cây có hoa màu xanh và trắng.



I.11.b - *Ipomoea rubro - coerulea* L. var. *compactus* Hort. Cây lùn có thể trồng ở chậu làm cảnh.

### I.12 - CÂY BÌM BÌM TÍM ĐẬM

Ipomée de lear, Blue Dawn - Flower

*Ipomoea congesta* R. Br.

(*Ipomoea learii* Paxt., *Pharbitis learii* Lindl.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây cũng có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới hay ở Srilanka. Cây leo mập, khỏe, thân hóa gỗ ở gốc. Lá mọc cách, dạng bầu dục thuôn, chia 3 thùy nhọn. Lá nhẵn ở mặt trên, có lông mềm, dày ở mặt dưới. Cụm hoa ở nách lá, nhiều hoa. Hoa lớn, màu xanh lam đậm hay lam tím đậm, có nổi các gân dạng vạch của các thùy tràng.

Cây cho hoa đẹp, thường gây trồng làm cảnh nơi hàng rào. Cây trồng bằng hạt, mọc nhanh, chóng có hoa và hoa nở đều, gần như quanh năm.

### I.13 - CÂY BÌM BÌM TRẮNG

Ipomée alba

*Ipomoea alba* L.

(*Calomyction speciosum* Choisy; *C. aculeatum* Ochs.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi ở các nước Đông Nam châu Á, ở Việt Nam, cây mọc hoang dại phổ biến vùng đồi núi thấp. Hiện nay cũng được trồng làm cảnh, làm cây hàng rào vì cho hoa đẹp.

### I.14 - CÂY BÌM BÌM TRẮNG KHÓI (Bìm mập)

Liane d'argent

*Ipomoea carnea* Jacq. sub sp. *fistulosa* (Chois.) Austin

(*Ipomoea crassicaulis* (Benth.) Roxb.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây mọc hoang dại dọc bờ nước hay ven đường các tỉnh miền

Nam Việt Nam và được nhân dân các thành phố đem gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào hay che bóng các giàn leo.

Cây mọc thành bụi dày, gốc hóa gỗ, cứng lớn, khỏe, phân cành nhánh dài, vươn cao sống dựa hay cuốn một chút, rất đẹp. Cành có nhựa mủ trắng và có lông, phần đỉnh kéo dài mềm. Lá non màu xanh bóng, mềm, có lông mịn, lúc già khô cứng, màu xanh đậm pha vàng, nhưng rất lâu rụng. Lá lớn, gân nổi rõ, gốc lá hình tim tròn, đầu lá thuôn dài thành mũi nhọn. Cuống lá mập, cứng. Cụm hoa ở nách lá, hoa nở dần, mỗi lần chỉ 1 - 2 hoa, sau đó lại nở tiếp các hoa khác trên cùng cụm hoa. Hoa lớn, màu trắng hơi xám nhạt như màu khói nhang, dạng phễu dài, đỉnh loe rộng chia 5 thùy nông tròn đều. Quả nang lớn đến 2 cm, hạt đen. Cây có mùa hoa kéo dài, gần như quanh năm, nhưng nở rộ vào mùa mưa (Ảnh 6)

Cây mọc khỏe, làm thành lùm bụi dày, lại vươn cành cao nên được ưa chuộng gây trồng làm cây hàng rào, uốn cổng hay che bóng cho giàn cứng. Cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt hay giâm cành. Hạt chóng nảy mầm, mọc nhanh.

#### I.15 - CÂY BỘI TINH

*Sphenodesma thorelii* Dop.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây mọc trong rừng thưa, vùng đồi núi cao miền Bắc và miền Trung nước ta, đôi khi được gây trồng làm cây hàng rào.

Cây gỗ nhỏ, mọc bụi, cành dài sống dựa hay leo, lúc non phủ đầy lông màu vàng hoe. Lá đơn mọc đối, dạng thuôn, gốc tròn, đầu kéo dài. Cụm hoa dạng chùm dày đặc, có lông. Lá bắc lớn giống lá, xếp tỏa tròn dạng cánh sao, thường 5 - 6 chiếc, trong gốc có 5 - 7 hoa. Hoa nhỏ bé, cánh hoa hợp thành ống ngắn. Hoa nở chủ yếu vào



H.6. Bội tinh -  
*Sphenodesma thorelii* Dop.

mùa khô (Hình 6).

Cây có dáng đẹp, cụm hoa hấp dẫn. Cây dễ trồng bằng hạt. Ươm ở vườn, sau 3 - 4 tháng, bứng cây con đem trồng nơi hàng rào hay gốc giàn leo.

Có 1 chủng với dạng lá đặc sắc :

I.15.a - *Sphenodesma thorelii* Dop. var. *cordifolia* Dop. - Cây cho lá với gốc chia thùy hình tim nhỏ.

I.16 - CÂY BỘI TINH XANH (Bội tinh ngũ hùng)

*Sphenodesma pentandra* Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây gỗ leo, cành dài có 4 cạnh tròn, lúc non có lông sau nhẵn. Lá đơn dạng trái xoan, tròn ở gốc, thuôn dài ở đỉnh. Cụm hoa lớn, mang hoa dày đặc. Lá bắc xếp hoa thị 6 chiếc trong mang hoa nhỏ, màu xanh, thơm. Quả hạch cứng có đài còn lại bao bọc.

Cây có dáng đẹp, hoa hấp dẫn, mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi từ Bắc vào Nam, nên có thể khai thác làm cây hàng rào được.

I.17 - CÂY BÔNG XANH (Pê - tra)

Blue bird vine; Purple wreath; Queen's wreath; Sandpaper vine; *Petrea volubile*

*Petrea volubilis* Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới (Cuba và Brazil) và được gây trồng rất phổ biến ở nước ta từ Bắc vào Nam làm cây cảnh và cây hàng rào.

Cây leo hay sống dựa, phần cành nhánh nhiều có thể leo cao đến 6 - 7 m. Cành nhánh, dài mềm và cong xuống. Lá nguyên mọc đối có dạng thuôn bầu dục, tròn hay gần hình tim ở gốc, hơi có mũi nhọn ở đỉnh, màu xanh đậm, nhám, dai, bóng và có cuống rất ngắn.

Hoa nhỏ nhưng xếp dày đặc làm thành chùm, dài đến 30 cm, đẹp uốn cong xuống. Hoa màu xanh tím, cánh dài hợp thành ống màu trắng có lông, trên chia 5 thùy. Cánh tràng hợp thành ống hình trụ

ngắn trên chia 5 thùy. Quả cứng có 1 - 2 hạt và ngoài có cánh dài còn lại (Ảnh 7).

Cây dễ trồng, cho hoa nở gần như quanh năm, vì chùm dài, hoa nở dần nên chùm hoa lâu tàn. Cây có thể trồng bằng hạt hay giâm cành.

Hiện nay, các nhà làm vườn hay nghệ nhân ở các tỉnh miền Nam nước ta còn trồng một chủng cho hoa trắng là :

I.17a - Cây bông xanh hoa trắng

*Petra volutblis* Jacq. var. *alba* Hort.

I.18 - CÂY BỤP (Bông búp; Râm bụt; Bông cấn)

**Rose of china, Chinese Hibiscus; Ketmie Rose de chine; Shoe flower**

***Hibiscus rosa - sinensis* Linn. (*H. sinensis* Hort.)**

**Họ Bông (Malvaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Á (có lẽ từ Trung Quốc). Cây bụi lớn, cao 4 - 5 m. Cành nhánh rất dày đặc, mọc sát gốc. Lá hình bầu dục, nhọn đầu, tròn ở gốc, màu xanh bóng, mềm, nhẵn, mép có răng to.

Hoa lớn, mọc ở nách lá. Cuống hoa dài thẳng hay cong đưa hoa lộ ra ngoài đám lá. Hoa có 6 - 7 tiểu đài hình sợi nhọn và mảnh. Cánh tràng 5 chiếc màu hồng đỏ, rất lớn xếp xoắn sát đè lên nhau. Nhị nhiều tập hợp trên một trụ dài thẳng hay hơi cong. Bầu có 5 vòi xếp tỏa ở đỉnh trụ nhị. Quả nang tròn, nhiều hạt (Ảnh 8).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe, phân cành nhánh dài nhiều và cho hoa đẹp, nở gần như quanh năm. Có thể để cây mọc vươn cao, uốn cong thành cổng, cắt xén phẳng làm thành bờ tường hay trồng thành bụi dày trong công viên.

Các nhà vườn hiện nay đã lai để tạo ra rất nhiều chủng cho hoa có kích thước lớn, cánh hoa nhiều hay ít, phẳng hay xoắn, màu sắc thay đổi, từ màu vàng nhạt đến màu tím đậm. Sơ bộ có vài chủng sau :

**\* CÁC CHÙNG CÓ CÁNH HOA KÉP :**

**I.18.a - Cây Bụt vạch tím**

Ketmie à fleurs presque violacées

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *subviolaceus* Hort.

Cây cho hoa màu hồng đậm với các vạch màu tím.

**I.18.b - Cây Bụt vằn**

Ketmie à fleurs zébrées

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *zebrinus* Hort.

Cây cho hoa màu vàng trắng có nhiều vằn không đều nhau màu đỏ tía.

**I.18.c - Cây Bụt xòe**

Ketmie écarlate

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *kermesinus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng mở rộng, mép răn reo, màu đỏ tía.

**I.18.d - Cây Bụt xoắn**

Ketmie à fleurs semi - pleines

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *miniatus semiplenus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng cuộn lại, răn reo, màu đỏ son.

**\* CÁC CHÙNG CÓ CÁNH HOA ĐƠN :**

**I.18.e. Cây Bụt đơn bóng**

Ketmie très brillante

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *brillantissimus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng xòe rộng, xoắn lại, màu hồng đậm dần trong phía họng.

**I.18.g - Cây Bụt đơn vàng**

Ketmie de Caller

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *calleri* Hort.

Cây cho hoa màu vàng nhạt, trong họng gốc cánh tràng màu đỏ sẫm.

**I.18.h - Cây Búp đơn lá đốm.**

Ketmie de cooper à feuilles panachées

*Hibiscus rose - sinensis* L. var. *cooperi foliis variegatis* Hort.

Cây cho lá có màu xanh, nhưng có nhiều đốm lớn màu trắng, màu xanh đậm hay có mép màu đỏ.

**I.18.i - Cây Búp đơn đốm đỏ**

Ketmie brillante

*Hibiscus rosa - sinensis* L. var. *fulgidus* Hort.

Cây có hoa lớn, cánh hoa răn reo, gốc họng có đốm đỏ đậm.

**I.19 - CÂY BỤP KÍN (Hoa tai)**

**Malvaisque arborescent,**  
**Turks cap, Mauve des Indes.**

***Malvaiscus arboreus* Cav.**  
**(*Achania malvaiscus***  
**Swartz)**

**Họ bông (Malvaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ hay bụi cao, phân cành nhánh sát gốc, lá gần như nguyên hay chia 3 thùy, đầu nhọn, gốc hình tim, mép có răng, màu xanh nhạt, bóng.

Hoa có cuống dài, có lông. Tiểu đài gồm 8 sợi, dài, màu xanh. Cánh tràng màu hồng đậm, hay đỏ, xoắn vào nhau và buông thông xuống, không bao giờ nở xòe ra. Nhị nhiều, thành cột dài, thò ra ngoài cánh hoa, đỉnh có 10 đầu nhụy xếp tỏa tròn. Quả có 5 cạnh tròn (Ảnh 9).



*H.7. Búp rìa*  
*Hibiscus schizopetalus* Hook.f.

Cây trồng làm cảnh thành bụi hay làm hàng rào, mọc khỏe, cành nhánh dài, xanh quanh năm và mùa hoa kéo dài. Cây rất dễ trồng bằng giâm cành.

#### I.20 - CÂY BỤP RÌA (Râm bụi sê)

**Ketmie à pétales découpés, Japanese lanterns, Coral hibiscus, chandelier.**

*Hibiscus schizopetalus* (Mast.) Hook.f.

**Họ Bông (Malvaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới làm cây cảnh, cây hàng rào. Cây gỗ nhỏ, cành nhiều, mảnh, không lông. Lá hình bầu dục nhọn, nhẵn, mép có răng. Hoa màu hồng tươi, có cánh hoa phân thành những dải nhỏ, xoắn lại, xòe rộng và cong ra ngoài. Cuống hoa rất mảnh, dài và có đốt ở phần giữa, và thường thông xuống với phần dài nhất là cột nhị (Hình 7).

#### I.21 - CÂY BỤP XI - RY

**Rose of Sharon, Blacking plant, Ketmie de syrie, Mauve en arbre, Guimauve en arbre. Shrubby Althea**

*Hibiscus syriacus* L.

**Họ Bông (Malvaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Á. Cây mọc thành bụi, phân cành nhiều thành dày đặc, cao đến 3 m, phần gốc thường không có lá, trơ cành nhánh màu xám trắng, mọc thẳng. Lá đơn, phiến lá xẻ thùy sâu không đều, mép khía răng thô, màu xanh bóng nổi rõ các gân. Hoa có màu sắc thay đổi (tùy theo các chủng). Cánh tràng xếp sát nhau, mềm xoắn lại và



H.8. Cam thảo dây  
*Abrus precatorius* L.

xòe rộng đến 10 cm (Ảnh 10).

Đặc sắc hơn cả thuộc loài này có chủng :

*I.21.a - Cây búp Xi - ry tím*

*Hibiscus syriacus* L. var. *coeleste* Hort.

Cây cho hoa màu tím đậm, cánh đơn, lớn. Cây được gây trồng làm cảnh ở các vườn, nơi công viên vùng khí hậu mát, ẩm.

**I.22 - CÂY CAM THẢO DÂY** (Dây cườm, Dây chi chi, Tương tư đậu)

Arbre a chapelets. Weather - plant, Crab's eye vine

*Abrus precatorius* L.

(*A. pauciflorus* Desv.; *Glycine abrus* L.)

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương, Malaysia...) và được gây trồng khá phổ biến ở nông thôn.

Cây leo dài, gốc lớn hóa gỗ, mập, cành gãy mảnh, dài, vỏ thân có nhiều xơ. Lá kép lông chim nhỏ, dễ rụng, cuống chung ngắn.

Cụm hoa dạng chùm ở nách lá, mang nhiều hoa màu vàng hay hồng. Cánh tràng có cánh cờ lớn lật lên trên. Quả thuần dài 5 cm, hơi có lông, xoắn lại, có 3 - 5 hạt cứng màu đỏ bóng. (Hình 8).

Cây mọc rất phổ biến ở nước ta, hoang dại hay gây trồng, vừa làm hàng rào, vừa lấy vỏ thân và rễ làm thuốc. Cây mọc rất dễ bằng hạt hay giâm các đoạn cành. Vào mùa mưa, cắt các đoạn cành bánh tẻ, giâm nơi ẩm mát, hay gieo hạt trực tiếp nơi bờ rào, ven bờ nước, hạt nảy mầm nhanh.

**I.23 - CÂY CÁT ĐÀNG** (cây Dây bông xanh)

Black eyed Susan; Thunbergie à grandes fleurs

*Thunbergia grandiflora* Roxb.

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ (Bengal) và các nước châu Á nhiệt đới khác. Hiện nay cây được gây trồng rất rộng rãi ở nước ta để làm cảnh trên các giàn leo, cây mập, to, cành nhánh dài mềm, cuốn vào giá thể, hay xoắn vào nhau. Lá đơn, mọc đối có cuống dài, phiến lá



hình bán rộng, gốc hình tim, mép chia thùy nông, đầu lá nhọn, màu xanh đậm. Cành non thường buông thõng và mang hoa cũng thông dài ở nách lá, thường nở hai hoa một lần. Hoa có cánh tràng hợp thành ống ngắn loe rộng ở đỉnh, màu xanh pha tím, gốc và họng màu vàng, đỉnh hình phễu chia 5 thùy không đều. Quả nang nhẵn có mỏ, hạt nhám (Ảnh 11).

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân, cắt các đoạn bánh tẻ dài khoảng 15 cm có khoảng 1 - 2 mắt, giâm nơi ẩm mát, cây không kén đất, chỉ cần thoáng, không bị úng nước. Giâm cành vào mùa xuân và mùa thu (ở miền Bắc) đầu mùa mưa (ở miền Nam). Sau nửa tháng, cây sẽ nảy mầm, sau 3 - 4 tháng ở vườn ươm, có thể bứng bầu đem trồng nơi cố định. Cây mọc khỏe sau một năm đã có thể cho bóng mát nơi giàn leo và sau 2 năm đã có hoa. Cây sống lâu, xanh tươi quanh năm và cho hoa nở bền.

#### I.24 - CÂY CÁT ĐÀNG CÁNH (Dây bông cánh)

**Black eyed Susan vine; Thunbergia**

***Thunbergia alata* Boj. ex Sims.**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, và được nhập vào nước ta từ khá lâu để gây trồng làm cây cảnh. Cây ưa khí hậu mát nên được gây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc hay vùng núi Nam Trung bộ.

Cây leo, mềm, thân cuốn. Lá đơn, mọc đối, cuống lá có cánh rộng. Phiến lá nguyên thuôn dài có mũi ở đỉnh, gốc hình tim sâu, màu xanh đậm pha vàng. Hoa mọc đơn độc hay đôi một ở nách lá, màu vàng, ở giữa họng màu nâu tím đậm. Màu sắc của cánh hoa có thể thay đổi tùy các chủng khác



H.9. Cát đằng cánh - *Thunbergia alata* Boj.

nhau. Quả nang có lông. Hạt hình cầu (Hình 9).

Có thể kể một vài chủng thông dụng :

*I.24.a - Cây Cát đằng cánh trắng*

*Thunbergia alata* Boj. var. *alba* Paxt.

Hoa có cánh tràng màu trắng và họng màu tím đen.

*I.24.b - Cây Cát đằng cánh vàng*

*Thunbergia alata* Boj, var. *aurantiaca* Kuntze.

Hoa có cánh tràng màu vàng cam với các vệt đen.

*I.24.c - Cây Cát đằng cánh vằn*

*Thunbergia alata* Boj. var. *fryeri* Hort.

Hoa có cánh tràng màu vàng nhạt có các vằn màu trắng.

*I.24.d - Cây Cát đằng cánh lá trắng*

*Thunbergia alata* Boj. var. *variegata* Hort.

Mép lá có viền màu trắng. Cây cho hoa màu vàng với họng màu tím đậm.

## **I.25 - CÂY CÁT ĐẰNG THƠM (Dây bông thơm)**

***Thunbergia odorant***

***Thunbergia fragrans* Roxb.**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các đảo Angti (châu Mỹ) và được trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây leo dài do thân cuốn. Lá nguyên, mọc đối, hình bầu dục có gốc thuôn nhọn hay hình tim. Hoa mọc đơn độc ở nách lá. Cánh tràng hợp hình ống màu trắng hay màu trắng kem, họng màu tím bóng. Quả nang, nhẵn, có mỏ, hạt tròn.

Cây được gây trồng làm cây leo ở giàn, khá phổ biến ở các tỉnh vùng đồng bằng và trung du nước ta, vì vừa cho hoa đẹp lại có hương thơm.

Có thể chọn để gây trồng hai chủng khác cũng có hoa đẹp.

*I.25.a - Cây Cát đằng thơm lông*

*Thunbergia fragrans* Roxb. var. *vestita* Nees in Wall.

Cây có thân, lá và quả có lông. Hoa không thơm.

I.25.b - Cây Cát đằng thơm nhẵn

*Thunbergia fragrans* Roxb. var. *heterophylla* Clarke.

Cây có thân, lá, quả nhẵn. Hoa trắng không thơm.

## I.26 - CÂY CÁT ĐẰNG THON

Laurel clockvine

*Thunbergia laurifolia* Ldl.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ). Ở Việt Nam cây mọc hoang nơi bờ bãi, chân núi đá. Cây leo dài, lá dạng bầu dục thon, đôi khi góc hình tim, mép răng cưa thưa. Cụm hoa chùm buông dài xuống. Hoa lớn, màu lam tím, họng màu vàng.

## I.27 - CÂY CẨM CÙ

Wax - flower, Hoya charnu

*Hoya carnosa* R.Br. (*Asclepias carnosa* L.)

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc ở Australia, hoặc Ấn Độ (vùng nhiệt đới và á nhiệt đới). Cây sống phụ, leo, thân cuốn dài, phân nhiều cành nhánh và phủ lông tơ thưa. Lá mọc đối, màu xanh đậm và bóng ở mặt trên, hơi xám ở mặt dưới, dày, nạc, tròn ở gốc, tù hay mũi nhọn ở đỉnh, cuống dỏ đậm và đôi khi có tuyến. Cụm hoa hình tán, nhiều hoa dày đặc. Hoa lớn, hình dao, thơm, màu trắng phớt hồng hay tía, cứng, có cuống dài. Tràng phụ hình trái xoan hơi lõm ở mặt trên, phồng ở mặt dưới, có mép cuộn xuống và đầu trong dựng đứng thành mũi nhọn dài (Hình 10). Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 5 - 7).



H.10. Cẩm cù  
*Hoya carnosa* R.Br.

Cây đã được tuyển chọn làm cây cảnh, cây trang trí ở nhiều nước trên thế giới vì có dạng đặc sắc và hoa nở đẹp, thơm. Cây được gây trồng bằng các đoạn thân có rễ phụ và cách gây trồng như các loài phong lan sống phụ (cho bám trực tiếp trên khúc gỗ hay đem trồng ở chậu với mùn, than, gạch vụn). Cây mọc khỏe, vươn dài, phân cành nhánh nhiều, nhưng lá xếp thưa nên tác dụng che bóng ít, chỉ làm cây trang trí, và phụ ở các giàn leo.

Ngoài cây nhập nội nói trên, có thể khai thác một vài loài Cẩm cù mọc hoang dại trong rừng nước ta để làm cảnh cho các giàn leo trồng Phong lan được.

#### I.28 - CÂY CẨM CÙ NHIỀU HOA (Hồ hoa nhiều hoa)

*Hoya multiflore*

*Hoya multiflora* Blume

(*Cyrtoceras multiflorum* Heyn. (*C. lindleyanum* Hort.)

Hoa mọc thành tán thưa, chuông thông xuống, màu trắng hơi vàng.

#### I.29. CÂY CẨM CÙ TIM (Hồ hoa xẻ)

*Hoya à femilles cordeés.*

*Hoya obovata* Dece. in. DC.

var. *kerrii* (Graïb.) Cost.

Cây có lá dày mập, lớn, đỉnh rộng và lõm hình tim. Hoa màu trắng hay hồng nhạt.

#### I.30. CÂY CHÌA VÔI (Bạch liễm)

*Cissus*

*Cissus modeccoides* Planch.

(*Cissus vitifinea* Lour. (non L.); *C. triloba* Merr.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây nhỏ, leo cao 2 - 4 m, thân nhẵn. Cành gần hình trụ màu xanh mốc đôi khi hơi đỏ hay xanh nước biển, tua cuốn đơn, dạng sợi.



H.11. Chia voi - *Cissus modeccoides* Planch.

Lá đơn, hình tim ở gốc, chia trên 5 - 7 thùy chân vịt, hay đơn nguyên hình mũi mác, mép lá khía răng rất nhỏ, như các sợi lông hướng lên ngọn.

Cụm hoa mọc ra đối diện với lá, dạng ngù, ngắn hơn lá, có cuống ngắn. Hoa màu vàng nhạt. (Hình 11).

Cây mọc hoang, phổ biến ở vùng đồng bằng và đồi núi nước ta, đôi khi được nhân dân gây trồng làm cây hàng rào, vì mọc khỏe, dễ trồng, xanh quanh năm. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.

### I.31. CÂY CHÙM ỚT (Rạng đông; Hoa xác pháo)

Liane aurore; Orange trumpet; Flame vine; Golden shower; Venus's flower, *Bignonia gracieux*.

*Pyrostegia ignea* (Vahl.) Presl. (*P. venusta* Baill. *Biognonia venusta* Ker. *Tecoma venusta* Ch. Lem.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng chủ yếu ở miền Bắc và các tỉnh miền núi Nam Trung bộ, làm cây cảnh, cây giàn leo.

Cây leo nhờ, thân mềm, cành hơi gãy khúc, vươn dài, lúc non hơi có lông. Lá mọc đối, ở gốc thường kép có 3 lá phụ, còn ở đỉnh thường chỉ có 2 lá phụ và tua cuốn ở giữa.

Lá mọc dày đặc, vừa rụng lá cũ vừa thay lá mới nên cây xanh quanh năm, phiến lá mỏng, nhẵn, bóng, màu xanh đậm.

Hoa hợp thành chùy lớn, mang nhiều hoa. Cuống chung mềm làm cả chùy hoa rũ xuống. Hoa lớn, dài, màu vàng cam rất đẹp. Cánh tràng hợp lại thành ống dài, hẹp, hơi cong và loe ở đỉnh, trên chia thùy, màu nhạt ở thùy và đậm dần dọc theo ống nhất là ở gốc. Hoa nở vào mùa xuân (ở miền Bắc) và gần như quanh năm (ở các tỉnh vùng núi phía Nam). (Ảnh 12)

Cây rất dễ trồng, không kén chọn đất nhiều (tránh đất úng nước). Gây giống bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ dài khoảng 15 - 20 cm và giâm vào mùa xuân, tưới nước đều để cây luôn ẩm ướt, và che bóng lúc cây mới nảy chồi. Sau khi cành giâm có chồi dài trên 10 cm có thể bứng bầu đem trồng nơi giàn leo (khi cây cao 30 - 40 cm). Cây giâm sau 1 năm đã cho hoa. Cây mọc khỏe, leo giàn nhanh và chóng cho bóng mát.

### I.32. CÂY DẠ HƯƠNG (Dạ lý hương)

Night blooming jessamine; Queen of the night; Eight o'clock jasmín, Jasmine de nuit

*Cestrum nocturnum* Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, (Pêru) và được gây trồng rộng rãi ở nước ta, từ Bắc vào Nam. Cây bụi dày, gốc hóa gỗ và cành nhánh vươn dài, sống dựa. Thường cây được cắt xén đều đặn làm cây bờ tường, cây hàng rào. Lá đơn, mọc cách màu xanh nhạt, nhẵn, bóng, gốc thuôn dài có cuống ngắn. Hoa nhiều, tập hợp thành chùy ở đầu cành hay nách lá. Hoa màu vàng lục nhạt hay lục nhạt, thơm ngát về đêm. Cánh tràng hợp thành ống dài, trên loe thành phễu hẹp và chia 5 thùy hình trái xoan nhọn. Quả mọng màu lam hay đen nhạt. Hạt dẹt.

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe đâm ra nhiều chồi và mùa hoa gần như quanh năm (ở miền Bắc hoa nở chủ yếu vào mùa xuân). Cây được nhân dân ta ưa chuộng vì mọc dày, lá thưa, hoa có hương thơm và không đòi hỏi nhiều về đất trồng.

Để làm cảnh với hoa đẹp, có thể nhập trồng các loài khác, như:

### I.33. CÂY DẠ HƯƠNG ĐỎ

*Cestreau élégant*

*Cestrum elegans* Schlecht.

Cây có nguồn gốc ở Mêhicô và dễ trồng bằng giâm cành. Cành giâm sau 3 - 4 tháng có thể bứng trồng nơi hàng rào. Hoa màu đỏ tía đẹp, thơm, nở gần quanh năm có một chủng đẹp là :



H.12. Dạ hương vàng -  
*Cestrum aurantiacum* Ldl

I.33.a. *Cestrum elegans* Schlecht. var. *smithii* Hort. Cây có hoa màu hồng.

### I.34. CÂY DẠ HƯƠNG VÀNG

*Cestrum à fleurs orange*

*Cestrum aurantiacum* Lindl.

Cây có nguồn gốc ở Guatemala, có hoa màu vàng cam tươi, đẹp và thơm (Hình 12)

### I.35. CÂY DÂY CÔNG CHÚA (Móng rồng)

Climbing ylang ylang, Tail grape, ylang ylang de chine, *Artabotrys très odorant*

*Artabotrys odoratissima* R. Br.

(*A. uncinatus* (Lam.) Merr.)

Họ Na (Annonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Đông dương, Indônêxia, Malaysia). Cây gỗ, leo nhờ móc và mấu, phân cành nhánh dài cứng, vỏ màu xám trừ các đoạn cành non, màu xanh bóng. Lá đơn, mọc cách, màu xanh. Lá đơn, mọc cách, màu xanh bóng đậm, nhẵn. Hoa thường đơn độc hay hai chiếc mọc ra từ nách lá. Cuống hoa lúc non thẳng, sau cuộn lại thành móc. Hoa màu lục, với 3 cánh ngoài lớn thắt lại và gắn với nhau ở gốc, đầu cánh thuôn nhọn xòe rộng, 3 cánh trong ngắn hơn và cũng dính nhau ở gốc. (Hình 13)

Cây có hoa chủ yếu nở vào mùa khô (ở miền Nam) và đầu mùa hè (ở miền Bắc). Hoa rất thơm, cành nhánh lại dài, cứng lá xanh quanh năm có thể cắt



H.13. Dây công chúa – *Artabotrys odoratissima* R.Br.

xén làm cây hàng rào hay uốn làm cây leo ở cổng lớn. Cây được gây trồng bằng giâm cành, chiết cành hay bằng hạt. Có thể chiết giâm cành vào mùa xuân (giâm cành khá phức tạp nên phải làm đúng kỹ thuật, chọn cành bánh tẻ, đất tơi xốp và tưới nước ẩm thường xuyên). Sau 1 tháng cành chiết hay giâm bắt đầu có rễ. Còn gieo hạt thì sau 1 năm có thể bứng cây con đem trồng, cần bón phân nơi hố trồng, sau 2 năm gieo hạt đã có hoa (giâm, chiết chỉ sau 1 năm đã có hoa).

### I.36. CÂY DÂY GIUN (Sử quân tử, Dây lằng)

Rangoon creeper; *Quisqualis de l' Inde*

*Quisqualis indica* Linn.

(*Q. pubescens* Burn; *Q. sinensis* Lindl.)

Họ Bàng (Combretaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi từ châu Á đến châu Phi nhiệt đới. Ở nước ta, cây vừa được trồng làm cây hàng rào, làm cảnh cho hoa đẹp và thơm, vừa trồng lấy quả, hạt làm thuốc. Cây còn mọc hoang dại nhiều ở các vùng trung du và miền núi nước ta. Cây gỗ, leo, lớn, phân cành nhiều, cành non dài mảnh. Lá đơn mọc đối, xanh quanh năm và tán khá dày. Hoa trắng, vàng hay hồng, đỏ xen lẫn nhau, mọc thành chùm ở đầu cành, dạng cánh ống dài, trên chia 5 thùy. Quả có 5 cánh nhỏ, khô không mở (Ảnh 13)

Cây rất dễ trồng bằng gieo hạt hay giâm cành. Thường hoa nở rộ vào mùa khô (các tỉnh phía Nam) và vào mùa hè (các tỉnh phía Bắc) sau đó cho quả. Sau khi phơi khô, bóc vỏ, lấy hạt ngâm vào nước ấm trong 6 giờ, rồi gieo vào đất xốp, ẩm. Sau 1 tháng, hạt sẽ nảy mầm và sau 2 năm, cây đã có hoa. Nếu giâm cành, thì chọn cành bánh tẻ, cắt 1 đoạn dài 20 cm, ngâm vào nước lã khoảng 20 phút, sau đó cắm xuống đất nơi vườn ươm hay ngay chân hàng rào. Cây mọc khỏe, nảy mầm tốt, và sau 1 năm đã có hoa.

### I.37. CÂY DÂY KIM ĐỒNG

*Tristellateia australis* A. Richard

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (chủ yếu ở Malaysia và Australia).



Cây leo bằng thân cuốn, cành nhánh dài. Lá dày, nhẵn, màu xanh bóng, có 2 tuyến ở gốc. Cụm hoa dạng chùm ở đầu cành. Hoa có kích thước trung bình màu vàng, có 5 cánh, xếp tỏa rộng, mang nhị ở giữa màu vàng chuyển màu đỏ. Quả có 8 cánh.

Cây được trồng làm cây cảnh, cây hàng rào phổ biến ở các tỉnh phía Nam vì cho hoa đẹp và có hương thơm mát. Cây trồng bằng hạt, mọc khỏe, leo khá cao, cành nhánh vươn dài nhanh.

### I.38. CÂY DÂY MY Ê (Dây sừng dê)

Porcelaine; Cream fruit tree, Climbing oleander

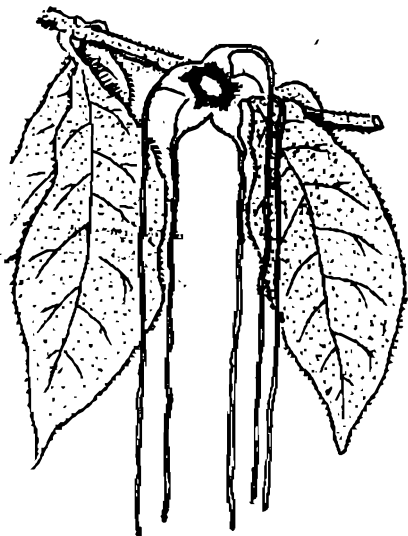
*Strophanthus gratus* (Wall. ex Benth.) Baill.

(*Raupellia grata* Wall. et Hook.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, cho hạt và rễ cây làm thuốc, tuy nhiên vì có hoa đẹp nên được gây trồng làm cảnh.

Cây sống dựa, cành nhánh vươn dài, nhẵn, có nhựa mủ trong. Lá dày, mọc đối, thuôn dài, gốc tù, cuống ngắn. Cụm hoa ở đỉnh cành mang ít hoa. Hoa lớn, màu tím nhạt, bóng. Cánh tràng hợp thành ống loe rộng; chia 5 thùy lớn, gốc có 10 vảy.



H.14. My ê lông -  
*Strophanthus hispidus* DC.

Quả gồm hai đại xếp thẳng ngang, dài, bóng.

Cây có dáng leo đặc sắc lại cho hoa đẹp và mọc khỏe rất được ưa chuộng trồng làm giàn leo hay sống dựa nơi hàng rào. Gây giống chủ yếu bằng các đoạn cành. Giâm cành nơi đất ẩm, mát vào mùa mưa. Cây chóng cho rễ và chồi. Sau 1 năm đã có cành dài, làm giàn sống dựa.

Để trồng làm cảnh đẹp, hiện nay có thể nhập một loài khác cho hoa khá độc đáo :

### I.39. CÂY DÂY MY Ê LÔNG

*Strophante*

*Strophanthus hispidus* DC.

Cây cũng có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới. Cây sống dựa, mập, cành non và lá phủ đầy lông cứng. Lá thuôn dài đều cả hai đầu. Hoa mọc ra ở nách lá, màu vàng có họng màu đỏ, cánh tràng có hai phần phụ kéo rất dài buông xuống. Quả gồm 2 đại xếp thẳng ngang thuôn dài nhọn. Hạt có chùm lông trên cán dài (Hình 14)

### I.40. CÂY DÂY TÂM PHONG (Dây Búp búp)

Balloon vine; Heart pea; Pois de coeur

*Cardiospermum halicacabum* Linn.

Họ Bồ hòn (Sapindaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi, châu Mỹ nhiệt đới, du nhập vào nước ta một cách tự nhiên để ngày nay mọc hoang dại rất phổ biến suốt từ Bắc vào Nam trong các bãi cỏ, đồi hoang, nơi hàng rào, ven đường.

Cây thân cỏ hay gốc hóa gỗ, leo dài và cuốn bằng tua cuốn mảnh. Lá mọc cách có cuống dài, phiến lá nhẵn, kép 2 - 3 lần, thùy có răng tù lớn.



H.15. Dây tâm phong  
*Cardiospermum halicacabum* L.

Hoa nhũ màu trắng xanh nhạt, xếp lại thành chùm với đôi cuống hoa cuối cùng biến thành tua cuốn. Hoa lưỡng tính, nhỏ, màu vàng xanh. Quả có 3 cánh mỏng. Hạt tròn màu đen, phía rốn có áo hạt già

(Hình 15).

Cây có dáng mềm mại, lá xanh nhạt, thưa có thể làm cây leo hàng rào được. Cây mọc chủ yếu bằng hạt, chónh nảy mầm.

#### I.41. CÂY DÂY THIÊN LÝ (Hoa lý; Dạ lý hương)

Tonkin creeper, Chinese violet

*Telosma cordata* (Durm.f.) Merr.

(*Perguaria odoratissima* Sm. *Pergularia monor* Andr.

*Asclepias cordata* Burm. f.)

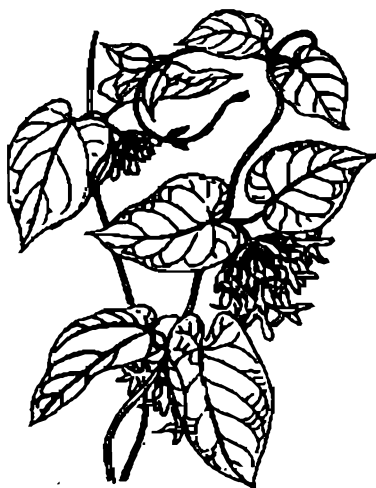
Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á, và ở nước ta cây được gây trồng rất rộng rãi từ nông thôn đến thành thị để vừa làm cây cảnh, rau ăn và làm thuốc.

Cây nhỡ, leo, phân cành nhánh nhiều và khi non có lông. Lá đơn, nguyên, mọc đối, màu xanh lục bóng, gốc lá hình tim. Ở miền Bắc, cây rụng lá vào mùa đông nên làm cây che bóng hợp vệ sinh.

Hoa nhiều, mọc thành xim dạng tán ở nách lá. Hoa màu vàng lục nhạt rất thơm về tối. Hoa nở tập trung vào mùa hè nên nhân dân ta rất ưa trồng để thưởng thức mùi thơm mát dịu vào những ngày nóng bức, lại có thể lấy hoa non làm rau mát, bổ. Quả dài dài (Hình 16).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành. Cành giâm dài khoảng 10 - 15 cm (loại bánh tẻ) cắm sâu 4 - 5 cm nơi đất đã làm kỹ và luôn ẩm ướt. Cẩn che nắng và gió cho cành giâm. Sau nửa tháng, cành giâm đã có rễ và nảy chồi sau khi cành non dài 20 - 30 cm bứng bầu đem trồng nơi giàn leo. Cây mọc khỏe, cành nhiều và dài, nếu bón đủ phân. Cây cho hoa, nở gần quanh năm.



H.16. Dây thiên lý  
*Telosma cordata* Merr.

## I.42. CÂY DÂY TÓC TIÊN (Tóc tiên)

Cypres vine, Faux jalap, Jasmin de l' Inde, Ipomée quamoclit

*Ipomoea quamoclit* L.

(*Quamoclit pinnata* Boj.; *Q. vulgaris* Chois.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới. Hiện nay nhiều nước nhiệt đới khác đã gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào thấp. Dây nhỏ, mảnh, leo bằng thân quấn. Cành nhẵn, mềm xanh bóng. Lá sè dạng lông chim sâu thành các sợi, chỉ rộng khoảng 1 mm, hai thùy gốc sát với cuống thường chẻ đôi, xanh quanh năm.

Cụm hoa ở nách lá. Hoa nhỏ, màu đỏ tươi, bóng. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, dài khoảng 3 cm, xòe ra ở miệng chia 5 thùy đều nhau hình tam giác gần vuông góc với ống tràng. Quả thuôn hình trứng có 4 hạt. (Ảnh 14)

Cây rất dễ trồng bằng hạt. Gieo hạt già trực tiếp nơi chân giàn leo, nếu đầy đủ độ ẩm, chỉ sau 5 - 10 ngày đã có cây con mọc leo lên giàn. Cây có lá đặc sắc và hoa đẹp nở gần quanh năm, đôi khi cho cuống trên các khuôn lồng bằng tre có hình dạng khác nhau làm cây trang trí.

## I.43. CÂY DÂY TRUNG CHÂU

Butterfly pea

*Centrosema pebescens* Benth.

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây mọc hoang dại ở các vùng đồi núi nước ta, nhưng có thể gây trồng làm cây hàng rào được, vì có hoa đẹp. Cây leo bằng thân cuốn, nhẵn. Lá kép lông chim có 3 lá phụ, màu xanh bóng. Cụm hoa ở nách lá. Hoa có kích thước trung bình, màu đỏ sẫm với 1 cánh cờ lớn mở rộng, dạng tròn dài. Quả dài dẹt, nhiều hạt.

Ngoài ra, có thể nhập một loài khác, có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ để làm cây cảnh, hàng rào là : *Centrosema plumieri* cây leo nhỏ, sống hàng năm. Lá kép 3 lá nhỏ. Hoa màu trắng có vạch màu đỏ tía sẫm ở giữa, khá hấp dẫn, làm cây leo thấp rất đẹp.

#### I.44. CÂY DÂY VÁC NHẬT (Ô liềm mẫu)

*Cayratia japonica* (Thunb.) Gagnep.

(*Cissus japonica* Willd.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản Java Australia, cây nhỡ leo, nhẵn hay có lông. Cành hình trụ, nhẵn có khía. Tua cuốn 2 - 3 nhánh. Lá kép có 5 lá phụ xếp chân vịt. Lá phụ giữa lớn nhất, mép có răng cưa. Cụm hoa ở nách lá dạng ngù hay tán. Hoa nhỏ, màu trắng. Quả hình cầu, to bằng ngón tay út có 3 - 4 hạt. Cây mọc khỏe, xanh quanh năm và hoa nở đều trong các tháng. Cây mọc tốt ở vùng núi cao, khí hậu ẩm mát, vừa làm cây hàng rào, vừa làm cây thuốc, nên nhân dân gây trồng nhiều. Cây được trồng bằng hạt, dễ nảy mầm, mọc nhanh, chịu được đất xấu.

#### I.45. CÂY DƯA GANG TÂY (Chùm bao dưa)

Giant Granadilla, Barbadine, Grenadille

*Passiflora quadrangularis* L.

Họ Lạc tiên (Passifloraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Jamaica...) ngày nay rất nhiều nước đã gây trồng làm cây cảnh, cây leo che bóng và lấy quả ăn, làm thuốc. Ở nước ta cây được trồng rộng rãi ở các tỉnh thành suốt từ Bắc vào Nam.

Cây leo lớn, gốc thân hóa gỗ, phân nhiều cành nhánh dài, cạnh vuông và dẹt thành cánh. Lá đơn, mọc cách dạng trái xoan, đầu thuôn, gốc xẻ thùy trái tim, màu xanh bóng, cuống lá dài, có 2 tuyến. Tua cuốn đối diện với lá mập, lớn màu xanh bóng, đơn.

Hoa rất lớn, mọc ra ở kẽ lá, thơm và đẹp. Cánh dài có 5 chiếc, màu xanh ở mặt ngoài, màu đỏ ở mặt trong. Cánh tràng mềm dần deo, màu hồng tím ở mặt trên, màu trắng nhạt ở mặt dưới, với nhiều vạch trắng và tím mảnh. Phía trong cánh tràng có 2 vòng phân phụ. Vòng ngoài gồm các sợi dài màu tím xen với các đoạn màu trắng. Vòng trong cũng gồm các sợi ngắn hơn. Tất cả dần deo và có màu xen nhau. Quả mọng lớn, đường kính 15 cm, dài 20 cm, thuôn, hạt có cơm. (Hình 17).

Cây có lá xanh quanh năm, hoa sặc sỡ và thơm nên rất được ưa chuộng gây trồng. Cây trồng bằng hạt, và muốn có quả phải thụ phấn nhân tạo. Cây mặc dù cho quả mát bổ, nhưng nhân dân ta thường trồng làm giàn che cho các vườn, mái hiên hay cổng lớn.

Hiện nay, các nhà vườn còn trồng chủng có lá đẹp làm cảnh là:

*I.45.a. Cây Dưa gang tây vẫn*

*Passiflora quadrangularis* L.  
var. *variegata* Hort. (*P. variegata* Hort., *P. aucubifolia* Hort.)

Cây cho lá lớn, màu xanh bóng với các vạch và đốm màu vàng rất đẹp.

**I.46. CÂY ĐẬU BIẾC**

**Butterfly pea,**

**Clitoris à Fleur bleue**

***Clitoria ternatea* L.**

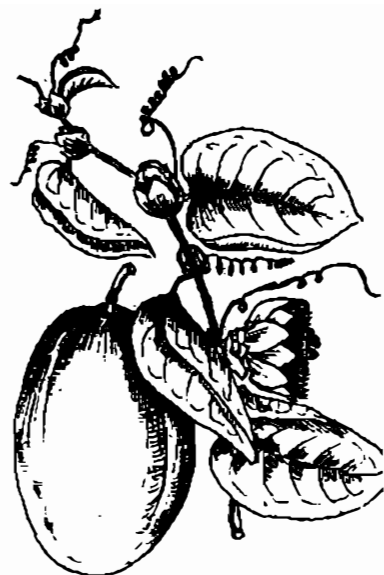
(*Clitoria spectabilis* Salisb.;

*Ternatea vulgaris* H.B. et K.)

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanca...). Cây thảo leo, cuốn nhờ thân, mọc khá cao. Lá kép lông chim lẻ, có 5 - 7 lá nhỏ, màu xanh bóng mềm, có lông rải rác cả hai mặt.

Hoa màu xanh lơ, hồng hoặc trắng (tùy theo các chủng) mọc đơn độc ở nách lá. Hoa lớn đẹp. Cánh



H.17. Dưa gang tây -  
*Passiflora quadrangularis* L.



H.18. Đậu biếc  
*Clitoria ternatea* L.

tràng có lá cờ lớn màu xanh biếc với đốm lớn ở giữa màu vàng cam. Quả màu hung có lông, hình dài, thắt lại ở các đốt. Hạt dẹt có điểm màu lục và màu đen, có rốn rộng và cong. Cây cho hoa đẹp, và lá thưa, nên được gây trồng rộng rãi ở trong vườn trên các giàn thấp hay thẳng đứng nơi bờ tường. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. (Hình 18)

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều màu sắc của hoa trong các giàn leo, như :

*I.46.a. Cây Đậu biếc trắng*

*Clitoria ternatea* L. var. *alba* Hort.

Cây cho hoa màu trắng

*I.46.b. Cây Đậu biếc lam*

*Clitoria ternatea* L. var. *coerulea* Hort. (*C. caerulea* Hort.)

Cây cho hoa màu xanh da trời.

Đặc biệt : *Cây Đậu biếc kép*

*Clitoria ternatea* L. var. *flora pleno* Hort.

Cánh hoa kép xoắn lại, màu lam đậm

**I.47. CÂY ĐẬU KHÉ (Đậu vuông, Đậu rồng, Đậu xương rồng)**

**Goa bean, Princess-bean; Winged - bean; Pois carré**

***Psophocarpus tetragonolobus* DC.**

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Môritani (Tây - Bắc châu Phi) và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới (chủ yếu ở Đông Nam châu Á) để lấy quả ăn và làm cây leo che bóng. Cây sống hàng năm, có rễ phồng lên thành củ. Thân và cành đều có khía, nhẵn. Lá kép có 3 lá nhỏ mọc cách. Cụm hoa ở nách lá, cuống chung dài mang ở đỉnh 3 - 6 hoa. Hoa có kích thước trung bình màu xám xanh hay hơi tím. Quả non màu xanh lá cây đậm, có 4 cánh có răng, rách không đều, thót lại ở 2 đầu. Hạt hơi dẹt màu nâu.

Cây được gây trồng hàng năm vào mùa thu đông (miền Bắc) và đầu mùa mưa (miền Nam) bằng hạt già. Cây mọc khỏe chóng thành giàn và cho quả khá nhiều, nếu bón đầy đủ phân tro.

#### I.48. CÂY ĐẬU KIẾM (Đậu rựa, Đậu tấc)

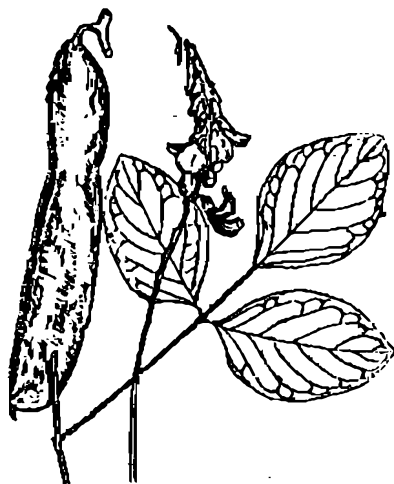
Sword - bean; Horse - bean; Jack bean; Chickasaw Lima;  
Pois sabre

*Canavalia ensiformis* (L.) DC. (*C. microcarpa* (DC.) Merr.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Á và châu Phi. Hiện nay cây được gây trồng rộng rãi làm cây lương thực và cây che bóng ở giàn.

Cây leo, mập, khỏe, mọc rất cao, gốc hóa gỗ. Lá kép 3 lá nhỏ, màu xanh đậm, mặt dưới màu nhạt, mỏng. Cụm hoa mọc ra từ nách lá. Hoa màu trắng hay hơi hồng. Quả hơi cong hình chữ S, dẹt, mép song song, 1 bên có 3 khía lồi. Hạt trắng xám hay đỏ. (Hình 19)



H.19. Đậu kiếm - *Canavalia ensiformis* DC.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt già, và sau 2 năm trồng lại 1 lần. Cây mọc khỏe, lấy quả non và hạt ăn được.

#### I.49. CÂY ĐẬU THƠM

Sweet pea, Pois de senteur, Gesse odorante, Pois musqué

*Lathyrus odoratus* Linn.

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ quần đảo Xi-rin (Ý) và được gây trồng rộng rãi khắp thế giới làm cây cảnh leo đẹp. Ở nước ta cây được gây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc.

Cây leo cao khoảng 1 - 3 m, phân cành nhánh thưa. Lá kép với hai đôi lá phụ. Cuống lá có cánh và đầu cuống giữa các lá phụ kéo dài thành tua cuốn. Gốc cuống lá có hai lá kèm lớn.



Cụm hoa thành chùm mang ít hoa mọc ra ở nách lá. Hoa lớn, có 1 cánh cờ lớn, lật lên, có hương thơm dễ chịu và có màu sắc thay đổi tùy từng chủng từ màu trắng qua màu hồng, đỏ rồi tím. Hoa nở dày đặc, che hết cả lá trên giàn thưa rất hấp dẫn, có thể cắt cụm hoa cắm lọ. Quả đậu dẹt (Hình 20).

Cây trồng bằng gieo hạt. Ở miền Bắc hạt thường gieo vào mùa thu thì cuối đông đầu xuân cho hoa nở. Cây ưa đất tốt chịu được mát, lạnh, không chịu được nóng, hạn hoặc đọng nước. Có thể gieo hạt ngay tại chân giàn leo. Làm rãnh dọc theo giàn, bỏ phân lót, rồi gieo hạt, phủ mùn rác để đủ ẩm. Sau nửa tháng đã có cây con leo lên giàn, cần cắm giá đỡ cây ngay khi cây chỉ cao 10 - 20 cm (nếu không cây sẽ bò lan xuống đất). Chăm sóc cây bằng tưới nước, bón thúc, làm cỏ và có thể bấm đọt cho cây dễ nhiều nhánh. Sau 100 - 120 ngày, cây ra hoa, và tiếp tục kéo dài mùa hoa trong 2 - 3 tháng. Cuối vụ hoa để lại trên giàn các hoa khô cho đậu quả (có thể chọn một số cây khỏe làm giống riêng).

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra rất nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau. Sơ bộ có thể kể :

I.49a. Cây Đậu thơm màu hồng điều

*Lathyrus odoratus* L. var. Anne Vestey Hort.

I.48.b. Cây Đậu thơm màu xanh

*Lathyrus odoratus* L. var. John Ness. Hort.



H.20. Đậu thơm  
*Lathyrus odoratus* L.

I.49.c. Cây Đậu thơm màu xanh đậm

*Lathyrus odoratus* L. var. Leamington Hort.

I.49.d. Cây Đậu thơm màu hồng nhạt họng trắng

*Lathyrus odoratus* L. var. Pink Pride Hort.

I.49.e. Cây Đậu thơm màu trắng xám

*Lathyrus odoratus* L. var. White Ensign Hort.

I.49.g. Cây Đậu thơm-nhiều màu

*Lathyrus odoratus* L. var. Knee-hi Hort.

Ngoài ra các nhà vườn còn lai tạo để cho hoa với cánh tràng lớn, có cấu trúc như hoa Phong lan.

I.50. CÂY ĐĂNG TIÊU (Dây đăng tiêu)

Trumpet-creeper; Trumpet honeysuckle, Trumpet vine; jasmin de Virginie

*Campsis radicans* Seem. (*Tecoma radicans* Juss.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae.)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc châu Mỹ và được nhập nội gây trồng làm cây cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và núi cao Nam Trung bộ nước ta.

Cây nhỡ, leo mạnh, có rễ khí sinh ngắn ở các đốt thân. Góc cây hóa gỗ và phân cành nhánh nhiều. Lá kép lông chim 2 lần, mọc đối.

Hoa nhiều, mọc tập trung thành nụ ở ngọn cành. Hoa màu đỏ da cam, buồng thông xuống, khá bền, hình chuông, trên chia 5 thùy. Quả nang dài, 2 đầu nhọn, cứng. Hạt có cánh. Cây thường rụng hết lá vào mùa đông và đâm chồi mới vào mùa xuân. Hoa nở gần như quanh năm nên



H.21. Đăng tiêu - *Campsis radicans* Seem.

được ưa chuộng gây trồng làm cảnh, cây hàng hiên. (Hình 21).

Cây dễ trồng bằng giâm cành, chiết hay vít cành xuống đất, các đốt cành dễ nảy chồi và cho rễ nhiều. Cành giâm sau 10 ngày có thể bứng đem trồng (cây cao khoảng 20 cm). Cây giâm sau 1 năm đã có hoa, có thể lấy các chồi từ rễ để trồng.

Ở miền Bắc, hiện nay có gây trồng các chủng là :

**I.50.a. Cây Đấng tiêu đơn.**

*Campsis radicans* Seem. var. *atropurpurea* Vose.

**I.50.b. Cây Đấng tiêu kép vàng**

*Campsis radicans* Seem. var. *flava* Rehd.

Cây cho hoa màu vàng cam.

**I.50.c. Cây Đấng tiêu kép đỏ cam.**

*Campsis radicans* Seem. var. *speciosa* Voss.

Cây cho màu đỏ cam

**I.50.d. Cây Đấng tiêu đỏ**

*Campsis radicans* Seem. var. *praecox* Schneid.

Cây có hoa màu đỏ tươi.

**I.50.e. Cây Đấng tiêu vàng**

*Campsis radicans* Seem. var. *aurea* Hort.

Cây có hoa màu vàng.

## **I.51. CÂY HÀM CỌP (Cát đằng cọp)**

**Thunbergia du Mysore**

***Thunbergia mysorensis* T. Anders.**

**(*Hexacentris mysorensis* Wight.)**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng ở các tỉnh miền núi Nam Trung bộ (Lâm Đồng, Tây Nguyên). Cây leo, cuốn bằng cành nhánh, mềm, dài. Lá mọc đối, đơn, gốc tròn rộng, đầu nhọn dài, mép lá răn reo, nhẵn, màu xám bóng. Cụm hoa dài 40 - 60 cm, bông thông xuống, mang hoa lớn xếp dày đặc, sát nhau. Hoa có 2 môi

không đều, màu vàng kim ở họng, màu vàng nâu có vạch đậm ở thùy và ở ống hoa. (Ảnh 15)

Mùa hoa gần quanh năm (tập trung vào mùa mưa), dễ trồng bằng các đoạn cành, mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều từ gốc. Cây ưa khí hậu mát lạnh, đất tốt, ẩm và thoát nước.

Có thể nhập 1 chủng cho hoa vàng tuyền là :

*I.51.a. Thunbergia mysorensis* T. Anders. var. *lutea* Hort.

## I.52. CÂY HẠT BÍ NHỎ (Mộc tiền)

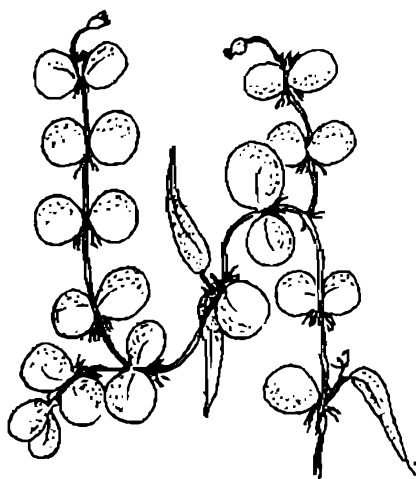
*Dischidia nummulaire*

*Dischidia nummularia* R. Br.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Đông dương, Australia...), mọc hoang dại rất phổ biến ở các vùng ẩm nước ta và thường được thu hái cùng với các loài Phong lan sống phụ để trồng làm cảnh.

Cây nhỏ bé, có dáng bò dài, áp sát với vỏ cây gỗ lớn (sống phụ). Thân mảnh, dài, mềm, cong queo có mủ trắng. Lá mọc đối, mập, dày, tròn, gần như không có cuống, có 2 - 3 cặp gân phụ mịn. Cụm hoa dạng tán nhỏ, gần như không có cuống, mọc ra ở nách hay gần đỉnh cành. Hoa nhỏ màu đỏ, ống ngắn, trên chia thùy hẹp. Quả dài thon có mũi nhọn. Hạt có mào lông. (Hình 22)



H.22. Hạt bí nhỏ - *Dischidia nummularia* R.Br.

### I.53. CÂY HẠT BÍ TÚI (Mộc tiền bầu)

**Leaf Pitcher plant**

***Dischidia rafflesiana* Wall.**

**Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)**

Cây phân bố khá rộng rãi ở các nước nhiệt đới như Malaysia vùng nhiệt đới Australia, Đông Dương... ở Việt Nam cây mọc từ vùng rừng ẩm miền núi đến các vùng khô cằn trong rừng Khộp (Tây Nguyên).

Cây sống phụ leo dài mọc thành từng búi trên cành nhánh cây gỗ lớn. Thân mập, có mủ trắng. Lá có hai dạng. Lá thường thì mập, tròn, dày màu xanh trắng như bột. Lá khác hình túi, dạng ống, có cạnh và có một lỗ hồng nhỏ ở gần cuống. Trong túi thường chứa nước và sâu bọ nhỏ, do đó trong túi thường có các rễ phân nhánh.



H.23. Hạt bí túi – *Dischidia rafflesiana* Wall.

Cụm hoa dạng tán thưa, hoa nhỏ màu vàng xanh nhạt. Quả 1 đại. Hạt nhỏ, có mào lông. (Hình 23).

Cây có dáng kỳ lạ, xanh tươi quanh năm, dễ trồng bằng các đoạn thân, lại có thể chịu được khô hạn, nên có thể trồng làm giàn cho Phong lan, mặc dù tán lá thưa.

### I.54. CÂY HOA GIẤY (Móc điều, Biện lý)

**Golden glow; Bougainvillier; Belle Américaine;  
Bougainvillea élégant**

***Bougainvillea spectabilis* Willd.**

**(*B. speciosa* Lindl. non Schintzl.; *B. splendens* Hort.)**

## Họ Hoa giấy (Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) và được gây trồng rất rộng rãi làm cây cảnh leo ở các tỉnh phía Nam nước ta (thậm chí làm cây uốn thế, trồng ở chậu)

Cây leo, thân gỗ lớn, mập, khỏe, mọc nhanh, cành nhánh nhiều vươn dài. Lá đơn mọc cách, phiến hình trái xoan hay thuôn dài ở đỉnh, tròn ở gốc. Gốc cuống lá có gai hơi cong. Lá xanh quanh năm và có thể rụng vào mùa đông ở các tỉnh phía Bắc.

Hoa lớn do lá bắc màu sắc sỡ làm thành. Lá bắc dạng lá, màu sắc từ trắng đến vàng tím, đỏ, xếp 3 chiếc một trên 1 chùm ngắn và bọc lấy hoa hình ống dài ở phía trong, màu tím và có lông dày ở phía ngoài, màu vàng nhạt ở phía trong. Quả bế tròn hay cụt ở ngọn, thất lại ở gốc. Hạt màu nâu hung bóng, hiếm thấy. (Ảnh 16)

Cây dễ trồng, thích hợp với khí hậu nhiệt đới Nam Việt Nam. Gây giống chủ yếu bằng giâm cành (phía Bắc vào mùa xuân, phía Nam vào mùa mưa). Cành giâm dài 10 - 20 cm, cắm sâu 6 - 8 cm, giữ ẩm thường xuyên và che bóng cho cành giâm. Sau 10 ngày cành nảy chồi và sau 20 ngày rễ mới phát sinh. Khi cành dài 30 - 40 cm (khoảng 2 tháng) có thể đem trồng nơi giàn leo. Khi cây leo dài có thể cắt sửa theo ý muốn nơi gây trồng vì cây cho chồi mầm nhiều.

Các nhà vườn ở nước ta gây trồng nhiều dạng hoa có màu sắc khác nhau, lai ghép để cho trên một cây có đủ các màu sắc của hoa. Các loại có màu sắc khác nhau có thể thuộc các chủng khác nhau, hoặc có loài riêng rẽ, vì nguồn gốc lai tạo không rõ ràng.

Sơ bộ có thể kể các chủng và loài như :

### I.54.a. Cây hoa giấy đỏ gạch

*Bougainvillea spectabilis* Willd. var. *laterita* Lemaire,  
(*B. brasiliensis* Neuw.)

Cây cho hoa có lá bắc màu đỏ gạch.

## I.55. CÂY HOA GIẤY HỒNG

### *Bougainvillea glabra* Choisy

## Họ Hoa giấy (Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil. Cây leo, cành vươn dài, gốc có nhiều

gai cong. Lá màu xanh đậm nhẵn, nhọn ở đỉnh, tròn hay trái xoan ở gốc. Chùm hoa lớn. Hoa có lá bắc màu hồng dạng trái xoan nhọn, gốc hình tim.

*I.55.a. Cây Hoa giấy hồng tím*

*Bougainvillea glabra* Choisy. var. *sanderiana* Hort.

Cây cho hoa màu đỏ hồng tím, tươi. Cây nhỏ bé, cành ngắn.

*I.55.b. Cây Hoa giấy hồng vàng*

*Bougainvillea glabra* Choisy var. *variegata* Hort.

Cây cho lá màu xanh bóng với các vạch màu trắng.

### I.56. CÂY HOA KÈN

**Easter Herald trumpet**

***Beaumontia fragrans* Pierre**

**Họ Trúc đào (Apocynaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Nam bộ - Việt Nam và được gây trồng làm cảnh từ lâu đời vì cho hoa rất thơm và đẹp.

Cây bụi, leo hay sống dựa, lớn, mập cao đến 18 m, có nhựa mủ màu trắng đục. Lá đơn mọc đối, dày, màu xanh bóng. Cụm hoa là chùm tán dày ở đầu cành, có lông mịn mang nhiều hoa màu trắng dạng phễu loe ở đỉnh, chia 5 thùy sâu. Ngoài hoa có lá bắc lớn. (Hình 24).



H.24. Hoa kèn - *Beaumontia fragrans* Pierre

Cây cho hoa rất thơm và đẹp, nên được gây trồng làm cây hàng rào hay uốn làm cổng ra vào.

### I.57. CÂY HOA KÈN LỚN

**Nepal trumpet flower; *Beaumontia a grandes fleurs***

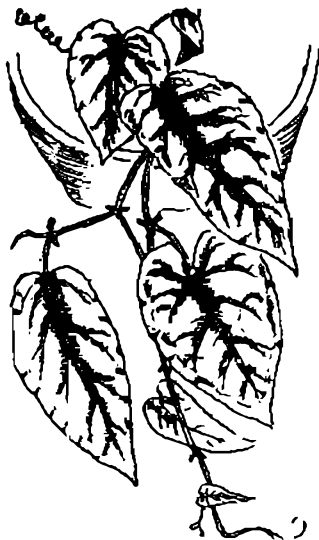
***Beaumontia grandiflora* Wall.**

**Họ Trúc đào (Apocynaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và được gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta.

Cây gỗ, có cành nhánh lớn dài, sống dựa. Lá mọc đối, phiến hình trái xoan thuôn dài, mặt dưới có lông, mặt trên xanh bóng, đôi khi mép có viền vàng nổi rõ các gân bên. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán dày có nhiều lá bắc dễ rụng. Hoa lớn mọc sát nhau, màu trắng, dạng thành ống dài thót ở gốc mở rộng ở đỉnh, chia 5 thùy sâu mọc xòe ra và nổi rõ 5 nhị dài dính vào nhau.

Cây cho hoa lớn đẹp và thơm, nên được gây trồng làm cảnh, làm cây giàn leo.



### 1.58. CÂY HỔ ĐẰNG HAI MÀU

(Cây Dây chìa vôi đỏ)

*Begonia cissus*; *Cissus discolor*

*Cissus discolor* Vent. ex Planch.

(*C. velutinus* Lindl.)

Họ Nho (Vitaceae = Ampelidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Java, Malaysia...)

Cây leo dài, thân nhẵn, mảnh gãy khúc. Lá có dạng hình tim thuôn dài, màu xanh bóng với các vệt màu trắng và có lông mặt trên, mặt dưới màu đỏ tím. Tua cuốn chẻ đôi, đối diện với lá.

Hoa màu vàng xanh nhạt mọc tập trung thành xim ngắn, kích thước nhỏ bé. Quả mọng, có 1 hạt (Hình 25).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, phân nhánh nhiều lại cho lá có màu đặc sắc nên thường được gây trồng làm cây hàng rào. Cây có thể trồng bằng hạt hay các đoạn thân cành.

Có vài chủng đẹp, dễ gây trồng là :

1.58.a. Cây Hổ đặng hai màu mềm

*Cissus discolor* Vent. var. *mollis* Planch.

H.25. Hổ đặng hai màu -  
*Cissus discolor* Vent.



Cây leo, lá có màu trắng ở mặt trên, màu đỏ tươi ở mặt dưới. Quả màu đỏ bóng.

I.58.b. *Cây Hồ đằng hai màu vằn.*

*Cissus discolor* Vent. var. *marmorata* Hort.

Cây leo, lá màu xanh đậm có mép trắng bạc và gân màu đỏ máu. Đây là chủng cho cây đẹp nhất.

I.59. **CÂY HỒ ĐẰNG VUÔNG** (Cây chìa vôi vuông, Cây trị rắn)

*Cissus quadrangularis* (L.) Planch.

(*Vitis quadrangularis* Wall.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây leo mọc hoang dại, có khu phân bố khá rộng, từ châu Á qua châu Phi. Cây phân cành nhánh dài, dày, khỏe. Thân có 4 cánh rõ và gân như có đốt (thắt lại ở các chỗ có lá hay phân cành) thân màu xanh bóng phủ lông mềm màu trắng xám. Lá dày mọc cách, dạng trái xoan dài và xẻ dạng trái tim, nguyên hay chia 3 thùy, mép có răng ngắn, thưa và không đều nhau. Tua cuốn mảnh, dài. Cụm hoa dạng chùm ngắn mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ màu xanh trắng. Quả mọng màu đỏ, một hạt.

Cây mọc phổ biến, leo dày, mọc thành bụi lớn nên thường được trồng làm hàng rào. Cây có thể gây trồng bằng hạt hay bằng đoạn thân có rễ, cây mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều, uốn cong.

I.60. **CÂY HUỖNH ANH** (Dây Huỳnh, Đai vàng, Bông vàng)

Willow leaved Allamando; *Allamanda cathartique*;

*Allamanda purgative*

*Allamanda cathartica* L. (*A. hendersoni* Hort.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Nam châu Mỹ (Brazil, Guyan), nhưng được gây trồng rộng rãi ở nước ta, nhất là ở các tỉnh phía Nam để làm cảnh và làm hàng rào, làm giàn leo.

Cây gỗ, cành nhánh dài mềm, sống dựa hay leo, có nhựa mủ màu trắng. Lá đơn, mọc đối hay vòng với 3 - 6 chiếc, màu xanh bóng, mềm, mỏng, khi non màu pha hồng. Hoa lớn màu vàng tươi mọc

thành xim ngắn ở ngọn cành. Quả nang có gai, ít hạt (Ảnh 17).

Cây cho hoa nở quanh năm (ở miền Nam) và tập trung vào mùa hè (ở miền Bắc). Hoa đẹp, mềm, mau tàn, nhưng trong 1 chùm hoa, hoa nở dần từng đôi một, nên trên cành luôn có hoa, có nụ.

Cây rất dễ trồng, mọc nhanh, vươn cao nên có thể uốn làm thành cổng ra vào. Cây được gây trồng giống dễ dàng bằng giâm cành. Chọn các đoạn từ cành bánh tẻ đến cành già. Sau 10 ngày, cành giâm nảy mầm, và sau 6 tháng có thể đem trồng ở giàn leo. Có thể dùng cách vít cành xuống đất, chỗ tiếp xúc với đất sớm đâm rễ, và cây chóng ra hoa.

Có mấy chủng khác nhau, vì màu sắc của hoa :

*I.60.a. Cây Huỳnh anh vằn nâu*

*Allamanda cathartica* L. var. *hendersonii* Hort.

Hoa có màu vàng cam, họng có vệt màu nâu ở phía ngoài

*I.60.b. Cây Huỳnh anh lớn*

*Allamanda cathartica* L. var. *nobilis* Bailey et Ruffil.

*I.60.c. Cây Huỳnh anh vằn đỏ*

*Allamanda cathartica* L. var. *schottii* Bailey et Ruffil.

Hoa màu vàng, họng màu cam và có vệt đỏ ở mặt ngoài.

*I.60.d. Cây Huỳnh anh kép*

*Allamanda cathartica* L. var. *flora pleno* Hort.

Hoa màu vàng, cánh kép.

**I.61. CÂY HUỲNH ANH LÁ HẸP**

Small *Allamanda*

*Alla nanda neriifolia* Hook. f.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ. Cây leo sống dựa, chỉ cao 1 - 2 m. Lá mọc vòng 4 chiếc, thuôn hẹp dài 8 - 14 cm rộng 2 - 4 cm. Cụm hoa có 5 - 10 hoa màu vàng tươi. Hoa hình ống hẹp ngắn.

1.62. CÂY KIM ANH (Thích lệ tử, Đường quân tử)

Cherokee Rose

*Rosa laevigata* Michx. (*R. sinica* Murr. *R. cherokensis* Don,  
*R. ternata* Poinr, *R. nivea* DC., *R. camellia* Hort.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)



H.26. Kim anh – *Rosa laevigata* Michx.

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan đến Việt Nam.

Cây mọc hoang dại chủ yếu ở miền đồi núi miền Bắc nước ta và miền núi Nam Trung Bộ. Nhân dân rất ưa chuộng trồng làm hàng rào vì cây có nhiều cành dài mang gai nhọn cong, lại có thể lấy quả già phơi khô làm thuốc.

Cây nhỡ leo, phân cành nhánh nhiều, mềm sống dựa trên giàn hay được cắt xén làm cây hàng rào. Lá kép 3 lá nhỏ (rất ít khi 5 chiếc), mép có răng cưa, mặt trên lá màu lục sẫm, mặt dưới màu nhạt hơn.

Hoa lớn thường mọc đơn độc, màu trắng có hương thơm, cuống hoa mập và có lông chơm chớm. Cánh dài dính ở gốc làm thành ống có nhiều lông màu vàng cứng. Nhị rất nhiều không đều nhau. Lá non nhiều. Quả giả lớn hình trứng hay hình cầu, chín màu vàng cam hay đỏ nhạt, có lông thưa cứng. Cây thường cho hoa nở vào cuối xuân, đầu hạ và quả chín vào thu đông (Hình 26).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, chọn các cành bánh tẻ dài khoảng 20 cm, rồi đem cắm trên đất làm kỹ, đủ ẩm và tưới xới. Có thể chiết hay vít cành xuống đất cho ra rễ rồi cắt đem trồng.

Hiện nay các nhà vườn cho lai loài này với *Rosa banksiae* R. Br. để cho ra *Rosa fortuneana* Lindl., hoa lớn, cánh kép, màu trắng.

### I.63. CÂY KIM NGÂN HOA (Dây kim ngân)

**Common Honey-suckle; chèvrefeuille, Japanese Honey-suckle**

***Lonicera japonica* Thunb.**

**Họ Cơm cháy (Caprifoliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ nhiều nước ở châu Á, riêng Việt Nam, cây mọc hoang dại rất phổ biến ở vùng đồi núi miền Bắc Việt Nam và đã được gây trồng làm cây hàng rào và làm thuốc.

Cây leo bằng thân cuốn, phân cành nhánh nhiều, dài, khi non có lông ngắn. Lá đơn nguyên, mọc đối, màu xanh đậm. Cụm hoa mọc dày đặc trên các nách lá ở về phía gần dưới ngọn cành, thường xếp từng đôi một. Hoa lúc mới nở màu trắng sau chuyển dần sang màu vàng nâu và có hương thơm nhẹ. Hoa có dáng đẹp dạng ống, hơi cong và chia 2 môi, không đều, môi trên có 4 thùy, môi dưới chỉ có 1 thùy và lật ra. Quả mọng, có nhiều hạt (Hình 27)



H.27. Kim ngân hoa –  
*Lonicera japonica* Thunb.

Cây cho hoa nở gần như quanh năm ở các tỉnh miền núi ở phía Nam và vào mùa hè (tháng 4 - 5) ở các tỉnh phía Bắc.

Cây trồng không kén đất, có thể chịu được khô hạn và trải nắng và thường được gây trồng bằng giâm cành. Ở phía Bắc, nhân giống vào mùa xuân, chọn cành bánh tẻ dài 15 cm, sau 10 ngày, cành giâm

nẩy mầm và sau 3 tháng có thể đem trồng nơi giàn leo. Sau 1 năm cây đã nở hoa.

Hiện nay, trên thế giới loài Kim ngân hoa được các nhà làm vườn tạo ra nhiều chủng đẹp như :

*I.63.a. Cây Kim ngân gân vàng*

*Lonicera japonica* Thunb. var. *aureo-reticulata* Nichols,

Lá có gân màu vàng bóng.

*I.63.b. Cây Kim ngân hoa tàu.*

*Lonicera japonica* Thunb. var. *chinensis* Bak.

Lá có mép khía răng cưa, mặt phiến gần như nhẵn.

*I.63.c. Cây Kim ngân hoa trắng*

*Lonicera japonica* Thunb. var. *halliana* Nichols

Cây có hoa màu trắng, nổi gân vàng.

**I.64. CÂY LẠC TIÊN CẢNH (Trùm bao trứng, Dây chanh mỹ)**

**Purple Passion fruit; Passion flower; Purple granadilla; Granadille, Pome liane, Passiflore à fruit doux**

***Passiflora edulis* Sims. (*P. incarnata* L. var. *edulis* Hook.)**

**Họ Lạc tiên (Passifloraceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) hiện được nhiều nước trên thế giới gây trồng vừa làm cây leo cho hoa đẹp, vừa cho quả ăn được.

Cây leo, cành nhánh nhiều. Lá chia 3 thùy, nhẵn, mép lá khía răng. Cuống lá có 2 tuyến ở phía trên. Tua cuốn đơn.

Hoa màu trắng hồng, lớn mọc xòe rộng. Hoa thơm (Hình 28).



*H.28. Lạc tiên cảnh - Passiflora edulis Sims.*

Quả lớn bằng quả trứng gà, màu tím khi chín. Hạt có cơm màu vàng cam, vị chua, mùi thơm mát, dịu.

Cây mọc khỏe, cành dài và lá rộng nên làm cây che bóng ở giàn rất thích hợp. Cây chủ yếu được gây trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao miền Trung vì cây ưa khí hậu mát ẩm và đất tốt, và được gây trồng bằng hạt.

#### I.65. LÂM NHUNG

*Janoetes*, shower orchid

*Congea tometosa* Roxb. var. *subvestita* Munir.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông nam châu Á và được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh, giàn leo ở các tỉnh miền Trung (Nam Trung Bộ).

Cây leo, thân gỗ mập, cành nhánh dài, phủ lông vàng. Lá đơn, mọc đối, nhẵn ở mặt trên, phủ lông vàng ở mặt dưới. Chùm hoa dài trên cuống chung thẳng cứng và tập trung rất nhiều chùm ở nách lá làm cho đầu cành dày đặc hoa. Hoa có tổng bao do 3 - 4 lá bắc giống cánh dài có lông. Hoa nhỏ trung bình. Cánh tràng hợp hình ống trên chia 2 môi. Hoa màu hồng tím nhạt, cánh hoa dễ rụng, nhưng lá bắc còn lại khá lâu. Quả cứng, nhỏ, khô.

Cây có dạng đặc sắc, mọc khỏe, leo dài và chùm hoa lớn, đẹp, nên được ưa chuộng gây trồng làm hàng rào, giàn leo. Cây chủ yếu được gây trồng bằng hạt, gieo hạt ở vườn ươm, sau khi cây cao 20 cm thì bứng bầu đem trồng ở chân giậu.

#### I.66. CÂY LÂM NHUNG ÁO

*Congea pedicellata* Munir (*Congea vestita* Griff.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm ở các giàn leo lớn nơi công viên. Cây leo thân gỗ, phân cành nhánh dài sống dựa. Lá đơn mọc đối, dạng thuôn bầu dục dài. Cụm hoa lớn ở đầu cành, mang nhiều hoa xếp hoa thị, nhỏ, màu tím, dạng ống dài cong, trên chia 2 môi, nhị thò ra ngoài. Lá bắc tổng bao xếp

thành hình sao, lớn, dây nguyên hay hơi có thùy ở đỉnh, rất bền làm cho tán cây luôn sặc sỡ. (Ảnh 18).

Cây trồng bằng giâm cành, mọc khỏe, ưa sáng, và chịu được khô, nóng.

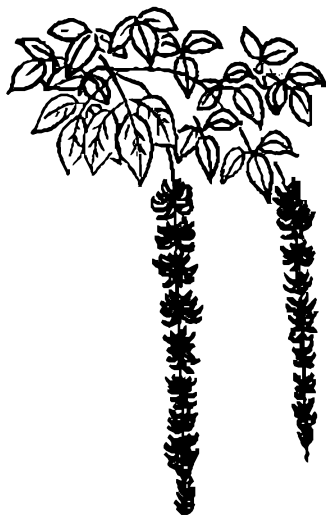
#### I.67. CÂY MÓNG CỌP XANH (Vuốt cọp)

Jade wine, Philippine jade vine.

*Strongylodon macrobitrys* L.

Họ đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Philippines (châu Á) được gây trồng làm cảnh ở Đà Lạt (Lâm Đồng). Cây leo thân gỗ, cuốn bằng thân, cành dài. Lá mọc cách có 3 lá nhỏ dạng bầu dục nhọn, gốc tròn, mép nguyên. Cụm hoa rất lớn và mang hoa dày đặc buồng thông. Hoa màu xanh có cánh cờ gần tròn lật ra sau và hai cánh dưới hẹp hợp lại, cong như móng cọp. Hoa có lá bắc lớn ở gốc. Quả ít thấy, thon dài mỏng, màu xanh xám nhạt, khi mở xoắn lại. Hạt tròn dẹt. Cây còn ít thấy rộng rãi, hiện nay có nhân giống bằng cách giâm các đoạn cành. Cụm hoa đẹp, hấp dẫn, có thể làm cây cảnh rộng rãi được. (Hình 29).



H.29. Móng cọp xanh –  
*Strongylodon macrobitrys*

#### I.68. CÂY MƠ TAM THỂ

Stink vine, Chinese Fever Plant.

*Paederia tomentosa* Bl. (*P. sacandens* (Lour.) Merr. var. *tomentosa* (Bl.) Hand.-Mazz.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây mọc hoang dại nơi bờ bụi, bãi hoang, trải nắng và được gây trồng chủ yếu lấy lá làm thuốc. Tuy nhiên vì cây có dáng lá đặc sắc, cụm hoa tuy nhỏ nhưng có màu hấp dẫn, lại có tác dụng che bóng cho

giàn cây nên được nhân dân ta gây trồng nhiều làm cây hàng rào, làm cảnh.

Cây leo bằng thân cuốn, cành nhánh dài, mềm. Lá mọc đối dạng thuôn dài đầu nhọn, gốc tròn hay hình tim, dày, mềm, màu xanh tối hay pha đỏ, tím loang lổ, thường có lông mềm. Cụm hoa ở nách lá hay đầu cành. Hoa nhỏ màu tím nhạt có khi pha thêm vàng ở gốc và đỏ ở mép, ngoài có lông. Quả hình cầu có đài còn lại. (Hình 30)

Cây dễ trồng bằng cách giâm các đoạn cành. Cây mọc khỏe, leo cao, cho lá xanh quanh năm, nhân dân vùng nông thôn rất ưa chuộng.



H.30. Mơ tam thể – *Paederia tomentosa* Bl.

## 1.69. CÂY NẤP ẤM

Pitcher plant

*Nepenthes mirabilis* (Lour.) Druce

Họ Nắp ấm (Nepenthaceae)

Cây mọc nơi sinh lầy, ẩm ướt, ven khe các đụn cát dọc vùng biển nước ta. Thân thảo leo dài. Lá thuôn dài, dày, dai, gân giữa kéo dài thành tua cuối tận cùng bằng 1 bình hình trụ có nắp và có cánh dọc theo thân bình, màu xám nâu hồng có đốm đỏ. Cụm hoa chùm dày ở đỉnh. Quả nang thuôn dài.

Các nhà vườn thường nhập các loài lai của Thái Lan, điển hình là *Nepenthes* x *Coccinea* (lai từ *Distillatoria* x *Mirabilis*) và *Nepenthes distillatoria* L., gốc từ Srilanka.



## 1.70. CÂY NGỌC NỮ (Rồng nhả ngọc, Lồng đèn)

*Clerodendrum*, Peragut de Thomson, Glory Bower, Bleeding heart bag flower

*Clerodendron thomsonae* Balf. (*Cl. balfouri* Hort.)

Họ Cỏ roi ngựa (*Verbenaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở bờ biển phía Tây châu Phi (Ghi nê, Nigêria, Côngô...) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh.

Cây leo, cao khoảng 2 - 5 m, cành non có 4 cạnh và phủ lông mịn, cành dài mềm và vươn cao. Lá nguyên, mọc đối, hình trứng rộng, góc lá hình tim hay thuôn, đầu nhọn, mặt trên phiến phủ lông mịn.

Hoa hợp lại thành xim ở nách lá phía gần đầu cành. Góc hoa có lá bắc dạng lá, có lông. Cánh dài phồng lên dạng màng trắng hoặc xám, phía gốc hợp lại thành ống ngắn. Cánh tràng màu đỏ sẫm hợp lại thành ống dài, trên chia 5 thùy hình trái xoan. Nhị 4 chiếc, dài, thò ra ngoài. (Ảnh 19).

Cây cho hoa màu sắc đẹp lại nở gần như quanh năm (ở các tỉnh phía Nam) và tập trung vào mùa thu (ở các tỉnh phía Bắc). Cây dễ trồng bằng hạt hay các đoạn cành, thường dùng làm cây trang trí ở vườn hoa, công viên hay leo ở bờ tường.

Ở các tỉnh phía Nam, nhân dân ta còn gây trồng phổ biến một số chủng có hoa đẹp khác như sau :

### 1.70.a. Cây Ngọc nữ đỏ

*Clerodendron thomsonae* Balf. var. *balfourianum* Hort.

(*C. balfouri* Hort., *C. magnificum* Hort.)

Hoa có cánh tràng màu đỏ nằm trong cánh dài màu trắng.

### 1.70.b. Cây Ngọc nữ hồng

*Clerodendron thomsonae* Balf. var. *delectum* Hort.

(*C. delectum* Hort., *C. delicatum* Hort.)

Loại cho hoa đẹp nhất. Hoa có cánh tràng màu hồng ở trong cánh dài màu trắng.

Ngoài ra, các nhà làm vườn còn tạo ra Taxon lai giữa hai loài : *Clerodendron thomsonae* Balf. với *Clerodendron splendens* G. Don.

(cũng là một loài dây leo) để cho ra loài *Clerodendron speciosum* Hort., với hoa có cánh tràng màu đỏ sẫm trong cánh đài nhỏ bé hơi gầy khúc, màu hồng với các vạch màu đỏ. Loài này rất có giá trị trên thị trường.

#### 1.71. CÂY NGÓT NGOËO (Huệ lồng đèn)

Climbing Lily, Cloriosa Lily, *Gloriosa superba*

*Gloriosa superba* L.

(*G. simplex* Don.; *Methonica superba* Lamk.)

Họ Ngót ngoėjo (Melanthiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới.

Cây mọc hoang dại vùng đồi núi ven biển miền Trung nước ta và được gây trồng rất rộng rãi làm cây thuốc và làm cảnh.

Cây sống lâu năm do có thân rễ phình lên thành củ nạc mọc tập trung thành bụi dày, thân vươn dài, quấn hay bò trên các cây khác. Thân mềm, nhẵn bóng. Lá mọc cách, mọc đối hay mọc vòng, phiến lá gần như sát với cành và ở đỉnh kéo dài thành tua cuốn giúp cây vươn lên cao.

Hoa mọc đơn độc hay xếp sát nhau thành ngù giả ở ngọn cành. Hoa lớn, đẹp, rất hấp dẫn vì có dạng kỳ lạ. Bao hoa có 6 mảnh lớn trải rộng, hơi có cựa (khi nở có thể cong lại về phía cuống hoa để lộ toàn bộ phần nhị, nhụy), hình giải, mép răn reo lượn sóng màu đỏ rất đẹp ở hai phần ba phía đỉnh, còn phần dưới có màu vàng tươi. Màu sắc chuyển tiếp dần và rất hài hòa. Nhị 6 chiếc, có chỉ nhị rất to, dài, bao phấn màu vàng tươi, dính lưng và lắc lư rất duyên dáng. Quả nang mở 3 mảnh, thuận dài, nhiều hạt, khi chín màu đỏ tươi.

Hoa nở rải rác gần như quanh năm, thường tập trung vào mùa hè và mùa thu (Ảnh 20).

Cây thường được trồng bằng thân rễ (gọi là củ nạc) hay hạt. Cây trồng khá phức tạp vì dễ héo chết. Cần bảo quản rễ mềm cho tốt và làm giàn che lúc còn non.

Hiện nay các nhà vườn còn tạo một chủng :

1.71.a. *Gloriosa superba* Linn. var. *grandiflora* Hort. cho hoa lớn màu tươi, đậm hơn.

## I.72. CÂY NHÀI (Lài)

**Arabian Jasmine, Jasmine**

***Jasminum sambac* (L.) Ait.**

**Họ Nhài (Oleaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây bụi, nhỡ, nửa thẳng đứng, nửa mọc bò dài. Cành non mảnh có lông mềm. Lá đơn nguyên mọc cách, màu xanh bóng cả ở 2 mặt, ở phiến lá hơi gợn sóng, mềm.

Cụm hoa ở ngọn có ít hoa. Hoa lớn trung bình, màu trắng, thơm ngát. Cánh dài hợp hình ống dài có lông, trên chia 10 thùy hình dải. Cánh tràng dày hợp ở gốc trên chia 10 thùy hình bầu dục. Quả màu đen có đài bao bọc ở ngoài.

Cây được gây trồng rất rộng rãi ở nông thôn cũng như các thành phố lớn để làm cảnh, cho hoa thơm ướp chè, làm thuốc.

Cây trồng uốn lại thành các bụi dày làm cảnh, ít khi để bò dài làm cây leo, thường trồng làm bờ rào, lùm bụi hay bờ tường.

## I.73. CÂY NHÀI LEO (Lài nhiều hoa)

**Snowy jasmine star jasmine**

***Jasminum multiflorum* (Burm.) Andr.**

**Họ Nhài (Oleaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Hoa và Bắc Ấn Độ, Mianma, hiện nay được gây trồng ở nước ta, từ Bắc vào Nam.

Cây bụi, có cành nhánh dài bò ngang, sống dựa. Cành non có lông dày. Lá có lông ở cả hai mặt, màu xanh bóng, mỏng, cuống lá ngắn. Cụm hoa mọc ở nách lá, hay đầu cành mang nhiều hoa, xếp dày đặc. Hoa màu trắng bóng, đẹp và thơm, lâu tàn.

Cây được gây trồng rộng rãi làm cảnh, vì có hoa đẹp, thơm có thể trồng bằng cách chiết cành hay giâm các đoạn cành bánh tẻ, cành giâm chổng nẩy mầm dài và vươn cao, thường được trồng làm hàng rào hay uốn trên giàn.

## I.74. CÂY NHÀI VÀNG (Chè vàng, Dây cẩm văn)

*Jasminum subtriplinerve* Blume

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây mọc hoang dại rất phổ biến ở nước ta, từ Bắc vào Nam. Cây nhỏ, mọc bụi hay cành nhánh dài mềm, sống dựa, do đó vừa làm cây hàng rào vừa làm giàn leo. Thân cây cứng chia thành đốt và phân nhiều cành nhánh. Lá mọc đối thuôn kéo dài thành mũi ở đỉnh và hơi tròn ở gốc. Cụm hoa ở đầu cành mang 7 - 9 hoa xếp dạng xim. Hoa màu trắng, đẹp, có cánh dài mềm kéo dài màu hồng nâu. Quả hình cầu khi chín màu vàng, có đài còn lại ở gốc (Hình 31).



H.31. Nhài vàng - *Jasminum subtriplinerve* Bl.

Cây dễ trồng bằng giâm cành. Cắt các đoạn thân, cành dài 15 - 20 cm, cắm nơi đất ẩm ngay chỗ làm hàng rào, sau 1 tháng sẽ cho chồi và đã có rễ.

## I.75. CÂY NHO

Grapes, Grape- vine, Vigne

*Vitis vinifera* L.

Họ Nho (Vitaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung Cận Đông (châu Á) và vùng ôn đới khô ẩm châu Âu, nơi khí hậu mát và khô, ít mưa, nhiều nắng, nhiệt độ mùa thu không quá thấp.

Cây trồng chủ yếu lấy quả ăn, nhưng ở các thành phố vẫn có tập quán trồng cây làm cây che bóng giàn leo giống như cây cảnh, mặc dù cho ít quả và chua. Cây leo bằng cành có tua cuốn. Gốc hóa gỗ bong mảng. Lá mọc cách, dạng chân vịt chia 5 - 7 thùy và khía

răng không đều ở mép. Cụm hoa dạng chùm xim hai ngã. Hoa đều. Quả mọng hình trứng, có 4 hạt.

Hiện nay ở Việt Nam gây trồng Nho có 2 xuất xứ cơ bản :

- Các tỉnh phía Bắc hoặc miền núi, trồng Nho có gốc ở các nước Tây Âu : *Vitis vinifera occidentalis* đòi hỏi nhiều rét, độ ẩm cao.

- Ngược lại gần đây có dẫn giống loại Nho chịu được nóng khô, có nguồn gốc từ các nước Phương đông : *Vitis vinifera orientalis*, chỉ gây trồng nhiều ở các tỉnh miền Trung (Phan Rang, Phan Thiết...) cho quả ăn thơm ngon, ngọt. Trong sản xuất lấy quả ăn, vùng Phan Rang có nhiều chủng như :

I.75.a. *Nho đen nhỏ* : *Vitis vinifera* L. form. *auden*, quả tuy nhỏ, thơm, ngọt.

I.75.b. *Nho đen lớn* : *Vitis vinifera* L. form. *ribber*, quả rất lớn, đẹp, thơm ngọt trung bình.

I.75.c. *Nho đỏ* : *Vitis vinifera* L. form. *cardinal*. Quả màu tím đỏ đẹp, thơm ngọt, trồng phổ biến nhất.

I.75.d. *Nho trắng* : *Vitis vinifera* L. form. *malaga*. Quả màu nhạt, ngọt thơm, vỏ mỏng.

## I.76. CÂY NHÓT (Hồ đào tử)

*Elaeagnus latifolia* L.

Họ Nhót (Elaeagnaceae)

Cây mọc hoang dại ở các rừng thưa miền Bắc nước ta, và thường được gây trồng làm cây hàng rào, lấy quả ăn và làm thuốc.

Cây nhỡ, phân cành nhánh rất nhiều từ gốc. Cành dài mềm, sống dựa, đôi khi có gai, nên làm hàng rào tốt. Lá mọc cách, màu xanh bóng ở mặt trên, màu trắng bạc, có nhiều lông mịn ở mặt dưới. Cụm hoa ngắn, mang hoa nhỏ bé. Quả màu đỏ dạng thuôn đều, dài, mặt ngoài nhẵn bóng, có nhiều lông trắng hình sao.

Cây mọc rất phổ biến ở nông thôn miền Bắc Việt Nam, có thể gây trồng dễ dàng bằng ươm hạt hay chiết cành.

Cây có thể vừa làm hàng rào, vừa làm cảnh bằng quả chín mọng.

### I.77. CÂY RÂU ÔNG LÃO (Dây vàng sán)

*Clematis umbellifera* Gagnep.

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Cây mọc hoang dại ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Cây sống dựa, leo dài, cành non dài, có lông trắng. Lá kép có 9 - 15 lá phụ, nguyên, có lông trắng. Cụm hoa lớn mọc ra từ nách lá, dạng tán đơn hay kép. Hoa nhỏ, quả có chùm lông dài.

Cây có dáng kỳ lạ, cụm hoa khi chín có dáng đặc sắc, nên thường được gây trồng làm cây hàng rào ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

### I.78. CÂY RUỐI (Duối nhám)

*Streblus asper* Lour.

Họ Dâu tằm (*Moraceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được trồng làm hàng rào và sử dụng làm cây uốn thế tốt, vì mọc khỏe dễ uốn tía và dáng đẹp. Cây bụi, cao khoảng 5 - 10 m, thân sần sùi, cong queo, nhiều u lồi và vỏ dày, cành dài, sù sì và mọc khỏe, nhiều. Tán lá dày, có mũ trắng. Lá đơn mọc cách; nhám, hình trái xoan dài, đầu tù, gốc hẹp dần, mép gợn sóng có răng cưa màu xanh đậm, gân nổi rõ ở mặt dưới. Cuống có lông. Cụm hoa ở nách lá. Cụm hoa đực hình đầu, gốc lá bắc mang 10 - 12 hoa xếp sát nhau, cánh dài 4 màu xanh, 4 nhị, chỉ nhị cong vào trong nụ, xếp đối diện cánh dài. Hoa cái mọc đơn độc trên cuống dài, lá bắc rộng dính ngay dưới cánh dài. Cánh dài 4 thùỳ bao kín bầu non. Bầu nhẵn có 2 vòi dính nhau ở gốc, trên rời, 1 noãn. Quả nạc, màu vàng trong dài còn lại.

Mùa hoa từ tháng 1 - 3.

Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành.

### I.79. CÂY RUỐI Ô RÔ (Ô rô núi)

*Streblus ilicifolia* (Kurz.) Corn. (*Taxotrophis ilicifolia* (Kurz.) Vidal)

Họ Dâu tằm (*Moraceae*)

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 8 m, phân cành thấp, dạng bụi. Gốc thân sù

si và vỏ dày cứng. Cành non mềm, ngắn, có gai to. Lá hình bầu dục, hay hình giáo thuôn, nhọn cả hai đầu, có 1 - 3 gai, phiến màu xanh đậm, bóng nhẵn, mép khía răng sâu, nhọn.

Cụm hoa đơn tính. Cụm hoa dục dạng bông dày, lá bắc xếp 2 dãy. Hoa nhỏ có 3 - 5 cánh dài. Nhị 3 - 5, xếp đối diện cách dài, bao phấn gần vuông. Cụm hoa cái ở nách lá, không cuống, xếp 2 - 3 hoa một chỗ. Cánh dài 3 - 4 tròn, làm thành chén bao lấy bầu. Bầu có 2 vòi. Quả chín có đài bao bọc ở ngoài.

Mùa hoa tháng 1' - 4.

Cây mọc rộng rãi ở rừng núi đá, mọc khỏe, dễ trồng, dễ chăm chồi và uốn nắn dễ dàng, do đó thường được thu hái hay cắt giâm cành làm cây uốn thế, cây cảnh lùn trồng ở chậu. Cây có lá xanh quanh năm và dáng đẹp.

## I.80. CÂY SÀN SẠT

*Humulus japonicus* Sieb. et Zucc.

(*H. scandens* (Lour.) Merr.)

Họ Gai mèo (Cannabinaceae)

Cây mọc hoang dại nơi bờ rào, bụi rậm, ven đường, các bãi cỏ trải nắng.

Cây leo sống dai, phân cành nhánh nhiều, có thể dài tới 6 - 8 m. Lá và cành ken kín bờ tường rào, nên được ưa chuộng. Lá mọc đối ở góc, mọc cách ở trên, cuống lá và cành đều ráp, khô, mảnh. Phiến lá chia thùy chân vịt, màu xanh xám. Cụm hoa dục hình chùy, cụm hoa cái dạng xim, gần hình cầu. Hoa không cuống, có lá bắc giống như đài. Quả bé màu vàng nhạt.

Cây không đẹp nhưng mọc phổ biến, dễ gây trồng bằng hạt. Để làm cảnh, các nhà vườn thường trồng chúng :

- *Humulus japonicus* Sieb. et Zucc. var. *variegatus* Hort., cây cho lá có viền và vạch trắng.

## I.81. CÂY TÂM XUÂN

Rosier grimpant; Rambler rose; Climber rose

*Rosa multiflora* Thunb. (*R. polyantha* Sieb., *R. thyrsoiflora* Leroy, *R. intermedia* Carr., *R. wichurae* Koch.)

Họ Hoa hồng  
(Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á vùng núi phía Bắc. Ở Việt Nam cây mọc chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, vùng núi Nam Trung bộ và được gây trồng làm cảnh, làm hàng rào từ lâu đời.

Cây thân gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, màu xanh bóng, mềm, sống dựa hay leo dài nhờ gai. Lá kép lông chim một lần, có 5 - 7 lá phụ trên cuống chung cũng có gai, lá màu xanh đậm, nhẵn, mép khía răng cưa đều và nhỏ.

Cụm hoa ở đầu cành, mang hoa thưa, lớn, làm thành một chùm hẹp. Hoa màu hồng, hơi trắng hay hồng đậm. Cánh tràng nhiều, mỏng, mềm, xếp nhiều vòng, dễ nát. (Hình 32)

Cây mọc khô, bò hay leo dài, nở hoa gần như quanh năm. Muốn có hàng rào đẹp thường phải xén hàng năm vì cành vươn dài mềm. Cây được gây trồng dễ dàng bởi giâm cành, hay chiết. Chọn các cành bánh tẻ, cắt dài 20 - 30 cm, cắm vào nơi đất ẩm, tưới mát vào đầu mùa mưa (các tỉnh vùng núi phía Nam) hay đầu xuân (các tỉnh phía Bắc). Cành chóng nảy chồi cho rễ mới. Vì cây có nhiều gai, nhọn; cành lại mọc dày nên làm cây hàng rào vừa chắc chắn lại làm cảnh cho hoa đẹp, có thể uốn lại, ken chặt thành cổng ở các lối đi hay biệt thự.



H.32. Tâm xuân -  
*Rosa multiflora* Thunb.



Loài trồng phổ biến ở các tỉnh phía Bắc có lẽ là: *Rosa tunquiniensis* Crépin.

### I.82. CÂY THANH QUAN (Dâm xanh, Chuối ngọc, Rìa xanh)

**Golden Dewdrop; Duranta, Brazilian sky flower**

***Duranta erecta* L. (*D. repens* L.; *D. plumieri* Jacq.)**

**Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Méhicô (châu Mỹ nhiệt đới) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh và cây hàng rào.

Cây bụi cao khoảng 1 - 3 m, cành non vươn dài, cong lại, lúc non có lông, sau nhẵn. Lá có hình dạng thay đổi, mép nguyên hay có răng cưa nông ở phía đầu lá. Hoa tập trung ở đầu cành, làm thành chùm dài có nhiều bông mang hoa xếp thưa. Hoa có kích thước trung bình màu tím lam, nhạt. Quả hạch màu vàng, 8 ô, mỗi ô một hạt (Ảnh 21), lâu rụng nên vừa làm cảnh bằng hoa, vừa bằng quả.

Cây ra hoa gần như quanh năm (ở các tỉnh miền Nam) và tập trung vào mùa hạ (các tỉnh phía Bắc). Cây có dáng đẹp và hoa nở đều nên rất được ưa chuộng gây trồng làm hàng rào hay trồng ở chậu làm cây cảnh có dáng cành vươn dài và buông xuống. Cây được gây trồng bằng hạt hay các đoạn cành bánh tẻ. Cây mọc khỏe dễ trồng và sớm có hoa.

Chúng làm cảnh đẹp hơn cả là :

I.82.a. *Duranta erecta* L. var. *variegata* Hort. Lá màu xanh có viền mép và đốm trắng ngà.

### I.83. CÂY THANH QUAN TRẮNG (Bông rìa trắng)

***Duranta ellisa* Jacq.**

**Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)**

Cây mọc thành bụi lớn, dày, cành non mềm dài, nên cũng được gây trồng làm cây hàng rào và làm cảnh. Cây cho hoa nở đều quanh năm và màu trắng. Quả màu vàng bóng, lâu rụng.

### 1.84. CÂY THANH TÁO (Thuốc trặc)

Camantine; Logwood; Guérit petit- colique

*Gendarussa vulgaris* Nees (*Justicia gendarussa* L.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây mọc bụi nhỏ, chỉ cao khoảng 1 - 2 m, phân cành nhiều từ gốc, màu xanh hay tím, nhẵn, gần như thành các đốt. Lá mọc đối, cứng ngắn, dạng phiến thuôn dài màu xanh đậm hay tím, mép nguyên. Hoa tập trung ở đầu cành. Hoa có dạng ống dài hơi cong, trên chia 2 môi mở rộng, dễ rụng. Quả nang. Cây cho hoa nở vào mùa hạ, và mùa hoa ngắn.

Cây được gây trồng rất phổ biến ở các tỉnh miền Bắc làm cây hàng rào hay viền các bồn hoa, vì dễ xén đều và phẳng. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành, vào mùa xuân hay đầu mùa mưa, cắt đoạn cành dài khoảng 15 cm đem cắm ngay ở chỗ trồng cố định (bờ rào hay ven bồn hoa) chỉ sau vài ngày cành đã nảy mầm cho lá mới và cho rễ non.

Ngoài công dụng làm cảnh, cây còn làm thuốc.



H.33. Thường sơn - *Dichroa febrifuga* Lour.

### 1.85. CÂY THƯỜNG SƠN

*Dichroa febrifuga* Lour. (*Adamia versicolor* Fortune)

Họ Thường sơn (Saxifragaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Himalaya kéo dài qua Trung Quốc xuống Malaysia, và mọc dại rất phổ biến ở vùng Trung du miền Bắc, và vùng núi cao Nam Trung bộ nước ta.

Cây nhỡ, cao 1 - 2 m, thân nhẵn, hình trụ, màu tím và phân cành nhẵn dài từ gốc. Lá mọc đối, có cuống do mép lá kéo dài,

màu xanh bóng đậm hay màu tím, nhẵn, mép khía răng cưa. Cụm hoa chùy ở đầu cành, mang hoa xếp sát nhau dày đặc, màu xanh hay màu hồng đậm. Quả mọng màu xanh, nhiều hạt. (Hình 33)

Cây được gây trồng làm cây hàng rào ở các tỉnh miền núi, vì mọc khỏe, cành nhiều mọc rậm, dày và dễ cắt xén. Ngoài ra cây còn làm thuốc.

#### 1.86. CÂY THƯỢNG CÁN (Ráy, leo lá lớn)

*Epipremnum giganteum* Schott. in Bonpl.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Malaysia. Dây leo mập, lớn hình trụ, có thể leo cao tới 30 m, Lá dày thuôn hay thuôn dài, gốc hình tim, đầu nhọn ngắn, mép lá song song, kích thước lớn, cuống lá phình rộng ở gốc thành bẹ. Mặt lá xanh bóng, nhẵn, gân lá mảnh sát nhau nổi rõ. Cụm hoa là bông dài. Mo gần hình trụ hơi thuôn. Hoa không có bao hoa, có 4 nhị, chỉ nhị mảnh. Bầu 1 ô, không có vòi, đầu nhị thuôn.

Quả mọng, hạt hình thận (Hình 34)

Cây mọc hoang dại ở rừng ẩm nước ta, nhưng do có dáng đẹp, lá xanh tươi nên được gây trồng làm cảnh, leo bò lên cây gỗ lớn trong vườn, nơi công viên hay bờ tường. Cây được nhân giống bằng các đoạn thân, cành có rễ. Cắt cành cắm trực tiếp trên đất ẩm, chôn cho rễ và chồi mới.



H.34. Thượng cán -  
*Epipremnum giganteum* Schott.

### I.87. CÂY THƯỢNG CÁN MỸ RÁCH (Ráy cửa sổ)

Window-leaf

*Monstera obliqua expilta* (*M. leichlinii*)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Amazôn (châu Mỹ). Cây mọc bụi nhỏ, lá thuôn rộng màu xanh bóng đậm, cuống có bẹ dài. Phiến lá thủng tròn theo các gân bên, không đều nhau, rất đẹp (khác với loài *Monstera pertusa* có lỗ nhỏ và đều đặn hơn). Cụm hoa có mo nhỏ, cuống chung mập.

Cây mới nhập trồng ở các nhà vườn ở Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

### I.88. CÂY THƯỢNG CÁN MỸ XÈ

Ceriman, Mexican breadfruit.

*Monstera deliciosa* Liemb.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Guatemala (châu Mỹ), trồng làm cảnh rất rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây mọc khô, leo dài, bám chặt vào giá đỡ bởi nhiều rễ trên các đốt. Lá lớn, rộng chia thùy lông chim không đều, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa bông dày, mo trắng ở ngoài.

Cây chịu được bóng mát, làm cây trang trí rất thích hợp.

### I.89. CÂY THƯỢNG CÁN XÈ (Ráy leo lá xè, Ngót, Trầu trời lá lớn)

Tonga- creeper, *Epipremnum* beau, Mexican bread- fruit; Ceriman

*Epipremnum pinnatum* (L.) Schott.

(*E. mirabile* Schott.; *Scindapsus decursivus* Zoll.)



H.35. Thượng Cán xè –  
*Epipremnum pinnatum* Schott.

### Họ Ráy (Araceae)

Cây leo, có nhiều rễ khí sinh. Thân hình trụ mập, bò dài ở vỏ cây gỗ hay trên vách tường. Lá lúc non thì nguyên hoặc xẻ ít thùy. Lá trưởng thành xẻ thùy lông chim sâu không đều nhau gốc lá hình tim, cuống lá khá dài có mép mỏng và có bẹ.

Cụm hoa là bông mo. Mo có màu lục ở mặt ngoài, màu vàng ở mặt trong, cuống hình trụ mập có nhiều sợi tơ do lá bắc bị rách. Bông hình trụ ngắn hay dài bằng mo. Hoa rất nhiều, lưỡng tính mọc sát nhau làm thành các ô đa giác. Quả mọng (Hình 35).

Cây mọc dại ở rừng miền Trung và Nam nước ta và được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh nơi bờ tường, các công trình kiến trúc hay cho leo lên các cây gỗ lớn trong các công viên, vườn biệt thự.

Ngoài ra có thể khai thác một loài khác, mọc dại trong rừng làm cây trang trí cho sân vườn là :

#### I.90. THƯỢNG CÁN CUỐNG MẬP

*Flask philodendron*

*Philodendron canifolium*

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Guyan (châu Mỹ). Cây mọc bụi nhỏ, sống phụ hay bò dài trong đất. Lá thuôn nhọn ở đỉnh, dày, xanh bóng. Cuống mập hơi có rãnh, gân không rõ. Cây đẹp mọc cao lộ khỏi đất nên làm cây trang trí ở chậu thích hợp. Loại lai có phiến lá màu bạc, đẹp hơn là *Philodendron (hastatum × imbe Schott.) × Wendlanii*.

#### I.91. CÂY THƯỢNG CÁN ĐUÔI PHƯỢNG

*Raphidophora decursiva (Roxb.) Schott.*

Cây leo lớn, lá xẻ thùy lông chim sâu gần đến gân giữa. Cụm hoa có mo màu vàng.

#### I.92. CÂY TIÊU DỘI (Tiêu long java)

Poivre long de java

*Piper retrofractum Vahl.*

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây leo bò sát giá thể do có nhiều rễ khí sinh mọc bám, nên thường gây trồng để phủ kín một mảng tường, hay một bờ rào kín. Thân mảnh, phân nhánh nhiều dày đặc, đầu vươn dài cao. Lá dạng

thuôn dài, đầu có mũi, gốc không cân xứng, tròn, màu xanh đậm, bóng, gân mảnh nổi rõ và có điểm nhiều đốm nhỏ màu xanh nhạt, pha xám. Lá xếp cách nhưng rất sát nhau.

Cụm hoa dạng bông ngắn, dày, đơn tính. Bông đực dài 5 cm, mang hoa xếp sát nhau. Bông cái dài 3 - 4 cm, rộng 1 cm, đều màu xanh pha đen mọc thẳng nổi rõ trên đám lá. Quả mọng, tròn.

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành có cả rễ, chọn các đoạn cành đã trưởng thành, giâm ở đất hay bó vào giá thể. Cây chóng cho chồi và rễ mới.

#### I.93. CÂY TIÊU LONG (Tiêu lốt)

**Poivre long, Long - pepper, Poivre à queue**

***Piper longum* L.**

**Họ Hồ tiêu (Piperaceae)**

Cây mọc bò dài, do có rễ mọc vào giá thể. Lá dạng thuôn dài, mặt trên xanh bóng, mặt dưới có lông mịn, đầu lá thuôn dài, gốc lá tù hơi lệch, gân nổi rõ. Lá dày đặc trên cành nhánh dài.

Cụm hoa dạng bông mập. Bông đực dài 5 - 6 cm, mang hoa đực trần, dày đặc. Bông cái dài 1 - 2 cm, lúc non màu xanh đậm, khi chín thành quả đỏ.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng, xanh quanh năm và lá dày nên được ưa chuộng trồng làm hàng rào nơi bờ tường hay ở vườn. Cây trồng bằng các đoạn cành có rễ, cắt các đoạn cành rồi giâm trên đất ẩm nơi chân tường ẩm và có nắng. Cây chóng nảy chồi và cho rễ mới.

#### I.94. CÂY TRÀ HÀNG RÀO

**Théier sauvage, Faux théier**

***Acalypha eurardii* Gagn. (*A. fruticosa* Auct.)**

**Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)**

Cây mọc hoang dại nơi đồi hoang, đất trống, ven rừng, nhưng được gây trồng rất rộng rãi làm cây hàng rào từ Bắc vào Nam.

Cây gỗ nhỏ cao 1 - 4 m, phân cành nhánh nhiều và thường được xén tia theo các dạng hàng rào. Lá dạng hình trái lệch, dày, màu xanh đậm, bóng, mép khía răng cưa nhỏ, gân mảnh nổi rõ, xanh quanh năm. Cụm hoa dạng bông, dài 2 - 4 cm mọc ra ở nách lá, màu xanh nhạt. Gốc hoa có lá bắc lớn hình đĩa sâu mép có răng

trong mang hoa đực xếp vòng quanh một hoa cái ở giữa. Quả nang có 3 múi. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách giâm các đoạn cành vào đầu mùa mưa hay mùa xuân (ở các tỉnh phía Bắc).

### 1.95. CÂY TRẦU KHÔNG

Betel- leaf; Betel pepper; Bétel, Poivrier bétel

*Piper bettle* L.

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Malaysia) và được gây trồng rộng rãi làm cây lấy lá ăn trầu. Cây leo thấp, bò sát giá thể do có nhiều rễ mấu bám chặt, sống lâu năm. Lá có dạng khiên, thuôn bầu dục gần tròn, gốc hình tim, cuống dài. Phiến lá màu xanh bóng nhạt hay pha vàng. Cụm hoa dạng bông mập, mọc đối diện với lá. Quả tròn.

Cây có giá trị làm thuốc, ăn trầu hơn làm cảnh, tuy nhiên cũng có tác dụng làm giàn leo. Gây trồng chủ yếu bằng giâm các đoạn cành bánh tẻ, có 1 - 2 chồi và có rễ phụ.

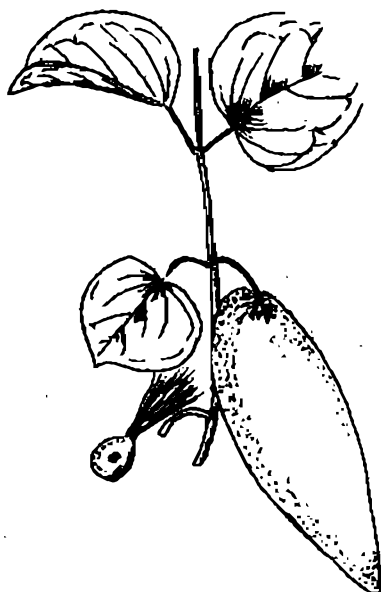
### 1.96. CÂY TRẦU TRỜI (Ráy leo)

*Pothos scandens* L.

Họ Ráy (Araceae)

Cây thân cỏ, leo dài, cành non hình trụ, có rãnh nhỏ. Lá rất đa dạng, ngay cả trên một cây, thường hình mũi mác, hoặc hình giải mũi mác, đầu thuôn nhọn, gốc tù, dạng hai phiến nối tiếp nhau. Cụm hoa ở nách lá, ngắn hơn cuống lá, vẩy rất bé. Mo bé. Trục cụm hoa hình trứng. Hoa lưỡng tính.

Cây mọc dại ở rừng nước ta, nhưng do dạng lá đẹp có thể gây trồng làm cảnh, để leo bám lên các cây gỗ lớn trong vườn hay công viên nơi bờ tường ẩm.



H.36. Cây Trâm hùng -  
*Raphistemma pulchellum* Wall.

### I.97. CÂY TRẦU TRỜI MỸ

***Philodendron scandens* Koch. et Sello ex. Koch et Bouché (*P. discolor* Hort.)**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Costa - Rica (châu Mỹ). Cây leo với nhiều rễ khí sinh buông thõng theo thân. Lá hình tim rộng, đầu nhọn, mặt trên phiến lá như nhung, mặt dưới màu đỏ. Cụm hoa có cuống chung dày.

Cây trồng làm cảnh đẹp ở vườn hay trên quang treo. Gần đây còn nhập trồng cây Trầu trời mỹ xẻ - *Philodendron bipinnatifidum* Schott. Có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ).

### I.98. CÂY TRÂM HÙNG

***Raphistemma elegant***

***Raphistemma pulchellum* (Roxb.) Wall.**

**(*Asclepias pulchella* Roxb.)**

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma quần đảo Molluca) và mọc hoang dại rộng rãi ở các tỉnh miền Trung nước ta. Cây bụi lớn, cành vươn dài và leo cuốn khỏe, nhẵn. Lá đơn mọc đối, gốc hình tim rộng, thuôn dài nhọn đầu. Cuống lá mảnh, dài, có tuyến. Lá màu hồng nhạt khi còn non sau đó chuyển sang màu xanh đậm, bóng.

Cụm hoa mang 4 - 9 hoa. Hoa lớn, màu trắng hay vàng nhạt. Cánh tràng hợp lại thành ống có dạng chuông, trên chia 5 thùy dạng trái xoan bầu dục. Tràng phụ có 5 sợi dài.

Quả lớn, mọng. Hạt dẹt, có lông mào. (Hình 36)

Cây mọc khỏe, dễ gây trồng bằng cách giâm cành. Chọn các cành bánh tẻ dài từ 12 - 15 cm giâm nơi đất ẩm mát. Cây có thể chịu được khô, nóng khi trưởng thành.

### I.99. CÂY TRẦU CỔ (Sung thần lằn, Vẩy ốc, Xộp)

**Climbing fig; Creeping fig; Barbados ivy, Ivy like creeper;**

***Ficus à petites feuilles; Figurier stipulé***

***Ficus pumila* L.**

**(*Ficus repens* Hort.; *Ficus stipulata* Thunb. var. *repens* Hort.)**



## Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á; từ Nhật, Trung Quốc xuống các nước Malaysia, Indonesia...

Cây có thân hóa gỗ cứng, lớn, cành nhánh bò leo, vươn dài bám vào vách tường, thân cây gỗ bằng rễ. Lá có hai loại, ở các nhánh tự do, lá lớn hình phiến, gốc hình tim, đầu thuôn dài, có cuống rõ rệt; còn ở các nhánh bò áp vào tường, lá nhỏ bé, xếp sát nhau, không có cuống, gốc hình tim. Lá mọc dày đặc phủ kín cả giá thể. Các cành vươn dài mang quả phức (dạng sung) lớn, có cuống dài. Quả dạng thuôn lớn dần ở đỉnh, lúc non màu xanh trắng, sau chuyển sang màu đỏ nâu. (Hình 37). Cây rất dễ trồng bằng các đoạn cành có rễ phụ. Cắt các đoạn dài 10 - 20 cm, trồng trực tiếp nơi chân tường, bờ rào. Sau một năm đã che kín giàn.



H.37. Trâu cổ - *Ficus pumila* L.

### I.99.a. Cây Trâu cổ nhỏ

*Ficus pumila* L. var. *minima* Hort. (*Ficus minima* Hort.)

Cây có dáng nhỏ bé, với lá xanh đậm rất nhỏ, có thể trồng nơi các tầng đá trong các chậu cảnh hay hòn non bộ, hoặc leo nơi bờ tường thấp ẩm làm cảnh.

### I.100. CÂY TU HÚ ĐÔNG (Lõi thợ leo, Găng tu hú)

*Gmelina asiatica* L. (*G. parviflora* Pers.)

#### Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanca, Đông Dương). Cây mọc hoang dại nơi đất trống, bãi hoang, nóng, khô nhưng vì mọc thành bụi rậm có gai cứng và hoa đẹp nên thường được gây trồng làm cây hàng rào. Cây gỗ phân cành nhánh dài từ gốc, cành non cong mềm, màu xanh trắng. Lá đơn nguyên hay có thùy mọc đối cùng với gai cong. Lá mềm màu xanh pha vàng, mặt dưới có lông và tuyến nhỏ.

Cụm hoa thưa ở ngọn cành, hoa to, mềm, màu vàng tươi, buồng

thông xuống và mau rụng. Quả cứng màu vàng có đài còn lại ở gốc.

Cây rất dễ trồng, mọc khỏe, không kén chọn đất và mau lớn.

### I.101. CÂY TU HÚ PHI

**Snapdragon tree**

***Gmelina philippinensis* Cham. (*G. hystrix* Sch.)**

**Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)**

Cây gỗ cành nhánh dày đặc, mọc thẳng hay dựa vào giá thể. Cành có gai lớn nên được trồng làm cây hàng rào. Lá mọc đối đơn nguyên hay chia thùy, phiến lá xanh nhẵn bóng ở mặt trên, mặt dưới màu xanh mốc trắng. Cụm hoa cũng ở đầu cành, hoa xếp dày đặc do lá bắc lớn màu tím nhạt xếp lợp lên nhau. Hoa màu vàng lớn, dạng hình phễu lệch chia thùy ở đỉnh không đều. Quả cứng, tròn, dài, nhẵn và có đài còn lại ở gốc.

Cây ưa vùng đất khô nóng, chịu được loại đất xấu, do đó rất dễ trồng và mọc nhanh. Hiện nay cây được trồng để làm cây uốn thế, trồng trong chậu bày trong phòng.

### I.102. CÂY TUYẾN NHA

**Salmon yellow; *Odontadenia* remarkable**

***Odontadenia macrantha* (Roem. et Sch.) Markgr.**

**(*O. grandiflora* Miq.; *O. speciosa* Benth;**

***Dipladenia harrisii* Purd.)**

**Họ Trúc đào (Apocynaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Nam châu Mỹ, và hiện nay được gây trồng ở các tỉnh phía Nam Việt Nam để làm cảnh, làm hàng rào.

Cây bụi, phân cành nhánh dài leo cuốn, có nhựa mủ trắng. Lá đơn, mọc đối, dạng thuôn bầu dục, nhám, màu xanh bóng, đậm. Cụm hoa ở nách lá mang hoa lớn, dạng phễu thơm ngát. Gần họng phía trong từ màu vàng chuyển sang màu vàng cam và đỏ, không có phần phụ, cuống hoa màu đỏ. Quả gồm 2 đại, dài đến 20 cm, hạt có lông và vỏ.

Cây đẹp, hoa thơm lại dễ gây trồng nên được ưa chuộng. Cây có thể trồng bằng chiết hay giâm cành. Cành giâm là cành bánh tẻ, dài 15 - 20 cm. Chọn đất ẩm, mát, đầy đủ phân để giâm. Sau khi cành ra chồi và có rễ, bứng bầu đem trồng nơi cố định. Cành chiết trong vòng một năm đã có nhiều rễ, cắt rời trồng.

## II. NHÓM CÂY LÀM CẢNH BẰNG THÂN

### II.A. NHÓM CÂY THÂN CỘT

#### II.A.1. CÂY BÚNG BẮNG (ĐOÁC)

Sugar Palm, Arbre au sagou

*Arenga pinnata* (Warmb.) Merr.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc tự nhiên trong rừng ẩm thường xanh nước ta. Thân cột đơn độc, cao trên 10 m. Lá lớn dày, dạng lông chim, tập trung ở đỉnh, màu xanh mướt trắng. Cụm hoa lớn ở nách lá, buồng rủ xuống. Hoa nhỏ màu tối (tím). Quả cứng.

Cây thường lấy ruột để cho đường hay cất rượu. Cây có dáng đẹp, đồ sộ trồng làm cảnh ở các biệt thự được.

#### II.A.2. CÂY CAU

*Areca nut*; Betel nut palm;

*Arequier*

*Areca catechu* L.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Srilanca, Malaysia, Đông Dương) thường được gây trồng để lấy quả ăn trầu nhưng do dáng cây đẹp, mọc cao nên có thể kết hợp gây trồng làm cảnh nơi vườn cây, sát bờ tường, hay dọc lối đi.

Cây có thân cột cao, mảnh, đường kính thân khoảng 20 cm, nhưng có thể cao trên 10 m. Thân



H.38. Cau - *Areca catechu* L.

có đốt cách nhau khoảng 10 cm. Gốc thân hơi phình rộng, mang nhiều rễ nổi. Đầu thân mang lá mọc dày đặc thành chùm. Lá có bẹ to, mang hai dãy lá nhỏ. Cụm hoa đơn tính cùng gốc. Mo ở bông mo sớm rụng. Trong cụm hoa, hoa đực màu trắng nhỏ, có mùi thơm. Hoa cái ở dưới, lớn hơn và màu xanh. Quả hạch hình trứng thuôn cả 2 đầu, lúc non màu lục bóng nhẵn sau già màu vàng. (Hình 38).

Hiện nay, cây Cau được các nhà làm vườn xử lý trở thành cây nhỏ thấp để trồng làm cảnh. Cây được trồng bằng quả (hạt). Chọn quả già, mập, ươm gieo ở vườn ươm hay ở bầu. Khi nảy mầm và cây lên cao trên 20 cm đem trồng nơi cố định.

### II.A.3. CÂY CAU BỤNG (Cau trụ)

**Royal Palm; Bottle palm;**

**Palmier royal**

***Roystonea regia* O.F. Cook.**

**(*Oreodoxa regia* H.B. et. K.;**

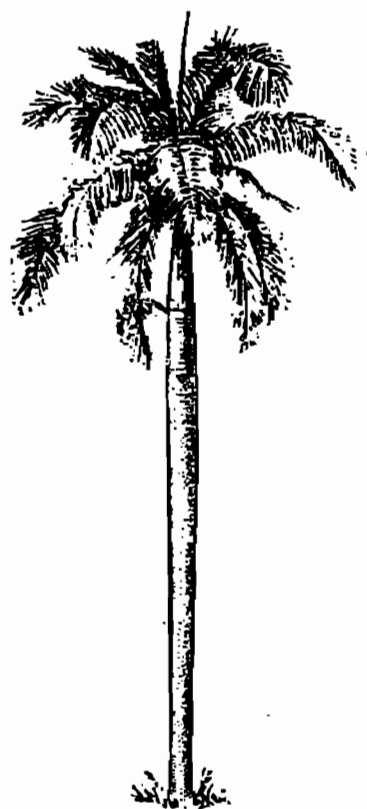
***Oenocarpus regius* Spreng.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Cuba (châu Mỹ), có dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh trong vườn các biệt thự, nơi công viên.

Cây có thân trụ đơn độc, sống lâu năm. Thân tròn dài, cao từ 7 - 20 m, phình lớn ở phần trên gần ngọn, có đốt không rõ, nhẵn. Lá mọc tập trung ở ngọn thân, dài 3 - 4 m, có bẹ rất lớn, dài, màu xanh, phiến lá chia thùy kép lông chim. Cụm hoa lớn mọc ra ở gốc các lá già. Bông mo dài trên 1 m, buồng rủ xuống và phân nhánh nhiều, nhẵn. Hoa đơn tính. Hoa đực màu trắng. Hoa cái rất nhỏ. Quả hình bầu dục, màu nâu đỏ, gốc có cánh dài còn lại (Hình 39).

Cây có dáng khô đẹp, điển



H.39. Cau bụng

*Roystonea regia* O. F. Cook

hình cho các loài cây cảnh nhiệt đới. Cây mọc chậm, gây trồng chủ yếu bằng quả (hạt) trong các vườn ươm, khi cây cao khoảng 1 m mới đem trồng cố định.

#### II.A.4. CÂY CAU BỤI

*Archontophoenix d' Alexandre*

*Archontophoenix alexandrae* Wendl. et Drude

(*Ptychosperma alexandrae* F. V. Muell.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, hiện đang được gây trồng rộng rãi ở nước ta để làm cảnh. Cây mọc thành bụi dày, cao khoảng 3 - 7 m dáng đẹp vì thân mảnh mai, nhẵn, hơi phình lớn dần ở gốc, có khía đốt, do sẹo lá để lại. Cây cao khoảng 10 m (thường làm nhỏ đi để trồng ở chậu). Lá mọc sát nhau, lúc non có màu hồng, dạng kép lông chim, với các lá phụ thuôn hẹp, mặt trên màu xanh bóng đậm, mặt dưới màu trắng nhạt. Cuống lá cứng, khỏe, mọc thẳng đứng, gốc có bẹ, nhẵn.

Cụm hoa ở nách lá rụng, phân nhánh thưa, dạng chùm bông. Quả chín màu đỏ (hiếm thấy). Cây có dáng đẹp, mọc dày đặc nên rất thích hợp làm cảnh cho các công viên, vườn hoa.

#### II.A.5. CÂY CAU CẢNH (Cau úc)

Australian Feather palm, *Ptychosperma de macarthur*,  
Murrucane palm

*Ptychosperma macarthurii* H. Wendl.

(*Kentia macarthurii* Hort.; *Actinophleus macarthurii* Becc.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, Tân Ghinê, được gây trồng rộng rãi, ở nước ta nhất là các tỉnh phía Nam làm cây cảnh ở chậu hay ở vườn hoa, công viên.

Cây mọc thành bụi thân mảnh có đốt, và cao khoảng 3 m. Lá kép lông chim, dài khoảng 1 m, mặt trên xanh bóng, mặt dưới xanh xám, các lá nhỏ rất nhiều, xếp sát nhau, dài khoảng 20 - 30 cm, đầu lá cắt xéo, có răng. Cụm hoa đơn tính mọc ra từ các đốt trên cùng, sát với tán lá, chùm nhỏ ít phân nhánh. Quả chín đỏ, dài 1 cm (Ảnh 22).

## II.A.6. CÂY CAU CHUỘT (Cau bụi cảnh)

### *Pinanga paradoxa* Scheff.

#### Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc thành bụi thưa, thân mảnh mọc nghiêng, cao khoảng 1 - 2 m, có đốt đều đặn, màu xanh bóng có điểm các đốm màu nâu. Lá mọc tập trung ở ngọn, dài 30 - 50 cm có bẹ lớn khía rãnh. Phiến lá dạng kép lông chim, với 3 - 4 đôi lá phụ, cong hình lưỡi liềm, thuận dài, nhọn đầu, đôi lá phụ ở đỉnh thường lớn hơn cả, dính lại với nhau và cong ra như đuôi chim én. Cụm hoa nhỏ bé, hoa thưa đơn tính. Quả thuận màu đỏ, gốc có đài còn lại.

Cây mọc rộng rãi ở rừng nước ta cũng như ở các nước Đông nam châu Á khác. Do dáng cây đẹp, mọc khỏe, dễ trồng nên có thể làm cảnh ở trong chậu, trong các bãi cỏ nơi công viên hay trong vườn. Gây trồng dễ dàng bằng gieo hạt.

Có thể nhập để trồng một loài khác là :

## II.A.7. CÂY CAU CHUỘT MÃ LAI

### *Pinanga kuhlii* Bl.

Cây có nguồn gốc ở Malaysia, mọc đơn độc, thân cột nhỏ mang các lá kép ở đỉnh.

## II.A.8. CÂY CAU ĐỎ BỤI (Cau kiếng đỏ)

### Sealing-wax Palm; Palmier rouge

### *Cyrtostachys lakka* Becc.

#### Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo của Indonesia và được gây trồng phổ biến ở nước ta làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn, trong công viên. Cây mọc thành bụi nhỏ, cao đến 10 m, thân dày mập mang đám lá ở đỉnh (thường cây chỉ cao 1 - 2 m đã có tán lá dày đặc). Lá dài đến 1,5 m dạng kép lông chim, bẹ lớn ôm lấy thân và màu đỏ tươi, cuống lá cũng màu đỏ. Cụm hoa buông thông xuống lúc non màu xanh, sau màu đỏ. Quả cứng màu đen, gốc đỏ. Cây có dáng đẹp và đặc sắc nên được trồng làm cây cảnh (Ảnh 23). Gây trồng bằng hạt hay tách các chồi nhánh.

Ngoài ra, còn có thể trồng một loài khác là :



Ảnh 1: Ăngtigôn - *Antigonon leptopus* Hook. et Arn.



Ảnh 3: Bạc thau - *Argylea nervosa* (Burm. f.) Boi



Ảnh 2: Ánh hồng - *Pachyptera hymenaea* (DC.) Gentry



Ảnh 4. Bìm bìm *Ipomoea pes-caprae* L. & Sw.



Ảnh 5. Bìm bìm biếc *Ipomoea pes-caprae* L. & Roth.



Ảnh 6. Bìm bìm trắng khôi  
*Ipomoea pes-caprae* Jacq. subsp. *flavica* (Poir.) Austin



Ảnh 7. Bồng xanh *Petrea volubilis* Jacq.





Ảnh 8: Búp - *Hibiscus rosa-sinensis* L.



Ảnh 9: Búp kình - *Malvaotiscus arboreus* Cav.



Ảnh 10: Búp Xi-ri - *Hibiscus sylvatica* L.



Ảnh 11: Cát Dâng - *Thunbergia grandiflora* Roxb.



Ảnh 12: Chùm ớt - *Pyrostegia ignea* (Vahl.) Presl.



Ảnh 13: Dây giun - *Quesqualts indica* L.



Ảnh 14: Dây tóc tiên - *Ipomoea quamoclit*



Ảnh 15: Hâm cốp - *Thunbergia mysorensis* T. And. Ảnh 16: Hoa giấy - *Bougainvillea spectabilis* Willd.



Ảnh 17: Huỳnh anh - *Allamanda cathartica* L.





Ảnh 18: Lâm nhung áo  
*Congea pedunculata* Munir.



Ảnh 19: Ngọc nữ  
*Clerodendron thomsonae* Ball.



Ảnh 20. Ngót ngoèo *Gloriosa superba* L.



Ảnh 21. Thanh quan *Derris indica* L.



**Anh 22: Cau cảnh**  
*Ptychosperma macarthuri*  
H. Wendl.



**Anh 23: Cau đỏ họ**  
*Cyrtostachys lakka* Becc.





Ảnh 24: Cau tua  
*Dypsis pinnatifrons* Mart.



Ảnh 25: Cau vàng  
*Chrysalidocarpus lutescens*  
H. Wendl.



Ảnh 26: Dừa - *Coccothrinax* Linn.



Ảnh 27: Hèo to - *Livistona rotunda* H. Wendl.



Ảnh 28: Tre dúi ga - *Bambusa ventricosa* Me. Cl.



Ảnh 29: Tre vàng sọc - *Bambusa vulgaris* Schradler var. *sinica* variegata Hort.





Ảnh 30: Lưỡi còp vân  
*Sansevieria trifasciata* Prain.



Ảnh 31: Nanh heo  
*Sansevieria cylindrica* Boj.



Ảnh 32: Ngô đồng  
*Jatropha podagrica* Hook.



Ảnh 33: Quỳnh  
*Epiphyllum oxypetalum* (DC.) Haw.



Ảnh 34: Quỳnh đỏ  
*Epiphyllum akermannii* Haw.



Ảnh 35: San hô xanh  
*Euphorbia tirucalli* L.



Ảnh 36: Sứ thái  
*Adenium obesum* Roem. et Sch



Ảnh 37: Thạch trụ thiên  
*Trichocereus candicans* Br. et R





Ảnh 28. Thu hải đường dã *Begonia ranunculifolia* Miq.



Ảnh 29. Thu hải đường châu châu  
*Begonia venusta* Hort.



Ảnh 30. Thu hải đường trắng  
*Begonia dolichota* Hort.



Ảnh 41- Thu hải đường trường xuân *Begonia semperflorens* Link et Otto.





Ảnh 43. Thùa Mỹ  
*Agave americana* L.  
var. *marginata* Bail.



Ảnh 44: Thuộc dôi  
*Euphorbia atoto* Forst.

## II.A.9. CÂY CAU ĐỎ BỆ LỚN

*Cystostachys renda* Bl.

Họ Cau (Areaceae)

Cây có kích thước lớn gấp đôi loài trên và hạt trong quả tròn chứ không có dạng trái xoan như loài trên. Về màu sắc có thể gây trông chúng :

II.A.9.a. *Cây Cau đỏ bẹ máu*

*Cyrtostachys renda* Bl. var. *duvivierianum* Pynaert.

Cây có cuống và thân màu đỏ tươi chứ không đỏ nâu như loài cau đỏ bẹ. Đây là chủng của loài Cau kiếng đỏ đẹp nhất.

## II.A.10. CÂY CAU SÂM BANH

Bottle palm.

*Hyophorbe lagenicaulis* (H. *amaricaulis* Mart.)

Họ Cau (Areaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Mascarena, mới nhập gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây thân cột đơn độc, gốc phình rộng, mập, nổi rõ các vòng sạt nhau dó sẹo lá rụng, đỉnh thân thót lại mang lá kép lông chim lớn, dài 1 - 2 m, cuống và gân chính lớn thường cong.

Cây đẹp, hấp dẫn trồng ở chậu hay ở bãi cỏ đều được.

## II.A.11. CÂY CAU TRẮNG

Christmas palm

*Veitchia merrilli* H. Wendl.

Họ Cau (Areaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Fiji, và được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở các nước nhiệt đới. Cây cao đến 10 m, thân tròn đều, đốt sạt nhau (dấu vết lá rụng). Lá kép lông chim ở đỉnh thân, màu xanh bóng, dài đến 1,5 m, lá phụ hẹp nhọn, cuống lá màu xanh trắng. Cụm hoa mọc ra từ các đốt nơi lá rụng, mang hoa đơn tính cùng gốc. Hoa màu trắng. Quả hình trái xoan cứng, dài 2 cm. Cụm hoa và cụm quả thẳng cứng, mập nên khá đẹp.

Cây có dạng đặc sắc, nên rất được ưa chuộng. Trồng bằng hạt.

## II.A.12. CÂY CAU TRÚC (Dừa Hawaii)

**Parlor palm**

***Chamaedorea elegans***

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ). Cây mọc bụi, nhỏ, thấp, cao nhất là 3 m. Thân tròn màu xanh có đốt thưa, đều đặn. Lá kép lông chim ở đỉnh, lá phụ nhỏ như lá tre. Cụm hoa ở các đốt già sát đất, màu vàng. Quả hình cầu.

Cây trồng ở chậu, chịu bóng tốt.

Hiện nay, các tỉnh phía Nam có nhập trồng nhiều loài cau Trúc khác có thân nhỏ và lùn hơn trưng bày ở các chậu nhỏ rất đẹp.

## II.A.13. CÂY CAU TUA

**Dipsis**

***Dypsis pinnatifrons* Mart. (*Areca gracilis* Thouars)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Madagasca. Ở Việt Nam, cây được gây trồng làm cảnh nơi công viên hay trong vườn các biệt thự lớn. Cây gỗ lớn, cao đến 10 m, thân hình cột thẳng đều, đường kính đến 15 cm. Lá mọc tập trung ở đỉnh, bẹ lá không ôm trọn thân, phiến lá có dạng kép lông chim, dài 2 - 3 m, lá phụ mảnh thót lại ở đỉnh thành các sợi dài buông rủ xuống (tua). Cụm hoa buông xuống, trên các đốt lá rụng, mo dài 20 cm. Hoa màu vàng nhạt. Quả hình trái xoan. Cây có dáng khỏe, nhưng mềm mại. Cây trồng bằng hạt hay tách các nhánh ở gốc (Ảnh 24)

## II.A.14 - CÂY CAU VÀNG (Cau kiếng vàng, Cau đuôi phượng)

**Cane palm, Areca palm, Palmier multipliant**

***Chrysalidocarpus lutescens* H. Wendl.**

**(*Areca lutescens* Borry.) *Hyophorbe indica* Gaertn.;**

***H. commersoniana* Mart.)**



## Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Môris và Rêunion, được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở các nước nhiệt đới, vì dáng cây đẹp và lá có màu vàng nhạt.

Cây mọc thành bụi dày vì luôn đâm chồi ở bên, cây cao xen lẫn cây nhỏ rất đẹp. Cây chỉ cao 1 - 2 m nếu trồng ở chậu, còn đem trồng ở vườn có thể cao đến 6.- 7 m đường kính đến 20 cm. Lá có bẹ mềm bóng, cuống lá tròn và phiến lá dạng kép lông chim màu vàng nhạt. Cụm hoa đơn tính, cùng gốc, lớn, dài đến 40 cm, phân nhánh nhiều và hoa mọc dày đặc. Quả dạng trái xoan, dài 1 cm, màu vàng (Ảnh 25).

Cây rất dễ trồng bằng hạt hay tách ra cây con từ các bụi lớn. Cây mọc khỏe, chịu được đất xấu, nên trồng ở chậu cây vẫn dễ nhánh và sống lâu năm. Ươm gieo hạt (quả) như cau nhà, trong các túi bầu, cây cao 50 cm đem trồng nơi cố định. Mùa mưa, chọn các bụi dày, dùng dao sắc xén thẳng để tách các bụi nhỏ có đủ rễ đem trồng ngay.

## II.A.15 - CÂY CHÀ LÀ (Chà là nam, Phượng vũ)

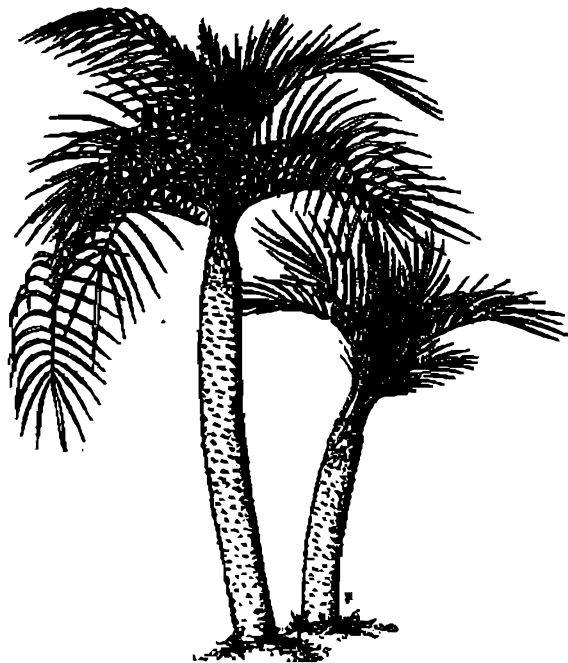
**Dwarf Date palm, Dattier nain, Dattier sauvage**

***Phoenix loureiri* (Becc.) Kunth. (*P. roebelenii* O'Brien)**

## Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Châu Á nhiệt đới ẩm ướt (Ấn Độ, Mianma, Đông Dương) mọc hoang dại nơi đất trống, ven rừng.

Cây mọc thành bụi, thấp nhỏ, cao đến 3 - 4 m, đường kính 15 cm, thân xù xì, mốt trắng có đốt với các dây gai đều đặn (do gốc lá rụng còn lại). Lá mọc tập trung ở đỉnh thân, dài 1 - 1,5 m, dạng kép lông chim với các lá phụ dạng thuôn nhọn, cứng. Cụm hoa ngắn, dài khoảng 20 cm, có mo ở ngoài dài 20 cm. Quả mỏng có hạch (Hình 40). Cây được gây trồng bằng hạt. Ươm gieo ở vườn, khi cây có một vài lá đem trồng nơi cố định.



H.40. Chà là - *Phoenix loureiri* Kunth.

## II.A.16 - CÂY CHÀ LÀ BỤI

**Dattier à feuilles penchées**

***Phoenix reclinata* Jacq.**

**(*P. leonensis* Houtte, *P. zanzibariensis* Hort.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam Châu Phi, nhưng được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở chậu hay trong các công viên để làm cảnh, làm cây trang trí.

Cây mọc thành bụi dày. Thân có nhiều sẹo nổi rõ với các gai tày do cứng lá rụng còn lại. Lá mọc sát gốc, dạng kép lông chim thẳng đứng. Các lá phụ xếp gần như vòng quanh cuống chung đôi khi xếp chụm lại từng chỗ 2 - 3 lá phụ, làm cho dáng chung của lá khá đặc sắc. Phiến lá màu xanh đậm, bóng cứng, các lá phụ thẳng

nhọn ken vào nhau làm cho cây thành bụi dày, xum xuê. Cuống chung có gai. Cụm hoa đơn tính, lúc non màu xám nhạt, sau chuyển sang màu vàng. Quả nhỏ, xếp dày đặc thành chùm, vỏ quả mỏng. Hạt có đường kính 1 cm.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm như các loài cau dừa khác, khi cây cao khoảng 20 - 30 cm bứng bầu đem trồng ở chậu.

## II.A.17 - CÂY CHÀ LÀ MIÊN

*Phoenix hanceana* Naud.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây được khai thác từ các rừng giáp biên giới Campuchia (Tây Ninh) đem về làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây có thân ngắn, mập, phình tròn ở gốc có nhiều sẹo khảm sạt nhau do cuống lá rụng. Gốc thân để các nhánh nhỏ. Lá kép lông chim, lá phụ xếp không trên 1 mặt phẳng, thuôn nhọn như gai. Cụm hoa chùm khác gốc. Quả hình trái xoan, dài 1 - 2 cm.

Gần đây, có nhập trồng 1 loài khác là :

- *Cây Chà là quả* - *Phoenix dactylifera* L. Cây cho quả làm mứt, nhưng cây đẹp có thể trồng làm cảnh (nhỏ ở chậu, trồng ở các bãi cỏ trong công viên, biệt thự).

## II.A.18 - CÂY CỌ CẢNH

Fortune's Palm, Fan - leaved Palm; *Trachycarpus élevé*

*Trachycarpus excelsus* H.Wendl.

(*T. fortunei* Wendl.; *Chamaerops exelsa* Thunb.;

*C. chinensis* Hort.; *C. fortunei* Hook.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) được gây trồng rất rộng rãi làm cây trang trí nội thất hay ở vườn nơi công viên trên khắp nước ta.

Cây gỗ, thân trụ thẳng, cao đến 15 m, còn thường chỉ cao 8 - 10 m. Khi cây còn non, thân được bao phủ bởi các cuống lá rụng với các sợi tơ màu nâu, mềm. Lá tập trung ở đầu thân, dạng quạt, kép

chân vệt. Cuống lá dài đến 1 m, nhẵn, phiến lá gần tròn, đường kính 50 - 60 cm, chia ra các lá phụ hình giải, màu lục nhạt, gãy rủ xuống.

Cụm hoa ở giữa đám lá, buồng rủ xuống. Mo dày, màu nâu đỏ. Hoa vàng óng, hay vàng lục nhạt. Quả gần tròn màu lục đậm, có 1 hạt hình cầu. Cây làm cảnh đẹp và gây trồng chủ yếu bằng hạt.

Có thể trồng một loài khác có thân lùn, thích hợp ở trong chậu  
*Trachycarpus nana* Becc.

## II.A.19 - CÂY CỌ DẦU (Dừa dầu)

**Oil palm, Palmier à huile; *Elaeis guineé***

***Elaeis guineensis* Jacq.**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi xích đạo, được nhập vào nhiều nước để gây trồng lấy dầu. Ở nước ta, trước đây có gây trồng để làm cảnh nơi đất rộng ở công viên hay trong vườn, hiện nay được gây trồng rộng rãi hơn để lấy dầu.

Đây là một loại cây có giá trị kinh tế cao vì cho dầu quý, tuy nhiên cây có dáng đẹp, sống lâu, thích hợp với khí hậu nhiệt đới nên được gây trồng làm cảnh. Cây được trồng chủ yếu bằng quả, hạt. Sau khi thu hoạch cần ươm gieo ngay, vì hạt có dầu nên rất chóng mất khả năng nảy mầm. Sau khi cây cao 50 - 60 cm mới đem trồng nơi cố định. Cần bón phân và đủ độ ẩm.

## II.A.20 - CÂY CỌ ĐỎ (Lá non, Lá gôi, Kè đỏ, Kè nam)

**Cabbage palm**

***Livistona saribus* (Lour.) Merr. ex Cheval.**

**(*L. cochinchinensis* Mart. *L. hoogendorpii* Teysm. et Bnd.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây mọc hoang dại vùng đồi trung du miền Bắc và miền Trung nước ta, nhưng cũng được thu hái hạt gây trồng làm cây cảnh, thậm chí làm cây cảnh nhỏ trồng ở các chậu dùng để trang trí nội thất.

Cây có thân gỗ hình trụ mọc thẳng đứng, cao đến 20 m, đơn độc. Thân non có nhiều gai dày do cuống lá rụng để lại, thân già

nhấn với các sẹo đều đặn. Lá hình quạt lớn, đến 2 m. Cuống dài mảnh có gai dài, cứng, màu nâu bóng.

Cụm hoa dày đặc hình chùy. Hoa lưỡng tính, tập trung 3 - 5 hoa ở một điểm. Quả hình cầu có gốc bao hoa còn lại. Hạt hình cầu.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe. Hạt dễ nảy mầm nên có thể gieo trồng làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn, dọc lối đi.

## II.A.21 - CÂY CỌ MỸ (Kè chi)

**Lower california, Washingtonia filifera, Fan palm**

***Washington filifera* (Lind.) H. Wendl.**

***(Pritchardia filifera* Lind.;**

***Brahea filamentosa* Hort.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng khô á nhiệt đới châu Mỹ (California, Arizon), có dáng oai vệ, đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước.

Cây gỗ lớn, cao đến 30 m, nhấn ở gốc, có sẹo do lá rụng ở giữa và có lá khô chưa rụng ở phần trên. Lá mọc tập trung ở đỉnh, hình quạt xẻ rộng. Phiến lá tròn, đường kính 1 - 1,5 m, xẻ thùy sâu đến một nửa phiến, phần đỉnh kéo dài thành sợi mềm và buông xuống. Cuống mập, mép có gai, gốc có bẹ, đầu có mũi nhọn lộ ra trên phiến.

Cụm hoa lớn dạng chùm gồm nhiều nhánh. Hoa trắng, lưỡng tính.

Quả nhấn cứng một hạt (Hình 41).



H.41. Cọ Mỹ - *Washington filifera* H. Wendl.

Cây có hình dạng đẹp, mọc khỏe, sống lâu năm, nên được ưa trồng làm cảnh trong các vườn lớn hay nơi công viên. Cây được gây giống bằng hạt nơi khí hậu mát, trên đất sâu, ẩm. Cây mọc chậm.

## II.A.22. CÂY CỌ SA - BA

**Saba en forme de Mauritia**

***Sabal mauritiaefromis* Griseb. et H. Wendl.**

**(*Trithrinax mauritiaefrome* Karst.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (La Trinité), được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở nhiều nước. Cây có thân trụ, cao đến 20 m, mập khỏe, đường kính đến 50 cm. Lá có phiến dạng quạt tròn, đường kính đến 3 - 4 m, phân chia thành thùy nhỏ đầu xẻ đôi, sâu đến nửa phiến, đầu thùy kéo dài dạng sợi màu xanh bóng ở mặt trên, hơi xanh nhạt, pha vàng ở mặt dưới. Cuống lá dài 3 m, cứng khỏe. Cụm hoa lớn mang hoa lưỡng tính. Mỗi hoa có một lá bắc lớn, cánh dài hợp dạng chén, trên chia 3 thùy, 3 cánh tràng, 6 nhị đực, bầu có 3 ô với vòi nhụy 3 cạnh và đầu nhụy hình cầu

## II.A.23 - CÂY CỌ SABA NHẮN (Saba xanh)

**Dwarf Palmetto.; Bue Palm**

***Sabal galbra* Sarg.**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở châu, ở vườn (cây nơi nguyên sản có thể cao hơn). Lá có cuống dài, thẳng đứng, phiến chia chân vịt, thùy dài nhọn đầu. Cụm hoa thưa, mang hoa nhỏ, lưỡng tính (Hình 42).

Cây đẹp, ươm gieo bằng hạt, nơi đất tốt, ẩm sâu. Cây con cần chăm sóc kỹ.



H.42. Cọ Saba nhẵn - *Sabal galbra* Sarg.

II.A.24 - CÂY CỌ TÀU (Cây cọ sè, Lá non xè, Kè tàu)

*Livistona de la chine*, chïnes *Livistona Fountain Palm*

*Livistona chinensis* R. Br. ex Mart. (*L. mauritiana* Wall.;

*Latania borbonia* Hort.;

*Saribus chinensis* Bl.)

Họ Cau (Arecaceae)



H.43. Cọ tàu - *Livistona chinensis* R. Br.

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới và á nhiệt đới châu Á (Nam Trung Quốc, Nam Nhật Bản, Bắc Việt Nam).

Cây có dáng đẹp, cao trên 20 m, thân hình trụ, thẳng, nhẵn, với nhiều sẹo do lá rụng. Lá xanh xếp dày đặc ở đỉnh thân, hình quạt, chia thùy đều đặn, đầu thót lại và rủ xuống, màu lục bóng. Cuống lá dày, dài và có gai lớn dẹt và cong.

Cụm hoa dày đặc có mo lớn bao bọc, cụm hoa phân nhánh 2 - 3 lần. Hoa hình cầu có nhiều cánh, lưỡng tính. Quả thuôn tròn, dài 2 cm, gốc có bao hoa còn lại, màu xanh lục lúc chín (Hình 43).

Cây có dáng và cách xếp lá đẹp, duyên dáng nên thường được gây trồng làm cảnh. Cây nhỏ nảy mầm từ hạt có thể làm cây trang trí nội thất trong các chậu nhỏ. Ươm gieo bằng hạt ở vườn ươm, sau đó bứng bầu đem trồng.

## II.A.25 - CÂY CỌ ÚC

*Livistona d'Australie*

*Livistona australis* Mart. (*Corypha australis* R. Br.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam cây được nhập để gây trồng làm cảnh ở chậu, các công viên, vườn hoa.

Cây có thân cột lớn, mập, cao đến 10 m, và đường kính 50 cm, nhưng thường trồng làm cây lùn không thân ở các chậu nhỏ. Lá dạng quạt, khá lớn, chia thùy sâu gần hết phiến lá, màu xanh đậm bóng. Cuống lá cứng, mập thẳng đứng, dài đến trên 1 m, có gai nhọn, màu đỏ nâu ở gốc rất đẹp. Tất cả lá tập trung ở đầu cành thành tán tỏa rộng. Cụm hoa ít thấy (Hình 44).



H.44. Cọ úc – *Livistona australis* Mart.

Cây trồng bằng hạt, mọc chậm và sống lâu. Cây có dáng đẹp rất thích hợp làm cây trang trí trong phòng.



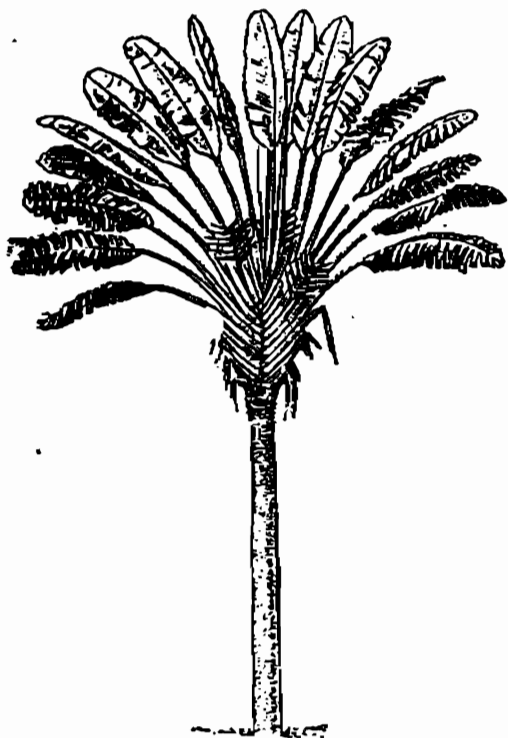
## II.A.26 - CHUỐI RẺ QUẠT

Traveler's Tree; Arbre du voyageur

*Ravennala madagascariensis* J.F. Gmel.

Họ Thiên diểu (Strelitziaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, nay được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác làm cây cảnh ở vườn, ở công viên. Cây có thân cột lớn, hóa gỗ, có thể cao đến 10 m, mang nhiều vết sẹo lá và gốc cuống lá cứng. Gốc có nhiều chồi, nên đẻ ra nhiều cây con nhỏ làm thành bụi. Lá to, trông giống lá chuối, mọc theo 2 dãy trên 1 mặt phẳng, tỏa ra như chiếc quạt. Cuống lá dài hơn phiến, cứng, lõm ở mặt trên. Phiến to, dạng gần chữ nhật, rách theo gân bên, màu xanh bóng. Cụm hoa gồm nhiều hoa xếp thành 2 dãy, ngoài có mo lõm hình lòng thuyền, nhọn ở đầu. Hoa có 3 cánh dài, 3 cánh tràng màu trắng. Nhị 6, chỉ nhị mảnh. Quả nang, hạt có áo hạt (Hình 45).



H.45. Chuối rẻ quạt – *Ravennala madagascariensis* J. F. Gmel.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, xanh quanh năm, nên rất được ưa chuộng.

## II.A.27 - CÂY DỪA

**Cononut Plam; Cocotier**

***Cocos nucifera* L.**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, Pôlynêsi, lan tràn và gây trồng rất rộng rãi ở tất cả các nước nhiệt đới vùng Thái Bình Dương (Ảnh 26).

Cây được gây trồng chủ yếu lấy quả làm nước giải khát và lấy dầu, lấy sợi. Tuy nhiên, do dáng cây đẹp nên còn được trồng làm cảnh trong vườn, công viên, nơi ven bờ nước. Hiện nay, các cây dừa mới ươm gieo từ quả có thể làm cây cảnh ở chậu.

## II.A.28 - CÂY DỪA RỪ (Dừa xụ lá)

**Cocotier flexueux, Cocotier ornamental**

***Attalea macro carpa* Linden.**

**(*Cocos flexuosa* Mart.; *Arecastrum romanzollianum* Becc.**

***Cocos romanzolliana* Cham.; *Cocos plumosus* Hook.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) do có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ, thân thẳng, cao khoảng 4 - 8 m, xù xì vì các bẹ lá còn lại và lá mọc dài ở phần đoạn trên của thân. Lá lớn dạng kép lông chim dài, lá phụ mềm màu lục, rủ xuống rất đẹp. Có thể trồng một vài chủng khác có dáng đẹp :

**II.A.28.a - Cây dừa rủ úc**

***Cocos flexuosa* Mart. var. *australe* Becc. (*Cocos australis* Mart.)**

***C. datil* Grisel. et Dr.; *C. flexuosa* Hort.)**

Cây có thân ngắn, gần như chùm lá mọc sát đất (cây mọc dại nơi nguyên sản có thân cột). Lá kép lông chim, mềm, dài 2 - 3 m, lá phụ rủ xuống màu vàng.

II.A.28.b - Cây Dừa rủ chùm

*Cocos flexuosa* Mart. var. *botryophorum* Becc. (*Cocos botryophorum* Mart.)

Cây có thân cột ngắn, lá mọc tập trung ở đỉnh dạng kép lông chim, lá phụ dạng bản nhỏ, mềm cong rủ xuống, đầu kéo dài.

II.A.29 - CÂY ĐỪNG ĐÌNH (Móc đùng đình, Cổng chào)

*Caryota drageonnant*, Smaller fish - tail palm

*Caryota mitis* Lour. (*C. sobolifera* Wall., *C. furfuraca* Bl.)

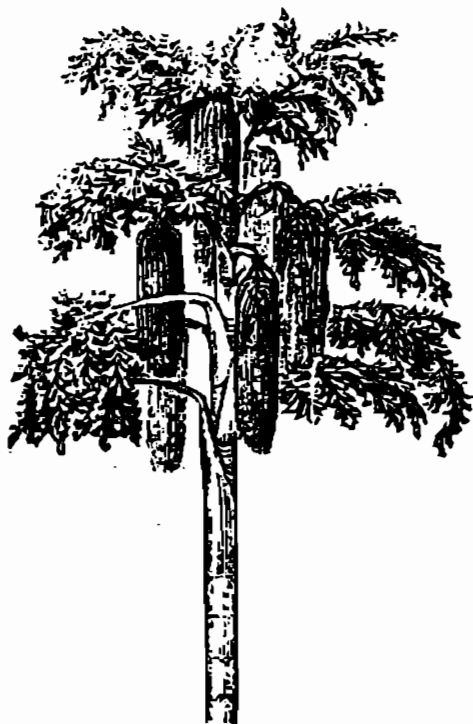
Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các rừng ẩm nhiệt đới của các nước châu Á (Ấn Độ, Mianma, Đông Dương, Malaysia).

Cây mọc thành bụi nhỏ, đâm chồi nhiều ở gốc, thân mảnh, thuôn đẹp, cao 2 - 3 m, có nhiều sợi do bẹ lá để lại. Lá kép lông chim 2 lần, dài trên 2 m, cuống chung lớn, khía rãnh, lá phụ mọc cách, mép có răng không đều, mép dưới men theo cuống, màu xanh bóng lâu héo.

Cụm hoa dày đặc có 4 - 6 mo, lớn dần ở đỉnh. Bông mo dài 30 - 40 cm, phân nhánh nhiều, buông xuống, mang hoa dày đặc. Hoa đơn tính, màu tím nhạt. Quả hình cầu nhẵn, gốc có đài còn lại, 1 hạt.

Cây gieo trồng bằng hạt hay tách các chồi ở gốc thân.



H.46. Đùng đình ngứa -  
*Caryota wrens* L.

## II.A.30 - CÂY ĐỪNG ĐÌNH NGŨA (Đùng đình đơn, Móc).

**Wine Palm; Toddy Palm; Caryota brulant**

***Caryota urens* L.**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây mọc đơn độc, thân tròn thẳng, thuần đều, có thể cao 5 - 10 m và đường kính 25 cm, có nhiều vòng sẹo do vết lá rụng. Lá kép lông chim 2 lần, tập trung ở đầu cành, dài 3 - 4 m, cuống lớn. Lá phụ gần như xếp trên 1 mặt phẳng, hình tam giác lệch, mép có răng cưa không đều, đỉnh có dạng như đuôi cá.

Cụm hoa lớn, mọc ra từ nách các lá già, buồng thông xuống. Bông mo có cuống chung mập. Hoa tập trung trên các cuống dài, mềm, rũ xuống. Quả hình cầu cứng, hạt hình cầu (Hình 46).

Cây được gây trồng làm cảnh vì dáng cây đẹp, mọc khỏe luôn xanh tươi và được nhân giống bằng hạt.

## II.A.31 - CÂY HÈO GAI (Mặt cật gai)

***Licuala spinosa* Wurmb. (*L. ramosa* Bl; *L. horrida* Bl.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc phân bố rất rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới (Malaysia, Java, Việt Nam).

Cây mọc thành bụi, thưa, cao đến 5 - 7 m, đường kính 5 - 10 cm, uốn cong, do có các đốt do lá rụng. Lá dạng quạt tròn chia thùy sâu đến cuống lá thành các phiến dạng dải, đầu bằng phẳng hay lõm, xếp xòe rộng rất đẹp. Cuống lá mảnh, dài có nhiều gai sát nhau.

Cụm hoa dài 1 - 2 m, gồm nhiều nhánh dạng bông, gốc có mo. Hoa nhỏ. Quả thuần dài. Hạt tròn.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, xanh tươi quanh năm nên thường được gây trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa thoáng rộng. Cây được nhân giống bằng tách bụi hay tách các chồi nằm ở gốc.

## II.A.32 - CÂY HÈO ẮN

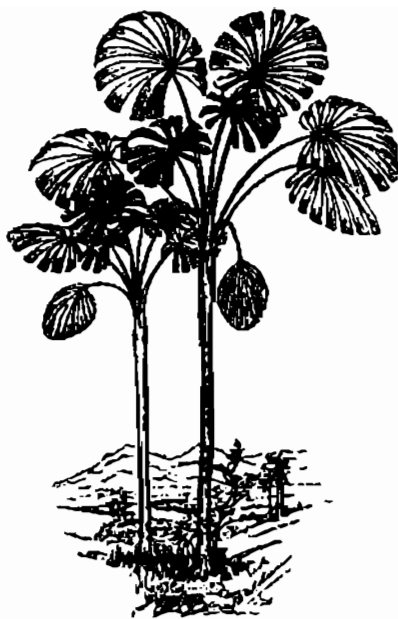
*Licuala pelté*

*Licuala peltata* Roxb.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới và Australia, mọc đẹp, thẳng. Thân không rõ đốt. Lá mọc tập trung ở đỉnh, dạng quạt tròn, thùy xếp chân vịt thuận rộng ở đỉnh. Cụm hoa nhỏ ở gốc các lá già (Hình 47)

Cây trồng làm nền cho các vườn rộng, công viên, tạo cảnh quan nhiệt đới. Cây gây trồng bằng hạt.



H.47. Hèo Ắn - *Licuala peltata* Roxb.

## II.A.33 - CÂY HÈO LỤI

*Licuala fatua* Becc.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây bụi thấp, mọc dày đặc, cao 1 m, thân có nhiều đốt sát nhau do sọ lá để lại, gốc có nhiều rễ nổi rất đẹp. Lá hình quạt tập trung ở đầu thân, cuống có gai, phiến chia thùy sâu. Cụm hoa thẳng đứng có 1 - 4 bông mang hoa xếp dày đặc, ngoài có mo. Quả tròn gốc có đài hình chén còn lại.

## II.A.34 - CÂY HÈO BẮC

*Licuala tonkinensis* Becc.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc bụi, thân sát nhau, có nhiều đốt, cao khoảng 1 m. Lá có dạng chân vịt với 6 - 8 lá phụ, dài 30 - 40 cm. Cuống lá mảnh có gai.

Cụm hoa dài 70 - 80 cm, mang hoa ở đỉnh, gốc có mo. Quả thuận dài.

*Rhapis nain*

*Rhapis humilis* Blume (*R. sirotsik* Sieb.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) và mọc rộng rãi ở nhiều nước vùng Đông Nam châu Á. Ở Việt Nam cây được trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa hay trong vườn các biệt thự.

Cây mọc bụi khá dày đặc, cao đến 1 - 2 m, đâm chồi nhiều ở gốc và thân có đốt do sẹo lá để lại, cách xa nhau 2 - 3 cm. Lá dạng quạt có cuống dài, phiến lá xẻ thùy chân vịt, dài 20 cm, đầu nhọn, có 2 - 3 gân. Cụm hoa là bông dài, dài 20 cm, phủ nhiều lông màu gỉ sắt. Hoa đơn tính. Quả có 1 hạt (Hình 48).



H.48. Hào nhẻn - *Rhapis humilis* Bl.

Cây có dáng đẹp, chồi lá dày, xanh quanh năm, khá hấp dẫn. Cây gây trồng chủ yếu bằng hạt. Gieo hạt nơi vườn ươm. Tưới đủ ẩm và bón phân lót. Sau 1 năm có thể đem cây con trồng nơi cố định.

## II.A.36 - CÂY HÈO QUẠT (Mặt cật)

Lady palm, Ground Rattan cane; Small slender Palm;  
Palmier à canne

*Rhapis excelsa* (Thunb.) Henry

(*R. flabelliformis* L' Herit ex W. Ait.; *R. aspera* Hort.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (từ xích đạo lên đến Nam Trung Quốc).

Cây mọc thành bụi thưa, thân mảnh cao khoảng 1 - 2 m, gốc có nhiều rễ phụ nổi rõ và mọc ra nhiều chồi bên. Thân nhẵn, khía dốt đều đặn và được bao phủ toàn bộ bởi các sợi tơ do bẹ lá còn lại. Lá kép chân vịt, chia 5 - 10 lá nhỏ, màu lục nhạt, mềm, cuống lá mảnh dài hơn phiến lá một chút, nhẵn (Hình 49).

Cụm hoa thẳng đứng, cao 0,5 - 0,7 m, mọc ra ở giữa đám lá, phân nhánh, nhẵn. Hoa màu vàng, đơn tính. Quả hình cầu nhỏ, có 1 hạt hình cầu nhẵn.



H.49. Hèo quạt - *Rhapis excelsa* Henry.

## II.A.37 - CÂY HÈO TO (Mặt cật to, kè Nhật bản)

*Licuala grand*, Fan - leaved Palm

*Licuala grandis* H. Wendl.

(*L. veitchii* Watson.; *Pritchardia grandis* Hort.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (trên các đảo của Thái Bình Dương).

Thân đơn độc ngắn, không cao quá 2 m, mang nhiều lá ở đỉnh, có cuống mảnh. Phiến lá tròn, dạng cái quạt, dài 60 cm đến 1,2 m mép không xẻ, nhưng chia thùy nông, đầu thùy lõm lại thành 2 phiến nhỏ. Phiến lá màu xanh bóng, mềm mại, nổi rõ các gân dạng chân vịt khi non lá gần như xếp lại theo các gân.

Cụm hoa mọc ra từ gốc các lá rụng, nơi đầu thân, dạng chùm dài 20 cm, có 8 - 10 nhánh, cong xuống. Quả hình cầu đường kính 1 cm (Ảnh 27).

Cây có dáng đẹp, lá xanh quanh năm, dễ trồng và chịu được bóng che, nên được trồng ở chậu làm cây trang trí ở vườn và hiên nhà. Cây ươm gieo bằng hạt (quả), mọc chậm, khỏe. Sau 1 năm đem trồng ở chậu được.

#### II.A.38 - CÂY HÈO NGÓN (Mặt cật ngón)

*Licuala radula* Gagnep.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ viễn đông, nhưng phân bố khá rộng rãi ở nhiều nước châu Á - Thái Bình Dương.

Cây nhỏ bé, thân ngắn gần sát đất, lá có phiến gần như tròn, chia thùy sâu dạng chân vịt sát đến cuống lá. Thùy lá phẳng, nhẵn bóng, xếp nếp và đỉnh khía răng cưa hình tam giác sâu, cuối răng lại chia 2 thùy nhỏ không đều. Cuống lá dài, mập, ráp và có gai ở mép.

Cụm hoa lớn, mang hoa lưỡng tính.

Cây có dáng hấp dẫn, chùm lá dày, luôn xanh tươi, nên làm cây trang trí ở chậu rất phù hợp. Cây được gây trồng bằng hạt, ươm gieo sau đó bứng bầu đem trồng nơi cố định.

#### II.A.39 - CÂY KÈ CUỐNG ĐỎ

Red Latan, Latanier rouge

*Latania lontaroides* (L. commersonii L.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Mauritius. Cây thân cột mập (nơi nguyên sản cao đến 16 m) màu xám có nhiều sợi ở gốc. Cụm lá ở



đỉnh, dạng quạt, có cuống dài màu đỏ cam. Lá chia thùy sâu nhọn, màu xanh bóng, gân, mép có màu đỏ.

*Cây kè cuống đỏ cam*

Blue latan palm

*Latania loddigesii*

Cây mới nhập, có nguồn gốc từ Mauritius. Thân nhẵn lá mọc sát nhau. Cuống dài màu đỏ cam, gốc nhạt dần đến trắng. Lá dạng quạt, phiến sâu nhọn, màu xanh bóng.

## II.A.40 - CÂY KÈ QUẠT (Cọ quạt)

*Thatch Palm; Thrinax à petites fleur, Broom palm, Silver thatch.*

*Thrinax parviflora Swartz.*

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Cuba, Florit, Jamaica, Haiti).

Cây thuộc loại lùn, do thân ngắn lại, mảnh (nơi nguyên sản có thể cao đến 10 m). Lá có cuống dài đến 80 cm, mảnh, không gai màu xanh bóng với các vach nhỏ màu trắng nhạt. Phiến lá dạng tròn, chia thùy sâu thành các phiến nhỏ xếp chân vịt. Thùy phiến hình bán nhỏ, thắt lại thành mũi nhọn ở đỉnh, màu xanh bóng đẹp, nhẵn cả hai mặt.

Cụm hoa dạng bông phân nhánh, dài đến 1 m, cuống chung và nhánh mập, cong ra mang nhiều hoa xếp thưa. Hoa nhỏ lưỡng tính. Quả có nhân cứng với một hạt tròn.

Cây có dáng đẹp, tán lá đẹp trồng làm cảnh ở vườn hay trong các chậu lớn rất đẹp. Nhân giống chủ yếu bằng hạt (quả). Cây mọc chậm, nhưng lá lớn, xanh tươi quanh năm.

Có thể nhập để gây trồng 1 loài khác đẹp hơn là:

## II.A.41 - CÂY KÈ QUẠT BẠC

*Thrinax argenté, silver Thatch*

*Thrinax argentea Lodd.*

(*Palma argentea Jacq.; Coccothrinax argentea Schum.*)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, thân ngắn có nhiều sợi bao quanh cả thân lẫn gốc lá. Lá có cuống dài, mảnh, nhẵn, dẹt, dài đến 2 m, phiến lá gần tròn, đường kính trên 1 m, chia thùy rất sâu thành các phiến rộng đầu mềm rũ xuống và có mũi nhọn, mặt trên lá xanh bóng, mặt dưới lá màu trắng bạc. Cây làm cảnh ở chậu rất đẹp, trang trí nơi thoáng rộng hay trong nhà đều phù hợp. (Hình 50)



H.50. Kè quạt bạc – *Trinax argentea* Lodd.

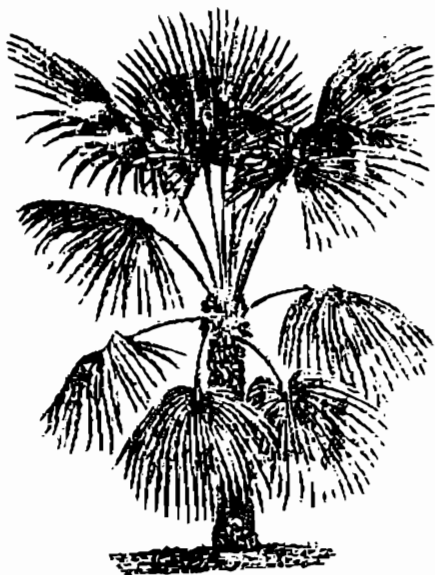
#### II.A.42. CÂY KÈ QUẠT MỸ

***Trithrinax brasiliensis***  
**Mart. (*Trinax chuco***  
**Lindl.)**

#### Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Bolivia (Nam châu Mỹ), được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây mập, khỏe. Thân ngắn và dày. Lá mọc ở đỉnh, dạng gần như tròn, màu xanh bóng ở mặt trên, màu xanh nhạt pha vàng ở mặt dưới. Phiến lá chia thùy chẻn vệt. Cuống lá mập, cứng, dài gần bằng phiến lá, gốc cuống lõm lại dạng bẹ có nhiều sợi và gai nhọn. (Hình 51)



H.51. Kè quạt mỹ – *Trithrinax brasiliensis* Mart.

chậu hay ở vườn đều rất đẹp do dáng hấp dẫn. Cây được gây trồng bằng quả.

II.A.43. CÂY LÁ BUÔN ĐỎ (Lá buồn to, Lá buồn ấn, Kè buồn)

Talipot Palm, Talipot de Ceylan, *Corypha parasol*

*Corypha elata* Roxb.

(*C. gebanga* Bl.; *C. dulcis* Humb. et Bonpl.; *Gebanga*

*rotundifolia* Bl.; *Brahea*

*dulcis* Mart.; *Corypha*

*umbraculifera* L.; *C. frigida*

Lodd.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố từ các nước châu Á nhiệt đới (Miến điện, Srilanca, Indonesia...)

Cây gỗ lớn, thân trụ cao đến 20 m (có khi lớn hơn) phủ đầy gai do cuống lá còn lại, mập, khỏe. Lá hình quạt lớn, cuống lá mập, cứng, dài 2 - 3 m có gai ngắn từng đôi màu nâu. Phiến lá xòe, rộng 2 - 3 m, đầu xè thùy sâu, nhỏ nhọn đều đặn ở giữa các gân. Lá non xếp lại theo các gân.

Cụm hoa dạng chùy bóng rất lớn, dài đến 5 - 6 m, mọc thẳng đứng, phân nhánh nhiều, màu xanh đậm. Hoa lưỡng tính nhỏ bé, ngoài có mo lớn thẳng đứng bao bọc. Quả hạch nhân cứng có 1 hạt (Hình 52).

Cây được gây trồng nhiều làm cây phong cảnh cho các công viên lớn hay dọc theo lối đi của các biệt thự có vườn rộng.



H.52. Lá buồn đỏ -  
*Corypha elata* Roxb.

Ở miền Nam nước ta còn có 1 loài cây lá Buôn (*Corypha lecomtei* Becc.) mọc hoang dại vùng đồi núi Nam Trung bộ, là cây mọc khỏe, đẹp và kinh tế cao, có thể gây trồng làm cây cảnh, cây trang trí cho các công viên, đường phố được:

#### II.A.44. CÂY THẬN TỬ

**Erect; Slender stem; *Oncosperma de Van-Houtte***

***Oncosperma van-houtteana* H. Wendl.**

**(*Nephrosperma van-houtteana* Balf.; *Areca nobilis* Hort.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây làm cảnh rất đẹp, có nguồn gốc từ các đảo Xây xen. Thân dạng trụ lùn, mang lá mọc dày đặc ở đỉnh. Lá kép lông chim lớn, gồm 4 - 6 đôi lá nhỏ vừa dài vừa rộng, mềm cong rủ xuống, màu xanh bóng. Cuống lá mập, cứng có gai mảnh, màu đen. Gốc cuống lá có màu đỏ son, càng xuống bẹ càng đậm, làm cho gốc lá như phủ một lớp phấn đỏ.

Cụm hoa là buồng, phân nhiều nhánh, dài 30 - 40 cm, mang hoa lớn. Hoa đơn tính, ngoài có mo bao bọc. Quả màu đen, dạng hình cầu, có 1 hạt.

#### II.A.45. CÂY THẬN TỬ SỢI (Nhum)

**Palmier à canne, Nibung-palm of Java**

***Oncosperma filamentosa* Blume**

**(*O. tigillaria* (Jack.) Ridl.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc rộng rãi ở các nước Đông nam châu Á. Do dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi làm cảnh. Ở các thành phố, nơi công viên hay trong vườn.

Cây thân trụ, mọc thành bụi đẹp, cao khoảng 10 - 20 m mập lớn đến 20 cm. Dọc thân có gai đen xếp theo hàng ngang. Lá mọc tập trung ở đỉnh, dạng kép lông chim có lá nhỏ rủ xuống, mềm màu xanh đậm. Cuống lá chung mập, cứng, gốc có bẹ lớn, dọc cuống có nhiều gai đen kéo dài lên sống lá.

Cụm hoa chùm bông lớn, phân nhánh nhiều dài 40 - 50 cm

mang hoa thưa hoa nhỏ. Quả mang 1 hạt. Cây được ươm gieo bằng quả, hạt.

## II.A.46. CÂY THỐT NỐT

**Meelallia; Palmyra Palm; Palmier à sucre; Ronier; Rondier**

***Borassus flabellifer* L. (*B. flabelliformis* Mart.)**

**Họ Cau (Arecaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi và châu Á nhiệt đới (từ Ấn Độ trở xuống xích đạo) được gây trồng làm cây cảnh, và cho đường.

Cây có dáng to, đẹp, khỏe nên chỉ thường trồng nơi công viên, vườn lớn hay dọc các lộ rộng. Cây có thân hình trụ mập, phình rộng ở gốc, cao 20 - 25 m. Lá dày, cứng, phiến lá hình quạt xòe rộng gần tròn, đầu phiến chia thùy nhỏ dạng tua nhọn đầu, dọc theo gân, xếp chân vịt. Phiến lá dày cứng, màu xanh đậm bóng, gân nổi rõ. Cuống lá mập, cứng, to, gốc có bẹ và dọc cuống có gai.

Cụm hoa chùm bông lớn, mang hoa đơn tính khác gốc. Bông đực phân nhánh nhiều mang hoa dày đặc. Bông cái phân nhánh ít hoa hơn. Quả tròn màu nâu đậm, lớn 10 - 20 cm, có nhân cứng và 3 hạt.

Cây có dáng cao đẹp tán lá đặc sắc nên được gây trồng làm cảnh phổ biến, và làm nền cho các công trình kiến trúc cổ xưa. Cây được gây trồng bằng quả hạt ở vườn ươm. Sau đó bứng bầu đem trồng ở nơi cố định. Cây mọc chậm, nhưng khỏe, đẹp, lá xanh quanh năm.

## II.B. NHÓM CÂY THÂN RỒNG

### II.B.1. CÂY BỜM NGỰA (Cỏ đuôi ngựa, Thu thảo)

*Pogonatherum crinitum* (Thunb.) Kunth.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ lâu năm, mọc thành bụi nhỏ mềm. Thân nhỏ, mảnh, có đốt sát nhau, nhẵn. Lá xếp 2 dãy đều đặn, mềm, màu xanh nhạt, phiến hình giải nhọn, gân mảnh nổi rõ trên phiến thành các đường trắng. Bẹ lá mềm, nhẵn.

Cụm hoa dạng bông mảnh, hơi cong, nhiều lông. Cuống có đốt nhiều lông trắng. (Hình 53)

Cây có dáng bụi đẹp, thanh mảnh, cụm hoa gần như cong về 1 phía, được ưa chuộng trồng làm cây cảnh ở các hòn non bộ như các bụi trúc nhỏ. Cây ưa ẩm dễ mọc, thường mọc đại ở nơi chân tường, vách đá, chân đồi ẩm và ít nắng. Cây gieo giống chủ yếu bằng hạt, cũng có thể tách các bụi để trồng. Cây không kén đất, càng ẩm càng mọc tốt. Cây chịu được bóng che.



H.53. Bờm ngựa –  
*Pogonatherum crinitum*  
Kunth.

### II.B.2. CÂY CỎ GỪNG (Cỏ ống, Cỏ cựa gà)

*Panicum, Elora couch grass*

*Panicum repens* L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ lâu năm. Thân rễ dài 0,5 - 1 m, bò dài dày, mập, mang rễ ở góc, thẳng đứng ở trên. Thân tròn khía rãnh, có nhiều đốt nhẵn. Lá mọc khá xa nhau, hình mũi mác nhọn đầu, tròn hay hình tim ở gốc, phẳng, thẳng đứng hay cuộn lại, bẹ có lông, phiến lá màu xanh đậm ở mặt dưới, pha trắng ở mặt trên.

Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng, hẹp, phân nhánh không đều, dài 7-20 cm, nhánh mảnh. Cây mọc hoang dại ở bờ đất, ven đường, nhưng đáng thành mảnh có thể trồng làm cảnh ở vườn hay bờ nước.

### II.B.3. CÂY CỎ GỪNG GẤP

**Panic plissé, Palm grass**

***Panicum plicatum* L.**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanca, nhưng được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới. Cây mọc bụi, sống lâu năm, thân thẳng đứng cao từ 0,4 - 1 m. Lá thuôn dài hay hình giáo bầu dục, mép lá gấp lại dọc theo gân. Cụm hoa thẳng mang hoa thưa : Bông nhỏ xếp ở các đốt mang hoa lưỡng tính hay thoái hóa, cây được ưa chuộng do có dáng cây chùm lá đặc sắc. Đặc biệt có chủng làm cảnh đẹp là :

*II.B.3.a. Cây Cỏ gừng gấp vằn*

*Panicum plicatum* L. var *follis niveo-vittatis* Hort.

Với lá rộng hơn, màu xanh bóng có các vạch dài màu trắng rất nổi.

### II.B.4. CÂY CỎ HOA (Cỏ lá tre)

**Basket grass, *Oplismenus gracieux***

***Oplismenus burmannii* (Retz.) P. Beauv**

**(*O. imbecilis* Kunth; *Panicum imbecile* Trin.)**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tân Caledôni, nhưng được gây trồng và mọc hoang dại ở nhiều nước nhiệt đới.

Cỏ lâu năm, thân nhỏ bé, dáng rất đẹp, mềm bò dài, gãy khúc và phân nhánh nghiêng ở gốc. Lá thuôn hình giáo giáo, gốc có thù không đều, màu xanh bóng, có các vạch mờ, mép rần reo và có lông mềm.

Cụm hoa dạng chùy, dài đến 25 cm, với 5 - 7 bông giả gần như không có cuống dài 1 - 4 cm, xếp xa nhau, màu lục hay hơi hung tía. Quả dính trên lông gai, có răng mịn.

Cây có dáng đẹp, chịu được bóng nên có thể trồng dọc theo lối đi trong vườn hay dưới các tán cây lớn. Tuy nhiên để làm cảnh, nhân dân thường trồng 1 chủng có dạng lá đẹp như :

#### II.B.4.a. Cây Cỏ hoa vằn

*Oplismenus burmannii* P. de Beauv. var. *variegatus* Hort.

Lá màu xanh có các vạch rõ màu xanh đậm, màu trắng bóng hay màu hồng. Bông nhỏ của chùm hoa màu hồng.

Cây dễ trồng bằng hạt hay các đoạn thân bò có rễ.

#### II.B.5. CÂY ĐUÔI VOI (Cỏ voi)

**Elephant grass; Napier' Fodder; Herbe à éléphants**

***Pennisetum purpureum* Schumach.**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây sống lâu năm, với thân rễ cứng, hóa gỗ, cao trên 2 m mọc thành bụi dày, tròn, nhẵn, có bẹ lá còn lại. Lá hình dải dài có mũi nhọn đầu, khía rãnh, mềm, màu xanh nhạt, bóng. Mép hơi ráp, bẹ lá dẹt có lông ở mép.

Cụm hoa dạng chùy dài, thùy, màu lục hay màu hung, dài 10 - 15 cm.

Cây mọc khô, hoang dại ở khắp mọi nơi, từ ẩm ướt đến khô cằn, cho cụm hoa đẹp, màu bền có thể trồng làm cảnh ở ven lối đi hay lấy cụm hoa làm cây cắm lọ xen với các loài có hoa lớn khác.

#### II.B.6. CÂY ĐUÔI VOI MỸ (Cỏ mỹ, Kè voi)

**Pearl Millet**

***Pennisetum typhoides* (Burm.f.) Stapf. et Hub.**

**(*P. americanum* (L.) Schum.)**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cỏ sống hàng năm, rễ dày, nhiều. Thân thẳng đứng, đôi khi bò ở gốc, thường to lớn, tròn nhẵn. Lá thẳng đứng phẳng, hình dải nhọn đầu, hẹp tròn ở gốc, mép lá ráp, có lông. Cụm hoa dạng chùy trụ, rất dày, mỗi nhánh mang một hay nhiều hoa. Cuống bông nhỏ có lông màu hung.



Cây mọc khỏe rất dễ mập, có bông màu hung nâu đẹp và lâu tàn gây trồng bằng hạt, hay thu hoạch các bụi non ở các bãi cỏ hoang dại.

## II.B.7. CÂY HOÀN THẢO

**Bulrush sedge**

***Scirpus wichurii* Boeck.**

**Họ Cói (Cyperaceae)**

Cỏ sống lâu năm, mọc thành bụi to, thân cao 1 - 1,5 m, thân có 3 cạnh tròn. Lá dài 30 - 50 cm, rộng 1 - 2 cm, mép ráp sắc.

Cụm hoa dáng chùy dày đặc, phân chia rất nhiều nhánh, dài, mang nhiều bông nhỏ, màu nâu.

Quả bế, có 3 cạnh và vòi nhụy còn lại ở đỉnh.

Cây có dáng khỏe mạnh, cụm hoa đẹp, có thể lấy hạt gieo trồng làm cảnh ở các vườn hoa hay làm cây phủ đất.

Có thể nhập nội 1 loài khác làm cảnh đẹp là :

## II.B.8. CÂY HOÀN THẢO MÀNH

**Isolépide grêle**

***Scirpus cernuus* Vahl. (*Isolepis gracilis* Nees)**

**Họ Cói (Cyperaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, sống lâu năm, mọc thành bụi dày, thân dài và mảnh. Lá thuôn dài, mảnh. Cả cây đều có màu xanh bóng, cong xuống, trông như một chùm lông đuôi ngựa rủ xuống. Cây có thể chịu bóng một chút, do đó có thể gây trồng ở các chậu cây, hờn non bộ. (Hình 54)



H.54. Hoàn thảo mảnh -  
*Scirpus cernuus* vahl

## II.B.9. CÂY HƯƠNG BÀI (Cỏ hương bài)

*Veteveria zizanioides* (L.) Nash.

(*Andropogon muricatus* Retz., *V. arundinacea* G...)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc dai trên các đồi hoang khô, nhiều nắng, đất trơ sỏi đá, nhưng có dầu thơm nên được gây trồng làm cảnh ở vườn.

Cỏ sống lâu năm, thân rễ dày, dài có mùi thơm, cao đến 2 m, mọc thành bụi thành đứng, gốc lớn nhiều đốt nhẵn. Lá hình dải hẹp, nhọn đầu, thẳng, cứng, mép ráp.

Cụm hoa ở thân, dạng chùy thẳng, dài 20 - 30 cm, cuống chung lớn phân nhánh nhiều. Bông nhỏ hẹp, nhọn, màu tím nhạt đôi khi màu vàng nhạt.

Cây mọc khỏe, dễ trồng chịu được hoàn cảnh sống khó khăn, có thể trồng bằng hạt hay thân rễ.

## II.B.10. CÂY KIM MÂU (Cỏ cát vĩ)

*Eulalia speciosa* (Debeaux) O. Ktze.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ sống lâu năm, thường cao trên 1 m, thân thẳng đứng tròn, có ít đốt. Lá hẹp, có lông hay không. Phiến lá thẳng đứng, cứng hay hơi cong ra phía ngoài, bẹ lá có lông vàng dày mềm.

Cụm hoa gồm 4 - 8 bông, dài 20 cm, có lông trắng mềm, bóng.

Cây mọc rải rác ở ven rừng, chân đồi, ưa ẩm, chịu được nóng và nắng. Do có dáng cụm hoa đẹp, kỳ lạ nên thường trồng ở vườn rộng ven lối đi, hay cắt chùy bông cắm lọ.

## II.B.11. CÂY KIM MÂU VẪN

Zebra grass

*Eulalia zebrina* Hort.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, có thân và lá màu xanh bóng với các dải màu vàng xám hay màu xanh đậm. Cây đẹp, gây trồng bằng hạt, mọc khỏe thành bụi dày làm cảnh ở chậu rất thích hợp.

## II.B.12. CÂY LAU (Cỏ bông lau)

**Roseau à flèches**

***Saccharum arundinaceum* Retz.**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây mọc phổ biến ở vùng đồi núi cao, khô, nhiều nắng vùng trung du khắp miền của nước ta.

Cây có cụm hoa rất đẹp, đặc sắc, có thể cắt lấy để cắm lọ cao xen với các loài hoa khác. Cụm hoa bền, hấp dẫn, có thể trồng bằng hạt.

## II.B.13. CÂY LÔNG HEO (Cỏ nhung)

**Mascarene grass; Velvet grass**

***Zoysia tenifolia* Willd. ex Trin**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ đảo Mascaren, sống lâu năm, thân rễ mảnh, bò dài. Lá nhỏ và ngắn như kim đầu thuôn nhọn, hơi cong, màu xanh bóng, mềm mại, cuống sát nhau, chỉ có 1 gân giữa. Cụm hoa dạng bông nhỏ ở đầu cành, dài 1 - 2 cm, không phân nhánh, mang bông nhỏ xếp thưa, màu xanh.

Cây mọc khỏe, sát mặt đất làm thành các bãi cỏ mịn, nếu đầy đủ độ ẩm, thân rễ phát triển che kín mặt đất, không phải cắt vì lá bện vào nhau mịn. Muốn có bãi cỏ đẹp, cần nhổ các loài cỏ tạp khác.

Cây chịu được ẩm mát và hơi nóng. Cần chăm sóc, tưới phân tro đầy đủ để lá không bị héo vàng. Cây được gây trồng nhiều ở các bãi cỏ nhỏ. Gây trồng bằng hạt hay bằng một mảng đất có cỏ để tự nó phát triển ra xung quanh.

## II.B.14. CÂY NỮA

***Neohouzeaua dulloa* A. Camus**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây mọc thành bụi, thân thẳng đứng, cao đến 10 m, đường kính 4 - 5 cm, hay hơn, lóng dài 40 - 60 cm, nhẵn, cứng, mỏng, khi non hơi có lông. Mo cứng, đỉnh hơi lõm hay thẳng, mặt ngoài màu

vàng có lông trắng, thưa, 2 mép cuộn lại, nhiều lông, cành mọc tụm, mỗi cành phụ có 4 - 6 lá. Lá có hình dạng và kích thước thay đổi, đầu nhọn, gốc tròn không đối xứng, mặt ngoài nhẵn, mép có răng cưa rấp.

Cụm hoa ở đầu cành dài 10 - 20 cm mọc tụ ở các đốt riêng rẽ hay ở gốc lá.

Cây mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi thấp, chân núi ẩm. Có thể gây trồng thành bụi nơi ven tường trong các công viên hay sát các công trình xây dựng. Cây có dáng bụi đẹp thưa nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh. Cây mọc khô, đâm chồi nhiều. Nhân giống bằng tách chồi có thân rễ.

#### II.B.15. CÂY SẶT (Trúc sắt)

*Arundinaria sat* Bul.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây cao 5 - 6 m, thân rất thẳng, không mọc thành bụi, không có gai. Lá thuôn mũi mác, đầu kéo dài thành mũi, gốc thon, thắt lại thành cuống ngắn, nhẵn ở mặt trên, có lông dài ở mép lá.

Cụm hoa dạng chùy rộng, có bông nhỏ xếp 3 - 5 chiếc ở 1 điểm. Mỗi bông nhỏ có 8 - 20 hoa.

Cây mọc dại chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, trong vùng đồi núi thấp. Cây có dáng thanh mảnh nên có thể gây trồng làm cảnh nơi công viên, đất rộng. Nhân giống chủ yếu bằng các đoạn thân rễ ngầm.

#### II.B.16. CÂY SẬY CẢNH

Grant Reed, Canne de Provence, Grand roseau

*Arundo donax* L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở cực lục địa. Cây thân cỏ mọc bụi, đẹp, cao khoảng 1 m, (tùy hoàn cảnh gây trồng), cứng thẳng, phân nhánh ít. Lá nhỏ bé màu xanh bóng, mềm, thưa. Cụm hoa hình chùy, có nhiều nhánh mang bông nhỏ (rất hiếm gặp).

Cây làm cảnh đẹp, rất thích hợp với các kiến trúc châu Á và nơi vườn rộng (Hình 55).

Để làm cảnh các nhà vườn thường trồng *Arundo donax* L. var. *variegata* Hort. cây nhỏ bé hơn, nhưng lá có nhiều vạch trắng.

*Arundo donax* L. var.

*macrophylla* Hort. cây lớn, lá màu vàng đẹp.

## II.B.17. CÂY SẮT CONG (Sắt cảnh)

*Arundinaria falcata* Nees in L

(*Bambusa falcata* hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Himalaya), mọc thành bụi dày do thân ngầm khỏe, mập, dài. Bụi cao 1 - 3 m, lóng giữa thân dài nhất, mắt có ngăn mỏng. Bẹ ở thân mỏng bằng lóng, lá nhỏ, thuôn dài thành mũi ở đỉnh, gốc gần tròn, màu xanh nhạt pha phấn trắng, gân nổi rõ.

Hoa tập trung thành các bông dài 1 cm.

Cây mọc đại ở vùng đồng bằng, do dáng đẹp có thể gây trồng làm cảnh ở vườn hay bờ tường được (làm cây hàng rào). Khi cây lớn có thể cắt xén cho hợp với nơi trồng. Gây trồng bằng các đoạn thân ngầm.

## II.B.18. CÂY SẮT NHỎ (Sắt cỏ)

*Arundinaria pusilla* Chev. et Cam.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi lùn, chỉ cao khoảng 0,5 - 1 m, thân nhỏ có chồi, chia đốt đều đặn, lóng thuôn, lá mọc thưa, gốc lá tròn, đầu thuôn dài, đều, nhọn, gân mảnh khá rõ, màu xanh bóng.



H.55. Sậy cảnh - *Arundo donax* L.

Thân mang hoa riêng biệt, gồm 1 - 5 bông ở nách 1 mào, màu đỏ nhạt. Bông nhỏ xếp 3 - 5 chiếc ở mỗi đốt.

Cây mọc ở rừng thưa vùng núi cao Nam Trung bộ, do dáng nhỏ bé đẹp, có thể gây trồng làm cảnh ở vườn được. Thường chọn cây lùn để trồng ở chậu hay các hòn non bộ như các loài Tre khác.

## II.B.19. CÂY SẶT SỌC

*Arundinaria viridistriata*

(*A. auricoma*, *Bambusa argentea* Hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản. Cây thân cột, mọc bụi cao khoảng 1 m. Thân tròn có đốt rõ, màu xanh. Lá dài 7 - 15 cm, rộng 3 cm, màu xanh bóng có nhiều vạch vàng dọc theo gân.

Cây có tán lá dày, che hết thân, khá đẹp, trồng ở chậu rất thích hợp.

## II.B.20. CÂY SẬY (Sậy núi)

*Phragmites karka* (Retz.) Trin ex Steud.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây sống lâu năm, cao 1 - 3 m, nhẵn, thân đơn hay phân nhánh, gốc thân có bẹ lá còn lại và có rễ. Lá xếp sát nhau, hơi nhọn đầu nhẵn. Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng, thuần, dài 20 - 60 cm, phân nhánh ngang.

Cây mọc hoang dại nơi chân đồi, sườn núi thấp, đất trống nhiều nắng. Thường gây trồng làm cảnh nơi vườn rộng, ven lối đi hay bờ tường làm nền cho các loài cây có hoa khác.

## II.B.21. CÂY SẬY TRỐ

Ribbon grass; Gardener's Garter, Reed canary grass,  
Roseau panaché

*Phalaris arundinacea* L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu và được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây mọc bụi cao 2 - 4 m, thân giống cây sậy

đường kính 1 - 1,5 cm, có đốt và rỗng ở giữa. Lá xếp 2 dãy đều đặn, mềm, đầu lá cong ra, mặt trên màu xanh đậm, mặt dưới hơi trắng, không có cuống, gốc lá tròn ôm lấy thân. Cụm hoa dạng chùm rộng ở ngọn thân, dài 15 - 25 cm, phân chia nhiều nhánh không lông, màu xanh bóng, cây có dáng đẹp, đặc trưng cho các loài Tre trúc, nên được gây trồng làm cảnh ở các chậu hay trồng thành bụi ở trong vườn, trong công viên làm cây trang trí. Tuy vậy, đặc sắc hơn cả có chúng :



H.56. Sậy trở - *Phalaris arundinacea* L. var. *picta* L.

**II.B.21.a. Cây Sậy trở sọc**

Ribbon - grass,  
Gardener's Garters

*Phalaris arundinacea* L. var. *picta* L.

Họ cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi dày đặc, với lá màu xanh bóng có sọc trắng dọc theo gân chính. (Hình 56).

Cây trồng làm cảnh đẹp ở vườn hay ở chậu. Khi có cụm hoa có thể cắt cả cây đem cắm lọ với các loài hoa khác. Cây được gây trồng bằng hạt hay tách các bụi, dễ trồng và chóng có hoa.

**II.B.22. CÂY TRE ĐÙI GÀ (Tre ống diều)**

Buddha's Belly Bamboo

*Bambusa ventricosa* Mc. Clure

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi dày hay thưa, cao hay thấp đều do nơi

trồng, nếu ở trong vườn đất ẩm thoáng có thể cao đến 15 m, còn thường trồng ở chậu chỉ cao 1 - 3 m. Thân cong queo, lóng phình ra ở gốc, sát các đốt, dạng như bầu rượu, xếp chồng chất lên nhau rất đẹp. Vòng đốt hơi cao. Thân màu xanh đậm, khi già có màu hơi vàng. Mo ở đầu bẹ hơi rộng, nhô lên thành hình cung. Lá hình trứng, mũi mác hay mũi mác dài, cuống lá ngắn, đầu lá nhọn, gốc lá tròn hay hơi hình tim.

Rất hiếm thấy ra hoa (Ảnh 28).

Cây mọc nhiều ở các tỉnh miền Bắc và do có dáng đẹp được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi. Cây dễ nhánh và ra măng khỏe nên có thể tách bụi để gây trồng dễ dàng. Cây mọc chậm, có thể uốn thế thành các hình dạng cao thấp khác nhau, nhất là khi trồng ở chậu.

## II.B.23. CÂY TRE MẠNH TÔNG LỚN

**Giant bamboo**

***Dendrocalamus giganteus* Munro**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Mianma), có kích thước to lớn, do đó thường chỉ trồng làm cảnh trong các vườn bách thảo, coi như 1 loài cây khổng lồ. Thân cao đến 35 m, đường kính trên 20 cm, gốc thân không phân nhánh. Lóng lớn, nhẵn, màu xanh mốc. Lá ở măng có lông vàng ở ngoài. Lá lớn, thuôn tròn và kéo dài ở gốc, đầu có mũi nhọn. Cụm hoa dạng chùm rộng, lớn, mang nhiều bông giả xếp chụm dạng đầu. Quả dĩnh tròn dài.

## II.B.24. CÂY TRE MẠNH TÔNG ĐẶC (Tầm vòng, Mạ san)

**Male bamboo, Solid bamboo**

***Dendrocalamus strictus* (Roxb.) Nees**

***(Bambusa stricta* Roxb.)**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma), mọc bụi dày, cao 6 - 25 m, đường kính 7 - 8 cm rỗng hay đặc (mọc nơi khô cần) có mấu phình lên. Các đốt ở gốc thường có rãnh. Lóng dài 30 - 45 cm, nhẵn. Lá dễ rụng, hình mũi mác, đầu



nhọn, gốc tròn có cuống ngắn, cả hai mặt đều có lông.

Cụm hoa dạng chùy lớn, chia nhánh tròn, mọc vòng. Bông nhỏ màu nhạt có lông, lờm chớm gai.

Cây mọc khỏe, hầu như không bị tàn lụi, ngay cả sau khi ra hoa, do đó được gây trồng rất rộng rãi để dùng trong xây dựng, đồ dùng hàng ngày. Đôi khi cây được trồng làm cảnh nơi công viên rộng, hay ở các vườn Bách thảo.

## II.B.25. CÂY TRE VÀNG SỌC (Tre trở)

Yellow or golden Bamboo; Bambou de Madagascar

*Bambusa vulgaris* Schrader ex Wendl. var. *aurea* -  
*variegata* Hort. (*B. vulgaris* var. *striata* Gamble)

Họ CỎ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phía Bắc (Ấn Độ, Trung Quốc) được gây trồng ở nước ta từ rất lâu. Cây mọc thành bụi cao 6 - 12 m, có đốt cách xa nhau đều đặn, lóng có vách dày. Thân và cành nhánh đều có màu vàng tươi với những sọc xanh dọc theo nhánh rất đẹp. Lóng dài 20 - 30 cm, vòng mo rõ, vòng rế hơi gồ lên, gốc đám nhiều rế nổi. Thân phân cành thấp, thường mỗi đốt nẩy ra 3 cành chính, mà cành giữa thường lớn và dài hơn cả. Mo phủ đầy lông, lá mo hình tam giác có gân song song nổi rõ. Lá thuôn hình ngọn giáo, gốc tròn, cuống ngắn. Cụm hoa dạng chùm rộng. Bông nhỏ dẹt, nhọn, xếp 2 chiếc ở một chỗ. (Ảnh 29).

Cây được gây trồng rất phổ biến để làm cảnh ở vườn, trong chậu (cắt ngắn cụt ngọn). Cây mọc khỏe dễ trồng bằng tách các cây con từ măng với một phần thân ngầm, có thể lấy các thân già với các mắt ngủ đem nhúng bùn rồi trồng. Cây chóng mọc thành bụi.

## II.B.26. CÂY TRÚC CẢNH (Diệp vĩ dụ)

Japanese Bamboo

*Phyllostachys mitis* A. et C. Rivière  
(*Bambusa mitis* Hort., non Poir)

Họ CỎ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây mọc bụi thưa,

gốc có thân rễ bò dài, măng xanh, có đốm tím. Lá ở măng có mép ngắn, phiến rất hẹp. Thân cây mọc thẳng mềm, màu mốc trắng lóng có rãnh ở phần mọc ra cành nhánh. Lá dạng giải thon, hẹp màu xanh bóng láng ở mặt trên, mặt dưới mốc trắng. Cụm hoa có nhiều bông làm thành chùy. Cây có dáng đẹp, mềm mại và xanh quanh năm nên được gây trồng rộng rãi làm cảnh.

## II.B.27. CÂY TRÚC ĐEN

**Black Bamboo, Bambou noir**

***Phyllostachys nigra* (Lodd) Munro**

**(*Bambusa nigra* Lodd.)**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, mọc thành bụi nhỏ, cao 2 - 4 m, lóng khá xa nhau, có 2 rãnh ở đối diện nhau. Lá mo hình giải lượn sóng có lông mềm, lưỡi mo ngắn, xé mép. Thân cây màu đen láng rất đẹp. Lá hình mũi mác hẹp, mép có răng. Ta có 15 - 16 lóng to.

Cụm hoa là chùy rộng, gồm nhiều bông. Bông nhỏ thường xếp 1 - 2 chiếc ở một chỗ, màu vàng.

Cây trồng làm cảnh rất đẹp, nhất là các nơi chùa miếu vùng núi. Cây ưa ẩm mát, nên phân bố chủ yếu ở vùng núi miền Bắc Việt Nam, và được trồng ở vùng núi Nam Trung bộ. Cây gây trồng chủ yếu bằng tách các chồi thân ngầm hay tách bụi.

Các nhà vườn thường trồng 1 chủng đẹp làm cảnh là *Phyllostachys nigra* Munro. var. *punctata* Hort. - Thân màu vàng nhạt với các đốm màu nâu đen.

## II.B.28. CÂY TRÚC HÓA LONG (Trúc vàng)

***Phyllostachys bambusoides* Sieb. et Zucc. var *aurea***

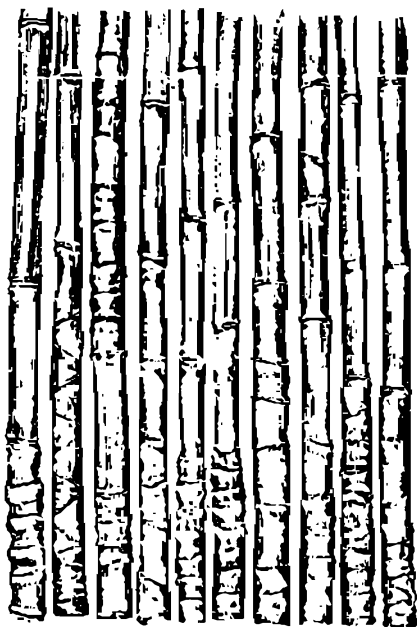
**(Carr. ex Riv.) Mak.**

**(*Phyllostachys aurea* A. et C. Rivière)**

**Họ Cỏ (Poaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây cao 4 - 8 m lóng dài 15 - 25 cm, vòng thân nhô cao, dưới vòng mo và ở vòng đế

có vòng lông hơi trắng sau đen. Phần đoạn gốc thân, các đốt sát lại với nhau, thẳng nghiêng hay rần reo, lóng giữa đốt phình lên xù xì và cong queo làm cho phần vỏ dày lên, gần như đặc. Các đốt có khoảng cách không đều, chỉ dài 1 - 3 cm và tạo nên cây trúc có nhiều dạng hình thù đặc sắc. Lá hình mũi mác thuôn, đầu và góc đều nhọn, mép ráp. Cụm hoa ở trên các cành già, lá bắc mang bông nhỏ ở đỉnh có phiến lá phát triển. (Hình 57)



H.57. Trúc hóa long -  
*Phyllostachys bambusoides*  
Siebet Zucc. var. *aurea* Mak.

Cây có dáng đẹp làm cây cảnh rất hợp, gốc thân có thể làm cán ô, chân đèn hay gậy chống. Cây mọc khỏe và thích hợp với khí hậu mát ẩm. Gậy trồng bằng cách tách bụi, có thể trồng làm cảnh ở chậu.

## II.B.29. CÂY TRÚC LÙN (Trúc cảnh)

*Sasa humilis* (Mif) Cam.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc bụi dày, thân rễ bò và có chồi dài. Thân cao khoảng 1 m, mềm mại, màu xanh bóng, lóng dài 5 - 10 cm. Lá ở măng dài, mép có lông mịn, phiến rất hẹp nhỏ. Đốt mịn có 1 nhánh, lá thuôn dài nhọn ở đỉnh, gốc gần tròn, tai có 5 - 7 lông to, cuống rất ngắn. Cây có dáng bụi đẹp, màu xanh bóng, nên được gậy trồng làm cảnh rất phổ biến ở công viên hay trong chậu. Tuy nhiên, trong các loài trúc lùn, đáng chú ý nhất là :

## II.B.30. CÂY TRÚC LÙN NHẬT

*Sasa japonica* Mak. (*Arundinaria japonica* Sieb. et Zucc.,

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc bụi, có thân rễ bò dài, thân cao 1 - 5 m, mềm mại; xanh bóng, đốt cách xa nhau đều đặn, mỗi mắt mang 1 nhánh. Lá măng có phiến nhỏ, mép có lông. Lá thuôn dài, nhọn đầu gốc phình rộng và tròn, gân nổi rõ. Cụm hoa là chùm rộng, thưa, phân chi nhánh dạng bông dài 3- 10 cm.

## II.B.31. CÂY TRÚC VÀNG

Golden Bamboo, Bambou doré

*Phyllostachys aurea*

Munro, (*Bambusa aurea*  
Hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây mọc rải thưa, thân nhỏ, cao 2 - 4 m, đường kính 1 - 1,5 cm, màu vàng láng, bóng, có một rãnh sâu. Các lông ở gân gốc ngắn và đặc. Lá màu xanh bóng ở mặt trên, mặt dưới pha trắng màu mốc. Cụm hoa là chùm rộng, gốc có lá nhỏ, chia nhánh nhỏ dạng bông dài 2 - 3 cm.

Cây có màu sắc đẹp, trồng làm cảnh thích hợp.



## II.B.32. CÂY TRÚC VUÔNG

*Chimonobambusa*  
*quadrangularis* (Fenzi.)  
Mak. (*Bambusa*  
*quadrangularis* Penzi.)

H.58. Trúc vuông -  
*Chimonobambusa quadrangularis*  
Mak

## Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc chủ yếu ở vùng núi cao miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc, Nhật Bản, nhưng do thân cây đặc sắc có thể gây trồng làm cảnh nơi công viên hay trong vườn.

Cây có thân cao 3 - 8 m, đường kính 1 - 4 cm, lông dài 8 - 20 cm, màu xanh bóng, ráp, tiết diện vuông, các đốt ở gốc có rễ ngắn biến thành gai nhọn. Mo rất mỏng hình tam giác, mặt ngoài và mép có lông. Lá thuôn dài nhọn đầu, gốc thuôn kéo dài thành cuống. Mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông mềm, gân mảnh thành ô vuông rõ. (Hình 58)

Bông nhỏ màu lục hay lục vàng có 4 - 6 hoa.

## II.C. NHÓM CÂY THÂN MỌNG NƯỚC

### II.C.1. CÂY CẨM THẠCH (Chân rết, Thuốc dấu)

Slipper plant; Bird cactus, Redbird cactus, Slipper spurge; Jew bush, Popcorn cactus, Herbe à cors, Pantouflin

*Pedilanthus tithymaloides* (L.) Poit.

(*Euphorbia tithymaloides* L., *E. canaliculata* Lodd.;

*E. carinata* Don.)

Họ Thàu dầu

(Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, hiện được gây trồng làm cây cảnh ở chậu hay cây hàng rào, viền lối đi trong vườn. Cây thân có vỏ nhựa trắng, cao từ 0,4 - 1m. Thân hình trụ màu xanh bóng, gãy khúc, lá mọc cách đều trên mặt phẳng, phiến dày dạng bầu dục, đầu nhọn, gốc tròn, màu xanh nhẵn. Cụm hoa ở đỉnh thân (ít phân cành) ngắn, có cuống ngắn có đốt. Hoa đơn tính màu đỏ. Quả ít thấy. (Hình 59).



H.59. Cẩm thạch -

*Pedilanthus tithymaloides*  
Poit.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe bằng giâm cành, xanh quanh năm, cho hoa nở rộ vào mùa khô. Để trồng làm cảnh, nhân dân thường sử dụng các chủng đẹp như sau :

II.C.1a. Cây Cẩm thạch lùn (Chân rết lùn)

*Pedilanthus tithymaloides* Poit. var. *nana* Hort.

Cây có thân ngắn, lá mọc sát nhau, màu xanh đậm. Thường trồng làm cảnh ở chậu nhỏ.

II.C.1b. Cây Cẩm thạch vằn (Chân rết vằn)

*Pedilanthus tithymaloides* Poit. var. *variegatus* Hort.

Thân lóng có sọc trắng, lá có vết ó loang màu trắng hay hồng. Hoa màu đỏ thắm ở trên, xanh ở dưới.

## II.C.2. CÂY CÀNG CUA (Xương rồng huỳnh hoa)

**Christmas cactus, Crab cactus, Cactus de Noel**

***Zygocactus truncatus* (Haw.) K. Schum (*Epiphyllum truncatum* Haw.; *Zygocereus truncatus* Fric. et Krewz.)**

**Họ xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng rộng rãi vì dáng cây đặc sắc, hoa đẹp, nhưng thường phải ghép lên gốc các loài xương rồng khác. Cây mọc thành bụi nhỏ, gốc hóa gỗ mập, thân có 2 cánh dẹt (ít khi có 3 cánh) mép khía răng, và thắt lại ở đốt, màu xanh bóng, mềm, phân cành nhiều, ngang hay buông thõng xuống, rất thích hợp trồng ở các chậu hay các quang treo. Hoa lớn dài 6 - 8 cm mọc ra từ các cành ở đỉnh, buông thõng xuống. Cánh hoa nhiều, xếp xoắn ốc, màu hồng tím ở ngoài, các cánh trong màu trắng, thơm. (Hình 60)



H.60. Càng cua - *Zygo cactus truncatus* K. Schum

Ở miền Bắc, cây thường nở hoa vào dịp Tết nên rất quý, còn ở miền Nam hoa tập trung nở vào mùa mưa. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng :

II.C.2a. *Zygocactus truncatus* K. Sch. var. *delicatus* Borg.

Hoa màu hồng.

II.C.2b. *Zygocactus truncatus* K. Sch. var. *violaceus* Hort.

Hoa màu tím.

### II.C.3. CHÂN CHIM BẦU DỤC

*Schefflera elliptica* (Harms.) Bl.

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng nước ta, nhưng có dáng đẹp, mọc khỏe dễ uốn tía nên thường được trồng làm cây cảnh lùn trong các chậu hay cây ở non bộ. Cây sống phụ leo bám trên các cây gỗ lớn khác, mọc vươn cao. Lá kép chân vịt mang 5 - 7 lá phụ, dạng thuôn, dài, mép nguyên, màu xanh đậm bóng, gân nổi rõ. Gốc lá phình rộng ôm thân. Cụm hoa dạng tán lớn, dài bằng lá, mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ. Quả có nhân cứng.



H.61. Chân chim tám lá -  
*Schefflera octophylla* Harms

Cây dễ trồng, sống dai, xanh quanh năm. Trồng bằng các đoạn thân có rễ hay giâm cành.

### II.C.4. CÂY CHÂN CHIM TÁM LÁ

(Đáng, Sâm nam)

*Schefflera octophylla* (Lour.)

Harms.

Cây leo dài, sống phụ hay dựa. Lá kép chân vịt thường có 8 lá nhỏ, hình thuôn dài, đầu nhọn, gốc tròn, mép lá nguyên. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùy lớn mọc ở nách lá. Hoa nhỏ, trắng, thơm. Quả hạch tròn. (Hình 61)

Cây có hoa vào mùa thu đông.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, làm cây uốn thế hay ở non bộ rất thích hợp.



H.62. Kỳ nam kiến -  
*Hydnophytum*  
*formicarum* Jack.



Gần đây các nhà vườn có nhập gây trồng 1 loài khác cho lá đẹp là :

## II.C.5. CÂY CHÂN CHIM VÀN

**Variegated elf.**

***Schefflera arboricola* var. *variegata* Hort.**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc. Thân xù xì, mập, mềm sống dựa, phân cành nhiều. Lá kép chân vịt có 7 - 8 lá phụ, màu xanh bóng, mép viền loang lổ màu trắng, rất đẹp. Cụm hoa tán thẳng ở đỉnh. Quả màu đỏ cam hay đen nhạt.

Cây chịu bóng được nên làm cây trang trí nội thất đẹp.

## II.C.6. CÂY KỶ NAM KIẾN (Bí kỳ nam)

***Hydnophytum formicarum* Jack**

**Họ Cà phê (Rubiaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Đông Nam châu Á, trong rừng ẩm lá rộng thường xanh vùng núi. Cây sống phụ trên cây gỗ lớn, có củ tròn nhẵn màu xám vàng nhạt với nhiều lỗ không đều màu nâu đen (tổ kiến). Thân ngắn, lá mọc đối, dày, nhẵn, mọc đều đặn và gân phụ mịn. Hoa nhỏ màu trắng, cánh hoa dày. Quả có nhân cứng. Cây có dáng đẹp, lạ, có thể gây trồng làm cảnh trong các quang treo hay bám vào vách đá hòn non bộ. Cây chịu bóng, làm cây trang trí trong phòng khá thích hợp. Hiện nay vẫn thu hái ở rừng làm cây cảnh, nhưng có thể nhân giống bằng tách các phần củ có chồi mầm, ươm gieo nơi ẩm, che bóng. (Hình 62).

## II.C.7. CÂY LIÊN ĐÀI

**Oyster plant, Echeverie glauque**

***Echeveria glauca* Hort. en Baker**

**(*Cotyledon glauca* Baker)**

**Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Cây nhỏ bé, gần như không có thân. Lá nhỏ, rất dài, xếp thành hoa thị ở sát đất, phiến gần tròn rộng ở đỉnh, thuôn ở góc, màu xanh lục nhạt ánh bạc và vàng. Lá rụng ra khỏi thân có thể nảy

chồi ở gốc làm thành cây mới. Cụm hoa mọc ra ở nách lá trên cuống chung dài, mang 15 - 20 hoa nhỏ bé, màu trắng. (Hình 63).

Cây đẹp, xanh quanh năm, rất phù hợp trồng ở chậu làm cảnh, cây dễ trồng mọc nhanh, nhân giống dễ dàng.

#### II.C.8. CÂY LIÊN ĐÀI ĐỎ

*Echeveria coccinea*

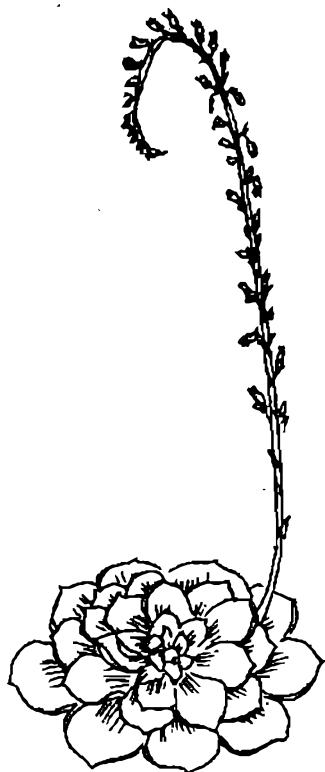
*Echeveria coccinea* DC.

(*Cotyledon coccinea* Cav.)

Họ thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, thân mập, hóa gỗ ở gốc cao khoảng 0,6 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, có lông mảnh màu xám. Lá hình giáo hợp lại thành hoa thị ở ngọn cành. Cụm hoa có cuống chung dài mang 15 - 25 hoa, xếp dạng bông thưa. Hoa màu đỏ cánh dài xòe rộng, cánh tràng 5 hợp thành ống thuôn ở đỉnh, chia 5 thùy ngắn.

Cây mọc khỏe, dễ trồng và nhân giống dinh dưỡng bằng các đoạn thân, cành.



#### II.C.9. CÂY LIÊN ĐÀI GỪ

*Echeveria à fleurs gibbeuses*

*Echeveria gibbiflora* DC.

(*Cotyledon gibbiflora* Moc. et Sessé)

Họ thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh rộng rãi vì dáng cây đặc sắc. Cây có thân mọc thẳng đứng, cao khoảng 60 cm. Lá phẳng, rộng, dạng nêm nhọn đầu, màu vàng, nạc, dày, thu hẹp dần lại từ đỉnh xuống gốc để hợp lại thành hoa thị sát nhau. Cụm hoa trên một cuống chung ngắn, phân thành chùy ở đỉnh. Hoa

H.63. Liên đài - *Echeveria glauca* Hort.

xếp theo 1 bên, nở rất bền, màu đỏ. Cánh đài hợp ở gốc trên chia thùy nhỏ gốc màu trắng, trên màu đỏ cánh tràng cong lại.

Chúng được trồng làm cảnh rộng rãi hơn cả là :

*II.C.9a. Echeveria gibbiflora* DC. var. *metallica* Baker

(*Echeveria metallica* Hort.) - có lá lớn, dạng bầu dục, màu vàng ánh kim. Hoa màu vàng nhạt, đỉnh đỏ.



*H.64. Liên đài lệch -  
Echeveria secunda* Ldl.

## II.C.10. CÂY LIÊN ĐÀI LỆCH

*Echeveria secunda* Lindl. (*Cotyledon secunda* Baker)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, gây trồng làm cảnh ở chậu rất đẹp. Cây gần như không có thân. Lá xếp hoa thị ở sát đất hay trên đỉnh thân ngắn. Phiến lá dày, dạng lòng thuyền gần tròn đầu thuôn nhọn. Cây có thể đẻ nhánh sát gốc làm thành bụi cây nhỏ. Phiến lá màu xanh vàng hay vàng có mép phần đỉnh viền đỏ nhạt. Cụm hoa trên 1 cuống dài, thẳng đứng hay hơi cong, mang 12 - 15 hoa xếp về 1 phía màu đỏ cam, gốc có lá bắc. Hoa có 5 cánh dài nhỏ ở gốc, cánh tràng 5 thuôn hẹp làm thành ống thuôn ở đỉnh. (Hình 64).

Đây là loài được trồng phổ biến nhất, cho dáng đặc sắc, dễ trồng, nhân giống bằng tách chồi mầm từ gốc lá.



H.65. Liên đài thùa -  
*Echeveria agavoides* Lem.

## II.C.11. CÂY LIÊN ĐÀI THỪA

*Echeverie à port d'Agave*

*Echeveria agavoides* Lem.

(*Cotyledon agavoides* Bak.) (*Inbintu agavoides* Rose)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây nhỏ bé thân ngắn sát đất, mọc ra nhiều chồi mang các đám lá xếp hoa thị sát nhau làm thành khối nhỏ. Lá dạng bầu dục nhọn dày, mập, nạc phẳng, thuôn dài nhọn đầu màu đỏ, phiến màu xám xanh cả hai mặt. Cụm hoa trên cuống chung dài khoảng 30 cm, mang 4 - 6 hoa. Hoa có cuống dài, màu đỏ cam. Cánh dài nhỏ bé ở gốc. Cánh tràng dài thuôn làm thành ống hẹp (Hình 65).

Hoa nở bền, hấp dẫn.

II.C.12 - CÂY LÔ HỘI (Nha đam, Lưỡi hổ).

**Barbados Aloes , Aloès vulgaire**

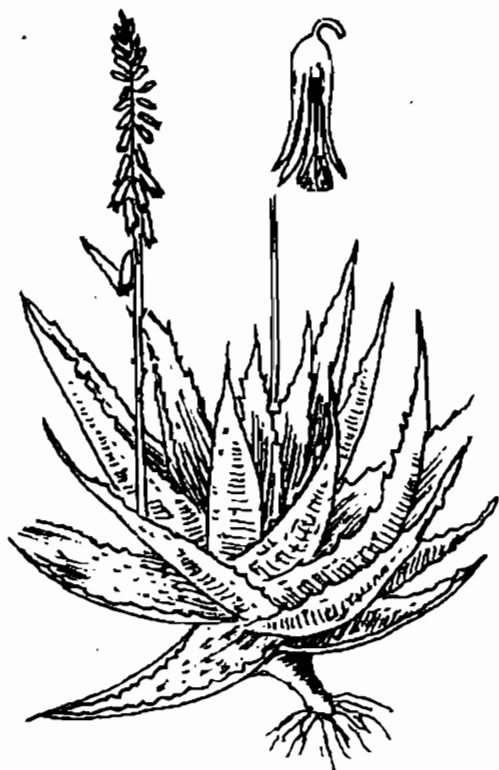
***Aloe vera* Linn. (*A. perfoliata vera* Linn.;**

***A. elongata* Murr.;**

***A. barbadensis* Mill, *A. vulgaris* Lam., *A. flava* Pers.)**

**Họ Lô Hội (Asphodelaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông nay phát triển rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới, để làm cảnh và làm thuốc. Cây nhỏ bé, gốc hóa thân gỗ, ngắn, lá không cứng, mọc vòng rất sát nhau, mập, màu xanh tươi, mép dày có răng cưa thô như gai nhọn, mặt trên lõm có nhiều đốm không đều, màu trắng. Cụm hoa dài khoảng đến 1 m, dạng chùy dài mang nhiều hoa, lúc non mọc đứng sau rù xuống. Hoa dài 3 - 4 cm, cánh hoa hợp lại thành ống,, trên chia thùy sâu. Quả nang hình trứng thuôn, non màu xanh, sau già màu nâu (Hình 66).



H.66. Lô hội - *Aloe vera* L.

Để trồng làm cảnh, thường gây trồng các chủng :

II.C.12.a - *Aloe vera* L. var. *officinalis* Baker.

Hoa màu vàng da cam, cây lớn, lá rộng.

*II.C.12.b - Aloe vera* L. var. *chinensis* Berg.

Hoa màu đỏ. Cây nhỏ bé hơn.

Cây mọc khỏe rất dễ trồng bằng tách bụi, vì cây dễ nhánh rất dày đặc, nếu đất tốt chỉ sau một vài năm cây lan tràn thành một thảm dày.

**II.C.13 - CÂY LÔ HỘI CẢNH (Mô kết)**

**Bee de Perroquet, Aloès panaché**

***Aloe variegata* Linn. (*A. punctata* Haw.)**

**Họ lô hội (Asphodelaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Capơ, được gây trồng làm cảnh trong chậu nhỏ. Cây nhỏ bé, thân rất ngắn. Lá xếp hoa thị, dạng tam giác, dày mặt trên lõm dạng chữ V, màu xanh bóng với các đốm và mép trắng. Mép lá có răng dạng gai, đầu lá nhọn. Cụm hoa trên 1 cuống chung thẳng, dài, mang nhiều hoa màu đỏ, cánh hoa hợp thành ống ngắn có gân màu xanh xám.

Trồng làm cảnh, thường chọn chủng *Aloe variegata* L. var. *haworthii* Berg. Lá hẹp và có vạch trắng.

Cây dễ trồng và nhân giống bằng tách bụi.

**II.C.14 - CÂY LÔ HỘI VÀN (Nha dâm vãn)**

**Aloès maculé, Aloès d'Abyssinie**

***Aloe maculata* Fork. (*A. abyssinica* Lamk.)**

**Họ lô hội (Asphodelaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, được trồng làm cảnh vì lá có màu sắc đẹp. Cây nhỏ bé, lá mọc sát nhau, không có cuống, phiến hẹp dạng tam giác, đầu nhọn, màu xanh xám, mép có vạch màu đỏ nhạt. Cụm hoa có cuống chung dài, hơi phân nhánh. Hoa màu vàng hay da cam. Cánh hoa hợp thành ống hẹp trên chia thùy ngắn.

Hiện nay ở các tỉnh phía Nam còn nhập để trồng 1 loài khác làm cảnh đẹp là:

## II.C.15 - LÔ HỘI VÀN NHỎ

### *Haworthia limifolia* Marloth.

#### Họ Lô hội (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, dạng nhỏ, gần như không có thân. Lá dày xếp sát đất, dạng hoa thị, chồng lên nhau. Phiến lá hình tam giác dài, nhọn, mập, màu xanh bóng trên có nhiều vạch ngang mảnh màu trắng, nổi rõ rất đẹp, như da trâu. Toàn bộ cây chỉ cao 10 - 15 cm, nhưng cụm phát hoa dài trên 20 cm, mảnh, mang hoa nhỏ màu tím nhạt, dạng ống dài. Cây rất thích hợp trồng ở chậu, bày trong nhà (bàn trà, cửa sổ, bàn làm việc). Nhân giống bằng tách bụi.

## II.C.16 - CÂY LƯỠI CỌP VÀN (Hổ thiệt vằn, Hổ vĩ)

**Bowstring - Hemp, Konje Hemp,  
Sword - plant, Sansevière, Langue de belle - mère,  
Sansevière de Guinée**

### *Sansevieria trifasciata* Prain.

(*S. thyrsiflora* Thunb., *S. guineensis* Willd.)

#### Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi. Cây gần như không có thân, nhưng thân rễ mập, khỏe, mọc ra chùm 1 - 6 lá dẹt, mập, cứng, hình lòng thuyền rộng, phẳng ở mặt trên có rãnh ở mặt dưới, mép lá có sụn màu đỏ nhạt, lá già có vằn ngang màu đậm mép xanh. Cụm hoa có cuống chung, mập, tròn, màu xanh bóng, cao 30 - 80 cm mọc ra các chùm ngắn 3 - 8 hoa. Hoa màu trắng lục nhạt có đốm nâu, cánh hoa hợp thành ống dài, trên chia thùy hình giải, thơm. Quả mọng có 1 - 3 hạt. (Ảnh 30).

Cây làm cảnh đẹp, dễ trồng bằng tách bụi, ít chăm sóc, mọc khỏe.

## II.C.17 - CÂY LƯỠI CỌP XANH (Hổ thiệt)

Bowstring Hemp, Grande sansevière; Sansevière de ceylan.

*Sanseviera zeylanica* Willd.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Xrilanca). Cây thân mọc thành bụi 5 - 10 lá dày, sống lâu năm. Lá lớn mọc thẳng, hình giáo hẹp, nhọn, có rãnh, rất dày, cứng, lượn sóng, màu xanh đậm bóng, mép hóa sụn màu đỏ nhạt và phiến có nhiều vân ngang màu lục nhạt pha trắng, không đều nhau. Cụm hoa dạng bông trên cuống chung mập, thẳng màu xanh, dài khoảng 30 cm, có nhiều lá bắc. Hoa lớn màu trắng lục, dài 3,5 cm, xếp đều đặn. Cánh hoa 6, mềm, dài thuôn. Quả tròn. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ (tách bụi), ít chăm sóc, làm cảnh đẹp. Hiện có một chủng được gây trồng làm cảnh phổ biến hơn cả là :

II.C.17.a - Cây lưỡì cọp xanh mép vàng.

*Sanseviera zeylanica* Willd.  
var. *laurentii* Hort.

(*S. laurentii* Wildem.)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới. Lá có mép nên 1 giải màu vàng nhạt (Hình 67).



H.67. Lưỡì cọp xanh mép vàng  
- *Sanseviera zeylanica* Willd.  
var. *Laurentii* Hort.



## II.C.18 - CÂY LƯỠI MÈO

*Sansevière de Hahn*

*Sansevieria trifasciata* Prain. var. *hahnii* Hort.

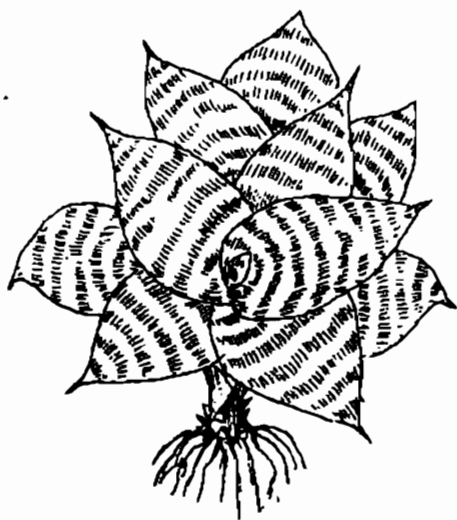
(*Sansevieria hahnii* Hort.)

Cây lùn nhỏ, thân rất ngắn. Lá xếp xoắn dạng hoa thị sát đất, màu xanh đậm bóng với các vân ngang màu xanh xám nhạt cách xa nhau đều đặn. (Hình 68).

Loài này còn có một dạng trồng khá phổ biến là cây lưỡi mèo vàng.

*Sansevieria hahnii* Hort.  
for. golden.

Cây có lá uốn dạng lòng máng, màu xanh nhạt bóng, mép có viền lớn chiếm gần nửa phiến, màu vàng và trong có vân dọc theo phiến lá. Đây là dạng làm cảnh đẹp nhất.



H.68. Lưỡi mèo -  
*Sansevieria hahnii* Hort.

## II.C.19 - CÂY MÓC CẦU ĐỎ (Xương rồng gai đỏ)

*Parodia mutabilis* Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina, được gây trồng ở chậu làm cảnh đẹp. Cây có thân dạng tròn thuôn, đường kính khoảng 10 cm, gồm nhiều u lồi xếp xoắn ốc đều, thuôn nhọn ở đỉnh. Cụm gai xếp tỏa tròn đều ở đỉnh mỗi u lồi, màu đỏ, thẳng, nhọn đầu, xếp xen lẫn nhau, che phần lớn màu xanh của thân (càng lên đỉnh gai càng dày đặc). Hoa lớn, 1 - 2 chiếc ở đỉnh thân, dài 3 cm màu vàng tươi. Hoa có cuống mập, ngắn, nhiều vảy dài ở gốc. Cánh hoa rộng mềm, xếp nhiều vòng loe rộng ở đỉnh. Nhị nhiều. Bầu có vòi dài chia ngón ở đỉnh.

Cây đẹp, dễ trồng và ra hoa đều vào đầu xuân. Có thể chọn mấy chủng làm cảnh sau :

*II.C.19.a - Parodia mutabilis* Backbg. var. *carneospiva* Backbg.

Cây có thân với gai trung bình.

*II.C.19.b - Parodia mutabilis* Backbg. var. *elegans* Backbg.

Cây có thân với gai mảnh.

*II.C.19.c - Parodia mutabilis* Backbg. var. *ferruginea* Backbg.

Cây có thân gai với gai mập.

## II.C.20 - CÂY NÁNG ĐẾ

*Beaucarnea recurvata*, Pony tail.

*Beaucarnea recurvata* Ch. Lem.

(*Nolina recurvata* Hemsl.; *Pincinctita tuberculata* Hort.)

Họ Náng đế (Nolinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam Việt Nam. Thân mảnh, cao chừng 1 - 2 m, phình rộng ở phía gốc thành một đế lớn hình bán cầu, đường kính 30 - 40 cm, lá nhiều, xếp sát nhau, tỏa tròn, cứng, cong ra ngoài, màu xanh đậm, hình giải, nhọn đầu, dài 1 - 2 m, rộng 2 - 3 cm.

## II.C.21 - CÂY NÁNG ĐẾ LÁ DÀI

*Beaucarnea longifolia* Baker.

(*Nolina longifolia* Hemsl.)

Họ Náng đế (Nolinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Thân cao khoảng 1 m, đôi khi phân ít cành ngắn. Lá xếp dày đặc ở đỉnh thành bụi xòe rộng, màu xanh đậm, cứng, đầu nhọn, mép ráp. Cụm hoa dạng chùy lớn, mang hoa đơn tính, nhỏ bé. Quả thuôn dài có hạt đỏ nhạt (hình 69).

Cây có dáng đẹp.

## II.C.22 - CÂY NANH HEO

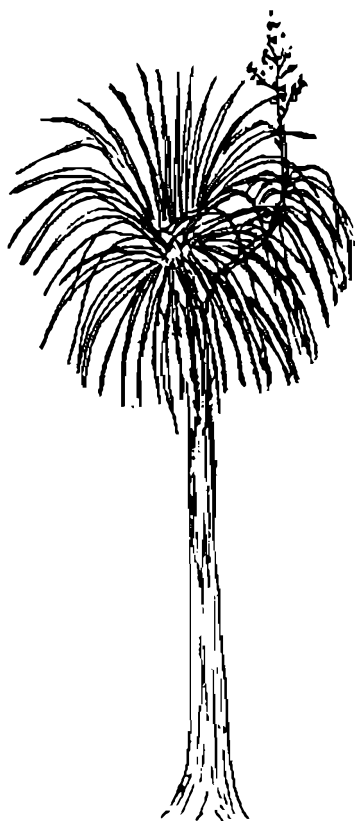
*Sanseveère cylindrique*

*Sansevieria cylindrica* Bojer

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi để làm cảnh ở chậu hay viền lối đi trong vườn. Cây có thân rất ngắn, nhưng thân rễ khỏe, mập, dài, mang 5 - 10 lá, xếp hai dãy trên mặt phẳng. Lá hình trụ nhọn, có bẹ ở gốc, thuôn nhọn ở đỉnh, cao 0,3 - 1 m đường kính 3 - 4 cm, có rãnh, màu xanh đậm bóng có nhiều đốm vàng màu lục nhạt pha trắng làm thành các vân tròn. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, thẳng đứng, ngắn hơn lá. Hoa màu trắng ngà có đốm hồng. Cánh hoa 6 làm thành 1 ống mảnh trên chia 6 thùy dài. Nhị thò ra ngoài bao hoa. Quả mọng có 1 - 3 hạt (Ảnh 31).

Cây có dáng đẹp, dễ trồng, chịu được bóng, làm cây trang trí nội thất đẹp. Nhân giống bằng tách bụi, cắt các đoạn thân rễ có chồi và có rễ. Cây ít đòi hỏi đất đai, tránh úng ngập nước.



H.69. Náng đế lá dài -  
*Beaucarnea longifolia* Baker.

## II.C.23 - CÂY NGÀ VOI

*Sansevieria canaliculata*

Carr. (*S.sulcata* Boj.)

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc ở Madagasca, quần đảo Réunion và các nước

khác thuộc châu Phi nhiệt đới. Cây mọc thành bụi nhỏ, gốc có thân rễ mập mọc bò, màu đỏ. Lá mọc thẳng đứng, hình trụ có một rãnh dọc khá sâu, đầu thuôn nhọn, gốc có bẹ, màu xanh bóng nhạt.

Cụm hoa dạng chùm hẹp và ngắn, dài khoảng 20 cm. Hoa hình ống dài, trên chia 6 thùy hẹp, màu trắng.

Cây làm cảnh đẹp vì có dạng lá đặc sắc, rất thích hợp trong các chậu và bày trong nhà. Cây sống khỏe, chịu được hoàn cảnh sống khó khăn, gây trồng chủ yếu bằng tách bụi từ các đoạn thân rễ.



## II.C.24 - CÂY NGỌC GIÁ

**Adam's Needle, Yucca  
filamentosa**

***Yucca filamentosa* Linn.**

**(*Y. aloifolia* L., *Y. serrulata* Haw.)**

**Họ Thùa (Agavaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở vườn, trong chậu hay làm cây phong cảnh. Thân hình trụ thấp (cao khoảng 0,5 m) mang lá dày đặc ở đỉnh. Lá cứng, đầu nhọn như gai, gốc dây có bẹ ôm thân, màu xanh bóng, lâu rụng. Cụm hoa dạng bông lớn mọc thẳng đứng giữa đám lá. Hoa tập trung ở đỉnh, khá lớn (đường kính 4 - 5 cm) có 6 cánh xòe rộng, màu trắng, đẹp, thơm. Quả ít thấy (Hình 70).

H.70. Ngọc giá -  
*Yucca filamentosa* L.

Cây được gây trồng vì có dáng đẹp, dễ mọc và chịu được hoàn cảnh sống khó khăn (khô, nóng). Các chủng có dáng đẹp hơn cả là :

*II.C.24.a - Cây Ngọc giá cuộn*

*Yucca filamentosa* L. var. *concava* Baker. (*Y. concava* Haw.)

Lá lõm sâu dạng lòng thuyền.

*II.C.24.b - Cây Ngọc giá vân*

*Yucca filamentosa* L. var. *variegata* Hort.

Lá rộng, mép có viền trắng hay vàng nhạt.

## II.C.25 - CÂY NGÔ ĐỒNG (Dầu lai củ)

Guatemala Rhubarb, Physic Nut, Tactago

*Jatropha podagrica* Hook.

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh ở trong chậu rất đẹp, trồng nhiều nơi đền chùa, danh lam thắng cảnh và vườn trong nhà. Cây nhỏ, thân bụi cao 0,3 - 1 m. Góc phình rộng thành củ, xù xì, mập, gần hình trụ, trên cong queo, phân nhánh ít. Lá hình khiên rộng, có 3 - 5 thùy cuống lá dính vào 1/3 gần gốc, màu xanh bóng, nhẵn, đẹp. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, màu xanh xám, thẳng. Cụm đế hoa màu đỏ. Hoa có 5 cánh màu đỏ tươi. Bầu hình trái xoan, nhẵn, màu xanh bóng. Quả nang, độc (Ảnh 32).

Cây có dáng đẹp, lá xanh quanh năm và cụm hoa độc đáo, lâu tàn và gần như có quanh năm. Cây được nhân dân rất ưa chuộng, trồng bằng hạt.

## II.C.26 - CÂY QUỲNH

Night - flowering cactus, Orchid cacti

*Epiphyllum oxypetalum* (DC.) Haw.

(*Phyllocactus grandis* Lem.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (hoặc Monduras, Guatemala và Cuba) là một trong những loài làm ảnh đẹp nhất của họ Xương

rộng. Hiện nay cây được trồng rộng rãi ở nhiều nước. Ở Việt Nam, cây được ưa chuộng vì người ta cho rằng hoa nở đem lại hạnh phúc cho người thường ngoạn. Cây mọc vươn dài hay sống dựa, gốc thân hình trụ, còn phần trên và cành đều dẹt như lá có gân giữa cứng, khỏe. Mép thân uốn lượn và có khía tròn, màu xanh bóng, dày. Hoa nở về đêm, lớn, màu trắng gồm nhiều lá bắc hình vẩy ở gốc, phủ kín cuống dài mọc ra từ phần gân giữa của thân. Cánh dài thuôn dài, mảnh, màu trắng. Nhị nhiều, bầu có vòi dài màu trắng. Hoa nở chóng tàn. Hoa nở tập trung vào mùa thu (Ảnh 33).

Cây trồng làm cảnh ở chậu, bờ tường hay balcon rộng. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân hay đoạn gốc có rễ (dễ nhánh từ gốc thành bụi). Chăm sóc không phức tạp, cần đủ nắng và đất trung bình.

## II.C.27 - CÂY QUỲNH ĐỎ

*Epiphyllum d'Aclerman*

*Epiphyllum akermannii* Haw.

(*Phyllocactus akermannii* Valp.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây được gây trồng làm cảnh rộng rãi vùng núi cao (Đà Lạt - Lâm Đồng) cho hoa nở bền và vào ban ngày. Cây có dáng như cây Quỳnh. Thân dẹt màu xanh bóng có múi nhỏ và phân cành ngắn. Hoa lớn nở ở đầu cành, ngoài có lá bắc dạng vẩy. Cánh hoa dài, mảnh màu đỏ tươi ở ngoài, màu đỏ hồng ở trong. Nhị nhiều. Bầu có vòi màu đỏ nhạt (Ảnh 34).

Hoa đẹp làm cây cảnh ở chậu rất thích hợp.

## II.C. 28 - CÂY SAN HỒ XANH (Cành giao, Xương khô, Thập nhị)

Milk bush, Finger tree, Indian tree spurge

*Euphorbia tirucalli* Linn.

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới

được trồng làm ở chậu hay thành bụi ở vườn. Cây bụi nhỏ, cao 1 – 6 m, thân mập, dày, phân cành nhiều mọc vòng xung xuê, tiết diện tròn, màu xanh bóng, có nhựa trắng. Lá hẹp, dài 1 – 2 cm, rất chóng rụng, thường tập trung ở đầu cành. Cụm hoa dạng chén ở kẽ các lá và kẽ nhánh. Hoa đực và hoa cái trên hai cây khác nhau. Hoa đực có nhiều nhị. Hoa cái, bầu có 3 vòi chẻ đôi. Quả nang có 3 múi lõi, có lông thưa. Hạt nhỏ, đen (Ảnh 35).

Cây làm cảnh chủ yếu do dáng và cách phân cành, trông như cành xương khô. Cây dễ trồng bằng tách bụi hay các cành nhánh già. Cây ít đòi hỏi đất đai, cần đủ nắng và thoáng. Có thể bày trong nhà làm cây trang trí.

## II.C.29. CÂY SỨ THÁI

*Adenium obesum* Roem. et Sch.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây mập thân ngắn, phân cành dài, tỏa rộng, có mù trắng, vỏ màu xám xanh. Lá tập trung ở đầu cành, nhỏ, xanh bóng, gốc thuôn nhọn theo cuống, đầu mở rộng và gần tròn.

Cụm hoa ở đỉnh xếp sát với lá hay trên cành rụng lá. Hoa lớn màu đỏ tươi, mềm, cánh hoa hợp ở gốc thành phễu trên chia 5 thùy xòe rộng, có lông ở gốc. Hoa nở dần vài chiếc một, nên cụm hoa bền, mùa hoa kéo dài gần quanh năm (thường tập trung vào mùa khô). Quả ít gặp.

Cây cho hoa đẹp, dáng cây đặc sắc, vì càng già gốc càng phình rộng như một đế mập.

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn cành: vào mùa mưa, cắt các cành dài, phơi nơi mát cho hơi khô, mới đem trồng ở chậu có đất ẩm. Cành chóng có rễ và mọc thành cây mới. Cây trồng sâu sau nhấc cao dần để rễ lộ ra ngoài đất phình lên thành các u máu, rất đẹp. Cành dài rất mềm có thể uốn cuộn thành các dáng đẹp tùy ý muốn. Cây dễ trồng và dễ chăm sóc, ưa khí hậu khô nóng (Ảnh 36).

## II.C.30 - CÂY TAI HÙM (Hổ nhĩ)

Strawberry geranium, Old man's Beard

*Saxifraga stolonifera* Merr. (*Saxifraga sarmentosa* Linn.f.)

*S. japonica* Hort.; *S. chinensis* Lour.)

Họ Tai hùm (Saxifragaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc và được trồng ở nhiều nước châu Á, châu Âu để làm cảnh và làm thuốc. Cây thân cỏ sống lâu năm, mọc bò dài. Lá mọc từ rễ, hình thận hay gần hình tròn, dày, có lông hung và màu xanh điểm vân trắng theo gân ở mặt trên, màu đỏ với đốm trắng ở mặt dưới, mép lá có răng cưa nhọn hình tam giác. Cuống lá dài cong sát mặt đất. Cụm hoa hình chùy lớn ở ngọn, trên cuống chung lớn, thẳng, chia 7 - 9 nhánh, có lông. Mỗi nhánh có 4 - 7 hoa. Hoa màu hồng



H.71. Tai hùm -  
*Saxifraga stolonifera* Merr.

nhạt, không đều, gồm 3 cánh nhỏ hình bầu dục thuôn với 2 cánh có đốm vàng, một cánh ở giữa có đốm đỏ tươi. Còn hai cánh lớn gấp 3 - 4 lần, hình trái xoan dài. Quả nang mở một đường (hình 71).

Hoa đẹp, nở rộ vào mùa xuân nên được trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc, cho hoa đẹp trên đám lá sặc sỡ. Các nhà vườn còn tạo ra một chủng có lá hấp dẫn hơn :

II.C.30.a - *Saxifraga stolonifera* Merr. var. *tricolor* Sieb.

(*S. tricolor* Hort.)

Cây cho lá đẹp có vân màu vàng nhạt và đỏ.



## II.C.31 - CÂY TAI CÙI (Xương rồng bàn tay)

**Spineless cactus, Nopalie à cochenille**

***Nopalea cochenillifera* (Mill.) Salm - Dyck**

**(*N.inaperta* Schott.)**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ nhiệt đới (Méhicô và Jamaica), nay mọc hoang dại nhiều ở vùng duyên hải nước ta làm cây hàng rào và cây cảnh. Cây mọc thành bụi, cao 1 - 2 m, phần dưới thân hơi hóa gỗ, gần hình trụ, phần trên nạc làm thành đốt kế tiếp và thẳng góc với nhau, dạng dẹt hình trứng, màu xanh bóng, lúc non có lá hình trụ nhỏ, nhọn, sẫm rưng, gai xếp sát nhau thành cụm, có lông ngắn màu trắng. Hoa đơn độc, màu đỏ hay vàng, có cánh dài thẳng, cùng với cánh tràng xếp vòng. Nhị nhiều xếp thành vài vòng, thò ra ngoài hoa. Vòi nhụy hình trụ thẳng đứng, cũng thò ra ngoài. Quả mọng, hình trứng, đường kính 4 - 6 cm, không gai. Hạt màu đỏ.

Hoa nở gần như quanh năm.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường tạo ra các dáng lùn nhỏ, trồng trong các chậu bày nơi bàn trà.

## II.C.32 - CÂY THẠCH TRỤ THIÊN (Xương rồng cột)

***Trichocereus candicans* (Gill.) Britt. et Rose.**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Achentina, được gây trồng làm cảnh ở các vườn, nơi công viên đất khô, đá sỏi để tạo một cảnh quan đặc sắc. Cây có thân hình cột thuôn, cao khoảng 0,75 m đến 3 m, màu xanh trắng rất đẹp, dọc thân có khoảng 9 - 12 đường gờ nổi như múi, rờ, trên múi có các chùm gai xếp cách nhau đều đặn, sát dần nhau ở đỉnh, gai có 10 - 12 chiếc xếp tỏa tròn gần thẳng đứng, dài, mảnh nhọn, màu trắng. Hoa lớn mọc ra ở gần đỉnh thân, trên cuống dài mập, vươn cong ra mang hoa ở đỉnh màu trắng dài và rộng khoảng 20 cm. Quả hình trái xoan dài. (Ảnh 37)

Cây mọc khỏe, dễ trồng, dễ nhánh nhiều dễ cắt chiết. Có thể

trồng làm cảnh các chủng :

*II.C.32.a - Trichocereus candicans* Br. et R. var. *roseoflorus* Backbg.

Hoa màu hồng.

*II.C.32.b - Trichocereus candicans* Br. et R. var. *tenuispinus* (Pfeiff) Backbg.

Hoa màu trắng.

## II.C.33 - CÂY THƠM DÚM

*Cryptanthus acaulis* Beer.

(*Tillandsia acaulis* Lindl., *C. undulatus* Otto et Dietr.)

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh đẹp ở nhiều nước nhiệt đới. Cây chỉ cao dưới 0,5 m, gần như không có thân. Lá dày xếp hoa thị sát nhau ngay trên mặt đất. Lá màu xanh bóng, thuôn dài lõm dạng lòng thuyền, phiến răn reo, vắn vẹo và tỏa tròn đều. Mép lá có răng cưa nhỏ và mặt phiến có nhiều vân, đốm rất đẹp, đầu lá nhọn, gốc có bẹ sát nhau (Hình 72). Cụm hoa ở giữa đám lá, hoa trắng. Để trồng làm cảnh có thể trồng các chủng sau :

*II.C.33.a - Cryptanthus acaulis* Beer. var. *discolor* Mez, cây có lá thuôn dài, răn reo, màu ánh bạc ở mặt dưới, mặt trên nhẵn.



H.72 Thơm dùm -  
*Cryptanthus acaulis* Beer.

*II.C.33.b - Cryptanthus acaulis* Beer. var. *ruber* Mez.

Cây có lá ngắn, răn reo màu đỏ nhạt.

*II.C.33.c - Cryptanthus acaulis* Beer. var. *zonatus* Beer.

Cây có lá thuôn dài hình giáo, mép răn reo, có gai nhỏ, phiến có nhiều vân ngang màu trắng. Hoa trắng.

*II.C.33.d - Cryptanthus acaulis* Beer. var. *tivittatus* Regel.

Cây có lá thuôn dài, cuộn lại, răn reo, màu xanh ở mặt trên với 2 vạch màu đỏ nhạt. Hoa trắng.

## II.C.34 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG BẮC

*Begonia baviensis* Gagnep.

Họ Thu hải đường

(*Begoniaceae*)

Cây mọc hoang đại vùng núi đá thuộc các tỉnh miền Bắc nước ta, đôi khi được gây trồng làm cảnh vì có dáng đẹp. Cây thảo, cành mập có nhiều lông mềm màu hung và có khía dọc tía. Lá hình tim lệch ở góc, trên chia 5 - 7 thùy nhọn, gân chân vịt. Cụm hoa trên cuống chung mập, mọc ra từ kẽ lá, dạng ngù. Hoa lớn. Hoa đực có 4 cánh, nhiều nhị; Hoa cái có 5 cánh. Quả có cánh và phủ lông. (Hình 73). Các tỉnh phía Nam thường khai thác một loài khác làm cảnh là:



H.73. Thu hải đường bắc  
- *Begonia baviensis*

## II.C.35 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG CHÂU ĐỐC

*Begonia harmandii* Gagnep.

Họ Thu hải đường (*Begoniaceae*)

Cây thân cỏ, có củ tròn mọc nước, với lông cứng thưa. Lá 2 - 4 chiếc, hình gần tròn, gốc xẻ hình tim, đầu thuôn, mép khía răng nông. Cuống lá dài, mảnh, có lông. Cụm hoa trên cuống chung dài, ít hoa. Hoa nhỏ bé màu trắng hay hồng. Hoa đơn tính.

## II.C.36 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG ĐÁ

*Begonia rupicola* Miq.

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây mọc hoang dại vùng núi đá miền Nam nước ta. Cây thân cỏ, ngắn, đôi khi phân nhánh, màu hồng, mọng nước, có đốt. Lá lệch, gốc hơi hình tim không đều, đầu thuôn dài, mép hơi có thùy. Lá dày màu xanh bóng nổi rõ gân ở mặt trên, màu hồng đỏ ở mặt dưới. Cuống lá ngắn. Cụm hoa trên cuống chung ngắn, mang ít hoa màu hồng. Quả có cánh. (Ảnh 38)

Cây được gây trồng làm cảnh vì cả lá và hoa đều khá hấp dẫn. Hiện nay chỉ khai thác cây tự nhiên đem trồng ở chậu hay trên các hòn non bộ. Cây ưa ẩm và chịu được bóng, dễ trồng.

## II.C.37 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG MỸ

*Bégonia de Davis*

*Begonia davisii* Veitch.

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Peru, được gây trồng ở chậu rất phổ biến ở miền Trung nước ta (Huế). Cây dạng cỏ không thân, có củ lớn ở gốc, lá dày dạng bầu dục chia thùy hình tim ở góc, phiến lệch, láng bóng, màu xanh tối mặt trên, hơi đỏ và có mụn lồi ở mặt dưới, có lông dày và gân nổi rõ. Mép lá có răng nhỏ, cuống lá dài màu đỏ. Cụm hoa trên cuống chung dài mọc thẳng đứng, mang hoa ở đỉnh dạng tán. Cuống hoa và hoa màu đỏ. Lá bắc hơi tròn, cánh hoa 4.

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra rất nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau :

II.C.37.a - *Begonia davisii* Veitch. var. *multiflora - gracilis*.  
Hort.

Cây có hoa đỏ tươi.

II.C.37.b - *Begonia davisii* Veitch. var. *rosea - multiflora* Hort.

Cây có hoa màu hồng.

## II.C.38 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG NGUYÊN

***Begonia integrifolia* Dalz. in Hook.**

**Họ Thu hải đường (Begoniaceae)**

Cây mọc vùng núi đá miền Nam trung bộ hay Nam bộ nước ta. Cây có củ nhỏ, thân ngắn, mang 2 - 4 lá. Lá thuôn dài, góc hơi lõm, đầu có múi, mép gợn như nguyên. Cuống lá trung bình. Cụm hoa ngắn ở ít hoa. Hoa đực có 4 cánh, hoa cái 5 - 6 cánh. Quả có 3 cánh.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng nên được thu hái tự nhiên rồi trồng ở chậu hay hòn non bộ. Để làm cảnh có thể chọn chủng :

*II.C.38.a - Begonia integrifolia* Dalz. var. *guttata* Gagn.,

Cây cho lá màu xanh điểm đốm trắng.

## II.C.39 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG THÀU DÀU

***Begonia ricinifolia* Hort.**

**Họ Thu hải đường (Begoniaceae)**

Là loài lai giữa *Begonia heracleifolia* Cham. et Schlecht. với *Begonia peponifolia*. Cây có thân ngắn, dày, mọng. Lá lớn chia thùy chân vịt, màu xanh đồng, nhẵn, bóng. Cụm hoa dài, thẳng, mang nhiều hoa màu hồng hợt vàng ở đỉnh. Hoa nở bền gần như quanh năm. Cây trồng làm cảnh ở chậu rất đẹp. (Ảnh 39)

## II.C.40 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG TRẮNG

***Begonia dolifolia* Hort.**

**Họ Thu hải đường (Begoniaceae)**

Cây mọc thành bụi nhỏ, thân ngắn, nhiều rễ mập. Lá dạng tim lệch, gần tròn, gần chân vịt. Lá xếp sát đất dạng xòe rộng do cuống lá ngắn, màu đỏ. Cụm hoa dài mọc thẳng hay hơi cong, phân chia nhiều nhánh. Hoa trung bình, có 4 cánh hoa màu trắng, hợt vàng. Quả có 3 cánh (Ảnh 40)

Cây có dáng đẹp, mềm mại. Cụm hoa lâu tàn nên làm cảnh ở chậu rất đẹp. Gây trồng bằng hạt hay tách bụi. Cây ưa khí hậu ẩm ướt, có thể chịu bóng một phần, nên làm cây trang trí trong nhà thích hợp.

## II.C.41 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG TRƯỜNG XUÂN

***Bégonia tonjours fleuri*, *Begonia***

***Begonia semperflorens* Link. et Otto**

**(*B. spathulata* Willd.)**

**Họ Thu hải đường (Begoniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở chậu để làm cảnh suốt từ Bắc vào Nam. Cây thân cỏ, mập, mọng nước, mọc thẳng, màu xanh bóng hay pha đỏ nhạt. Lá thuôn tù tròn hay hình tim ở gốc, nạc, màu xanh bóng, nhẵn, mép có răng cưa nhỏ, gân nổi rõ và cùng với cuống thường màu đỏ nhạt. Cụm hoa mập, dài, màu đỏ tía hay hồng nhạt. Hoa đực có 4 cánh và nhiều nhị màu vàng. Hoa cái có 5 cánh. Quả có 3 cánh màu hồng. (Ảnh 41)

Đây là loài rất dễ trồng, hoa đặc sắc và được các nhà vườn tạo ra nhiều chủng đẹp :

II.C.41.a - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. form. *trionpha de Lorraine*

Hoa màu đỏ hồng (hoa đào), nhị màu vàng kim.

II.C.41.b - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. form. *gloire de Chatelaine*

Cây thấp, hoa màu hồng tươi.

II.C.41.c - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. var. *alba* Hort.;

Cây có hoa màu trắng.

II.C.41.d - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. var. *atropurpurea* Hort.

Cây có hoa màu đỏ tươi, đậm. Lá cũng màu đỏ.

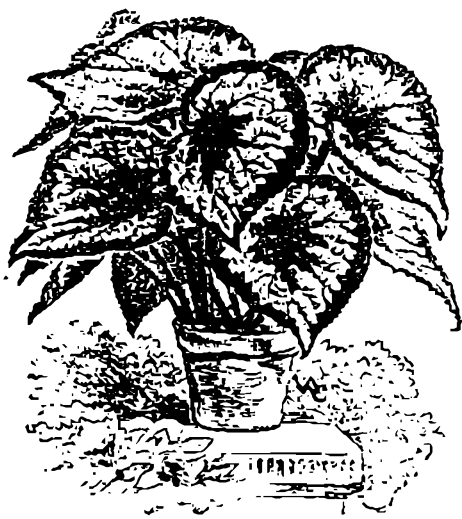
## II.C.42 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG VÀN

***Begonia rex* Putz.**

**Họ Thu hải đường (Begoniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng núi châu Á (Ấn Độ) và là một trong các loài cây làm cảnh đẹp nhất của họ Thu hải đường. Cây được

trông rộng rãi trên toàn thế giới. Cây thân cỏ có thân rễ tròn, nạc. Lá 3 - 6 chiếc tập trung ngay ở sát mặt đất có lông. Lá thuôn bầu dục, phiến lệch, góc hình tim, đầu thuôn nhọn, mặt trên màu xanh thẫm với một dải ánh bạc vòng theo mép lá và cách đều mép lá với gân giữa. Mặt dưới màu đỏ. Cuống lá phủ lông đỏ. Cụm hoa dài, thẳng, phân nhánh, mang hoa lớn màu hồng. Hoa đực có 4 cánh. Hoa cái có 5 cánh (Hình 74).



H.74. Thu hải đường vân -  
*Begonia rex* Putz.

#### II.C.43 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG XÈ

*Begonia lacinié*

*Begonia laciniata* Roxb. (*B. bowringiana* Champ.)

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Trung Quốc). Ở Việt Nam, cây mọc trên vùng núi cao Nam Trung bộ và được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Cây thân cỏ, mọc thẳng khá cao, gốc có thân rễ bò dài. Thân phân cành nhánh dài và thưa, phủ lông nâu, màu xanh bóng. Lá tròn bầu dục, chia thùy chân vịt sâu và có răng không đều, phủ lông tím đen nhất là ở mặt dưới. Mép lá và gân đều màu xanh pha đỏ. Cụm hoa dài, thẳng, mang hoa màu trắng hay hồng. Quả có 3 cánh.

#### II.C.44 - CÂY THỦ LÂN

*Trichosporum evrardii* (Pell.) Trinh. comb. nov.

(*Aeschynanthus evrardii* Pell.)

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây sống phụ trên thân cây gỗ lớn trong rừng ẩm thường xanh vùng núi Nam Trung bộ nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt) và do dáng đẹp, hoa lộng lẫy nên được trồng làm cảnh như các loài Phong lan sống phụ khác. Cây có thân mập, mềm mại, kéo dài, mang lá mọc đối xếp cách xa nhau. Lá màu xanh bóng, dày, mép nguyên, không rõ gân. Hoa lớn màu đỏ da cam, hợp thành ống dài loa ở đỉnh có 2 môi hơi cong. Nhị 4 thò ra ngoài hoa. Hoa mọc hơi cong rủ xuống (Ảnh 42).

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân cành có rễ và vài đốt lá, dính trên các tấm giơn hay trồng ở chậu có quang treo. Cây mọc dài buông thông xuống rất hấp dẫn.

Ngoài ra có thể nhập để gây trồng làm cảnh các loài có hoa đẹp khác như :

*II.C.44.a - Trichospermum pulchrum* Bl.

Có hoa màu đỏ tươi.

**II.C.45 - CÂY THỪA** (Agao mỹ, Dứa mỹ, Lưỡi lê)

**Century plant, American Aloe, Émet des rejets Agove d'Amérique**

*Agave americana* Linn. (*A. ramosa* Moench.;

*A. altissima* Zun.; *A. spectabilis* Salisb.)

**Họ Thùa (Agavaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ). Thân ngắn gàn như không có. Lá hình giáo, thon nhọn ở đỉnh, gốc có bẹ ôm thân, dày cứng, lớn, màu xanh trắng, bóng, mép có răng và gai nhọn màu đen. Lá xếp hoa thị, dày đặc sát mặt đất. Cụm hoa trên một cuống chung mập, thẳng đứng, cao 5 - 8 m. Đỉnh phân nhánh ngang, mang rất nhiều hoa màu vàng xanh. Hoa lớn, thẳng đứng Quả nang. (Hình 75).

Cây mọc rất khỏe, làm cây hàng rào, chắn cát bay, chống cháy có thể trồng làm cảnh ở công viên hay vườn rộng. Khi có hoa, thân lá bắt đầu tàn lụi. Cây con nảy mầm ngay trên cụm hoa tàn và rủ xuống tiếp tục mọc.



Một vài chủng có lá đặc sắc thường được trồng làm cảnh là :

*II.C.45.a - Agave americana* L. var. *marginata* Bail.

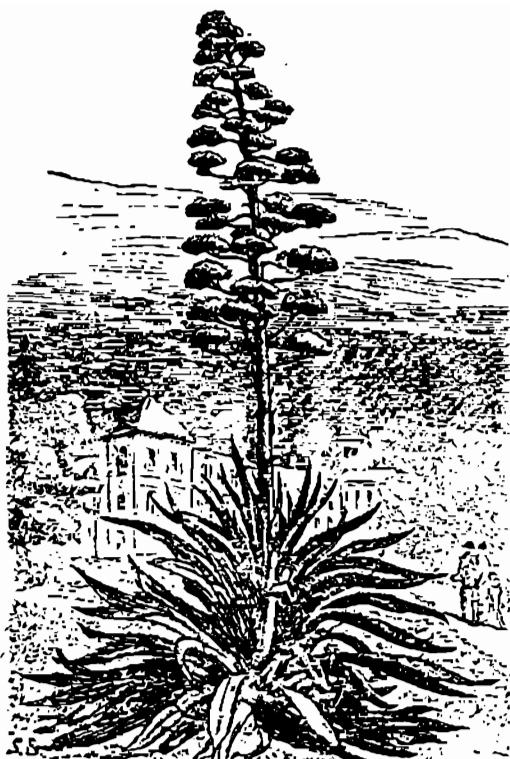
Lá có viền vàng ở mép (Ảnh 43)

*II.C.45.b - Agave americana* L. var. *medio-picta* Trel

Lá có mép xanh, vạch vàng lớn ở giữa.

*II.C.45.c - Agave americana* L. var. *striata* Trel.

Lá xanh có nhiều vạch vàng dọc theo chiều dài.



H.75. Thùa - *Agave americana* L.

## II.C.46 - CÂY THÙA CẢNH (Lưỡi lê)

*Cantala fibre, Agave vivipare*

*Agave cantula* Roxb.

(*A. vivipara* L., *A. bulbifera* Salm. - Dyck.)

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Thân ngắn. Lá thẳng, hẹp, lõm hình lòng thuyền, màu xanh vàng, nhẵn, bóng, mép có gai nhọn màu nâu. Cụm hoa trên cuống chung thẳng, mập, mang nhiều hoa ở đỉnh. Cây có dáng xếp lá đẹp, màu sắc hấp dẫn nên được trồng làm cảnh ở nhiều nước, trong chậu hay trong các bồn hoa nơi công viên.

II.C.47 - CÂY THỪA NHỎ (Agao lùn)

*Agave angustifolia* Haw. (*A. lucida* Jacq.,  
*A. jacquiniana* Schult.f., *A. wrightii* Prain.)

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở Trung châu Mỹ, nay được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác để làm cảnh. Cây nhỏ, thân ngắn, nên lá gần như mọc sát đất. Lá nhiều, xếp hoa thị, thẳng màu xanh xám, mọc, mép có răng, đỉnh lá có gai lớn. Cụm hoa trên cuống chung thẳng, mập, cao 2 - 3 m, phân nhánh ở đỉnh, mang nhiều hoa với cánh hoa hợp thành ống. Quả nang, nảy mầm trên cụm hoa và có đủ rễ lá mới rụng.

Cây trồng làm hàng rào và làm cảnh trên các bãi cỏ hay ở chậu. Để làm cảnh nhân dân thường trồng các chủng có lá đẹp là :

II.C.47.a - *Agave angustifolia* Haw. var. *marginata* Trel.

Lá màu xanh bóng, mép có viền trắng hay hơi vàng.

II.C.47.b - *Agave angustifolia* Haw. var. *sargentii* Trel.

Cây nhỏ bé, lá không có vạch, trồng ở chậu rất thích hợp.

II.C.48 - CÂY THỪA XANH (Agao to)

Mauritius Hemp., Green Aloe, Aloes Vert

*Furcraea gigantea* Vent. (*Agave foetida* Linn.,  
*Aloe foetida* Crantz., *Funium piliferum* Willem)

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil). Cây có thân rất ngắn. Lá thuôn hình giáo hẹp, dài hơn 1 m, phẳng hay hơi gợn sóng, mép nguyên, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống chung rất dài, trên phân chia nhiều nhánh dài. Hoa lớn, màu trắng nhạt. Rất hiếm thấy quả, nhưng có thể nảy mầm ngay trên cụm hoa già.

Để làm cảnh đẹp, các nhà vườn thường trồng chủng :

II.C.48.a - *Furcraea gigantea* Vent. var. *mediopicta* Tre.  
(*F. gigantea* var. *variegata* Hort., *F. watsoniana* Hort.)

Lá có sọc dọc theo gân màu vàng nhạt ở giữa.

## II.C.49 - CÂY THƯỢNG NỮ (Trường sinh phụ)

*Agapetes velutina* Guill.

Họ Ông ảnh (Vacciniaceae)

Cây sống phụ trên các cành cây gỗ lớn. Thân dạng củ mập phân cành nhiều, dài, cao đến 1 m, lúc non có lông, màu đỏ nâu. Lá thuôn dài, tập trung ở đầu cành. Cụm hoa dạng chùm thưa có 3 - 4 chiếc. Hoa màu xanh chuyển sáng vàng cam, cánh hợp thuôn. Quả tròn, nhiều hạt.

Cây có dáng thân củ đẹp nên được các nhà vườn sưu tầm, gây trồng ở chậu làm giả cây uốn thế. Cây ưa khí hậu ẩm, mát, chịu bóng một phần nên làm cây trang trí nội thất được. Ươm gieo bằng cách tách củ có chồi mầm và rễ. Cây dễ trồng, nhưng mọc chậm và đủ ẩm, lạnh.

## II.C.50. CÂY THƯỢNG NỮ NÚI

*Agapetes poilanei* Dop.

Họ Ông ảnh (Vacciniaceae)

Cây sống phụ, dạng bụi nhỏ, gốc cũng có củ mập trên mang cành nhánh dài, có lông. Lá dày, nhỏ, mọc cách, màu xanh bóng láng, đầu hơi lõm. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống cong lại, cánh hoa hợp thành ống dài màu trắng vàng nhạt. Quả nhỏ, tròn.

Cây ưa khí hậu lạnh, ẩm, chịu được bóng, làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều thích hợp. Hiện nay chỉ khai thác tự nhiên làm cây cảnh, ít được ươm trồng.

## II.C.51 - CÂY THUỐC BÔNG (Sống đời)

Airplant, Cathedral bells, Curtain plant, *Bryophyllum a calice*

*Kalanchoe pinnata* (Lamk.) Pers.

(*Bryophyllum calycinum* Salisb., *Cotyledon pinnata* Lamk.)

Họ Thuốc bông (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới cả hai bán cầu, nay mọc hoang đại nơi bờ tường, mái nhà, vách đá và được trồng làm cảnh do cụm hoa đẹp, lớn, dài, lâu tàn, cắt cành cắm lo trang trí trong

nhà. Cây thân cỏ, cao 0,5 - 1 m, thân mập tròn có đốt do lá rụng. Lá mọc đối, đơn ở đầu cành và kép lông chim ở gốc với 1 - 5 lá nhỏ mập, dày, mỏng nước, mép có răng cưa tròn. Khi tiếp xúc với đất các gốc răng cưa có thể mọc ra cây nhỏ đủ thân, lá, rễ. Cuống lá dài, có rãnh. Cụm hoa lớn ở đỉnh thân, mang nhiều hoa thưa, buồng thông xuống, lúc non màu xanh bóng sau chuyển sang màu hồng, đỏ hoặc màu trắng xanh ở gốc, mép thùy màu đỏ.

Cây chỉ làm cảnh bằng cụm hoa. Cây dễ trồng, không cần chăm sóc. Nhân giống bằng cơ quan sinh dưỡng. Nơi đất tốt, cây vươn cao và đâm nhánh nhiều thành bụi dày.

## II.C.52 - CÂY THUỐC GIÒI (Đại kích biển)

**Sea shore spurge**

***Euphorbia atoto* Forst.**

**Họ Thâu dầu (Euphorbiaceae)**

Cây mọc rộng rãi trên các bãi cát dọc bờ biển nước ta, có thể lấy trồng làm cây cảnh ở chậu.

Cây sống lâu năm nhờ gốc ngầm, thân nhiều, mọc sát nhau, có mù trắng, lá gần như không cuống, hình bầu dục, tròn ở đỉnh, gốc hình tim, nhẵn, bóng, xanh đậm. Cụm hoa ở đỉnh, mang hoa đơn tính thưa, ngoài có tổng bao hình chuông. Quả nang nhẵn, hạt hình cầu (Ảnh 44).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn thân ngầm, chịu được khô, hạn, nóng và chịu được bóng.

Do cây có màu xanh bóng quanh năm nên làm cây trang trí trong phòng được.

## II.C.53 - CÂY TRƯỜNG SINH ĐỆT

**Life - plant, Herbe à mal de tête; Langue de femme**

***Kalanchoe integra* (Medik.) O. Ktze.**

**Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)**

Cây thường được trồng làm cảnh đẹp do dáng cây và hoa đa sắc. Cây thân cỏ mọc thẳng đứng, mập, tròn hay có cạnh gờ vuông. Lá dày, dạng trái xoan dài, mép khía răng, góc thuôn c

cuống dài. Phiến lá màu xanh nhạt và mọc trắng. Cụm hoa trên cuống chung dài, dạng chùy lớn. Hoa có 4 cánh dài màu xanh, 4 cánh tràng hợp nhau màu vàng tươi. Quả có nhiều hạt (Ảnh 45)  
Cây cho hoa vào mùa khô.

Cây mọc khỏe, dễ trồng, chịu được đất khô, nóng, nên được trồng ở chậu hay cắt cành cắm lọ. Nhân giống bằng tách bụi hay các đoạn thân.

## II.C.54. CÂY TRƯỜNG SINH HỒNG

**Orpine, Live - forever**

***Sedum telephium* Linn.**

**Họ Thuốc bỏng (Crasulaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Âu hay Bắc châu Mỹ được gây trồng làm cảnh vì cây mọc khỏe, hoa nở dày lâu tàn. Cây sống lâu năm, thân thẳng cao trên 20 cm. Lá thuôn, dẹt, dày mọc gần đối hay đối ở đỉnh, mép khía răng nông, màu xanh bóng pha trắng. Cụm hoa lớn ở đỉnh mang nhiều hoa xếp sát nhau, màu hồng hay trắng có đốm hồng, đôi khi hoàn toàn trắng. Hoa nở rộ, rất đẹp, thích hợp làm cây cảnh ở chậu (Ảnh 46). Loài này có nhiều chủng đều làm cảnh được, ví như :

*II.C.54.a - Sedum telephium* L. var. *borderi* Mast.

Cây có thân màu hồng, hoa màu đỏ thắm.

## II.C.55. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ XẺ (Sừng hươu, Trường sinh rách)

**Life - plant**

***Kalanchoe laciniata* (L.) DC**

**Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi đất khô, nhiều nắng có thể gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, cao khoảng 30 - 50 cm, phân cành nhánh ngắn, mỏng nước, mảnh. Lá mọc đối, dày, màu xanh nhạt, phân chia thùy rất sâu thành các giải hẹp không đều nhau, dạng lông chim, mép có răng. Cụm hoa dạng chùy trên cuống chung mập, dài khoảng 30 cm, mang nhiều hoa. Hoa dạng ống dài 1 - 2 cm, màu vàng nhạt ở thùy,

dậm dần xuống gốc. Quả có nhiều hạt. Cây mọc khỏe, dễ trồng và chóng có hoa.

## II.C.56. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ TO

*Kalanchoe spathulata* DC.

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây mọc dại khá phổ biến ở nước ta, thường được gây trồng làm thuốc và làm cảnh. Cây thân cỏ, cao khoảng 0,3 - 0,7 m, dày, mập, chia đốt rất ngắn. Lá to, mọc đối, phiến hơi khía răng, thuôn dần ở gốc xuống cuống thành cánh rộng. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùy mang nhiều hoa màu vàng. Hoa có 4 cánh dài, 4 cánh tràng hợp nhau thành ống dài. Quả dại nhiều hạt.

Cây mọc khỏe, đâm nhánh nhiều, ít đòi hỏi đất đai, chịu được khô nóng. Cây dễ trồng, dễ nhân giống bằng chồi thân.

## II.C.57. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ TRÒN

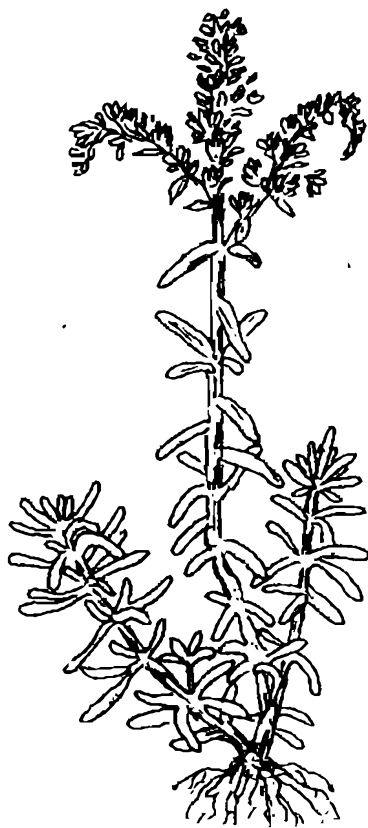
Orpin

*Sedum lineare* Thunb.

Họ Thuốc bỏng

(Crassulaceae)

Cây thân cỏ, nhỏ bé, thân ngắn, phân nhánh từ gốc. Lá mọc cách, dạng hình trụ, đầu thuôn nhọn, mỏng nước màu xanh trắng bóng, mềm. Cụm hoa ở đỉnh, gốc các lá ngọn, phân nhánh ít và mang hoa nhỏ xếp sát nhau, màu vàng. Hoa nở bền và gần như quanh năm ở các tỉnh miền Nam



H.76. Trường sinh lá tròn -  
*Sedum lineare* Thunb.

(cuối mùa xuân ở các tỉnh miền Bắc) (Hình 76).

Cây đẹp, dễ trồng ở chậu nhỏ bằng các đoạn thân, cành. Cây ít đòi hỏi đất đai, cần đủ nắng. Cây chịu được bóng nên làm cây trang trí trong phòng được.

#### II.C.58. CÂY TRƯỜNG SINH ỚNG (Trường sinh rắn)

*Kalanchoe tubiflora* Hamet.

(*Bryophyllum tubiflorum* Haw.)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây trồng làm cảnh ở chậu khá đẹp, mọc khỏe, vươn cao. Cây thân cỏ, tròn, dài mảnh, dài 0,3 - 1 m, mọc thẳng đứng. Lá hình trụ mập, dày, mỏng nước, mọc cách, dài màu xanh đậm có vân và đốm màu hơi đen. Đầu ngọn lá mang nhiều chồi nhỏ, có thể nảy chồi cho ra cây con khi lá rơi rụng xuống đất (đôi khi có ngay trên cây mẹ, với dáng cây nhỏ, có rễ mảnh). Cụm hoa ở ngọn cành mang nhiều hoa màu đỏ. Hoa có 4 cánh dài, bốn cánh tràng hợp nhau thành ống dài. Nhị 8. Lá noãn 4, rời nhau (rất hiếm thấy có hoa).

Cây sinh sản chủ yếu bằng sinh dưỡng nên phát triển mạnh, gây trồng dễ dàng. (Ảnh 47)

#### II.C.59. CÂY TRƯỜNG SINH XUÂN (Báo hi)

*Kalanchoe blossfeldiana* Poelln.

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, được gây trồng làm cảnh vào dịp Tết nguyên đán rất phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân ngắn, mập. Lá đơn mọc đối, phiến gần tròn, dày màu xanh bóng, mép nguyên. Cụm hoa lớn ở đỉnh dạng gần tán, mang nhiều hoa xếp sát nhau màu đỏ tươi. Quả ít thấy. Cây ra hoa vào mùa khô. Các nhà vườn thường hãm để hoa nở vào dịp tết. Hoa có 4 - 5 cánh xòe rộng, dưới hợp thành ống ngắn, đẹp, bền, nở dần trong cụm lớn. Sau khi hoa tàn cắt cành, để cây tiếp tục cho hoa năm sau. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành, thân (ngay cả cành hoa cũng nảy chồi, ra rễ). Cây ưa đất thoáng, đủ ẩm tránh nhiều nước, và ưa sáng hoàn toàn (Ảnh 48). Cây được trồng ở chậu hay viền lối đi nơi vườn hoa.

Gần đây, các nhà vườn có trồng chủng cho hoa màu vàng là :

*II.C.59.a. Kalanchoe blossfeldiana* Poelln. var. *aurea* Hort.

## II.C.60. CÂY TƯỜNG LIÊN (Thanh long)

**Oeil de Dragon**

***Hylocereus undulatus* (Haw.) Britt et Rse**

**(*Kereus triangulais* Haw.)**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mehico, nay được trồng rộng rãi làm cây cảnh và lấy quả ăn nơi bờ tường các thành phố của các tỉnh phía Nam, đặc biệt thành khu sản xuất lớn lấy quả ở các tỉnh miền Trung (Ninh Thuận, Bình Thuận). Cây sống dựa hay leo bằng thân, dài trên 1 m, phân nhánh rất nhiều. Thân, cành đều màu xanh bóng, có 3 cánh dẹt, khía răng tròn, đều đặn dày, mép có gai nhỏ. (2 - 4 chiếc ở gốc mỗi thùy răng). Hoa mọc đơn độc ở trên cành, rất lớn, màu xanh vàng nhạt. Cánh dài nhiều hợp với cánh tràng thành ống. Nhị dục nhiều. Quả mập, dạng thuôn bầu dục, màu đỏ tía, bóng, nhẵn có nhiều gai mềm do cánh hoa còn lại. Vỏ quả dẻ bóc, thịt trắng có nhiều hạt nhỏ, màu đen.

Cây làm cảnh cả cây vì thân mềm mại, tươi bóng quanh năm. Hoa nở chóng tàn nhưng sớm có quả.

## II.C.61. CÂY VỢT GAI (Xương rồng dẹt)

**Prickly pear Raquette**

***Opuntia dillenii* (Ker. - Gawl.) Haw.**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Bermuada, bắc Venêzuela) và Australia, nay mọc hoang dại ở vùng cát ven biển hay các vùng đất khô nóng khắp nước ta và có thể gây trồng làm cây hàng rào hoặc cây cảnh ở chậu.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân hình trứng dẹt, chịu được khô, nóng, mặc dù ưa nắng, nhưng chịu bóng nên làm cây trang trí nội thất được.



## II.C.62. CÂY VỢT GAI BIỂN

Raquette, Nopal, Dollar cactus, Figuier d'Inde

*Opuntia elatior* Mill.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Panama, Colombia, Venezuela), nay mọc hoang dại dọc theo vùng bờ biển Thái Bình Dương nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc nhiều trên đất cát dọc bờ biển miền Trung và miền Nam.

Cây có gai và mọc khỏe, được làm cây hàng rào, nhưng có dáng kỳ lạ nên cắt tỉa, ép nhỏ làm cây cảnh ở chậu. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn thân.

## II.C.63. CÂY VỢT GAI CẢNH (Xương rồng dẹt cánh)

Figuier de Barbarie, Indian Fig

*Opuntia ficus-indica* (L.) Mill.

(*Platyopuntia ficus-indica* Fric. et Schelle)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được nhiều nước gây trồng làm cảnh hay lấy quả (Ấn Độ). Cây mọc thẳng, thường xanh, sống lâu năm. Thân gồm nhiều đoạn dẹt hình bầu dục dài, hay thuôn có gai nhỏ, xếp chồng chất lên nhau, gốc hình trụ hóa gỗ. Thân có nhựa và phủ lông mềm màu trắng. Hoa đơn độc ở đỉnh, màu vàng, khá lớn, gốc có nhiều vẩy, cánh hoa nhiều xếp vòng, mềm, thẳng đứng. Nhị nhiều dính gốc cánh tràng. Quả màu vàng với các vẩy màu đỏ nhạt, nhẵn, bóng.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn một chủng có dáng đẹp và nhỏ bé.

II.63.a. *Opuntia ficus-indica* Mill. var. *splendida* Web.

## II.C.64. CÂY XƯƠNG RỒNG BÀ (Xương rồng năm cạnh, Giang tâm)

Indian spurge tree

*Euphorbia ligularia* Roxb. (*E. neriifolia* L.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được trồng làm cảnh hay làm cây hàng rào rất phổ biến ở nước ta. Cây gỗ dạng bụi mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, ken sát nhau, có 5 múi dạng khía xoắn, màu xanh lục bóng. Lá tập trung ở ngọn, hình bầu dục ngược, nguyên, hơi mỏng, dày, đầu tròn, gốc thuôn thành cuống rất dễ rụng, lá kèm dạng gai nhọn. Cụm hoa dạng xim ngắn, mọc ra ở nách lá, dạng chén có 5 tuyến dạng tròn, mỗi tuyến có 2 môi. Hoa đơn tính. Quả nang 3 mảnh (Ảnh 49).

Cây dễ trồng bằng các đoạn cành, mọc khỏe, chóng có rễ, sớm phân nhánh. Trồng nơi đủ ẩm, lá mọc dày đặc xanh bóng khá đẹp.

## II.C.65. CÂY XƯƠNG RỒNG BÀ NHẮN

*Nopalea dejecta* Salm - Dyck

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Panama (Trung Mỹ) mọc thành bụi dày cao đến 2 m.

Gai tập trung 6 - 8 chiếc, dài khoảng 4 cm, chồi mầm hình giải thuôn dài 15 cm. Hoa rất ít gặp, lớn khoảng 5 cm. Cây trồng làm cảnh đẹp nơi công viên, vườn rộng nhiều nắng.

## II.C.66. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠC ĐẦU (Bạch thư)

Old man cactus, Cierge barbe de vicillard

*Cephalocereus senilis* (Haw.) Pfeiff.

(*Pilocereus senilis* Lem., *Cereus senilis* DC.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được gây trồng làm cảnh đặc sắc. Ở nơi nguyên sản, cây có thể cao đến 15 m và gốc có thể phân nhánh nhưng để làm cảnh thường cắt ngắn, ghép vào gốc các loại xương rồng 3 cạnh khác để làm cây trồng ở chậu, có dạng tròn hay

hơi thuôn dài, với các nhánh song song với nhánh chính. Thân tròn có 20 - 30 múi nông, không rõ che phủ hoàn toàn bởi các lông mềm màu trắng và các gai nhỏ màu vàng nhạt. Hoa nhỏ, nhiều, lộ ra khỏi đám lông, trên thân màu đỏ ở ngoài, màu đỏ nhạt và trắng ở trong. Quả màu tím. (Ảnh 50)

## II.C.67. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH ĐIỀU

***Mammillaria candida* Scheifdw. (*M. sphaerotriche* Lem.)**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây nhỏ bé, thường được ghép vào các gốc xương rồng mọc khỏe khác. Cây có thân hình cầu phân nhánh ở gốc sát nhau thành búi nhỏ. Thân có nhiều u lồi xếp đều đặn, đỉnh có gai xếp tỏa tròn, dài thưa đan nhau không che kín hết phần thân. Màu xanh đậm. Đỉnh thân có thêm lông mềm như nhung. Hoa nhỏ màu tím đỏ, cánh hoa nhỏ, thuôn, xếp sát nhau làm thành phễu. Nhị màu vàng nổi rõ ở giữa (Ảnh 51) có thể chọn để trồng làm cảnh một chủng có hoa nhạt hơn là :

*II.C.67.a. Mammillaria candida* Scheidw. var. *rosea* K. Sch.

Hoa màu hồng

## II.C.68. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH THỔ

***Mammillaria plumosa* Web.**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Bắc Mêhico, được gây trồng làm cảnh ở chậu. Cây mọc thành bụi dày thành khối với đường kính thân 7 cm, phủ bởi nhiều lông dài, gốc thân có gai, đỉnh có lông nhung và giữa thân gần như nhẵn. Hoa nhỏ đường kính 1,5 - 2 cm.

Cây dễ trồng bằng cách ghép lên trên một đoạn cây xương rồng mọc khỏe khác (thường là xương rồng 3 - 5 cạnh). Cây chịu được khô hạn, và sỏi đá. Có thể trồng trong chậu nhỏ và hãm làm cây cảnh bày ở bàn hay kệ thấp.

## II.C.69. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH VŨ

*Mammillaria bocasana* Poselg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở châu Phi bằng cách ghép với các loài xương rồng mọc khỏe khác (xương rồng 5 cạnh). Thân hình cầu xếp sát nhau thành bụi nhỏ. Thân có nhiều u lồi sát nhau, xếp đều đặn, trên phủ bởi các gai mềm, màu trắng như bông, che kín cả phần thân, làm cho thân như quả cầu lông. Hoa nhỏ mọc ở giữa thân, lộ ra đám lông trắng. Cánh hoa màu trắng vàng xếp sát nhau làm thành ống nhỏ, dài 1,6 cm, đường kính 1,2 cm, che kín phần nhị và bầu ở giữa. (Ảnh 52).

Chủng làm cảnh đẹp thường được gây trồng là :

II.C.69.a - *Mammillaria bocasana* Pos. var. *splendens* Reb.

## II.C.70 - CÂY XƯƠNG RỒNG DIỆP LONG (Diệp long nhọn)

Lemon vine, Blade apple, Barbados Gooseberry,  
Grosseillin des Barbades

*Rhodocactus aculeata* (Mill.) Tranch. n. comb.

(*Peireskia aculeata* Mill., *Pereskia foetans* Speg.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới. Thân dài, mềm, sống dựa có thể dài đến 10 m. Lá mọc cách, dày, mập, nhẵn, màu xanh đậm, dạng bầu dục, đầu nhọn, gốc có cuống và chùm gai dài 3 - 5 cm, nhọn, thẳng. Phiến lá có gân rõ. Cụm hoa dạng chùm ngắn ở đỉnh. Hoa lớn, đường kính 5 - 6 cm, cánh hoa lớn, xếp vòng, màu trắng hay hồng. Quả mọng có đường kính 2 cm, màu vàng.

Cây có dáng đẹp, hoa hấp dẫn nên được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi công viên hay bờ tường các biệt thự. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, nếu đất tốt cho lá, xum xuê và hoa nở quanh năm. Cây ưa sáng, nóng, chịu được khô hạn.

Có thể nhập làm cảnh một chủng đẹp là :

II.C.70.a - *Rhodocactus aculeata* Tranch. var. *godseffiana* Hort.

Lá có màu sắc thay đổi, lúc non lúc nhạt, sau trở thành xanh.

## II.C.71 - CÂY XƯƠNG RỒNG DIỆP LONG LỚN

Blade apple

*Rhodocactus grandifolius* (Haw.) Kunth.

(*Peireskia grandifolia* Haw.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil, thường trồng làm cảnh nơi bờ tường vì cây mọc dài, thân vươn cao sống dựa, khỏe, hoặc làm gốc để ghép các loài xương rồng khác. Thân dài đến 5 m, gốc có gai, từng đôi một, dài 3 - 4 cm, phân cành nhiều. Lá rộng, nhẵn, dày, có cuống ngắn, phiến nổi rõ gân giữa, màu xanh bóng, thuôn, mép nguyên. Cụm hoa ở đỉnh. Hoa lớn, cánh hoa mềm, rộng, xếp vòng, màu hồng hay đỏ, góc trắng, đường kính 3 - 4 cm. Quả hình cầu. (Hình 77).



H.77. Xương rồng diệp long lớn - *Rhodocactus grandifolicus* Kunth.

Cây cho hoa đẹp, nở đều trong năm. Cây dễ trồng và nhân giống bằng các đoạn thân.

## II.C.72 - CÂY XƯƠNG RỒNG DỪA

*Lobivia famatimensis* (Spreng.) Britt et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây có thân hình trụ ngắn, gốc thuôn, đầu tròn rất phù hợp với việc trồng ở chậu. Dọc thân có từ 18 - 24 múi nông, mép tròn, đều đặn. Trên mép các múi có các đám

gai mảnh xếp cách nhau đều. Gai mảnh thưa, xếp tỏa tròn, đan nhau như mạng. Hoa lớn mọc ở gần đỉnh thân, cuống mập có nhiều vảy ở gốc, trên có cánh hoa mềm, nhiều, rộng, xếp sát nhau, loe rộng ở đỉnh, màu sắc thay đổi tùy các chủng (Ảnh 53). Hiện nay các nhà vườn thường trồng các chủng khác nhau :

*II.C.72.a. Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *albiflora* Krainz.

Hoa màu trắng.

*II.C.72.b. Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *aurantiaca* Backbg.

Hoa màu vàng cam.

*II.C.72.c. Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *denispina* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *haematantha* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *leucomalla* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *setosa* Backbg.

## II.C.73. CÂY XƯƠNG RỒNG DƯA GANG

**Peanut cactus**

***Chamaecereus sylvestri* (Speg.) Britt. et Rose**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Argentina). Thân hình trụ, ngắn, cong, xếp sát nhau thành búi. Thân chia múi nông, trên múi có nhiều đốm trắng sát nhau, gai nhỏ mềm. Hoa màu đỏ vàng, đường kính 4 cm.

## II.C.74. CÂY XƯƠNG RỒNG ĐÀO LÊ TIÊN

***Gymnocactus saueri* (Bod.) Backbg.**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mehico, thân hình cầu lùn, cao khoảng 4 cm, đường kính 6 cm, với 13 múi dọc thân dạng u lồi, đỉnh có đám gai dài mảnh thẳng, che kín hết phần thân. Mỗi điểm trên múi có từ 12 - 15 gai, dài 1,5 cm, màu đen và trắng. Hoa mọc ở đỉnh thân, dài 1,5 cm, đường kính 2 cm.

Cây được gây trồng bằng cách ghép lên trên một đoạn thân xương rồng khác. Cây mọc khô, ưa sáng, chịu được khô hạn.



Ảnh 15: Trường sinh det  
*Kalanchoe setoana* O. Ktze.



Ảnh 16: Trường sinh hồng  
*Sedum telephium* L.



Ảnh 17. Truong sinh ông  
*Euphorbia tubiflora* Hamet.



Ảnh 18. Truong sinh xuân  
*Euphorbia glauciflora* Poelln.



Ảnh 19. Xương rồng bà  
*Euphorbia trigona* Roxb.



Ảnh 20. Xương rồng hai đầu  
*Cephalocarya us. sendi* Pfeiff.





Ảnh 51: Xương rồng bạch diều *Mammillaria sandata* Scheidw.

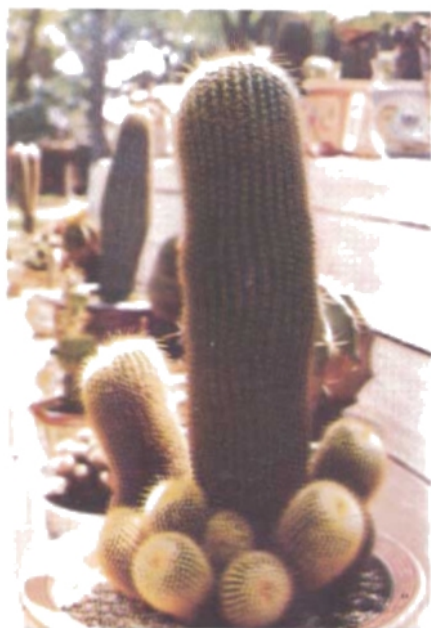




Ảnh 54: Xương rồng khế  
*Gymnacalceum danzii* Britt et Rose



Ảnh 55: Xương rồng thân tiền vàng  
*Echinocactus virgineus* A. Dietz.



Ảnh 56: Xương rồng trứng  
*Eriocactus langhansii* Backbg.



Ảnh 57: Xương rồng xoài riềng  
*Mammillaria ventricartha* Lem.



*Ảnh 58: Cỏ seo gà trở*  
*Pteris ensiformis* Burm.  
var. *victorine* Bak.



*Ảnh 59: Lá mỏng det*  
*Dacallia elegans* Swartz.





Ảnh 10. Mồng trâu *Nephrolepis cordifolia* C. Presl.



Ảnh 11. Mồng trâu trơn  
*Nephrolepis cordifolia* Moore



Ảnh 12. Mồng trâu xè *Nephrolepis lutea*  
Schott. var. *parvula* Bail



Ảnh 63. Ô róng *Plaxconium granae* J. Smith.



Ảnh 64. Quyền bá dưng *Selaginella prasina* Wurtz



Ảnh 65. Quyền bá trưởng sinh *Selaginella timorensis* Spring



Ảnh 5: Túc thân  
*Adiantum capillus-veneris* L.



Ảnh 6: Bách lùn  
*Asplenium scolopendria* R. Br.





Ảnh 68: Bách xà - *Sabina chinensis* (L.) Antoine



Ảnh 69: Sứn tuế - *Cycas revoluta* L.



Ảnh 76. Thiên tuế - *Cycas pectinata* Griff.



Ảnh 77. Thông hai lá  
*Pinus taeda* L. Cool, et Gauss.



Ảnh 78. Thông lá hạn  
*Pinus koraiensis* D. Don





Ảnh 73. Tô hợp bách  
*Cabocedra macrolopta* Kurz.

Ảnh 74. Trắc bách diệp  
*Thuja orientalis* L.





Ảnh 75: Vạn tuế  
*Cycas revoluta* Thumb.



Ảnh 76: Âm kiếm  
*Episcia cupreata* Hanst.



Ảnh 77. Cỏ lông - *Codiaeum variegatum* Bl. var. *picatum* Muell. Arg.



Ảnh 78. Kim thất nhung - *Genasa aurantiaca* (Bl.) DC.



Vài 76. Đèn lửa - *Aspidistra bicolor* L.  
var. *splendida* Baul.



Vài 80. Đũa cảnh  
*Bolitoglossa psychotrioides* (Sauer) Lindl.







Ảnh 79. Hoyét hep  
*Culathoa glabra* Endl.



Ảnh 81. Hoyét tinh vân  
*Calathea vittata* Lindl.



Ảnh 55: Lá mùng - *Asparagus plumosus* Baker, var. *nanus* Hort.

Ảnh 56: Lá trắng  
*Cordia alliodora* Roxb.



## II.C.75. CÂY XƯƠNG RỒNG GAI HEO

*Ferocactus latispinus* (Haw.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, thân có dạng hình trụ tròn đầu, cao khoảng 40 cm, với 15 - 23 múi dọc thân, nông và thưa, rất đều được bao phủ gần kín bởi các đám gai xếp đều đặn trên mép các múi. Mỗi điểm trên múi có từ 6 - 10 gai, dài 2 - 2,5 cm mảnh, xếp thẳng, tua tủa như lông heo, màu hồng. Hoa nhỏ gồm nhiều cánh hoa thuần, dài mềm màu hồng đến tím hồng. Quả dài 4 cm.

Cây trồng dễ dàng hoặc trực tiếp trên đất, hoặc ghép lên trên 1 đoạn thân xương rồng khác.

## II.C.76. CÂY XƯƠNG RỒNG HỒNG TỬ ĐÌNH

*Parodia setosa* Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Arhentina được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở trong chậu hay ở trong vườn nơi đất sỏi cát. Cây có thân dạng hình cầu thuần dài, cao khoảng 25 cm, đường kính 12 - 15 cm, thuần tròn ở đỉnh, có nhiều u lồi tròn xếp đồng tâm đều. Trên đỉnh u lồi có cụm gai dài mảnh, xếp tỏa tròn đều sát với nhau, đầu gai nhọn, thẳng, che gần hết phần u lồi ở góc, nhất là vùng sát đỉnh. Gai màu hồng nổi trên phần thân màu xanh bóng, đẹp. Hoa lớn ở đỉnh, có 1 - 2 chiếc, sát với thân, gần như không có cuống. Cánh hoa lớn xếp sát nhau thành sóng rộng ở đỉnh.

## II.C.77. CÂY XƯƠNG RỒNG KÈM TRÔNG ĐỎ

*Mammillaria hahniana* Werd. et Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, được gây trồng làm cảnh ở chậu khá phổ biến, ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân hình cầu dẹt, cao 9 cm, đường kính 10 cm, thuần ở đỉnh, có nhiều múi dạng tháp, gần tròn, đỉnh mang nhiều gai xếp tỏa rộng, dài, hơi cong. Hoa màu đỏ tía, đường kính 1,5 - 2 cm, mọc ra ở gần đỉnh thân. Hoa không bền nhưng hấp dẫn.

Cây trồng bằng cách ghép lên đỉnh một đoạn thân cây xương rồng khác. Cây ưa sáng, nóng và thường được ép để ra hoa vào dịp Tết, làm cảnh, trang trí trong phòng.

## II.C.78. CÂY XƯƠNG RỒNG KHẾ

*Gymnocalycium damsii* (K.Sch.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc ở Bắc Paraguay, được gây trồng làm cảnh khá phổ biến vì hoa lớn, đẹp. Cây có dạng hình cầu hay hơi bầu dục, gốc phẳng, đầu thuôn tròn, chia múi lớn, dày, gốc dạng khe, đỉnh thành các u lồi nối tiếp nhau dọc theo chiều dài. Trên các u lồi có chùy gai mảnh, xếp tỏa tròn thẳng hay hơi cong, (2 - 8 chiếc) dài 1,2 cm. Thân có khoảng 10 múi dạng quả khế, màu xanh bóng khá hấp dẫn. Hoa lớn, mọc ra ở đỉnh thân 1 - 2 chiếc, dạng phễu dài 6,5 cm đường kính 5 cm. Cánh hoa mềm, thuôn, xếp sát nhau, màu vàng nhạt hay gần trắng (đỉnh màu đậm, nhạt gần ở góc). Quả tròn, dài 2,5 cm (Ảnh 54)

Hiện nay các nhà vườn có gây trồng nhiều chủng khác nhau để làm cảnh :

II.C.78.a. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *centrispinum* Backbg.

II.C.78.b. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *rotundulum* Backbg.

II.C.78.c. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *torulosum* Backbg.

II.C.78.d. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *tucavocense* Backbg.

## II.C.79. CÂY XƯƠNG RỒNG KIM CƯƠNG

*Homalocephala texensis* (Hopffe.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Texas, Mèhicô... Thân hình cầu rộng, đường kính 30 cm, chia ra khoảng 13 - 27 múi rõ rệt, sâu, mép múi hẹp, thẳng góc múi thành khe. Trên mép múi có gai xếp tỏa tròn, cách xa nhau. Mỗi điểm có 6 - 7 gai, gốc lớn, đầu nhọn, thẳng hay hơi cong, thưa, làm cho thân vẫn nổi rõ màu xanh bóng, đẹp. Hoa tập trung nhiều ở gần đỉnh thân, dạng phễu dài và rộng khoảng 6 cm, màu vàng cam và hồng. Quả hình cầu màu đỏ có gai nhỏ màu



trắng, thưa, đường kính 4 cm.

Cây là cảnh đẹp, gây trồng ở đất hay ghép trên đỉnh thân cây xương rồng khác.

## II.C.80. CÂY XƯƠNG RỒNG LONG CỐT (Nọc trụ)

**Hedge cactus, Giant cactus, Torch Thistle, Cierge de Perou**

***Cereus peruvianus* (L.) Mill. (*Cactus peruvianus* Linn.;  
*Piptanthocareus peruvianus* Riec.)**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc ở các nước Nam châu Mỹ, có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở chậu hay các vườn hoa nhiều nắng. Cây có chiều cao đến 3 m, đường kính 10 - 20 cm, lúc non màu xanh đậm và nhẵn, sau có màu xanh xám, hóa gỗ ở gốc, và phần non có 5 - 8 múi nông, hẹp, có gai và có lông mềm màu xám. Gốc có gai dài hơn. Hoa ít gặp, thường xuất hiện ở phần thấp trên thân, màu trắng và nở về ban đêm. Quả dài 9 cm.

Để làm cảnh, các nhà vườn thường chọn một chủng nhỏ bé và đẹp hơn cả:

*II.C.80.a. Cây xương rồng long cốt đá (Đèn cây)*

**Monstrosus minor, Cierge rocher**

***Cereus peruvianus* (L.) Mill. var. *monstrosus* DC. (*Cereus monstrosus* Hort.)**

Cây tuy lùn nhỏ, nhưng hoa lớn, đường kính 15 cm.

## II.C.81. CÂY XƯƠNG RỒNG MÓC CẦU

**Fish hook cactus**

***Ferocactus peninsulæ* Britt. et Rose**

**Họ Xương rồng (Cactaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (California). Thân dạng cầu lớn, sau có thể thuôn cao dần (nơi nguyên sản cao đến 2,5 m) màu xanh vàng bóng, chia múi sâu, gai dài màu đỏ đỉnh cong lại màu nhạt pha vàng. (Thường 3 gai 1 chỗ) Hoa vàng hay đỏ, lớn, đường kính đến 6 cm.

## II.C.82. CÂY XƯƠNG RỒNG ÔNG (Xương rồng ba cạnh)

Malay spurge tree, Daluk

*Euphorbia antiquorum* Linn.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanca, nay được trồng rộng rãi làm cây hàng rào hay làm cảnh nơi bờ tường, trong chậu. Cây thân gỗ dạng bụi, cao 1 - 5 m, màu xanh, phân cành nhiều, có nhựa trắng cành có 3 khía, thẳng, dẹt, dày, mép có cạnh khía và có gai. Lá nhỏ, dẻ rụng, hình trái xoan dài 2 - 3 cm, gốc có lá kèm biến thành hai gai đen. Cụm hoa trên sẹ lá rụng, nhỏ bé và màu vàng. Hoa đơn tính.

## II.C.83. CÂY XƯƠNG RỒNG ÔNG CẢNH

*Euphorbia lactea* Haw. (*E. havanensis* Hort.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, thân cột tròn, trên chia cành nhánh dày sát nhau, có 3 cạnh mép trắng, vắn xoắn không đều, trên có gai nhỏ, ngắn, thưa. Lá mọc thưa trên đầu cành, màu xanh bóng như thân. Cụm hoa nhỏ, ít gặp.

Cây có dáng kỳ lạ, đẹp, mọc khỏe phân cành nhiều xoắn với nhau thành búi dày trên một thân cột, rất thích hợp với việc trồng ở chậu lớn, bày nơi cổng nhà, ven lối đi hay tạo cảnh đặc sắc. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành. Cây chịu được khô, nóng và ít đòi hỏi đất đai.

## II.C.84. CÂY XƯƠNG RỒNG TÀU (Xương rến, Hồng kích)

Christ's thorn, Crown of Thorns, Euphorbe brillante,  
Couronne d'épines, Rose-scarlet

*Euphorbia milii* Ch. des Moulins

(*E. splendens* Bojer. ex Hook.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Bombon (Madagascar). Cây mọc thành bụi thấp, cao 0,5 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, mềm, bò ngang hay hơi đứng, màu xám, có nhiều gai nhọn, dài, thẳng, gốc lớn và

có nhựa trắng. Lá tập trung ở đầu cành, hình bầu dục ngược, đầu tròn, thuôn dần ở gốc thành cuống không rõ. Cụm hoa trên các cuống dài ở đỉnh cành, dạng ngù. Tổng bao hình chuông, có 4 tuyến hình bầu dục. Ngoài có 2 lá bắc lớn hình bầu dục, màu đỏ tươi bọc lấy tổng bao. (Hình 78).

Cây vừa có gai, vừa có dáng hoa đẹp nên được trồng làm cảnh, làm hàng rào, bờ tường hay viền lối đi. Hoa nở gần quanh năm. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành. Cắm trực tiếp các cành trên đất, chón có rễ và vươn dài.

Các nhà vườn thành phố Hồ Chí Minh có nhập trồng các chủng với thân lớn hơn, mọc thẳng, hoa nhiều màu sắc khác nhau, gọi chung là “cây Bát tiên”. Thí dụ :

- Bát tiên đỏ - *Euphorbia milii* var. *imperatae* Hort.
- Bát tiên trắng - *Euphorbia milii* var. *albiflora* Hort.
- Bát tiên nhiều màu - *Euphorbia fianarantsoae*.

## II.C.85. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG

*Echinocereus viridiflorus* Engl. (*Cereus viridiflorus* Engl.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Texas, Mêhicô. Thân mọc đơn độc hay ở gốc có vài chồi mang thân nhỏ bé mọc sát thân chính, hình trụ, hay thuôn dài, có khoảng 13 múi. Mọc múi có các đám gai chùng 12



H.78. Xương rồng tàu -  
*Euphorbia milli* Ch.des Moulins

- 18 chiếc ở mỗi điểm, xếp tỏa tròn, thẳng hay hơi cong, màu trắng hay hơi đỏ. Hoa mọc ra ở bên thân, đường kính 3 cm, dạng phễu kéo dài ở gốc, sâu 3 cm. Cánh hoa màu lục, mép cánh màu đậm, và gốc màu tím. Quả dạng trái xoan, dài 1 cm, màu xanh nhạt.

Để trồng làm cảnh, thường chọn chủng :

*II.C.85.a. Echinocereus viridiflorus* Engh. var. *chlorunthus* (Eghl.) Backbg.

Thân có nhiều múi (13 - 18 múi). Hoa lớn 2,5 cm.

*II.C.85.b. Echinocereus vinidiflorus* Engl. var. *davisii* Marsh.

Thân chỉ có 6 - 7 múi.

## II.C.86. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG ĐỎ

*Echinocactus pectinatus* (Scheidw.) Engl.

(*Cereus pectinatus* Engl.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico. Thân hình trụ hay hình bầu dục nhỏ bé, dài chừng 20 cm, với 13 - 22 múi dạng vạch, gốc thân có gai dài, phần múi có gai mảnh xếp tỏa tròn, thẳng hay hơi cong, che kín các múi, để lộ phần khe của thân màu xanh (gai xếp ra bên, ở giữa không có gai hoặc gai rất ngắn). Gai ở giữa màu trắng, ở gốc và ở đỉnh có màu thay đổi, tím, vàng hay nâu. Hoa mọc gần ở đỉnh thân dạng phễu, dài 6 - 8 cm màu hồng đỏ ở đỉnh cánh, gốc màu trắng. Cánh hoa xếp sát nhau, mềm. Quả hình cầu màu hồng xanh, có gai.

Có hai chủng thường trồng làm cảnh là :

*II.C.86.a. Echinocereus pectinatus* Engl. var. *adustus* K.Sch.

Thân có gai màu nâu đen.

*II.C.86.b. Echinocereus pectinatus* Engl. var. *rufispinus* K.Sch.

Thân có gai màu đỏ.

## II.C.87. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG TÍM (Xương rồng cầu vòng)

Rainbow cactus

*Echinocereus rigidissimus* Engl

(*Cereus candicans* Hort., *C. rigidissimus* Hort.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico hay Arizon được trồng làm cảnh phổ biến vì đẹp hơn cả. Thân hình trụ thuôn đều, hơi phình ở giữa hay gần hình bầu dục, nhỏ bé. Múi thân không rõ nhưng đều đặn, phủ bởi gai xếp tỏa tròn. Mỗi điểm có 16 - 20 gai thẳng phủ gần kín hết múi thân, ở giữa không có gai, màu trắng, vàng hay nâu đỏ, làm thành các giải dọc theo thân, rất đẹp. Hoa lớn, đường kính 7 cm, cánh hoa rộng, mềm màu tím hồng ở đỉnh, màu trắng ở gốc, làm nổi bật đám nhị vàng ở giữa.

## II.C.88. CÂY XƯƠNG RỒNG THẦN TIÊN (Thần tiên bất tử)

*Echinocactus grusonii* Hildmann

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehicô, được gây trồng làm cảnh ở chậu. Thân dạng hình cầu, phủ kín bởi nhiều gai trong suốt màu vàng làm cho cây như quả bóng vàng. Hoa mọc đơn độc trên phần gần đỉnh. Hoa lớn, màu đỏ, vàng, cánh hoa mềm xếp dày đặc, loe ra ở đỉnh.

Cây trồng làm cảnh ở chậu bằng cách ghép trên đỉnh một đoạn thân cây xương rồng khác.

## II.C.89. CÂY XƯƠNG RỒNG THẦN TIÊN VÀNG

India head

*Echinocactus capricornis* A.Dietz.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehicô. Thân hình cầu tròn có múi sâu, dạng quả khế, mép có đốm trắng. Gai tỏa tròn từ các múi của thân, dài và cong. Hoa lớn màu vàng. (Ảnh 55).

## II.C.90. CÂY XƯƠNG RỒNG TRỨNG

*Eriocactus leninghausii* (Hge.jr.) Backbg.

### Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân cột thấp (nơi nguyên sản có thể cao đến 1 m) dạng tròn đều, mềm, có nhiều dây gai nhỏ dạng lông cứng xếp cách nhau đều đặn làm cho mặt ngoài của thân rất đẹp. Thân đẻ nhánh nhiều ở gốc xen nhau cao thấp khác nhau làm cho chậu cảnh khá hấp dẫn. Hoa đơn độc lớn, đường kính 3 - 4 cm, mọc ở đỉnh thân, màu vàng bóng. Cánh hoa mềm, dạng thuôn dài, lõm lòng thuyền. Nhị nhiều, chụm lại và nổi rõ vôi nhụy cao chia thùy nhiều. (Ảnh 56)

Chủng có dáng đẹp hơn cả là :

II.C.90.a. *Eriocactus leninghausii* Backbg. var. *longispinus*. Ritt.

Thân có dây gai dài, bóng mượt.

Cây trồng ở chậu làm cảnh đẹp, ít đòi hỏi về đất đai, nhưng cần đủ nắng. Cây mọc khỏe trên đỉnh một khúc xương rồng khác.

## II.C.91. CÂY XƯƠNG RỒNG XOÀI RIÊNG

*Mammillaria centricirrha* Lem. (*M. deflexispina* Lem.,  
*M. schmidtii* Sencke, *M. tetracantha* Hort.)

### Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có dạng hình cầu đường kính 12 - 20 cm, có phủ đầy những gai lõi hình tháp, 4 cạnh, mang nhiều gai không đều, thường có 4 - 6 chiếc ở gốc, 1 chiếc ở giữa, hoặc có 2 gai ở giữa và 1 - 2 gai rất ngắn ở gốc (hoặc không có gai gốc), các gai non màu vàng. Hoa nhỏ bé, đường kính 2,5 cm, màu đỏ nhạt, đậm ở gốc. Quả màu đỏ thẫm, nhỏ, đường kính 1 cm. Hạt nhỏ màu nâu xám. (Ảnh 57)

Có một vài chủng, có thể nhập để gây trồng.

II.C.91.a. *Mammillaria centricirrha* Lem. var. *bockii* K.Sch.

U gai nhỏ bé.

II.C.91.b. *Mammillaria centricirrha* Lem. var. *glauca* (Dietr.) Schelle.

Cây có hoa rực rỡ hơn.

### III. NHÓM CÂY LÀM CẢNH BẰNG LÁ

#### III.A. NHÓM CHO LÁ NHỎ XANH : NGÀNH QUYẾT THỰC VẬT

##### III.A.1. CÂY BÔNG BONG (Bông bong lá nhỏ)

Creeping Fern, *Lygodium grimpani*

*Lygodium microphyllum* (Cav.) R.Br. (*L. scandens* Sw.)

Họ Bông bong (Schizaeaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á, từ Nam Trung Quốc, Srilanca, xuống các nước nhiệt đới phía Nam. Ở Việt Nam cây mọc rất phổ biến ở ven rừng, nơi đồi hoang đất trống vùng trung du cũng như đồng bằng. Cây mọc dài, cuốn hay chùm lên các cây bụi, nhưng có thể trồng làm cảnh được bằng cách hãm không cho cây vươn dài. Cây có thân rễ khỏe. Lá dài đến hàng thước, phân chia 2 - 3 lần. Lá phụ ở bên hay ở đầu thường xẻ đôi. Phiến lá mỏng, cứng, nhẵn, gân rất mảnh, màu xanh bóng hay pha vàng. Khi lá già mang các ổ tử nang đều đặn ở mép dạng gai dài mềm, làm lá có dáng đẹp.



H.79. Bông bong Nhật –  
*Lygodium japonicum* Swartz.

Cây trồng bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe, chóng cho lá dài, có thể trồng làm nền cho các loài cây có hoa.

### III.A.2. CÂY BÒNG BONG NHẬT

Climbing fern, *Lygodium du Japon*

*Lygodium japonicum* Swartz.

Họ Bồng bong (Schizaeaceae)

Cây mọc rộng rãi ở châu Á từ Trung Quốc, Nhật Bản đến toàn bộ vùng Đông Nam châu Á. Ở Việt Nam cây mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi. Cây sống lâu năm, mềm, lá dài 3 - 4 m, leo. Lá kép 2 - 3 lần lá phụ gân hình tam giác, nguyên hay chia thùy, mép có răng không đều. Ổ tử nang dài 3 - 5 mm (Hình 79).

### III.A.3. CÂY CẮNG GÀ

*Pteris cretica* Linn.

Họ Cỏ lông (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới, có thân rễ mọc bò dài, phủ lông mềm. Lá mọc thẳng hay rủ mềm, có hai dạng, hình lông chim, 2 - 6 thùy phiến mọc đối, đôi một, không cuống, thùy phiến ở đỉnh có mép rần reo, và gân nổi rõ. Ổ tử nang dạng vạch liên tục ở mép, có áo do mép lá gấp lại. Cây có dáng mềm đẹp, và có rất nhiều chủng khác nhau đều làm cảnh được. Phổ biến hơi cả có :

III.A.3.a. Cây cẳng gà đẹt

*Pteris de Crète*

*Pteris cretica* L. var.  
*wilsonii* Hort.



H.80. Cẳng gà đẹt -  
*Pteris cretica* var. *wilsonii* Hort.



Cây có nguồn gốc từ Hi Lạp (đảo Crét), mọc bụi, phiến lá kép lông chim với thùy phiến ở đỉnh lớn nhất phân chia nhiều lần trong 1 mặt phẳng, thùy phiến gốc có cánh răn reo men theo cuống dài. Đây là chủng làm cảnh đẹp nhất. (Hình 80)

### III.A.3.b. Cây cảnh gà trắng

*Pteris cretica* L. var. *albo-lineata* Hort.

Cây có nguồn gốc ở châu Âu, mọc bụi, lá thẳng cuống mập, màu đen nhạt. Lá kép lông chim, phiến thùy cong hình hiêm, răn reo, đầu xẻ đôi, mép khía răng và phiến có giải trắng rộng (Hình 81).

### III.A.3.c. Cây cảnh gà xanh

*Pteris cretica* L. var. *mayi* Hort.

Cây mọc bụi nhỏ, lá kép lông chim, thùy phình rộng, chia thùy không đều, mép khía răng, màu xanh bóng.

Tất cả các chủng làm cảnh đều rất thích hợp trồng ở chậu, nhân giống bằng tách bụi với các đoạn thân rễ có chồi mầm. Cây trồng dễ dàng, chịu bóng được nên làm cây trang trí trong nhà khá đẹp.

### III.A.4. CÂY CỎ LUÔNG

*Pteris quadriaurita* Retz.

Họ Cỏ luông (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh rộng rãi trên toàn thế giới. Cây có thân rễ ngắn. Lá xếp sát nhau thành bụi thưa, cuống dài, mảnh, kép lông chim, thùy phiến hình giải



H.81. Cảnh gà trắng - *Pteris cretica* L. var. *albo-lineata* Hort.

thuôn, nhỏ bé, cong hình liềm, màu xanh bóng, mềm mại, đẹp.



H.82. Cỏ luống bạc – *Pteris quadriaurita* Retz. var. *argyrea* Hort.

Để trồng làm cảnh thường chọn các chủng sau :

III.A.4.a. Cây cỏ luống bạc

*Pteris à quatre oreillettes* var. *argentée*

*Pteris quadriaurita* Retz. var. *argyrea* Hort. (*P. argyrea* Moore).

Cây có lá màu xanh bóng đậm với phần gốc màu trắng và các vạch lớn màu trắng bạc giữa các thùy. Cây rất đẹp. (Hình 82)

III.A.4.b. Cây cỏ luống đỏ

*Pteris quadriaurita* Retz. var. *tricolor* Hort.

Cây có lá màu xanh bóng ở mặt trên và màu đỏ ở mặt dưới.

Tất cả các chủng đều rất thích hợp trồng ở chậu, và nhân giống bằng các đoạn thân rễ.

### III.A.5. CÂY CỎ SEO GÀ (Lưỡi lân)

*Pteris ensiformis* Burm.

Họ Cỏ luồng (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại vùng đồi thấp, khô, nóng ở hầu hết các tỉnh. Cây có thân rễ mọc bò phủ bởi các vẩy hẹp màu nâu nhạt. Lá có 2 dạng : lá không sinh sản dạng kép lông chim với phiến thùy ở đỉnh lớn nhất, dài, nhọn nguyên. Lá sinh sản thường đơn, dạng hình giáo thuôn, hay chia thùy lông chim nông (5 - 7 thùy).

Để trồng làm cảnh các nhà vườn chỉ chọn 1 chủng là :

III.A.5.a. Cây cỏ seo gà trở

Victoria brake fern; Pteris de la Reine Victoria

*Pteris ensiformis* Burm. var. *victoriae* Bak. (*P. victoriae* Hort.)

Cây có lá màu xanh bóng với các vạch trắng (Ảnh 58).

### III.A.6. CÂY DƯƠNG XỈ GỖ (Ráng liên tọa bản, Dương xỉ mộc)

Silver tree Fern; *Alsophila glauque*

*Cyathea contaminans* (Wall.) Cop.

(*Alsophyla contaminans* Wall., *Al. glauca* J. Smith.)

Họ Dương xỉ mộc (Cyatheaceae)

Cây mọc rộng rãi ở các thung lũng ẩm dưới tán rừng rậm từ Bắc vào Nam. Cây có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hay công viên nơi ẩm ướt, ít nắng. Cây có thân mập hóa gỗ, dạng trụ cao đến 10 m, bóng. Lá tập trung dày đặc, tỏa tròn ở đỉnh thân. Lá lớn dài đến 1 m, màu nâu bóng ở gốc, màu vàng nâu ở đỉnh, bóng nhẵn. Gốc cuống lá có nhiều vẩy màu trắng bóng, dễ rụng. Phiến lá kép hay xẻ lông chim 3 lần. Các lá phụ lại xẻ nhỏ đến tận gân chính làm thành các thùy sâu, màu rơm, láng hay xanh đậm tối ở mặt trên, màu lục nhạt ở mặt dưới. Cả thân lẫn chùy lá trông như cây Thiên tuế, nhưng dáng mềm mại hơn.

Cây có dáng đặc sắc điển hình cho các kiểu cây cổ xưa và nhiệt đới, do đó làm cảnh rất đẹp, mặc dù khó trồng vì đòi hỏi ẩm ướt và che bóng.

### III.A.7. CÂY DƯƠNG XỈ GỖ BÓNG (Dương xỉ mọc nhẵn)

*Cyathea glabra* (Bl.) Copel.

Họ Dương xỉ mọc (Cyatheaceae)

Cây có thân trụ, chỉ cao 2 m. Lá có cuống màu đen, bóng, nhẵn, góc có vẩy màu đen bóng. Phiến là dày 2 - 3 m, xẻ lông chim 3 lần. Lá phụ lại chia thùy sâu dạng lông chim, có cuống cứng.

Ổ bào tử hình chữ V ngược, nằm giữa các gân phụ và gân chính của lá phụ.

Cây mọc phổ biến ở rừng ẩm ướt, dưới tán cây gỗ lớn, đôi khi gây trồng làm cây cảnh.

### III.A.8. CÂY GUỘT (Tế, Ráng tây sơn, Vọt, Ràng ràng)

*Kekilla*

*Gleichenia linearis* Clarke

(*Dicranopteris linearis* (Burm) Underw.)

Họ Guột (Gleicheniaceae)

Cây mọc phổ biến khắp nước ta, nhất là các vùng đồi khô nóng. Cây mọc xen lẫn với bãi cỏ thấp và cây bụi thưa.

Cây có thân rễ mọc ngầm dưới đất và bò lan khá rộng, khô, chịu được hoàn cảnh khó khăn. Lá to, phiến rộng, chia nhánh lưỡng phân đều đặn 1 - 2 lần, giữa các nhánh có chồi phủ lông. Tận cùng lá là những lá phụ chẻ lông chim sâu, có thùy dạng thuôn dài, tròn đầu, mép nguyên và cuốn lại, màu xanh, gân mảnh dạng lông chim.

Ổ bào tử nằm vào khoảng giữa các gân nhỏ, cách đều giữa gân và mép lá, lúc non màu xanh mạ, sau nâu dần.

Cây có cuống lá dài nhẵn bóng nâu đậm và phiến lá chia đôi đều đặn, xẻ rộng nên làm cảnh khá đẹp.

Cây có thể trồng ở chậu hoặc lấy lá cắm lọ với các loài hoa khác, để làm nền cho cả lọ hoa. Cây được khai thác tự nhiên từ các bãi, các đồi, có thể gây trồng bằng các đoạn thân ngầm.

### III.A.9. CÂY LÁ MỎNG (Dương xỉ chân thỏ)

*Davallia des canaries*; Fougère patte de lièvre

*Davallia canariensis* Swartz.

Họ Vẩy lợp (Davalliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Canari - châu Âu, nhưng được gây trồng rộng rãi ở khắp mọi nơi. Cây có thân rễ dày, phân nhánh bò dài, có nhiều vẩy dày. Lá hình tam giác, dạng kép lông chim 4 lần, phiến rộng ra ở gốc. Lá phụ cuối cùng gần hình tròn, khía răng cưa sâu và có màu xanh đậm, bóng. Cuống nhẵn, dài 15 - 20 cm. Khía rãnh sâu ở mặt trên. Cây mọc lan rộng nên làm cây phủ đất trong bồn hoa rất thích hợp. (Hình 83) Hiện nay cây được trồng ở chậu, trên các quang treo ở các tỉnh miền Nam. Nhân giống chủ yếu bằng các đoạn thân rễ.



H.83. Lá mỏng - *Davallia canariensis* Swartz.

### III.A.10. CÂY LÁ MỎNG ĐẸP

*Davallia élégant*

*Davallia elegans* Swartz.

Họ Vẩy lợp (Davalliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanca tới Australia) và làm cây cảnh từ khá lâu. Cây có thân rễ mập, bò dài và có vẩy lớn. Lá lớn dạng kép lông chim 3 lần, phiến hình tam giác, chia thành các thùy thuôn dài và mép khía răng. Cứng lá thẳng đứng, nhẵn (Ảnh 59).

Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh, và có nhiều chủng khác nhau.

### III.A.11. CÂY LANH SA MẪU TỬ (Ráng liền sơn lưỡi dao, Quạt xòe)

*Lindsaea cultrata* (Willd.) Sw.

Họ Quạt xòe (Lindsaeaceae)

Cây mọc ở đất có thân rễ bò dài, mang nhiều vẩy hẹp màu nâu nhạt. Lá có cuống dài, phần gốc tròn, màu nâu thẫm, phần trên khía rãnh dọc, màu vàng rơm. Phiến lá hình giáo thuôn, dạng kép lông chim 1 lần, mà các lá phụ ở gốc mọc gần đối, các lá phụ trên mọc so le, dạng hình quạt có cuống, mép dưới uốn cong, mép trên thẳng, chia 3 - 4 thùy nhỏ. Đầu lá kéo dài mềm và thường nảy ra một cây khỏe có đầy đủ rễ và lá có thể tách khỏi cây mẹ cho một cây độc lập. Ổ bào tử thuôn dài ở mép, màu vàng nâu.

Cây mọc hoang đại vùng núi cao Việt Nam có dáng đẹp, mọc khỏe xanh bóng nên trồng làm cảnh ở chậu được. Hiện nay gây trồng chủ yếu trong các quang treo để uốn cong dài ra và cho cây con lơ lửng.

### III.A.12. CÂY LANH SA TRÒN

*Lindsaea longipes* C. Chr. et Tard.

Họ Quạt xòe (Lindsaeaceae)

Cây có thân rễ bò với nhiều vẩy rất hẹp. Lá có cuống dài màu tím, hình 4 cạnh, có rãnh rộng ở phần trên. Phiến lá hình ngọn

giáo hẹp, dạng kép lông chim, gốc và đầu lá hơi thu hẹp lại. Lá phụ mọc so le, khá xa nhau ở gần gốc và xít nhau ở đỉnh, dạng hình thận hay tim, có cuống rất ngắn, mép nguyên.

Ổ bào tử dọc theo mép, màu vàng nhạt.

Cây mọc hoang dại vùng đồi núi miền Trung dáng đẹp nên trồng làm cảnh được.

### III.A.13. CÂY LƯỠI RẮN THỐNG (Dải lụa)

**Ribbon Fern, Addeer's tongue; Langue de serpent**

***Ophioglossum pendulum* L. (*Ophioderma pendulum* Presl.)**

**Họ Lưỡi rắn (Ophioglossaceae)**

Cây sống phụ trên vỏ các cây gỗ lớn vùng núi cao hay trong các rừng ẩm.

Cây có thân rễ mập, dày, mang rất nhiều rễ. Lá 1 - 5 chiếc hình giải mềm buông thõng xuống. Không có cuống rõ ràng, mép lá nguyên, đơn dày, nạc, không rõ gân giữa, nhưng các gân phụ hình mạng tạo nên những ô hình 6 cạnh, nổi rõ như vân, khá đẹp.

Túi bào tử xếp dày đặc trên 1 lá thoái hóa dạng bông, có cuống chung ngắn, dính ngay vào giữa lá không sinh sản, màu vàng nhạt.

Cây có dáng mọc đẹp, phiến lá đặc sắc nên có thể gây trồng làm cảnh trong các quang treo, như các loài phong lan sống phụ ở vùng có khí hậu mát ẩm và chịu bóng một phần.

### III.A.14. CÂY MÓNG TRÂU

(Ráng thận lân hình tim; Cốt rắn; Củ khát nước)

**Dwarf whitemanii, Nephrolepis à feuilles en coeur**

***Nephrolepis cordifolia* (L.) C. Presl.**

**(*N. cordata* Hort.; *N. tuberosa* Hook.)**

**Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, nay mọc rất rộng rãi vùng nhiệt đới, Á nhiệt đới châu Á, Australia, châu Phi, Tân Tây Lan, vừa hoang dại vừa gây trồng làm cảnh.

Cây có thân rễ bò mang nhiều củ. Thân rễ ngắn, thường mọc đứng phủ nhiều vẩy màu nâu vàng. Lá có cuống màu vàng nhạt hay nâu bóng, có vẩy. Phiến lá hình giáo hẹp, dạng kép lông chim, dày đặc. Lá phụ giữa có tai, và không cuống hình tim (Ảnh 60). Tất cả các lá phụ đều xếp cách nhau đều đặn trên một mặt phẳng. Ổ bào tử nằm ở mép lá, màu nâu nhạt.

Cây mọc hoang dại vùng núi cao miền Bắc và Nam Trung bộ, thành bụi dày hay mỏng, có dáng đẹp, nên được thu hái trồng làm cảnh ở chậu hay ở hòn non bộ. Chúng đẹp hơn cả là :

#### *III.A.14.a. Cây Móng trâu dày*

*Nephrolepis cordifolia* Presl. var. *compacta* de Veitch.

Cây mọc thành bụi dày, rất đẹp, cuống lá cao thấp không đều làm cho dáng cây hấp dẫn. Thường được gây trồng ở chậu.

#### III.A.15. CÂY MÓNG TRÂU DET (Ráng thận lán đứng)

Swird- fern; Boston- fern, Crisped feath fern, *Nephrolepis elevé*

*Nephrolepis exaltata* (L.) Schott.

Họ Móng trâu (*Nephrolepidaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Phi, châu Mỹ.

Cây mọc bò dài do thân rễ mập. Lá mảnh hình giải nhọn giáo rất dài, cuống lá mập có vẩy, phiến lá dạng kép lông chim, lá phụ nguyên hay hơi khía răng cưa.

Hiện nay, thường gây trồng 1 chủng đặc sắc là :

#### *III.A.15.a. Cây Móng trâu det lông chim*

*Nephrolepis exaltata* (L.) Schott. var. *plumosa* Hort.

Lá có dạng kép lông chim với các lá phụ thẳng ở đỉnh và rần reo làm cho lá giống như lông con chim. Thân rễ ngắn mập làm cho lá mọc tập trung thành bụi, sát nhau. Tất cả có màu xanh bóng, mềm mại, khá hấp dẫn.



### III.A.16. CÂY MÓNG TRÂU TRÒN (Ráng thận lân, Lưỡi lân)

*Nephrolepis de duffi*

*Nephrolepis duffii* Moore

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có nguồn gốc ở Chilê (đảo Duc d'York) - Nam châu Mỹ, nhưng được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây nhỏ bé, lùn, gần như không có thân rễ, mà lá mọc sát nhau làm thành bụi, dày ở gốc. Lá có phiến mảnh, mềm, trên cuống dài màu nâu sáng, gốc cuống có nhiều vẩy màu nâu, nhẵn. Lá phụ xếp kép lông chim 1 lần, dạng hình tròn, dài hẹp, cuống ngắn, mọc gần như đối, cách xa nhau đều đặn. Phiến lá thon nhỏ lại ở đỉnh, mềm dạng sợi mảnh thường chia đôi, các lá phụ nhỏ lẫn lẫn, mép cong lại, tròn hay dạng quạt, màu xanh bóng. (Ảnh 61).

Cây mọc bụi dày đẹp, đầu lá vươn dài mềm mại cong vút, rất thích hợp để trồng ở chậu cảnh nhỏ làm cây trang trí trong phòng.

### III.A.17. CÂY MÓNG TRÂU XÈ

(Cốt cần chẻ, Ráng thận lân chẻ, Lá rết)

Nord sword fern; Boston fishtail fern

*Nephrolepis biserrata* (Sw.) Schott. var. *furcans* Bail.

(*N. acuta* Presl.; *N. acuminata* Presl. non Kuhn.)

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có thân rễ ngắn, mọc đứng, làm cho toàn bộ cây thành 1 bụi dày, cao 40 - 60 cm, có nhiều chồi. Lá có cuống dài, màu nâu sáng, mang ở phần gốc nhiều vẩy màu nâu, nhẵn, phiến lá màu lục tươi hay pha vàng, dai, cứng, nhẵn, khá rộng, kép lông chim 1 lần. Lá phụ thuôn ngọn giáo hẹp, gốc tròn, đầu mở rộng xẻ hai, mỗi thùy lại có khía sâu dạng đuôi cá, mở rộng. Lá phụ mọc cách xa nhau đều đặn, và làm cho các lá phụ gần như có nếp đê lên nhau trên một mặt phẳng (Ảnh 62).

Cây có dáng đẹp nên được ưa chuộng trồng làm cảnh trong các chậu làm cây trang trí trong phòng hay treo trên giàn ngoài trời.

### III.A.18. CÂY Ổ RỒNG (Ổ rồng kê)

**Elk's horn fern. *Platycerium grande***

***Platycerium grande* (A. Cunn. msc.) J. Smith.**

**Họ Cánh dơi (Cheiropleuriaceae)**

Cây có nguồn gốc rộng rãi ở vùng Đông Nam châu Á và Australia.

Cây sống phụ, thân rễ mọc bò không có vẩy. Lá không sinh sản (lá cứng mùn) không có cuống, dạng tròn lớn, phân thùy sâu nguyên hay xẻ đôi. Lá sinh sản buông thõng xuống từng đôi một dài 1 - 2 m, các thùy chia đôi nhiều lần với phân thùy cuối thuôn dài tròn. Mặt lá xanh bóng, dài, nhẵn, mềm.

Ổ bào tử mặt dưới phiến lá, thường tập trung ở nơi chẻ đôi của thùy lá, màu vàng nâu (Ảnh 63).

Cây có dáng kỳ lạ, màu xanh đậm quanh năm, làm cây kiểng trên các vỏ cây gỗ lớn hay trồng trong các quang treo như các loài phong lan sống phụ.

### III.A.19. CÂY QUYẾN BÁ BÒ (Quyến bá)

**Selaginelle de willdenow**

***Selaginella willdenowii* (Desv.) Baker**

**(*S. laevigata* Spring; *S. uncinata arborea* Meteen.;**

***S. caesia arborea* Hort.)**

**Họ Quyến bá (Selaginellaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương, Malaysia...)

Cây khá lớn, có thân dài, bò leo được, dài đến 3 - 4 m. Từ thân rễ mọc ra các lá dạng kép lông chim dạng tam giác trải rộng, dài đến 50 cm, phân chia thành nhiều mặt phẳng, lá tận cùng có dạng bản nhỏ như sợi, màu xanh bóng ở mặt trên, nhẵn. Bào tử diệp 1 loại, rộng.

Cây mọc đại ở rừng thưa, nhưng có dáng đẹp, bóng óng ánh nên thường được gây trồng làm cảnh trong các chậu bày ở trong phòng hay hàng hiên che bóng một phần. Cây được nhân giống bằng tách bụi.

### III.A.20. CÂY QUYỂN BÁ CUỘN

#### *Selaginella involvens* (SW.) Spring

#### Họ Quyển bá (Selaginellaceae)

Cây mọc rộng rãi ở vùng núi cao Việt Nam, Nhật Bản, miền Nam Trung Quốc và Philippin.

Cây lùn nhỏ bé, thân rễ bò và có rễ giả tập trung ở gốc thân. Thân mọc thẳng đứng từ một phần gốc bò, phân nhánh, cao 6 - 15 cm có nhiều lá xếp lớp, hình trái xoan, thuôn, áp sát vào thân. Cành ngắn, chia lông chim 3 lần. Lá ở thân chính chỉ có một loại, gốc có tai, mép có lông, lá ở các nhánh có 2 dạng, lá giữa nhỏ, mép có lông, màu xanh đậm ở mặt trên, màu nhạt ở mặt dưới.

Bông thường đơn, rất ít khi 2, nằm ở cuối các cành non, có 4 cạnh.

Cây mọc ở rừng ẩm, chịu bóng một phần do đó làm cây cảnh trong chậu trang trí nội thất rất thích hợp, thường mọc được ở các hòn đá, non bộ dưới tán các cây lá rộng khác.

### III.A.21. CÂY QUYỂN BÁ ĐỨNG (Quyển bá lá dày)

#### *Selaginella frondosa* Warb.

#### Họ Quyển bá (Selaginellaceae)

Cây mọc trong rừng ẩm thường xanh ở hầu hết các tỉnh của nước ta. Cây có thân rễ mập, thân mọc thẳng đứng cao 20 - 40 cm, cành nhiều dẹt mang lá xếp sát nhau, hình tam giác dài, đối xứng (phần gốc). Các cành ở đỉnh, kép lông chim ba lần, lá xếp hơi lợp, màu xanh thẫm, bóng, đẹp. Bông bào tử ở đỉnh, có 4 cạnh, dài 1 - 3 cm (Ảnh 64).

Cây luôn xanh mướt, chịu được bóng, mọc khỏe thành bụi dày rất thích hợp để trồng ở chậu và bày trong nhà. Hiện vẫn thu hái từ thiên nhiên, có thể nhân giống bằng tách phần thân rễ có cành lá.

### III.A.22. CÂY QUYẾN BÁ THÂN

*Sélaginelle caulescente*

*Selaginella caulescens* Spring

(*S. amaema* Hort.; *S. bellula* Cesati non Moore)

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc) có thân mọc dày đặc làm thành bụi, mảnh mai, phân nhánh dài đến tận 2 phần 3 gốc và có nhiều chồi bên. Cành nhánh mang nhiều lá hẹp, nhỏ bé nhọn xếp đều đặn tạo ra một mặt phẳng rộng, mà phần phân chia có dạng tam giác đều màu xanh bóng sáng đẹp. Bông có 4 cạnh dài 1 cm ở đầu cành. Hiện nay, loài cây này được các nhà vườn tạo ra nhiều chủng đẹp khác nhau để làm cảnh. Tuy nhiên, trong các chủng của loài này, nổi bật có :

III.A.22.a. Cây Quyến bá thân bạc

*Selaginella caulescens* Spring var. *argentea* Hort.

(*S. argentea* Hort.)

Cây nhỏ bé. Thân có lá dày đặc dẹt, màu xanh bạc, óng ánh. Cây mọc ở đất, ưa ẩm, che bóng, do đó được trồng ở chậu trang trí trong phòng, hoặc dưới tán các cây gỗ.

### III.A.23. CÂY QUYẾN BÁ TRƯỜNG SINH (Trúng vẹt)

*Selaginella tamariscina* (Beauv.) Spring

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây mọc trên vùng đồi khô, đất sỏi hay vách đá vùng bờ biển miền Bắc và Trung nước ta. Cây nhỏ bé, thân rễ mập, kết bện thành một khối dày ở gốc, trên thành bụi khó phân biệt giữa thân và cành. Lá có hình dạng khác nhau, thường hình giáo, hình tam giác cuộn lại khi khô và nở bung ra khi gặp nước. Bông bào tử hình 4 cạnh mọc ra ở đỉnh cành (Ảnh 65).

Cây ưa ẩm nên được trồng ở bờ nước hay trên các hòn non bộ, đôi khi đặt cả cây trên chậu nước nông. Cây chịu được bóng, làm cây trang trí trong nhà được. Hiện nay chỉ thu hái tự nhiên. Có thể nhân giống bằng tách bụi lớn.

### III.A.24. CÂY RÂU RỒNG (Thạch tùng vẩy; Thạch tùng thân gập)

#### *Lycopode*

*Huperzia squarrosa* (Forst.) Trevis.

(*Lycopodium squarrosus* Forst.; *L. hookeri* Wall.;

*L. epiceaefolium* Desv.)

#### Họ Thông đất (*Lycopodiaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Cây sống phụ, thân thường mập hình trụ, mọc thẳng đứng ở phần gốc, sau gập buồng thông xuống, dài 50 - 60 cm, phân chia 1 - 2 lần. Lá xếp xoắn ốc, hình giải hẹp, nhọn, mọc xòe rộng ra, gần như thẳng đứng, không cuống, các lá ở đỉnh thì ngắn hơn lá ở gốc, màu xanh bóng đậm, xù ra như lông nhím.

Bông ở ngọn không phân nhánh, dài khoảng 10 cm. Lá bào tử giống như lá dinh dưỡng, nhưng ngắn hơn 2 lần, thẳng, nhọn, hơi phình ở gốc.

Cây có dáng rất đẹp có thể gây trồng ngay trên vỏ cây gỗ, trong các chậu, hay bó vào gốc giá thể (gỗ hay Dớn) treo ở vườn hay trong phòng, vì cây chịu bóng 1 phần. Cây mọc khôe, cần đủ ẩm và mùn. Hiện hay nhân giống bằng cách tách các chồi mầm có đủ rễ.

### III.A.25. CÂY RÂU RỒNG LÁ (Râu cây)

*Huperzia phlegmaria* (L.) Roth. (*Lycopodium phlegmaria* L.)

#### Họ thông đất (*Lycopodiaceae*)

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới cực lục địa. Cây sống phụ thân buồng thông xuống, dài khoảng 50 cm, chia nhánh lưỡng phân 1 - 4 lần. Lá xếp xoắn ốc, hình trái xoan thon, không cuống, góc tròn, đầu thẳng đứng, nhọn, nguyên, dai, xếp tỏa rộng ra.

Bông không có cuống, lá bào tử rất khác biệt với lá thường hình trái xoan, tam giác rộng, bên có mũi nhọn.

Cây mọc rộng rãi ở rừng miền Nam và miền Trung nước ta và được thu hoạch tự nhiên làm cây trang trí trong vườn hay trong nhà.

*Huperzia obovalifolia* (Bonap.) Bon.

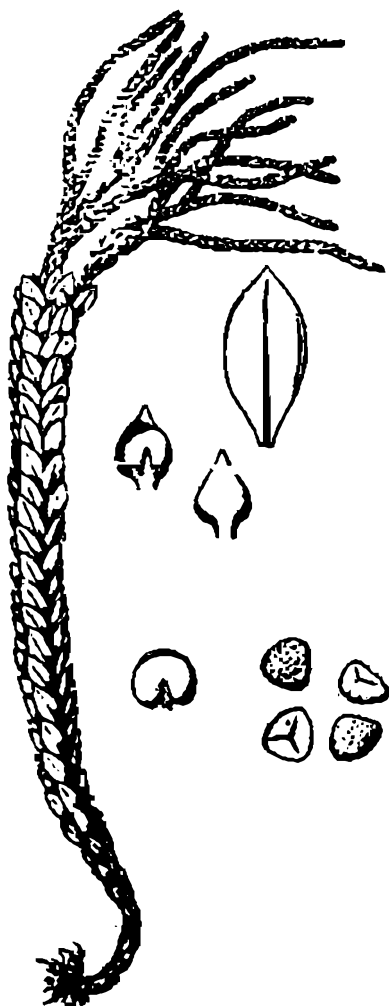
(*Lycopodium obovalifolium* Bonap.)

Họ thông đất (Lycopodiaceae)

Cây sống phụ, thân hình trụ, dài 20 - 40 cm buông thông xuống, phân chia 2 - 3 lần, cành xếp tỏa ra như tua mực. Lá xếp xoắn ốc, tỏa rộng, hình trái thuôn, không cuống, gân giữa rõ, lồi.

Bông không cuống, lưỡng phân 1 - 2 lần, mọc ra từ ngọn cành. Lá bào tử rất khác biệt với lá thường, hình tròn hơi dài (Hình 84).

Cây mọc rộng rãi trong các rừng ẩm miền Trung nước ta, có thể chịu được lạnh và bóng, nhưng phải khá ẩm. Cây có dáng buông dài đẹp, rất được ưa chuộng trồng làm cảnh ngay trên vỏ cây gỗ lớn hay trong các quang treo, bó vào các mảnh gỗ, mảnh dớn, để cây buông thông cành nhánh và các chùm bông.



H.84. Râu rồng tua - *Lycopodium obovalifolium* (Bonap.)Bon.

### III.A.27. CÂY SỪNG HƯƠNG (Ráng chò chanh)

Antelope years; Corne de Cerf; Elk's horn fern, *Gymnogramme blanc et noir*)

*Pityrogramma calomelanos* (L.) Link.  
(*Gymnogramme calomelanos* Kunze.)

Họ Sừng hương (*Gymnogrammeaceae*)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, với hình dạng rất thay đổi, thường có thân rễ ngắn phủ vẩy màu nâu. Lá mọc chụm cao 20 - 50 cm, cuống đen, có vẩy ở gốc. Phiến lá kép lông chim 2 lần, thuôn hình giáo. Lá phụ cấp một mọc đối, thuôn dài, chia thùy không đều hay kép một lần nữa, nhọn, phiến mỏng, mặt trên màu xanh bóng đậm, mặt dưới màu bạc trắng như có bụi phấn nổi lên trên cuống màu đen bóng.



H.85. Sừng hương - *Pityrogramma calomelanos* Link.

Ổ tử nang xếp dọc theo mép lá, và có áo do mép lá gập lại (Hình 85).

Cây có phiến lá rất đẹp, có thể gây trồng ở chậu làm cảnh ở vườn và trang trí trong phòng được. Cây ưa ẩm và chịu được bóng.

### III.A.28. CÂY THÔNG ĐẤT (Thạch tùng nghiên)

**Stag - horn - moss**

***Lycopodiella cernua* (L.) Franco et Vahl.**

**(*Lycopodium cernuum* Linn.)**

**Họ thông đất (Lycopodiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới cả hai bán cầu. Thân thường mọc bò dài trên đất và nảy ra nhiều rễ rải rác, phần đầu mọc thẳng đứng, phân ra nhiều nhánh theo kiểu lưỡng phân. Lá nguyên hình giải nhọn, xếp xoắn ốc hướng lên trên áp gần với trục thân, màu vàng rơm hay vàng xanh, rất lâu héo khô. Thân, lá tuy khô nhưng có dáng rất mềm mại. Bông rất nhiều, treo thông ở đỉnh các nhánh nhỏ, màu nâu vàng.

Cây mọc nơi chân đồi, vừa che bóng vừa ưa sáng và chịu được khô hạn, do đó có thể làm cây cảnh phủ đất ở các bồn đất khô hay trồng trong các chậu đặt trong phòng.

### III.A.29. CÂY THÔNG ĐẤT DÙI (Thạch tùng dùi)

**Club moss; Griffe, de loup; Soufre végétal**

***Lycopodium clavatum* Linn.**

**Họ thông đất (Lycopodiaceae)**

Cây mọc phổ biến ở rừng núi cao, nơi khí hậu mát, dưới tán các rừng thưa (chịu bóng một phần).

Cây mọc trên đất, thân bò dài, có nhiều rễ ở giữa, phần đầu mọc thẳng đứng, cao 5 - 10 cm, phân cành ít, thưa, sắp xếp dạng lồng chim. Lá ở trên thân chính và trên các cuống bông thì thưa áp sát vào thân, còn lá ở phần thân thẳng đứng thì tỏa rộng ra xếp xoắn ốc vào nhau, dạng hình giải nhọn, màu xanh bóng đậm hay pha vàng.

Bông dài 5 cm, có cuống mọc ra ở đỉnh, các cành bên lưỡng phân. Mỗi cuống có 2 - 6 bông.

Cây làm cảnh đẹp ở các chậu nhỏ, hiện nay chỉ thu hoạch tự nhiên để gây trồng làm cảnh.



### III.A.30. CÂY TÓC THẦN (Tóc vệ nữ)

Maidenhair Fern; Venus hair fern; Capillaire cheveux de Venus; Capillaire vraie

*Adiantum capillus - veneris* L.

(*A. luddemanianum* Hort; *A. regine* Hort.)

Họ Đuôi chồn (Adiantaceae)

Cây có vùng phân bố rất rộng trên nhiều vùng khí hậu khác nhau Địa Trung Hải, châu Á, Nam châu Phi... và được trồng làm cảnh rất phổ biến. Cây có thân rễ mọc bò dài, phủ nhiều vẩy rất mỏng. Lá mọc cách xa nhau trên thân rễ, cuống lá mảnh, dài 20 - 30 cm, màu đen nhánh, bóng, nhẵn, phiến lá dài 15 - 35 cm hình tam giác thuôn, kép lông chim 2 lần. Lá phụ mọc cách hình tam giác thuôn, có cuống dài lại chia lông chim. Các phiến của những lá phụ cuối cùng nhẵn nheo, cụt đầu (Ảnh 66).

Toàn bộ lá màu xanh bóng mềm, nổi rõ trên cuống màu đen cứng. Ổ bào tử ở mép lá, đối diện với cuống, cong theo các thùy.

Cây được gây trồng làm cảnh ở chậu rất phổ biến, đôi khi cắt lá cắm lọ với các hóa khác.

### III.A.31. CÂY TÓC THẦN ĐUÔI (Đuôi chồn)

*Adiantum*

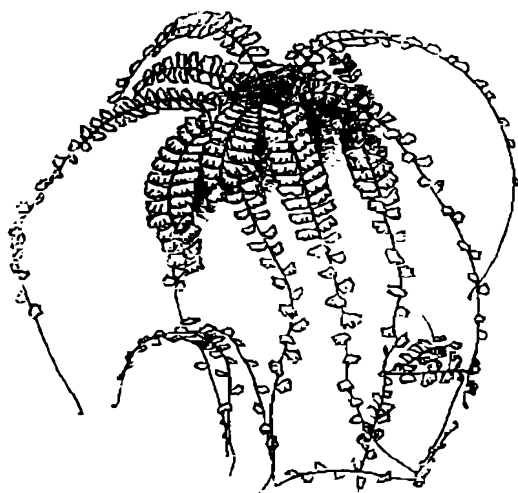
*caudatum* Bak.

(*A. siliatum* Bl.)

Họ Đuôi chồn

(Adiantaceae)

Cây có thân rễ ngắn, với nhiều vẩy hình giáo hẹp, màu vàng nâu. Lá có cuống dài 5 - 20 cm, màu nâu sẫm, nhẵn, bóng, cứng có lông mềm.



H.86. Tóc thần đuôi -  
*Adiantum caudatum* Bak.

Phiến lá dài tới 30 cm, cứng phủ lông mềm, có dạng kép lông chim, với các lá phụ nhiều xếp dày đặc, đều đặn. Lá phụ không cứng có mép dưới nguyên, mép trên khía thùy sâu, thùy cụt đầu. Đầu lá mềm, vượt dài, các lá phụ thưa dần. Ổ bào tử tròn hay thuôn xếp ở đầu các thùy lá phụ, màu nâu sẫm. (Hình 86).

Cây mọc khỏe, dáng đẹp, mọc chủ yếu ở vùng núi đá vôi, do đó có thể gây trồng làm cảnh ở các hòn non bộ hay trong các chậu.

### III.A.32. CÂY TÓC THẦN PHI (Đuôi chồn lạch)

*Capillaire en forme de croissant*

*Adiantum philippinense* L. (*A. arcuatum* SW.;

*A. lunulatum* Burm.; *A. dolabriforme* Hook.)

Họ Đuôi chồn (Adiantaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Australia, châu Mỹ nhiệt đới nay phân bố rất rộng ở hầu hết các nước nhiệt đới. Cây sống ở các hốc đá, vách khe hay chân đồi, nơi đất ẩm và có nắng. Thân rễ mọc đứng, phủ nhiều vẩy ở gốc. Lá mọc sát nhau thành bụi thưa. Cuống lá màu đen nhẵn, mềm mại. Phiến lá dạng kép lông chim. Lá phụ ở sát gốc rất lạch, mọc cách, mép dưới thẳng hay lõm mép trên nguyên hay chia thùy, nhẵn, cứng lá



H.87. Tóc thần phi -  
*Adiantum philippinense* L.

kéo dài ra ở đỉnh các lá phụ nhỏ dần hay thu hẹp lại, làm cho đầu lá mềm nhỏ, dài ra như tua cuống (Hình 87). Trồng cây trong chậu và treo cao cả chùm lá tỏa mềm rất duyên dáng. Ổ bào tử hình giải, nằm ở ngọn các thùy. Cây mọc dai nhưng có thể thu hoạch để gây trồng làm cảnh.

### III.A.33. CÂY TÓC THẦN XANH (Vết, Dớn đen)

**Capillaire**

***Adiantum flabellulatum* L.**

**Họ đuôi chồn (Adiantaceae)**

Cây có thân rễ mọc nghiêng hay thẳng đứng, phủ nhiều vẩy hình giáo hẹp màu vàng rơm. Lá mọc sát nhau thành bụi nhỏ, cuống lá màu tím, nhẵn, bóng, hơi có vẩy ở gốc. Phiến lá dài và rộng gần bằng nhau lưỡng phân 2 - 3 lần. Lá phụ cuối cùng có cuống, mọc cách, dạng quạt, mép dưới thẳng, mép trên tròn, nguyên hay hơi có răng, màu xanh bóng nhẵn, óng ánh vàng, cứng, dày, khô.

Ổ bào tử thuôn dọc theo mép trên và mép ngoài của lá phụ.

Cây có dáng lá tỏa rộng, đẹp và lâu héo nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh. Cây chịu được che bóng và ưa ẩm nên có thể gây trồng ở chậu hay trên hòn non bộ, làm cây trang trí ở trong nhà hay ở vườn dưới tán che.

### III.A.34. CÂY TỔ CHIM (Ráng ổ phụng, Tổ kiến)

**Bird's nest Fern, Doradille nid d'oiseau**

***Asplenium nidus* L.**

**(*A. australasicum* Hook.; *Neottopteris nidus* (L.) J.Sm.)**

**Họ tổ chim (Aspleniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, đảo Sandwich, Maurice và các rừng nhiệt đới châu Á khác (Ấn Độ, Nam Nhật Bản, Nam Trung Quốc, Madagasca và Australia), mọc rất phổ biến nên dễ thu hái.

Cây sống phụ trên vỏ các cây gỗ lớn trong rừng ẩm khắp nước ta. Cây có thân rễ ngắn, gốc có rễ chùm dày đặc, ken lại thành bụi lớn ở dưới đám lá, làm cho cây vừa bám chặt vào giá thể, vừa tích tụ được mùn để nuôi cây. Lá nguyên có cuống rất ngắn, dày, phủ nhiều vẩy dài ở gốc. Phiến lá dày, thuôn hình giáo rộng, màu lục nhạt, mép nguyên,

gân giữa lõi cao, gân bên sát nhau hợp lại ở gân mép lá. Lá xếp dạng hoa thị. Lá già ở ngoài, xòe ra như một tổ chim.

Ổ bào tử dạng vạch, mỏng, màu nâu vàng, xếp chéo góc với thân chính, song song với gân phụ, chiếm phần giữa lá ở mặt dưới.

Cây có dáng đặc sắc, mọc khỏe, có thể hái cả cụm dày bó áp sát vào cây gỗ ở vườn hay công viên. Cây dễ trồng, đặc trưng cho cảnh rừng nhiệt đới, đôi khi cây được gây trồng trong các chậu, treo cao trên giàn làm cây trang trí.

### III.A.35. CÂY TỔ CHIM CONG

(Ráng can xi hình phẳng, Thiết giác lưới liềm)

**Doradille en faux**

***Asplenium falcatum* Lamk.**

**Họ tổ chim (Aspleniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Pôlinêsiá, Tân Tây Lan và nhiều nước Đông Nam Á khác, mọc hoang dại và được thu hái trồng làm cây cảnh.

Cây có thân rễ ngắn, có nhiều vẩy màu nâu bóng. Lá xếp sát thân rễ, dạng hoa thị, và kép 1 lần lông chim. Cuống lá mọc đứng, cứng, có rãnh, màu nâu hay đen, gốc có vẩy. Phiến lá có dạng thuôn, mỗi bên có 6 - 9 lá phụ mọc cách, cong lại dạng lưới liềm, nhọn đầu thành mũi dài, có gốc không đều nhau, mép lá có răng cưa nhỏ, nhọn, gân giữa rất rõ, gân bên nghiêng. Lá phụ cuối cùng rộng hơn cả thường chẻ ba, có răng nhọn hình tam giác.

Ổ bào tử dài không đều, xếp ở đoạn giữa của gân đôi khi kéo dài đến tận mép lá, màu nâu. Cây mọc khỏe, xanh quanh năm, dáng khá hấp dẫn, có thể gây trồng làm cảnh trên thân các cây gỗ lớn hay trên các quang treo trong vườn.

### III.A.36. CÂY TỔ CHIM DÀI

**Doradille à frondes très allongées**

***Asplenium longissimum* Blume**

**Họ tổ chim (Aspleniaceae)**

Cây mọc chủ yếu ở vùng núi cao miền Nam Trung Bộ, trong rừng ẩm.

Cây có thân rễ bò, phủ đầy vẩy hình tam giác màu đen. Lá rất dài, hình giáo rưỡi, đôi khi dài đến 2 m, đầu thuôn kéo dài, mọc ra cây mới có đủ rễ và lá. Cuống lá mang nhiều vẩy ở gốc, lá phụ hẹp, nhọn đầu, mép khía răng tròn to, gốc có hai tai không đều, tai trên thường lớn hơn tai dưới, màu xanh bóng đậm, gân bên rất rõ và nghiêng đều.

Ổ bào tử dạng vạch, xếp hai hàng đều đặn theo gân bên ở sát với thân chính. Cây có dáng đẹp nên được thu hoạch để trồng làm cây cảnh, thường trồng ở các chậu và treo cao để cây đưa chùm lá ra ngoài, đầu buồng thông các cây con.

### III.A.37. CÂY TỔ CHIM THỪA

**Doradille de Belanger**

***Asplenium belangerii* (Borrey.) O. Ktze.**

***(Asplenium veichianum* Moore)**

**Họ Tổ chim (Aspleniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các đảo Malaixia và các nước châu Á nhiệt đới khác (Ấn Độ...)

Cây có thân rễ mọc thẳng, đứng, ngắn, dày, phủ nhiều vẩy to màu nâu. Lá xếp sát nhau, dày đặc thành hình hoa thị, kép 1 lần lông chim. Cuống lá màu đen, xanh hay màu vàng rơm nhẵn hay có vẩy to, dày. Phiến lá thuôn, mỗi bên có 15 - 25 lá phụ xếp sát nhau, hơi cong hình liềm, đầu tròn, phiến lại chẻ đều, sâu như một lần kép lông chim nữa, dày, láng bóng, màu xanh đậm. Đầu lá thuôn dài có thể lại nảy chồi mọc ra một cây khác, có đủ rễ, lá.

Ổ bào tử dạng vạch nằm dọc theo gân bên của lá. Cây có dáng rất đẹp, được gây trồng khá phổ biến làm cây trang trí trong phòng và được treo cao để lộ rõ các đầu lá mang cây con buồng thông trong không khí. Nhân giống bằng tách các cây con khỏi cây mẹ.

### III.A.38. CÂY VI LÂN LÁ ĐẸP (Lá lược)

**Microlepia à feuilles alangées**

***Microlepia platyphylla* (Don.) J. Smith.**

**(*Davallia platyphylla* Don., *D. lonchitidea* Wall.)**

**Họ Áo cóc (Dennstaedtiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước Đông Nam châu Á khác tới Nhật Bản. Cây mọc ở đất, thân rễ mập, bò có lông. Lá mọc thành bụi thưa cuống màu vàng, không có vẩy. Phiến lá kép lông chim 2 lần, có thể dài đến 2 m, nhẵn, dày. Lá phụ cấp 1 mọc cách, răn reo, hình giải ngọn giáo, nhọn đầu. Lá phụ cấp 2 dài 12 cm, mép khía răng rộng, đôi khi chia thùy ở gốc. Cuống lá cứng, mọc thẳng đứng, nhẵn bóng, màu đen nhạt. Lá non màu xanh nhạt bóng, mềm mại, khi già cứng hơn và mang ổ bào tử ở mép lá, trên các thùy hay răng cưa.

Cây mọc thành bụi đẹp, ưa đất ẩm, mát vùng núi cao. Có thể gây trồng trong các chậu để trang trí trong phòng được, vì cây chịu bóng một phần, tuy nhiên cần đủ độ ẩm và mát.

### III.A.39. CÂY VI LÂN MẢNH MAI

***Davallia à feuilles ténues***

***Davallia tenuifolia* Swartz. var. *veitchiana* Hort.**

**Họ vẩy lược (Davalliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, phân bố rộng lên tận miền Nam Trung Quốc (ưa khí hậu mát ẩm).

Cây có thân rễ ngắn bò dài, phủ đầy lông mềm như len. Lá có phiến dài, mềm cong rủ xuống, kép lông chim 3 lần với các thùy cuối rất mảnh như sợi, mềm mại, màu xanh bóng, mép hơi khía răng. Cây có dáng cây đẹp, lá xanh quanh năm rất lâu héo nên được ưa chuộng gây trồng làm cây trang trí ở vườn hay trong phòng. Cây được nhân giống chủ yếu bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ.

## III.B. NHÓM CÂY LÁ KIM : NGÀNH THỰC VẬT HẠT TRẦN

### III.B.1. CÂY BÁCH TÁN

*Araucaire élevé, Norfolk Island Pine; Australian pine, Christmas tree plant; Le Sapin d'appartement, Sapin de Colombie.*

*Araucaria excelsa* R. Br,

Họ Bách tán (*Araucariaceae*)

Cây có nguồn gốc từ Norfolk, và được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nơi trên thế giới. Cây mọc cao đến 20 m, nhưng thường chỉ cao 1 - 2 m để trồng ở chậu làm cảnh. Cảnh mọc ngang và xếp vòng thành từng tầng. Lá ở cành non hình mũi dùi cong, có 4 cạnh và hơi dẹt, xếp sát nhau. Toàn bộ cây cả thân cành và lá đều một màu xanh bóng.

Nón đực tính khác gốc. Nón đực hình trứng dài mọc lẻ ở đầu cành (khi rụng cả với một đoạn cành). Nón cái có lá noãn và lá bắc, dính liền nhau. Hạt có cánh mỏng ở 2 bên (Ảnh 67). Hạt rất khó nảy mầm, phải ươm gieo trong điều kiện ẩm mát.

Cây làm cảnh đẹp, cao lớn, phù hợp với các kiến trúc nhà có vườn hay trong công viên. Hiện nay, các nhà vườn thường hay gây trồng hai chủng :

*III.B.1a. Cây Bách tán lớn*

*Araucaria excelsa* R. Br. var *robusta* Hort.,

Cây rất cao lớn, màu xanh đậm, bóng.

*III.B.1b. Cây Bách tán vàng*

*Araucaria excelsa* R. Br. var *glauca* Hort.,

Cây nhỏ bé, có lá màu vàng.

### III.B.2. CÂY BÁCH TÁN NAM (Vương tùng)

*Cook - pine; Araucaire colonne; Araucaire de cook*

*Araucaria columnaris* (G. Forst.) Hook.

(*Araucaria cookii* R. Br.)

Họ Bách tán (*Araucariaceae*)

Cây có nguồn gốc từ Tân - Calêdôni. Cây chỉ cao 4 - 10 m, nhánh mọc ngang và xếp 6 nhánh thành một vòng. Vòng dưới lớn, vòng trên nhỏ dần như một tháp nhọn. Vòng ở đỉnh thường cong buông xuống. Lá ngắn hẹp, cong, có 4 cạnh, làm cho cả cây có dáng mềm mại. Cây rất ít khi thấy nón đực và nón cái. Ươm gieo hạt rất khó khăn.

### III.B.3. CÂY BÁCH TÁN ỨC (Bách tán gai)

**Araucaire de Bidwill; Monkey puzzle; Bunya - bunya Pine**

***Araucaria bidwill* Hook.**

**Họ Bách tán (Araucariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Australia (Queenland, núi Brisbane)

Cây gỗ, cao đến 40 m, cành nhánh rất phát triển, lá dạng trái xoan giảo, đỉnh kéo dài thành mũi, và cong ra phía ngoài, màu xanh đậm. Cây làm cảnh rất đẹp. Hiện nay phải nhập cây con để gây trồng. Có thể trồng ít đất để cây thấp nhỏ, trong chậu làm cảnh.

### III.B.4. CÂY BÁCH TÁN XA MU (Bách tán lá gai)

**Hoop pine**

***Araucaria cunninghamii* D. Don**

**Họ Bách tán (Araucariaceae)**

Cây mới nhập hạt trồng làm cảnh ở chậu. Cây gỗ thẳng, cành ngang thành tầng. Lá hình kim cong, có 3 cạnh, màu xanh đậm. Nón thuôn tròn.

### III.B.5. CÂY BÁCH XÀ (Tùng xà, Ngọc tùng)

**Chinese Cedar, Chinese Juniper; Génévrier chine**

***Sabina chinensis* (L.) Antoine, (*Juniperus chinensis* L.)**

**Họ Bách (Cupressaceae)**

Cây gỗ, cao khoảng 20 m vỏ màu đỏ nhạt, cành nhỏ tròn hay hơi vuông. Lá ở cành non hình kim, đầu nhọn màu xanh mốc, lúc già có dạng vẩy, gần lưng lá có tuyến hình bầu dục mọc gần đối, xếp dày đặc.



Nón đực mọc riêng rẽ, hình trứng thuôn dài, nón cái hình cầu. Nón quả gần hình tròn, đường kính 1 cm, có phần trắng, khi chín màu nâu đen hay màu lam xám có 1 - 4 hạt. (Ảnh 68).

Cây có dáng đẹp trồng làm cảnh nơi công viên, trong vườn rộng. Cây ưa khí hậu mát ẩm vùng núi cao. Có thể hãm làm cây cảnh ở chậu.

### III.B.6. CÂY BUT MỘC

**Cyprés chauve; Cyprés de Louisiane, Bald cypress,  
Deciduous cypress, Cyprés des marais; Cyprés distique  
*Taxodium distichum* Rich.**

**(*Cypressus disticha* L., *Schubertia disticha* Mirb.)**

**Họ But mộc (Taxodiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tây Nam Hoa Kỳ, Mêhicô và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây gỗ lớn, có thể cao đến 50 m, có rễ khí sinh nổi trên mặt đất. Nếu cây mọc ở bờ nước, rễ khí sinh chồi lên khỏi mặt nước rất đẹp (vùng nguyên sản là cây mọc nơi đầm lầy). Do đó cây được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi ven hồ hay đất trũng ẩm ướt, có bùn. Vỏ cây màu nâu nhạt, nứt dọc. Tán lá hình trụ tròn. Cành nhiều, thưa và xòe rộng. Lá hình chỉ, mọc cách, xếp hai dãy trên một mặt phẳng. Lá rụng cùng với cành.

Nón đực tính cùng gốc. Nón đực cụm thành chùy ở đầu cành. Nón cái mọc riêng rẽ ở đầu cành già. Nón quả hình cầu hay hình trứng, vẩy nón quả dày, hóa gỗ hình khiên. Vẩy có 2 hạt dẹt, hình 3 cạnh lệch, có 3 cánh dày. Hạt nảy mầm trong bùn, đất ẩm.

Cây có dáng kỳ lạ, nhất là phần gốc xù xì, có rễ nổi hình trụ cao thấp khác nhau.

### III.B.7. CÂY HOÀNG ĐÀN (Ngọc am)

**Funeral or Weeping - Cypress**

***Chamaecyparis funebris* (Endl.) Franco**

**(*Cypressus funebris* Endl.; *C. pendula* Lam.)**

**Họ Bách (Cupressaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Bắc Việt Nam).

Cây gỗ lớn, cao tới 30 m, đường kính 80 cm. Thân tròn thẳng dáng đẹp, vỏ màu nâu xám trắng, tán dày đặc. Toàn thân có mùi thơm. Cành nhiều mảnh dẹt, màu xanh lục, bông rủ xuống. Lá hình vẩy, đầu nhọn, lưng có tuyến dọc. Tất cả cành lá đều mềm mại, đẹp và xanh quanh năm. Nón quả hình cầu, mỗi vẩy lấy 5 - 6 hạt, có cánh nhỏ.

Cây gỗ quý có dáng đẹp, ưa mọc vùng núi đá vôi có khí hậu mát, ẩm. Cây sinh trưởng chậm nên làm cảnh ở chậu được, nhưng thường gây trồng vùng núi cao làm cảnh cho các công trình kiến trúc cổ : chùa, miếu...

### III.B.8. CÂY KIM GIAO

*Decussocarpus wallichianus* (Presl.) de Laubenf.  
(*Podocarpus wallichianus* C. Presl.)

#### Họ Kim giao (Podocarpaceae)

Cây mọc vùng núi đá vôi miền Bắc và miền Trung nước ta, thường mọc lẫn lộn với các loài cây lá rộng (đặc biệt rừng quốc gia Cúc Phương - Ninh Bình, mới có rừng Kim giao thuần loại).

Cây gỗ trung bình, cao khoảng 20 - 25 cm, thân thẳng hình trụ cành mọc ngang đôi khi rủ xuống (để trồng làm cảnh thường chỉ trồng các cây tái sinh bằng hạt). Lá hình trái xoan đầu nhọn, gốc lá thuôn đều, mọc gần đối, phiến lá dày, cứng, nhẵn bóng, gân hình cung nổi rõ. Nón đực hình viên trụ, tập hợp 3 - 4 chiếc ở nách lá. Nón cái đơn độc ở nách lá. Hạt trần hình cầu có đế mập và cuống dài.

Cây gỗ quý có dáng đẹp nên có thể trồng làm cây phong cảnh hay hãm cho có dáng nhỏ trồng ở chậu làm cây uốn thế.

Cây được nhân giống chủ yếu bằng hạt. Hạt khó bảo quản nên khi thu hái nên trồng ngay. Cây ở vườn sau một năm đem trồng nơi cố định.

Ngoài ra, có thể khai thác cây Kim giao trung - *Decussocarpus fleuryi* (Hick.) de Laubenf., làm cây phong cảnh được.

### III.B.9. CÂY LIỄU SAM

*Cryptomeria fortunei* D. Don.

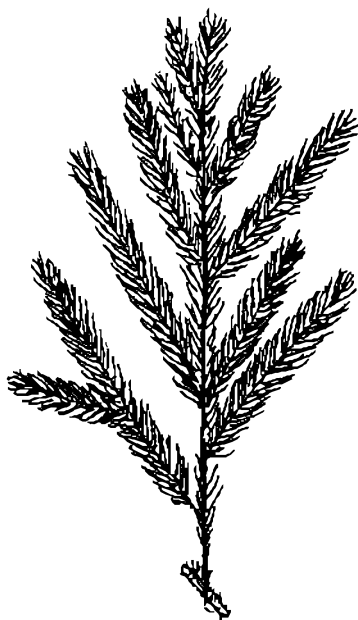
Họ Bụt mọc (Taxodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, và do có dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước để làm cảnh. Ở Việt Nam cây được nhập để gây trồng ở các tỉnh miền Trung và miền Bắc Việt Nam.

Cây gỗ lớn, có thể cao đến 40 m, ở nơi khí hậu ẩm mát, vùng núi đá vôi. Thân thẳng tròn, vỏ màu đỏ, cành nhánh nhiều xòe rộng. Lá nhỏ hình dùi, mọc vòng trên cành, màu xanh bóng rất lâu rụng. Cành mang lá rất đẹp. Nón đơn tính cùng gốc. Hạt non thường có cánh và chín trong 1 năm (Hình 88), rất khó mọc, do đó rất hiếm gặp cây tái sinh tự nhiên.

Cây ưa đất sâu vùng núi cao ẩm ướt, thường gây trồng bằng hạt ở vườn ươm. Cây con có thể hãm làm cây cảnh, cây uốn thế.

Cây có dáng đặc sắc có thể gây trồng làm cây phong cảnh nơi đình chùa vùng núi cao (chùa Yên Tử - Quảng Ninh).



H.88. Liễu sam -  
*Cryptomeria fortunei* D. Don

### III.B.10. CÂY LIỄU SAM NHẬT

*Cryptomeria japonica* (L.) D. Don

Họ Bụt mọc (Taxodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Nước ta đã nhập trồng ở Hà Nội, Quảng Ninh, Quảng Bình. Cây gỗ lớn, tán hình tháp tròn. Cành buông rủ xuống. Lá hình giải hẹp, cong có 3 - 4 cạnh màu xanh bóng. Nón cái hình cầu, màu đỏ nâu. Hạt có cánh.

Cây dáng đẹp, tái sinh tốt nên trồng làm cảnh, cây uốn thế ở chậu. Có thể trồng bằng giâm cành, chiết hay bằng hạt. Có thể nhập mấy chủng đẹp là :

*III.B.10.a - Cryptomeria japonica* D. Don var. *elegans* Beissn.

Lá chuyển từ màu xanh đậm sang màu đỏ nâu.

*III.B.10.b - Cryptomeria japonica* D. Don var. *spiralis* Keitch.

Cây có lá cong xếp xoắn lại trên cành. Cây nhỏ.

*III.B.10.c - Cryptomeria japonica* D. Don var. *nana* Knight.

Cây lùn cành nhánh dày, rất thích hợp ở hòn non bộ.

*III.B.10.d - Cryptomeria japonica* D. Don var. *pyramidalis* Carr.

Cây có tán lá hẹp dạng tháp, làm cây phong cảnh rất đẹp.

### III.B.11. CÂY SƠN THẾ (Thiên tuế biển)

**Ceylon sago, Sago Palm, Fern palm**

*Cycas circinalis* Linn.

(*C. rumphii*, *C. neocaledonica* Hort.)

**Họ Thiên tuế (Cycadaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, và mọc chủ yếu ở vùng núi ven biển, các đảo Thái Bình Dương (từ Ấn Độ, Srilanka qua miền Trung Việt Nam đến các đảo Molucca...)

Cây to, thân hình trụ, có thể cao đến 10 m (nhưng thường tạo cây lùn ở chậu). Lá dài, phía gốc có gai. Sóng lá phía trên tròn, mang hai dãy lá nhỏ, dạng kép lông chim. Lá nhỏ, mọc đối hay so le, nằm ngang hẹp, có 1 gân giữa, đầu nhọn, không gai.

Nón đực mang rất nhiều nhị, có mũi nhọn dài. Nón cái dạng chóp màu vàng, dài 25 - 40 cm. Hạt hình trứng nhẵn giống quả mận, lúc non màu xanh sau vàng, rồi đỏ (Ảnh 69). Cây có dạng khỏe xanh tươi trồng làm cảnh ở mọi chỗ đều rất phù hợp.

### III.B.12. CÂY SƠN TUẾ ĐẾ (Sơn tuế xiêm)

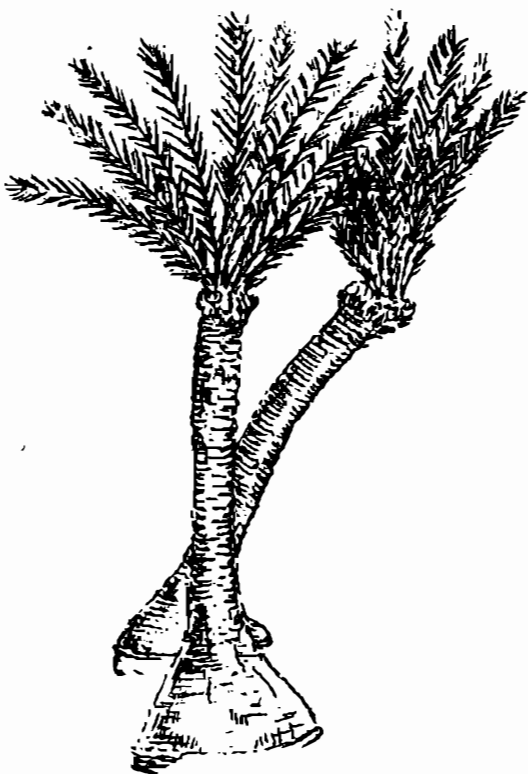
*Cycas de Siam*

*Cycas siamensis* Miq.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, Campuchia và Thái Lan, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước.

Cây có thân trụ cao 1 - 3 m, gốc phình rộng thành đế như củ, thân có đốt, gần như nhẵn ở gốc. Lá làm thành tán thưa, dạng kép lông chim, mọc tập trung ở đầu thân. Lá dài 50 cm, mang khoảng 50 - 60 đôi lá nhỏ. Lá nhỏ hẹp, đầu có mũi, cứng chung tròn có lông. Nón cái dài 5 - 7 cm, phần gốc mang noãn, hẹp, phần không sinh sản ở trên dạng phiến rộng, có 10 khía sâu, có lông dày (Hình 89). Cây trồng ở công viên, đất tốt thì có dáng cây mập lớn, còn trồng trong chậu thì nhỏ hơn.



H.89. Sơn tuế đế - *Cycas siamensis* Miq.

### III.B.13. CÂY THIÊN TUẾ

Burma sago

*Cycas pectinata* Griff.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mianma, Ấn Độ, Nepal được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Á. Cây cao 1 - 3 m, hình trụ lớn dần về phía gốc, có nhiều đốt sát nhau, xù xì do lá rụng để lại sẹo. Phần thân mang lá ở đỉnh lại phình lớn. Lá dài 1 - 2 m, mang hai dãy gai nhọn. Lá nhỏ xếp hai dãy đều đặn, dạng kép lông chim, mép hơi gấp lại xuống dưới và sóng lá lõm hình lòng thuyền. Lá nhỏ thẳng, đôi khi hơi cong có mũi nhọn cứng, nhọn, gân nổi rõ cả hai mặt (Ảnh 70).

Nón đực đơn tính. Nón cái gồm những lá noãn có lòng vàng, phần cuối cùng không sinh sản có dạng tròn, xẻ hình lược. Hạt lớn màu vàng, đường kính 3 - 4 cm, nhẵn bóng. Hạt đính trên thân khá lâu nên làm cho thân có dáng đẹp.

Hiện nay, nhân dân ta khai thác loài Thiên tuế này làm cảnh chỉ bằng các đoạn phình ra ở đầu thân mang lá hay tạo ra chồi bên.

### III.B.14. CÂY THIÊN TUẾ BẮC

*Cycas du Marquis de Bellefont*

*Cycas bellifonti* Lind. et Rod.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Thân mảnh và cao, phủ đầy những gai lớn và các sợi lông nhung màu xám tro. Lá dạng kép lông chim nhọn, mọc thẳng đầu hơi cong. Cuống thẳng đứng, gốc có gai mập hình tam giác thẳng. Lá phụ không cuống, đầu nhọn màu xanh đậm bóng. Cây già mới cho nón đực và nón cái, nhưng hạt rất hiếm.

### III.B.15. CÂY THÔNG HAI LÁ (Thông nhựa)

Pitch pin, Cord - pinet, Pin à deux feuilles

*Pinus merkusiana* Cool. et Gauss.

Họ Thông (Pinaceae)

Cây gỗ lớn, cao 30 - 35 m, thân thẳng tròn, có nhựa. Vỏ dày,

màu nâu nhạt, nứt dọc sâu. Lá màu xanh thẫm, hơi thô và cứng, thường tập trung 2 lá trong 1 bẹ ở cành. Nón cái già hình viên trụ hay trái xoan dài, mặt vẩy hình thoi, cạnh sắc, mép trên dày và hơi lồi, phía dưới dẹt, rốn hơi lõm. Hạt hình trái xoan hơi dẹt, có cánh mỏng. (Ảnh 71).

Cây trồng chủ yếu lấy nhựa, nhưng do dáng đẹp và sống lâu nên có thể trồng làm cảnh nơi công viên hay ở các biệt thự vùng thấp. Cây ưa sáng chịu được nắng hạn, vùng đồi đá. Cây non mọc chậm, làm cây trồng trong chậu, cây uốn thế hay cây trên các hòn non bộ. Gây trồng chủ yếu bằng hạt, trong vườn ươm, sau 1 năm bứng bầu đem trồng.

### III.B.16. CÂY THÔNG BA LÁ

Three leaf pine; Pin à trois feuilles

*Pinus kesiya* Royle. ex Cardon.

(*P. insularis* Endl. var. *khasya* Royle).

Họ Thông (Pinaceae)

Cây gỗ lớn, cao 30 - 35 m, thân thẳng tròn, vỏ dày, màu nâu sẫm, nứt dọc sâu. Cành thô màu nâu đỏ. Lá màu xanh thẫm, mềm, thường dạng kim dài, xếp 3 chiếc trong 1 bẹ ở đầu cành ngắn. Nón cái non dạng trứng viên chùy, dài 5 - 10 cm, thường quặp xuống hay hơi vắn veo. Vẩy quả có rốn hơi lồi, đôi khi có gai nhọn. Hạt có cánh.

Cây ưa khí hậu mát ở vùng núi, cây con mọc bằng hạt. Cây trồng làm cảnh cho các biệt thự núi cao hay trồng làm cảnh trong chậu, làm cây uốn thế.

### III.B.17. CÂY THÔNG LA HÁN (Kim giao lá to, La hán tùng)

Bamboo - juniper

*Podocarpus macrophyllus* (Thunb.) D. Don.

Họ Kim giao (Podocarpaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc được nhập trồng làm cảnh trong công viên, đình chùa, vườn nhà khắp nước ta. Cây gỗ lớn, cành nhánh nhiều, dài, mọc ngang hay rủ xuống. Lá

hình giải hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, gốc có cuống ngắn, màu xanh bóng ở mặt trên, hơi xám ở mặt dưới. Nón đực dạng bóng. Nón cái gần tròn, màu xanh. Hạt tròn mập màu tím nhạt trên đế lớn. (Ảnh 72)

Để trồng làm cây uốn thế, nhân dân ta thường chọn chủng :

### *III.B.17.a. Cây thông la hán cảnh*

*Maki commun, Maki foetens*

*Podocarpus macrophyllus* D. Don var *maki* (Sieb.) Endl.

Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành lá xum xuê, xanh quanh năm, mặt dưới lá có 2 vạch trắng trên nền xanh. Cây trồng bằng chiết cành và bằng hạt, dễ uốn, xén thành cây thế, trồng ở chậu. Cây chịu được bóng nên làm cây trang trí trong nhà đẹp.

### **III.B.18. CÂY THÔNG NÀNG (Bạch tùng, Thông lông gà)**

*Podocarpus imbricatus* (Bl.) de Laubenf.

**Họ Kim Giao (Podocarpaceae)**

Cây gỗ lớn, có thể cao tới 40 m, thân thẳng có nhiều cành nhánh xòe rộng, các cành ở dưới thường thông xuống. Vỏ màu nâu đỏ gỗ ghè, có nhựa màu đỏ nâu nhạt. Lá có 2 loại, ở cành non và cây con, lá hình giải xếp thành hình lông chim. Trên cành già cây trưởng thành hay cành mang nón quả, lá hình vẩy ngắn xếp lợp lên nhau.

Nón đực ở nách lá, nón cái màu đỏ. Hạt hình trứng dạng cầu, màu đỏ nhẵn bóng, rộng hơn đế nạc nhiều.

Cây trưởng thành ưa sáng, lúc non chịu bóng nên có thể trồng ở chậu. Cây chịu được lạnh ẩm, có dáng đẹp nhất là cây non, nên có thể làm cây cảnh, cây uốn thế.

### **III.B.19. CÂY THÔNG TRE (Kim giao, Trước đào)**

*Podocarpus neriifolius* D. Don

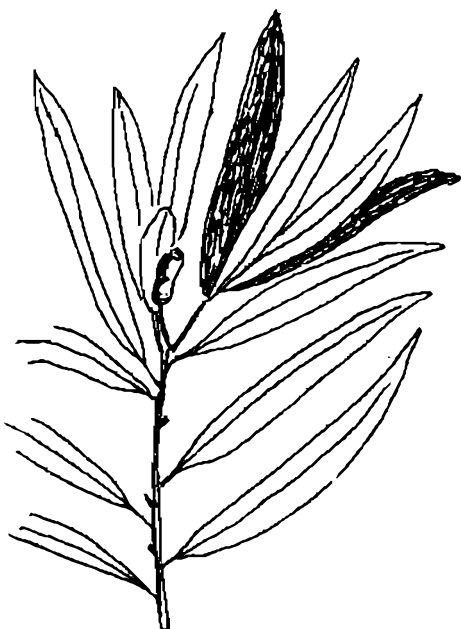
**Họ Kim giao (Podocarpaceae)**

Cây gỗ trung bình, thân thẳng, tròn, cành mọc vòng, vỏ màu nâu vàng. Lá mọc cách, dài, hẹp, có đường gân ở giữa nổi rõ ở mặt



trên, nhọn đầu, mép lá cong xuống phía dưới. Lá thẳng hay hơi cong lưỡi liềm.

Nón đực không cuống mọc đơn độc hay tập hợp 2 - 3 chiếc ở kẽ lá, gần đầu cành, khi non hình trứng, khi già hình trụ màu vàng. Nón cái mọc đơn độc trong một cuống có đế nạc, dẹt ở dưới, phình ở phía trên, 2 lá bắc dễ rụng. Hạt hình trứng hơi thót lại ở đỉnh, dài 1 cm. Vỏ dày, nạc, màu lam, dưới hạt có đế mập, khi chín mọng màu đỏ có phần trắng (Hình 90).



H.90. Thông tre - *Podocarpus neriifolius* D. Don

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya, Trung Quốc đến Tân Ghinê. Cây mọc khỏe, dáng đẹp, lại chịu được bóng, cần đủ ẩm và nhiều mùn, nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hay làm cây trang trí trong nhà. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, và hãm cây để có dáng thấp lùn làm cây uốn thế.

### III.B.20. CÂY THÔNG XANH (Thanh tùng, Thông đỏ)

**Yew; If; Commun yew, Fausses baies**

***Taxus baccata* L. var. *wallichiana* (Zucc.) Hook.  
(*Taxus wallichianus* Zucc.)**

**Họ Đinh tùng (Cephalotaxaceae)**

Cây gỗ lớn, cao khoảng 20 m phân cành nhánh nhiều, hơi buông thông xuống. Thân tròn, vỏ màu vàng, nứt dọc. Lá hẹp hình giải, đầu hơi nhọn, gốc có phiến không đều, xếp xoắn ốc trên các cành, phiến màu xanh đậm ở mặt trên, màu xanh xám nhạt ở mặt dưới và màu vàng nâu lúc khô.

Nón đục màu trắng. Nón cái nạc dạng thuôn, hạt có cơm đỏ, mập bao lấy gần hết quả thành một cùi lớn, chỉ để lộ một lỗ hạt ở giữa.

Cây có dáng và tán lá xanh quanh năm, làm cây phong cảnh rất phù hợp trong các công viên lớn, nơi bãi trống hay ven bờ nước, có thể nhập để trồng chũng có lá màu vàng làm cảnh đẹp hơn.

### III.B.20.a. *Cây Thông xanh lá vàng*

*Taxus bacata* L. var *aurea*-Hort.

Cây bụi, phân cành từ gốc, cành mọc thẳng đứng làm cho cây có dạng hình trụ hẹp. Lá màu vàng bóng lúc non, khi già màu vàng xanh.

### III.B.21. CÂY THÔNG ÚC

**Kauri pine, New Zealand Kauri**

***Agathis australis* Steud.**

**Họ Bách tán (Araucariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tân Tây Lan, Australia. Nơi nguyên sản là cây gỗ lớn, cho bóng mát, và trồng rừng. Nước ta mới nhập giống, trồng làm cây cảnh ở chậu. Thân thẳng, nhánh mọc ngang, lá non thuôn hình giải, màu xanh bóng. Nón dạng bầu dục.

Cây đẹp dễ trồng.

### III.B.22. CÂY TÔ HẠP BÁCH (Viên trùng, Bách xanh)

**Incens Cedar, Bois d'encens**

***Calocedrus macrolepis* Kurz.**

**(*Libocedrus macrolepis* Benth. et Hook.)**

**Họ Bách (Cupressaceae)**

Cây gỗ lớn, thẳng, phân cành nhánh nhiều, có dạng thẳng, đẹp. Lá dạng vẩy dẹt răn reo xếp áp sát cành, thường có 4 lá ở một vòng cành, đầu lá có mũi nhọn. Lá màu xanh đậm bóng, tán xòe tròn hay khi gãy trồng tạo dáng tháp nhọn. Nón cái có 6 vẩy xếp đối nhau, màu nâu đỏ nhạt hay vàng nhạt khi chín. Hạt có cánh xếp đôi một trong vẩy (Ảnh 73). Cây xanh quanh năm, trồng làm cây phong cảnh ở vùng núi cao hay hãm làm cây cảnh trong chậu.

### III.B.23. CÂY TRẮC BÁCH DIỆP (Trắc bá)

Chinese Arbor-vitae; Biota d'orient,  
Arbre de vie, Thuja de chine

*Thuja orientalis* L. (*Biota orientalis* (L.) Endl.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta.

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều từ gốc, các nhánh xếp theo những mặt phẳng thẳng đứng, có dạng dẹt. Thân thường hơi vặn, vỏ màu nâu đen, nứt dọc sâu. Lá mọc đối, dạng vẩy, dẹt, xếp thành 4 hàng. (Ảnh 74).

Nón cái hình trứng hay gần hình cầu ở gốc cành nhỏ, ngắn, chỉ có 3 - 4 đôi vẩy dẹt. Hạt màu nâu, hình trứng vỏ cứng, nhẵn, không có cánh. Thân và hạt có dầu thơm.

Cây có dáng đẹp thường có dạng hình chóp, mọc dày đặc nhưng có thể tỉa xén thành các dạng khác nhau làm cây cảnh ở vườn hay trong chậu rất phù hợp.

Hiện nay trên thế giới, các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau. Ở đây trình bày một vài chủng đẹp:

*III.B.23.a. Thuja orientalis* Endl. var. *aurea* Hort.

Cây có tán dày, hình cầu. Lá cành màu vàng kim vào mùa xuân sau đó chuyển màu xanh bóng.

*III.B.23.b. Thuja orientalis* Endl. var. *aurea-nana* Hort.

Cây lùn, tán dày, lá cành màu vàng kim.

*III.B.23.c. Thuja orientalis* Endl. var. *aurea-variegata* Hort.

Tán hình tháp, cành có vân vàng.

*III.B.23.d. Thuja orientalis* Endl. var. *falcata* Lindl.

Tán hình tháp dày, lá màu xanh cong lưỡi liềm.

*III.B.23.e. Thuja orientalis* Endl. var. *filiformis stricta* Hort.

Cây lùn, tán tròn lá xanh đậm xếp xoắn ốc.

*III.B.23.g. Thuja orientalis* Endl. var. *pyramidalis* Endl.

Tán lá dạng tháp nhọn, lá xanh bóng, đẹp.

*III.B.23.h. Thuja orientalis* Endl. var. *semperaurescens* Veitch.,  
Cây lùn, tán hình cầu, lá màu vàng xanh quanh năm.

### III.B.24. CÂY TRẮC BÁCH DIỆP LỚN XOẮN

Western Red Cedar

*Thuja plicata* D.Don. (*T. gigantea* Nutt., *T. lobbii* Hort.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (bờ biển Thái Bình Dương của Hoa kỳ và Tây Canada) và được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở nhiều nước.

Nơi nguyên sản cây rất lớn, nhưng gây trồng làm cảnh trở thành cây bụi nhỏ cao 1 - 2 m, trồng ở chậu được. Vỏ thân màu nâu đỏ xám, cành mọc ngang, đôi khi rủ xuống. Lá hình vẩy, lớn hơn loài trên. Nón cái màu nâu. Loài này hiện nay được tạo thành nhiều chủng đẹp như :

*III.B.24.a. Thuja plicata* D.Don var. *pyramidalis* Hort.

Có thân dạng tháp, hẹp, lá màu xanh đậm.

*III.B.24.b. Thuja plicata* D.Don var. *zebrina* Hort.

Thân dạng trụ, thẳng đứng. Lá màu xanh xen với lá màu vàng xoắn lại với nhau.

### III.B.25. CÂY TÙNG MỐC

Portuguese cypress, Cyprès de Lusitan, Cyprès glauque

*Cupressus lusitanica* Mill.

(*C. glauca* Lam., *C. sinensis* Hort.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Méhicô, Portugal (Nam châu Mỹ).

Cây gỗ, nhỡ cao khoảng 15 m, vỏ màu đỏ. Lá dạng vẩy xếp không áp sát vào cành và xếp 4 dãy đều nhau quanh cành, màu xanh trắng hơi mốc. Nhánh cành hơi dẹt.

Nón đực là bông, dài 10 cm. Nón cái tròn.

Cây có dáng tán đẹp, thuần nhọn dạng tháp, nhánh dẹt và màu xanh mốc rất đặc sắc. Cây trồng chủ yếu làm cảnh vùng núi cao, khí hậu mát, ẩm.

### III.B.26. CÂY TÙNG NGẮN (Bách xoắn, Phát dũ tùng)

Himalayan Cypress, Cypress

*Cupressus torulosa* D.Don. (*C. nepalensis* Loud.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây gỗ cao 15 - 20 m, vỏ màu nâu đỏ, nhánh hình trụ hơi có 4 cạnh. Lá màu xanh lục sẫm; bóng xếp lợp sát nhau, nhẵn, tươi, có mép khía răng nhỏ, xếp 4 hàng. Nón đực, màu vàng nhạt. Nón cái mọc cụm hình cầu màu lục, gồm 6 - 8 vẩy có mũi nhọn ngắn.

Cây có dáng đẹp gây trồng làm cảnh nhiều, làm cây đường phố hay hãm nhỏ để trồng ở chậu. Có 1 chủng đẹp là :

III.B.26.a. *Cupressus torulosa* D.Don. var. *corneyana* Mast.

Cây có tán hình tháp thuôn cành buông rủ xuống. Nón cái thuôn rộng.

### III.B.27. CÂY VẠN TUẾ (Thiên tuế uốn)

Sago Palm, Japan sago, Crozier cycas, Bread palm,  
Funeral palm; *Cycas revoluta*

*Cycas revoluta* Thunb. (*C. taiwanensis* Miq.)

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng ẩm ướt châu Á nhiệt đới (Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ) có dáng đẹp nhất nên được gây trồng làm cảnh nơi chùa đình.

Cây có thân hình trụ cao 2 - 3 m, ít khi chia nhánh. Lá mọc thành vòng, dày đặc ở đỉnh thân. Lá dài đến 2 m hình lông chim, cuống có gai, lá nhỏ thuôn về phía gốc và đỉnh. Phiến lá nhẵn bóng, màu xanh đậm, cứng, đầu có gai nhọn. gân lồi trên phiến và mép hơi gấp lại.

Nón đực hẹp, dài 25 - 28 cm, rộng 4 cm. Nón cái dạng phiến, dài tới 20 cm, có lông màu hung vàng dày, phần không sinh sản rộng, mép chia thành nhiều giải hẹp, cong và có mũi nhọn. Hạt hình trái xoan dẹt, non có lông sau nhẵn, màu da cam. (Ảnh 75)

### III.B.28. CÂY VẠN TUẾ CHÌM (Vạn tuế trung)

*Cycas immersa* Craib.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Thân cao đến 1 m, lá dài 70 cm, kép lông chim. Lá phụ dài 15 cm, rộng 1 cm, đầu nhọn như gai, mặt lá xanh bóng lôm. Nón đực dài 20 cm, nón cái dạng vẩy phủ đầy lông, mép chia sợi sâu có 2 noãn.

### III.B.29. CÂY VẠN TUẾ MỸ

Jamaica sago tree

*Zamia pumila* L.

Họ Tuế mỹ (Zamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico (châu Mỹ) mới nhập gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây thân cột lùn, dạng củ mập, lá kép lông chim lớn, tập trung ở đỉnh thân. Lá phụ lớn dày, có cạnh và khía ở đỉnh màu xanh đậm. Nón đực dài 10 cm, nón cái ngắn hơn.

### III.B.30. CÂY VẠN TUẾ NAM (Sâm tuế)

*Cycas micholitzii* Dyer.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây mọc rải rác trong rừng ẩm nam Việt Nam, thân rất ngắn, u dày gần như nhẵn, màu nâu nhạt. Lá dạng kép lông chim, mềm, màu xanh nhạt uốn cong ra ngoài. Nón đực ít thấy, nón cái có noãn nhỏ. Hạt tròn lớn.

### III.B.31. CÂY XA MU (Thông mù)

Broad leaved china Fir, Samou

*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook.f.

(*C. sinensis* R. Br.)

Họ Bụt mọc (Taxodiaceae)

Cây gỗ lớn, cao đến 30 m. Vỏ màu nâu đậm, nứt dọc và bong

vẩy. Cành nhánh lớn, mọc ngang hay hơi cong xuống. Lá thuôn hẹp, cứng, thẳng hay cong, đầu nhọn. Mép có răng nhỏ và phiến nổi rõ 3 gân, mặt trên xanh bóng, nhẵn, mặt dưới mốc hay trắng vàng. Nón đực mọc ở đầu cành, nón cái mọc đơn độc hay chụm nhau, hình trứng. Vẩy mỏng có đỉnh hình tam giác, đầu có mũi nhọn, gốc mỗi vẩy có 3 hạt. Hạt hình trái xoan có cánh hẹp.

Cây mọc chủ yếu ở các tỉnh vùng núi miền Bắc nước ta và nam Trung Hoa. Nhưng được gây trồng nhiều để lấy gỗ và làm cảnh vùng núi cao.

### III.C. NHÓM CÂY LÁ RỘNG : NGÀNH THỰC VẬT HẠT KÍN

#### III.C.1. CÂY ẨM KIẾM

*Episcia cuivré*, Flame violet.

*Episcia cupreata* Hanst.

(*Achimenes cupreata* Hook.; *Cyrtodeira cupreata* Hanst.)

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi (Nicaragua), được gây trồng làm cảnh khá phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta, từ vùng núi xuống đồng bằng. Cây dễ trồng, ít đòi hỏi đất, chịu được bóng, nhân giống bằng các đoạn cành có rễ hay tách chồi ở gốc.

Cây thân cỏ mọc bò dài, thường được trồng trong các chậu treo cao để cành dài buông xuống hay vươn ra. Thân mọng dày, có lông và có rễ. Lá xếp sát nhau và tỏa tròn. Phiến lá dày màu xanh bóng có nhiều đốm trắng theo các mép chia thùy nông tròn. Gân lá nổi rõ, đẹp. Cây dùng để trang trí bằng lá, nhưng cho hoa rất đẹp.

Cụm hoa trên cuống chung dài, vươn ra hay buông xuống, mang 1 - 2 hoa. Hoa có kích thước trung bình. Cánh đài màu xanh có lông. Cánh tràng màu đỏ hợp thành ống dài, cong và loe rộng ở đỉnh, trên chia 2 môi gồm 5 thùy gần bằng nhau, dạng tròn đều. (Ảnh 76) Cây có hoa nở gần quanh năm.

Loài này có nhiều chủng cho lá màu sắc khác nhau, có thể sơ bộ kể :

III.C.1.a. Cây Ẩm kiểm bạc.

*Episcia cupreata* Hanst. var. *arlequin* Hort.

Lá xám bạc, mép lá màu nâu và có 1 vài vạch nâu trên phiến, giữa các gân. Hoa đỏ.

III.C.1.b. Cây Ẩm kiểm đốm

*Episcia cupreata* Hanst. var. *viridifolia* Hort.

Lá xanh có điểm các đốm nhỏ màu trắng. Hoa trắng.

III.C.1.c. Cây Ẩm kiểm trắng

*Episcia cupreata* Hanst. var. *acajou* Hort.

Lá màu hung có vạch trắng dọc gân chính và phụ.



### III.C.2. CÂY BÁN HÀ VÀN

*Xanthosoma plowmanii* Schott. var. *albolineata* Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ). Cây thảo có củ. Lá mọc sát đất, cuống dài 10 - 40 cm, phiến lớn chia thùy, gân chân vịt. Thùy giữa lớn, 2 thùy mỗi bên dính nhau, màu xanh bóng nổi rõ các vạch trắng theo gân lông chim. Cụm hoa dạng bông dày có mo trắng ngà.

Cây đẹp trồng ở chậu hay treo ở quang.

### III.C.3. CÂY BÁN TỰ CẢNH

*Hemigraphis coloré*

*Hemigraphis alternata* (Burm. f.) T. and.

(*H. colorata* (Bl.) Hall. f.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ mọc bò dài, phân chia cành nhánh nhiều, cành non có lông. Lá đơn mọc đối, màu đỏ ở mặt dưới, màu xanh bóng có lông thưa ở mặt trên, lá thuôn tròn hay hình tim ở gốc, mép chia răng nông không đều, gân lá nổi khá rõ.

Cụm hoa ở đầu cành hay từ các nách lá phía đỉnh, dạng bông dày. Hoa màu trắng hay đỏ, gốc có lá bắc lớn, cao đến 2 cm, xếp lợp, che các hoa lúc non. Hoa có cánh hợp thành ống, trên chia thùy nông. Quả nang (Hình 91).



H.91. Bán tự cảnh -  
*Hemigraphis alternata* T.And.

Cây có thân bò dài lá đẹp, nên thường được gây trồng làm cảnh trong các chậu hay bồn hoa. Cây mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều, có thể gây trồng bằng hạt, giâm cành hay các đoạn thân cành tiếp xúc với đất có rễ.

### III.C.4. CÂY BÙ CU ĐỐM (Hồng tuyết diệp)

Snow bush, leaf flower.

*Breynia disticha* Forst. var. *rose - picta* Hort.

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Pôlynêsi, mới nhập trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ dạng bụi, phân cành nhiều, dài, mềm màu hồng. Lá thuôn trái xoan phẳng, mỏng màu xanh bóng nhạt điểm các đốm trắng, hồng, có khi chiếm hết phiến lá.

Cây đẹp làm cây trang trí trong vườn hay ở chậu bầy trong nhà.

### III.C.5. CÂY CÀNG CUA CÁNH (Lá Cẩm thạch)

*Péperomia de Sanders*; *Ballon de Rugby*

*Peperomia argyreia* (Miq.) E. Morr.

(*P. sandersii* A. DC. var. *argyreia* Hort.;

*P. arifolia* Miq. var. *argyreia* Hook.; *P. sandersii* DC.)

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil, Venezuela, Bolivia) vì có lá rất đẹp, nên được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước trên thế giới.

Cây thân cỏ mọc ở đất hay gần như sống phụ, do đó gây trồng cần rất ít đất. Cây mọc bụi nhỏ, thân nạc. Lá mọc sát gốc, dày, nạc, dạng trái xoan thuôn nhọn ở đầu và tròn ở gốc. Phiến màu xanh bóng với các giải màu xanh đậm vòng theo các gân. Cuống lá dính ở gần gốc phiến (dạng hình khiên). (Hình 92).

Cụm hoa hiếm thấy, dạng bông dài, mọc thẳng đứng, nổi rõ trên đám lá dày đặc ở dưới.



H.92. Càng cua cánh - *Peperomia argyreia* E. Morr.

Cây có thể gây trồng bằng tách bụi. Cây chịu bóng một phần nên làm cây trang trí trong phòng hay ở vườn cũng được.

### III.C.6. CÂY CÀNG CUA ĐỔM

**Pepper face, American rubber plant variegata,  
Peperomia maculé**

***Peperomia maculosa* Hook.**

**Họ Hồ tiêu (Piperaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ (Brazil,...).

Cây thân thảo lùn nhưng mập khỏe, thân đơn hay hơi phân nhánh, mọc cao 15 - 25 cm. Lá mọc dày đặc, trái rộng, hình giáo trái xoan, phiến dày, màu xanh đậm bóng ở mặt trên, và nổi rõ các đường gân màu xám nhạt. Mặt dưới lá màu xanh bóng phủ lông mảnh. Cuống lá màu xám, có nhiều vạch màu đỏ sậm, giống như thân và cuống hoa. Cụm hoa là bông dày đặc, dài đến 40 cm và đậu thành quả dễ dàng.

Cây có dáng đẹp và lá đặc sắc, thường được gây trồng trong các chậu, bồn hoa làm cây trang trí, lá mọc dày đặc, phủ kín mặt đất, trên nổi cao các cụm hoa mảnh.

### III.C.7. CÀNG CUA TRÒN

***Peperomia obtusifolia* Hort.**

**Họ Hồ tiêu (Piperaceae)**

Cây thân cỏ mọc thẳng đứng, thân mập tròn đều. Lá mọc cách đều đặn, dạng thuôn bầu dục, tròn ở đỉnh, thuôn kéo dài thành bẹ ở gốc. Lá màu xanh bóng, dày, mập, gân từ gốc rõ. Cụm hoa dạng bông, ít gập.

Cây có lá đẹp và xanh quanh năm, lại chịu được bóng nên làm cây trang trí trong phòng được. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, ít đòi hỏi chăm sóc, cần đủ ẩm, mát. Cây trồng ở chậu hay gắn vào các hòn đá được.

### III.C.8. CÂY CAO CẰNG (Xà thảo nhật, Mạch môn)

Herbe aux turquoises, Lily turf, Muguet du Japon

*Ophiopogon japonicus* (L.f.) Ker- Gawl.

(*Flueggia japonica* L. C. Rich.)

Họ Cao cẳng (Convallariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật bản). Ở Việt Nam cây mọc hoang dại trong các rừng ẩm thường xanh vùng núi cao miền Bắc và miền Trung.

Cây thân cỏ, sống lâu năm, có củ và chồi dài, thân rất ngắn làm cho lá như mọc sát đất, đôi khi rễ chồi khỏi mặt đất, đưa thân lên cao như đi cà kheo. Lá hình dải hẹp, mảnh, xếp 2 dãy, nhẵn, hơi có răng rấp ở mép, màu xanh đậm đầu cong rũ xuống, có 5 - 7 gân dọc. (Hình 93).



H.93. Cao cẳng - *Ophiopogon japonicus* Ker- Gawl.

Cụm hoa hình chùm mọc thẳng đứng, dài 10 - 20 cm. Hoa nhỏ tập trung ở đỉnh cuống chung, màu lam nhạt, thường xếp 1 - 3 hoa ở nách lá bắc màu trắng. Quả mọng màu tím. Có vài chủng làm cảnh đẹp là :

#### III.C.8.a. Cây Cao cẳng cảnh

*Ophiopogon japonicus* Ker- Gawl. var. *intermedia* Don.

Cây lớn hơn, lá rộng hơn có 7 - 9 gân dọc. Cụm hoa lớn cao khoảng 30 - 40 cm, mang hoa to hơn, mọc đơn độc hay hai chiếc ở gốc lá bắc.

### III.C.8.b. Cây Cao cẳng trở

*Ophiopogon japonicus* Ker- Gawl. var. *variegatus* Hort.

Cây có lá vằn.

Cả hai cây đều có dáng đẹp, hoa và quả có màu đặc sắc, nên được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa hay trong các chậu nơi mát (cây chịu bóng được một phần). Gây trồng dễ dàng bằng cách tách các chồi hay bằng củ.

### III.C.9. CÂY CAO CẮNG VẠCH

Jaburan snake's heard, *Ophiopogon à feuilles panachées*

*Ophiopogon jaburan* Lodd.

Họ Cao cẳng (Convallariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước. Cây thân cỏ, nhỏ bé, rễ phình thành củ. Lá hình dải hẹp thẳng; gân nhỏ dày đặc. Cụm hoa dạng chùy hẹp, phân nhánh ngắn, mang hoa tập trung từng nhóm 6 - 9 chiếc. Hoa màu trắng đến màu tím. Để làm cảnh, các nhà vườn tạo ra các chủng có màu sắc lá khác nhau :

III.C.9.a. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *aureus variegatus* Hort.

Cây có lá xanh với các vạch vàng.

III.C.9.b. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *argenteus variegatus* Hort.

Cây có lá xanh với các đốm trắng bạc.

III.C.9.c. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *argenteus vittatus* Hort.

Cây có lá xanh với các vạch trắng.

III.C.9.d. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *caeruleus* Hort.

Cây có hoa màu xanh.

### III.C.10. CÂY CÔ CA CẢNH

Cocain plant

*Erythroxylum novagranatense* (Morris) Hieron

Họ Cô ca (Erythroxylaceae)

Cây có lẽ có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Mỹ (Peru, Bolivia...)

Cây bụi, cao khoảng 2 - 2,5 m, nhưng thường cắt xén hay giâm cành làm thành các bụi thấp làm cây viền các bồn hoa, dọc theo lối đi, hay làm hàng rào thấp. Lá đơn mọc cách đều đặn, luôn luôn xanh nhạt bóng, mềm mại. Phiến lá nguyên, thuôn tròn đều cả hai đầu, cuống ngắn, mảnh. Cụm hoa nhỏ bé, mang 3 - 10 hoa đều, lưỡng tính mọc ra ở nách lá. Hoa nhỏ, màu vàng xanh, hay vàng nhạt, thơm. Quả chín đỏ thuôn dài, gốc có cánh dài còn lại, đầu có mũi ngắn.

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân, cành hay bằng hạt. Giâm cành trong đất ẩm ướt và thoáng, các đoạn thân chónh có rễ và cho chồi.

### III.C.11. CÂY CÔ TÔNG (Đuôi lươn)

Croton, variegated Laurel

*Codiaeum variegatum* (L.) Bl. var. *pictum* (Lodd.) Muell.-Arg.; (*C. pictum* Hook.; *Croton variegatus* L.)

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, thân có nhựa mủ đục, phân cành nhánh nhiều, thường cắt tỉa thành cây nhỏ làm cây cảnh ở chậu. Lá cứng có hình dạng và màu sắc thay đổi tùy từng dạng thường từ hình giải hẹp, hình bầu dục đến hình trứng hơi tròn. Lá nguyên hay thắt lại ở giữa đến tận gân chính làm lá chia 2 phần. Mép lá nguyên hay chia thành thùy lớn. Màu sắc từ màu xanh lục, trắng, vàng hay đỏ, một màu hay nhiều màu lẫn lộn thành các mảng hay đốm.

Hoa đơn tính cùng gốc hay khác gốc. Cụm hoa nhỏ dài ở ngọn thân hay nách lá, thường cong ra, mang nhiều hoa. Quả nang nhẵn. Hạt có vân, nhiều màu (Ảnh 77).

Cây được gây trồng thông thường vì lá đặc sắc, nhiều dạng, nhiều màu sắc, lại dễ trồng. Cây được nhân giống bằng các đoạn cành, có thể lai ghép cho nhiều dạng lá với màu sắc khác nhau, tăng vẻ đẹp của cây cảnh.

Sau đây là một vài dạng phổ biến :

*III.C.11.a. Cây Cỏ tông lá rộng*

*Codiaeum variegatum* BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *platyphyllum* Pax.

Cây có phiến lá rộng ra ở giữa.

*III.C.11.b. Cây Cỏ tông 3 thùy*

*Codiaeum variegatum* BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *disraeli* Bail.

Cây có lá chia 3 thùy tròn nông.

*III.C.11.c. Cây Cỏ tông lá mũi*

*Codiaeum variegatum* BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *cornutum* Andre.

Cây có lá hẹp, dài, đỉnh có gân chính kéo dài thành mũi.

*III.C.11.d. Cây Cỏ tông lá vện*

*Codiaeum variegatum* BL. var. *pictum* Muell. - Arg. form. *spirale* Bail.

Cây có lá hẹp dài và vện xoắn lại.

*III.C.11.e. Cây Cỏ tông lá nhăn*

*Codiaeum variegatum* Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *crispum* Muell- Arg.

Cây có lá hẹp dài, mép rần reo gợn sóng hay thất vện.

*III.C.11.g. Cây Cỏ tông lá đốt*

*Codiaeum variegatum* Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *interruptum* Bail.

Cây có lá hẹp dài thất thành nhiều đốt đến gần gần giữa.

*III.C.11.h. Cây Cỏ tông lá mũi*

*Codiaeum variegatum* Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *appendiculatum* Celak.

Cây có lá thuôn dài, đầu lá có gân kéo dài thành mũi dạng phiến nhỏ.

*III.C.11.i. Cây Cô tông lá sợi (Cây đuôi lợn)*

*Codiaeum variegatum* Bl. var. *pictum* Muell. – Arg., form. *taeniosum* Muell- Arg.

Cây có lá hẹp, dài mảnh, màu đậm.

Ngày nay các nhà làm vườn trên thế giới đã tạo ra nhiều dạng Cô tông có màu sắc và dạng lá kỳ lạ hơn và đặt theo các tên người, do đó số lượng dạng rất phức tạp.

**III.C.12. CÂY CÚC KIM THẮT**

**Scrambling Gynura**

***Gynura procumbens* (Lour.) Merr. (*G. sarmetosa* D.C.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây mọc hoang dại vùng đồng bằng miền Bắc và vùng đồi núi Nam Trung Bộ nước ta, đôi khi trồng làm cảnh.

Cây thân cỏ mọc bò, trườn dài, có thể sống dựa, cao đến 1 m. Thân dài phân nhánh nhiều và có khía dọc. Lá dày thuôn dài, đầu nhọn, gốc kéo dài thành cuống, mép chia thùy không đều và khía răng. Phiến lá, màu xanh hơi tía ở mặt trên, xanh đậm dọc theo các gân, mặt dưới lá màu xanh nhạt. Cụm hoa ở đỉnh thân, cuống chung dài mang nhiều cụm hình đầu, cao khoảng 2 cm. Lá bắc tổng bao ngắn, màu tía. Hoa ở trong hình ống màu vàng, quả có lông ở đỉnh.

**III.C.13. CÂY CÚC KIM THẮT NHUNG**

**Velvet plant, Gynura orangé**

***Gynura aurantiaca* (Bl.) DC.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á.

Cây thân cỏ, mập, bò. Thân dày mọng nước, phủ lông cứng màu tía tím. Lá mọc cách, mập, dày, hình trái xoan nhọn, mép khía răng lớn, hay chia thùy rộng. Gốc lá kéo dài thành bẹ. Lá ở gốc, cuống có cánh, lá ở ngọn gần như không cuống. Cụm hoa dạng đầu trên cuống chung dài. Hoa màu đỏ cam, hay vàng. Cây làm cảnh



đẹp ở các chậu, treo hay trên kệ, cành lá vươn dài, mềm, chịu bóng một phần. (Ảnh 78).

Để trồng làm cảnh đẹp, thường chọn chủng :

*III.C.13.a. Cây Kim thất hung thuần*

*Gynura aurantica* DC. var. *ovalis* DC.

Cây cho lá có dạng hình trái xoan dày, phủ đầy lông không có khía răng ở mép. Cụm hoa dạng đầu có ít hoa màu vàng.

*III.C.13.b. Cây Kim thất hung tía*

*Gynura aurantica* DC. form *purple* Hort.

Cây cho lá có khía răng sau không đều nhau, mặt lá màu tím lam ở mặt trên, tím đậm tía ở mặt dưới. Đây là dạng được gây trồng phổ biến nhất, vì vừa làm cảnh bằng lá, lại cho hoa đẹp.

**III.C.14. CÂY ĐÈN LỬA**

Summer Poinsettia; Chinese spinach, Tricolor aurea,

Eclatante; Soleil levant, Brède de Madagascar

*Amaranthus tricolor* L. var. *splendens* Bail.

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Mỹ và châu Phi.

Cây thân cỏ, cao 1 - 1,5 m (thường lùn hơn để trồng trong các chậu), nhẵn, và có nhiều khía dọc màu đỏ. Lá đơn dạng bầu dục thuần dài có mũi ở đỉnh, gốc kéo dài thành cuống. Phiến lá màu tía, các lá ở đỉnh có màu sắc thay đổi, thường đỏ sẫm từ ngọn xuống cuống hoặc có một khoanh lớn màu đỏ vàng ở giữa, mép lá nguyên hay chia thùy nhỏ không đều, gân lá nổi rõ, mảnh. Toàn bộ lá và cuống đều có màu tía đậm hay nhạt, đỏ sáng hay tối đậm.

Cụm hoa gồm nhiều xim ở nách lá, làm thành bông dày đặc, màu đỏ tía. Quả nang, hạt đen (Ảnh 79)

Cây có chùm lá rất lộng lẫy, sắc sỡ làm cảnh ở bồn hoa hay theo lối rất đẹp. Cây dễ trồng bằng hạt, ưa nắng chịu được nóng, ươm gieo ở vườn, sau khi có cây con, bứng trồng ở chậu.

Cây có nhiều dạng lai rất đẹp, do các nhà vườn tạo ra.

### III.C.15. CÂY DỆU BÒ TÍA (Diếc bò tía)

**Khaki weed**

***Alternanthera repens* (L.) O. Ktze. forma *rubra* Hort.**

**Họ Rau dền (Amaranthaceae)**

Cây thân cỏ bò, hơi cứng, phân cành nhánh nhiều có lông trắng ngắn, tập trung chủ yếu ở đốt. Lá mọc đối hình mũi mác, thuôn đều hai đầu, mép nguyên màu đỏ tía

Cụm hoa ở nách lá dạng gần hình tròn, mang nhiều hoa không cuống, màu trắng. Quả bé 1 hạt.

Cây được gây trồng làm cảnh do màu lá đẹp, lại mọc bò dài phủ kín đất. Cây mọc khỏe dễ trồng bằng các đoạn cành hay hạt.

### III.C.16. CÂY DỆU BÒ VẦN

**Calico plant**

***Alternanthera ficoidea***

**Họ Rau dền (Amaranthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ) gây trồng làm cây phủ đất, hay viền lối đi, bông hoa rất đẹp. Cây thân cỏ sống lâu năm, phân cành nhiều, lá mọc đối sát nhau, màu xanh bóng với các viền mép loang lổ màu trắng cụm hoa nhỏ hình đầu, màu trắng. Quả bé 1 hạt. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành.

Gần đây có nhập trồng thêm 1 chủng đẹp là :

Cây Dệu bò vần đỏ - *Alternanthera ficoidea* var. *betzickiana* Hort. (Red calico plant)

### III.C.17. CÂY DỆU CẢNH (Dền kiếng)

**Copper alternanthera; Copper leaf; *Alternanthera aimable***

***Alternanthera amabilis* Versch.**

**Họ Rau dền (Amaranthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) được gây trồng phổ biến ở các nước nhiệt đới làm cây cảnh, cây hàng rào và cây ven lối đi.

Cây thân cỏ mọc thành bụi dày như thảm cỏ, chỉ cao 8 - 10 cm. Lá nhỏ bé dạng trái xoan, thuôn nhọn cả hai đầu, có cuống dài. Lá mọc đối, phiến màu đỏ tươi, pha màu xanh hay vàng, dày, bóng, nhẵn.

Cụm hoa nhỏ ở nách lá, hoa nhỏ bé xếp dày đặc. Quả bé có 1 hạt.

Cây mọc khỏe dễ trồng, dễ chăm sóc, cho lá dày đặc làm cây phủ đất. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân, cành. Chỉ sau 8 - 10 ngày, các đoạn thân cành đã cho rễ và chồi.

Hiện nay, nhân dân ta thường trồng 2 chủng là :

*III.C.17.a. Alternanthera amabilis* Versch. var. *amoena* Hort.

Cây có lá chỉ có 1 màu đỏ son, do đó cây trồng khảm với các cây có lá màu khác trong bồn hoa rất đẹp.

*III.C.17.b. Alternanthera amabilis* Versch. var. *tricolor* Hort.

Cây có lá rộng, dạng bầu dục, mép màu xanh, ở giữa màu đỏ vàng.

### III.C.18. CÂY DONG TÍA (Huỳnh tinh kiểng)

**Player plant, Chiefly; Maranta de deux couleurs**

***Maranta bicolor* Gawl. (*Calathea bicolor* Steud.)**

**Họ Củ dong (Marantaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) và được trồng làm cảnh rất phổ biến ở nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây mọc thành bụi thấp, dày, tỏa rộng, cao 15 - 30 cm, gốc thân có củ. Lá hình trái xoan hay gần tròn, dài 10 - 20 cm, đầu thuôn có mũi, gốc tròn hay hơi hình tim, mặt trên lá màu xanh xám hay hơi mốc với các đốm màu nâu, mép lá màu xanh đậm có 2 giải vân màu xanh đậm bóng nằm giữa phiến gần mép hơn là gân chính. Mặt dưới lá màu đỏ tía, nhẵn bóng.

Cụm hoa trên cuống chung mập, dài mang nhiều hoa nhỏ bé, màu trắng có sọc đỏ. Cây được gây trồng chủ yếu bằng củ tách từ các bụi dày.

### III.C.19. CÂY DONG VẦN (Huỳnh tinh vắn)

*Maranta leuconeura* Ed. Morr.

Họ Củ dong (Marantaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ nhiệt đới) được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở nhiều nước khác.

Cây mọc thành bụi thưa hay dày đặc, lùn, cao khoảng 15 - 30 cm. Lá thuôn bầu dục, tùy theo hình dạng và màu sắc các vân đốm mà chia ra các chủng khác nhau. Cụm hoa nhỏ, mọc thẳng đứng trên cuống chung mảnh như cuống lá và lộ ra ngoài đám lá. Lá bắc ở gốc cụm hoa. Hoa nhỏ xếp sát nhau, ít đặc sắc. Cây chủ yếu cho lá đẹp trang trí.

Hiện nay, ở các thành phố lớn nước ta có trồng mấy chủng đặc sắc làm cảnh là :

III.C.19.a. *Maranta leuconeura* Ed. Morr. var. *kerchoveana* Ed.  
Morr. (*Calathea kerchoveana* Hort.)

Cây mọc thành bụi dày, gốc có thân rễ mập. Lá thuôn, tù ở đỉnh, gốc hình tim, màu xanh xám ở mặt trên và 2 bên phiến đều có các vệt màu xanh đậm nằm giữa gân chính và mép lá. Ở các lá non, các vệt đó màu đỏ tía.

III.C.19.b. *Maranta leuconeura* Ed. Morr. var. *massangeana* Ed.  
Morr. (*Calathea massangeana* Hort.)

Khá giống cây trên, nhưng thấp lùn hơn, làm thành bụi rất dày. Lá có màu sắc rất đẹp, phiến màu xanh bóng, nổi rõ ở mỗi bên phiến những sọc vân rộng màu nâu, tía giữa các sọc lại nổi vân màu xanh xám óng ánh với mép màu xanh Oliu làm cho toàn bộ phiến lá rực rỡ như đuôi con công, mặt dưới lá màu đỏ tía.

Tất cả các loài, chủng kể trên đều mọc khỏe, đẻ nhánh nhiều và dễ trồng. Nhân giống bằng cách tách các bụi, mỗi bụi để lại ít rễ và trồng lại trong các chậu có đất tơi xốp, đầy đủ phân tro. Cây có thể trồng ở chậu, trong các bồn hoa, dọc lối đi hay làm cây trang trí trong nhà, vì cây chịu bóng được một phần.

### III.C.20. CÂY DỨA CẢNH (Khóm rần, Thơm kiếng)

Summer torch.

*Billbergia pyramidalis* (Sims.) Lindl.

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) và được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở chậu trên nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây thân cỏ sống lâu năm, thân ngắn, thẳng đứng. Lá thuôn dài cong hình lòng máng, màu xanh đậm, có nhiều đường vân màu trắng xám, mép nhẵn, bóng, đầu lá thuôn tròn, gốc hẹp lại và xếp lá nọ sát lá kia, tỏa tròn. Phiến lá mềm, uốn cong ra ngoài gốc có màu hơi hồng, nhất là các lá non.

Cụm hoa trên cuống chung mập, gốc có nhiều lá bắc lớn màu hồng đỏ, cuống chung thẳng hay cong ra ngoài. Hoa xếp dày đặc màu xanh xám ở gốc và màu hồng ở đầu thùy. Quả mọng (Ảnh 80).



H.94. Dứa cảnh đẹp -  
*Billbergia amoena* Ldl.

Cây trồng vì dáng cây, lá và chùm hoa đẹp. Thường chỉ thưởng thức bởi màu sắc của lá và hoa khá hiếm. Cây đẹp, trồng trong các chậu rất phù hợp và nhân giống bằng các chồi ở gốc (tách bụi).

Có thể nhập để gây trồng một loài khác là :

### III.C.21. CÂY DỨA CẢNH ĐẸP

**Billbergie agréable**

***Billbergia amoena* Lindl. (*B. speciosa* Thunb.; *B. discolor*. Beer; *B. variegata* Schult. f.)**

**Họ Dứa (Bromeliaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Brazil. Cây thân cỏ đứng. Lá hình máng dài 50 - 70 cm, rộng 5 cm, đầu tù, mép khía răng, màu xanh bóng với các vạch rằn ri màu trắng nhạt, đầu lá thuôn uốn cong ra ngoài. Cụm hoa dạng bông thưa, dài 40 cm cong ra ngoài. Cụm hoa dạng bông thưa, dài 40 cm cong ra ngoài. Hoa màu xanh nhạt ở gốc và màu tím nhạt ở đỉnh, gốc có nhiều lá bắc lớn màu đỏ tươi (Hình 94).

### III.C.22. CÂY DỨA CẢNH ĐẸT ĐỎ

***Vriesea heterostachys***

**Họ Dứa (Bromeliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil đến Sao- Paulo (châu Mỹ). Cây sống phụ hay ở đất. Lá xếp sát gốc dạng hoa thị. Cụm hoa trên cuống mập, lá bắc xếp 2 dãy úp lên nhau. Hoa nhỏ màu vàng có vạch xanh.

Hiện nay nhập rất nhiều loài trong họ Dứa để làm cảnh ở chậu. Sơ bộ có mấy loài phổ biến :

### III.C.23. CÂY DỨA CẢNH ĐẸT TÍM

**Pink quill**

***Tillandsia cyanea***

**Họ Dứa (Bromeliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Equador, Manabi (châu Mỹ). Cây không thân, lá mọc sát đất dạng sợi mảnh. Cụm hoa dạng bông đẹt, do lá bắc xếp 2 dãy úp lên nhau. Hoa lớn màu tím lam cánh mềm. Cụm hoa lâu tàn.

### III.C.24. CÂY DỨA CẢNH GAI HỒNG

Silver vase

*Aechmea fasciata*

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Argentina). Lá xếp hoa thị sát đất, phẳng rộng, mép có gai. Cụm hoa dạng đầu, lá bắc thuôn nhọn, mép có gai, màu hồng ánh bạc. Hoa màu xanh lam.

### III.C.25. CÂY DỨA CẢNH HỒNG TÂM

Striped blushing bromeliad

*Neoregelia carolinae*

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ). Lá nhỏ xếp hoa thị, dày thuôn, cứng. Cụm hoa ở giữa đám lá. Hoa màu tím đỏ gốc lam tím.

Chúng đẹp hơn cả là : *Neoregelia carolinae* var. *tricolor* Hort. Lá có mép viền màu trắng.

### III.C.26. CÂY DỨA CẢNH LỬA GIỜM

Flaming sword

*Vriesea splendens* (Brongn.) Lemaire

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Guyana, Venezuela, Trinidad). Cây sống phụ hay ở đất. Lá xếp sát nhau, dày, thuôn màu xanh mốc, có vạch tía hay xám cả 2 mặt. Cụm hoa dạng bông hẹp, vằn như lá. Lá bắc màu đỏ tươi. Hoa màu vàng.

### III.C.27. CÂY DỨA CẢNH MẪU TỬ

*Neoregelia concentrica*

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina (Nam châu Mỹ). Thân dài có rễ khí sinh đưa đám lá thành từng cụm cách xa nhau. Lá xếp hình hoa thị, dày, màu xanh bóng có các đốm loang lổ. Cụm hoa ở đỉnh màu đỏ tía có vạch đen. Hoa màu lam.

### III.C.28. CÂY DỨA CÀNH NẾN ĐỎ

**Christmas candle**

***Tillandsia imperialis* Morr. et André**

**Họ Dứa (Bromeliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhico (châu Mỹ). Sống phụ hay ở đất. Thân mập ngắn. Lá xếp sát gốc, mềm bóng, màu xanh pha vàng. Cụm hoa trên cuống chung cao, nhiều lá bắc màu đỏ xếp úp lên nhau. Hoa màu đỏ.

### III.C.29. CÂY DỨA CÀNH SEN

**Scarlet star**

***Guzmania lingulata***

**Họ Dứa (Bromeliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Equador (châu Mỹ), mọc ở đất hay sống phụ. Lá xếp hoa thị sát gốc, thuôn dài, mềm, dày, màu xanh nhạt. Cụm hoa ở giữa tán lá. Lá bắc giống lá, mềm, màu vàng cam. Hoa màu trắng gốc hồng.

### III.C.30. CÂY DỨA ĐẠI CÀNH

**Pandanus palm.**

***Pandanus tectorius* Soland. ex Parkins**

**Họ Dứa đại (Pandanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Đông Nam châu Á đến Pôlynêsi. Cây mọc bụi dày, thân cong queo, nhiều cành, gốc có nhiều rễ chống cao, thẳng, lá thuôn hẹp, màu xanh bóng, dài 1 - 2 m tập trung ở đỉnh, mép có răng nhỏ.

Chùm đẹp nhất, gây trồng làm cảnh là :

**III.C.30.a. *Pandanus tectorius* var. *sanderi* Hort.**

Lá có sọc vàng.

**III.C.30.b. *Pandanus tectorius* var. *laevis* Hort.**

Mép lá không có gai.



### III.C.31. CÂY DỨA ĐẠI CẢNH LÙN

**Dwarf pandanus**

***Pandanus pygmaeus* Thou.**

**Họ Dứa dại (Pandanaeae)**

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, trồng thành bụi dày ở chậu hay ven lối đi. Lá nhỏ dẹt, dài, màu xanh có viền trắng, ngà ở mép.

### III.C.32. CÂY DỨA LẮNG LA

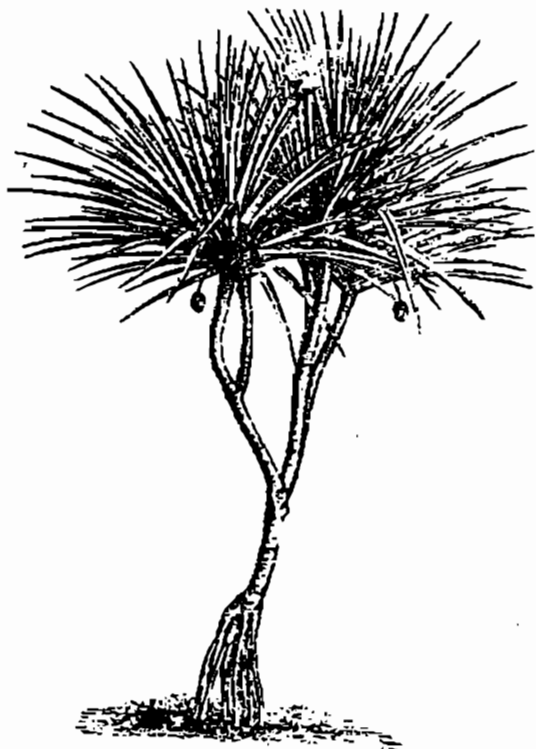
**Vaquois utile., Screw- Pine**

***Pandanus utilis* Bory. (*P. candelabrum* Hook.;  
*P. flabelliformis* Carr.; *P. elegantissimus* Hort.;  
*P. odoratissimus* Hort.)**

**Họ Dứa dại (Pandanaeae)**

Cây có nguồn gốc từ các đảo của Madagasca (Bourbon) và được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nước nhiệt đới.

Cây bụi mập, khỏe, phân cành nhánh lớn, gốc có nhiều rễ chống cao làm cho cây có dáng đẹp, cây có thể cao đến 15 m, nhưng thường cho phân cành rộng và làm thành cây có độ cao trung bình (4 - 6 m). Cành khẳng khiu gãy khúc, có nhiều sọc do lá rụng và ở đỉnh mang chùm lá. Lá thuôn dài hẹp



H.95. Dứa lẳng la - *Pandanus utilis* Bory

cứng thẳng hay cong uốn ra, xếp xoắn ốc dày đặc, dài đến 2 m, và rộng 10 cm, màu xanh bóng, hơi hồng ở gốc, mép và sóng lá có gai nhỏ, nhọn màu đỏ, đầu lá nhọn, gốc lá có bẹ trên thân (Hình 95).

Cụm hoa sau thành quả trên cuống mập cong xuống, mọc ra từ nách các lá gần gốc, mang hoa dày đặc. Quả kép thuôn, dài 15 - 20 cm, rộng 10 - 15 cm, màu xanh nhạt, sau xám dần. Cả cây lẫn quả kép đều làm cảnh đẹp. Cây trồng được trồng ở bồn hoa lớn nơi cổng hay dọc lối đi.

### III.C.33. CÂY DỨA LẮNG LA THƠM (Dừa trở vòng)

*Padanus reversispiralis* St. John

Họ Dừa dại (Pandanaeae)

Cây cũng mọc nơi ven biển, vùng đất cát. Cây mọc thành bụi dày, cao 6 - 7 m, có nhiều rễ chổng dài, mập. Lá dài trên 1 m, rộng 5 - 6 cm mép và gân chính có gai nhọn. Quả kép dài 12 - 15 cm, rộng 11 - 14 cm gồm nhiều vẩy sát nhau. Cụm hoa đực có cánh hoa màu trắng, thơm. Cả cụm hoa đực dài đến 50 cm.

### III.C.34. CÂY DỨA SỌC

Pine-apple; Ananas

*Ananas sativus* Lindl. var. *variegatus* Hort.

Họ Dừa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh trong chậu ở các nước nhiệt đới khác. Cây có thân rất ngắn. Lá lốm hình lòng thuyền, rất dài, cong uốn ra ngoài, đầu nhọn, mép có gai, trên mặt phiến có sọc trắng dọc theo mép, nổi rõ trên nền xanh bóng.



H.96. Dừa sọc - *Ananas sativus*  
Ldl. var. *variegatus* Hort.

Cụm hoa trên một cuống chung mập, ngắn, có lá bắc và cánh hoa màu tím đỏ (Hình 96). Rất ít khi có quả.

Cây mọc bằng tách bụi hay chồi ngọn, mọc khỏe, chịu được che bóng nên làm cây trang trí trong nhà đẹp.

### III.C.35. CÂY DỨA THƠM

**Vaquois à feuilles d'amaryllis**

***Pandanus amaryllidifolius* Roxb. (*P. odoratus* Ridl.)**

**Họ Dứa dại (Pandanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (Amboine) và được gây trồng rộng rãi vì lá khi hấp nóng có mùi thơm (ở Việt Nam hấp vào gạo khi thổi cơm). Tuy nhiên cây có dáng đẹp và xanh quanh năm nên cũng được trồng làm cảnh, trong vườn hay ven lối đi.

Cây thân cỏ mọc thành bụi cao đến 1m, chia nhánh nhiều, gần như không có thân, mà do lá mọc xoắn ốc sát nhau, dày đặc làm thành. Lá thuôn hẹp, dài trên 1 m, rộng 3 - 4 cm, dạng lõm hình lòng máng phiến lá dày, cứng, màu xanh bóng đậm, mặt dưới hơi nhạt hơn, mép không gai, không lông. Lá rất thơm, mùi dịu. Rất hiếm khi có hoa.

Cây được gây trồng chủ yếu bằng cách tách các nhánh từ gốc chính. Cây mọc khỏe, dễ trồng, dễ nhánh thành bụi dày.

### III.C.36. CÂY DỨA TRỐ (Dứa sọc)

**Vaquois de veitch, Variegated screw-pine**

***Pandanus veitchii* Hort.**

**Họ Dứa dại (Pandanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Pôlinêsi. Cây mọc thành bụi thưa, chia nhánh khá xa nhau, cao 3 - 5 m, thân mập, khỏe, dày đến 10 cm, gốc có nhiều rễ chống. Lá xếp dày đặc, xoắn ốc, dài 1 - 1,5 m, rộng đến 10 cm phiến lá mềm cong ra ngoài, màu xanh bóng đậm với nhiều sọc trắng dọc theo gân ở phía gần mép. Mép có gai. Cây làm cảnh đẹp, có thể trồng ở các bồn đất lớn hay trong vườn rộng (Ảnh 81).

### III.C.37. CÂY ĐA (Đa cao su)

India- rubber Plant; Figuier à caoutchouc;  
Caoutchouc des jardins

*Ficus elastica* Roxb. ex Hornum.

(*F. decora* Hort.; *F. rubinervis* Sata)

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Nepal, Mianma, gây trồng rộng rãi ở châu Á sau sang châu Âu. Cây thuộc loại gỗ lớn, nhưng thường trồng bằng cành nhánh để làm cây cảnh trồng ở chậu hay trong vườn (cắt tỉa làm cây nhỡ và lúc non sống phụ nên cho ra nhiều rễ trên cành). Thân cây và cành có nhiều rễ khí sinh, nếu phát triển đầy đủ có thể lớn như các thân cây khác. Cành dài, khỏe màu nâu xám nhẵn. Lá đơn, mọc cách dày bóng bóng, màu xanh ngọc bích, tù ở gốc, đầu có mũi nhọn, gân phụ nhiều, mảnh xếp gần như song song với nhau. Lá kèm rất dài màu đỏ mềm, bọc lấy lá non ở trong, do đó làm cây trang trí đặc sắc. Cụm hoa là sung xếp từng đôi ở một điểm, màu vàng nhạt. Quả phức không cuống, mềm, dễ nát (Ảnh 82).

Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn cành và vì có rễ phụ nên cây dễ trồng và mọc khỏe.

Hiện nay có nhiều chủng của loài này được gây trồng rất rộng rãi làm cây trang trí nội thất, vì có dáng đẹp, lá có màu đặc sắc, có sức sống mãnh liệt, dễ trồng, vừa chịu được bóng vừa ưa sáng, nên các nhà vườn tạo ra nhiều chủng có màu sắc lá khác nhau làm cây trang trí trong nhà.

III.C.37.a. *Ficus elastica* Roxb. var. *nobilis* Hort.

Cây cho lá ngắn và tròn hơn, phiến xanh bóng, mượt.

III.C.37.b. *Ficus elastica* Roxb. var. *foliis aureo-marginalis* Hort.

Cây cho lá màu xanh đậm với phần mép lá có dải viền rộng màu vàng tươi.

III.C.37.c. *Ficus elastica* Roxb. var. *folis variegatis* Hort.

Cây cho lá màu xanh với các vạch không đều nhau màu trắng ngà hay màu vàng nổi rõ trên phiến màu xanh bóng.

### III.C.38. CÂY ĐA ĐÀN

Fiddleleaf plant

*Ficus lyrata* Warb.

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ Tây châu Phi nhiệt đới (Liberia đến Togo), nhập trồng làm cây cảnh ở châu rất đẹp. Cây gỗ (nơi nguyên sản cao đến 15 m). Lá có phiến rộng, dài 20 - 40 cm, thắt ở giữa như hộp đàn dày, đỉnh rộng hơi chia thùy, gốc hẹp hình tim. Cụm hoa dạng sừng có đốm trắng.

Cây trồng bằng các đoạn thân làm thành cây bụi hẹp trồng ở chậu bày trong nhà được (cây chịu bóng tốt).

### III.C.39. CÂY ĐƠN TƯỚNG QUÂN

(Đơn tía, Đơn mặt trời, Mặt quỉ, Dị liễu)

*Excoecaria cochinchinensis* Lour.

(*Excoecaria bicolor* Hassk.)

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây bụi nhỏ thường trồng ở vườn để làm cảnh (do lá có màu đặc sắc) và làm thuốc. Cây cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều. Lá mọc đối hình bầu dục ngược, thuôn dài ở góc, có mũi nhọn ở đỉnh, mặt trên phiến màu lục thẫm, bóng láng, mặt dưới màu đỏ tía, mép có khía răng cưa thưa.

Hoa đơn tính cùng gốc hay khác gốc, cụm hoa ở nách lá hay đầu cành. Hoa có lá bắc gần giống cánh dài. Cả hoa đực và hoa cái đều có 3 cánh dài màu xanh. Quả nang 3 mảnh (Hình 97).



H.97. Đơn tướng quân -  
*Excoecaria cochinchinensis* Lour.

Cây được gây trồng phổ biến nơi vườn hoa, công viên, vì cây mọc khỏe, dễ trồng lại có màu lá sắc sỡ.

### III.C.40 - CÂY HỒNG DIỆP MÔN

**Blushing philodendron**

***Philodendron erubescens***

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ Colombia (châu Mỹ). Cây leo, có đốt, rễ nhiều trên các đốt. Thân dẹt, mập, dài. Lá hình tim ở gốc, thuôn dài ở đỉnh, dài 20 - 30 cm, rộng 5 - 15 cm, mặt trên xanh bóng, mặt dưới màu hồng hay pha đỏ. Cuống dài hồng đỏ, có bẹ dạng cánh.

Cây ưa ẩm, chịu bóng, trồng trang trí nội thất khá đẹp.

### III.C.41. CÂY HUYẾT DỤ

**Palm Lily, *Cordyline terminal*, Flaming dragon tree**

***Cordyline terminalis* (L.) Kunth.**

**(*Coryline fruticosa* (L.) A. Chev.; *Dracaena terminalis* Rchb.; *Colodracon terminalis* Planch.)**

**Họ Huyết dụ (Asteliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Malaisia, Australia) nay được gây trồng rất rộng rãi trên thế giới.

Cây có thân mảnh, mọc thẳng hay uốn cong, cao tới 2 - 3 m, đường kính 1 - 2 cm, rất ít khi phân nhánh. Lá xếp hai dãy, hình lưỡi kiếm, đầu nhọn, gốc thót lại thành cuống có rãnh. Phiến lá mỏng, màu xanh, nhẵn, bóng nổi rõ các gân mảnh.

Cụm hoa dạng chùy, dài tới 40 cm, rộng 20 cm. Hoa màu xanh mọc đơn



*H.98. Huyết dụ - *Cordyline terminalis* Kunth.*

độc ở nách của 2 lá bắc. Quả mọng hình cầu, 1 hạt (Hình 98).

Cây mọc khỏe dễ trồng bằng các đoạn thân hay chồi, lá xanh quanh năm và lâu rụng làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều phù hợp. Ngoài ra, còn có thể gây trồng 1 vài chủng khác :

*III.C.41.a - Cordyline terminalis* (L.) Kunth. var. *angusta* Hort.

Cây nhỏ bé hơn, chỉ cao khoảng 1 - 2 m, thân tròn mập, đường kính 1 - 2 cm. Lá xếp hai dãy, nhỏ, hẹp, thuôn, đầu kéo dài thành mũi mềm, gốc kéo dài thành cuống bẹ. Phiến lá màu xanh đậm bóng ở mặt trên, màu đỏ tía ở mặt dưới, hay hai mặt lá đều đỏ tía. Hoa màu mận chín, mọc thành chùm thưa.

*III.41.b. Cordyline terminalis* (L.) Kunth. var. *tricolor* Hort.

Cây mọc thành bụi, thân thẳng cao 1 - 3 m (thường trồng trong chậu nên thân thấp hơn), rất ít khi phân nhánh. Lá thuôn, đầu kéo dài thành mũi, gốc hẹp lại thành cuống dẹt có bẹ ôm thân. Phiến lá mỏng, màu xanh có sọc đỏ. Cụm hoa dạng chùm mang hoa màu xanh. Quả mọng màu đỏ.

*III.C.41.c - Cordyline terminalis* (L.) Kunth. var. *ti* Bak.

Cây mọc bụi cỏ, thân cao 2 - 3 m, rất ít khi phân nhánh. Lá dạng bản rộng, thuôn, đầu tù, gốc thon hẹp thành cuống có bẹ ôm thân. Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh. Hoa màu xanh hay tím nhạt.

Tất cả các chủng trên đều dễ trồng bằng các đoạn thân hay chồi gốc. Cây chịu bóng một phần nên làm cây trang trí trong nhà được.

### III.C.42. CÂY HUYẾT HẸP

***Cordyline reserré***

***Cordyline stricta* Endl.**

**Họ huyết dụ (Asteliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tân Hà Lan (Nouvelle - Hollande) nhưng được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới.

Cây gỗ nhỏ mọc đơn độc hay bụi nhỏ, thân cao 1 - 3 m, thẳng, mảnh (thường mọc thấp để trồng ở chậu), tròn đều có nhiều sẹo do lá rụng. Lá không cuống mọc tập trung ở đỉnh hình giải giác, cứng, thẳng, hẹp, đầu kéo dài thành mũi nhọn, gốc cong lại lòng máng,

ôm lấy thân, màu xanh nhạt bóng có sọc đỏ ở mép. Cụm hoa dạng chùy thưa, mọc ra ở nách các lá ngọn. Hoa màu tím nhạt. Cây mọc khỏe, có dáng đẹp, lá xanh quanh năm mọc xòe ra mọi phía như lông nhím nên được gây trồng làm cảnh rất phổ biến (Ảnh 83).

Hiện nay nhân dân ta có gây trồng 1 số chủng đặc sắc là :

**III.C.42.a - *Cordyline stricta* Endl. var. *bruantii* Hort.  
(*Dracaena bruantii* Hort.)**

Lá lớn, dài đến 50 cm, rộng 5 cm, dạng thuôn nhọn ở đỉnh, màu đỏ nâu.

**III.C.42.b - *Cordyline stricta* Endl. var. *congesta* Hort.  
(*Dracaena congesta* Hort.)**

Lá rất rộng và mọc dày đặc.

**III.C.42.c - *Cordyline stricta* Endl. var. *discolor* Hort.  
(*Dracaena congesta* Hort. var. *discolor*)**

Lá có màu tím tía ở mặt dưới.

### III.C.43. CÂY HUỖNH TINH CẢNH (Dong cảnh)

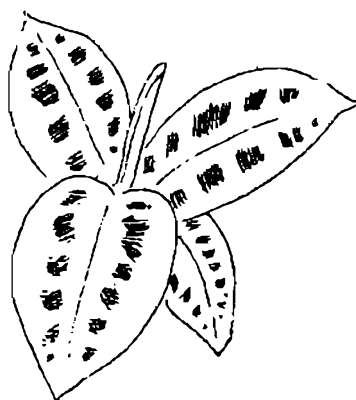
***Calathea ornata***

***Calathea ornata* (Lind.) Koern. (*Phrynium ornatum* C. Kock.; *Maranta ornata* Lind; *M. regalis* Hort.)**

**Họ Củ dong (Marantaceae)**

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Côlômbia Equador, Guyan) và được gây trồng khá rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn.

Cây mọc thành bụi, sống lâu năm, cao khoảng 1 - 1,5 m. Lá mọc tập trung từ gốc, thường chỉ có 3 - 4 chiếc. Phiến lá thuôn rộng, mặt trên màu xanh đậm, bóng và tùy theo các chủng có điểm thêm các đốm vệt, vân màu trắng, hồng hay đỏ, mặt dưới lá



H.99. Huỳnh tinh cảnh - *Calathea ornata* Koern.



màu xanh bóng đậm. Cuống lá dài, cứng, thẳng, gốc phình rộng thành bẹ.

Cụm hoa dạng chùy ở giữa đám lá. Hoa màu xanh vàng. Nhị đực tím màu đỏ tía. Quả nang hai hạt (Hình 99).

Để trồng làm cảnh, nhân dân ta thường chọn mấy chủng sau :

*III.C.43.a - Calathea oranata* Koern. var. *regalis* Hort. (*Maranta regalis* Hort.)

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu đỏ.

*III.C.43.b - Calathea oranata* Koern. var. *roseo-lineata* Regel. (*Maranta roseo-lineata* Regel).

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu hồng.

*III.C.43.c - Calathea oranata* Koern. var. *albo-lineata* Regel.

(*Maranta albo-lineata* Hort.)

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu trắng.

### III.C.44. CÂY HUỖNH TINH RỪNG (Dong đại)

*Calathea cf. clossoni* Hort.

Họ Củ dong (Marantaceae)

Cây mọc ở rừng nước ta dưới bóng cây gỗ, nơi đất ẩm và ven khe. Cây có dáng lá rất đặc sắc có thể gây trồng làm cây trang trí nội thất được.

Cây mọc thành bụi nhỏ, thấp, cao khoảng 20 - 40 cm, sống lâu năm. Lá mọc thẳng đứng, có cuống dài, cứng, gốc có bẹ, đỉnh mang



H.100. Huỳnh tinh rừng - *Calathea clossoni* Hort.

phiến lá thuôn dài. Đầu lá kéo dài thành mũi, gốc tù hơi tròn, phiến dài 15 cm, rộng 4 - 5 cm, gân bên mảnh, đều và khá rõ, gốc các gân phụ với gân giữa có các vết đốm màu sậm xếp đều đặn (mỗi bên có 5 - 6 vết đốm) trên nền phiến màu xanh bóng. Cụm hoa ngắn, mang 1 - 2 hoa. Hoa màu trắng nhỏ bé (Hình 100).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách tách bụi và chịu được bóng nên làm cây cảnh dưới tán cây gỗ hay trang trí trong nhà rất phù hợp.

### III.C.45. CÂY HUỲNH TINH VÀN

**Zebra plant; Calathea Zébré**

***Calathea zebrina* (Sims.) Lindl. (*Maranta zebrina* Sims.)**

**Họ Cú dong (Marantaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Brazil (Nam châu Mỹ) và được trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước.

Cây mọc thành bụi thưa, sống lâu năm do thân rễ dài, mạnh. Cây cao khoảng 1 m. Lá thuôn dài, mặt lá răn reo, mép gợn sóng, thuôn nhọn ở đầu, tù và kéo dài ở gốc. Cuống lá cong hình lòng máng, có cánh và dài ngang với phiến lá. Phiến lá mặt trên có lông mịn, màu xanh hay pha đỏ tía, nổi rõ các vân xếp song song theo gân bên màu xanh bóng hay xanh đậm pha đen. Mặt dưới lá màu tím tía. Lá có dáng đẹp, gân bên nổi rõ, mảnh, gân song song với nhau (Ảnh 84).

Cụm hoa hình cầu ở giữa đám lá, mọc từ gốc cuống chung mập, lớn, cao. Hoa màu tím xếp dày đặc ở đỉnh. Cây chủ yếu trồng làm cảnh bằng lá. Có thể trồng thành bụi dày ở chậu hay trồng dọc theo lối đi, viền các bờ cỏ, nơi công viên, vườn hoa. Cây còn có thể chịu bóng một phần, nên làm cây trang trí trong phòng được. Nhân giống chủ yếu bằng tách bụi có chồi non và rễ. Có một chủng đẹp là:

- *Calathea zebrina* Lindl. var. *binotii* Hort.

Phiến lá có màu xanh đậm.

### III.C.46. CÂY LÁ MĂNG (Măng bàn tay, Thủy tùng)

*Asparagus Fern; Asperge phumeuse, Bride's bouquet*

*Asparagus plumosus* Baker.

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Phi, nay cây trồng rộng rãi làm cảnh ở các nước nhiệt đới.

Cây mọc bụi nhỏ, thân mảnh, màu xanh, mềm, phân cành nhánh nhiều vươn dài, có thể sống dựa, cành mọc ngang, rễ dài, hơi nạc. Cành nhỏ màu xanh mảnh như kim, dài 4 - 5 mm tụ hợp thành từng đám xếp trên cùng 1 mặt phẳng, màu xanh bóng (thường có 8 - 20 diệp chi). Lá thật hình tam giác nhỏ bé áp sát các cành.

Cụm hoa ngắn, mang 1 - 4 hoa trên 1 cuống ngắn, mọc ra ở gần ngọn các cành. Hoa nhỏ bé, màu trắng. Quả mọng hình cầu, màu đen tím có 1 - 3 hạt.

Cây có dáng rất đẹp nên được gây trồng nhiều ở các bồn hoa, chậu cảnh. Các diệp chi lại có thể cắt cắm trong các bình hoa, làm nền cho các cành hoa sặc sỡ. Để làm cảnh, nhân dân ta thường chọn các chủng sau :

*III.C.46.a - Asparagus plumosus* Bak. var. *compactus* Hort.

Cây mọc dày đặc thành bụi nhỏ, thấp bé. Cành lá xếp dày đặc làm cho cây không vươn rộng.

*III.C.46.b - Asparagus plumosus* Bak. var. *nanus* Hort.

Cây thấp, nhỏ bé, rất thích hợp làm cây cảnh ở chậu, cành lá thưa, vươn dài, tán thoáng.

Cây dễ trồng, được nhân giống bằng hạt hay giâm cành. Chọn các đoạn cành ở phía trên dài khoảng 12 - 15 cm, giâm nơi đất thoáng mát, đủ độ ẩm. Cây chóng cho rễ và phân cành nhiều (Ảnh 85).

Cây dùng để trang trí do lá có màu đặc sắc, lâu héo, cây chịu được bóng và sống lâu năm.

### III.C.47. CÂY LÁ NGỰA VẦN

**Zebra plant**

***Aphelandra squarrosa* Nees.**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Brazil). Cây bụi thấp, phân cành nhiều, dày đặc. Lá lớn mọc đối, dạng bầu dục thuôn nhọn cả hai đầu, màu xanh bóng với các vạch màu trắng dọc theo gân. Cụm hoa dạng bông ở đỉnh, lá bắc màu vàng xếp úp lên nhau. Hoa màu vàng tươi, nở bền.

Gần đây các nhà vườn phía Nam có nhập chủng cho hoa màu vàng cam là :

- *Aphelandra squarrosa* var. *louisae* Hort.

### III.C.48. CÂY LÁ SỌC DỨA (Hoa chuông)

***Sinningia speciosa* Benth. et Hook.**

**(*Gloxinia speciosa* Lodd.; *Ligeria speciosa* Decne)**

**Họ Tai voi (Gesneriaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil được gây trồng làm cảnh trong chậu rất phổ biến ở các nước nhiệt đới khác. Cây có thân rễ dạng củ, lá mọc sát đất, vì thân rất ngắn. Lá có cuống, dạng thuôn tù, dày, nhiều lông. Hoa trung bình trên cuống dài. Cánh hoa hợp thành ống, màu tím hay đỏ tím, dạng chuông, trên chia thùy không đều.

Có nhiều chủng khá đẹp như :

*III.C.48.a - Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *caulescens*  
Hanst.

Cây có thân dài, mập, lá rộng.

*III.C.48.b - Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *macrophylla*  
Hanst.

Cây có lá rộng với gân màu trắng.

*III.C.48.c - Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *albiflora*  
Hanst.

Cây có hoa màu trắng.

**III.C.48.d - *Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *rubra*  
Hanst.**

Cây có hoa màu đỏ.

**III.C.49. CÂY LÁ TRẮNG (Bạch tạng)**

**Lolu, *Cordia*, Sebastier**

***Cordia latifolia* Roxb.**

**Họ Vòi voi (Boraginaceae)**

Cây có nguồn gốc từ miền Tây Ấn Độ, hiện gây trồng rộng rãi làm cây trang trí ở các tỉnh miền Nam nước ta.

Cây gỗ lớn, phân cành nhánh nhiều, tán rộng, nhưng thường được cắt tỉa thành cây bụi có cành sát gốc, thậm chí còn hãm thành cây nhỏ trồng ở chậu. Thân cành có màu vàng nhạt, vỏ mỏng, nhẵn. Lá lớn, mỏng, dạng trái xoan, đầu thuôn, gốc hình nêm. Phiến lá màu xanh nhạt bóng pha vàng hay vàng nhạt gần như trắng, mềm mại, gân thưa, rất hấp dẫn. Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành, phân chia nhiều nhánh thưa. Hoa nhỏ bé, dạng ống màu vàng trắng (Ảnh 86).

Cây mọc khỏe, phân cành mập, nảy chồi dài cho lá non lớn. Cây thường được gây trồng làm cảnh ở bồn hoa, bờ tường, có thể cắt xén theo các hình dạng khác nhau hay cắt đều làm cây hàng rào, cây ven lối đi. Cây nhân giống chủ yếu bằng giâm cành, chong cho rễ và chồi. Cây chịu được bóng một phần và sống lâu năm.

**III.C.50. CÂY LỄ BẠN (Lão bạn, Sò huyết)**

**Boot Lily, *Rhoeo discolor*, Boule de Mars, Cros curage**

***Rhoeo spathacea* (Sw.) Stearn. (*R. discolor* (L' Her.)**

**Hance; *Tradescantia discolor* L'Herit).**

**Họ Thài lài (Commelinaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung Mỹ (Mêhicô) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta, từ miền Bắc vào miền Nam, từ thành thị đến nông thôn làm cây cảnh ở chậu và trong vườn, và làm cây thuốc.

Cây có thân rất ngắn làm cho lá gần như mọc sát đất. Lá không cuống, có bẹ, phiến lõm hình lòng thuyền, đầu thuôn dài. Mặt trên lá màu lục, bóng, nhẵn, mặt dưới lá màu đỏ tía.

Cụm hoa nhỏ ở nách lá, ngoài có 2 mo úp vào nhau (giống như vỏ con sò). Hoa màu trắng vàng. Quả nang dài thuôn.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, không kén chọn đất, cho hoa gần như quanh năm. Cây làm cảnh bằng chùm lá. Để làm cảnh, có thể trồng chung :

*III.C.50.a - Rhoeo spathacea* Stearn. *foliis variegatis* Hort.

(*Tradescantia discolor* L'Hérit var. *lineata* Hort.).

Phiến lá ở mặt trên có những vạch màu vàng tươi rất đẹp, nổi rõ trên nền màu xanh. Mặt dưới màu đỏ tía. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ hay chồi tách từ đỉnh hoặc từ nhánh bên của cây mẹ. Cây mọc bụi, tỏa tròn đều, làm cảnh ở chậu rất phù hợp.

### III.C.51. CÂY LỤC THẢO CẢNH (Mạch môn lá cụt)

*Chlorophytum bichetii* Back.

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, và được gây trồng rộng rãi ở nước ta để làm cảnh.

Cây cỏ mọc thành bụi nhỏ, thân cao 30 - 40 cm, rễ phình thành củ dài 2 - 3 cm. Lá thuôn hình giáo, đầu kéo dài nhọn, mở rộng ở giữa, mép có viền trắng hay có sọc kéo dài màu trắng trên nền xanh ở giữa phiến lá. Cụm hoa là chùm dài mọc ra ở giữa đám lá, thẳng cao 10 - 20 cm, mang hoa thưa. Hoa màu trắng.

Cây có dáng lá đẹp, hoa màu sắc nhẹ nhàng, được ưa chuộng gây trồng làm cảnh ở chậu để ở ngoài vườn hay trong nhà. Cây mọc khỏe, lá xanh quanh năm. Có thể gây trồng bằng các củ rễ mập hay tách nhánh ở bụi lớn.

### III.C.52. CÂY LỤC THẢO LAN (Tỏi lan)

*Chlorophytum orchidastrum* Lindl.

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)



Ảnh 87: Mao đài trổ  
*Pilea cadaveru* Gagnep. et Guill.



Ảnh 88: Mầu từ  
*Chlorophytum datum* R. Br.  
var. *variegatum* Hort.



Ảnh 89: Minh ty rằn  
*Aglonema aurantifolium* Bl.



Ảnh 90: Minh ty trắng  
*Aglonema sp. candido-aurantium* Hort



Ảnh 91: Môn đỏ  
*Coladonia bicolor* (Ait.) Vent.



Ảnh 92: Môn trường sinh  
*Dieffenbachia picta* Schott





*Ảnh 93. Mòn trắng sinh*  
*Dieffenbachia picta* Schott.  
*var. rochrsii* Hort.



*Ảnh 94. Phất tài sọc*  
*Dracaena sandersonii* Hort.



Ảnh 96: Phú lệ bò - *Peltonia repens* (Lour.) Merr.



Ảnh 95: Phát dụ trúc lang  
*Dracaena godseffiana* Hort.



Ảnh 97: Tai tượng trổ  
*Acalypha wilkesiana* Muell. Arg.

Ảnh 98: Thái lái tím  
*Tradescantia pallida*  
'Roxb.' Hunt.



Ảnh 99: Thiết mộc lan  
*Dracaena fragrans* Ker-Gawl  
var. *massingouana* Hort.







Ảnh 100: Ti liêu  
*Tamarix indica* Wall.

Ảnh 101: Hoa tía cánh  
*Colours spectat* Benth.





Ảnh 192: Bạch nhật  
*Gaillardia glabra* L.



Ảnh 193: Vĩ hoa trắng  
*Spathiphyllum patini* N. E. Br.



Ảnh 104: Bạch trinh biển  
*Hymenocallis americana* Roem.



Ảnh 105: Băng khuâng  
*Augltonia salicariaefolia*  
Humb. et Bonpl.





Ảnh 106: **Bắt tử** - *Helichrysum bracteatum* (Vent.) Andr.



Ảnh 107: **Bóng nước** - *Impatiens balsamina* L.



Ảnh 108: **Cà hoa** - *Petunia hybrida* Vilmor.



Ảnh 109: **Cắm chướng** - *Dianthus caryophyllus* L.

*Ảnh 110. Chuối hoa*  
*Canna hybrida Hort.*



*Ảnh 111. Cúc cánh quạt*  
*Aster multiflorus L.*







Ảnh 112: Cúc chuẩn - *Cosmos sulphureus* Cav.



Ảnh 113: Cúc chuẩn nhái - *Cosmos bipinnatus* Cav.



Ảnh 114: Cúc hoàng phán  
*Solidago virga - aurea* L.

Ảnh 115: Cúc mốc  
*Crossostephium chinensis* 'L. Merr.





Ảnh 116: Cúc vạn thọ  
*Tagetes erecta* L.



Ảnh 117: Vạn thọ nhật  
*Tagetes erecta* L. "Rose d' Inde"





*Ảnh 118: Di nhũ*  
*Zinnia elegans* Jacq.



*Ảnh 119: Đông tiến*  
*Gebera japonica* Hook.



Ảnh 12. Đuối cùng xanh  
*Plumbago capensis* Thunb.

Ảnh 13. Hoa hiên  
*Hemerocallis flava* L.f.





Ảnh 122: Hoa Plốc  
*Phlox drummondii* Hook.



Ảnh 123: Hoa hoàng  
*Crossandra undulataefolia* Salisb.



Ảnh 124: Hồng anh *Papaver rhoeas* L.



Ảnh 125: Huệ - *Polianthes tuberosa* L.

Cây có thân cao đến 80 cm. Rễ hơi phình lên. Lá hình mũi mác, đầu kéo dài thành mũi, gốc rộng bao lấy thân. Cụm hoa dài hơn lá, phân chia nhiều nhánh mang hoa ở đỉnh. Hoa màu trắng mọc rủ xuống. Quả có 1 hạt màu đen.

### III.C.53. CÂY LỤC THẢO THỦY TIÊN (Lan thủy tiên)

*Chlorophytum laxum*. R.Br.

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)

Cây có thân cao 20 - 40 cm, rễ có khi thành củ. Lá xếp hai dãy hình dải. Cụm hoa dài, mảnh như sợi, phân nhánh mang hoa thưa. Hoa nhỏ màu trắng xanh nhạt.

Quả hình cầu có 1 - 4 hạt dẹt.

### III.C.54. CÂY MẠO ĐÀI TRỐ (Lân tản đốm, Lân tản trở)

*Pilea de cadrière*, Plante - Aluminium

*Pilea cadierii* Gagn. et Guill.

Họ Gai (Urticaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi cao miền Trung nước ta, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi vì dáng cây và lá đẹp. Thường được trồng trên các lẵng treo để cây buông thân có lá xuống hay trồng ở các chậu thấp, rộng, để lá phủ kín mặt chậu.

Cây thân cỏ hơi vuông, mềm, mập xanh bóng, mọng nước, phân nhánh nhiều và có rễ ở phía sát đất. Lá mọc đối dạng trái xoan rộng ở đầu, kéo dài thành mũi, gốc thuôn hẹp, có cuống dài làm thành bẹ. Phiến lá màu xanh bóng, có nhiều đốm trắng dọc theo các gân bên, mép hơi khía răng tù và nổi rõ gân gốc.

Cụm hoa trên cuống chung dài bằng lá, hình cầu. Hoa nhỏ bé màu trắng (Ảnh 87).

Cây được gây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân có rễ và mọc khỏe, chóng phân nhánh, cho lá xếp dày đặc. Cây làm cảnh đẹp do lá xếp gần như trên một mặt phẳng áp sát đất, nên có thể bò phủ lên các hòn đá hay che kín bờ tường thấp trong nhà (cây chịu bóng một phần).

### III.C.55. CÂY MĂNG TÂY

*Asparagus, Asperge*

*Asparagus officinalis* L.

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu. Cây có thân rễ sống dai, mọc dưới đất, sinh ra nhiều chồi hình trụ (gọi là măng) màu trắng, trên ngọn màu lục và mang nhiều lá vẩy hình tam giác, mặt dưới chồi có nhiều rễ nhỏ, dài. Mầm mọc cao thành các cành nhỏ cứng. Thân khí sinh của cây màu lục, hình trụ mang nhiều cành nhỏ biến đổi thành lá hình kim. Lá thật giảm và dễ rụng.

Hoa nhỏ màu xanh nhạt, hình chuông. Quả nhỏ bé tròn màu đỏ khi chín và mang 2 - 6 hạt đen.

Cây thường trồng lấy chồi làm rau ăn (nếu đầy đủ chất dinh dưỡng cây có thể sống đến 10 năm), và lấy diệp chi làm cây trang trí cho các hoa cắm lọ.

Trồng cây Măng tây khá công phu. Trồng bằng hạt hay bằng mầm. Trước khi gieo cần ngâm hạt 1 ngày đêm trong nước ấm hay nước vo gạo. Ở miền Bắc thường gieo vào mùa đông. Sau 1 năm có thể tách mầm để nhân giống thêm. Cần bón đầy đủ phân và để cây thật lớn mới thu hái măng (từ hạt, cây phải sau 4 năm mới cho măng lớn, còn từ mầm thì sau 2 năm). Cây con đem trồng cần cắt ngọn và xén bớt rễ, nếu không cây sẽ héo úa rồi chết. Cây mọc cao bao nhiêu thì vun đất vào gốc bấy nhiêu và cứ để cây mọc um tùm sau 1 - 2 năm rồi mới lấy măng. Do trồng lấy măng khó khăn nên hiện nay đa số các nhà vườn đều trồng lấy thân khí sinh làm cây trang trí cho các lọ hoa. Cắt các đoạn thân dài 40 - 50 cm bó lại để bán.

### III.C.56. CÂY MĂNG TÂY CẢNH

*Emerald feather*

*Asparagus sprengeri* Regel.

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có thân và cành mềm buông xuống, có khi dài đến 1,5 m có gai màu lục, diệp chi thuôn dài 2 - 3 cm, mảnh xếp vòng trên cành. Hoa nhỏ bé màu trắng, hồng. Quả mọng đỏ, tròn.



Cây mọc khỏe làm thành bụi dày, có thể làm gậy trồng ở các lối đi trong vườn, hay ở chậu. Cây chịu được bóng nên có thể bày cả chậu trong phòng. Có một vài chủng đẹp là :

*III.C.56.a - Asparagus sprengeri* Regel. var. *compactus* Hort.

Cây lùn

*III.C.56.b - Asparagus sprengeri* Regel. var. *variegatus* Hort.

Cây có lá vằn.

*III.C.56.c - Asparagus sprengii* Regel. var. *falcatoides* Hort.

Cây có lá rộng, lá kèm dạng lưỡi liềm.

### III.C.57. CÂY MẪU TỬ (Lục thảo, Lan thù tiên)

**Sider plant, chlorophytum élevé**

***Chlorophytum elatum* R. Br. (*Anthericum picturatum* Hort.; *A. vittatum* Hort.; *A. williamsii* Hort.)**

**Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)**

Cây có nguồn gốc phân bố khá rộng rãi từ châu Phi nhiệt đới qua châu Mỹ nhiệt đới. Ngày nay, cây được gây trồng ở rất nhiều nước châu Á. Việt Nam đã gây trồng loại này từ lâu đời và trên khắp mọi miền đất nước.

Cây mọc thành bụi nhỏ, có dáng khá độc đáo, thường được gây trồng ở các chậu nhỏ có quang treo lơ lửng. Cây mọc khỏe, sống lâu năm do có thân chồi mập. Lá mọc sát đất, có nhiều chồi dạng thuôn. Phiến lá hẹp, dẹt, dài, thon dài cả hai đầu, màu xanh nhạt, bóng cong xuống. Cụm hoa dài, cuống chung cứng cong ra phía ngoài, mang hoa nhỏ và chồi mầm ở đỉnh. Chồi trưởng thành có đầy đủ lá, rễ. Khi hoa tàn cuống gãy, chồi rơi xuống đất sẽ mọc cho cây khác. Hoa nhỏ bé, màu trắng. Nhị vàng nổi rõ trên cánh hoa. Quả nang 3 cạnh, có nhiều hạt.

Cây dáng đặc sắc, gây trồng chủ yếu bằng tách bụi và chồi, cây rất được ưa chuộng làm cây trang trí. Tuy nhiên nhân dân ta ưa trồng một chủng đẹp hơn là :

*III.C.57.a - Cholorophytum elatum* R. Br. var. *variegatum* Hort.  
(*Anthericum elatum* Ait.; *A. variegatum* Hort.)

Cây có nhiều rễ mập, màu trắng. Phiến lá màu xanh bóng, mép có viền trắng. Hoa nhỏ bé màu trắng, trên cuống chung dài, đỉnh có chồi mầm (Ảnh 88)

**III.C.58. CÂY MINH TY RÀN (Vạn niên vạch)**

*Aglaonema changeante*

(*Aglaonema marantifolium* Bl.

(*A. oblongifolium* Kth, *A. commutatum* Hort.,

*A. marantifolium* Bl. var. *commutatum* Schott.;

*A. marantifolium* var. *maculatum* Hook.)

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ các đảo Mulucca, Xê - lép và Philippin. Cây được gây trồng rất rộng rãi làm cây cảnh, cây trang trí ở nhiều nước nhiệt đới.

Cây mọc thành bụi dày, sống lâu năm, thân cao 20 - 40 cm. Lá thuôn dài nhọn cả hai đầu, gốc có cuống dài, mở rộng ở đáy thành bẹ ôm thân. Phiến lá dày màu xanh đậm, có nhiều đốm vân màu trắng dọc theo gân bên. Gân nổi rõ ở mặt dưới. Cụm hoa trên cuống chung dài, mang hoa ở đỉnh, ngoài có mo màu trắng nhỏ bao bọc. Quả mọng hình trái xoan dài 1 - 2 cm. (Ảnh 89).

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều dạng có lá đẹp bằng cách tăng tốc độ lớn của các đốm trắng trên mặt lá.

**III.C.59. CÂY MINH TY SÓNG (Vạn niên bụi)**

**Pirak**

*Aglaonema costatum* Veitch.

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc ở Malaysia và các nước châu Á nhiệt đới khác (đảo Molluc) Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh, do lá có màu sắc đẹp và dễ trồng.

Cây mọc thành bụi gần như không có thân, với thân rễ mập sống lâu năm. Lá mọc tập trung trên mặt đất, lớn, thuôn dài

đỉnh, mở rộng ở gốc và chia thùy hình tim. Cuống dài mảnh và mềm. Phiến lá màu xanh nhạt ở mặt dưới, màu xanh đậm ở mặt trên với các gân bên nổi rõ kéo dài, phần giữa các gân màu trắng. Cụm hoa là bông mo, thơm, có mo màu trắng, ngắn.

### III.C.60. CÂY MINH TỶ TRẮNG (Vạn niên bạch, Minh tỳ lá dài)

#### *Aglonema pseudobracteatum* Hort.

#### Họ Ráy (Araceae)

Cây mọc thành bụi, cao khoảng 30 - 50 cm, thân thẳng, màu trắng, có nhiều sẹo do vết lá rụng. Lá có phiến dạng trái xoan dài, thuôn nhọn ở đỉnh, gân tròn ở gốc và có cuống lá dài mở rộng ở gốc làm thành bẹ ôm thân. Lá có màu xanh đậm với các đốm lớn màu vàng hay trắng chiếm phần lớn diện tích. Cụm hoa trên cuống chung ngắn có mo màu trắng hơi xanh, bông mo màu vàng nhạt.

Quả một hạt. Cây trồng dễ dàng bằng chồi thân, hay tách bụi. (Ảnh 90).

### III.C.61. CÂY MÔN ĐỐM (Môn lưỡng sắc, Môn trở)

#### *Caladium du brésil, Caladium bicolor*

#### *Caladium bicolor* (Ait.) Vent. (*Arum bicolor* Ait.)

#### Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Brazil, quần đảo Antil), và được gây trồng rộng rãi làm cảnh, đồng thời lai tạo ra rất nhiều dạng có màu sắc lá khác nhau, để tăng tính hấp dẫn của cây trang trí.

Cây có củ tròn ở gốc, từ đó mọc lên lá và cụm hoa. Lá hình khiên rộng, thuôn tù có mũi ở đỉnh, gốc chia thùy sâu dạng tim, tròn. Cuống lá dài gấp 3 - 7 lần phiến lá, mảnh cong và gốc có bẹ. Màu sắc lá rất hấp dẫn, phiến xanh có nhiều đốm đỏ, hồng, trắng xen lẫn nhau, lớn nhỏ không đều làm cho mặt lá khá rục rờ. Tùy theo màu sắc các đốm mà chia ra nhiều chủng và dạng khác nhau.

Cụm hoa dạng bông mo. Bông mập, ngắn hơn mo, cuống chung dài. Quả mọng màu trắng (Ảnh 91).

Cây trồng ở chậu trong vườn hay trong nhà đều thích hợp. Hiện nay có gây trồng vài chủng đẹp là :

**III.C.61.a - *Caladium bicolor* Vent. var. *splendens* Engl.  
(*C.roseum* Hort.)**

Cây có lá màu xanh, mép xanh đậm, phần giữa có màu đỏ.

**III.C.61.b - *Caladium bicolor* Vent. var. *wightii* Engl.  
(*C. wightii* Hort.)**

Cây cho lá màu xanh, mặt phiến có nhiều đốm trắng đỏ xen lẫn nhau.

**III.C.61.c - *Caladium bicolor* Vent. var. *albomaculatum* Engl.  
(*C. alfred* Bleu.)**

Cây cho lá màu xanh nhạt, có nhiều đốm trắng ở giữa phiến.

Cụm hoa có mo màu đỏ.

### III.C.62. CÂY MÔN ĐỐM BẠCH TẠNG

**Caladium blanc pur**

***Caladium candidum* Hort.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có củ ở gốc, cao đến 60 cm. Lá hình khiên, gốc chia thù dạng tim, phiến hoàn toàn trắng, nổi rõ các gân màu xanh như vẽ.

Tất cả các loài và chủng Môn đốm kể trên đều mọc khỏe, dễ trồng và dễ nhân nhiều. Cây trồng và nhân giống chủ yếu bằng các mảnh củ, hay tách bụi. Cây cần đất tơi xốp, đủ độ ẩm và màu sắc đậm.

### III.C.63. CÂY MÔN THẠCH HỘC

***Zamioculcas zamiifolia* Engl.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Phi (Zanzibar). Cây thân cỏ, gốc có thân rễ lớn, thân khí sinh có gốc phủ dày thành củ dài trên mang lá xếp dạng lông chim : dày, bóng, màu xanh vàng rất đẹp. Cụm hoa dạng bông ngắn mọc ra nơi sát gốc, có mo nhỏ màu xanh.

Cây đẹp, trồng ở chậu nhỏ rất thích hợp.

### III.C.64. CÂY MÔN TRƯỜNG SINH

Dumb - cane; *Dieffenbachia picta*

*Dieffenbachia picta* Schott.

(*D. brasiliensis* Veitch., *D. shuttleworthiana* Regel)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Colombia (Nam châu Mỹ), hiện nay được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới.

Cây có thân mập, tròn, cao 0,5 - 1 m, màu xanh bóng có nhiều sẹo ở gốc do lá rụng. Lá mọc dày ở phía đỉnh, dạng thuôn dài, đầu có mũi kéo dài, gốc tròn hay tù kéo xuống có cuống mập khía rãnh và có bẹ ôm lấy thân. Phiến lá mỏng màu xanh bóng, có gân lông chim mảnh và có nhiều đốm trắng, trắng vàng hay ánh bạc. Cụm hoa ở nách lá, cuống chung mập, ngắn hơn lá, ngoài hoa có mo bao bọc (Ảnh 92).

Cây rất đẹp do dạng lá với màu sắc các đốm, nên được ưa chuộng làm cảnh. Có vài chủng đẹp là :

III.C.64.a - *Dieffenbachia tacheté*

*Dieffenbachia picta* Schott. var. *Roehrsii* Hort.

Lá lớn hơn cả và phiến có màu vàng (nhất là các lá non) trừ gân giữa và mép lá ở các lá già, màu xanh dần mới chiếm ưu thế (Ảnh 93).

III.C.64.b - *Dieffenbachia de Bause*

*Dieffenbachia picta* Schott. var. *bausei* Engler.

(*D. bausei* Regel.) (*Dieffenbachia bausei* Hort.)

Lá có phiến màu trắng nhạt, mép màu xanh.

III.C.64.c - *Dieffenbachia mémoire de Corsi*

*Dieffenbachia picta* Schott. var. *memoria* Hort.

(*D. memoria corsii* Hort.)

Lá dày có đốm màu trắng xen với, màu ánh bạc lớn ra gần mép. Tất cả các loài Môn trường sinh đều được gây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân bò dưới đất có rễ, cắt các đoạn thân, giâm sẽ cho chồi và rễ. Cây mọc khỏe, dễ trồng, làm cây trang trí rất đẹp cả ở ngoài vườn, trong chậu, dưới tán cây lẫn trong phòng.

### III.C.65. CÂY MÔN TRƯỜNG SINH XANH

Dumb - cane; *Dieffenbachia agréable*

*Dieffenbachia amoena* Hort.

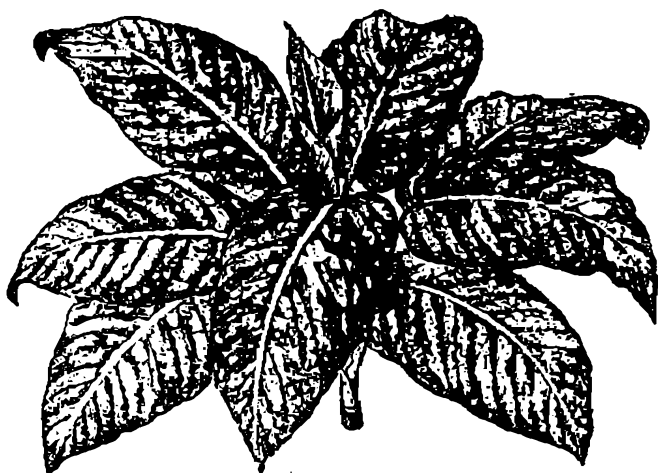
Họ Ráy (Areceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ nhiệt đới (Colombia)

Cây mọc bụi nhỏ sống lâu năm do phần thân rễ mọc trong đất. Thân hình trụ màu xanh bóng có sẹo ở gốc do lá rụng. Lá thuôn rộng, dài khoảng 30 cm, phình rộng ở giữa, thuôn cả hai đầu. Góc kéo dài thành cuống có rãnh và có bẹ. Phiến lá mỏng màu xanh đậm với các vệt dài màu vàng nhạt hay vàng xanh dọc theo gân bên, rất đều đặn làm cho lá như có bộ xương gân trắng.

Cụm hoa ở nách lá, hoa nhỏ xếp dày đặc thành bông ở đỉnh, ngoài có mo màu xanh bao bọc (hình 101)

Cây mọc khô, dễ trồng và chịu được hoàn cảnh khó khăn (thiếu ánh sáng) nên làm cây trang trí nội thất đẹp.



H.101. Môn trường sinh xanh - *Dieffenbachia amoena* Hort.

### III.C.66. CÂY NGŨ SẮC DIỆP

*Sanchezia noble*

*Sanchezia nobilis* Hook.f.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ecuador (Nam châu Mỹ), được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở các tỉnh miền Trung nước ta.

Cây bụi, cao khoảng 1 - 1,5 m, thân non 4 cạnh, có đốt, màu trắng, nhẵn, phân nhánh nhiều. Lá thuôn hình giáo, nhọn ở đầu, thuôn ở góc, dày, mép nguyên đều hay có răng tù, phiến lá mềm màu xanh bóng, trừ gân bên màu trắng, pha vàng nhạt làm thành một giải nhỏ và gân giữa màu đỏ, nhất là ở các lá non. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng chùy với nhiều lá bắc màu đỏ rộng và dày xếp úp lên nhau như bông, trong mang hoa hình ống dài hơi cong màu vàng bóng như sáp. Quả nang 8 hạt (hình 102).



H.102. Ngũ sắc điệp -  
*Sanchezia nobilis* Hook. f.

Cây có màu sắc lá đẹp hấp dẫn, trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa rất thích hợp, thường được trồng ở chậu hay các bồn hoa lớn. Cây được gây trồng bằng giâm cành hay hạt. Chúng đẹp hơn cả là :

III.C.66.a. *Sanchezia nobilis* Hook. f. var. *glaucophylla* Lem.

Lá có vạch trắng hay vàng nhạt dọc theo gân.

### III.C.67. CÂY NHUNG HOA (Cỏ xước đỏ)

**Heef plant**

***Iresine herbstii* Hook.f. (*Achyranthes verschaffeltii* Lem.)**

**Họ Rau giền (*Amaranthaceae*)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh phổ biến ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Lâm Đồng, Đà Lạt). Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, thân màu đỏ tím xám, nhẵn, phân cành ít. Lá mỏng, mọc đối, màu đỏ tím, nổi rõ các gân màu đỏ ở mặt trên, màu đỏ đậm ở mặt dưới. Lá thuôn rộng ở đỉnh và lõm như chia thùy. Cụm hoa thưa mang hoa nhỏ màu trắng, ngoài có lá bắc lớn dạng vẩy.

Cây được trồng làm cảnh do màu sắc của lá.

Có một chủng cho lá đẹp hơn là :

**III.C.67.a - *Iresine herbstii* Hook. f. var. *aureo-reticulata* Hort.**

Lá màu đỏ tím hay lam đỏ với các gân màu vàng.

Hiện nay ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có gây trồng một loài khác là :

Cây Nhung hoa dài.

**III.C.67.b - *Iresine linlenii* Van-Houtte (*Achyranthes acuminata* Hort.)**

Cây có nguồn gốc từ Ecuador (Nam châu Mỹ) có thân đỏ tím xám, lá mọc đối, dạng thuôn dài, nhọn cả 2 đầu, màu đỏ xám. Cây trồng làm cảnh ở các bồn hoa rất đẹp.

### III.C.68. CÂY Ô RÔ ĐỎ

***Pseuderantherum carruthersii* (Seem.) Guill. var. *atropurpureum* (Bull.) Fosb.**

**Họ Ô rô (*Acanthaceae*)**

Cây gỗ nhỏ cao khoảng 1,5 m, nhưng thường được xén tỉa làm thành cây bụi thấp, trồng làm cảnh. Thân phân nhánh nhiều, nhẵn. Lá thuôn tròn, đầu lá kéo dài nhọn, gốc tù có cuống ngắn, màu đỏ bầm với các đốm nhạt, ít khi có màu vàng với các đốm đỏ.



Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh, mang hoa màu trắng có trung tâm màu hồng và thùy cánh tràng có đốm vệt đỏ.

Do màu sắc đặc biệt của lá, nên thường được gây trồng dày đặc để khảm với các loài cây có màu lá khác, hay làm cây viền bồn hoa, dọc lối đi.

### III.C.69. CÂY Ô RÔ SAO TÍM

*Asystasia chelonoides* Nees.  
(*Pseuderanthemum gracilliflorum*)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Srilanca...). Cây mọc bụi nhỏ cao khoảng 1 m, phân cành nhiều, dài. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh cành, thưa. Hoa màu tím, mép viền trắng, dạng ống chia thùy hình sao (phân biệt 2 môi) cây đẹp, trồng ở chậu nhỏ bày ở vườn hay trong nhà đều được.

### III.C.70. CÂY Ô RÔ XANH

*Pseuderanthemum crenulatum* (Ldl.) R. Benoist

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng ẩm. Cây thân cỏ, cao 50 cm. Lá mọc đối thuôn tù ở đầu, hẹp ở gốc thành cuống ngắn, phiến lá màu xanh bóng, mặt dưới lá nhạt hơn.

Cụm hoa dạng bông dài khoảng 10 cm, cho hoa to đẹp, màu tím nhạt với các đốm đỏ trên thùy tràng. Quả nang.

### III.C.71. CÂY PHÁT TÀI (Phát dụ xanh)

Belgian evergreen

*Dracaena sanderiana* Sander forma *virescens* Hort.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây được gây trồng rất phổ biến, nhất là được cắm trong các lọ nước để vừa làm cảnh, vừa là cho cây "phát tài" khi buôn bán. Cây mọc khỏe, xanh tươi quanh năm, cho rễ chùm lớn, sống lâu.

Cây mọc thành bụi, cao 1 - 1,5 m, nhưng thường cắt đoạn thân mang lá nên chỉ dài 36 - 50 cm, thân mảnh, đường kính khoảng 1 cm, có lông dài 10 - 15 cm. Lá thuôn hình giáo dài 10 - 20 cm màu xanh bóng, mềm, đầu lá thuôn nhọn uốn ra phía ngoài, gốc kéo dài thành bẹ mỏng ôm thân. Lá thường mọc tập trung ở đỉnh thân, và tỏa tròn đều.

Nếu trồng ở chậu có thể trồng thành bụi nhỏ, cây dễ nhánh mạnh, còn cắt đoạn cắm lọ mọc rễ khô có thể trồng lại ở đất. Sau một thời gian cắm lọ, lá xanh đậm già, thường bỏ đi thay các đoạn thân mới.

### III.C.72. CÂY PHÁT TÀI SỌC (Phát dụ sọc)

**Belgian evergreen, *Dracaena de Sander***

***Dracaena sandariana* Hort.**

**Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (Camerum) và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước để làm cảnh, làm cây trang trí.

Cây mọc bụi khá dày, cao đến 1 - 1,5 m và đường kính 1 cm, nhưng thường trồng bằng các đoạn thân nên trở thành cây lùn trồng ở các chậu. Lá mọc cách thường tập trung nhiều ở đoạn trên. Lá hình giáo, thuôn đều ở hai đầu, phình ở giữa phiến, đầu nhọn. Gốc lá kéo dài thành bẹ hẹp ôm thân. Phiến lá thẳng đứng hay hơi cong, mềm màu xanh bóng nhạt với các sọc hẹp màu trắng hay vàng nhạt dọc theo gân giữa cũng như có viền ở mép. (Ảnh 94)

Cây rất hiếm thấy có hoa, và gây trồng chủ yếu bằng cách tách các bụi hay đoạn thân.

### III.C.73. CÂY PHÁT DỤ

***Dracaena deremensis* Engl. var. *warneckeii* Hort.**

**Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, vì có lá đẹp nên trồng làm cảnh phổ biến ở nhiều nước.

Cây gỗ nhỏ, cao 3 - 5 m, chia nhánh lớn. Lá mọc tập trung ở đỉnh thân dạng thuôn hình giáo, dài 30 - 45 cm, rộng 4 - 5 cm đầu thuôn dài, hạp lại ở gốc thành cuống dẹt có bẹ ôm thân. Phiến màu xanh bóng, có sọc trắng ở giữa dọc theo gân chính. Mép lá màu xanh đậm, tiếp theo đó có hai dải dọc màu trắng bạc và ở giữa màu xanh xám.

Cụm hoa gần tròn mang hoa thưa. Hoa màu đỏ sẫm ở mặt ngoài, màu trắng ở trong.

Chủng đẹp hơn cả là :

*III.C.73.a - Dracaena deremensis* Engl. var. *bausei* Hort.

### III.C.74. CÂY PHÁT DỤ HẸP (Bồng bồng)

Corn plant, dracaena

*Dracaena angustifolia* Roxb.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới, nhưng được gây trồng khá rộng rãi làm cây cảnh ở trong chậu hay trong vườn trên nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây thân gỗ nhỏ, dạng trụ, đường kính 3 - 4 cm, cao 1 - 3 m, thuôn đều có ngắn do se lá rụng để lại. Lá mọc tập trung ở đỉnh thân, dạng thuôn hẹp, mềm uốn cong màu xanh đậm, thuôn dài có mũi ở đỉnh, hẹp dần làm thành bẹ ở gốc.

Cụm hoa dạng chùy rộng, ở đỉnh thân, mọc thẳng đứng, mang nhiều hoa. Hoa màu vàng nhạt, lớn 2 cm. Quả hình cầu màu vàng hay đỏ, một hạt.

Cây dễ trồng bằng các chồi, nhánh hoặc các đoạn thân. Cây mọc khỏe, nhanh, chóng cho tán lá rộng, xanh quanh năm, làm cây trang trí ở vườn hay trồng ở chậu nơi hàng hiên.

### III.C.75. CÂY PHÁT DỤ MẢNH

Madagascar dragon tree

*Dracaena gracilis* Wall. (*D. marginata*)

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới. Cây thân cột mảnh, cao 1 - 4 m, phân nhánh nhỏ, ít. Lá tập trung ở đỉnh, dạng thuôn hẹp, đầu nhọn, màu xanh bóng. Cụm hoa chùm có nhiều tán. Hoa nhỏ màu vàng nhạt. Chùm đẹp nhất là :

*D. gracilis* var. *tricolor* Hort. Lá có nhiều vạch dài màu vàng cam, chuyển dần sang xanh nhạt (Tiếng Anh là Rainbow tree).

### III.C.76. CÂY PHÁT DỤ RỒNG (Huyết rồng)

Dragon tree, Dragon's blood

*Dracaena draco* L.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây khai thác từ vùng núi đá, dọc bờ biển miền Trung, có dáng đồ sộ, đẹp, hấp dẫn nên được trồng làm cảnh gần đây. Cây có thể cao đến 20 m, mập, tròn, có nhiều sẹo lá rụng. Lá tập trung ở đỉnh, dày, mập, cứng, thuôn nhọn, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa lớn, hoa nhỏ màu xanh nhạt. Quả màu đỏ.

Ở vùng nguyên sản (đảo Canary) chắt thân có nhựa đỏ. Cây vùng núi đá nước ta không có nhựa đỏ.

### III.C.77. CÂY PHÁT DỤ TRÚC (Trúc nhật, Phát dụ đốm mờ)

*Dracaena surculosa* Lindl. var. *punctulata* Hort.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Tây châu Phi nhiệt đới, nhưng dáng cây như các bụi trúc nhỏ Á châu, nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh ở chậu và trong vườn nhỏ.

Cây mọc thành bụi thưa, cao khoảng 1 m, thân mảnh dài, mềm mại phân nhánh ít, có lông dài do các sẹo do lá rụng hay có vẩy do lá thoái hóa. Lá mọc đối hay chụm ba xếp vòng quanh thân. Phiến lá rộng, hình bầu dục dài, mềm mại như lá tre, nhẵn bóng màu xanh nhạt hay xanh ô liu, với các đốm mờ tròn nhỏ màu xanh đậm rải rác, gân lá không nổi rõ, chỉ thấy 1 gân chính ở giữa, mép lá nguyên, thuôn dài cả hai đầu.

Cụm hoa trên cuống chung dài, thẳng mang hoa xếp tỏa tròn ở

đỉnh. Hoa nhỏ bé, dài, màu vàng nhạt hay trắng sữa, hẹp. Rất hiếm thấy quả.

Cây dễ trồng bằng cách tách bụi, giâm cành mọc khỏe, chịu được che bóng nên làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều thích hợp.

### III.C.78. CÂY PHẮT DỤ TRÚC LANG (Trúc nhật đốm)

*Gold dust dracaena, dracaena de godseff*

*Dracaena godseffiana Hort.*

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Côngô (châu Phi) và được gây trồng làm cảnh ở nước ta từ khá lâu.

Cây mọc thành bụi như trúc sậy, cao khoảng 50 - 100 cm, phân chia nhánh nhỏ. Lá mọc đối hay vòng, thuôn tròn dài, trông như lá tre, nhưng mềm mại hơn và bóng hơn. Đầu lá thuôn có mũi, gốc có cuống rất ngắn gần như chỉ có bẹ nhỏ. Phiến màu xanh nhạt có nhiều đốm loang lỗ tròn màu trắng hay vàng nhạt (lá non càng loang lỗ nhiều). Cụm hoa chùy dài, cuống chung vươn ra cứng, mang hoa ở đỉnh. Hoa nhỏ, quả mọng tròn màu đỏ hay vàng. (Ảnh 95)

Cây trồng ở chậu làm cảnh đẹp, trông như một bụi trúc, mảnh mai có lá đặc sắc xanh quanh năm. Cây chịu được che bóng nên có thể làm cây trang trí nội thất được. Cây được gây trồng chủ yếu bằng cách tách các bụi, hay giâm, các bụi nhỏ chóng đẻ nhánh cho chồi dài xanh bóng.



H.103. Phất dụ vân -  
*Dracaena goldieana Bull.*

### III.C.79. CÂY PHÁT DỤ VẦN

*Dracaena de goldie*

*Dracaena goldieana* Bull.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở bờ biển phía Tây của châu Phi nhiệt đới.

Cây có thân mềm, mọc thẳng đứng thành bụi cao đến 4 m (thường chỉ cao 1 m). Thân đơn, màu xanh đậm bóng. Lá mọc từ gốc thân, dạng trái xoan đầu nhọn kéo dài, gốc có phiến không đều, kéo dài thành cuống có bẹ ôm thân, mép lá răn reo, phiến mềm, trái rộng có nhiều vằn răn rì ngang, màu lục nhạt hay trắng nhạt trên nền lá xanh, bóng. Cụm hoa dạng chùy tròn mang hoa sát nhau, dày đặc. Hoa lớn màu trắng thơm và lâu tàn. Quả mọng màu da cam (Hình 103)

Cây trang trí trong nhà rất phù hợp.

### III.C.80. CÂY PHU LỆ BÒ (Lá lệch đá, Thổ yên hoa)

*Pellionia de daveau*

*Pellionia repens* (Lour.) Merr.

(*P. daveauana* N.E. Br.; *Begonia daveauana* Carr.)

Họ Gai (Urticaceae)

Cây có nguồn gốc ở Việt Nam (Nam Bộ) Mianma và Trung Hoa, do dạng lá đặc sắc nên được gây trồng làm cảnh ở hòn non bộ hay các chậu cảnh. Cây mọc tự nhiên ở vùng núi cao ẩm và núi đá vôi.

Cây thân cỏ mọc bò, nhẵn. Thân dày nạc gần như mọng nước, có đốt và có rễ ở các nơi tiếp xúc với đất. Thân phân nhánh nhiều. Lá mọc cách, dày, chẵn, dạng trái xoan thuôn hay hình giáo bầu dục, gốc chia thùy dạng tim không đối xứng, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng tù, màu đỏ nhạt hay tím ở giữa. Gốc phiến nổi rõ 4 gân mảnh, uốn cong.

Cụm hoa cái dạng lông ngắn ở nách lá, màu đỏ nhạt (Ảnh 96)

Cây chủ yếu trang trí bằng màu sắc và vân trên lá

Hiện nay còn trồng làm cảnh 1 chủng là :

*III.C.80.a - Pellionia rapens* (Lour.) Merr. var. *viridis* N.E.Br.

Cây tuy to lớn, mập mập hơn, lá rộng hơn, nhưng ít đẹp vì phiến lá chỉ có một màu xanh bóng, không có đốm.

### III.C.81. CÂY PHU LỆ ĐẸP

*Pellionia gracieux*

*Pellionia pulchra* N.E.Br.

Họ Gai (Urticaceae)

Cây mọc hoang dại trong các rừng ẩm nước ta, chủ yếu ở các tỉnh miền Nam.

Cây thân cỏ mọc bò, mập, phân cành nhánh nhiều và gốc đốt có rễ. Lá thuôn bầu dục, tròn ở đỉnh, lệch ở gốc, mặt trên màu xanh bóng, nổi rõ các gân có các vạch màu xanh đậm, có lông. Mặt dưới lá màu tím nhạt, và các gân lá cũng có màu đỏ đậm hơn.

Với dáng bò đẹp và lá có vân nên làm cây trồng ở chậu hay ở các hòn non bộ rất phù hợp. Nhân giống bằng các đoạn cành có rễ hay bằng hạt (ít phổ biến).

### III.C.82. CÂY RÁY CẢNH (Ráy bụi)

Egyptian onion

*Alocasia macrorrhiza* (L.) G.Don

(*Caladium odoratum* Lindl.; *Colocasia odora* Brongn.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanka). Cây có thân rễ mập và cả cây cao từ 0,5 - 1,5 m. Lá rất lớn hình thuôn mũi mác, màu xanh bóng, nhẵn, mép hơi gợn sóng. Cuống lá mập có khi dài đến 1 m. Lá xếp dày đặc, xòe rộng.

Cụm hoa trên cuống chung mập, mọc thẳng. Mo hoa có phần ống hình trứng thon, bền và phần phiến phía trên màu lục hay vàng lục, hơi uốn cong, chóng rụng. Quả mọng hình trứng ngắn (Hình 104).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, xanh quanh năm, gây trồng ở vườn, dọc theo bờ tường hay trồng ở chậu rất thích hợp. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân rễ, mọc nhanh, chóng thành bụi dày.

### III.C.83. CÂY RÁY XÈ

*Alocasia de Sander*

*Alocasia sanderiana* W. Bull.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các quần đảo vùng Viễn đông châu Á. Hiện được gây trồng làm cảnh, vì có dáng cây rất đặc biệt. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các tỉnh miền Nam.

Cây có thân rễ mập, lá mọc tập trung ở sát mặt đất. Lá lớn, chia thùy dạng lông chim, các thùy tròn đều, xếp tỏa ra khá đẹp. Lá dài đến 30 cm. Phiến lá dày, bóng mềm, màu xanh bóng, trừ các gân lá và viền theo mép có màu trắng hay xanh nhạt, mặt dưới lá màu đỏ thẫm. Cuống lá cứng, thẳng đứng mảnh, màu xanh đậm có các vạch mờ.



H.104. Ráy cảnh - *Alocasia macrorrhiza* G.Don

Cây quý hiếm, có thể nhân giống bằng cách tách các chồi từ thân rễ, cây làm cảnh đẹp, cần phát triển làm cây trồng ở chậu và trang trí trong phòng. Có thể trồng bằng một đoạn thân rễ.

### III.C.84. CÂY SẮN VÀN

Variegated sweet Potato

*Manihot esculenta* Crantz. var. *variegata* Hort.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil). Cây có củ trong đất. Thân mọc thẳng cao 1 - 2 m. Lá xẻ thùy chân vịt sâu (5 - 8



thùy) màu xanh bóng có vân đốm màu trắng ngà dọc theo gân cuống dài màu đỏ. Cụm hoa chùm thưa, hoa nhỏ màu vàng, đơn tính trần. Bầu 3 ô. Quả nang có gai.

Cây trồng làm cảnh ở các bồn cỏ được.

### III.C.85. CÂY SONG DI

**False aralia, Fingerleaf aralia, Elegant aralia.**

***Dizygotheca elegantissima* Vig. et Guill.**

**Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tân Calédoni. Cây bụi, hóa gỗ ở gốc, phân cành nhiều (nơi nguyên sản cao đến 8 m) mềm, dài. Lá kép chân vịt, 7 - 9 lá phụ dạng hẹp, dài, mép có răng thưa, màu nâu tím đậm, cụm hoa tán, hoa nhỏ.

Cây trồng cho lá đẹp, làm cảnh ở chậu rất thích hợp.

### III.C.86. CÂY TAI TƯỢNG TRỐ

**Copper- leaf, Ricinelle de wilkes, Fire dragon plant, Jacob's coat, Beefsteak plant**

***Acalypha wilkesiana* Muell- Arg**

**(*A. tricolor* Hort. ex Seem.).**

**Họ Thấu dầu (Euphorbiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tân Hêbrit (châu Phi) và các đảo Thái Bình Dương, được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh, vì cây mọc khỏe, lá có nhiều dạng màu sắc khác nhau (các chủng).

Cây mọc thành bụi thấp, cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều, mọc thẳng đứng, mang lá đều đặn hay tập trung ở đầu cành.

Lá dạng trái xoan mở rộng, nhọn đầu, màu xanh đồng với mép có vạch đỏ, hay màu hồng đậm (tùy theo các chủng khác nhau).

Cụm hoa là bông mang hoa thưa, ngắn hơn lá. Hoa cái nằm trong một lá bắc lớn dạng nón, mép khía răng. Rất hiếm thấy quả (Ảnh 97).

Cây mọc khỏe, phân cành nhánh mập và lá luôn luôn xanh. Cây ưa sáng nên thường được trồng nơi thoáng ngoài vườn hay công viên rộng. Nhân giống chủ yếu bằng giâm cành. Nếu đầy đủ độ ẩm

và đất tơi xốp, chồi và rễ nảy ra rất sớm, cây chóng trưởng thành. Hiện nay ở nước ta có một số chủng đẹp được gây trồng là:

*III.C.86a. Cây Tai tượng trở to*

*Ricinella à grandes feuilles*

*Acalypha wilkesiana* Muella.- Arg. var. *macrophylla* Bail

(*A. macrophylla* Humb. et Bonpl.)

Lá lớn, hình trái xoan, gốc hình tim đầu nhọn, mép lá khía răng cưa, màu đỏ nâu với các vạch màu hồng tươi hay đỏ da cam.

*III.C.86b. Cây Tai tượng trở xoan*

*Ricinella a grandes feuilles obovales*

*Acalypha wilkesiana* Muell.- Arg. var. *obovata* Hort. (*A. obovata* Benth.)

Lá hình trái xoan rộng, tròn ở gốc, màu xanh bóng (ô liu), khi non có mép màu vàng nhạt, khi già có màu ô liu nhạt với mép màu đỏ sẫm.

*III.C.86c. Cây Tai tượng trở tim*

*Ricinella de Macafée*

*Acalypha wilkesiana* Muell.- Arg. var. *macafeana* Hort.

(*A. macafeana*)

Lá dạng bầu dục, gốc chia thùy hình tim, nhọn đầu, mép có răng hay chia thùy không đều màu đỏ đồng, với các vân màu đỏ tím.

*III.C.86d. Cây Tai tượng trở xanh*

*Ricinella mosaïque*

*Acalypha wilkesiana* Muell.- Arg. var. *macafeana* Hort.

Lá màu xanh đồng, với các đốm vạch màu cam hay đỏ.

*III.C.86e. Cây Tai tượng trở mép*

*Acalypha wilkesiana* Muell.- Arg. var. *marginata* Hort.

Lá lớn, màu nâu ô liu, mép màu đỏ sẫm.

*III.C.86g. Cây Tai tượng trở đốm*

*Ricine la triomphante*

*Acalypha wilkesiana* Muell.- Arg. var. *triumphans* Hort.

(*A. triumphans* Lindl. et Rod.)

Cây có nguồn gốc ở đảo Salômôn. Lá to dạng túi, nhọn đều, mép có răng, nhiều đốm nâu đỏ, đỏ thẫm, lục, với gân lá màu lục nhạt.

### III.C.87. CÂY TAI VOI

*Chirita eherhardtii* Pellegrin

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây mọc hoang dại ở vùng núi đá vôi miền Trung nước ta, nhưng do có dạng thân, lá khá đặc sắc nên thường được gây trồng làm cảnh trên các hòn non bộ ở khắp nước ta.

Cây thân cỏ ngắn cao khoảng 10 cm, có lông dày. Lá mọc cách, hình bầu dục, mép lượn sóng, gân nổi rõ, có 3 - 4 đôi, có lông cả hai mặt. Cuống có lông.

Cụm hoa gồm nhiều xim thưa, mang ít hoa, khoảng 12 chiếc. Hoa màu trắng có vạch tím hay xanh lơ. Quả nang hẹp, dài 3 cm. Hạt hình thoi màu nâu.

Cây có dáng lá và hoa đẹp, nên thường thu hoạch tự nhiên đem về trồng. Cây có thể gây giống bằng tách bụi hay bằng hạt.

Cây mọc khô ưa ẩm mát, có thể chịu được che bóng, rất thích hợp với vùng núi đá, làm cây trang trí trong phòng được.

### III.C.88. CÂY THÀI LÀI TÍA (Hồng trai)

Cockroach grass, Wandering Jew, Zebrina, Misère,  
Ephémère zébrée

*Tradescentia zebrina* Bosse (*Zebrina pendula* Schnizl.;  
*Cyanotis vittata* Lindl.; *Commelina zebrina* Hort.)

Họ Thài lài (Commelinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ), lá có màu sắc đẹp và mọc khô nên được trồng làm cây cảnh rất phổ biến ở khắp các nước trên thế giới.

Cây thân cỏ, mọc bò dài và dựng đứng ở đầu, phân cành nhánh nhiều, mảnh, mang rễ ở các đốt sát đất và có lông trắng ở gần các đốt. Lá mọc cách, hơi xa nhau, dạng trái xoan nhọn đầu, phiến trên màu xanh có sọc màu trắng bóng và xanh đậm ở chính giữa dọc theo gân chính và ở mép. Mặt dưới màu đỏ tía. Cụm hoa ở ngọn

cành dạng chùm ngắn. Hoa nhỏ, không cuống thường xếp 4 chiếc ở giữa 2 lá ngọn màu hồng tím. Quả nang nhiều hạt (Hình 105).

Cây dễ gây trồng bằng các đoạn cành có rễ, mọc nhanh chóng phủ kín mặt đất. Có thể trồng thành bãi hay trong các chậu treo cao để cành dài thông xuống hay trên các tầng đá non bộ.

### III.C.89. CÂY THÀI LÀI TÍM (Trai đỏ)

*Purple tradescantia* .

*Tradescantia pallida* (Roxb.) Hunt.

(*Setcreasia purpurea* B.K.Boom.)

Họ Thài lài (Commelinaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô).

Cây mọc bò dài, phân cành ngắn cong hay thẳng đứng. Thân mảnh, dài màu tím có sọc xanh. Lá đơn, mọc cách, phiến dày, dạng trái xoan dài, thuôn cả hai đầu màu đỏ ở mặt dưới, màu tím tươi ở mặt trên, mép lá có lông dày và gân nổi rõ ở mặt dưới. Cụm hoa rất ngắn ở ngọn cành, ngay trong bẹ các lá ở đỉnh. Hoa lại nằm trong hai lá bắc lớn. Hoa nhỏ, màu đỏ thắm pha tím, ít hấp dẫn nhưng làm cảnh bằng lá tươi quanh năm. Rất hiếm thấy quả (Ảnh 98).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành có rễ, chóng dễ nhánh và lan kín mặt đất.



H.105. Thài lài tím –  
*Zebrina pendula* Schn.

### III.C.90. CÂY THÍCH TÍM

Red cutleaf japanese maple.

*Acer palmatum* L. var. *atropurpureum*

Họ Thích (Aceraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phương Bắc (Nhật Bản, Triều Tiên). Cây gỗ nhỏ dạng bụi cao khoảng 8 m (nơi nguyên sản) lá mềm, mọc đối, chia 5 - 9 thùy chân vịt, màu đỏ tía hay tím hồng, rụng lá theo mùa. Lá đẹp. Hoa màu tím. Cây thường gây trồng cắt xén làm thành Bonsai phổ biến ở Nhật Bản. Nước ta mới nhập trồng bằng giâm cành. Quả có cánh.

### III.C.91. CÂY THIÊN MÔN ĐÔNG (Tút thiên nhon)

*Asparagus acerosus* Roxb.

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây bụi nhỏ, có cành nhánh mềm sống dựa, cao đến 1 - 3 m. Các nhánh mọc cách, nhẵn, màu vàng, có gai thẳng. Diệp chi dính 3 - 6 chiếc ở một chỗ, có 3 cạnh và hình mũi dùi ở đỉnh, dài đến 3 cm. Lá nhỏ dạng sợi.

Hoa tập trung thành chùm, mọc ra ở nách các nhánh con. Hoa màu trắng, rất thơm. Quả mọng có 1 hạt hình trắng, nhẵn.

Cây cho hoa nở vào mùa hè nên được ưa chuộng gây trồng làm cảnh, và lấy rễ củ làm thuốc. Ngoài ra cây còn mọc hoang dại ở các tỉnh miền Trung và miền Nam. Tuy nhiên do cành lá màu xanh bóng, lâu tàn nên vẫn thường dùng cây để trang trí ở vườn hay trong nhà.

### III.C.92. CÂY THIẾT MỘC LAN (Phất dụ thơm)

Cornstalk- Plant, *Dracaena odorant*

*Dracaena fragrans* (L.) Ker- Gawl.

(*Aletris fragrans* L.; *Sansevieria fragrans* Jacq.)

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, và được gây trồng làm cảnh rộng rãi trên thế giới, vì cây có dáng đẹp, lá đặc sắc.

Cây có thân hình cột, cao khoảng 3 - 5 m, đường kính 3 - 4 cm, nhưng thường chỉ để mọc cao 1 - 2 m làm cảnh, thân rất ít khi phân nhánh (trừ khi trồng ở vườn rộng và sống lâu năm). Lá hình giải giáo, mọc tập trung ở đỉnh, đầu thường cong xuống, gốc hẹp dần thành bẹ, màu xanh bóng. Cụm hoa là chùm dài, uốn cong ra ngoài đám lá. Hoa lớn màu trắng nhạt hay vàng nhạt, thơm, mọc sát nhau ở các điểm như tán giả. Quả mọng, màu đỏ.

Cây trồng làm cảnh trong các chậu, ưa đất tốt, nhiều nắng, nhưng cũng có thể chịu được nơi đất xấu và che bóng một chút, do đó làm cây trang trí trong phòng được. Hiện nay thường gây trồng các chủng sau:

*III.C.92a. Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *lindenii* Hort.  
(*Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *variegata* Hort.)

Lá màu xanh bóng, điểm 3 - 5 sọc vàng nhạt hay có 1 sọc giữa lớn hơn cả, chạy dọc theo gân chính và hai sọc ở mép.

*III.C.92b. Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *massangeana* Hort. (*Dracaena massangeana* Hort.)

Lá màu xanh đậm, có một sọc lớn màu vàng ngà ở giữa và một vài mảnh song song màu vàng (Ảnh 99).

Tất cả các chủng và loài Thiết mộc lan đều mọc khỏe, xanh tươi quanh năm và được gây trồng bằng cách giâm các khúc thân. Các đoạn thân rất chóng cho ra rễ và chồi mang lá trên các chồi ngủ nơi nách lá rụng. Các đoạn thân ngắn (dài 10 - 20 cm) có thể trồng ở chậu nhỏ hay trong chậu nước, cây vẫn mọc khỏe và lá xanh tươi do đó cây được trồng rất phổ biến làm cây trang trí ở các bàn làm việc hay bàn trà trong nhà.

**III.C.93. CÂY TI LIỄU (Thùy ti liểu, Liễu bách)**

**Salt cedar, Tamarisk tree**

***Tamarix indica* Wall. (*T. chinensis* Lour.)**

**Họ Ti liểu (Tamaricaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc. Cây gỗ nhỏ hay hơi nhỏ, phân cành nhiều, mảnh, màu nâu hơi đỏ. Lá rất nhỏ, hình vẩy xếp lợp

lên nhau như lá dạng từng bách, màu xanh bóng làm cho cả cành già có màu xanh. Cành dài, mềm, vươn cao hay buông rủ.

Cụm hoa là chùy dài gồm nhiều bông dày đặc. Lá bắc mảnh như sợi chỉ nhọn đầu. Hoa nhỏ bé (Ảnh 100).

Cây có dáng đẹp, mềm mại, xanh quanh năm nên rất được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi bồn hoa hay trong chậu.

### III.C.94. CÂY TI LIỄU RỬ (Liễu bách rủ)

*Tamarix pallassii* Desv. (*T. pentandra* Pall.)

Họ Ti liễu (Tamaricaceae)

Cây gỗ nhỏ, cành non màu hơi đỏ, mềm ít khi thẳng, thường nghiêng hay rủ xuống như cành liễu. Lá hình vẩy nhỏ, ôm lấy một phần nửa cành.

Cụm hoa hình chùy thưa, gồm nhiều bông mang hoa xếp dày đặc. Hoa nhỏ bé.

Cây được trồng làm cảnh khá phổ biến nơi vườn hoa, công viên hay trồng trong chậu lớn, làm cây uốn thế, cây ở hòn non bộ.

### III.C.95. CÂY TÍA TÔ CẢNH (Tía tô tây, Cẩn cảnh)

*Coleus de blume*, Guillouk, Painted Nettle

*Coleus blumei* Benth. (*C. verochaffeltii* Lem.;

*C. scutelerioides* Benth. var. *blumei* Miq.).

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc ở Java và các đảo của Indonêsi-a, nay được gây trồng làm cảnh trên toàn thế giới.

Cây có thân cỏ, vuông góc rõ rệt, mọc thẳng đứng thành bụi dày, cao khoảng 35 - 60 cm. Thân phân nhiều nhánh. Lá mọc đối dày, hình trứng ngược mép khía răng, mặt trên lá màu tía có mép viền màu lục, hay lá có màu đỏ tím, mép có viền lớn màu vàng tươi. Viền không đều nhau, chỗ lớn chỗ nhỏ theo khía răng. Cứng lá dài, mảnh màu đậm như lá.

Cụm hoa ở ngọn cành, dạng xim đơn mang các đốm có các vòng hoa xếp dày. Lá bắc màu tía sẫm rụng. Hoa nhỏ, có cuống ngắn. Cánh tràng hợp thành ống dài gầy khúc, trên mở rộng chia 2 môi (Ảnh 101).

Cây mọc khỏe, chịu được nóng, trải nắng, cho lá rục rờ, Cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt. Cây chóng lớn lá nhiều che phủ đất trồng.

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều màu sắc khác nhau trên mặt lá. Sơ bộ có thể kể:

**III.C.95a. *Coleus Marie* Bocher**

Toàn bộ cây và lá có màu vàng lục nhạt.

**III.C.95b. *Coleus Marie* Guillot**

Lá có màu đỏ sẫm bóng ở giữa, mép lá màu xanh bóng.

**III.C.95c. *Coleus President* Druetz**

Lá có màu tím đậm gần như đen, nổi rõ những vạch vân đỏ tươi.

**III.C.95d. *Coleus triomphe* du Luxembourg**

Lá lớn màu đỏ nhạt ở giữa, mép lá màu vàng xanh nổi lên các hạt màu nâu.

**III.C.95e. *Coleus verdier***

Lá mở rộng màu vàng có đốm đỏ, mép màu vàng tươi.

**III.C.95g. *Coleus verschaffelti***

Lá răn reo, màu tím nâu có mép màu lục vàng nhạt.

**III.C.95.h. *Coleus Queen victoria*** : Lá màu nâu tươi ở giữa, mép màu vàng.

**III.C.96. CÂY TÍA TÔ MẬP**

***Coleus à port de scutellaire***

***Coleus scutellarioides* Benth. (*Ocimum scutellarioides* L.; *Plectranthus nudiflorus* Willd.)**

**Họ Hoa môi (Lamiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây khỏe, mập, phân nhánh ngay



từ gốc. Lá hình bầu dục thuôn, kéo dài mũi ở đỉnh, tròn ở gốc, có cuống lá, mép khía răng cưa. Mặt trên lá màu xanh xám, mặt dưới màu nâu. Cụm hoa dạng xim đơn dài, hoa mọc vòng đều đặn, màu xanh, có vệt trắng. Cây làm cảnh, trang trí cho các bồn hoa hay trồng khảm với các loài cho lá có màu khác.

### III.C.97. CÂY TÍA TÔ TÍM

**Perilla**

***Perilla frutescens* (L.) Britton (*Ocimum frutescens* L.;  
*P. ocymoides* L.; *Mentha perilloides* Willd.)**

**Họ Hoa môi (Lamiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Quốc, do màu sắc đẹp của lá mà được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh.

Cây thân cỏ, cao 0,5 - 1,5 cm. Thân vuông, mọc đứng, phân nhánh nhiều. Lá mọc đối hình trái xoan nhọn, hai mặt đều màu tím bóng nhẵn, óng ánh bạc, gân lá mảnh nổi rõ, mép khía răng cưa đều mảnh. Lá xếp chéo chữ thập sát nhau nên trông để phủ đất làm nền cho các loài cây có hoa đẹp khác rất thích hợp.

Cụm hoa ở đầu cành và kẽ lá. Hoa nhỏ màu trắng xếp rất sát nhau làm cho cụm hoa gần tròn. Quả bế bốn, hình cầu, màu nâu tím.

Cây trồng rất dễ dàng bằng hạt, hay các đoạn cành có rễ nơi tiếp xúc với đất. Cây mọc khỏe, cho lá sát nhau, dày đặc. Để làm cảnh, thường chọn mấy chủng có lá màu sắc đẹp là :

**III.C.97.a. *Perilla frutescens* Brit. var. *nankinensis* Bailey**

Lá lớn, mỏng, màu tím pha sáng hay nâu đỏ bóng, óng ánh bạc, gân rất mảnh có lông.

**III.C.97.b. *Perilla frutescens* Brit. var. *variegata* Bailey**

Lá màu tím hay nâu với các vạch đốm màu trắng rất đẹp.

**III.C.97.c. *Perilla frutescens* Brit. var. *laciniata* Bailey**

Lá xẻ thùy sâu đến gần giữa phiến, răn reo.

### III.C.98. CÂY TRÓC BẠC

**African evergreen**

***Syngonium podophyllum* Schott. var.  
"imperial white" Hort.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mehico, Costa-Rica (châu Mỹ). Cây mọc thẳng, rồi buông thông xuống, dài, mềm, thân có đốt và rễ phụ. Lá hình tim sâu, mũi nhọn. Gân rõ màu trắng nổi bật trên phiến màu xanh bóng. Cuống lá dài mềm uốn cong. Cụm hoa dạng bông dày có mo.

Cây có dáng đẹp, mềm mại, thường trồng ở các giỏ có quang treo cao. Ngoài ra còn gây trồng loại Tróc bạc ba - *Syngonium wendlandii* với lá có 3 lá nhỏ, gân trắng sắc sảo.

### III.C.99. CÂY TƯỚC KIM CHI

**Jerusalem thorn, Mexican palo verde**

***Parkinsonia aculeata* L.**

**Họ Vàng (Caesalpinaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ nhiệt đới đến đảo Cape Verde. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m có gai lớn. Lá kép lông chim. Lá phụ dạng sợi. Cụm hoa dài 20 cm, hoa màu vàng. Quả hình trụ dài.

### III.C.100. CÂY VẠN NIÊN THANH (Trầu bà)

**Pothos doré**

***Scindapsus aureus* (Lind. et And.) Engl. (*Pothos aureus*  
Lind. et And.; *P. aureo - maculata* Hort).**

***Epipremnum pinnatum* (L.) Engl. *W. aureum* Nichols.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ các đảo Salômôn (Thái Bình Dương) và được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi trên nhiều nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam cây được trồng hầu hết ở các gia đình từ Bắc vào Nam, làm cây trang trí nội thất phổ biến. Cây khi sống trong đất ẩm thì cho lá to, dày bóng, khi trồng trong nước thì cho lá hẹp lại, cành trắng ra và vươn dài (trong điều kiện ít ánh sáng).

Cây thân cỏ, leo dài, thân tròn mập, mềm có nhiều rễ mọc khí sinh, bò dài, hoặc buông thõng xuống trong không khí. Cây phân cành nhánh nhiều và dài. Lá đơn, dạng trái xoan rộng, gốc hình tim, đầu thuôn nhọn. Phiến lá dày, bóng màu xanh đậm có đốm vàng không đều hay lá có màu vàng lục, gân lá nổi rõ, lâu héo.



Cụm hoa có cuống ngắn. Mo hình lông thuyền, trục hoa dày, mập, dài bằng mo. (Hình 106).

H.106. Vạn niên thanh - *Scindapsus aureus* Engl.

Cây rất dễ gây trồng bằng các đoạn cành và mọc khỏe trong đất cũng như trong nước. Cây chịu được bóng che, nên làm cây trang trí nội thất rất phù hợp. Chủng có lá đẹp hơn là :

*III.C.100.a. Scindapsus aureus* Engl. var. *marble* - Queen Hort.

Lá màu vàng ánh bạc rất đẹp, các đốm bạc rộng hơn và loang lổ hơn. Cây mọc khỏe, thân mập, trồng ở đất hay cắm trong nước đều cho lá xanh tươi.

### III.C.101. CÂY VÀNG BẠC (Ngọc điệp)

Caricature plant, *Graptophyllum des jardins*

*Graptophyllum hortense* Nees

(*Justicia picta* L.; *J. caragana* Newman)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước Đông nam châu Á.

Cây bụi nhỏ, mọc thẳng đứng, cao khoảng 1 - 1,5 m. Lá mọc đối nguyên mập, tròn, không lông, dạng thuôn bầu dục. Phiến lá màu xanh bóng với các vạch màu vàng loang lổ theo các gân rất đẹp. Gân lá nổi rõ, nhẵn bóng.

Cụm hoa mọc ở đầu cành hay nách lá, mang nhiều hoa màu trắng với các đốm màu đỏ tía hay gần như đỏ tía. Quả nang có vòi nhụy dài còn lại ở đỉnh và cánh dài ở gốc. (Hình 107).

Cây làm cảnh vừa bằng màu sắc ở lá vừa cho hoa đẹp, nên rất được ưa chuộng trong các bồn hoa nơi công viên hay trong vườn.

Cây mọc khỏe, ưa khí hậu ẩm mát, nhiều nắng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều chủng có màu sắc lá và hoa đẹp để làm cảnh. Sơ bộ có thể kể :



H.107. Vàng bạc - *Graptophyllum hortense* Nees

*III.C.101.a. Graptophyllum hortense* Nees, var. *atro-sanguineum* Hort. (*Justicia picta* L. var. *lurido-sanguinea* Hort.)

Lá màu đỏ nhạt với các vân màu đỏ tía.

*III.C.101.b. Graptophyllum hortense* Nees, var. *versicolor* Hort.

Lá màu đồng có các vạch ở gân màu vàng.

*III.C.101.c. Graptophyllum hortense* Nees, var. *album* Hort.

Lá màu xanh có các đốm vàng nhạt hay trắng.

*III.C.101.d. Graptophyllum hortense* Nees, var. *viride* Hassk.

Lá màu xanh với các vân màu xanh đậm. Hoa màu đỏ sậm.

## IV. NHÓM CÂY CÓ HOA LÀM CẢNH

### IV.A. NHÓM CÂY THÂN CỎ

#### IV.A.1. CÂY BÁCH NHẬT (Nở ngày)

Globe Amaranth; Bachelor's button, Amaratoide

*Gomphrena globosa* Linn.

Họ Rau giền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, và các nước châu Á nhiệt đới. Cây được trồng rộng rãi ở các bãi cỏ, bồn hoa, trong chậu rộng để làm cây vừa phủ đất vừa cho hoa đẹp. Cây thân cỏ, phân cành nhiều, thẳng đứng, có đốt phình rộng, thân và lá có lông trắng. Lá mọc đối dạng trái xoan hay bầu dục, kéo dài thành cuống, gốc có bẹ, mặt dưới lá nhiều lông. Cụm hoa hình đầu tròn hay tròn dài, màu tím đậm, hay đỏ, trắng. Quả mở nắp có 1 hạt. (Ảnh 102).

Cây dễ trồng, không đòi hỏi đất đai tốt, nhưng cần đầy đủ ánh sáng và thoáng gió. Cây trồng bằng hạt, gieo sau 5 - 6 ngày, hạt nảy mầm. Cây con đưa thẳng ra vườn hoa, trồng cách nhau 40 x 50 cm. Cần vun cao gốc để cây không bị đổ. Sau khi trồng 70 ngày, cây nở hoa. Cây cho hoa vụ hè thu, nên chịu được khô, nóng.

Hiện nay, có nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau, nếu trồng xen nhau trong bồn, thì rất đẹp :

IV.A.1.a. *Gomphrena globosa* L. var. *alba* Hort. - Cây có hoa màu trắng.

IV.A.1.b. *Gomphrena globosa* L. var. *aurea* Hort. - Cây có hoa màu vàng kim.

IV.A.1.c. *Gomphrena globosa* L. var. *purpurea* Hort. - Cây có hoa màu tím đỏ.

IV.A.1.d. *Gomphrena globosa* L. var. *violacea* Hort. - Cây có hoa màu tím than.

#### IV.A.2. CÂY BẠCH PHIẾN (Vị hoa trắng)

*Spathiphyllum patinii* N.E.Br. (*S. candidum* N.E.Br.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc ở Colombia (Nam châu Mỹ) được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây mọc thành bụi, cao khoảng nửa thước, lá dạng thuôn rộng có cuống dài dạng bẹ làm thành thân giả ngắn ở gốc. Lá màu xanh bóng, mặt dưới màu nhạt hơn, nổi rõ các gân mảnh xa nhau. Cụm hoa có 1 mo thẳng, màu trắng ở mặt trong, màu xanh ở mặt ngoài. Cụm mang hoa dày, nạc, thẳng màu vàng nhạt dài 5 - 10 cm. Quả mọng. (Ảnh 103)

Cây có mo đẹp, làm cảnh rất thích hợp ở chậu. Hoa nở gần như quanh năm.

#### IV.A.3. CÂY BẠCH TRINH

**Spider Lily; *Hymenocallis* remarkable**

***Hymenocallis speciosa* Salisb.**

**(*Pancratium speciosum* Salisb.)**

**Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Tây Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi ở các vườn hoa hay trong các chậu lớn. Cây thân cỏ có củ lớn, hình cầu, đường kính 4 - 10 cm. Lá nhiều, xếp dày đặc sát gốc dạng thuôn hình giáo, dài 50 cm, màu xanh bóng, sáng. Cụm hoa trên cuống chung mập, ngắn hơn lá, nhẵn, mang 10 - 15 hoa. Hoa lớn hình ống dài màu trắng, rất thơm, có cuống ngắn, gốc có lá bắc dạng mo. Quả nang.

Cây trồng chủ yếu bằng củ, mọc khỏe, dễ trồng và cho hoa gần như quanh năm (tập trung chủ yếu vào mùa mưa). Chủng được trồng làm cảnh đẹp là :

**IV.A.3.a. *Hymenocallis speciosa* Salisb. var. *angustifolia* Worsley.**

Lá thuôn hẹp và thưa hơn, do đó trồng ở chậu rất thích hợp.

#### IV.A.4. CÂY BẠCH TRINH BIỂN (Bạch trinh mỳ)

**Sea Daffodil**

***Hymenocallis americana* Roem.**

**Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, thân cỏ sống lâu năm do có củ lớn. Lá mọc sát đất, nhiều, dày đặc, dạng thuôn dài, màu xanh

bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống chung mập, xanh bóng, dài 60 - 70 cm. Hoa tập trung ở đỉnh, gốc có lá bắc dạng mo, mỏng, mềm. Hoa lớn dạng ống dài, trên chia 6 thùy hẹp, dài, màu trắng thơm, chỉ nhị xanh. Quả nang. (Ảnh 104)

#### IV.A.5. CÂY BÁN HẠ ĐỎ (Môn cọng đỏ)

*Homalomena rougeatre*

*Homalonema pendula* (Bl.) Hook. f. (*H. rubra* Hassk.; *H. rubescens* Kth.; *H. singaporensis* Rgl.; *Calla rubens* Roxb.; *Zantedeschia rubens* C. Koth.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Java, và các nước châu Á nhiệt đới. Cây có dáng lá và màu sắc đẹp nên được trồng ở chậu làm cây cảnh. Cây có thân rất ngắn, nên lá lớn gần như mọc sát đất. Lá có cuống màu đỏ tía, dài 30 - 35 cm, phiến rộng dạng tim tròn ở gốc, đầu thuôn đều, dài, màu xanh pha tím ở mặt trên, màu đỏ tía ở mặt dưới. Cụm hoa nạc, có mo màu đỏ đậm. Cây rất dễ trồng bằng tách bụi và đoạn thân rễ ngầm. Cây có lá xanh quanh năm và chịu được bóng, nên làm cây trang trí trong nhà. (Hình 108).



H.108. Bán hạ đỏ -  
*Homalonema pendula* Hook.f.

#### IV.A.6. CÂY BĂNG KHUÁNG

*Angelonia salicariaefolia* Humb. et Bonpl.

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ, được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao đến 1 - 1,5 m. Lá có lông thưa, dính. Lá không cuống, gần thẳng góc với thân, hình giáo hay bầu dục thuôn dài, mép khía răng thưa,

phiến lá lông dày. Hoa trung bình, màu xanh lam đậm, trừ phần môi màu trắng. Cánh tràng lớn hợp thành ống cong trên chia 2 môi, môi trên 2 thùy, môi dưới 3 thùy rộng. Quả nang (Ảnh 105).

Cây cho hoa đẹp, nở đều quanh năm, rất thích hợp cho vùng khí hậu ẩm, mát nước ta. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, và trồng thành các thảm, trong các bồn hoa lớn làm cây ven lối đi, đôi khi cắt cành.

#### IV.A.7. CÂY BẮT TỬ (Bất tuyệt, Cúc bắt tử)

*Immortelle, Everlasting*

*Helichrysum bracteatum* (Vent.) Andr.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc ở Australia, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao miền Nam. Cây thân cỏ sống hàng năm, cao khoảng 0,5 – 1 m, đôi khi phân nhánh, thẳng đứng nhẵn. Lá không cuống, dạng thuôn hình giáo, thu hẹp ở gốc, màu xanh mềm. Cụm hoa hình đầu ở đỉnh thân, cành, đường kính 3 – 6 cm, ngoài có nhiều lá bắc dạng vảy, cứng, khi khô không héo và giữ được màu sắc (vàng, hồng, tím) bền. Hoa bên trong hoàn toàn hình ống màu vàng nhạt hay hơi hồng (Ảnh 106).

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo như các loại hoa Cúc một năm khác. Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều chủng có cụm hoa màu sắc khác nhau, nếu trồng xen kẽ nhau hay xếp chung vào một bó, cắm lọ rất đẹp.

IV.A.7.a. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *album* Hort.

Cây có cụm hoa hoàn toàn trắng.

IV.A.7.b. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *bicolor* Hort.

Cây có cụm hoa màu đỏ.

IV.A.7.c. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *atrococcineum* Hort.

Cây có cụm hoa màu đỏ thắm.

IV.A.7.d. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *floro-pleno* Hort.

(*H. monstrosum* Hort.) Cây có cụm hoa dày, nhiều lớp.

Lá bắc ở ngoài.



#### IV.A.8. CÂY BÊ BÊ

**Chalk flower, Baby's breath.**

***Gypsophila paniculata* L.**

**Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)**

Cây có nguồn gốc phân bố rộng, từ châu Âu đến châu Á. Cây thân cỏ sống 1 - 2 năm, cao khoảng 1 m, phân nhiều cành mảnh, dài. Lá hẹp, nhưng hoa rất nhiều (có hàng trăm hoa trên một gốc). Hoa nhỏ màu trắng, đẹp, bền, cắt cắm lọ lâu tàn.

Chủng đẹp hơn cả là :

*Gypsophila paniculata* var. *flora-pleno* Hort. (Double baby's breath). Hoa có cánh kép, màu trắng.

#### IV.A.9. CÂY BÓNG NƯỚC (Móc tai, Nắc nẻ)

**Garden Balsam; Balsamine**

***Impatiens balsamina* L. (*Balsamina hortensis* DC.)**

**Họ Bóng nước (Balsaminaceae)**

Cây có nguồn gốc khá rộng rãi, từ vùng nhiệt đới và á nhiệt đới châu Á : Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia... Cây thân cỏ mập, sống hàng năm, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá hình giáo hẹp, thuôn nhọn đầu, cuống có tuyến. Cụm hoa mang 1 - 4 hoa ở nách lá. Hoa lớn, màu trắng, hồng hay đỏ tím. Cánh dài dưới có móng dài, cánh tràng lớn, hợp lại ở gốc, trên chia thùy tròn, hai cánh bên tròn rộng, cánh môi nhỏ. Quả nang có lông, khi khô bị va chạm vỡ ra nhiều mảnh, bắn hạt đi xa. Hạt màu nâu, gần tròn (Ảnh 107).

Hiện nay, có nhiều chủng có hình dạng và màu sắc hoa khác nhau :

IV.A.9.a. *Impatiens balsamina* L. var. *vulgaris* Hook. f. - Lá hình giáo hẹp. Hoa lớn có cựa ngắn.

IV.A.9.b. *Impatiens balsamina* L. var. *coccinea* Hook. f. Lá hình giáo hẹp. Hoa trung bình có cựa dài và thon, mảnh.

IV.A.9.c. *Impatiens balsamina* L. var. *micrantha* Hook. f. Lá hình trái xoan. Hoa nhỏ có cựa dài và thon, mảnh.

Đặc biệt: *Impatiens balsamina* L. var. *rosea plena* Hort. Hoa có cánh kép, màu hồng.

Tất cả đều gây trồng bằng hạt. Hạt gieo sau 5 ngày đã nảy mầm. Sau 20 ngày đem trồng ở vườn hoa hay trong chậu. Cây dễ chăm sóc, ít đòi hỏi đất tốt, chỉ cần đủ ánh sáng. Sau 80 ngày, cây nở hoa, và mùa hoa dài 2 - 3 tháng. Thu hái quả chín khi chưa già (vì vỏ dễ vỡ), 1 g hạt có 100 - 120 hạt. Phơi nắng nhẹ 2 - 3 ngày rồi bảo quản.

#### IV.A.10. CÂY BÓNG NƯỚC ĐỎ

**Sultana, *Rose impatiens***

***Impatiens sultanii* Hook. f. (*I. walleriana*)**

**Họ Bóng nước (Balsaminaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (Zangibar) cho hoa lớn đẹp, nên được gây trồng ở các tỉnh miền Nam nước ta. (Đà Lạt).

Cây thân cỏ, mọc nước, cao đến 50 cm, màu xanh bóng. Lá hình trái xoan rộng, nhẵn, mép có răng tròn. Cuống lá dài, màu trắng nhạt. Hoa lớn trên cuống dài 5 - 6 cm. Cánh hoa xòe rộng, phẳng màu hồng đậm với đốm lớn màu đỏ tươi ở giữa, gốc có móng cài cong. Hoa nở quanh năm (Hình 109).



H.109. Bóng nước đỏ - *Impatiens sultanii* Hook.f.

Cây ươm gieo bằng hạt ở vườn ươm sau đó bứng đem trồng ở chậu hay giỏ có quang treo. Cây ưa sáng, cần đủ nước và đủ phân tro.

#### IV.A.11. CÂY BỔ OANH

*Browallia americana* L. (*B. demissa* L.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, gây trồng làm cảnh ở vùng núi cao nước ta (Đà Lạt, Sapa). Cây thân cỏ, mảnh có lông mềm. Lá thuôn gần bầu dục, mọc cách. Hoa dạng ống, rộng ở đỉnh, màu tím xanh với một vạch trắng ở các cánh. Quả có đài bao kín.

Cây mọc khỏe gần như hoang dại.

#### IV.A.12. CÂY BÔNG TAI (Ngó thi)

Milkweed, Silkweed, Blood flower.

*Asclepias curassavica* Linn.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam cây được trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc và vùng, cao nguyên Trung Bộ. Cây thân cỏ, sống lâu năm, cao 0,4 - 1 m, phân cành nhánh thưa, thẳng, nhẵn. Lá mọc đối có cuống ngắn, thuôn hình giáo, đầu nhọn, gốc thon. Cụm hoa dạng tán ở ngọn thân, mang 6 - 12 hoa màu đỏ vàng, hay vàng ở giữa, nâu ở xung quanh. Cánh tràng hợp thành ống ngắn, trên chia 5 thùy sâu, màu đỏ, có tràng phụ màu vàng, dạng thùy quần dính vào cột nhị. Quả đại xếp một đôi, thuôn, dài. Hạt có mào lông. (Hình 110).



H.110. Bông tai -  
*Asclepias curassavica* L.

#### IV.A.13. CÂY BÔNG TAI GAI

Club fruit, Faux cotonnier

*Gomphocarpus fruticosus* (L.) R. Br.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung châu Mỹ. Cây thân cỏ cao 1 - 1,5 m, phân cành ít. Lá mọc đối, dạng thuôn hẹp, nhọn đầu. Cụm hoa ở nách lá. Hoa mọc cong xuống màu vàng. Nhị và cánh tràng phụ làm thành trụ lớn. Quả gần tròn có gai.

Cây đẹp, làm cảnh vào dịp Tết Nguyên đán ở các tỉnh phía Nam.

#### IV.A.14. CÂY BÚP LỆ (Bọ chó cánh)

*Buddleia davidii* Franch

Họ Bọ chó (Buddleiaceae).

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 3 m, có lông dày. Lá hình trái xoan, dài 10 cm, rộng 4,5 cm, mặt trên màu nâu đậm, mặt dưới như nhung nâu, mép có răng nhỏ. Cụm hoa bông dài 10 cm. Hoa nhỏ xếp sát nhau, màu tím nhạt, cánh hoa dạng ống cao 1 cm. Quả nang mở 2 mảnh.

Cây trồng làm cảnh ở trong vườn rất thích hợp.

Có thể nhập trồng loài *Buddleia crispa* (Curly butterfly bush) trồng làm cảnh, hoa màu tím nhạt, thơm.

#### IV.A.15. CÂY CÀ GAI

Prickly-poppy

*Argemone mexicana* Linn. (*A. speciosa* Hort.)

Họ Thuốc phiện (Papaveraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nay mọc hoang dại khá phổ biến ở các tỉnh đồng bằng từ Bắc đến vùng núi Nam Trung Bộ của nước ta.

Cây thân cỏ, cao khoảng 0,30 - 0,40 m, thân và lá có nhiều gai. Thân mềm màu xanh bóng, phân cành nhánh thưa. Lá mọc cách có phiến lá xẻ sâu không đều, mép khía răng cưa sâu nhọn kéo dài

thành gai, gân lá màu trắng.

Hoa lớn mọc ở đầu thân, thường nở chiếc một, màu vàng tươi xếp tỏa tròn đều, nổi bật đầu nhụy màu đỏ ở giữa. Quả nang có gai.

Cây tuy mọc dại, nhưng có thể gây trồng ở các bồn hoa làm cây trang trí trong vườn, ven lối đi. Hoa nở gần quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt.

Có thể nhập để gây trồng một chủng cho hoa đẹp hơn :

*IV.A.15.a. Argemone mexicana L. var. ochroleuca Lindl.*

Hoa màu vàng nhạt.

#### IV.A.16. CÂY CÀ HOA (Pê-tun, Hoa muống)

**Common Garden Petunia, Petunia**

***Petunia hybrida* Vilmor.**

**Họ Cà (Solanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, hiện nay được gây trồng rộng rãi ở các bãi cỏ, vườn hoa, khắp nước ta. Ở miền Bắc, hoa nở vào dịp hè thu, còn ở miền Nam, hoa nở vào dịp Tết. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mềm, phủ đầy lông dính, phân ít cành nhánh. Lá mọc cách, hình trái xoan, thuôn đều, mép rần reo, mềm, màu xanh bóng. Hoa lớn, thường đơn độc ở các nách lá. Một thân có thể cho nhiều hoa nở cùng một lúc, và có nhiều màu khác nhau, từ trắng, hồng đến tím, đỏ hay loang lổ các màu trên cùng một hoa. Cánh dài hợp ở gốc, thường còn lại ở quả. Cánh tràng hợp thành ống, loe rộng ra ở đỉnh, dạng loa kèn, mềm, nổi rõ các gân thùy. Quả nang 2 mảnh, nhiều hạt (Ảnh 108).

Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành ngọn. Cần làm đất kỹ và đủ nắng (càng trái nắng, hoa càng nở nhiều). Hạt gieo sau 4 - 6 ngày đã cho cây con. Sau 20 ngày đem cấy ở vườn ươm. Ươm ở vườn từ 20 - 25 ngày nữa thì đem trồng ở vườn hoa. Đất trồng cần đủ phân. Còn cành giâm, sau 20 ngày đã có rễ. Sau 1 tháng bứng trồng nơi cố định. Cây chóng cho hoa, nhưng nở rộ và chóng tàn, quả cần thu hoạch kịp thời. (1 g hạt có 10.000 - 12.000 hạt).

Đây là một taxon lai mà tổ tiên có từ nhiều loài khác nhau của chi *Petunia*, ví như *P. axillaris* BSP. (Large white *Petunia*) hoa dạng

ống hẹp, màu trắng, hoặc *P. violacea* Lindl. (Violet-flowered Petunia) hoa dạng ống dài, thùy rộng, màu tím. Ngày nay các nhà vườn từ loài lai này còn cho ra các dạng hoa kép hay cánh hoa xòe ngón rất đẹp.

#### IV.A.17. CÂY CẨM CHƯỚNG

Clove Pink; Picotee Grenadine, Carnation; Oeillet

*Dianthus caryophyllus* Linn.

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng rất rộng rãi ở châu Âu và phát triển ra nhiều nước ở châu Á, châu Mỹ. Cây thân cỏ, mọc thành bụi nhỏ, hơi bò dài và thẳng đứng ở ngọn, nhẵn, có đốt ngắn, hơi phình rộng chỗ mọc lá. Lá dày, dài hẹp, nhẵn, đầu nhọn, góc thành bẹ không cuống. Hoa đơn độc hay chỉ có 1 vài hoa thành xim ngắn, gốc có tổng bao gồm 4 lá bắc. Hoa lớn có nhiều màu khác nhau, từ trắng, hồng đến tím, thơm. Quả nang hình trụ có 4 mảnh vỏ. Hạt dẹt nhỏ, 1 g có 500 - 506 hạt.

Hiện nay các nhà vườn trên thế giới đã tạo ra hàng trăm chủng có màu sắc hoa khác nhau, và đã thành lập các hội của các nhà trồng cẩm chướng (Ảnh 109).

Cây trồng chủ yếu bằng hạt (đôi khi giâm ngọn). Đất gieo cần làm kỹ, gieo thưa, phủ lên hạt đất mùn mỏng, tưới nước đầy đủ hàng ngày. Sau 1 tuần đã có cây con. Sau 1 tháng, nhổ cấy ở vườn ươm. Sau 1 tháng đem trồng ở chậu hay vườn hoa. Sau khi ươm thì 4 tháng có hoa. Cây sau 2 tháng có thể cắt ngọn để giâm. (Sau 5 - 6 ngày cắt 1 lứa). Sau 25 ngày đã có rễ.

#### IV.A.18. CÂY CẨM CHƯỚNG NHUNG

Sweet william; Oeillet des poetes

*Dianthus barbatus* Linn.

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung cận đông, nay được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới. Cây thân cỏ, nhẵn, có 4 cạnh,

đơn hay phân nhánh ở đỉnh. Lá thuôn dài, hẹp, không có cuống, có bẹ ngắn ôm thân, mọc đối làm thành u lồi ở thân. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùm dày gần hình cầu mang nhiều hoa sát nhau. Hoa nhỏ màu sắc thay đổi, từ màu trắng, hồng, đỏ, tím và các màu sắc khác (các dạng lai và các chủng khác nhau có cánh hoa đơn hay kép). Cây trồng bằng hạt. Mỗi cây cho 4 - 5 lứa hoa, cần bón phân và chăm sóc kỹ, chùm hoa mới có nhiều hoa.

#### IV.A.19. CÂY CẨM CHƯỚNG TÀU (Cẩm chướng gấm)

*Dianthus chinensis* Linn. (*D. sinensis* Hort.)

##### Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản. Cây mọc thành bụi nhỏ, nhẵn, thân hóa gỗ và hơi cong ở gốc, thẳng ở ngọn, có lông thưa. Lá dài và hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, rộng ở gốc thành bẹ. Cụm hoa ít hoa hay chỉ 1 hoa đơn độc, màu tím nhạt hay tím hồng, có lông dài ở gốc. (Hình 111).

Cây sống 2 năm, nở hoa nhiều lần, quả có hạt nhỏ, 1 g hạt có 900 - 1000 hạt. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Sau 3 - 5 ngày gieo, hạt nảy mầm. Sau 20 ngày nhổ và đem cấy ở vườn ươm. Sau 1 tháng ở vườn ươm thì bứng trồng ở chậu. Cần bón đủ phân, nước cây sau 4 tháng (110 - 120 ngày) sẽ có hoa.

Hiện nay, các nhà vườn đã lai tạo ra nhiều chủng, dạng đẹp, nhưng gây trồng phổ biến nhất là :

IV.A.19.a. *Dianthus chinensis* L. var. *macrosepalus* Franch. Hoa màu đỏ tươi có đốm ở gốc.



H.111. Cẩm chướng tàu -  
*Dianthus chinensis* L.

#### IV.A.20. CÂY CHÂN CHIM (Hoa la lét)

Pied d'Alouette; Dauphinelle

*Delphinium ajacis* Linn.

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải và viễn đông, nay được gây trồng làm cảnh ở vườn hay cắt cành cắm lọ rất phổ biến. Cây thân cỏ, sống hàng năm, ít phân nhánh, cao dưới 1m, mảnh, màu xanh. Lá mọc cách, phiến xẻ thành thùy hẹp dạng chân vịt sâu, nhọn. Cụm hoa dạng chùy ở đầu thân, cành. Hoa không đều có màu sắc thay đổi từ trắng lục, xanh, hồng, đến tím. Cánh dài kéo dài thành cựa rồng ra phía sau. Quả đại nhiều hạt. (Hình 112)

Cây trồng làm cảnh bằng hạt, cần xử lý trước khi gieo bằng cách ngâm hạt trong nước nóng 50°C trong 2 giờ, sau đó rửa nước lã, để ráo nước, rồi ủ bằng cách vụn đồng. Rửa chua. Làm nhiều lần khi hạt nứt rế mầm thì đem gieo. Đất gieo làm kỹ. Sau 1 tháng đem bứng trồng ở vườn hay ở chậu. Cần bón phân và đủ nước vì cây chịu hạn kém, nhưng chịu rét khô (trồng chủ yếu ở miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ).



H.112. Chân chim -  
*Delphinium ajacis* L.

Hiện nay các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau.



IV.A.20.a. *Delphinium ajacis* Linn. var. *hyacinthiflorum* Hort.

IV.A.20.b. *Delphinium ajacis* Linn. var. *majus* Hort.

IV.A.20.c. *Delphinium ajacis* Linn. var. *minus* Hort.

IV.A.20.d. *Delphinium ajacis* Linn. var. *ranunculiflorum* Hort.

#### IV.A.21. CÂY CHÂN CHIM LỚN (Phi yến)

*Delphinium consolida* Linn. (*Consolida arvensis* Opiz.)

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây rất giống cây trên. Cụm hoa mang ít hoa hơn, xếp thưa. Hoa có cuống ngắn hơn lá bắc, cánh hoa màu trắng, xanh hay tím. Có một chủng đẹp là :

IV.A.21.a. *Delphinium consolida* L. var. *imperialis* Hort. Hoa có cánh kép.

#### IV.A.22. CÂY CHUA ME ĐẤT

Surelle

*Oxalis repens* Thunb.

(*O. corniculata* Auct. non L., *O. pusilla* salisb.)

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nhưng phân bố rất rộng, có mặt ở hầu hết trên các nước. cây mọc hoang dại nơi bãi cỏ, đất trống khắp miền nước ta. Cây thân cỏ, bò dài, sống lâu năm, mọc khỏe, che phủ kín đất, phần mọc thẳng đứng chỉ cao 5 - 7 cm. Lá có cuống dài, mảnh, mềm, trên có phiến rộng chia thành 3 lá nhỏ hình tim, màu xanh bóng, 3 gân gốc và mép có lông. Lá non cúp lại và khi đầy đủ ánh sáng thì xòe rộng. Cụm hoa cũng trên cuống chung dài, mang 1 - 2 hoa. Hoa lớn màu vàng trên cánh đài màu xanh. Quả nang có lông, khi chín bắn hạt ra khá xa. Hạt màu đen, bóng.

Cây mọc rất phổ biến. Để làm cảnh thường chọn chủng.

IV.A.22.a. *Oxalis repens* Thunb. var. *atropurpurea* Planch.

(*O. tropaeoloides* Schlecht.).

Cây cho hoa tập trung thành tán nhỏ, hoa nhỏ màu vàng.

#### IV.A.23. CÂY CHUA ME ĐẤT HOA ĐỎ

*Oxalis rosea* Jacq.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Chi lê (Nam châu Mỹ), có thân mọc thẳng. Lá thưa, cuống ngắn. Hoa tập trung thành chùm thưa, cuống dài. Hoa có cánh tràng xòe rộng màu hồng đỏ với các vân màu đậm.

#### IV.A.24. CÂY CHUA ME ĐẤT HOA HỒNG

*Oxalis maritiana* Zucc.

(*O. urbica* St. Hil.; *O. floribunda* Lehm.)

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng châu Mỹ nhiệt đới, thân bò dài, có lông, và có củ. Lá có cuống dài 30 cm, lá phụ có đốm sần màu vàng cam ở mép và mặt dưới. Cụm hoa dạng tán, mang hoa màu hồng có sọc.

#### IV.A.25. CÂY CHUA ME ĐẤT LÁ TÍM (Bướm đêm)

Fire fern.

*Oxalis hedysavoides* var *rubra* Hort.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Colombia, Venezuela, Ecuador (châu Mỹ)

Cây thân cỏ nhỏ, mọc sát đất, bò dài. Lá có cuống dài, mảnh, phiến chia 3 thùy dạng tim ngược, rộng, màu tím đậm, nổi rõ các gân màu nhạt. Lá đẹp, chịu bóng được. Cụm hoa có 1 - 2 hoa trên cuống mảnh. Hoa lớn màu trắng pha tím ở gốc, dạng ống loe ở đỉnh. Quả nang.

Cây dễ trồng, làm cảnh ở chậu bầy trong nhà thích hợp.

#### IV.A.26. CÂY CHUỐI HOA

Indian Shot; Balisier

*Canna indica* Linn.

(*C. patens* Roscoe; *C. crocea* Hort.; *C. coccinea* Link.)

Họ Chuối hoa (Cannaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung và Nam châu Mỹ, nay được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở hầu hết các nước nhiệt đới. Cây

thân cỏ, có thân rễ ngầm, mọc bò dài phân nhánh, hàng năm nảy chồi cho các thân nhánh, mọc thẳng đứng cao từ 1 - 2 m. Lá to, mọc cách, dạng thuôn dài, màu xanh bóng, gân giữa to, gân phụ song song. Cụm hoa ở kẽ một mo chung, gần tròn, màu xanh, mang ít hoa lớn, xếp sát nhau. Hoa không đều, nhiều cánh lớn, có màu sắc sỡ. Quả nang có nhiều gai mềm, hạt nhiều, màu đen.

Cây có hoa gần như quanh năm, được gây trồng làm cảnh ở các bồn hoa trong công viên, vì cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe, chịu được khô nóng và trải nắng.

#### IV.A.27. CÂY CHUỐI HOA LAI (Ngái hoa)

**Indian Shot, Balisier**

***Canna hybrida* Hort.**

**Họ Chuối hoa (Cannaceae)**

Cây được tạo thành do lai giữa nhiều loài khác nhau. Cây thân cỏ cao khoảng 1 - 1,5 m gốc có thân rễ bò dài. Lá rộng màu xanh bóng hay màu đỏ. Cụm hoa ở ngọn mang hoa lớn xếp sát nhau. Cánh dài và cánh tràng nhỏ, nhưng nhị lép biến thành các cánh hoa lớn. màu sắc thay đổi từ vàng đến đỏ, từ một màu đến điểm thêm các đốm đậm. Quả, nang có nhiều hạt hình cầu. (Ảnh 110)

Cây có hoa gần quanh năm, tập trung chủ yếu vào mùa khô. Cây trồng bằng thân rễ tách ra khỏi bụi lớn. Cây dễ trồng, mọc khỏe cần đất tơi xốp và đủ nắng. Cây rất thích hợp ở các vườn cây, bồn hoa lớn. Có thể trồng bụi lớn sát nhau thành các bức tường hoa, thấp, ven lối đi.

#### IV.A.28. CÂY CỎ ROI NGỰA CẢNH (Mã tiên bông)

**Garden verbena**

***Verbena incisa* Hook.**

**Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ : Brazil, Paraguay, Arhentina, và được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây thân cỏ, sống lâu năm, phân cành nhánh ít, có lông nhám. Lá mọc đối, phiến rộng chia thùy sâu đều và có răng lớn, cuống lá kéo dài như có

bẹ, có lông. Lá ở gốc lớn, hình tim hay nhọt, chia thùy lông chim sâu. Lá ở đỉnh hình giáo có khía răng, không có cuống. Cụm hoa ở đỉnh thân, hình chùy dày đặc. Hoa hình ống dài xòe 5 thùy màu hồng hay màu tím nhạt. (Hình 113)

Cây có chùm hoa lớn đẹp, nên rất được ưa chuộng làm cây cảnh. Do màu sắc hoa khác nhau mà có thể trồng xen với các loài khác như :

*IV.A.28.a. Verbena chamaedryfolia*  
Juss.

Cây có hoa màu đậm tươi.

*IV.A.28.b. Verbena teucrioides* Gill.  
et Hook.

Cây có hoa màu trắng.

*IV.A.28.c. Verbena phlogiflora* Cham.

Cây có hoa màu hồng hay tím.

Tất cả các loài kể trên, đều được gọi theo một tên chung là :  
*Verbena hybrida* Hort. (The common garden verbena)

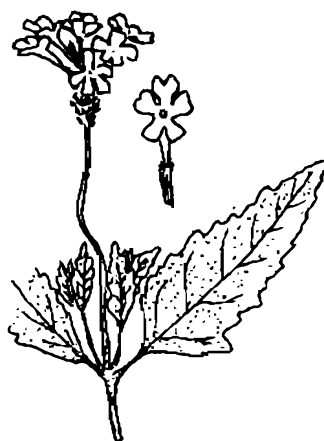
**IV.A.29. CÂY CÔ NỐC LAN (Lồng thuyền, Sâm cau)**

*Curculigo orchioides* Gaertn.

**Họ Cô nốc (Hypoxidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi ven rừng, trong các bãi cỏ, đồi hoang vùng Trung du, đôi khi gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ cao khoảng 0,5 m. Lá hình mũi mác thuôn hẹp, có cuống dài, màu xanh bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa trên 1 cuống chung ngắn, nên hoa gần như sát đất giữa các bẹ lá. Hoa 3 - 8 chiếc, màu vàng, ngoài có lá bắc hình trái xoan nhọn bao bọc. Quả nang thuôn, có 1 - 4 hạt.

Cây có lá xanh quanh năm nên làm cảnh ở chậu khá đẹp. Để làm cảnh, các nhà vườn thường gây trồng 1 loài khác là :



*H.113. Cỏ roi ngựa cảnh*  
*Verbena incisa* Hook.

#### IV.A.30. CÂY CỎ NỐC RỘNG (Sâm cau lá rộng)

*Curculigo latifolia* Dry.

Họ Cỏ nốc (Hypoxidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Malaysia). Cây thân cỏ, sống lâu năm do thân rễ mập, ngắn. Lá mọc tập trung sát đất, hình giáo có cuống dài màu xanh bóng, gân nổi rõ như lá dừa. Cụm hoa có cuống chung ngắn, nên hoa mọc sát gốc, dạng đầu dày đặc ngoài có nhiều lá bắc hình mũi mác nhọn bao bọc, trong có nhiều hoa màu vàng tươi. Quả nang, hạt đen. Hoa nở từ tháng 6 - 7. (Hình 114).



H.114. Cỏ nốc rộng -  
*Curculigo latifolia* Dry.

Cây mọc hoang dại ở rừng miền Nam nước ta, nhưng được gây trồng làm cảnh do dáng cây, đẹp, lá cây thay đổi, mọc khỏe, dễ trồng. Cây được gây trồng bằng hạt hay các đoạn thân rễ.

#### IV.A.31. CÂY CÚC CÁNH MỐI (Thạch thảo)

Starwort, Aster, Oeil de Christ

*Aster amellus* Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Âu và châu Á, được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa, công viên và cắt hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ thân rễ mọc bò trong đất. Thân đơn hay phân nhánh. Lá không cuống dạng thuôn hình giáo tù, hơi có lông, mịn. Cụm hoa hình đầu đơn độc hay vài chiếc trên đỉnh thân. Lá bắc tổng bao thuôn tù, xếp nhiều hàng, màu xanh lục. Vòng hoa ngoài không đều có cánh môi thuôn dài hẹp, thẳng màu lam tím. Hoa giữa hình ống hẹp màu vàng xếp sát nhau. Quả bé có chùm lông. (Ảnh 111).

Cây trồng bằng hạt, (quả bế), mọc khỏe, dễ chăm sóc, cần đất tơi mịn, đủ phân và đủ nắng. Hoa nở quanh năm. Có 1 chủng đẹp hơn cả là :

*IV.A.31.a. Aster amellus* Linn. var. *bessarabicus* D.C.

Cây lớn hơn. Cụm hoa rộng hơn và màu tím đậm hơn.

#### IV.A.32. CÂY CÚC CÁNH MỐI DẠI (Cúc sao)

*Aster trinervius* Roxbg.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ dãy Himalaya, mọc phổ biến vùng trung du và núi cao nước ta. Cây thân cỏ sống lâu năm, có lông ráp. Lá thuôn, nhọn đầu, mép có răng. Cụm hoa hình đầu hợp lại thành ngù. Hoa ngoài không đều có cánh môi màu trắng, hoa giữa đều, màu vàng. Quả bế thuôn có lông.

#### IV.A.33. CÂY CÚC CHUỖN (Cốt mốt vàng)

Yellow cosmos, *Cosmos*

*Cosmos sulphureus* Cav.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô được gây trồng rất rộng rãi trên toàn thế giới để cắt cành cắm lọ, hay trồng thành thảm lớn trong công viên, bồn hoa. Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm cao khoảng 1 m, có lông, phân cành nhiều. Lá mọc đối, xẻ lông chim 2 - 3 lần, với các thùy hẹp hình giáo, nhọn đầu, không đều, có lông. Cuống lá dài, gốc rộng thành bẹ. Cụm hoa hình đầu rộng, trên cuống chung dài, mảnh đơn độc hay hợp thành chùy thưa. Lá bắc tổng bao dạng thuôn hình giải màu xanh, xếp 2 dãy 8 chiếc. Vòng hoa ngoài có 8 chiếc không đều với cánh môi lớn, màu vàng đỉnh khía 3 răng. Hoa ở giữa hình ống nhỏ, màu vàng. Quả bế thuôn có mỏ. (Ảnh 112)

Cây có hoa nở quanh năm (tập trung vào mùa hè - thu), gây trồng chủ yếu bằng hạt. Ươm trồng rất dễ ở vườn ươm. Gieo hạt theo luống, phủ 1 lớp đất mỏng, tưới đầy đủ. Khi cây cao trên 20 cm thì bứng trồng ở vườn. Cần đủ nắng và ẩm, tránh gió và úng nước. Chọn cụm hoa lớn già để lấy hạt làm giống.

#### IV.A.34. CÂY CÚC CHUỖN ĐỎ (Cốt một đỏ, Sao nhái đỏ)

**Black cosmos**

***Cosmos diversifolius* Otto. (*Bidens atrosansuinea* Ort.;  
*B. dahlioides* Wats.; *Dahlia zimapanii* Roenzl.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mehico, được gây trồng rộng rãi làm cảnh nơi công viên hay cắt hoa cắm lọ. Cây bụi sống hàng năm, thấp, cao khoảng 40 cm, có củ do rễ phình lớn. Lá kép lông chim với 5 - 7 lá nhỏ nguyên, lá phụ ở đỉnh lớn nhất, màu xanh bóng. Cụm hoa hình đầu trên cuống chung dài, lá bắc tổng bao màu xanh, ở gốc. Vòng hoa ngoài có cánh môi lớn màu hồng với các vạch đỏ, tím nhạt hay tím đỏ đậm. Hoa ở giữa hình ống, màu vàng. Quả bế thuôn dài 2 cm, có mỏ dài.

Cây trồng bằng hạt dễ dàng như các loài cúc khác. Cây ưa khí hậu mát, ẩm nhưng cần nhiều nắng.

#### IV.A.35. CÂY CÚC CHUỖN NHÁI (Sao nhái chuồn chuồn)

**White or Pink Cosmos**

***Cosmos bipinnatus* Cav.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nhập nội vào các nước nhiệt đới khác để trồng ở vườn hoa, cắt cành cắm lọ. Cây thân cỏ sống hàng năm, nhẵn, có 0,5 - 0,8 m, thẳng, mảnh, phân cành nhánh nhiều. Lá xẻ lông chim sâu, thành các thùy hình giải dài, mảnh như sợi, màu xanh bóng. Cụm hoa hình đầu rộng ở đỉnh, trên cuống chung dài, mảnh. Lá bắc tổng bao dạng thuôn hình giáo nhọn đầu. Vòng hoa ngoài có cánh môi lớn, mỏng có gân và đỉnh chia răng không đều màu trắng, vàng nhạt, đỏ hay hồng. Hoa ở giữa màu vàng, dạng ống hẹp. Quả bế có mỏ (Ảnh 113).

Cây trồng bằng hạt, hoa mở quanh năm. Trồng thành thảm hoa, màu sắc xen kẽ nhau rất đẹp. Cây chịu được nắng, khô, cần thu hoạch hạt trước khi hoa héo úa. Chọn (quả bế) hạt mẩy, phơi khô nơi mát và ươm trồng ngay.

#### IV.A.36. CÂY CÚC CHÙY

Cone flower, Black eyed Susan

*Rudbeckia fulgida* Ait.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Texas). Cây thân cỏ, sống hàng năm hay 2 năm, mọc thành bụi nhỏ cao đến 0,5 m. Lá mọc cách, thuôn dài, nguyên có lông nhám cả ở 2 mặt, mặt trên nổi rõ 3 gân. Cụm hoa hình đầu, trên cuống chung dài, có lông trắng. Lá bắc tổng bao có 2 - 4 lớp, lá bắc ở vòng ngoài lớn hơn cả. Hoa vòng ngoài hình môi, (có 10 - 15 chiếc) xếp vòng, cánh môi lật ra ngoài, màu vàng. Hoa giữa hình ống xếp xen dày đặc làm thành chùy cao, màu đậm. Đế hoa lõi. Quả bế có 4 cạnh. (Hình 115)



H.115. Cúc chùy -  
*Rudbeckia fulgida* Ait.

Cây trồng dễ dàng bằng quả bế. Chọn những cụm hoa mập, đậu quả nhiều để làm giống. Khi gần già cắt cả cụm hoa phơi và sàng lấy các hạt lớn, mập, cất giữ và gieo theo thời vụ. Đất trồng cần làm luống cao, tơi xốp và bón đầy đủ phân. Hiện nay các nhà vườn còn sưu tầm mấy chủng cho hoa đặc sắc là :

IV.A.36.a. *Rudbeckia fulgida* Ait. var. *compacta* Hort.

Cụm hoa dày đặc, lớn.

IV.A.36.b. *Rudbeckia fulgida* Ait. var. *variabilis* Hort.

Cụm hoa với các hoa ở xung quanh có cánh môi màu vàng điểm các sọc nâu, các hoa giữa hình ống có màu tím đậm.

#### IV.A.37. CÂY CÚC DIỆP TỎ (Ngãi cứu cánh)

Mugwort, Armoise

*Artemisia capillaris* Thunb.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng khí hậu ẩm mát, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nước ta. Cây thân cỏ, sống hàng năm cao từ 1 -



1,5 m, phân nhánh nhiều dạng bụi. Lá mọc cách, cắt xẻ dạng kép thành các phiến hẹp như sợi, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng đầu trên các cuống dài, mảnh màu trắng nhạt. Lá bắc tổng bao màu xanh. Hoa hình ống hẹp, màu trắng. Quả bế thuôn.

Cây trồng bằng hạt (quả bế), ươm gieo như các loài hoa cúc khác. Cây trồng cần làm đất kỹ đủ phân bón lót và tưới nước hàng ngày. Trồng ở các bồn hoa và chậu cảnh đều đẹp.

#### IV.A.38. CÂY CÚC ĐẤT

Groundsel

*Senecio petraeus* Muschler.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc dại hay được gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, thân mềm bò dài và cao khoảng 0,5 m. Lá mọc cách dày, nhẵn, màu xanh nhạt, bóng láng, mép nguyên hay rần reo. Cụm hoa hình đầu trên cuống chung dài. Lá bắc tổng bao ở phía ngoài nhỏ, ở phía trong dính vào nhau. Cụm hoa toàn bộ hình ống trên để chung hơi lỗi màu xanh hay vàng cam. Quả bế có chùm lông ở đỉnh màu trắng, mịn. Hoa nở vào dịp đầu mùa hạ (tháng 4 - 5). (Hình 116)



H.116. Cúc đất -  
*Senecio petraeus* Muschler

Cây trồng chủ yếu bằng hạt (quả bế).

#### IV.A.39. CÂY CÚC ĐẤT LÔNG

Velvet Groundsel, California Geranium,

*Senecion a aspect de Tussilage*

*Senecio petasitis* DC. (*Cineraria petasitis* Sims.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, mọc thành bụi nhỏ, dày, cứng, phân cành một chút, cũng khá dày. Cây cao khoảng 1 m có lông ở

phần non. Lá có cuống dài, phiến lá dày hình bầu dục, tròn hay gần hình tim ở gốc, trên chia 5 - 9 thùy khá sâu, màu xanh đậm ở mặt trên, màu xanh nhạt ở mặt dưới, có lông mịn cả 2 mặt. Cụm hoa nhiều, mọc ở đỉnh thân, làm thành chùy, mang toàn hoa hình ống, màu vàng tươi. Quả bế có chùm lông màu trắng.

Cây trồng bằng quả bế.

#### IV.A.40. CÂY CÚC HOÀNG PHẤN (Cúc vàng nhỏ)

**Golden-Rods, verge d'or**

***Solidago virga-aurea* L.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nhưng được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta để cắt cả thân lá, hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống 1 - 2 năm, cao khoảng 0,6 - 1 m, cứng, mọc thẳng đứng, đôi khi phân cành, màu xanh bóng có lông. Lá mọc cách, xếp đều đặn từ gốc lên ngọn, dày, màu xanh đậm. Lá ở đỉnh nhỏ bé dần, thuôn hình dải, nguyên và không có cuống. Cụm hoa mọc dày đặc về một phía làm thành chùy dài, hẹp. Trong cụm hoa, lá bắc tổng bao hình dải thuôn tù. Hoa hình ống hẹp, nhỏ bé, màu vàng tươi, nở bền. (Ảnh 114).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, hoa nở quanh năm. Cây trồng bằng hạt, vươm gieo ở vườn trong các luống dài. Cần làm kỹ đất và bón phân để cây mọc vươn cao, khi có hoa cắt cả đoạn thân, hay trồng thành bụi ở chậu làm cây trang trí trong nhà.

#### IV.A.41. CÂY CÚC HÔI (Cỏ cúc heo)

**White weed, Ageratum, Agerate Bleue**

***Ageratum conyzoides* Linn. (*A. caeruleum* Desf.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô), nay mọc lan tràn, hoang dại ở hầu hết các nước nhiệt đới Bắc bán cầu. Cây thân cỏ sống hàng năm, phủ đầy lông, phân cành nhánh nhiều dạng cây bụi. Lá mọc đối, hình bầu dục hay 3 cạnh, mép có răng tròn. Cụm hoa hình đầu, lớn, tập trung ở đỉnh thân, làm thành ngũ thưa. Lá bắc tổng bao dạng tròn dài làm thành đầu. Hoa hoàn toàn giống nhau hình ống hẹp màu trắng, lam hay tím nhạt. Quả bế có 5

cánh và 5 vảy ở đầu, màu đen.

Cây gieo trồng bằng hạt, mọc khỏe, không yêu cầu đất tốt, nhưng phải trái nắng, và ưa khí hậu mát.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn 1 loại khác là :

#### IV.A.42. CÂY CÚC HÔI TÍM (Bù xít)

*Ageratum houstonianum* Mill. (*A. mexicanum* Sims.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây mọc bụi dày, sống lâu năm, phân cành nhiều. Lá hình bầu dục thuôn. Cụm hoa hình đầu lớn xếp sát nhau thành ngũ rộng, phía ngoài có lá bắc tổng bao, dạng sợi mảnh, dài. Hoa trong đều hình ống ngắn, trên chia 5 thùy màu tím. Quả bế có mào lông.

Cây cho hoa đẹp, rất thích hợp ở nơi vườn rộng, hay ở chậu. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt.

#### IV.A.43. CÂY CÚC LẠC

Blanket-flower, Gaillarde peinte

*Gaillardia pulchella* Foug.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam châu Mỹ, được gây trồng làm hoa hè - thu của nước ta. Cây thân cỏ, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, có lông mềm. Lá thuôn hình giáo gần như không có cuống, mép nguyên hay chia thùy nông dạng lông chim. Cụm hoa hình đầu, lớn, ngoài có lá bắc tổng bao màu xanh. Hoa ở vòng ngoài không đều, có cánh môi cuộn lại dạng loa kèn hở, màu vàng ở đỉnh, gốc màu hồng tím. Hoa ở giữa hình ống, màu vàng. (Hình 117)



H.117. Cúc lạc - *Gaillardia pulchella* Foug. và cụm hoa của var. *lorenziana* Hort.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt hay tía chồi non của cây mẹ. Các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau để trồng ở trong vườn, trong chậu hay cát hoa cắm lọ, cắm bát. Đẹp hơn cả có :

*IV.A.43.a. Gaillardia pulchella* Foug. var. *lorenziana* Hort.

Cụm hoa hình đầu, hoa vòng ngoài hình loa kèn màu vàng hay cam. Hoa ở giữa đều, màu vàng.

*IV.A.43.b. Gaillardia pulchella* Foug. var. *picta* Gray (*G. picta* Hort.)

Cụm hoa lớn hơn mang hoa có nhiều màu sắc khác nhau.

#### IV.A.44. CÂY CÚC LẠC LÔNG (Hoa mặt)

**Blanket - flower**

***Gaillardia aristata* Pursh.**

(*G. grandiflora* Hort., *G. lutea* Hort.)

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có thân mềm bò lan, đỉnh thân thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, mọc khỏe, sống lâu năm. Lá thuôn hình giáo, có lông, nguyên hay chia thùy lông chim. Cụm hoa hình đầu lớn, hoa có nhiều màu sắc, hoa ở vòng ngoài không đều, màu vàng hay đỏ. Hoa ở giữa hình ống đều, màu đỏ.

Hoa nở quanh năm, gieo trồng chủ yếu bằng hạt. Hạt gieo sau 5 - 6 ngày đã nảy mầm. Sau 20 ngày đem cấy ở vườn ươm và cũng sau 20 ngày đem trồng ở vườn hoa hay ở chậu. Từ khi trồng đến ra hoa khoảng 70 - 80 ngày. Ngoài ra, có thể nhân giống bằng tách chồi ở gốc cây trưởng thành. Chồi tách chỉ sau 40 ngày đã có hoa.

#### IV.A.45. CÂY CÚC MỐC (Nguyệt bạch)

***Crossostephium chinensis* (L.) Merr.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có thân cứng, ngắn, phân chia nhánh sát gốc, phủ lông trắng dày đặc. Lá mọc sát nhau làm thành bụi dày, lá ở gốc chia 3 thùy, lá ở đỉnh nguyên phủ lông mịn cả 2 mặt, màu trắng như tuyết. Cụm hoa đơn độc ở đỉnh, lá bắc xếp nhiều dãy. Quả có một vòng vây. (Ảnh 115)

Cây trồng chủ yếu làm cảnh bằng đám lá, và do thân lùn, sống lâu năm nên được trồng ở chậu làm cây uốn thế.

#### IV.A.46. CÂY CÚC PHÁT TRẦN

**Western gay - feather**

***Liatris punctata* Hook.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, mới nhập trồng làm cây hoa cắt cành. Thân cỏ, rễ củ, cao 50 - 70 cm. Lá hình dải hẹp, dài 10 cm, màu xanh đậm có nhiều đốm, mọc dài đến đỉnh. Cụm hoa dạng hình cầu xếp sát nhau thành bông dày lớn, màu tím. Hoa nhỏ dạng ống dài.

Cây cho hoa nở bền, cắm lọ lâu tàn, rất được ưa chuộng.

#### IV.A.47. CÂY CÚC SỢI TÍM

**Brazilian button flower**

***Centratherum intermedium* Less.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil). Cây thân cỏ, mọc bụi, phân cành thấp sát đất. Lá dạng trái xoan hẹp, mép có răng không đều. Cụm hoa hình đầu ở ngọn cành. Hoa nhỏ hình ống dài, cánh dạng sợi màu tím lam.

#### IV.A.48. CÂY CÚC TẦN Ô (Rau cúc)

**Chopsuy Green, Chrysantheme des jardins**

***Chrysanthemum coronarium* L. (*Anthemis coronaria* Hort.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây trồng làm rau, nhưng cụm hoa đẹp cắt cắm lọ được. Cụm hoa hình đầu lớn, ngoài có lá bắc xanh, vòng hoa ngoài có cánh môi màu vàng sẫm, ở giữa hoa hình ống màu vàng lục, thơm. (Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông).

#### IV.A.49. CÂY CÚC TÍM (Kiều tràng)

**China Aster, Reine Marguerite, Aster de Chine**

***Callistephus chinensis* (L.) Ness. (*C. hortensis* Cass.)**

## Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng rộng rãi ở vùng có khí hậu mát, lạnh của nước ta (Bắc Việt Nam và vùng núi Nam Trung Bộ). Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thành bụi nhỏ, thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá mọc cách, lá ở gốc có phiến chẻ thùy sâu gần đến gân chính và cuống lõm hình lòng thuyền. Các lá ở trên hình trái xoan, cuống có cánh, các lá ở đỉnh không có cuống. Cụm hoa lớn, đường kính 4 - 10 cm hình đầu, mọc ra ở đỉnh thân. Lá bắc tổng bao có nhiều lớp bao quanh ở ngoài, dạng thuôn dài và lõm, màu xanh bóng. Hoa ở vòng ngoài không đều, có cánh môi thuôn dài nhọn, lật ra ngoài màu hồng, trắng hay tím. Các hoa ở giữa đều xếp ken chặt nhau, màu vàng. Quả bế có chùy lông trắng ở đỉnh.

Cây trồng bằng hạt. Chọn hạt mập, chắc từ các hoa để giống, ươm gieo ở vườn ươm. Sau 1 tháng, bứng cây con trồng ở chậu hay bồn hoa. Đất cần làm kỹ, đủ nước và tránh gió.

### IV.A.50. CÂY CÚC TRẮNG

*Chrysanthemum morifolium* Ramat. (*Ch. sinense* Sabine)

## Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc Trung Quốc, được trồng ở các tỉnh vùng núi Nam Trung Bộ và miền Bắc nước ta để làm cảnh và làm thuốc. Cây thân cỏ, sống hàng năm hay lâu năm. Thân nhẵn, có rãnh, mọc thẳng đứng phân chia thành bụi, mang lá xếp thưa. Lá thuôn bầu dục, dày, mặt dưới có lông và trắng hơn mặt trên, mép khía răng và chia 3 - 5 thùy góc có tai, cụm hoa hình đầu lớn. Lá bắc tổng bao hình chỉ, phủ lông trắng, các lá bắc trong hình trái xoan thuôn. Trong đầu có 1 - 2 dãy hoa vòng ngoài có cánh môi màu trắng, các hoa ở giữa hình ống, màu vàng nhạt. Quả bế dạng trái xoan, có 1 chùy với hoa màu sắc thay đổi là :

IV.A.50a. *Chrysanthemum morifolium* Ram. var. *gracile* Hemsl

Cây có lá chia thùy lông chim hay chân vịt, mép khía răng nhọn. Cụm hoa trắng, tím nhạt hay tím đậm.

#### IV.A.51. CÂY CÚC TRẮNG LỚN

**Max Daisy, Grande Maguerite**

***Chrysanthemum maximum* Ramond.**

**(*Leucanthemum maximum* DC.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước ở châu Âu (dãy Pyrênê) được trồng rộng rãi ở miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, cho hoa cắt cành, hay trồng ở các bồn lớn. cây thân cỏ, sống lâu năm, nhẵn, cao 0,7 - 1 m, phân chia nhánh ở gốc. Lá mọc cách, mép khía răng thưa gân rất mảnh và dày, đầu lá tròn, gốc kéo dài theo cuống thành bẹ. Cụm hoa hình đầu lớn, đường kính 6 - 10 cm. Ngoài có lá bắc mỏng, mép đen dài 1 cm, vòng hoa ở ngoài không đều có cánh môi lớn màu trắng xòe đều. Hoa ở giữa hình ống màu vàng. Quả bế nhẵn.

Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều chủng khác nhau, phổ biến hơn cả đó là :

IV.A.51.a. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *robinsonii* Hort.

IV.A.51.b. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *davidsii* Hort.

IV.A.51.c. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *filiforma* Hort.

#### IV.A.52. CÂY CÚC VÀNG (Kim cúc)

**Chrysanthemum, Chrysanthème**

***Chrysanthemum indicum* L.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, được gây trồng rất phổ biến ở các nước châu Á vì hoa vừa đẹp, lại nở vào dịp tết Nguyên Đán. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao đến 1 m. Lá chia thùy sâu, nhẵn, mép khía răng không đều, phiến màu xanh lục. Cụm hoa hình đầu lớn màu vàng trên cuống chung dài. Lá bắc tổng bao ở ngoài dạng thuôn dài, mép khô, xếp nhiều dãy. Vòng hoa ở ngoài có cánh môi màu vàng. Hoa ở giữa lưỡng tính, hình ống dài, chia thùy tam giác. Quả bế nhẵn.

Ngoài ra, ở vùng núi nước ta còn có 1 loài cúc vàng mọc hoang dại, nhưng cho cụm hoa hình đầu lớn trên cuống dài, có thể cắt để cắm lọ được.

#### IV.A.53. CÂY CÚC VÀNG SỮA (Nhũ cúc đồng)

*Laiteron des champs*

*Sonchus arvensis* L.

Họ Cúc (Asteraceae)

#### IV.A.54. CÂY CÚC VÀNG THỌ

African Marigold, Oeillet d'Inde

*Tagetes erecta* Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nhưng được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao khoảng 1 m, thẳng đứng, đôi khi phân nhánh. Lá chia thùy dạng lông chim, sâu như lá kếp, nhẵn, mép có tuyến lớn và răng cưa. Cụm hoa hình đầu lớn, ở tận cùng của thân, màu vàng nhạt. Lá bắc tổng bao sát nhau làm thành ống dài, màu xanh bóng. Hoa ở ngoài không đều, cánh môi răn reo, xoắn lại với nhau. Hoa ở giữa hình ống hẹp. Quả bế có hai gai ngắn.

Cây được ưa chuộng vì vụ hoa đúng vào dịp Tết Nguyên Đán. (Ảnh 116)

Hiện nay ở các tỉnh phía Nam có gây trồng một vài loài Vạn thọ khác cho hoa đẹp nở vào dịp Tết, như cúc Vạn thọ Nhật Bản (cúc Vạn thọ Pháp) cho cụm hoa lớn hình cầu màu vàng tươi và cúc Vạn thọ Thượng Hải, có cụm hoa xòe rộng và đẹp.

Cây trồng bằng hạt, ươm gieo dễ dàng hơn các loài hoa cúc khác. Hiện nay ở các thành phố lớn có nhập một loại đẹp là cây VẠN THỌ NHẬT (*Tagetes erecta* L. – Rose d'Inde "Boule d'or") cho hoa nở vào dịp Tết Nguyên đán. (Ảnh 117).

#### IV.A.55. CÂY CÚC VÀNG THỌ Lùn (Vạn thọ nhỏ)

French Marigold

*Tagetes patula* L.



## Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng ít phổ biến hơn, tuy nhiên hoa cũng đẹp và dễ trồng nên nhân dân vẫn giữ giống trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng, thấp, cao khoảng 30 cm, phân ít cành ở sát gốc, làm thành bụi dày. Lá màu xanh đậm, xẻ thùy kép lông chim, mép khía răng thưa. Cụm hoa hình đầu nhỏ trên một cuống chung dài, hoa ngoài có cánh môi màu đỏ nâu hay hoàn toàn vàng. Hoa ở giữa hình ống hẹp. Hoa nở vào mùa đông - xuân.

### IV.A.56. CÂY CÚC VÀNG

Tickseed, *Coreopsis élégant*

*Coreopsis tinctoria* Nutt. (*C. bicolor* Reichb.;

*C. elegans* Hort.; *Callioptis tinctoria* DC.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc và Trung châu Mỹ, cây thân cỏ, sống hàng năm, cao từ 0,3 - 1 m, thẳng, nhẵn, phân nhánh nhiều, thưa. Lá ở gốc có cuống dài, lá ở đỉnh không cuống đều, có phiến chia thùy mảnh, dài, dạng lông chim. Cụm hoa ở đỉnh, trên cuống dài mảnh, hình đầu rộng 1 - 5 cm. Lá bắc tổng bao ở ngoài ngắn. Vòng hoa ở ngoài có 6 - 8 hoa không đều với 1 môi lớn xòe ra, đỉnh chia thùy tròn, màu vàng có đốm đậm ở gốc. Hoa ở giữa hình ống đều, màu vàng. Quả bế hẹp, dài.

Cây trồng bằng quả (hạt) mọc khỏe, dễ trồng, cần làm đất kỹ và đủ phân tro. Để trồng làm cảnh thường chọn các chủng

IV.A.56.a. *Coreopsis tinctoria* Nutt. var. *nana* Hort.

Cây lùn, mọc bụi dày.

IV.A.56.b. *Coreopsis tinctoria* Nutt. var. *atropurpurea* Hook. (*C. nigra* Hort.).

Cây có hoa với cánh môi có đốm đậm lớn chiếm gần hết cánh.

### IV.A.57. CÂY CÚC VÀNG ĐƠN

Tickseed, lance leaf *Coreopsis*

*Coreopsis lanceolata* Linn.

## Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc châu Mỹ. Cây bụi sống lâu năm, thân cong ở gốc rồi thẳng đứng, cao 20 - 60 cm, nhẵn, phân nhánh nhiều. Lá mọc đối, tập trung ở gần gốc, dạng thuôn hay dạng lông chim, có cuống dài và có lông thưa. Cụm hoa hình đầu trên 1 cuống chung dài (20 - 25 cm) mảnh, thẳng. Lá bắc tổng bao 2 vòng, ngắn. Vòng hoa ngoài có 8 - 9 chiếc, không đều với một cánh môi lớn, xòe rộng, màu vàng, trên đỉnh chia 4 răng tam giác, hoa giữa hình ống, vàng. Quả bế dẹt, có cánh mỏng và có 2 răng.



H.118. Cúc vàng đơn - *Coreopsis lanceolata* L. var. *villosa* Michx.

Cây trồng bằng quả (hạt) cho hoa nở rộ vào mùa xuân, thường cắt cắm lọ hay thành bó. Để làm cảnh, thường trồng các chủng :

IV.A.57.a. *Coreopsis lanceolata* L. var. *glabella* Michx.

Cây thấp, lá hẹp.

IV.A.57.b. *Coreopsis lanceolata* L. var. *villosa* Michx.

Cây cao, có lông. Lá thuôn hay trái xoan (Hình 118)

## IV.A.58. CÂY CÚC YÊN BẠCH (Cỏ lào trắng)

*Eupatorium capillifolium* (Lam.) Small.

### Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới. Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, màu xanh, phân nhánh. Lá xẻ thùy sâu thành các sợi dài 1 - 3 cm, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng đầu xếp sát nhau ở đỉnh cành. Hoa có cánh màu trắng.

Cây trồng lấy hoa cắm lọ.

#### IV.A.59. CÂY DỀN ĐUÔI CHÓN

*Amarante gigantesque*

*Amaranthus paniculatus* Linn.

(*A. hybridus* L. var. *paniculatus* Uline et Bray)

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á và châu Mỹ nhiệt đới, nhưng được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các chậu, trong các bồn hoa ở các tỉnh miền Nam. Cây thân cỏ cao từ 0,5 - 2m, hơi có lông. Lá thuôn bầu dục, hay trái xoan tù, màu xanh xám có vết hồng. Cụm hoa thành chùm thẳng, màu đỏ vàng hay trắng nhạt. Hoa xếp rất sát nhau chỉ có 5 cánh dài nhỏ như vẩy. Quả hap, 1 hạt đen, ngoài có lá bắc bao bọc.

Cây có cả chùm hoa đẹp nở gần như quanh năm, trồng làm cảnh rất thích hợp, cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt. Trồng làm cảnh, thường chọn các chủng.

IV.A.59.a. *Amaranthus paniculatus* L. var. *speciosa* Sims.

Cây cho thân, lá màu đỏ nhạt hay đỏ tía. Cụm hoa màu đỏ tía rất đẹp.

IV.A.59.b. *Amaranthus paniculatus* L. var. *cruentus* Moq.

Cụm hoa phân nhánh trên các nách lá, hoa màu đỏ tươi.

IV.A.59.c. *Amaranthus paniculatus* L. var. *sanguineus* Moq.

Nhánh bên, dài mảnh. Hoa và lá màu đỏ máu.

IV.A.59.d. *Amaranthus paniculatus* L. var. *flavescens* Voss.

Cụm hoa chùy rộng, phân nhánh. Hoa màu vàng nhạt hay xanh nhạt.

#### IV.A.60. CÂY DỀN ĐUÔI NGẮN

*Amarante queue de renard; Love - lies Bleeding*

*Amaranthus caudatus* Linn.

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước nhiệt đới khác. Cây có thân mập và phân nhánh nhiều. Lá hình bầu dục hay thuôn, màu

xanh bóng có các vết đỏ. Cụm hoa không liên tục thường mọc ra từ các nách lá ở đỉnh, mềm, dài, buông thõng xuống, có đốt, màu đỏ hay trắng (tùy theo các chủng). Quả có hạt đen bóng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Cây trồng làm cảnh do các màu sắc lá hoa khác nhau của các chủng sau :

IV.A.60.a. *Amaranthus caudatus* L. var. *atropurpureus* Hort.

Cây có lá màu đỏ máu.

IV.A.60.b. *Amaranthus caudatus* L. var. *albiflorus* Hort.

Cây có cụm hoa màu trắng hay lục nhạt trắng.

IV.A.60.c. *Amaranthus caudatus* L. var. *gibbosus* Hort.

Cây có cụm hoa đứt đoạn hay ngắn gần tròn, hoa màu đỏ.

#### IV.A.61. CÂY DI NHA (Duyên cúc)

Youth an old Age., *Zinnia commun*

*Zinnia elegans* Jacq.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ (Mêhicô) được gây trồng ở bồn rộng hay lấy hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống hàng năm, mọc thẳng, cao khoảng dưới 1 m. Lá mọc đối, không cuống, gốc mở rộng ôm lấy thân, mép lá nguyên, hình bầu dục, màu xanh nhạt bóng, có lông mềm ngắn, gân nổi rõ. Cụm hoa ở đỉnh thân, hình đầu lớn 2 - 4 cm, có nhiều màu rất đẹp (trừ màu xanh và xám). Lá bắc tổng bao ở thấp, gồm các cánh hẹp, ngắn xếp thưa. Các hoa ở ngoài là hoa không đều, có cánh môi lớn, dày, lật ra hay mọc thẳng đứng. Các hoa giữa hình ống xếp sát nhau. Quả bế dẹt có 2 răng ở đỉnh (Ảnh 118).

Cây thường được trồng ở các bồn hoa lớn, vì có nhiều màu sắc khác nhau nên trồng xen lẫn nhau, rất nổi trên nền lá xanh. Có hai dạng Di nha là : Di nha cánh đơn và Di nha cánh kép, được gây trồng rộng rãi hơn cả. Ngày nay, còn tùy thuộc vào vị trí trồng mà các nhà vườn còn tạo ra dạng Di nha cao và lùn khác nhau.

#### IV.A.62. CÂY DỪA CẠN (Bông dừa, Hải đăng)

Madagascar Periwinkle, Pervenche Malgache,  
Cape periwinkle, Old maid

*Catharanthus roseus* (L.) G. Don (*Vinca rosea* L.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây mọc rất rộng rãi ở vùng nhiệt đới và gần như cây toàn cầu (có nguồn gốc ở vùng Cựu thế giới). Hiện nay cây được gây trồng làm cảnh, làm thuốc hay mọc hoang dại vùng đất cát, bãi cỏ nơi ven biển khắp nước ta. Cây thân cỏ, cao chừng 0,4 - 0,8 m, có nhựa trắng. Lá dạng bầu dục, thuôn hẹp ở gốc, có cuống ngắn. Cụm hoa chỉ có 2 chiếc mọc ra từ nách lá, màu đỏ, hồng hay trắng, với đốm vàng hay đỏ ở gần họng (tùy theo các chủng). Hoa có cánh hợp thành ống hẹp dài ở gốc, trên chia 5 thùy rộng, xòe ra, đầu có mũi. Quả gồm 2 đại, nhiều hạt đen, nhỏ (Hình 119).



H.119. Dừa cạn -  
*Catharanthus roseus* Don.

Cây mọc khỏe, dễ trồng, gieo giống tự nhiên dễ dàng, cho hoa nở gần quanh năm. Hiện nay các nhà vườn thường trồng xen kẽ với nhau nhiều chủng cho hoa màu sắc tương phản để làm cảnh ở các bồn hoa, bãi cỏ lớn, có hai chủng mọc khá phổ biến là :

IV.A.62.a. *Catharanthus roseus* G. Don var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng

IV.A.62.b. *Catharanthus roseus* G. Don var. *oculata* Hort.

Hoa màu trắng, gốc cánh hoa ở họng màu tím hay đỏ.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn còn trồng các loài khác có kích thước khác nhau là :

#### IV.A.63. CÂY DỪA CẠN LỚN

**Grande pervenche**

***Vinca major* Linn.**

Cây cho lá hình bầu dục, tù ở đỉnh, gốc gần hình tim. Hoa màu xanh.

*IV.A.63.a. Vinca major* L. var. *elegantissima* Hort.

Lá có mép và đốm trên phiến màu vàng trắng.

*IV.A.63.b. Vinca major* L. var. *variegata* Hort.

Lá có vạch trắng trên phiến.

#### IV.A.64. CÂY DỪA CẠN NHỎ

**Petite pervenche, common periwinkle, Blue,**

**Running or Trailing Myrtle**

***Vinca minor* Linn.**

Cây có lá hình trái xoan thuôn, nhẵn có cuống ngắn. Hoa tím nhạt xanh.

*Vinca minor* L. var. *alba plena* Hort.

Cây có hoa trắng, cánh kép.

*Vinca minor* L. var. *alba variegata* Hort.

Cây có lá vằn, hoa cánh đơn trắng.

*Vinca minor* L. var. *atropurpurea compacta* Hort.

Hoa cánh đơn, màu đỏ thắm.

*Vinca minor* L. var. *purpurea plena* Hort.

Hoa màu đỏ thắm, cánh kép.

*Vinca minor* L. var. *rosea* Hort.

Hoa màu hồng, cánh đơn.

*Vinca minor* L. var. *rosea flore pleno* Hort.

Hoa màu hồng, cánh kép.

#### IV.A.65. CÂY ĐẬU KHẤU LỬA

**Torch ginger**

***Amomum magnificum* Benth. et Hook. (*Nicolaia eliator*)**

**Họ Gừng (Zingiberaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới. Cây có thân củ trong đất, thân giả cao 1 - 2 m (nơi nguyên sản Indonesia cao đến 6 m). Lá mọc cách xếp hai dãy đều đặn dài đến 60 cm. Cụm hoa lớn sát đất dạng hình đầu màu đỏ tươi (do lá bắc làm thành). Hoa màu đỏ, cánh môi có mép màu vàng.

Cây đẹp, hoa nở bền, trồng ở các bãi cỏ rất đẹp.



H.120. Cây Đông hầu -  
*Turnera ulmifolia* L.

#### IV.A.66. CÂY ĐÔNG HẦU

**Sulphur alder**

***Turnera ulmifolia* Linn.**

**Họ Đông hầu (Turneraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, và các nước ở Nam châu Mỹ, hiện được gây trồng rộng rãi vì hoa đẹp, mặc dù chóng tàn. Cây thân cỏ mọc thành bụi, cao khoảng 0,5 - 1 m, nhám. Lá thuôn hình trái xoan hay hình giáo, gốc phiến có 2 tuyến. Cuống ngắn, có lông. Hoa thường đơn độc, cuống hoa sát dính vào cuống lá (gần như không có cuống). Cánh hoa rộng, hình bầu dục, màu vàng đậm dần từ đỉnh vào trung tâm. (Hình 120)

Cây có hoa đẹp, nở rộ vào buổi sáng, và tàn vào buổi trưa. Hoa nở gần như quanh năm, cây rất dễ trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm sau bưng ra trồng ở chậu hay các bồn hoa. Cây ưa sáng, cần chăm sóc tốt để cho hoa nở rộ.

Để trồng làm cảnh trong chậu nhỏ bày ở trong phòng hay nơi có diện tích hẹp, thường chọn một chủng có dạng lùn và hoa đẹp là:

*IV.A.66.a. Turnera ulmifolia* L. var. *elegans* Hort.

(*T. trioniflora* Sims.)

Cây chỉ cao bằng nửa cây trên, hoa màu vàng nhạt với các đốm màu tím nâu.

#### IV.A.67. CÂY ĐỒNG TIỀN (CÚC TIỀN)

*Gerbero jamesonii* Hook.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi, nhập vào Việt Nam gây trồng làm cảnh vì hoa đẹp lâu tàn, trồng ở bồn hoa, chậu cảnh hay cắt cắm lọ đều thích hợp. Cây thân cỏ, sống lâu năm, vì rễ chùm mọc khỏe. Lá mọc chụm sát đất, có cuống dài, phiến dạng bản rộng chia thùy nhọn sâu, gốc kéo dài men theo cuống thành cánh. Cụm hoa hình đầu mọc thẳng hay hơi cong ở đỉnh, cuống chung dài 20 - 40 cm. Lá bắc có nhiều dãy, màu xanh bóng. Hoa ở vòng ngoài không đều, có 1 cánh môi thuận dài, hẹp màu đỏ mặt trên, hơi trắng ở mặt dưới. Hoa ở giữa tròn đều, cao 1 cm. Quả bế hẹp, dài, có lông trắng ở đỉnh (Ảnh 119).

Cây được trồng bằng tách chồi ở gốc cây mẹ hay gieo hạt. Nếu tách chồi, cần chọn cây khỏe, có chồi mập, cắt rời với ít rễ, đem trồng ngay. Cây chóng có hoa. Nếu trồng hạt, sau 15 ngày gieo, hạt nẩy mầm và sau 90 - 100 ngày, cây cho hoa. Đất trồng cần đủ phân và trải nắng, có thể chịu được rét, ẩm. Hoa nở quanh năm, nhưng thường ươm gieo để có hoa tập trung vào dịp tết Nguyên Đán.

Hiện nay đã tạo được nhiều chủng cho hoa lớn, số hoa có cánh môi nhiều và màu sắc khác nhau.

IV.A.67.a. *Gerbera jamesonii* Hook. var. *transvaalensis* Hort.

Cây có cụm hoa hình đầu lớn, cánh kép, màu sắc đỏ tươi hơn.

IV.A.67.b. *Gerbera viridifolia* Schtz.

Lai với *Gerbera jamesonii* Hook.

Cho hoa có cánh môi màu vàng.

#### IV.A.68. CÂY ĐUÔI CÔNG (Bạch hoa xà)

Leadwort

*Plumbago zeylanica* Linn.

Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới châu Á và châu Phi. Cây thân cỏ, mọc thành bụi, cũng có thể hơi trườn, phân cành nhánh



hiều, cao khoảng 1 m. Lá mỏng, dạng thuôn bầu dục, tù, kéo dài theo cuống thành cánh nhỏ, màu xanh đậm, nhẵn. Cụm hoa ngắn có ít hoa, màu trắng. Lá bắc và cánh dài màu xanh, có lông dính, mềm, cánh tràng hình ống thuôn, trên chia 5 thùy rộng, xòe ngang.

Cây có dáng đẹp, hoa nở gần quanh năm, rất thích hợp với các bãi cỏ, ven lối đi và trong các chậu lớn. Cây dễ trồng.

#### IV.A.69. CÂY ĐUÔI CÔNG HỒNG (Bướm bướm hường)

**Pink Leadwort**

***Plumbago indica* Linn. in strick m. (*Pl. rosea* Linn.)**

**Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Á, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Thân gãy khúc, cứng, hơi trườn. Lá hình trái xoan rộng, có cuống ngắn. Cụm hoa hẹp, mang hoa màu đỏ, cánh dài hình ống dài có lông dính mềm, cánh tràng hình ống dài, chia 5 thùy. Quả nang có 5 mảnh. Có 1 chủng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.A.69.a. *Plumbago indica* Linn. var. *coccinea* Hook.  
(*P. coccinea* Salisb).

Hoa có kích thước lớn, màu đỏ đậm tươi, cây có hoa quanh năm.

#### IV.A.70. CÂY ĐUÔI CÔNG XANH (Bướm bướm xanh)

**Blue Leadwort**

***Plumbago capensis* Thunb. (*Pl. auriculata* Lamk.)**

**Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)**

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Phi, cây mọc thành bụi nhỏ, mềm gần như trườn, màu xanh xám. Lá thuôn bầu dục, cuống ngắn. Cụm hoa ở đỉnh nhiều hoa, nở dần ít một, hoa màu xanh lam nhạt, đẹp, duyên dáng. Cánh dài hình ống, có 5 múi và có lông dính. Cánh tràng hợp thành ống, trên có 5 thùy hình trái xoan rộng, xòe ra. Quả nang thuôn dài có cạnh và mở ra làm 5 mảnh (Ảnh 120).

Có thể trồng xen với 1 chủng có hoa màu trắng để tôn thêm màu xanh lam của loài trên là :

IV.A.70.a. *Plumbago capensis* Thunb. var. *alba* Hort.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, nhưng đôi khi cũng tách bụi. Hạt ươm gieo nơi đất tốt, ẩm, mát. Cây chịu bóng một phần.

#### IV.A.71. CÂY GIA CỐP (Ngọc long)

Flamingo plant

*Jacobinia carnea* Nichols

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil) trồng ở chậu rất đẹp. Cây bụi thấp, thân thẳng, phân nhánh ít. Lá mọc đối, thuôn bầu dục khá lớn, màu xanh bóng, nổi rõ gân. Cụm hoa ở đỉnh, nhiều hoa trên cuống chung màu hồng. Hoa màu hồng, dạng ống hẹp, dài đến 5 cm đỉnh chia 2 môi. Hoa nở quanh năm, bền.

Chúng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.A.71.a. *Jacobinia carnea* var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

#### IV.A.72. CÂY HOA HIÊN

Lemon lily, yellow Day Lily,  
Lis jaune, Hémerocalle jaune

*Hemerocallis flava* Linn.f.

(*H. lilio-asphodelus* L.)

Họ Hoa hiên

(Hemerocallidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu hay Nhật Bản (Bắc châu Á) nay được trồng rộng rãi ở vùng núi để làm cảnh và làm rau ăn. Cây thân cỏ, mọc bụi dày, sống lâu năm. Lá xếp hai dãy trên một mặt phẳng, dài 40 - 50 cm, rộng 0,5 - 1 cm, màu xanh bóng, mềm uốn cong ra. Cụm hoa trên cuống chung dài hơn lá, thẳng cứng, màu xanh bóng. Hoa lớn tập trung thành



H.121. Hoa Hiên đỏ -  
*Hemerocallis flava* L.

tán (6 - 9 hoa), màu vàng, gốc hợp thành ống, trên chia 6 thùy thon dài, có hương thơm mát. Nhị thò ra ngoài bao hoa (Ảnh 121).

Mùa hoa tháng 5 - 7. Cây mọc khỏe, dễ nhánh dày có thể trồng bằng tách bụi có đủ rễ và chồi mầm (rất ít khi trồng bằng hạt). Cây ưa khí hậu mát lạnh, ẩm ướt, nhưng đủ nắng. Đất trồng cần làm kỹ bón lót đầy đủ. Cây trồng ở chậu bày dọc lối đi hay nơi hàng hiên rất đẹp.

#### IV.A.73. CÂY HOA HIÊN ĐỎ (Huyền thảo)

**Orange day Lily, Lis rouge**

***Hemerocallis fulva* (L.) L. (*H. disticha* Donn.)**

**Họ Hoa hiên (Hemerocallidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Á. Cây thân cỏ, sống lâu năm có củ nhỏ, thân rễ ngắn. Lá mọc tập trung ở gốc, hình mũi mác, hẹp, màu xanh bóng nổi rõ gân dọc. Cụm hoa có cuống chung dài bằng lá, phân nhánh mang 6 - 12 hoa. Hoa lớn màu vàng đỏ, không thơm. Cánh hoa hợp ở gốc thành hình phễu. trên chia 6 thùy có sọc ngang. Quả nang 3 cạnh, nhiều hạt bóng màu đen (Hình 121)

Các nhà vườn đã tạo ra nhiều chủng đẹp :

**IV.A.73.a. *Hemerocallis fulva* L. var. *Kwanso* Hort.**

Hoa lớn, cánh kép (The double orange Lily)

**IV.A.73.b. *Hemerocallis fulva* L. var. *flore - pleno* Hort.**

Hoa có cánh vàng đỏ và nhiều đốm đỏ ở giữa.

**IV.A.73.c. *Hemerocallis fulva* L. var. *variegata* Hort.**

Lá màu xanh với các vạch trắng.

**IV.A.73.d. *Hemerocallis fulva* L. var. *hupehensis* Hort.**

Hoa màu đỏ tươi, họng màu vàng.

#### IV.A.74. CÂY HOA LIS

**Coral lily**

***Lilium pumilum* DC.**

**Họ Hành (Liliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phương Bắc trồng chủ yếu ở vùng núi cao nước ta (Lâm Đồng) cây có củ, thân thẳng, tròn, cao

30 - 50 cm. Lá hình giải hẹp mọc đều đặn trên thân, màu xanh đậm, gân rõ. Hoa lớn mọc ở đỉnh thân, màu sắc thay đổi do các chủng lai khác nhau. Hoa nở bền, thơm, đẹp, rất ưa chuộng làm hoa cắm lọ hay trồng thành các bãi rộng.

#### IV.A.75. CÂY HOA PHẤN

Four o'clock; Marvel of Peru; Belle de nuit

*Mirabilis jalapa* L.

Họ Hoa giấy

(Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới; đôi khi mọc dại và được trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh ở chậu, trong các bồn hoa. cây thân cỏ mọc thành bụi thưa, cao 0,4 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn, gốc có củ to. Lá đơn nguyên, cuống ngắn, mọc đối dạng bầu dục xanh bóng. Cụm hoa ở đầu cành hay ở nách các lá gần ngọn. Gốc cuống chung có 5 lá bắc xanh làm thành tổng bao. Hoa có nhiều màu khác nhau, từ trắng, vàng đến đỏ đậm. Cánh hoa hợp thành ống dài, đầu loe rộng, chia 5 thùy hình tam giác. Nhị thò ra ngoài cánh hoa. Quả bế trong cánh dài màu đen. (Hình 122)

Hoa nở quanh năm và rất thơm về đêm, thường nở về chiều tối, qua đêm và tàn vào sáng hôm sau.

Cây dễ trồng bằng hạt hay bằng các đoạn củ. Ươm gieo hạt dễ dàng ngay nơi bồn hoa. Sau 1 tháng đã có cây con và sau 1 năm, hoa đã nở rộ.



H.122. Hoa Phấn -  
*Mirabilis jalapa* L.

#### IV.A.76. CÂY HOA PLỐC (Phước, Vẩy trúc)

**Drummond Phlox**

***Phlox drummondii* Hook.**

**Họ Hoa Plốc (Polemoniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Texas), nay được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ mọc thành bụi nhỏ mềm, có lông trắng, nhám, phân cành ít, sống hàng năm, cao 40 - 50 mm. Lá mọc cách, thuôn hình giáo, không cuống, màu xanh bóng, có lông dài và thưa. Cụm hoa mang nhiều hoa có cuống dài, xếp sát nhau, dạng xim ở đỉnh, dài. Cánh hoa hợp thành ống trên chia 5 thùy rộng, tỏa tròn, màu sắc thay đổi từ trắng, hồng đến tím, đở có đốm đậm. Quả nang tròn có đài còn lại và mở theo 3 mảnh. (Ảnh 122).

Cây cho hoa rất đẹp, nở dần từng bông nên mùa hoa kéo dài, rất thích hợp trồng ở các bồn hoa, luống dài hay thành bãi rộng. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành. Sau 2 tháng gieo, cây bắt đầu có nụ và sau 1 - 2 ngày hoa đã nở. Hoa nở bền, mùa hoa kéo dài cả tháng. Cây sau 3 tháng sẽ cho quả. Thu hoạch quả già, để khô lấy hạt. Bảo quản cho mùa trồng sau.

Hiện nay hoa Plốc có rất nhiều chủng và dạng đẹp, đều trồng làm cảnh. Thông thường chia làm 2 nhóm là :

*IV.A.76.a. Phlox drummondii* Hook. var. *rotundata* Voss.

Với cánh hoa gần tròn, rộng, mép nguyên.

*IV.A.76.b. Phlox drummondii* Hook. var. *stellaris* Voss.

Với cánh hoa hẹp, xếp dạng sao.

#### IV.A.77. CÂY HỎA HOÀNG

***Crossandra à feuilles ondulées***

***Crossandra undulaefolia* Salisb.**

**(*C. infundibuliformis* Nees)**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở các nước nhiệt đới khác, vì hoa đẹp, sắc sỡ, nở bền, rất thích hợp nơi bồn rộng, bãi cỏ hay vườn hoa. Cây thân cỏ, cứng, mọc

thẳng, tròn, có lông mịn, cao đến 1 m, phân cành nhiều. Lá mọc đối hay chụm 4 chiếc, dạng thuôn bầu dục, mép răn reo. Cụm hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh, có nhiều lá bắc lớn bọc kín (khi còn nụ) và xòe rộng mang hoa kích thước trung bình, màu đỏ cam hay màu gạch tôm tươi, bóng. Hoa có dạng ống hẹp, trên chia 5 thùy không đều, lật ra ngoài. Quả nang mang 4 hạt (Ảnh 123).

Cây dễ trồng bằng hạt, cho hoa nở rộ vào đầu xuân.

#### IV.A.78. CÂY HÒA HOÀNG LAM (Cây hoa xinh)

*Eranthemum pulchellum* Andr. (*E. nervosum* R.Br.;  
*Daedalacanthus nervosus* T. Anders.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây nhỡ, cao 0,7 - 1,5 m, nhẵn. Lá hình trứng, gốc thon có cuống dài, mép nguyên hay khía tròn, răn reo. Cụm hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh. Lá bắc nhiều hình trứng hay nhọn đầu, có lông. Hoa lớn màu xanh hay tím. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, dài, trên chia 5 thùy bằng nhau, loe rộng. Quả nang dài, có 4 hạt, dẹt.

Cây có hoa vào mùa xuân (tháng 2 - 3) hay cuối thu (tháng 9 - 10) cây trồng chủ yếu bằng hạt.

#### IV.A.79. CÂY HỒNG ANH

Corn Poppy, Coquelicot

*Papaver rhoeas* L.

Họ Thuốc phiện (Papaveraceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được trồng rất rộng rãi ở châu Âu và châu Á. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao khoảng 60 - 80 m, có mù trắng và có lông ráp. Lá chia thùy lông chim, mép khía răng, có cuống ngắn. Hoa lớn, trên cuống dài thẳng hay hơi cong, có lông ráp. Nụ hoa thuôn trái xoan. Hoa nở xòe rộng, cánh dài mau rụng. Cánh tràng xếp sát nhau thành một chén nông, loe ở miệng, màu đỏ, gốc có đốm đen. Nhị nhiều ở đáy hoa. Quả nang mở ra bằng lỗ ở đỉnh (Ảnh 124).

Cây ưa khí hậu ẩm, mát nên được gây trồng chủ yếu ở vùng núi

cao Nam Trung Bộ trở ra. Cây được gây trồng bằng hạt, chọn các quả già lớn, thu hoạch trước khi chín khô, đem phơi nơi mát thoáng gió để lấy hạt. Chọn hạt mẩy ươm gieo ở vườn hay trực tiếp ở chậu, bồn hoa. Hiện nay các nhà làm vườn đã tuyển chọn được chủng có màu sắc hoa khác nhau từ trắng, hồng đến đỏ, tím. Trồng xen lẫn nhau trong một bãi rộng rất đẹp. Sơ bộ có mấy chủng đặc sắc cho màu và kích thước của hoa khác nhau :

*IV.A.79.a. Papaver rhoeas L. var. umbrosum Mott.*

(*P. umbrosum Hort.*).

Hoa có cánh màu đỏ đậm, gốc họng có đốm đen.

*IV.A.79.b. Papaver rhoeas L. var. hookeri W. Miller.*

(*P. hookeri Baker.*).

Hoa có kích thước lớn; cánh hoa màu hồng nhạt, hay vàng nhạt, trắng, gốc họng có đốm đen.

*IV.A.79.c. Papaver rhoeas L. var. japonicum Hort.*

(Japanese pompons)

Cho hoa nhỏ rất đẹp, thích hợp với việc cắt cắm lọ bày ở bàn trà.

#### IV.A.80. CÂY HUỆ (Hoa huệ)

**Tubèreuse, Tuberoze**

***Polianthes tuberosa Linn.***

**Họ Thùa (Agavaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta để lấy hoa cắm lọ. Đây là một loài rất phổ biến không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước trên thế giới.

Cây thân cỏ sống hàng năm, gốc có củ trắng, thẳng đứng, tròn, mập màu xanh bóng, cao 0,8 - 1 m. Lá hình dải hẹp, màu xanh nhạt, mọc thẳng, lõm lại thành hình máng, đầu thuôn dài, gốc thành bẹ ôm thân, mềm mọc đều đặn từ gốc. Cụm hoa dài khoảng 1 m thẳng đứng, mang hoa ở phần đỉnh, với lá tiêu giảm. Hoa thường xếp đôi một ở một điểm, trên cuống rất ngắn, hoa màu trắng thơm. Cánh hoa dính lại thành ống, hẹp và hơi cong, đỉnh loe rộng và có 6 thùy dài (Ảnh 125).

Cây rất được ưa chuộng, vì vẻ đẹp thanh cao và hương thơm ngát (nhất là về đêm), thường được bày cắm nơi bàn thờ và ngày lễ, tết. Cây dễ trồng ở các luống làm đất kỹ. Trồng bằng củ, xếp cách nhau đều đặn (20 - 25 cm). Lấp đất nhẹ, tưới nước đầy đủ. Sau khi trồng, khoảng 3 tháng, sẽ cho hoa và nở liên tiếp trong 3 - 4 tháng. Sau 2 - 3 năm, phải trồng lại và làm đất bón thêm phân... có thể gây trồng và cho hoa quanh năm.

Có hai dạng hoa khác nhau :

- Cây Huệ đơn (hay Huệ xẻ), cây thấp, hoa ngắn, thưa và có 2 vòng bao hoa (6 cánh), hương thơm ngát.

- Cây Huệ kép (hay Huệ tứ diện), cây cao, hoa dài, dày và cánh hoa có nhiều lớp. Tuy ít thơm hơn, nhưng cánh hoa kép được nhiều người ưa chuộng, nên gây trồng rộng rãi hơn.

#### IV.A.81. CÂY HUỆ DA CAM

*Clivia a fleurs rouge minium*

*Clivia miniata* Regel. (*Imantophyllum miniatum* Hook.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ. Cây gần như không có thân, lá mọc dày đặc từ gốc; dạng giải, phẳng, màu xanh đậm bóng, trên cuống chung mập, thẳng, cao 30 - 40 cm mang hoa tập trung dạng tán dày ở đỉnh (12 - 20 chiếc). Cánh hoa hợp ở gốc chia 6 thùy dài, màu đỏ cam ở phần đỉnh, chuyển màu vàng ở gốc.

Hoa nở quanh năm, nhưng tập trung vào mùa mưa (Ảnh 126)

Cây trồng bằng tách bụi, rất ít khi bằng hạt. Cây cho cụm hoa đẹp, gây trồng ở chậu hay các bồn hoa rất thích hợp, cây ưa khí hậu mát, ẩm và đủ nắng. Có 1 vài chủng đặc sắc là :

IV.A.81.a. *Clivia miniata* Regel. var. *aurea* Hort.

Cây cho hoa màu vàng với họng rất đậm.

IV.A.81.b. *Clivia miniata* Regel. var. *striata* Hort.

Cây cho lá màu xanh với vạch trắng.



#### IV.A.82. CÂY HUỆ HỒNG

*Eleutherine longifolia* Gagnep.

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có củ màu đỏ. Lá thuôn dài mọc từ gốc thân sát đất. Cụm hoa có 3 đoạn cách xa nhau, mỗi đoạn có 3 - 5 hoa trong lá bắc lớn, hoa màu hồng. Quả nang mở 3 mảnh.

Cây được trồng bằng củ và làm cây cảnh ở chậu, ven lối đi hay trong các bồn hoa rộng.

#### IV.A.83. CÂY HUỆ TÂY (Bạch huệ, Loa kèn trắng)

Lys; Japanese Easter Lily, Long - Tubed white Lily,  
Trumpet Lily

*Lilium longiflorum* Thunb.

Họ Hành (Liliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, hiện được trồng rất rộng rãi cả châu Âu, châu Mỹ và châu Á, vì hoa lớn, thơm, đẹp, rất thích hợp để cắm lọ. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ rễ củ dạng hàng mập, ngoài có lớp vẩy bao bọc. Thân tròn cứng, mập, thẳng đứng trên củ. Lá mọc dày đặc trên thân, tập trung nhiều ở gốc, màu xanh bóng, hơi thẳng, thuôn và mềm. Cụm hoa ở trên đỉnh thân, có 1 - 10 chiếc, lớn, màu trắng bóng ở cánh, hơi xanh ở gốc. Cánh hoa lớn, giống nhau làm thành một ống dài, loe rộng ở đỉnh, thùy hoa lớn, uốn cong ra. Nhị 6, bao phấn dài, màu vàng. Quả nang nhiều hạt (Ảnh 127).

Cây trồng chủ yếu bằng củ, đất phải tơi xốp, thịt hay pha cát. Làm đất kỹ, lên luống, đào lỗ, bón phân. Đặt củ, cách xa nhau 20 - 30 cm, sau 15 ngày, củ cho mầm và 50 ngày, cây mọc đều. Cần chăm sóc kỹ cây con, sau 5 tháng cây cho hoa. Mỗi củ cho một cây (rất hiếm có 2), mỗi cây cho 4 - 12 hoa. Cát hoa phải để lại 1 phần thân, lá để củ tiếp tục sống.

#### IV.A.84. CÂY HUYẾT HOA (Hoa quốc khánh)

Blood Lily, *Haemanthus à fleurs nombreuses*

*Haemanthus multiflorus* (Tratt.) Martyn.

(*H. abyssinicus* Herb.; *H. tenuiflorus* Herb.)

## Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới; hiện được trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi miền Nam nước ta. Cây trồng ở chậu rất đẹp, vì có củ hình cầu lớn, mọc ra thân mập tròn, thẳng, màu xanh với nhiều đốm đỏ nâu. Lá có 3 - 4 chiếc dính sát nhau, mềm, láng, có cuống ngắn. Cụm hoa trên cuống chung mập, thẳng, cao khoảng 30 cm, đẹt, màu xanh có đốm đỏ nâu, gốc cụm hoa có nhiều lá bắc làm thành tổng bao màu trắng. Hoa có cuống dài xếp dày đặc thành một tán dạng đầu, đường kính 10 - 15 cm, gồm 30 - 100 hoa màu đỏ tươi. Hoa có cánh hoa hợp thành ống dài, trên chia 6 thùy dài, hẹp. Nhị đực dài, màu đỏ với bao phấn ở đỉnh màu vàng, thò ra ngoài cánh hoa.

Cây mọc khỏe, dễ trồng và cho hoa vào mùa thu. Có một chủng cho hoa màu tươi đậm hơn.

*IV.A.84.a. Haemanthus multiflorus* Martyn. var. *superbus* Hort.

## IV.A.85. CÂY HƯỚNG DƯƠNG (Cúc quỳ)

**Common Sunflower; Soleil des jardins; Tournesol**

***Helianthus annuus* Linn.**

### Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được trồng rộng rãi ở châu Âu lấy hạt có dầu. Ở Việt Nam chỉ trồng làm cảnh cho hoa đẹp vào dịp đầu năm. Cây thân cỏ sống hàng năm, thân dài, thẳng, tròn, cao 1 - 2 m, hơi có lông. Lá mọc đều đặn trên thân, gần như đối. Cuống lá dài, thẳng hay ngang, (10 - 20 cm). Phiến lá dạng bầu dục, gốc hình tim, thuôn hẹp và có mũi ở đỉnh, màu xanh nhạt, nhám. Cụm hoa hình đầu rất lớn ở phía đỉnh thân, rộng 20 - 25 cm, ngoài cụm hoa có 2 - 3 dây lá bắc màu xanh mềm, dạng thuôn nhọn. Hoa ở xung quanh không đều, với cánh môi lớn, dài, màu vàng, mép khía răng. Hoa ở giữa đều, hình ống. Quả đẹt, cao, màu đen bóng. (Ảnh 128).

Cây trồng ở chậu hay ở bãi rộng làm cảnh cả cây, sau khi cụm hoa tàn thì cây cũng chết. Hiện nay, các nhà vườn để tạo ra nhiều dạng hoa đẹp với màu sắc khác nhau.

*IV.A.85.a. Helianthus annuus* L. var. *californicus* Hort.

Cụm hoa rất lớn, các cánh môi ở các hoa xung quanh đều kép.

*IV.A.85.b. Helianthus annuus* L. var. *citrinus* Hort.

Hoa xung quanh có cánh môi màu vàng với nhiều vạch hồng tươi.

*IV.A.85.c. Helianthus annuus* L. var. *nanus* Hort. :

Cây lùn thấp (cao dưới 1 m) cụm hoa nhỏ, đường kính 10 - 12 cm, cánh môi của hoa xung quanh cũng kép.

Cây trồng bằng hạt. Sau khi gieo một tuần hạt đã nảy mầm. Sau 20 ngày nhổ ra và cấy ở vườn ươm. Sau 25 ngày bứng đem trồng ở chậu hay vườn hoa. Sau 70 - 75 ngày cây có hoa. Như vậy muốn có hoa vào dịp Tết Nguyên đán, cần gieo hạt vào tháng 10 dương lịch mỗi năm. Cần chăm sóc, làm đất, bón phân kỹ cho cây. Loại cây có thân cao cần có que chống hay ươm gieo 3 hạt 1 hốc, để chọn 1 cây mập.

**IV.A.86. CÂY LA ĐƠN (Lay ơn, Đơn)**

**Glaieul, Gladiolus**

***Gladiolus communis* Linn.**

**Họ Lay ơn (Iridaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới và vùng Trung cận đông (phía tây của châu Á). Đây là một loài cho hoa đẹp, nên được gây trồng rất rộng rãi với nhiều dạng lai màu sắc khác nhau. Ở Việt Nam, cây được đưa từ châu Âu sang và đã lai nhiều thế hệ nên rất khó xác định taxon lai thật chính xác. Cây thân cỏ, có củ sống lâu năm. Củ dạng tròn, dẹt, cứng, chùm rễ ngắn mọc từ đáy củ. Thân dẹt, mềm mảnh, do đó khi trồng cần vun gốc và có que chống. Lá mọc 2 dãy trên một mặt phẳng, dạng hình kiếm nhọn, lá trước xếp chồng lên bẹ lá sau (có từ 7 - 9 lá), màu xanh bóng, gân rõ. Cụm hoa xim một ngã, mang hoa lớn, nở dần từ dưới lên đỉnh, hơi gầy khúc. Hoa không đều, cánh hoa xếp sát nhau thành hình phễu, trên loe rộng, màu sắc từ trắng qua vàng, cam đến đỏ, tím đậm. Quả nang, nhiều hạt. Cây có hoa gần như quanh năm, nhưng thường tập trung vào mùa rét (Đông Xuân), nhất là vào dịp Tết Nguyên đán. (Ảnh 129)

Ở Việt Nam, sơ bộ phân biệt một số dạng trồng phổ biến :

- *La đơn phấn hồng cao* : cây cao trên 1 m, cụm hoa có 12 - 16 hoa, màu hồng.
- *La đơn phấn hồng lùn* : cây cao dưới 1 m, cụm hoa có 10 - 14 hoa, màu hồng.
- *La đơn trắng* : cây cao 0,9 - 1,1 m, cụm hoa có 12 - 16 hoa, màu trắng.
- *La đơn tím đậm* : cây cao 0,6 - 0,8 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa, cánh lớn màu tím đậm.
- *La đơn tím nhạt* : cây cao 0,6 - 0,8 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa, cánh nhỏ, mỏng, màu tím nhạt.
- *La đơn đỏ* : cây cao 0,6 - 0,9 m, cụm hoa có 12 - 15 hoa màu đỏ tươi.
- *La đơn vàng* : cây cao 0,6 - 0,9 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa màu vàng lợt
- *La đơn cá vàng* : cây cao 0,6 - 0,8 m cụm hoa có 10 - 12 hoa màu đỏ vàng
- *La đơn gạch* : cây cao 0,6 - 0,7 m, cụm hoa có 10 - 14 hoa, màu đỏ gạch.
- *La đơn san hô* : cây cao 1 - 1,2 m, cụm hoa có 13 - 17 hoa, màu đỏ nhạt.

Cây ưa khí hậu ẩm mát, chịu được rét, không chịu được nắng. Cây trồng bằng củ. Sau 60 ngày (giống ngắn ngày) đến 90 ngày (giống dài ngày), cây nở hoa. Cần làm đất kỹ, bón phân đầy đủ, nhất là phân đạm, đất trồng thích hợp là đất thịt nhẹ, nhiều mùn, dễ thoát nước. Chọn củ lớn (loại củ nhỏ cũng có hoa nhưng hoa nhỏ và dễ dể củ nhỏ), đường kính 2 - 4 cm, sau khi trồng vài vụ bỏ củ chính, thu hoạch các củ mới nảy ra thay thế. Đôi khi gây trồng bằng hạt (chủ yếu các dạng lai cho hoa màu sắc của bố mẹ) hạt gieo cũng sẽ cho ra củ, và lại chọn củ để giữ giống mới. Trồng củ theo các luống đã cày ải trước 10 - 15 ngày và trồng theo hàng kép (1 ha trồng 140.000 - 150.000 củ) hay hàng đơn (1 ha trồng 100.000 - 110.000 củ) củ trước khi trồng cần nhúng nước (10 phút) rồi để khô. Sau 3 - 5 ngày, có rễ non mới trồng. Sau 10 ngày, có 2 - 3 mầm và có 1 lá. Tia mầm phụ, cần vun gốc, tưới nước, bón phân đủ, cắt hoa khi còn đang nụ (1 - 2 hoa mới hé nở).

#### IV.A.87. CÂY LÁ GẤM

*Chrysothemis pulchella* (Donn.) Decaisne

Họ Rau tai voi (Gesneriaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trinidad đến Amazone (châu Mỹ) nhập trồng ở các chậu nhỏ rất đẹp.

Cây thân cỏ mọc nước, mọc thành bụi nhỏ. Lá dày, mọc đối trên các đốt, dài 10 - 15 cm, màu xanh đậm ánh bạc, gân rõ, mép có răng. Cụm hoa ở nách lá, mọc xòe rộng, nhiều hoa dạng ống màu vàng có các vạch đỏ dọc ống và cạnh mép. Cánh hoa nở bền nhất là cánh dài màu đỏ cam.

Cây mọc khỏe, dễ trồng.

#### IV.A.88. CÂY LAN HUÊ (Náng trường sơn)

*Belladonna Lily; Amaryllis, Barbados Lily*

*Hippeastrum equestre* Herb. (*Amaryllis equestris* Ait.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Méhicô, Chilê, và Brazil). Cây có củ hành hình cầu, lớn, màu nâu và có phần cổ ngắn. Lá mọc hai hàng, dày đặc sau khi hoa tàn. Lá hình dải hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh. Cụm hoa mọc ra từ đỉnh củ, giữa đám lá, trên một cuống chung mập, tròn, thẳng màu xanh bóng, cao 30 - 40 cm (thường xuất hiện vào đầu mùa mưa) đỉnh mang 2 - 5 hoa. Gốc cụm hoa có 2 lá bắc lớn, màu xanh. Hoa có cuống ngắn, rất lớn. Cánh hoa dính lại thành ống ngắn, màu đỏ tươi, họng hơi xanh, và có vảy. Quả nang hình cầu.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng có hoa đẹp như :

IV.A.88.a. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng (Ảnh 130)

IV.A.88.b. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *splendes* Truff.

Hoa màu đỏ, cuống dài (Ảnh 131).

IV.A.88.c. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *fulgidum* Hort.

Hoa màu vàng cam tươi, mép cánh viền trắng.

IV.A.88.d. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *ignescens* Hort.

Hoa màu đỏ thắm, mép và gốc cánh hoa màu trắng.

IV.A.88.e. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *major* Hort.

Hoa lớn, màu vàng cam tươi, gốc cánh hoa màu xanh.

#### IV.A.89. CÂY LAN HUỆ MẠNG

*Hippeastrum reticulé*

*Hippeastrum reticulatum* Herb.

(*Amaryllis reticulata* L'Herit)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được trồng rộng rãi ở nước ta làm cây cảnh ở chậu, cây viền lối đi, trên các bãi cỏ, bồn hoa. Cây có củ hành gần hình cầu, với một cổ ngắn ở đỉnh. Lá xuất hiện cùng với lúc hoa nở, dạng thuôn dài, dày, gân chính rất rõ, to, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa, dạng tán trên một cuống chung mập, thẳng, màu xanh bóng, dài 30 - 40 cm, đỉnh mang 3 - 6 hoa, gốc có lá bắc tổng bao nhỏ, mỏng. Hoa lớn có cuống dài, cánh hoa có màu hồng với các sọc đỏ dọc theo gân. Hoa nở vào đầu mùa mưa (mùa hạ).

Để trồng làm cảnh đẹp, các nhà vườn ở Lâm Đồng (Đà Lạt) thường chọn chủng :

IV.A.89.a. *Hippeastrum*

*reticulatum* Herb. var.

*striatifolium* Baker.

Cây có lá với gân giữa lớn màu trắng.



H.123. Liệt nữ -  
*Lychnis chalconica* L.



Ảnh 126: Huệ da cam - *Clivia miniata* Regel



Ảnh 127: Huệ tây - *Lilium longiflorum* Thunb.



Ảnh 128. Hương dương  
*Helianthus annuus* L.



Ảnh 129. Lily đỏ - *Gilchristia composita* L.



Ảnh 130. Lily trắng  
*Hippocistis spicata* Herb. var. *alba* Hort.



Ảnh 131. Lily đỏ  
*Hippocistis spicata* Herb. var. *splendens* Hort.





Ảnh 132. Mãn mãn cảnh  
*Mimulus spurius* Raf.



Ảnh 133. Mào gà đỏ  
*Celosia coccinea* Linn.



Ảnh 134: Mào gà trĩu - *Celosia cristata* L. forma *plumosa* Hort.



Ảnh 135: Mõm sói - *Antirrhinum majus* L.



Ảnh 136: Mười giờ - *Portulaca pilosa* L. Subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees.



h 137: Nàng tía - *Crinum amabilis* Donn.



Ảnh 138. Nghệ sen - *Curcuma petiolata* Roxb.





Ảnh 139: Ngọc trâm - *Exochorda cordifolia* Planch & Linden



Ảnh 140: Păng xê - *Viola tricolor* L.



Ảnh 141: Phong huê lớn  
*Leprosanthos cutusoides* Herb.



Ảnh 142: Phong lữ  
*Pelargonium hortorum* Closs.



Ảnh 143 Quả nỏ *Baccharis tuberosa* L.

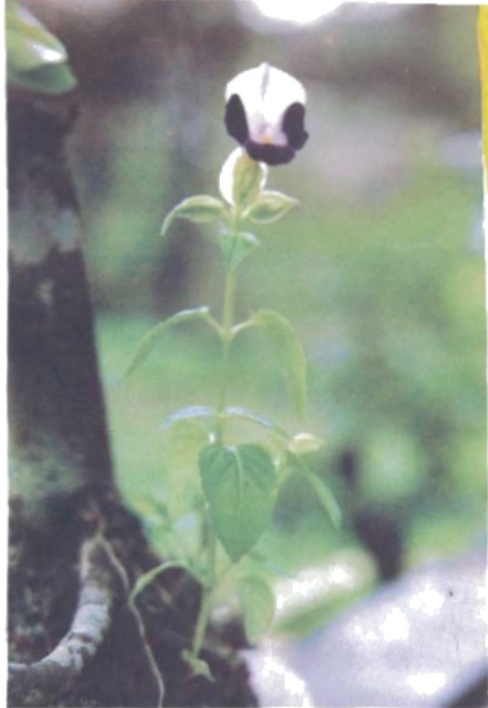


Ảnh 144 Sẻ vông *Cordia speciosa* Smith.





Ảnh 147: Thược dược - *Dahlia pinnata* Cav



Ảnh 148: Tô liên - *Torenia fournieri* Ldl.



Ảnh 149 Tô liên á - *Torenia asiatica* L.





Ảnh 150: Trường anh  
*Limonium sinuatum* Mill.

Ảnh 151: Văn môn  
*Zantedeschia aethiopica* Spreng.





Ảnh 15: Vĩ hoa tròn - *Anthurium andraeanum* Ldl.



Ảnh 15b: Anh đào đôi - *Prunus lani-sium* Wilson.





Ảnh 154. Bàng - *Tournefortia cutanapa* L.



Ảnh 155. Bàng lạng nước - *Laugeria cuneata* (Poir.)



Ảnh 156. Bồng nỏ - *Sarcococa portulaca* Lam



Ảnh 157: Bướm bạc phi - *Mussaenda philippica* var. *aurora* Hort.



Ảnh 158: Bướm hồng - *Mussaenda erythrophylla* Schum et Thonn.



Ảnh 159: Cà độc dược cảnh  
*Datura suaveolens*  
Humb et Bonpl.



Ảnh 160: Cây thối  
*Limonia acidissima* L.





Ảnh 151: Đa hóp - *Magnolia grandiflora* L.



Ảnh 162: Đại - *Plumeria obtusifolia* L.



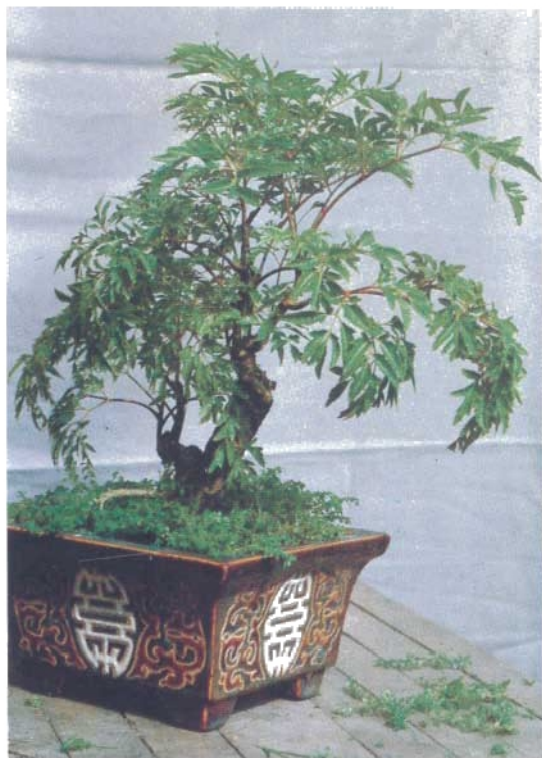
*Đài Dâu* - *Pearcea peltata* Sieb. et Zucc. - *Đài Dâu lan* - *Centropogon lucidus* Aubl.



*Đài Dâu đỏ* - *Pearcea nana* (Lam.) Teijsm. et Binn.



Ảnh 166: Đơn trắng  
*Ixora finlaysoniana* Wall.



Ảnh 167: Đinh lăng lá răng  
*Polyscias fruticosa* Harms.

#### IV.A.90. CÂY LIỆT NỮ

**Maltese Cross, Jerusalem Cross, Scarlet lightning**

***Lychnis chalconica* Linn.**

**Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, nhưng do được gây trồng làm cảnh từ rất lâu đời nên khó xác định xuất xứ, hiện cây được trồng nhiều ở Lâm Đồng - Đà Lạt. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao khoảng 60 - 80 cm, nhẵn hay có lông thưa, thân đơn hay phân nhánh. Lá mọc đối màu xanh nhạt, dạng thuôn hình giáo, có gốc hình tim dính nhau, đầu thuôn nhọn, mặt lá răn reo nổi rõ 2 - 3 gân phụ. Cụm hoa hình đầu gồm nhiều hoa sát nhau. Cánh dài màu đỏ và tím ở đỉnh, cánh tràng màu đỏ hay tím, xòe ra đều đặn, có 2 phần phụ ở họng. Quả nang có nhiều hạt nhỏ (Hình 123).

Cây đẹp, hoa sắc sỡ, nở lâu tàn. Cây trồng bằng hạt. Các nhà vườn nước ngoài đã tạo ra được nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau, như màu đỏ gạch, màu đỏ thắm, màu hồng, màu trắng, và cánh hoa kép.

#### IV.A.91. CÂY LOA KÈN ĐỎ

**Belladonna lily**

***Amaryllis belladonna* Linn.**

**Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia, là một trong những loài cây cho hoa đẹp nhất, nên được gây trồng rất rộng rãi để lấy hoa cắm hoa lọ hay bày cả chậu. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ có củ dạng hành lớn, mập mọng nước, nhiều rễ ở gốc. Lá hình dải đẹp, nhọn, màu xanh bóng. Cụm hoa trên một cuống chung mập, màu xanh bóng, thẳng đứng, mang hoa lớn tập trung ở đỉnh, dạng tán. Hoa có 6 - 10 chiếc, trên cuống dài và có lá bắc tổng bao dạng mo ở gốc. Cánh hoa dính nhau thành ống, loe ra ở đỉnh, chia 6 thùy, lật cong ra ngoài, đầu thuôn dài, nhọn, màu đỏ hay thay đổi tùy các chủng và các dạng lai khác nhau. Quả nang tròn.

Hoa nở vào đầu xuân kéo dài qua mùa hè, thơm, cây trồng làm cảnh bằng củ. Hiện nay các nhà vườn tạo ra nhiều chủng có màu

sắc hoa khác nhau.

*IV.A.91.a. Amaryllis belladona* Linn. var. *purpurea* Hort.

Hoa màu đỏ tía.

*IV.A.91.b. Amaryllis belladona* Linn. var. *blanda* Voss

Hoa màu trắng.

*IV.A.91.c. Amaryllis belladona* Linn. var. *rosea - perfecta* Hort.

Hoa màu hồng với các vạch trắng.

*IV.A.91.d. Amaryllis belladona* Linn. var. *spectabilis tricolor* Hort.

Hoa màu hồng, ở gốc màu trắng.

#### IV.A.92. CÂY LỖ BÌNH (Lô biên)

*Lobelia erinus* L. (*L. bicolor* Sims., *L. gracilis* Hort.)

Họ Lỗ bê (Lobeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam châu Phi. Ở Việt Nam, cây được trồng ở vùng núi cao Nam trung Bộ (Lâm Đồng - Đà Lạt). Cây thân cỏ, sống hàng năm, thẳng đứng, mọc thành bụi dày, có lông mịn, phân cành nhánh nhiều. Lá thay đổi, ở gần gốc thì dạng trái tù hay mo, mép khía răng, ở đỉnh lại thuôn hình giáo, nguyên hay có răng, có lông thưa. Cụm hoa ở đỉnh thân, trên cuống dài, hoa thưa. Hoa nhỏ có cánh hoa hợp thành ống, chẻ về phía đến tận gốc, các thùy gần bằng nhau, màu xanh hay tím có đốm trắng hay hơi vàng, ở gần đỉnh. Quả nang (Hình 124)



H.124. Lô bình -  
*Lobelia erinus* L.



IV.A.92.a. *Lobelia erinus* L. var. *alba* Hort.

Cây có hoa màu trắng.

IV.A.92.b. *Lobelia erinus* L. var. *kermesina* Hort.

Cây có hoa màu đỏ tươi.

IV.A.92.c. *Lobelia erinus* L. var. *lindleyana* Hort.

Cây có hoa màu hồng với đốm lớn màu trắng.

IV.A.92.d. *Lobelia erinus* L. var. *marmorata* Hort.

Cây có hoa màu cẩm thạch.

IV.A.92.e. *Lobelia erinus* L. var. *speciosa* Hort.

Cây có hoa màu xanh da trời, và có đốm trắng.

IV.A.92.g. *Lobelia erinus* L. var. *tricolor* Hort.

Cây có hoa màu xanh hay tím, có đốm lớn trắng và các đốm nhỏ màu đỏ.

IV.A.92.h. *Lobelia erinus* L. var. *flore - pleno* Hort.

Cây có cánh hoa kép.

IV.A.93. CÂY LƯU LY THẢO (Đừng quên)

Scorpion grass, Forget me not; Ne m' oubliez pas

*Myosotis palustris* Hern. (*M. scorpioides* L.)

Họ Vòi voi (Boraginaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu và châu Á, mọc hoang dại trên vùng núi cao, nơi ẩm ướt (ven khe suối) của nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, mọc bò dài có rễ ở gốc. Lá thuôn hình giáo hay hình giáo ngược, gần như không có cuống. Lá màu xanh nhạt, nhẵn, gân



H. 125. Lưu ly thảo -  
*Myosotis sylvatica* Hoffm.

rõ. Cụm hoa thưa ở đỉnh. Hoa nhỏ xếp đều đặn trên cuống chung dài. Cánh hoa hợp lại thành ống nhỏ ở gốc, trên chia 5 thùy tròn xòe rộng màu xanh giữa có đốm màu vàng và 3 - 4 vạch ở mép. Mùa hoa tháng 5 - 7.

Cây nhỏ bé, dễ trồng và làm cảnh đẹp, nhất là trang trí cho các bờ nước, ven khe đá.

Để làm cảnh và trồng nơi chật hẹp, có thể chọn 1 chủng có dạng nhỏ hơn là :

*IV.A.93.a. Myosotis palustris* Hern. var. *semperflorens* Hort.

Ngoài ra còn có thể nhập trồng một loài tương tự.

#### IV.A.94. CÂY LƯU LY THẢO CẢNH

*Myosotis sylvatica* Hoffm.

Họ Vòi voi (Boraginaceae)

Cây thân thảo, sống lâu năm, mọc thẳng màu xanh. Lá thuôn hình giáo không cuống. Hoa màu xanh có đốm vàng. Cây có nguồn gốc ở Bắc châu Á. (Hình 125)

#### IV.A.95. CÂY MÀN MÀN CẢNH

*Cleome speciosa* Raf. (*Cl. speciosissima* Deppe)

Họ Màn màn (Capparaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta (chủ yếu ở núi Nam Trung Bộ). Cây thân cỏ hàng năm hay bụi nhỏ sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, mập, cứng, có lông. Lá kép dạng chân vịt có 5 - 7 lá phụ, thuôn dài, nhọn cả 2 đầu, mép có lông, và răng cưa nhỏ. Cụm hoa dạng chùm lớn, thẳng đứng cao mang nhiều hoa tỏa rộng, đẹp, màu tím hay tím hồng mỗi hoa có một lá bắc đơn. Cánh tràng lớn có cuống, nở xòe rộng, dài đến 4 cm, mềm. Nhị dực dài, mảnh, thẳng, màu hồng. Bầu trên một cuống dài mảnh như nhị. Quả buồng xuống (Ảnh 132)

Cây cao hoa đặc sắc, đẹp. Hoa nở gần quanh năm rất thích hợp nơi vườn rộng, công viên hay bãi cỏ vùng núi cao. Có thể cắt hoa cắm lọ.

#### IV.A.96. CÂY MÀO GÀ (Mòng gà)

Cock's comb; crête de coq, Passe velours, *Amarante crête de coq*

*Celosia argentea* Linn.

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Cây thân cỏ sống hàng năm, mọc thẳng, mập có mùi, nhẵn, cao 0,3 - 1 m, màu xanh vàng. Lá hình mũi mác, hẹp dần ở gốc, kéo dài và nhọn ở đỉnh. Cụm hoa ở ngọn, dạng bông mập, dày đặc, nhọn đầu. Hoa nhỏ, không cuống màu trắng hay đỏ hồng. Quả nang mở nắp. Hạt dẹt màu nâu đỏ hay đen, bóng.

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt, cho hoa nở vào dịp hè, thu lúc ít loài cây khác có hoa. Cây trồng cần đủ ánh sáng, ít đòi hỏi bón phân đạm. Khi có hoa, tia bỏ các mầm bên, cụm hoa rất lớn.

#### IV.A.97. CÂY MÀO GÀ ĐỎ

Cock's Comb

*Celosia cristata* Linn.

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây thân cỏ thấp, nhẵn. Lá có cuống dài, dạng bầu dục, gốc thuôn dài hay dạng tim, nhẵn, mềm mại, màu xanh xám pha đỏ. Cụm hoa ở đỉnh, dạng khối dày, xoắn lại, phình rộng, mang nhiều hoa nhỏ bé xếp sát nhau, không cuống, màu đỏ. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra cụm hoa có nhiều màu sắc khác nhau để làm cảnh, từ màu đỏ tía, đỏ hồng, tím đến vàng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt (Hạt dẹt, đẹp và nhẵn bóng). Hạt gieo sau 4 - 5 ngày đã nảy mầm. Sau 10 - 12 ngày nhỏ đem cấy ở vườn ươm... Sau 15 ngày có thể đem trồng ở vườn hoa. Sau 70 ngày cây nở hoa (Ảnh 133).

Các dạng cho hoa đẹp, làm cảnh vào dịp tết nguyên đán có :

IV.A.97.a. *Celosia cristata* L. *forma bulba* Hort.

Cụm hoa rất lớn, xoắn lại thành hình cầu đỏ thắm (Mào gà lưỡi búa).

IV.97.b. *Celosia cristata* L. *forma plumosa* Hort.

(Célosie plumeuse).

Cụm hoa mảnh, dẹt đỉnh kéo dài, thưa, màu đỏ hay vàng xen nhau (Mào gà trĩ) (Ảnh 134)

#### IV.A.98. CÂY MỠM SÓI (Mép dê)

**Common or Large Snapdragon, Gueule de loup, Muflier**

***Antirrhinum majus* Linn. (*An. latifolium* DC.)**

**Họ Mỡm Sói (Scrophulariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải, được trồng rất rộng rãi ở các vườn hoa, hoặc cắt cành cắm lọ. Cây cao 40 - 50 cm, thân cỏ sống hàng năm, thân tròn, thẳng mọc thành bụi nhỏ. Lá mọc đối ở phía dưới, mọc cách ở phía trên, dạng thuôn hình giáo, nguyên, mềm, xanh bóng. Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh, mang nhiều hoa lớn xếp cách nhau đều đặn và nở dần từ dưới lên, màu sắc thay đổi từ trắng, vàng, hồng, đỏ, tím... Hoa có cánh tràng hợp thành ống rộng, hình túi ở gốc, có bướu, trên chia 2 môi như mỡm sói. Quả nang hình cầu, hạt nhỏ, ráp. (Ảnh 135)

Cây dễ trồng, chịu rét tốt, ưa nắng, không chịu được nóng hạn và úng nước. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Đất cần cây vừa kỹ, lên luống thấp. Hạt gieo được phủ lớp đất mỏng. Sau 6 - 8 ngày hạt nảy mầm, sau 1 tháng bứng cây ở vườn ươm ra trồng. Sau 130 - 150 ngày, cây nở hoa. (gieo hoa mùa thu để đầu xuân có hoa). Các nhà vườn thường trồng các chủng có màu sắc hoa khác nhau.

*IV.A.98.a. Antirrhinum majus* L. var. *album* Hort.

Cây có hoa màu trắng.

*IV.A.98.b. Antirrhinum majus* L. var. *bicolor* Hort.

Cây có hoa hai màu khác nhau.

*IV.A.98.c. Antirrhinum majus* L. var. *coccineum* Hort.

Cây có hoa màu đỏ.

*IV.A.98.d. Antirrhinum majus* L. var. *variegatur* Hort.

Cây có lá xanh, vạch trắng.

*IV.A.98.e. Antirrhinum majus* L. var. *procerum* Hort.

Cây cao 60 - 90 cm, dùng để cắt hoa cắm lọ, hoa đủ màu sắc.

#### IV.A.99. CÂY MƯỜI GIỜ (Lệ nhi)

Rose moss; Pourpier à grandes fleurs

*Portulaca pilosa* L. subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees.

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil và các nước Nam châu Mỹ. Cây thân cỏ mập, sống 1 hay nhiều năm, mềm, bò dài sát đất, mọc ra rễ nơi tiếp xúc với đất, nên bao phủ toàn bộ mặt đất nơi cây mọc. Lá mập, tiết diện tròn hay dẹt, phiến thuôn dài, đầu nhọn, gốc ôm thân. Hoa mọc ở đầu cành, lớn, rộng 2 - 4 cm gồm các cánh hoa mềm, rộng xếp tỏa tròn nhiều màu sắc khác nhau. Quả hộp, hạt nhỏ bé, màu đen. (Ảnh 136)

Cây rất dễ trồng bằng hạt hay các đoạn thân. Đất trồng cần tơi xốp và đầy đủ nắng vì càng nhiều nắng, cây càng cho nhiều hoa, và màu sắc càng sặc sỡ. Cây rất thích hợp trồng ở các bãi rộng nơi công viên hay ở bồn chậu lớn trồng xen các chủng có màu sắc hoa khác nhau. Hiện nay, có nhiều chủng rất đẹp với nhiều màu sắc như:

IV.A.99.a. *Portulaca pilosa* L. var. *thelusionii* Hort.  
(*P. thellusionii* Lindl.)

Hoa màu vàng cam tươi.

IV.A.99.b. *Portulaca pilosa* L. var. *splendens* Hort.  
(*P. gilliessii* Hook.)

Hoa màu đỏ tím tươi.

IV.A.99.c. *Portulaca pilosa* L. var. *albiflora* Hort.

Hoa màu trắng sáng.

IV.A.99.d. *Portulaca pilosa* L. var. *sulphurea* Hort.

Hoa màu vàng đậm.

IV.A.99.e. *Portulaca pilosa* L. var. *caryophylloides* Hort.

Hoa màu đỏ, vạch trắng.

IV.A.99.g. *Portulaca pilosa* L. var. *bedmannii* Hort.

Hoa màu trắng, vạch tím.

#### IV.A.100. CÂY MUỠI GIỜ NHỎ

Purslane, Pusley

*Portulaca oleracea* Linn.

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, mọc hoang dại ở rất nhiều nước. Cây nhỏ bé, thân mập, tròn, nhẵn. Lá nhỏ dạng bầu dục hẹp, dày, màu xanh đậm hay đỏ nhạt. Hoa mọc ở đỉnh thân, nhỏ bé, màu vàng với cánh hoa mềm rần reo mở rộng.

Cây dễ trồng, mọc khỏe, thường được trồng để phủ đất nơi vườn hoa, ven lối đi hay trong các chậu nhỏ.

#### IV.A.101. CÂY NÁNG CỬ (Tỏi loi trắng)

Long neck crinum

*Crinum moorei* Hook. f. (*C. makoyanum* Carr.;  
*mackeni* Hort.; *C. natalense* Hort.; *C. colensoi* Hort.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng làm cảnh ở vườn hoa, công viên khắp các nước nhiệt đới khác. Cây thân cỏ có củ lớn dạng bầu dục, rộng ở gốc thuôn ở đỉnh, mang ở đỉnh một phần cổ dài, cao đến 30 cm. Lá lớn, dài khoảng 1 m, xếp sát



nhau ở gốc, dạng thuôn dài nhọn ở đỉnh tù ở gốc thành bẹ, mép rần reo. Cụm hoa trên một cuống dài, mập mọc ra ở trên đám lá. Hoa tập trung 6 - 8 chiếc thành tán rộng, có cuống xanh. (Hình 126)

Hoa lớn dạng ống dài trên chia thùy rộng thuôn, màu trắng pha hồng. Nhị dài. Cây mọc

H.126. Náng cử - *Crinum moorei* Hook. f.

khỏe, dễ trồng bằng củ hay tách chồi. Đất cần sâu, tơi xốp, đủ ẩm và nhiều nắng. Hoa nở đầu mùa mưa. Để làm cảnh thường chọn :

IV.A.101.a. *Crinum moorei* Hook. f. var. *album* Hort.

(*C. schmidtii* Rgl.)

Hoa hoàn toàn trắng.

#### IV.A.102. CÂY NÁNG TÍA (Tỏi lơi tía)

*Sumatra crinum*, *Crinole amabile*

*Crinum amabile* Donn.

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc ở Sumatra, cũng được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa, trong chậu lớn ở nhiều nước nhiệt đới. Cây thân cỏ, củ nhỏ hơn, với phần cổ ngắn nhưng có thân giả cao 50 cm. Lá mọc tập trung trên củ, lớn, dày, dài trên 1 m, dài thuận có mũi, mép nguyên. Cụm hoa trên một cuống chung hơi dẹt, mang 20 - 30 hoa làm thành tán, rất thơm, gốc có một mo chung. Hoa có cuống dài, cánh hoa hợp thành ống trên chia 6 phiến dài, màu đỏ nhạt có vân tía ở giữa (Ảnh 137).

Nhị màu đỏ, tía, ngắn. Cụm hoa lớn có thể cắt cắm lọ.

Cây mọc khỏe, xanh tươi quanh năm, hoa nở đều vào mùa khô. Cây trồng bằng củ, đất trồng cần tơi xốp, thoát nước, bón phân đầy đủ.

#### IV.A.103. CÂY NGHỆ HƯƠNG

*Freesia refracta*, *Blazing star*

*Freesia refracta* Klatt.

(*Tritonia refracta* Ker.,)

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc ở châu Âu. Cây có củ nhỏ, dạng bầu dục. Lá hình giáo dài hẹp, mỏng màu xanh bóng, xếp 2 dãy uốn cong ra ngoài, mềm, đầu nhọn. Cụm hoa mang nhiều hoa xếp sát nhau, rất thơm,



H.127. Nghệ hương -  
*Freesia refracta* Klatt.

màu trắng vàng nhạt, pha màu tím nhạt. Cánh hoa làm thành ống hẹp, dài khoảng 3 - 4 cm, đỉnh chia thùy loe rộng có 6 cánh thuôn nhọn. Cuống chung mảnh làm cho cả cụm hoa uốn cong xuống. (Hình 127)

Cây mọc thành bụi cho hoa dày đặc rất đẹp vào mùa đông - xuân. Cây trồng bằng củ hay hạt (vào tháng 4 - 6). Ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Đà Lạt) nhân dân còn trồng 1 loài khác là :

#### IV.A.104. CÂY NGHỆ HƯƠNG CẢNH (Nghệ hương lai)

*Tritonia crocosmaeflora* Lemoine

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Là loài lai giữa : *T. pottsii* Benth. (*Montbretia pottsii* Baker) với *Crocoshmia aurea*. Cây có củ nhỏ. Lá hình dải hẹp, nhọn đầu, dài 20 - 40 cm, xếp 2 dãy đều đặn. Cụm hoa trên cuống chung cứng, cao 30 cm, mang hoa trên một mặt phẳng. Hoa lớn, hình ống ngắn ở gốc trên có 6 cánh lớn, màu vàng cam đậm. (Hình 128)

#### IV.A.105. CÂY NGHỆ HƯƠNG ĐÀI (Phong nhận)

*Trimezia martinicensis* (L.) Herb.

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có củ. Lá mọc 2 dãy trên một mặt phẳng. Lá hẹp, dẹt, hình giải thuôn dài, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, mọc ra ở giữa 2 dãy lá, cao 10 - 30 cm, màu xanh, mang 3 - 6 hoa ở đỉnh. Mỗi hoa có 1 lá bắc lớn ôm lấy cuống chung màu xanh bóng. Hoa màu xanh ở mặt ngoài, màu vàng và có gốc màu nâu ở mặt trong, khi hoa nở, cánh hoa xòe rộng. Quả nang.



H.128. Nghệ hương cảnh  
*Tritonia crocosmaeflora*  
Lem.



#### IV.A.106. CÂY NGHỆ SEN

Queen lily

*Curcuma petiolata* Roxb.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước châu Á khác. Cây có củ bò dài mang lá lớn có bẹ làm thành thân giả thẳng màu xanh bóng. Phiến lá rộng, gân nổi rõ. Cụm hoa mọc từ củ, thẳng đứng trên 1 cuống chung mập, mang hoa lớn xếp dày đặc thành 1 bông ở đỉnh. Hoa màu tím sáng với điểm vàng lớn. (Ảnh 138)

Cây mọc rải rác vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, và hoa nở rộ vào mùa mưa, sau đó lụi đi để năm sau ra chồi mới. Cây làm cảnh đẹp ở chậu hay cắt cành cắm lọ. Cây mọc tự nhiên và gây trồng bằng các đoạn củ, mọc khỏe, dễ trồng, cần đất tơi xốp, đủ nước, nhưng có thể chịu được mùa khô dài (lúc cây lụi).

#### IV.A.107. CÂY NGỌC TRÂM

Amazone lily

*Eucharis grandiflora* Planch. et Linden.

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Columbia (châu Mỹ). Cây có củ trong đất. Lá mọc sát đất, có cuống dài trên mang phiến thuôn đều cả 2 đầu, dài 20 - 30 cm, gân khá rõ, màu xanh bóng mềm. Cụm hoa dạng tán trên cuống chung dài màu xanh. Hoa lớn màu trắng, cánh hoa dạng ống ở gốc. Nhị 6 dính nhau thành ống cao, hơi xanh. Hoa thơm. Quả nang 3 cạnh. (Ảnh 139).

#### IV.A.108. CÂY NGỌC TRÂM VOI (Ngài hùm)

Brisbane Lily, *Eurycles sylvestre*

*Eurycles amboinensis* (L.) Loudl.

(*E. silvestris* Slisb.; *Pancraticum amboinense* L.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới của cả 2 bán cầu (Ostraylia). Cây có thân củ nhiều vẩy bao bọc, và mọc cao từ 0,7 - 1 m. Lá dạng tròn màu xanh nhạt, đỉnh có mũi nhọn ngắn, mép

nguyên, gân cong. Cuống lá hình lòng máng. Cụm hoa dạng tán trên 1 cuống chung mập, dài 50 - 60 cm, mọc ra từ nách lá, mang 10 - 40 hoa đẹp. Hoa lớn, màu trắng hay trắng vàng nhạt có cuống dài. Cánh hoa hợp thành ống ở gốc, trên chia 6 thùy thuôn nhọn. Nhị 6 dính trên ống bao hoa.

Hoa nở rộ vào mùa mưa (tháng 5 - 8), đẹp làm cảnh ở chậu hay trong các bồn hoa rất thích hợp. Cây được gây trồng chủ yếu bằng tách củ hay hạt.

Cây dễ mọc, ưa đất tốt và đủ nắng, nhưng cũng chịu được che bóng một phần, do đó làm cây trang trí trong phòng khá đẹp (lúc cây nở hoa).

#### IV.A.109. CÂY NGŨ PHƯƠNG (Hoa tí ngọc)

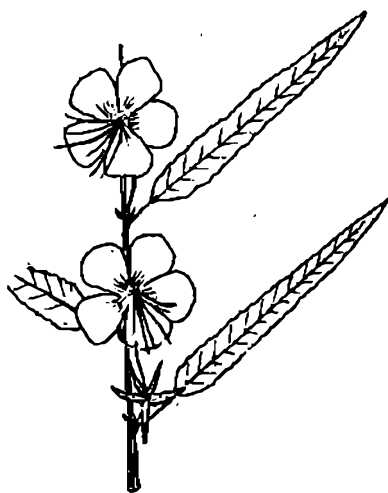
*Pentapetes phoenicea* Linn.

Họ Trôm (Sterculiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta.

Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm, cao 1 - 2 m phân cành nhánh ít, mọc thẳng cứng, hẹp, nhọn. Lá hình giáo hẹp, mép có răng to, thuôn dài ở đỉnh, rộng ở đáy, gân giữa nổi rõ. Cuống lá mảnh, dài. Hoa đơn độc ở nách lá, lớn 3 - 4 cm. Cánh tràng 5 xếp tỏa rộng xòe ra trên mặt phẳng, màu đỏ đậm, tươi, đặc biệt có 5 nhị lép rất dài và lớn hơn thò ra ngoài hoa rất đẹp. Quả nang. (Hình 129)

Cây có hoa đẹp, nở xòe ra vào lúc nắng và cụp lại vào các buổi sáng và buổi chiều. Cây trồng ở chậu trong vườn rất



H.129. Ngũ phương -  
*Pentapetes phoenicea* L.

thích hợp. Có thể trồng thành bụi dày hay thảm hoa nhỏ (mặc dù có lá nhiều), cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay thảm hoa nhỏ (mặc dù có lá nhiều), cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, ít đòi hỏi chăm sóc (đôi khi gặp mọc hoang dại).

#### IV.A.110. CÂY NGŨ TINH

*Pentas lanceolata* Schum.

(*P. carnea* Benth., *Ophiorrhiza lanceolata* Forsk.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, hiện được gây trồng rộng rãi. Cây thân cỏ mọc thẳng hay bò dài thành bụi, có lông, có lông dài 5 - 15 cm. Lá mọc đối, hình bầu dục hay thuôn hình giáo, hẹp dần ở gốc và có cuống dài. Cụm hoa ngắn làm thành chùm ở đỉnh thân, thẳng, có lông. Hoa có cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 5 thùy hẹp, có lông, thường màu đỏ thắm ở trong, màu hồng ở ngoài. (Hình 130)



H.130. Ngũ tinh -  
*Pentas lanceolata* Schum.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt và chóng có hoa. Hoa nở bền và cụm hoa lớn rất thích hợp để trang trí cả chậu hay cắt cành cắm lọ.

Trên thế giới có vài chủng có màu sắc khác nhau, làm cảnh đẹp.

IV.A.110.a. *Pentas lanceolata* Schum. var. *kermesina* Hort.

Hoa có màu hồng tía, họng màu tím.

IV.A.110.b. *Pentas lanceolata* Schum. var. *alba* Hort.

Hoa có màu trắng.

IV.A.110.c. *Pentas lanceolata* Schum. var. *quartiniata* Hort.  
(*P. quartiniana* Oliver).

Hoa màu hồng. Đây là chủng hoa đẹp nhất.

#### IV.A.111. CÂY PĂNG - XÊ (Hoa tím, Mộng tưởng)

Pansy, Violet, Heartsease Pensée,

*Viola tricolor* Linn.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nay được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta, làm cây cảnh ở châu nhỏ. Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm, ngắn, phân cành ít. Lá mọc sát gốc, dạng trái xoan, tròn hình tim có răng thưa, những lá ở phía trên dạng thuôn bầu dục hay hình giáo. Lá kèm lớn như lá thường, có dạng xẻ lông chim. Hoa lớn, mọc đơn độc trên một cuống dài. Cánh hoa 4, hướng lên, xòe rộng nhiều màu, tím, hồng, vàng xen lẫn nhau. Quả nang, nứt có 3 cánh, mở ra 3 mảnh. (Ảnh 140)

Hiện nay các nhà vườn châu Âu đã gây trồng được nhiều chủng có hoa đẹp, kích thước khác nhau để làm cây trang trí trong vườn cũng như trong nhà.

#### IV.A.112. CÂY PĂNG XÊ THƠM (Hoa tím thơm)

Sweet violet, Violettes, Pensées,

*Violette odorante*

*Viola odorata* Linn.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nhưng gây trồng rộng rãi cả ở châu Á và châu Phi. Cây mọc thành bụi nhỏ, sống lâu năm, gốc có nhiều chồi nên dễ nhánh dày. Lá mọc sát đất có cuống dài, phiến hình tim, gốc tròn, mép có răng tù. Hoa trên cuống dài, vươn cao hay hơi cong, mang hoa lớn có cánh hoa mỏng, mềm mại, viền mép màu tím đậm, rất ít khi có màu hồng hay trắng, gốc hoa có 2 lá bắc và có móng. Hoa rất thơm. Quả nang nở 3 mảnh. (Hình 131)



H.131. Păng xê thơm -  
*Viola odorata* Linn.

Cây dễ trồng, cho hoa nở vào năm thứ hai, cây được trồng chủ yếu bằng hạt (đôi khi nhân giống bằng tia mầm từ cây mẹ). Đất gieo cần làm kỹ, đủ phân tro và đủ ẩm. Sau 1 tuần gieo, hạt đã mọc. Cần che nắng và tưới ẩm nước. Sau 2 tháng có thể bứng cây ở vườn ươm đem trồng ở chậu hay các bồn hoa. Cây cần chăm sóc kỹ, nhổ cỏ dại, và đủ ẩm, mát. Sau 100 ngày trồng, cây có thể ra hoa và mùa hoa kéo dài 3 - 4 tháng. Chọn cây cho hoa đậu thành quả mập làm cây giống.

#### IV.A.113. CÂY PẮNG XÊ NHỎ

*Viola hybrida* Hort.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây được trồng rộng rãi ở vùng núi Nam Trung Bộ. Cây thân cỏ, mọc thẳng chỉ cao dưới 20 cm. Lá có bẹ và mép khía răng cưa nhỏ. Hoa nhỏ ở đỉnh một cuống dài mảnh. Hoa có 2 cánh trên màu tím, hai cánh bên màu vàng, còn cánh giữa lớn nhất màu vàng có gốc và đỉnh màu tím, gốc hoa có móng ngắn. Hoa nở vào vụ đông xuân, rất thích hợp ở các chậu nhỏ bày ở bàn trà, trong nhà.

#### IV.A.114. CÂY PHONG HUỆ (Tóc tiên, Huệ đỏ)

Zephyrflower, Fairy Lily, Amaryllis de Virginie

*Zephyranthes rosea* (Spreng.) Lindl.

(*Amaryllis carnea* Schult.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Cuba. Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu nơi bồn cỏ làm đường viền cho lối đi trong vườn, ít khi được trồng ở chậu. Cây có củ dạng hành, ngoài có vẩy và trong nạc. Lá hẹp dài, màu xanh bóng, mềm, mọc từ củ, sát đất. Cụm hoa mọc trên cuống chung dài giữa đám lá. Hoa xuất hiện vào mùa mưa, thường chỉ nở 1 hoa. Hoa có cánh hoa lớn xếp đều đặn 2 vòng, mỗi vòng 3 cánh, tỏa rộng ở phía đỉnh, mềm, nhẵn, bóng, gốc hơi dính nhau thành 1 ống ngắn, màu hồng tươi, rất thơm. Quả nang mở 3 mảnh...

Cây có dáng lá đẹp, lá xanh và hoa đều hấp dẫn nên rất được ưa chuộng trồng ở vườn. Cây trồng dễ dàng bằng tách củ ít khi bằng hạt.

#### IV.A.115. CÂY PHONG HUỆ LỚN

***Zephyranthes carinata* Herb. (*Z. grandiflora* Lindl.)**

Cây có nguồn gốc từ Cuba, Mêhicô, Guatemala, và có hình dạng giống cây trên, nhưng hoa lớn hơn, màu hồng rất đẹp, thường được trồng ở vùng núi cao Nam Trung Bộ (Đà Lạt) của nước ta. (Ảnh 141)

#### IV.A.116. CÂY PHONG HUỆ VÀNG

***Zephyranthes ajax* Hort.**

Cây có củ lớn khoảng 1 cm. Lá hẹp và dài màu xanh bóng, lõm hình lòng thuyền, mềm, uốn cong. Cụm hoa trên cuống dài mọc thẳng mang hoa ở đỉnh. Hoa màu vàng nhạt.

#### IV.A.117. CÂY PHONG HUỆ TRẮNG

**Atamasco Lily**

***Zephyranthes atamasco* Herb.**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây giống các loài trên, nhưng hoa lớn màu trắng.

#### IV.A.118. CÂY PHONG LỮ

**Common Fish, Bedding Geranium, Pelargonium des jardins**

***Pelargonium hortorum* Closs. (*P. zonale* (L.) W. Ait)**

**Họ Phong lữ (Geraniaceae)**

Cây có nguồn gốc không rõ ràng, có lẽ từ Nam châu Phi, nay được trồng rộng rãi ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, mọc thành bụi dày, mập. Lá có cuống dài, phiến tròn, mép chia thùy tròn và có răng đều. Gân lá chân vịt, phiến lá màu xanh bóng điểm các vệt màu đậm xếp đồng tâm (giải viên có thể màu trắng hay hồng gọi là "Lá viền bạc", "Lá viền vàng"). Cụm hoa trên cuống chung lớn, mọc thẳng, hoa xếp đều đặn trên cuống dài làm thành tán thưa.

Hoa có 4 cánh lớn xếp tỏa rộng, màu trắng, hồng hay đỏ với các vạch lớn đậm trên gân. Đầu cánh hoa mở rộng đôi khi lõm hình tim. Quả nang, 1 hạt (Ảnh 142).

Tùy theo màu sắc và các vết đốm của hoa, lá mà chia ra nhiều chủng khác nhau, vì đây là 1 loài lai có thể giữa *P. zonale* Willd. với *P. inquinans* Ait., nên các chủng sau khó xác định.

#### IV.A.119. CÂY QUẢ NỔ

***Ruellia tuberosa* L.**

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay mọc hoang dại rất rộng rãi trên các bãi cỏ suốt từ Bắc vào Nam của nước ta. Cây thân cỏ sống lâu năm, gốc có nhiều củ tròn dài, thân mọc thẳng tiết diện vuông, phình rộng ở các đốt mang lá. Lá mọc đối, hình bầu dục, đầu tù, gốc thuôn, mặt trên có lông thưa, mép lá có lông cứng. Cụm hoa ở nách lá, hoa thưa, lớn màu lam tím có cánh tràng hợp ở gốc, trên loe thành ống rộng, chia 5 thùy bằng nhau, lõm ở đầu. Quả nang cứng hơi cong, màu đen. Khi ướt, mở mạnh để tung hạt ra xa (Ảnh 143)

Cây mọc dại nhưng hoa lớn khá đẹp, có thể cắt cành cắm lọ được. Hoa nở gần quanh năm, tập trung vào mùa khô.

#### IV.A.120. CÂY RÂU HÙM (Củ nưa)

***Tacca pinnatifida* Forst.**

**(*T. leontopetaloides* (Linn.) O. Ktze.)**

**Họ Râu hùm (Taccaceae)**

Cây có nguồn gốc phân bố từ châu Phi qua châu Á (Ấn Độ) đến Australia. Cây có củ nạc sống lâu năm. Chỉ có 1 lá lớn, dài đến 1 m, cuống dài hình trụ, mập màu xanh có nhiều vân đậm, gốc phình lớn thành bẹ. Phiến lá chẻ 3 lần lông chim không đều nhau. Cụm hoa trên một cuống dài hơn lá, mập, màu xanh với các vân màu xanh đậm như cuống lá, trên mang hoa lớn xếp thành dạng tán. Mỗi cụm hoa có 15 - 25 hoa, hoa hình ống, trên chia 6 thùy màu xanh xám. Quả gần hình cầu.

Cây mọc hoang dại trong rừng nơi đất sâu, ẩm vùng núi cả ở Bắc lẫn Nam Trung Bộ. Cây có dáng kỳ lạ có thể gây trông làm cảnh dưới tán các cây gỗ nơi công viên.

#### IV.A.121. CÂY RÂU MÈO

*Orthosiphon aristatus* (Bl.) Miq.

(*O. stamineus* Benth. in Wall.)

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), nay được trồng làm cảnh ở khắp vùng nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, cao khoảng 1 m, thân cành có tiết diện vuông, nhẵn. Lá dạng bầu dục, thuôn dài ở gốc và đỉnh, mép khía răng cưa thưa lệch, cuống ngắn. Cụm hoa ở ngọn, gồm nhiều xim đơn cách xa nhau. Mỗi đọt có 6 hoa màu tím nhạt hay gần trắng, cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 2 môi. Nhị rất dài, thò ra ngoài và màu đỏ làm cho hoa rất hấp dẫn. Quả bế nhỏ, nhẵn bóng.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, cụm hoa lộ ra ngoài đám lá thưa rất đẹp.

#### IV.A.122. CÂY RÂU MÈO MÀNH (Phong diệp yếu)

*Orthosiphon marmoritis* Dunn.

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới và Australia. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao độ 0,5 m. Lá hình bầu dục gần tròn, phình rộng ở giữa, thót lại ở gốc và có mũi ở đỉnh, mép khía răng to. Cụm hoa ở đỉnh dạng nhiều xim đơn, mỗi đọt có 6 hoa. Hoa trung bình, hình ống màu tím. Nhị rất dài thò ra ngoài hoa. Quả bế màu vàng đậm.

#### IV.A.123. CÂY RỄ QUẠT (Xạ can)

Fleur de Léopard, Iris tigré, Blackberry Lily, Leopard Flower

*Belamcanda chinensis* DC.

(*B. punctata* Moench, *Iris chenensis* L.;

*Moraea chinensis* Thunb.; *Pardanthus chinensis* Ker.)

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc - Nhật Bản, được gây trồng ở khắp nước ta để làm cảnh và làm thuốc. Cây cũng mọc hoang đại vùng đồi núi Trung du miền Bắc Việt Nam. Cây thân cỏ, sống lâu năm nhờ thân rễ dài, mọc bò. Thân cao khoảng 0,5 m. Lá mọc



thẳng xếp 2 hàng trên một mặt phẳng, hình kiếm có bẹ. Cụm hoa thưa, phân nhánh nhiều, trên cuống chung dài. Hoa xếp trên một mặt phẳng, màu vàng cam có đốm đỏ. Quả nang có sọc ngang, hạt màu xanh đen, hình cầu, sáng bóng. (Hình 132)

Cây trồng bằng hạt hay tách bụi (một phần thân rễ), ít đòi hỏi chăm sóc, cần đủ nắng và nước.

#### IV.A.124. CÂY RY ĐẸP (Riêng nước, Gừng ấm)

Shell-flower

*Catimbum speciosum* (Wendl.) Holtt.

(*Alpinia nutans* Roscoe)

#### Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ) mọc hoang đại nhiều ở các tỉnh vùng Trung du nước ta. Cây cho hoa đẹp, dáng bụi dày nên có thể gây trồng làm cảnh được.

Cây thân cỏ, cao đến 3 m, có thân rễ dài mọc ra nhiều lá lớn, xếp sát nhau làm thành thân giả mập, cứng, thành bụi dày. Lá hình mũi mác nhọn, nhẵn, màu xanh đậm, bẹ ngắn có lông mềm. Cụm hoa hình chùy nghiêng mọc ra ở đỉnh dài đến 30 cm, màu đỏ có lông vàng. Hoa hình ống to, đẹp, màu trắng; có đỉnh tía. Cánh môi màu vàng, viền đỏ có 3 thùy. Quả nang hình cầu màu đỏ, có lông.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ (củ) mọc khỏe, cho hoa đều trong năm.



H. 132. Rẻ quạt – *Belamcanda chinensis* DC.

#### IV.A.125. CÂY SÂM CHUA (Bụp giấm)

Roselle, Jamaica Servel, Oseille de Guinée

*Hibiscus sabdariffa* Linn. (*H. rosella* Hort.)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới Cựu lục địa, nay được gây trồng làm cảnh và làm rau. Cây thân cỏ, mập, lớn, cao đến 3 m, sống hàng năm. Thân nhẵn, hình trụ, ít phân nhánh, màu hồng. Lá ở gốc thân, thuôn hình giáo và mép khía răng, nhẵn. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống rất ngắn. Cánh dài và cánh dài phụ, mập màu vàng hay trắng, trung tâm đỏ. Nhị dính lại thành cột ngắn, bao quanh vòi nhụy. Quả nang có lông, nhiều hạt.

Cây trồng rất dễ bằng hạt. Cây mọc khỏe, ít chăm sóc, cho hoa nở rộ khá đẹp, gần như quanh năm.

#### IV.A.126. CÂY SẼ ĐỎ

Red ginger

*Alpinia purpurata* Linn.

Họ gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Molucca đến Tân Calêdoni.

Cây mọc bụi nhỏ, do thân rễ lớn trong đất. Thân giả thẳng cao 2 - 5 m. Lá lớn, có cuống và có bẹ dài ở gốc. Cụm hoa ở đỉnh dài 30 - 50 cm, dạng bông dẹt. Lá bắc lớn màu đỏ rất bền. Hoa nhỏ màu trắng.

Cây trồng ở chậu hay sát bờ tường, dọc lối đi rất đẹp.

#### IV.A.127. CÂY SẼ VÒNG (Chóc, Cát lỏi)

*Costus remarquable*

*Costus speciosus* (Koenig) Smith.

Họ gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi ven đồi, ven rừng hay trong các bãi cỏ ẩm ướt vùng đồi núi. Cây có thể gây trồng làm cảnh vì hoa đặc sắc. Cây thân cỏ cao đến 3 m, có khi phân cành ở ngọn, và gốc hóa gỗ.

Lá hình trái xoan ngược, thuôn dài, đầu nhọn, gốc thuôn, xếp xoắn ốc do bẹ lá ở gốc phẳng hay nghiêng. Cụm hoa ở ngọn. Lá bắc màu đỏ. Hoa to, đẹp, màu hồng hay trắng ở ngoài, màu vàng nhạt trong họng. Quả nang, có nhiều hạt đen. (Ảnh 144)

Cây có hoa đẹp, nở rộ, liên tục quanh năm.

#### IV.A.128. CÂY SEN CẠN (Địa liên)

*Nasturtium*, Capucine

*Tropaeolum majus* Linn.

Họ Sen cạn (Tropaeolaceae)

Cây có nguồn gốc từ Pêru, Colombia và Brazil. Thân mềm bò dài, mọc nước, sống lâu năm. Lá hình khiên, gần tròn, mặt trên nhẵn, bóng, mặt dưới hơi mốc. Hoa lớn màu vàng, vàng cam pha đỏ, hay có vạch đỏ. Cánh dài có móng dài 2 - 3 cm, cong ra ngoài. Cánh tràng không đều, nguyên hay rần reo, có mùi thơm nhẹ. Quả có 3 cạnh tròn, 3 hạt (Hình 133).

Cây trồng chủ yếu bằng gieo hạt hay các đoạn thân. Sau 1 tuần gieo, hạt đã mọc. Sau 40 ngày có thể bứng trồng ở vườn hoa. Đất đủ phân và đủ tưới ẩm. Khi cây cao trên 15 cm cần cắm cọc, hay giàn nhỏ để cây leo cao (Nếu không sẽ bò lan). Giàn leo có thể làm thành các



H.133. Sen cạn -  
*Tropaeolum majus* L.

hình thù khác nhau. Cây rất thích hợp trồng ở trong chậu lớn và che các bể nước. Hoa bền, lâu tàn và nở quanh năm.

Hiện nay, các nhà làm vườn trên thế giới đã tạo ra nhiều chủng, dạng với hoa lá có màu sắc khác nhau, như :

*IV.A.128.a. Tropaeolum majus L. form. atropurpureum Hort.*

Hoa màu đỏ đậm.

*IV.A.128.b. Tropaeolum majus L. form. heinemannii Hort.*

Hoa màu nâu.

*IV.A.128.c. Tropaeolum majus L. form. hemisphaericum Hort.*

Hoa màu vàng tươi.

*IV.A.128.d.*

*Tropaeolum majus L.*

*form. regelianum*

Hort.

Hoa màu tím đậm.

*IV.A.128.e.*

*Tropaeolum majus L.*

*var. flore-pleno Hort.*

Hoa màu có cánh kép với nhiều màu khác nhau.

*IV.A.128.g.*

*Tropaeolum majus L.*

*var. nanum Hort.*

Cây và hoa nhỏ bé, làm cây trang trí trong phòng.



*H.134. Song bào – Disporum calcaratum D. Don*

**IV.A.129. CÂY SONG BÀO (Tóc tiên rừng)**

**Fairy bells**

***Disporum calcaratum D. Don***

**Họ Tóc tiên (Convallariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) và mọc hoang dại ở rừng miền Bắc và vùng núi cao miền Trung nước ta.

Cây thân cỏ cao khoảng 0,5 m. Lá hình mũi mác nhọn, không có cuống, phiến mềm, mỏng. Cụm hoa dạng tán trên cuống chung dài 5 - 7 cm, mang 5 hoa lớn. Hoa có 6 cánh hoa màu xanh lục có cựa, dài bằng cánh hoa, tù. Quả mọng hình cầu, nhiều hạt (Hình 134)

Để trồng làm cảnh, thường chọn chủng.

*IV.A.129.a. Disporum calcaratum* D.Don var. *rubriflorum* Gagnep.

Lá lớn, hoa màu đỏ tươi.

#### IV.A.130. CÂY SÚ NHA

**Dandelion Pissenlit**

***Taraxacum officinalis* (L.) Weber (*T. dens-leonis* Desf.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây mọc dại vùng núi cao, ẩm ướt và lạnh, hoa nở quanh năm màu vàng, có thể cắt hoa cắm lọ (có cuống chung dài, mập).

#### IV.A.131. CÂY THANH ANH (Lan phi)

**African Lily, Lily of the Nile, Agapanthe**

***Agapanthus umbellatus* L'Her (*A. africanus* Hoffm.)**

**Họ Hành (Alliaceae)**

Cây có nguồn gốc ở vùng cực Nam châu Mỹ, được gây trồng rất rộng rãi ở vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta và nhiều nước châu Âu khác. Cây thân cỏ có lá mảnh, dài, thuôn mọc chụm hình hoa thị sát đất màu xanh bóng, nhạt. Cụm hoa trên cuống chung mập, màu xanh, thẳng, cao đến 1 m, đỉnh mang 10 - 30 hoa màu lam xếp sát nhau thành một tán tròn. Hoa có cuống dài, gốc có lá bắc tổng bao như một mo. Hoa lớn, cánh hoa giống nhau, hợp thành ống dài thuôn, trên chia 6 thùy dài, đầu tròn nở xòe rộng, màu sắc có thể thay đổi tùy chủng. Nhị 6 có chỉ nhị màu lam tím. (Ảnh 145)

Cây có cụm hoa rất đẹp, nở bền và mùa hoa gần quanh năm. Có nhiều chủng khác nhau :

IV.A.131.a. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *multiflorus* Voss.

Cây lớn, cụm hoa lớn mang nhiều hoa (30 - 60 chiếc) màu lam sáng.

IV.A.131.b. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *minor* Hort.

Cây nhỏ bé, lá hẹp, hoa màu lam đậm.

IV.A.131.c. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *albidus* Hort.

Cây có hoa hoàn toàn trắng.

IV.A.131.d. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *weillighii* Hort.

Hoa màu xanh lam có các sọc màu nhạt.

IV.A.131.e. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *atrocaeruleus* Hort.

Hoa màu tím đậm.

IV.A.131.g. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *praecox* Hort.

Hoa nhỏ xếp dày (30 - 40 chiếc), màu xanh nhạt.

IV.A.131.h. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *flore-pleno* Hort.

Hoa có cánh kép, màu xanh lam.

IV.A.131.i. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *variegatus* Hort.

Lá nhỏ màu xanh có vạch trắng.

IV.A.131.k. *Agapanthus umbellatus* L'Her. var. *aureus* Hort.

Lá màu xanh, có vạch vàng.

#### IV.A.132. CÂY THOÁT BÀO LAN (Tỏi trời)

**Golden spider Lily**

*Lycoris aurea* Herb. (*Amaryllis aurea* L'Her.)

**Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc được nhập vào nước ta gây trồng làm cảnh từ lâu đời. Cây sống lâu năm nhờ củ dẹt như củ hành tây. Lá đầu tiên có cuống, thuôn, dài 60 cm, rộng 2 cm, đầu tròn, gốc tập trung ở đỉnh củ, màu xanh bóng, nhạt, mép nguyên, gân giữa rõ. Mỗi củ có 5 - 6 lá. Cụm hoa trên cuống chung tròn, mập, thẳng đứng, cao 30 - 50 cm, mang 5 - 10 hoa tập trung ở đỉnh dạng tán. Hoa màu vàng kim, mọc thẳng đứng, cánh hoa giống

nhau, hình giải đầu thuôn nhọn, sát nhau ở gốc thành dạng phễu, trên xòe rộng. Nhị không đều nhau, màu vàng nhạt, đầu nhụy màu đỏ nhạt. (Hình 135)



Cây nhân giống bằng củ. Hoa nở vào Thu - Đông (tháng 8 - 10). Cây trồng ở chậu rất thích hợp.

#### IV.A.133. CÂY THỰC QUI

(Mãn đình hồng)

Hollyhock, Rose trémière,

Rose à baton, Passe rose

*Althaea rosea* (L.) Cav.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh vào dịp tết nguyên đán ở nước ta. Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, thân thẳng, cứng, cao đến 2 m, phủ đầy lông cứng.

Lá có phiến rộng, chia 5 - 7 thùy chân vịt không đều, mặt lá khô ráp, có lông trắng. Cứng lá dài. Hoa mọc tập trung ở ngọn. Hoa lớn, rộng 10 - 15 cm, màu hồng, đỏ hay pha trắng. Cánh dài phụ có 5 - 8 chiếc dính nhau ở gốc. Cánh tràng lớn, phình rộng ở đỉnh, xếp sát nhau xòe ra. Nhị hợp thành cột ngắn. (Ảnh 146)

H.135. Thoát bào lan -  
*Lycoris aurea* Herb.

Cây trồng bằng hạt và cho hoa vào đầu mùa xuân (ở vùng núi cao, hoa nở quanh năm).

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều dạng lai, cho cây lùn, hoa có màu sắc khác nhau từ màu trắng đến đỏ đậm, cánh hoa đơn hay kép.

#### IV.A.134. CÂY THỦY TIÊN

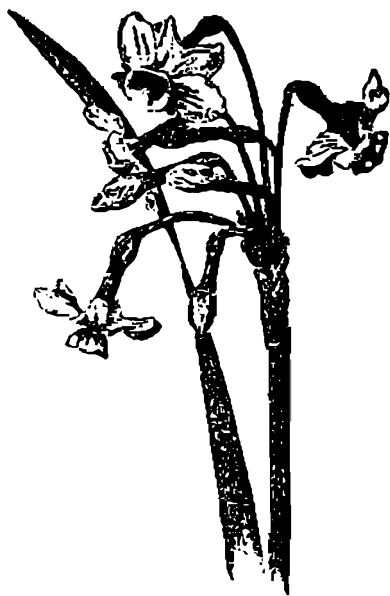
Chinese sacred Lyly; Narcisse a bouquets

*Narcissus tazetta* L. var. *orientalis* Hort.

(*N. orientalis* Linn.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Có lẽ là taxon lai giữa 2 loài : *N. incomparabilis* Mill. và *N. Tazetta* Linn. Cây thân cỏ, mập, khỏe do có củ lớn ngoài có vỏ đen. Lá phẳng, dạng thuôn, màu xanh trắng. Cụm hoa trên một cuống chung dài, mọc ra từ nách lá, thẳng hay hơi cong. Các nghệ nhân cầu kỳ hay uốn cuống chung để có dáng khác nhau, như kiểu "Vũ kiếm", cuống thẳng vút cao, kiểu "Thủy ba" cuống chung uốn cong như sóng nước và kiểu "Phượng vũ" dung hòa vừa thẳng lại vừa cong, đỉnh mang 3 - 4 hoa làm thành tán, gốc có lá bắc thành mo mỏng. Hoa màu trắng hay vàng tươi, dạng ống dài cao 2 cm, trên chia thùy lớn hình trứng ngược cong ra ngoài. Cánh tràng phụ có mép răn reo màu vàng đậm, hình trụ chia thùy không đều. Nhị và nhụy không lộ ra ngoài cánh hoa. Quả nang (Hình 136).



H.136. Thủy tiên -  
*Narcissus tazetta* L.

Cây trồng rất công phu, phải gọt tía. Có hai loại thủy tiên : Thủy tiên đơn và Thủy tiên kép (loại có cánh đơn được ưa chuộng hơn). Củ Thủy tiên nhẹ, xốp, phủ bề dài, rễ tương đối mập, dầy. Thủy tiên có thể trồng trong chậu cát hoặc thả nổi trong chậu nước (chậu trồng trong suốt để thưởng thức cả củ rễ hay chậu sứ men cổ). Nếu trồng chậu cần ngâm củ trong nước vài ngày, rồi đem trồng



trong cát. Cây mọc khỏe, lá xanh mượt, hoa tươi kéo dài cả tháng. Nếu thả trong nước, cần phải gọt tia, đặt mặt phẳng củ xuống dưới, mặt lồi lõm quay lên trên để gọt. Dao gọt cần thật sắc, có một đầu phẳng để gọt bẹ và một đầu cong để cạo bẹ. Gọt dần từng bẹ lá ở mặt lõm để cho chồi hoa nhú ra. Cây thủy tiên thả nước cần thay nước mỗi ngày. Sau khi ngâm nước 5 - 6 ngày thì bắt đầu uốn tia. Cắt bớt lá và uốn cho cụm hoa có dáng đẹp.

Cây Thủy tiên nguyên thủy là : *Narcissus tazetta* Linn. (*Polyanthus narcissus*) có nguồn gốc từ các đảo Canary đến Trung Quốc, Nhật Bản có hoa trắng hoàn toàn. Các nhà vườn thế giới đã tạo ra nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau.

- Nhóm *bicolore* : Bao hoa màu trắng với phần phụ màu vàng.
- Nhóm *albae* : Bao hoa và phần phụ hoàn toàn trắng.
- Nhóm *lutea* : Bao hoa và phần phụ hoàn toàn vàng.

#### IV.A.135. CÂY THUỘC DƯỢC

**Garden Dahlia; Dahlia**

***Dahlia pinnata* Cav. (*D. variabilis* Desf.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, trên vùng đồi núi cao, được nhập để gây trồng làm cảnh qua châu Âu sau lan truyền ra khắp thế giới. Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, có củ phình lớn do rễ bàng ăn nổi làm thành. Lá kép mọc đối, thay đổi từ dạng đơn đến dạng lông chim lẻ, mặt trên màu xanh lục, mặt dưới màu nhạt. Thân mọng nước, có nhiều đốt mang lá hay cành bên. Cụm hoa hình đầu lớn trên cuống chung dài, màu sắc thay đổi tùy từng chủng. Tổng bao gồm 2 hàng lá bắc mà hàng trong lớn, mỏng, hàng ngoài nhỏ dày màu xanh đậm bóng. Hoa nhỏ xếp sát nhau, không cuống. Hoa ngoài không đều, có cánh môi lớn màu sắc sặc sỡ. Hoa giữa hình ống, màu vàng. Quả bế tròn dài, màu đen có 2 răng nhỏ. Mỗi cụm hoa có khoảng 40 - 60 quả (Ảnh 147).

Cây trồng chủ yếu bằng củ, ngọn và quả. Các nhà vườn hiện nay đã tạo ra được rất nhiều dạng lai cho hoa có nhiều cánh môi hơn (loại hoa kép) và có nhiều màu sắc độc đáo. Sơ bộ chia ra làm :

+ Thuộc dược trắng có :

- Trắng sữa : cây thấp, hoa to, ít làm thành cụm hình đầu đường kính 20 - 30 cm.
- Trắng trong : cây cao, hoa to, làm thành cụm hình đầu đường kính 15 - 20 cm.

+ Thuộc dược vàng, gồm loại vàng đậm, vàng nhạt, cánh môi phẳng và cuộn (như tai chuột).

+ Thuộc dược đỏ, gồm loại đỏ tươi, đỏ thẫm.

+ Thuộc dược nhung, có cánh môi đỏ đậm, phớt đen.

+ Thuộc dược cánh sen, có cánh môi màu hồng nhạt, màu hồng đậm.

+ Thuộc dược vằn : có cánh môi màu đỏ viền trắng.

+ Thuộc dược vàng cam : cánh môi rộng, dài màu da cam.

+ Thuộc dược tím : cánh môi tím nhạt đến đậm, bóng.

Thuộc dược đều ưa khí hậu mát, nhiệt độ không cao quá 30°C, nhưng ưa sáng (càng đủ sáng, màu sắc hoa càng rực rỡ). Cây được ươm gieo nơi đất tốt, bón phân đầy đủ và chăm sóc kỹ. Cây cho hoa đẹp, cắt cành cắm lọ hay bày cả cây trong chậu, nơi bồn hoa rộng.

#### IV.A.136. CÂY TIỂU ĐÌNH HỒNG

*Lavatera trimestris* Linn. (*L. rosea* Medikus)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng làm cảnh ở Đà Lạt và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây thân cỏ, sống nhiều năm, cao đến 2 m. Lá có cuống dài, phiến rần reo, chia 5 thùy, mép có răng thưa. Hoa có cuống dài, mọc đơn độc ở nách các lá phía đỉnh thân. Cánh hoa màu hồng có sọc tím rất nổi. Nhị dính thành cột ở giữa cánh hoa. Quả nang có cánh đài còn lại bao bọc ở gốc. (Hình 137)

Để làm cảnh, có thể trồng các chủng :

IV.A.136.a. *Lavatera trimestris* L. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.A.136.b. *Lavatera trimestris* L. var. *splendens* Hort.

Hoa màu đỏ đậm.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Ươm gieo chóng nảy mầm và cho hoa vào mùa hè - thu.

IV.A.137. CÂY TÔ LIÊN

*Torenia fournierii* Lindl. (*T. endentula* Hort. non Benth.)

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng nhiệt đới châu Phi và châu Á, nay được trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam Việt Nam trong các chậu cảnh nhỏ hay ở vườn hoa, bãi cỏ. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng đứng thành bụi nhỏ, cao khoảng 50 - 70 cm, nhẵn. Lá mọc đối, hình giáo rộng, gốc hình tim, đầu thuôn dài, mép có răng và có cuống dài. Cụm hoa ở đỉnh thân, mang ít hoa. Hoa lớn có cánh tràng hợp thành ống hẹp màu vàng trên loe rộng chia 2 môi, môi dưới màu xanh nhạt, môi trên 3 thùy, tròn, tù, màu xanh tím đậm điểm đốm vàng. Quả nang có đài còn lại bao bọc, nhiều hạt. (Ảnh 148).



H.137. Tiểu đình hồng -  
*Lavatera trimestris* L.

Cây trồng bằng hạt rất dễ dàng. Có thể nhập mấy chủng có hoa đặc sắc như :

IV.A.137.a. *Torenia fournierii* Ldl. var. *alba* Hort.

Hoa có cánh hoàn toàn trắng.

IV.A.137.b. *Torenia fournierii* Ldl. var. *grandiflora* Hort.

Hoa lớn, sắc sỡ hơn.

#### IV.A.138. CÂY TÔ LIÊN Á (Tô liên Thái lan)

***Torenia asiatica* Linn.**

**Họ Hoa mồm sói (Scrophulariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nay được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta, nhất là Đà Lạt. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng. Lá mọc đối, hình bầu dục dài tù. Cụm hoa ở nách lá hay ở đỉnh, hoa nở dần từng chiếc. Hoa có cánh tràng rộng, hợp thành ống màu tím đậm, trên chia 4 thùy có đốm màu xanh tím đậm ở mép, không có đốm vàng. (Ảnh 149)

Hiện nay còn gây trồng một chủng có hoa đẹp hơn :

IV.A.138.a. *Torenia asiatica* Ldl. var. *pulcherrima* Hort.

Cánh hoa có đốm tím ở mép rộng hơn, gốc họng có đốm trắng.

#### IV.A.139. CÂY TRƯỜNG ANH

**Sea lavender**

***Limonium sinuatum* Mill. (*Statice sinuata* L.)**

**Họ Đuối công (Plumbaginaceae)**

Cây có nguồn gốc ở vùng Địa trung hải, được gây trồng rộng rãi vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Đà Lạt). Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, cao khoảng 50 cm, thân có 3 cạnh, rần reo, mảnh có lông ráp. Lá mọc tập trung ở sát gốc, phiến xẻ lông chim với thùy lá gần tròn. Lá trên hẹp, nhọn, dài. Cụm hoa dạng chùy hẹp lưỡng phân ở đỉnh thân, cuống chung có 3 - 5 cánh, hình giải hẹp, giống như thân, cành. Mỗi điểm mang 3 - 5 hoa, trong một hốc nhỏ. Cánh dài màu xanh hay tím làm thành ống, đỉnh có răng nhọn như gai. Cánh tràng dạng ống ngắn có thùy rộng, xòe ra, màu trắng, tím nhạt hay hồng đỏ, rất lâu héo và mất màu. (Ảnh 150)

Có một chủng rất thích hợp để trang trí trong phòng là :

*IV.A.139.a. Limonium sinuatum* Mill. var. *candidissimum* Hubb.  
(*Statice sinuata* L. var. *candidissima* Hort.)

Hoa hoàn toàn màu trắng.

Cây cho hoa nở gần như quanh năm. Cây rất đẹp, hoa nở bền nên ưa chuộng cắt cành cắm lọ. Cây trồng bằng hạt, ưa khí hậu mát, ẩm ướt, nhưng nhiều nắng. Đất trồng cần bón đầy đủ phân lót và tưới đủ nước.

Gần đây có nhập trồng 1 loài có hoa nhỏ, nở rất bền, cắm lọ đẹp là :

*IV.A.139.b. Trường anh nhĩ - Limonium latifolium.*

Cây có nguồn gốc ở châu Âu (Rumani đến Nga). Hoa màu lam trắng.

#### IV.A.140. CÂY TU LÍP

**Common garden tulips**

***Tulipa gesneriana* "Hybrids"**

**Họ Hành (Liliaceae)**

Cây được nhập từ Hà Lan, trồng ở vùng núi nước ta (Đà Lạt). Cây có thân củ, lá lớn dày, màu xanh bóng. Hoa đơn độc trên cuống dài, thẳng đứng. Hoa lớn dài 6 - 12 cm, có 6 cánh xếp 2 vòng, nhiều màu và đốm trang điểm khác nhau. Hoa đẹp, bền trồng ở chậu hay cắt cành cắm lọ đều đẹp.

#### IV.A.141. CÂY TỬ BI (Đại bi)

***Blumea balsamifera* (Linn.) DC.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây mọc hoang dại ở các tỉnh miền Bắc nước ta và được gây trồng làm cảnh và làm thuốc khắp nước ta. Cây thân cỏ mập, cao khoảng 2 m, phân cành nhánh nhiều ở ngọn giống như một cây bụi, nhiều lông. Lá hình trái xoan, dài đến 30 cm mép nguyên hay khía răng cưa không đều, phiến dày màu xanh mốc. Cuống lá có nhiều tai, dạng như phiến lá nhỏ hay dạng sợi, có nhiều lông. Cụm hoa hình đầu làm thành chùm ở nách lá hay ngọn cành, có lông. Ngoài cụm hoa có lá bắc hẹp, ở trong có nhiều hoa xếp sát nhau dạng ống

khá cao. Quả bế có lông.

Cây có hoa vào đầu mùa mưa (tháng 4 - 5) và có quả vào cuối mùa mưa (tháng 7 - 8). Cây làm cảnh đẹp vì lá có mùi thơm.

#### IV.A.142. CÂY VẠN DIỆP (Dương kỳ thảo)

**Yorrow Milfoil, Mille Feuille**

***Archillea millefolium* Linn.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc phân bố khá rộng rãi từ châu Âu, châu Á và châu Mỹ, nay được trồng phổ biến để làm cảnh hay mọc hoang dại ven đường, nơi bãi cỏ vùng núi cao. Cây thân cỏ, cao khoảng 0,4 - 0,8 m, chẻ 2 - 3 lần lông chim thành nhiều phiến nhỏ dạng sợi, hẹp và nhọn, phiến có lông trắng. Cụm hoa hình đầu, tập hợp thành ngù đơn hay kép dày đặc ở ngọn. Đầu nhỏ màu trắng, lá bắc tổng bao dạng thuôn, có lông màu xanh nhạt ở gốc, đậm ở mép. Vòng hoa ngoài có cánh môi màu trắng (4 - 6 chiếc). Hoa giữa hình ống, màu vàng. Quả bế dẹt (Hình 138)



H.138. Vạn diệp - *Achillea millefolium* L. var. *rubrum* Hort.

Cây cho hoa nở bền, vào mùa đông - xuân (tháng 10 - 2) làm cảnh khá đẹp, cây gieo giống tự nhiên bằng hạt, mọc khỏe, ít đòi hỏi đất đai, nhưng cần đủ nắng và khí hậu lạnh.

Để làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng :

IV.A.142.a. *Achillea millefolium* L. var. *rubrum* Hort.

Hoa màu đỏ tía.

IV.A.142.b. *Achillea millefolium* L. var. *roseum* Hort.

Hoa màu hồng.

#### IV.A.143. CÂY VÂN MÔN

*Arum*, *Commum calla*, Lily of the Nile

*Zantedeschia aethiopica* Spreng.

(*Calla aethiopica* L.; *Richardia aethiopica* Hort.;

*Colocasia aethiopica* Spreng.)

Họ Ráy (Araceae).

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Phi, được gây trồng nhiều ở vùng núi Nam Trung Bộ, để cắt hoa cắm lọ. Cây có củ lớn, sống lâu năm, lá mềm có cuống dài, mọc thẳng đứng, sát nhau ở ngay trên mặt đất. Phiến lá lớn, mềm, màu xanh đậm, đầu lá thuôn nhọn, gốc có tai dài phía sau cuống, rần reo, mép nguyên gợn sóng và cong xuống dưới. Cụm hoa trên cuống chung mập dài màu xanh bóng mọc thẳng đứng, trên mang mo lớn màu trắng hay hơi vàng, cuộn lại ở gốc, trên mở rộng kéo dài thành mũi, phiến mo dày, rất đẹp. Hoa đính trên cột nạc. Quả mọc ít gặp (Ảnh 151).

Cây ưa đất ẩm, sâu, mát, thường được gây trồng gần bờ nước hay trên các chậu đủ nước. Cây mọc khỏe, dễ nhánh nhiều, dễ trồng và nhân giống bằng tách bụi và cắt củ. Cây cho hoa gần quanh năm và thơm. Hiện nay các nhà vườn có tạo ra một dạng mới có mo kép.

#### IV.A.144. CÂY VÂN MÔN ĐỐM

Spotted calla

*Zantedeschia albo-maculata* Baill.

(*Richardia albo-maculata* Hook.f.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây cho lá có cuống ngắn, phiến hình mũi tên, dài, màu xanh đậm với nhiều đốm màu trắng. Cụm hoa có mo cuộn lại thành ống

dài, loe ở đỉnh màu trắng, vàng nhạt, với đốm màu đỏ đậm ở gốc (Hình 139).

#### IV.A.145. CÂY VĨ HOA ĐẸP

*Anthurium magnifiqu*

*Anthurium magnificum*

Linn.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia, được gây trồng ở châu rất phổ biến tại nhiều nước trên thế giới. Cây có củ sống lâu năm, gần như không có thân. Lá có phiến to, tỏa rộng dạng bầu dục, gốc hình tim, đầu thuôn nhọn, nhẵn bóng, màu xanh đậm, gân rõ có màu nhạt hơn hay gần trắng. Cuống lá 4 cạnh, có cánh. Cụm hoa trên cuống chung dài 1 m, thẳng, mập mang hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh, gốc có mo màu xanh nhỏ, thuôn, dài 20 cm, mép răn reo. Quả mọng.



H.139. Vân môn đóm -  
*Zantedeschia albomaculata* Baill.

#### IV.A.146. CÂY VĨ HOA RĂNG

*Anthurium denté*

*Anthurium dentatum* Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc lai giữa 2 loài : *Anthurium fissum* C. Koch. và *Anthurium leuconeurum* Ch. Lem. - Cây thân cỏ sống lâu năm. Thân ngắn. Lá dạng bầu dục, gốc hình tim, lúc non nguyên sau chia



13 - 15 thùy nhọn dạng răng thưa, phiến màu xanh bóng với các đốm màu vàng. Cuống lá dài 60 - 80 cm, tiết diện tròn. Cụm hoa trên cuống chung dài 30 - 40 cm, có 1 mo thon tròn dài 20 cm. Hoa tập trung thành 1 buồng nạc, hình trụ màu tím, dài 10 cm.

#### IV.A.147. CÂY VĨ HOA THƠM

*Anthurium de Scherzer*

*Anthurium Scherzerianum* Schott.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Costa-Rica, được gây trồng làm cảnh vì cả cây lẫn hoa rất đẹp. Cây sống lâu năm. Thân rất ngắn. Lá hình giáo thuôn dài, dày, nhẵn với các gân gần song song nổi rõ cả 2 mặt. Cuống lá dài bằng phiến lá, mập, cứng, gốc có bẹ. Cụm hoa trên một cuống chung cứng, dài bằng lá, màu đỏ. Mo dạng bầu dục rộng, gốc hình tim, màu đỏ tươi đậm. Hoa tập trung dày đặc thành buồng cong dính thẳng trên gốc mo, màu vàng. Quả mọng.

Cây có dạng mo đẹp nhất trong các loài Vĩ hoa, nên được các nhà vườn ưa chuộng, tạo ra nhiều chủng khác nhau :

IV.A.147a. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *album* Hort.

Mo màu trắng.

IV.A.147b. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *andegavense* Hort.

Mo có màu đỏ thẫm.

IV.A.147c. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *nebulosum* Hort.

Mo màu trắng, đốm hồng.

IV.A.147d. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *parisiense* Hort.

Mo màu hồng, buồng hoa màu vàng cam.

#### IV.A.148. CÂY VĨ HOA TRÒN (Buồm đỏ)

*Anthurium de Ed. André*

*Anthurium andreanum* Lindl.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia. Cây sống lâu năm, thân rất ngắn. Lá cong rủ xuống dạng bầu dục thuôn, gốc hình tim, đầu có

mũi nhọn, màu xanh bóng, dày. Cuống là dài, mập. Cụm hoa trên cuống chung dài, mô dạng bầu dục gốc hình tim, rộng, màu đỏ cam. Hoa tập trung dày đặc thành buồng màu vàng nhạt với các vân màu trắng, mọc ngang hay cong xuống. Quả mọng (Ảnh 152).

Cây đẹp, được gây trồng nhiều, mọc khỏe, có cụm hoa tươi quanh năm. Các nhà vườn đã tạo ra nhiều chủng :

*IV.A.148.a. Anthurium andreanum* Ldl. var. *album* Hort.

Mo cụm hoa màu trắng.

*IV.A.148.b. Anthurium andreanum* Ldl. var. *gameri* Hort.

Mo cụm hoa màu đỏ tươi.

*IV.A.148.c. Anthurium andreanum* Ldl. var. *roseum* Hort.

Mo cụm hoa màu hồng tím.

*IV.A.148.d. Anthurium andreanum* Ldl. var. *salmonium* Hort.

Mo cụm hoa màu đỏ bầm.

Gần đây còn nhập loài nhỏ có mo cụm hoa màu tím.

#### IV.A.149. CÂY VÔNG VÀNG (Bụp vang)

Musk Mallow, Ambrette,  
ketmie musquée

*Abelmoschus moschatus*

Moench.

(*Hibiscus abelmoschus*

Linn.)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng mọc hoang dại khá phổ biến ở vùng trung du, trong vườn, trên nương rẫy, ven đường khắp nước ta. Cây thân cỏ sống hàng năm hay 2 năm, cao không quá 1 m, gốc thân hóa gỗ, có lông. Lá



H.140. Vông vàng -  
*Abelmoschus moschatus* Moench.

thay đổi, hình tim hay chia 5 - 7 thùy sâu, phiến thùy thuôn hình giáo, mép khía răng và phủ lông cả 2 mặt. Hoa đơn độc, khá lớn, màu vàng họng màu đỏ nâu. Tiểu đài có 6 - 12 chiếc hình giải. Cánh đài hợp ở gốc trên chia 15 răng, bọc lấy nụ hoa. Cánh tràng lớn xếp sát nhau xòe rộng. Nhị nhiều hợp lại thành 1 cột nhẵn. Quả nang hình trứng có lông trắng. Hạt nhiều hình thận. (Hình 140).

Cây có hoa nở vào hè thu và nhân giống bằng hạt.

## IV.B. NHÓM CÂY THÂN GỖ

### IV.B.1. CÂY ANH ĐÀO

*Prunus cerasoides* D. Don

(*P. puddum* Roxb.; *Cerasus puddum* Wall.,

*C. phoshia* Hamilt.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng núi cao Hymalaya, nay được trồng làm cây cảnh trên các đường phố Đà Lạt của nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, dài thẳng và nhẵn. Tán thưa, tròn đều. Lá mềm, dạng trái xoan, thuôn dài, đầu có mũi, gốc tròn nhọn, nhẵn, gân bên nổi rõ, mảnh. Cụm hoa ngắn có ít hoa, trên cuống chung dài. Hoa màu hồng đỏ hay hơi trắng, cánh đài hợp thành ống hẹp, có lông ở ngoài. Cánh tràng, dạng bầu dục thuôn, màu hồng. Nhị nhiều. Quả có hạch cứng, màu đỏ.

Cây mọc khỏe với khí hậu lạnh, ẩm, cho hoa đẹp nở rộ vào mùa xuân. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm sau búng ra trồng nơi cố định. Nếu xén cắt cành thì tán lá cũng tròn đẹp, để mọc tự nhiên, cành vươn dài, khẳng khiu, làm cây phong cảnh.

### IV.B.2. CÂY ANH ĐÀO ĐÔI

Japanese flowering-cherry

*Prunus lannesiana* Wilson. (*Cerasus lannesiana* Carr.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nhật Bản, được trồng nhiều ở các tỉnh miền Bắc và ở Huế làm cảnh. Cây gỗ nhỏ, cao 4 - 6 m, cành nhánh dài,

nhẵn, màu nâu đen. Chồi lá dài có vẩy bao bọc. Lá thuôn dài, đầu nhọn, gốc có tuyến, mép lá khía răng cưa nhỏ, đều đặn, màu xanh nhạt. Hoa trên các cành già, mọc đơn độc hay đôi một, lớn 3 - 4 cm, màu đỏ hồng, có hương thơm. Cánh dài, hợp ở gốc thành chén, có lông mịn. Cánh tràng có nhiều lớp, mềm, bóng, dễ rụng. Nhị nhiều, chỉ nhị mảnh. Quả 1 - 2 cm. (Ảnh 153). Cây có tán đẹp, mùa hoa nở rộ vào mùa đông-xuân nên được trồng làm cảnh và cắt cành cắm lọ vào dịp Tết Nguyên đán. Cây trồng bằng chiết cành, chồi mầm mọc khỏe, chóng cho cành nhánh mới có thể xén tỉa cho thêm đẹp. Trên thế giới, các nhà vườn tạo ra nhiều chủng và dạng cho hoa đẹp và thơm. Đặc biệt ở Việt Nam có 1 dạng cho hoa màu trắng và rất thơm là :

*IV.B.2.a. Prunus lannensiana* Wilson. form. *donarium* Wilson.  
(*Prunus donarium* Sieb.)

#### IV.B.3. CÂY BÀNG (Bàng biển)

**Tropical Almond, Indian Almond, Myrobalan, Almendro,  
Amendoeina, Badanjero**

***Terminalia catappa* Linn.**

**Họ Bàng (Combretaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ) và được gây trồng rộng rãi làm cây cho bóng mát trên các đường phố và trong sân trường học nước ta (các tỉnh phía Nam thường trồng ven biển). Cây gỗ lớn, cao trên 10 m, thân xù xì và ít thẳng. Cành nhiều gân như mọc vòng, nằm ngang làm cho tán cây có nhiều tầng. Lá lớn, gần tròn ở đỉnh, gốc hẹp (dạng trái xoan rộng). Cụm hoa dày đặc thành bông ngắn ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng nhạt. Quả hạch hình trứng dẹt, hai mép bên mỏng như cánh. (Ảnh 154)

Mùa hoa tháng 3 - 5. Quả chín tháng 5 - 8. Cây có dáng đẹp do tán lá và lá xanh bóng khi rụng thường đổi màu đỏ tím.

Cây mọc khỏe, nẩy chồi mạnh nên có thể xén tỉa làm cây uốn thế trồng ở chậu lớn.

#### IV.B.4. CÂY BẰNG LĂNG NƯỚC (Bằng lăng tím)

**Entravel**

***Lagerstroemia speciosa* (L.) Pers.**

**(*L. flos-reginae* Retz., *L. reginae* Roxb.)**

**Họ Tử vi (Lythraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước châu Á nhiệt đới được trồng làm cây trang trí, lấy bóng mát và cho hoa đẹp rất phổ biến ở nhiều nước. Cây gỗ lớn, cao đến 20 m, phân cành cao, thẳng, tán dày. Lá hình bầu dục hay hình giáo dài, tù ở đỉnh, mọc gần đối. Cụm hoa hình tháp ở ngọn các cành, mọc thẳng. Nụ hoa hình cầu. Hoa lớn 6 cánh, có móng ngắn, rần reo màu tím hồng (Buổi sáng màu hồng sau chuyển sang màu tím vào buổi chiều). Quả nang ngoài có cánh dài bao bọc. Hạt có cánh mềm (Ảnh 155)

Cây mọc khỏe, thân thẳng, tán cao, nên làm cây cảnh, cây bóng mát trên các đường phố, trong các công viên rất đẹp. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo như các cây thân gỗ khác. Có thể cắt xén làm cây lùn.

Mấy năm gần đây, các nhà vườn có khai thác 1 số loài khác thuộc chi Bằng lăng (*Lagerstroemia*) trồng lấy hoa và bóng mát như Bằng lăng tím - *Lagerstroemia reginae* Roxb., Bằng lăng xoan - *Lagerstroemia ovalifolia* Teijsm et Binn., đặc biệt cây Bằng lăng trung (*Lagerstroemia lecomtei* Gagn.) từ vùng núi đá ven biển miền Trung. Cây có gốc xù xì, lùn, lá nhỏ, hoa lớn màu hồng tím đậm, đẹp làm cây Bonsai và làm kiếng.

Để làm cây Bonsai đẹp, các nghệ nhân thường sử dụng gốc của các cây Bằng lăng làm gốc ghép, rồi ghép các nhánh cây Tường vi có lá nhỏ, hoa nở quanh năm.

#### IV.B.5. CÂY BẰNG PHI

***Pemphis acidula* J.R.et G. Forst.**

**Họ Tử vi (Lythraceae)**

Cây mọc hoang ở vùng núi đá ven biển miền Trung và Nam nước ta. Thân thấp, xù xì, vỏ nứt sần, cành nhiều khẳng khiu. Lá mọc đối thuôn, nhỏ, màu xanh bóng đậm ở mặt trên, có lông bạc ở mặt dưới. Cụm hoa nhỏ, hoa màu trắng, dễ rụng. Quả nang.

Cây có dáng già cỗi, trồng ở chậu làm cây kiếng đẹp.

#### IV.B.6. CÂY BÔNG NẼ (Mã thiên hương, Bạch tuyết mai)

*Serissa foetida* Lam. (*S. japonica* Thunb.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được trồng làm cây trang trí, viền các bồn hoa, dọc theo lối đi hay uốn thành cây thế, cây dạng cầm thú. Cây bụi, phân cành nhánh nhiều, nhẵn, cao 20 - 50 cm. Cành non có 4 cạnh, màu nâu, có ít lông. Lá nhỏ, thuôn hình giáo nhọn cả hai đầu, dai, cứng, gân thưa khá rõ. Lá kèm ôm thân chia nhiều thùy nhọn. Cụm hoa hình cầu ở đầu cành. Hoa nhỏ màu trắng, có cánh tràng hợp thành ống loe rộng ở đỉnh, có lông ở mặt trong. Quả mọng có đài còn lại, 2 hạt. (Ảnh 156)

Mùa hoa tháng 11 - 4. Quả rất ít thấy. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng giâm cành, chặt cành thành đoạn, cắm nơi định trồng, vào mùa xuân ở miền Bắc. Sau ít hôm, cành đã có rễ và nảy chồi mới.

#### IV.B.7. CÂY BÔNG NẼ TÍM (Hồng tuyết mai)

*Cuphea hyssopifolia* (L.) Tranh.

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Jamaica (châu Mỹ) được gây trồng rất phổ biến trong các chậu nhỏ, viền lối đi hay trồng dày thành thảm hoa.

Cây gỗ nhỏ, thấp, mọc khỏe, nảy chồi nhiều, có thể cắt cành giâm hay xén tỉa các dạng. Lá nhỏ lẫn lẫn; mọc gần đối, màu xanh bóng. Cụm hoa ngắn, hoa màu tím đậm, nở quanh năm. Quả rất hiếm.

Cây đẹp, dễ trồng, dễ nhân giống nên được ưa chuộng.

#### IV.B.8. CÂY BỒ ĐỀ

Peepul tree, Bo-tree, Figuier des Pagodes

*Ficus religiosa* Linn.

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ) tuy là cây gỗ lớn, nhưng có thể hãm và uốn thành cây cảnh, cây thế ở chậu hay ở hòn non bộ được. Cây có dạng lá đẹp với một mũi kéo dài.

#### IV.B.9. CÂY BỔ KẾT TÂY

Ebénier d'orient, Lebbeck tree, Siris tree, Woman's tongue tree  
*Albizzia lebbek* Benth. (*Acacia lebbek* Willd.)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới và Australia được gây trồng lấy bóng mát, và có chùm hoa đẹp. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 15 m, phân cành nhánh nhiều, thưa, màu xám trắng. Lá kép lông chim 2 lần, với 10 - 18 đôi lá phụ dạng bầu dục thuôn đều cả 2 đầu, màu xanh nhạt. Cụm hoa hình đầu ở nách lá, trên một cuống chung dài mập. Hoa màu trắng, lục nhạt hay vàng nhạt, có cuống ngắn. Quả dài, màu vàng rơm bóng, nổi rõ các hạt. Cây trồng bằng hạt, mọc khỏe. Là cây dọc lộ nhỏ rất thích hợp.

#### IV B 10. CÂY BƯỚM BẠC (Bướm trắng)

*Mussaenda en fronde*

*Mussaenda frondosa* Linn. (*M. pubescens* Dryand)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, mọc thành bụi dày, cành nhánh nhiều, cành non có lông. Lá thuôn bầu dục, dài, đầu nhọn, mặt trên xanh bóng, mặt dưới có lông. Cụm hoa dạng tán nhỏ ở ngọn cành. Hoa trung bình, cánh dài nhỏ, màu xanh hợp ở gốc thành ống nhỏ, có 1 cánh dài lớn gần tròn, dài 6 - 8 cm, màu trắng, nổi rõ gân màu xanh. Cánh tràng màu vàng đậm, hợp thành ống hẹp, dài, có lông, trên chia 5 thùy hình tam giác, xòe rộng. Quả mỏng dày dạng trái xoan nhăn. Nhiều hạt (Hình 141).



H.141. Bướm bạc -  
*Mussaenda frondosa* L.

Cây có dạng hoa đặc sắc nên thường được gây trồng làm cảnh nơi bãi cỏ rộng hay trong chậu lớn. Gây trồng chủ yếu bằng hạt, hay cành ươm gieo dễ dàng. Cây mọc khỏe, ít đòi hỏi đất đai và chịu được khô, nóng.

#### IV.B.11. CÂY BƯỚM BẠC PHI

*Mussaenda philippica* var. *aurorae* Hort.

Họ Cà phê (Rubiaceae) .

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh rất đẹp trong các chậu lớn. Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi do phân cành nhiều, cao 1 - 5 m. Cành non có lông. Lá lớn, dạng thuôn bầu dục, đầu nhọn, gốc gần tròn, mép lá nguyên, màu xanh đậm. Cụm hoa lớn ở đầu cành, mang nhiều hoa, có lông. Cánh đài có 5 cánh lớn, dạng bầu dục, màu trắng, đẹp. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, màu vàng nhạt, gốc hẹp, đỉnh chia 5 thùy hình tam giác, nhọn (Ảnh 157).

Cây mọc khỏe có hoa gần như quanh năm. Cây dễ trồng bằng chiết cành (vì hiếm thấy quả). Cành chiết chóng ra rễ và sớm phân cành. Khi cây nhiều cành có thể xén tỉa dạng tròn.

#### IV.B.12. CÂY BƯỚM HỒNG (Bướm đỏ)

*Mussaenda à bractées ronges*

*Mussaenda erythrophylla* Schum. et. Thonn.

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Congo (châu Phi nhiệt đới), được trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây bụi, mọc thẳng đứng hay hơi dựa, cành nhánh ít, non có lông tơ mịn như len. Lá mọc đối, dạng bầu dục, màu xanh có lông, mềm. Cụm hoa ở đỉnh thân, hay cành, dạng chùy dày, nhiều hoa. Hoa lớn, có cánh dài hợp thành ống ngắn ở gốc, có lông, đỉnh, chia thùy màu đỏ và có 1 cánh lớn màu đỏ thẫm, dạng bầu dục tròn, dài 8 - 9 cm, bóng, có lông. Cánh tràng hợp thành ống hình trụ, có lông đỏ, chia 5 thùy ở đỉnh màu trắng, gốc màu vàng nhạt. Quả hình trứng, có lông đỏ (Ảnh 158).



Cây trồng làm cảnh dễ dàng bằng hạt hay chiết giâm cành, cây mọc khỏe thành bụi lớn và hoa nở quanh năm. Các nhà vườn còn tạo ra chủng có 5 cánh dài đều phát triển, màu đỏ xếp tỏa rộng, rất đẹp.

#### IV.B.13. CÂY CÀ ĐỘC DƯỢC CẢNH

*Angel's trumpet, Stramoine adorante*

*Datura suaveolens* Humb. et Bonpl. (*Brugmania suaveolens* D.Don.; *Stramonium arboreum* Moench.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Pêru, được gây trồng làm cảnh ở các vườn rộng hay làm cây hàng rào có hoa đẹp ở vùng núi nước ta. Cây mọc khỏe, dạng bụi thường được cắt xén để cho cành nhiều, màu trắng nhạt ken chặt nhau. Lá thuôn bầu dục rộng, gốc lệch, màu xanh bóng, mặt trên nhẵn, mặt dưới hơi có lông. Hoa đơn độc, cong rủ xuống với cánh tràng thành ống thuôn, loe dần ở đỉnh, xếp nếp dọc và chia 5 thùy ngắn xòe ra ở đỉnh màu trắng. Quả nang không gai. (Ảnh 159)

Cây cho hoa lớn, có khi đến 30 cm nở liên tục quanh năm, vừa đẹp vừa rất thơm vào chiều tối. Cây trồng dễ dàng bằng giâm cành hay bằng hạt, ít chăm sóc, mọc khỏe và chóng có hoa. Đầu mùa mưa, cắt cành bánh tẻ dài chừng 20 cm, cắm nghiêng nơi định trồng, vun đất chặt. Sau 1 tháng đã có chồi và rễ.

#### IV.B.14. CÂY CÀ ĐỘC DƯỢC THUỐC

*Datura*

*Datura metel* Linn. (*D. fastuosa* Linn.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Á (Ấn Độ) và mọc hoang dại nơi ven đường, ở miền hoang, bãi cỏ khắp nước ta. Cây được trồng làm thuốc, nhưng cũng có thể cắt hoa cắm lọ được. Tuy nhiên để lấy hoa thường sử dụng chủng có cánh kép là :

IV.B.14.á. *Datura metel* L. var. *flore pleno* Hort. (*Horn of plenty*)

#### IV.B.15. CÂY CÁT ANH

**Drooping head**

***Brownea Rosa de Monte* Berger. (*Brownea ariza* Benth.)**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ vùng Nam châu Mỹ, nhưng do có hoa đẹp và cụm hoa lớn nên được trồng làm cảnh rất phổ biến ở nhiều tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá kép lông chim buồng thông xuống, lớn, dài 50 cm, gồm 2 - 4 đôi lá phụ chẵn, màu xanh bóng, đặc, hoa màu đỏ tươi.

Cây cho hoa nở vào đầu mùa hạ (tháng 3 - 4)

Cây có thể nhập để trồng cảnh 1 loài hoa đẹp là :

#### IV.B.16. CÂY CÁT ANH LỚN

***Brownea à grande tête*; Rose of Venezuela**

***Brownea grandiceps* Jacq.**

**Họ Vang**

**(Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, cành nhánh dài, có lông. Lá lớn, kép lông chim với 10 - 12 đôi lá phụ dạng thuôn hình giáo, nhọn đầu, mép nguyên, và răn reo, màu xanh bóng. Lá non mềm, rủ xuống màu hồng nhạt. Cụm hoa hình đầu lớn đến 20 cm dày đặc. Hoa màu đỏ tươi (Hình 142)



H.142. Cát anh lớn -  
*Brownea grandiceps* Jacq.

#### IV.B.17. CÂY CẨM THỊ

*Diospyros chevalieri* Lec.

Họ Thị (Ebenaceae)

Cây gỗ nhỏ mọc hoang nơi đất khô gần ven biển miền Trung. Thân đen xù xì, phân cành lớn từ gốc, lúc non có lông mịn. Lá nhỏ hình trái xoan ngược, rộng dần ở đỉnh. Hoa đơn tính nhỏ. Quả tròn có đài ở gốc cong xuống.

Cây có dáng đẹp, được khai thác trồng ở chậu làm cây cảnh.

#### IV.B.18. CÂY ĐÀNG ĐỨNG

*Thunbergia erecta* (Benth.) T. Anders.

(*Meyenia erecta* Benth.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ghinê (châu Phi nhiệt đới), được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây bụi nhỏ cao chừng 1 - 2 m, phân cành nhánh nhiều sát gốc mềm vươn dài, non có tiết diện vuông. Lá mọc đối dạng bầu dục hay gần tròn có cuống dài, mép nguyên hay có răng rộng, thưa. Hoa đơn độc ở nách lá với cánh tràng hợp thành ống ngắn, cong, gốc màu vàng, trên chia 5 thùy rộng màu tím.

Cây được ưa chuộng vì có hoa đẹp, rất thích hợp trồng ở vườn nhỏ quanh nhà. Gây trồng chủ yếu bằng chiết giâm cành.

Có hai chủng hoa đẹp là :

IV.B.18.a. *Thunbergia erecta* T. Anders. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.18.b. *Thunbergia erecta* T. Anders. var. *caerulea* Hort.

Hoa màu tím, họng màu vàng.

#### IV.B.19. CÂY CẢN THĂNG

Wood-Apple

*Limonia acidissima* L.

(*Feronia elephantum* Corr.; *Schinus limonia* L.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ,

Srilanca, Đông Dương). Cây gỗ nhỏ, có gai nhọn, cành nhánh cứng dài, non có lông. Lá kép lông chim với 3 đôi lá phụ có cánh theo cuống chung. Cụm hoa dày đặc ở nách lá, mang hoa nhỏ màu trắng. Quả mọng to, màu xanh (Ảnh 160).

Cây mọc khỏe chịu được khí hậu nóng, khô và trải nắng. Gây trồng bằng hạt để uốn làm cây thế nhỏ trồng ở chậu, hay chiết cành để chóng ra hoa. Hiện nay, Cắn thẳng là cây trồng chủ yếu để làm cây uốn thế.

#### IV.B.20. CÂY CHÙM NGÂY

Horse-radish tree, Ben  
*Moringa oleifera* Lam.  
(*M. pterygosperma* Gaertn.)

Họ Chùm ngây  
(Moringaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng rải rác trong các đồn điền cũ ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam để lấy dầu nhưng do có dáng cây đẹp, hoa thơm cũng được trồng làm cây bóng mát, cây phong cảnh. (Hình 143)

#### IV.B.21. CÂY CHUỐI ĐỎ

Flowering banana.  
*Musa coccinea* Andr.  
Họ Chuối - Musaceae.

Cây có nguồn gốc ở Việt Nam, gây trồng làm cảnh từ lâu đời.

Cây có thân củ trong đất, thân giả lùn, mập, cao 1 - 2 m. Lá như lá chuối, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh thân giả, mọc thẳng, lá bắc màu đỏ cam ở gốc, vàng ở đỉnh xếp úp chặt lên nhau. Hoa màu vàng.

Cây đẹp, trồng làm cảnh rất thích hợp (ở chậu cũng như ở các bồn hoa).



H.143. Chùm ngây -  
*Moringa oleifera* Lam.

#### IV.B.22. CÂY CHUỐI SEN (Chuối kiếng đỏ)

***Musa ornata* Roxb.**

(*M. rubra* Wall.; *M. speciosa* Tenore)

**Họ Chuối (Musaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước châu Á nhiệt đới. Cây có thân rễ dạng củ dài. Thân giả cao 1 - 1,5 m. Lá thuôn hình giải, bẹ cuống màu đỏ. Cụm hoa trên 1 cuống chung mập, cứng mọc thẳng đứng hay cong dài 50 - 70 cm, lá bắc dạng mo hình bầu dục thuôn dài, màu đỏ cam, đỏ nhạt tím hay xanh nhạt rất đẹp. Các lá bắc xếp úp lên nhau thành bấp dài 10 - 15 cm. Hoa nhiều. Quả thuôn nhỏ, dài, có 4 - 5 cạnh, màu vàng xanh. Hạt nhỏ màu đen.

Cây trồng chủ yếu bằng thân rễ, tách từ chồi và trồng như chuối thường. Cây mọc khỏe, chịu được ẩm ướt và mát. Cây làm cảnh đẹp cả lá lẫn bông hoa.

#### IV.B.23. CÂY CHUỐI SEN HƯỜNG

***Musa rosacea* Jacq.**

**Họ Chuối (Musaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Thân giả cao 1 - 1,5 m, gốc có bẹ do lá rụng. Lá lớn gốc lệch. Cụm hoa thẳng hay cong, lá bắc màu cánh sen hay lam nhạt, trong có ít hoa, màu vàng. Quả dài 5 - 7 cm, nhiều hạt đen.

Cây đẹp, trồng làm cảnh ở chậu, nhân giống dễ bằng chồi từ củ trong đất.

#### IV.B.24. CÂY CHUỐI SEN CONG

***Musa sanguinea* Hook.f.**

**Họ Chuối (Musaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được trồng làm cảnh và tạo dáng lùn để dễ trang trí. Cây có thân rễ dạng củ, thân giả cao 1 - 1,5 m. Lá thuôn, mảnh, màu xanh bóng, có cuống cong. Cụm hoa trên cuống chung mập, lúc non thẳng sau bông thông xuống. Lá bắc dạng mo màu đỏ thẫm, màu vàng tươi. Quả thuôn có 3 cạnh, màu

xanh nhạt với các vạch đỏ, nhẵn. Hạt nhỏ có cạnh, màu đen.

Hiện nay các nhà vườn gây trồng bằng hạt, gieo lấy cây con, giữ cho không lớn, làm cây cảnh lùn, trồng ở các hòn non bộ, còn thông thường vẫn tách từ thân rễ cây già.

#### IV.B.25. CÂY CÙ ĐẾ

*Breynia rhamnoides* Muell-Arg.

Họ Thào đầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố ở các nước châu Á nhiệt đới và đảo Thái Bình Dương. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi đất trống từ Bắc vào Nam. Do cây mọc khỏe, phân cành nhiều dễ uốn tĩa nên được dùng làm cây cảnh, cây uốn thế, cây tạo dáng trồng ở chậu.

#### IV.B.26. CÂY CÙM RỤM (Cườm rụm)

*Carmona microphylla* (Lam.) Don

(*Carmona retusa* (Vahl.) Matsam.; *Ehretia buxifolia* Roxb.)

Họ Cườm rụm (Ehretiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, phân nhánh ngắn. Lá nhỏ, màu xanh bóng, đậm, thường mọc tập trung ở từng điểm trên cành, mép có răng nhỏ. Cụm hoa xim ở các nhánh màu trắng. Quả tròn màu đỏ cam, đẹp (Hình 144).

Cây mọc khỏe nơi đất khô, trái nắng, chịu được cả mùa hạn dài, nên được trồng làm cây thế, cây tạo dáng ở chậu. Nhân giống bằng giâm cành, chôn cho chồi và dễ uốn nắn.

#### IV.B.27. CÂY CÙM RỤM NHỎ (Sơn trà nhám)

Heliotrope tree

*Ehretia acuminata* R.Br. (*E. serrata* Roxb.)

Họ Cườm rụm (Ehretiaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố ở châu Á (Nhật Bản xuống các nước nhiệt đới) và Australia. Cây gỗ nhỏ, thường xén tĩa thành bụi hay hãm thành cây uốn thế. Lá mỏng, mịn. Cụm hoa dạng chùy mang nhiều hoa. Hoa nhỏ, màu trắng, thơm. Quả hạch có 4 hạt.

Cây được trồng rộng rãi vì dễ trồng, ít phải chăm sóc. Cây mọc

khỏe, hoa nở rộ, hấp dẫn. Nhân giống bằng hạt hay giâm cành, trồng ở chậu hay trong vườn đều thích hợp.

Để trồng làm cảnh hay xén tỉa thành Bonsai, các nhà vườn thường khai thác cây.

#### IV.B.28. CỤM RỤM RĂNG

*Ehretia dentata* Curch.

Cây gỗ nhỏ, sống dựa. Lá trái xoan ngược, mép có răng thưa, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa nhỏ, có 2 - 3 hoa.



H.144. Cùm rụm -  
*Carmona retusa* Mat.

#### IV.B.29. CÂY CỤM RÌA

*Malpighia coccigera* L.

Họ Dùi dục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước vùng Trung châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ, dạng bụi. Lá dạng trái xoan, dày cứng, mép có răng nhọn và góc răng lõm, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa có 1- 2 hoa ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng hay hơi hơi hồng. Quả hạch gần hình cầu, đỏ. Cây có dáng đẹp, dễ uốn tỉa nên thường trồng làm cảnh, tạo dáng hay hãm nhỏ để uốn thế làm cây trồng ở chậu, lá xanh quanh năm, lâu rụng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành.



H.145. Cừ ly hương -  
*Ruta graveolens* L.

#### IV.B.30. CÂY CỬU LY HƯƠNG

Rue, Herb of grace

*Ruta graveolens* Linn. (*R. chalepensis* Linn.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải và châu Á, được gây trồng từ rất lâu đời ở miền Bắc nước ta làm thuốc và làm cảnh.

Cây bụi nhỏ, sống lâu năm. Lá mọc cách, kép 2 - 3 lần xẻ lông chim, màu xanh mốc, cuống dài. Cụm hoa dạng ngù hay xim ở đỉnh cành, ít hoa.

Hoa có đế lồi, màu vàng, phiến uốn lượn ở mép. Quả có cánh dài còn lại. Mùa hoa tháng 6 - 8 (Hình 145)

#### IV.B.31. CÂY DẠ HỢP (Sen đất)

Bull Bay, Magnolia à grandes fleurs

*Magnolia grandiflora* Linn. (*M. foetida* Sarg.)

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, được trồng rộng rãi ở các nước châu Á phương Bắc. Ở Việt Nam, cây trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ. Cây gỗ, lá xanh quanh năm, phân cành nhánh nhiều, tán dạng tháp. Cành non và chồi có lông. Lá thuôn bầu dục, dày màu xanh đậm, nhẵn bóng ở mặt trên, mặt dưới có lông dày màu gỉ sắt. Hoa lớn màu trắng bóng, thơm. Cánh hoa 1 - 12 chiếc lớn, dày lõm lòng thuyền, xếp úp sát nhau, mở xòe rộng. Nhị nhiều, chỉ nhị dày màu tía. Quả màu nâu xám, có lông. (Ảnh 161)

Cây cho hoa rất đẹp, có hương thơm, nở vào mùa hè thu. Rất thích



H.146. Dạ hợp nhỏ -  
*Magnolia Coco* DC.



hợp trồng nơi vườn quanh nhà. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra được rất nhiều chủng có dạng lá, hoa khác nhau. Cây trồng bằng chiết cành để cho cây thấp có hoa sớm. Cành chiết phải bó cẩn thận, đủ ẩm để chớng có rễ. Cắt cành chiết vào mùa xuân và đem trồng ngay.

#### IV.B.32. CÂY DẠ HỢP NHỎ (Trứng gà nhỏ)

*Talaume humble*

*Magnolia coco* DC. (*M. pumila* Andr., *Talauma pumila* Bl.)

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh nhiều, nơi đền chùa, sân vườn quanh nhà. Cây nhỏ, dạng bụi cao 1 - 4 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn. Lá hình trái xoan thuôn, nhọn cả hai đầu, dày, tròn, nhẵn, màu xanh bóng ở mặt trên, xanh nhạt pha vàng ở mặt dưới. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống cong, lớn. Cánh hoa lúc non hơi xanh sau thành màu trắng, nhẵn. Nhị nhiều. Hoa rất thơm, nở đều gần quanh năm (ở miền Bắc nở từ đầu mùa xuân đến giữa mùa hạ) (Hình 146)

Cây trồng chủ yếu bằng chiết, giâm cành. Cây mọc khỏe, cần chăm sóc kỹ, hoa sẽ nở đều và lớn.

#### IV.B.33. CÂY DẠ LÝ HƯƠNG TÍM

*Cestrum purpureum* Standl. (*C. elegans* Schlecht.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các nước nhiệt đới. Cây thân bụi cao 1 - 2 m, thân màu xám hồng, có nhiều đốm trắng, phân cành nhánh nhiều, dài, yếu. Lá dạng trái xoan thuôn dài nhọn ở đầu, thuôn tròn ở gốc, nhẵn, màu xanh đậm. Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh. Hoa hình ống dài màu đỏ tím, rất đẹp, không thơm. Quả mọng màu xanh bóng gần như trong, ngoài có cánh đài còn lại.

Cây có hoa quanh năm nếu đất tốt, tưới xấp. Cây trồng bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ cắt các đoạn dài 20 cm có chồi mắt, giâm nơi ẩm mát. Có 1 chủng hoa đặc sắc là :

IV.B.33.a. *Cestrum purpureum* Standl. var. *smithii* Hort.

Hoa màu hồng.

#### IV.B.34. CÂY DÀNH DÀNH

Cape Jasmine, *Gardenia a aspect de Jasmin, Jasmin du Cap.*

*Gardenia jasminioides* Ellis (*G. florida* L.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản). Ở Việt Nam, cây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc làm cây cảnh ở vườn, bồn hoa lớn, dọc lối đi hay hàng rào trong công viên. cây gỗ nhỏ, cao 1 - 3 m, thường xén tỉa cho có dạng lùn và nhiều cánh dày, nhẵn. Lá mọc đối, dạng trái xoan nhọn cả hai đầu, màu xanh đậm bóng nhẵn. Hoa lớn, có cuống dài và mọc tập trung ở đỉnh. Hoa rất thơm, cánh hoa dạng ống trên chia thùy răn reo màu trắng sau khi nở xè thì chuyển sang màu vàng nhạt. Quả có đài còn lại ở đỉnh. Hiện nay, có thể trồng 1 vài chủng đặc sắc là :



H.147. Dành dành - *Gardenia jasminioides* Ellis var. *flore-pleno* Hort.

IV.B.34.a. *Gardenia jasminioides* Ellis var. *flore - pleno* Hort

Hoa có cánh kép (Hình 147).

IV.B.34.b. *Gardenia jasminioides* Ellis var. *variegata* Hort

Lá có viền màu trắng vàng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe cho thân mập, đâm chồi nhiều, có thể cắt tỉa để tạo cây uốn thế hay làm cây cảnh lùn bày ở trong chậu nhỏ. Cây cho lá xanh quanh năm và mùa hoa kéo dài nên rất được ưa chuộng.

#### IV.B.35. CÂY DÀNH DÀNH VÀNG (Mẫu đơn)

***Gardenia lucida* Roxb.**

**Họ Cà phê (Rubiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma...) được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào hay cây ở bờ nước. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, thẳng, dạng cây bụi, cao 1 - 3 m. Lá mọc đối, thuôn tròn, dai, bóng nhẵn. Hoa mọc đơn độc, lớn, cánh kép màu trắng rồi chuyển sang màu vàng tươi, rất thơm. Quả mọng có đài còn lại.

Hoa nở gần như quanh năm.

Mấy năm gần đây, các nhà vườn còn khai thác cây Dành dành vòi - *Gardenia angkorensis* Pit., có dáng đẹp làm cây Bonsai.

Mọc nơi đất khô cằn ven bờ biển miền Trung. Thân cứng, màu trắng mốc, nhẵn, chia cành gãy khúc, khô khẳng khiu. Lá dạng trái xoan ngược, dày, màu xanh mốc. Hoa màu trắng vàng nhạt ở đỉnh cành.

Cây đẹp, chịu được khô, nóng.

#### IV.B.36. CÂY DẦU DA XOAN (Sơn cóc)

***Allospondias lakoensis* (Pierre) Stapf.**

**(*Spondias lakoensis* Pierre)**

**Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae)**

Cây mọc hoang dại ở rừng miền Bắc và miền Trung nước ta, nhưng nay được trồng rất rộng rãi trên các đường phố ở các tỉnh lớn làm cây phong cảnh và cho bóng mát, rất thích hợp với các công trình kiến trúc thấp. Cây có hoa nở rộ, dày đặc trên tán lá vào mùa hè (tháng 7 - 9) nên càng được ưa chuộng. Cây gỗ nhỏ, cành non có lông. Lá kép lông chim dài, mượt, có 15 - 25 đôi lá phụ, mềm xanh nhạt. Cụm hoa rất lớn, dạng tán mang hoa nhỏ màu trắng xếp dày đặc. Quả hạch màu vàng nhạt.

Cây ươm gieo dễ dàng bằng hạt. Chọn quả chín già, mập, xử lý bằng nước ấm, rồi gieo ở bầu. Cây cao trên 1 m bứng trồng nơi đường phố. Cây mọc khỏe phân cành sớm, tán rộng, thưa, ưa khí hậu nóng, đủ nắng, không chịu được úng nước.

#### IV.B.37. CÂY DẦU LAI VÀI

**Bellyache Bush : Cotton - Leafed Physixnut,  
Médiciner sauvage**

***Jatropha gossypifolia* Linn.**

**Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ quần đảo Antille và vùng châu Mỹ nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi cao 1 - 2 m, thân cành màu xám có mù trong. Lá chia 3 - 5 thùy có lông và có tuyến trên mép phiến và trên cuống. Cuống dài và gân trên phiến màu đỏ. Cụm hoa ở đỉnh cành, có cuống ngắn. Hoa có cánh hoa màu đỏ lớn, xòe rộng. Quả nang hình cầu thuôn.

Cây trồng làm cảnh đẹp vì hoa nở bền, gần như quanh năm.  
Cây trồng bằng hạt.

#### IV.B.38. CÂY DẦU LAI XÈ

(Bạch phụ tử, Dầu lai nhiều  
khía)

**Physic nut, coral - bush,  
Médiciner d'Espagne**

***Jatropha multifida* Linn.**

**Họ Thầu dầu  
(Euphorbiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước ở Nam châu Mỹ, từ Texas đến Brazil. Cây bụi nhỏ, cao 2 - 3 m, nhẵn, có nhựa mù. Lá xẻ thùy chân vịt sáu thành 7 - 11 thùy, các thùy lại khía răng hẹp, sâu, gốc phiến lá gần tròn. Cuống lá dài bằng phiến. Lá kèm hình sợi, chia nhánh. Cụm hoa có cuống dài màu đỏ. Hoa màu đỏ. Quả nang, hình trứng, nhẵn, màu vàng nhạt (Hình 148).



H.148. Dầu lai xè -  
*Jatropha multifida* L.

Cây trồng làm cảnh trong các chậu lớn, có dáng lá và hoa đẹp. Hoa nở bền, mùa hoa kéo dài. Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe, chóng có tán lá dày và hoa nở rộ.

#### IV.B.39. CÂY ĐẠI (Sứ cùi)

Frangipani, Frangipanier, Pagoda tree, Temple Tree...

*Plumeria rubra* L. (*P. acutifolia* Poir., *P. acuminata* Ait.)

#### Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ) được gây trồng rộng rãi ở nước ta, nơi đình chùa, công viên lớn.

Cây gỗ trung bình, mập, khẳng khiu, phân cành nhánh dài, cong queo, xù xì và mập. Vỏ màu trắng xám, xộp. Lá thuôn dài, rộng ở giữa và hẹp lại ở cả hai đầu, màu xanh bóng, nhẵn, gân nổi rõ màu trắng kéo dài nổi với gân viền ở mép. Lá xếp sát nhau thành vòng ở ngọn cành, khi rụng để lại sẹo lớn ở cành. Cụm hoa trên một cuống chung, mập, dài 30 - 50 cm, phân nhánh vòng ở đỉnh, có nhiều sẹo do hoa rụng. Hoa có cánh hoa dày, mập, khi còn nụ thì xếp vặn màu trắng có trung tâm vàng, lớn. (Ảnh 162). Quả ít gặp, gồm 2 đài. Hạt có cánh. Hoa nở quanh năm và thơm. Cây trồng bằng giâm cành vào mùa mưa. Mọc khỏe, chóng có rễ.

Có nhiều dạng với màu hoa khác nhau :

IV.B.39.a - *Plumeria rubra* f. *rubra*.

Hoa màu hồng, gốc họng vàng.

IV.B.39.b - *Plumeria rubra* f. *lutea* (R. et.P) Woods.

Hoa màu vàng đôi khi lẫn với màu hồng.

IV.B.39.c - *Plumeria rubra* f. *acutifolia* (Ait.) Woods.

Hoa màu trắng, gốc họng màu vàng, có khi lẫn với màu hồng.

IV.B.39.d - *Plumeria rubra* f. *tricolor* (R. et P.) Woods.

Hoa màu trắng, viền mép cánh màu hồng, gốc họng màu vàng.

#### IV.B.40. CÂY ĐẠI TRẮNG

Frangipani, Frangipanier (West Indian red jasmine)

*Plumeria alba* L.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Guyan và Equador (châu Mỹ). Cây thấp hơn loài trên, cánh nhánh nhiều mập, mọc xòe ra, thành các tầng thấp.

Lá thuôn hẹp dài, nhọn ở đỉnh, màu xanh bóng, mặt dưới có lông dày, xếp sát nhau ở đầu cành và thường rụng vào mùa khô. Cụm hoa ở đầu cành trên cuống chung dài. Hoa có cánh dày màu trắng, gốc họng màu vàng nghệ. Rất ít khi có quả. Gây trồng bằng cành.

#### IV.B.41. CÂY ĐẠI TÙ

Temple tree, Lirio de la Costa.

*Plumeria obtusa* L.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Về hình dạng, cây giống với cây Đại, lá lớn hơn, đầu tù, gân trắng. Cụm hoa lớn, hoa lớn cánh trắng, nhưng có tâm màu vàng đậm.

#### IV.B.42. CÂY ĐÀO

Peach, Pêcher

*Prunus persica* Sieb et Zucc.

(*Amygdalus persica* Linn., *Persica vulgaris* Mill.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Mông Cổ và được gây trồng ở nhiều nước trên thế giới vừa cho hoa đẹp (đặc biệt nở vào đầu xuân), vừa cho quả ăn (chỉ ở vùng núi Bắc Việt Nam mới có quả), còn hầu hết chỉ trồng chủ yếu cắt cành cắm lọ vào ngày tết Nguyên Đán). Cây nhỏ, vỏ màu nâu hồng hay xám, cánh dài mềm, dễ uốn. Lá hình giáo, hẹp, đầu thuôn và nhọn, gốc có 2 tuyến nhấn, mép lá khía răng nhỏ, đều, cuống lá mảnh. Hoa đơn độc, nở cùng một lúc với chồi lá. Hoa màu hồng, gần như không cuống. Cánh dài hợp ở

góc hình chuông. Cánh tràng mềm bóng, hình trứng ngược. Nhị nhiều dài bằng cánh hoa. Quả hạch nhiều lông có 1 rãnh bên (Ảnh 163).

Đào có nhiều loại khác nhau, như Đào phai (hoa màu hồng, nhiều, lá màu xanh nhạt); Đào bạch (hoa màu trắng, thưa); Đào quả (hoa màu hồng nhạt, cánh đơn), nhưng đẹp nhất là Đào bích, còn gọi là Đào kép (*Prunus persica* Sieb. et Zucc. var. *camelliaeflora* Hort. sub. var. *plena*). Hoa màu đỏ thắm, dày đặc, nở sát nhau, cánh hoa kép. Lá màu xanh đậm.

Trồng đào và thường ngoạn cành đào vào dịp tết là truyền thống lâu đời của nhân dân ta (chủ yếu là ở miền Bắc). cây ưa khí hậu mát, lạnh, ẩm, nhưng chịu được hạn (không chịu úng) do đó đất trồng đào phải vừa ẩm, vừa cao ráo dễ thoát nước. Cây trồng bằng hạt hay ghép. Chọn quả mập, tốt làm giống, bỏ hết phần thịt ở ngoài rồi đem gieo, sau 6 tháng hạt nảy mầm và sau 1 năm đem cấy ở vườn ươm. Sau 2 - 3 năm. cây bắt đầu có hoa. Để có hoa sớm, thường ghép. Sau khi gieo hạt 6 tháng (gieo tháng 4 - 5 âm lịch, thì tháng 12 - 1 hạt mọc) sau 1 tháng hạt mọc, bứng trồng vào bầu để cuối năm đưa ghép vào gốc đào giống, vạt sâu 1/3 thân cành giống cũng như ở gốc ghép rồi buộc chặt. Sau 1 tháng, cành và gốc đã liền nhau. Cắt ngọn của gốc ghép và cắt 2/3 đường kính thân ghép. Sau 10 ngày cắt tiếp phần còn lại. Đem cây ghép và bầu trồng ở vườn ươm. Sau 1 năm rưỡi, cây sẽ có hoa. Sau khi cây mọc khỏe thì công việc cắt sửa cành cho có tán tròn đẹp và hãm cho cây nở hoa đúng vào dịp tết rất quan trọng. Cây sau khi ra chồi non cần phải cắt ngay. Lần đầu cắt thật nhiều để đâm ra nhiều cành. Sau đó cứ mỗi tháng lại cắt bỏ 1 lần (tỉa nhẹ các cành yếu để có tán tròn). Sau 6 lần cắt tỉa, cây đào mới có dáng đẹp. Muốn có hoa đúng dịp, thì dùng dao sắc cắt bỏ 1 vòng vỏ nơi gần cổ gốc thân. Lá đào sẽ chuyển từ xanh đậm sang xanh nhạt và hơi rũ xuống. Nếu lá vẫn xanh tươi thì lại tiếp tục bóc thêm 1 vòng nữa ở cao hơn (gọi là thiến đào). Thời gian thiến đào cần làm vào tháng 8 âm lịch. Sau đó tiến hành tuốt lá để cây bắt đầu ra nụ. Thời gian tuốt lá sớm muộn tùy theo thời tiết hàng năm và sức sống của mỗi cây, thường làm vào đầu tháng 11 âm lịch. Sát đến ngày nụ hoa nhũ to lại phải

hãm cho hoa nở đúng ngày mong muốn. Có thể che bớt nắng, không tưới nước, chặt bớt rễ (dùng mai xén bớt quanh gốc để rễ đứt 10 - 20%) và tiếp tục cắt bỏ lớp vỏ quanh gốc thân. Nếu hoa nở muộn thì thúc bằng cách làm ngược lại (xới xáo đất, tưới đẫm nước, thấp đèn ban đêm cho vườn đào...).

Gốc đào khi cắt càng cấm lợ, nếu chăm sóc tốt sẽ có chồi non và cho cành đào mới trong năm tới.

#### IV.B.43. CÂY ĐÀO ĐẬU (Sát thử đốm)

**Madera**

***Gliricidia maculata* HBK (*Lonchocarpus maculatus* DC.)**

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ (Guatamala trở xuống) được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi, vì cây mọc nhanh, khỏe, dễ trồng lại có hoa đẹp.

Cây gỗ nhỏ, cao 4 - 8 m, phân cành nhiều, dài mọc thẳng vút làm cho phần gốc thân rất ngắn, tán mở rộng. Lá kép lông chim với 15 - 17 lá nhỏ mọc đối, dạng thuôn, tù, màu xanh pha trắng, mép răn reo. Cụm hoa dài 0,5 - 1 m, nhiều trên cành, mang hoa trung bình, màu hồng tím nhạt với cánh có một đốm vàng nổi rõ trên nền hồng. Hoa nở rộ vào mùa xuân, trước khi cây ra lá non. Quả đậu dài 5 - 10 cm.

Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành, ít khi bằng hạt. Cành giâm dễ mọc, có thể cắt cả cành dài cắm xuống đất, cũng đâm rễ, ra chồi. Cây ưa khí hậu mát ẩm, nhưng cũng mọc được nơi khô nóng (hoa có màu nhạt hơn và chóng tàn). Cắt cành vào mùa xuân cấm lợ làm cây trang trí nội thất thay cho hoa đào.

#### IV.B.44. CÂY ĐÀO TRẮNG (Mận)

**Japanese Plum, Prunier japonais**

***Prunus salicina* Lindl.**

**(*P. triflora* Roxb., *P. japonica* Hort., *P. hattan* Tamari, *P. ichangana* Schneid., *P. botan* Hort., *P. masu* Hort.)**

**Họ Hoa hồng (Rosaceae)**



Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Bắc Việt Nam), chủ yếu để lấy quả ở miền núi. Lá thuôn dài có mùi ở đỉnh, màu xanh bóng, sáng, gân nổi rõ. Cụm hoa ngắn, thưa mang 1 - 3 hoa, màu trắng. Quả hình cầu màu vàng hay đỏ sẫm.

#### IV.B.45. CÂY ĐẠT PHƯỚC

*Millingtonia hortensis* L.f.

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây mọc hoang trong rừng ẩm thường xanh, miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, dài. Lá kép lông chim 2 - 3 lần, lá phụ nhỏ, rụng vào mùa khô. Cụm hoa lớn, hoa nhỏ màu trắng dạng ống dài, đỉnh chia 2 môi, rất thơm. Quả nang dẹt.

Cây đẹp trồng làm cảnh ở vườn (vùng xứ lạnh rất ưa chuộng).

#### IV.B.46. CÂY ĐÀU LÂN

Cannon ball tree

*Couroupita guianensis* Aubl.

Họ Lộc vừng (Lecythidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ nhiệt đới (Guian) được trồng làm cảnh ở vườn hay trong công viên vì có dạng hoa đặc sắc, nở rộ quanh năm. Cây gỗ lớn, thân thẳng, phân cành sớm, vỏ xộp, mềm, tán rộng nhưng thưa. Lá thuôn bầu dục dài, hay hình giáo, màu xanh nhạt bóng, cứng mép nguyên hay khía răng nhỏ, mọc chụm ở cành.

Cụm hoa dạng chùm mập, dài (có khi đến 1 m) uốn cong ra, và tập trung ngay trên thân, cành già. Hoa lớn, thơm, sặc sỡ. Cánh dài dày ở gốc, dạng bầu dục nhọn. Cánh tràng lõm, cong, nở ra tròn đều, màu đỏ vàng, góc màu đỏ tím hay vàng. Nhị nhiều xếp sát nhau kín cả họng hoa, màu vàng. Quả hình cầu lớn, đường kính 10 - 20 cm, màu đỏ nhạt, nhiều hạt (ở Việt Nam, rất hiếm có quả) (Ảnh 164)

Cây rất đẹp, do hoa hấp dẫn nên được gây trồng nhiều ở các tỉnh miền Nam nước ta.

#### IV.B.47. CÂY ĐƠN ĐỎ (Trang son, Mò đỏ)

*Ixora cocciné*

*Ixora coccinea* Linn. (*I. grandiflora* Ker.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Srilanca, Ấn Độ. Cây bụi, phân cành nhánh nhiều. Lá thuôn dài, nhọn ở đầu, gần như không cuống, gốc tròn hay hình tim, rất bóng, dày, màu xanh đậm. Cụm hoa lớn đến 20 cm mang nhiều hoa xếp sát nhau ở đầu cành. Hoa màu đỏ tươi, cánh tràng hợp thành ống dài, mảnh, cao 2 - 2,5 cm, trên chia 4 thùy gần nhọn, xếp xòe đều. Quả có 2 nhân, cứng, màu đen.

Cây cho hoa đẹp, nổi bật trên đám lá xanh, thường trồng trên bãi cỏ hay ven đường làm cây cảnh cả cây ít khi cắt hoa cắm cành. Hoa nở quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe ít đòi hỏi đất đai. Có thể cắt tỉa bụi thành các hình khối khác nhau làm nền cho các cây có hoa khác.

#### IV.B.48. CÂY ĐƠN ĐỎ LỚN (Trang to)

*Ixora macrothyrsa* Teijsm. et Binn. (*I. duffii* Moore)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây gỗ dạng bụi dày đặc, lớn, cao 2 - 4 m, cành nhánh nhiều làm thành tán rậm, nhẵn. Lá thuôn hình giải hay thuôn hình giáo, nhẵn, có cuống dài. Cụm hoa lớn, rộng trên 20 cm, mang nhiều hoa màu đỏ thắm xếp dày đặc thành tán dày.

Hoa nở quanh năm (tập trung vào mùa mưa) làm cây cảnh ở vườn rất đẹp. Cụm hoa lớn có thể cắt để bày bàn hay cắm lọ (Ảnh 165).

#### IV.B.49. CÂY ĐƠN TRẮNG (Trang trắng)

*Ixora finlaysoniana* Wall.

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây gỗ dạng bụi, cao 5 - 6 m, phân cành nhánh nhiều, dày đặc. Cánh non có cạnh, màu xanh nâu. Lá hình trái xoan rộng, đầu nhọn, gốc tù, màu xanh đậm. Cụm hoa dạng ngù gồm nhiều xim

dày đặc ở đầu cành. Hoa trắng, không có cuống với cánh tràng hợp thành ống dài, hẹp, nhọn, trên chia 4 thùy hình trái xoan. Quả hạch 2 ô, mỗi ô có 1 hạt tròn (Ảnh 106).

Cây có hoa nở gần như quanh năm (tập trung vụ hè - thu), vừa đẹp vừa có hương thơm, trồng làm cảnh rất thích hợp trong các bồn hoa, bãi cỏ hay ven lối đi trong công viên. Cây trồng bằng chiết cành.

#### IV.B.50. CÂY ĐƠN VÀNG (Tràng vàng, Mò vàng)

*Ixora de Java*

*Ixora lutea* Hutch. (*I. coccinea* L. var. *lutea* Hort.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Java. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, nhọn. Lá thuôn dài, gốc hẹp dần và có cuống ngắn. Cụm hoa dạng tán dày đặc gồm nhiều hoa xếp sát nhau. Hoa có cánh tràng màu vàng nhạt, hợp thành ống dài, trên chia thùy. Quả có nhân cứng.

Cây được trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta, để làm cảnh trong vườn hay nơi công viên. Hoa nở quanh năm.

#### IV.B.51. CÂY ĐƠN VÀNG CAM (Tràng vàng cam)

*Ixora de java*

*Ixora javanica* DC.

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Java. Cây bụi phân cành nhánh nhiều, nhọn. Lá dạng thuôn bầu dục, nhọn đầu, mép gợn sóng. Cụm hoa dày đặc ở đỉnh gồm nhiều xim có cuống dài. Hoa màu vàng cam với cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 4 thùy tròn, xòe rộng.

#### IV.B.52. CÂY ĐÌNH LĂNG ĐĨA

*Nothopanax scutellarius* (Burm.f.) Merr.

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, vỏ thân màu đen có đốm trắng. Lá đơn hay kép với 2 - 3 lá phụ, dạng tròn lõm hay dạng bán cầu, màu xanh bóng hay loang lổ. Cụm hoa dạng tán kép bông thông xuống.

Mỗi tán có 5 - 8 hoa màu xanh.

Cây trồng làm cảnh do lá đặc sắc, rất thích hợp ở chậu.

#### IV.B.53. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ NHỎ

*Polyscias filicifolia* Bailey

(*Aralia filicifolia* Moore, *Panax filicifolium* Hort.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Thái Bình Dương. Được gây trồng làm cây cảnh ở chậu. Cây bụi thấp, thân thẳng, mập, nhẵn, màu nâu xám với các đốm màu trắng. Lá lớn có cuống dài, thành bẹ ôm thân. Phiến lá chia cắt sâu dạng kép lông chim 2 lần. Thùy lá hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng cưa nhỏ, đều. Lá mềm, màu xanh bóng, rất đẹp. Lá ở gốc có thể nguyên, hình bầu dục rộng có cuống ngắn, mép chia răng nhỏ và có thùy không rõ. Cụm hoa ít gập, dạng tán tập hợp thành chùy. Hoa nhỏ đều, màu nhạt (Hình 149).

Cây đẹp vì tán lá có thể cắt xén cho cây có dạng xù xì, nhỏ làm cây cảnh lùn trang trí trong phòng khách, thích hợp nơi đình chùa. Cây trồng bằng chiết cành hay tách bụi có cả rễ củ.



H.149. Đình lăng lá nhỏ -  
*Polyscias filicifolia* Bail.

#### IV.B.54. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ QUẠT (Đình lăng tro)

Wild coffee

*Polyscias guilfoylei* Bailey

(*Aralia guilfoylei* Bull.; *Nothopanax guilfoylei* Merr.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Thái Bình Dương và được trồng từ lâu đời ở các nước nhiệt đới (châu Á và châu Mỹ). Cây bụi, mọc thẳng, nhẵn, phân cành nhánh ít, màu xám. Lá rộng, kép lông chim không đều, cuống lá dài, mảnh có rãnh ở mặt trên và rộng ở gốc thành bẹ ôm thân, trên cuống có đốm hay vạch. Lá nhỏ dạng bầu dục hay trái xoan gần tròn, nhụt hay tròn ở gốc, đầu thuôn tù, mép lá khía răng cưa nông màu xanh trắng có viền, bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùy ở đỉnh. Hoa nhỏ, màu xanh nhạt, ít hấp dẫn. Quả dẹt có vòi còn lại. Cây được gây trồng làm cảnh ở chậu hay trồng hãm nhỏ thành cây cảnh lùn (Hình 150).



H.150. Đình lăng lá quạt –  
*Polyscias guilfoylei* Bail.

Có vài chủng cho lá đẹp làm cảnh thông dụng hơn cả :

IV.B.54.a. *Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *laciniata* Bailey  
(*Panax lacinatum* Hort.)

Lá có mép viền trắng, khía răng hẹp.

IV.B.54.b. *Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *monstrosa* Bailey  
(*Aralia monstrosa* Hort.)

Lá không đều, khía răng sâu, mép cũng có viền trắng.

*IV.B.54.c. Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *victoriae* Bailey  
(*Panax victoriae* Rod.; *Aralia victoriae* Hort.)

Cây nhỏ bé, lá phân cắt nhiều thành các thùy sâu không đều nhau.

#### IV.B.55. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ RĂNG

*Polyscias fruticosa* Harms.

(*Panax fruticosum* Linn., *Aralia fruticosa* Hort.,  
*Nothopanax fruticosum* Miq., *Panax excelsum* Hort.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Polynêsi đến Ấn Độ, được gây trồng phổ biến nhất trong các loài Đình lăng, từ nơi đình chùa đến sân vườn nhà thường trồng trong chậu và hãm thành cây cảnh lùn.

Cây mọc thành bụi nhỏ, nhẵn, không gai, cành non có nhiều đốm trắng. Lá lớn, dài đến 40 cm, kép lông chim 3 lần, phiến lá xẻ sâu. Cuống lá có đốm dài, lá nhỏ có cuống ngắn chia thùy không đều, khía răng, đầu nhọn và có mùi thơm. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùm ngắn. Hoa nhỏ màu trắng. Quả dẹt màu trắng bạc. (Ảnh 167)

Mùa hoa tháng 4, rất hiếm thấy quả.

Cây mọc khỏe, sống lâu năm, dễ trồng bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ dạng củ. Cây ít đòi hỏi chăm sóc, vừa ưa sáng vừa chịu được bóng, nên làm cây trang trí trong phòng. Để làm cảnh đẹp thường trồng 1 chủng.

*IV.B.55.a - Polyscias fruticosa* Harms. var. *plumata* Bailey  
(*Panax plumatum* Hort.)

Lá nhỏ hơn, nhưng chia cắt sâu hơn, thành các sợi hẹp.



Ảnh 168. **Đỏ quỳn lai**  
*Rhododendron "hybride"*

Ảnh 169 **Hoa chông vàng**  
*Barteria lupulina* Ldl.





176. Hoa chuông đỏ  
*Hibiscus sanguinalis* P. Beauv



177. Hoa hồng  
*Rosa chinensis* Jacq.





Ảnh 172: Hoa hồng vàng - *Rosa chinensis* Jacq.



Ảnh 173: Hồng kim - *Conium maculatum* King. Ảnh 174: Hồng mai - *Litsea peruviana* Andr.



Ảnh 175: Hường dương đại  
*Tithonia diversifolia* A. Gray.



Ảnh 176: Kiêu hùng  
*Calliandra haematocephala* Hassk.



Ảnh 177: Kiêu hùng đỏ  
*Calliandra smarginata*



Ảnh 178: Kim đồng  
*Galphimia glauca* Cav.



Ảnh 179: **Lài mỹ**  
*Brunfelsia hopeana* Benth.



Ảnh 180: **Lim xẹt**  
*Peltophorum pterocarpum* Back.



Ảnh 181: **Long thù**  
*Beloperone guttata* Brano.



Ảnh 182: **Mai chằm thủy**  
*Wrightia religiosa* Hook. f.





Ảnh 18. Mai vàng  
*Oreocarya aurantiaca* Merr.



Ảnh 18F. Me *Taxus walleyana* L.



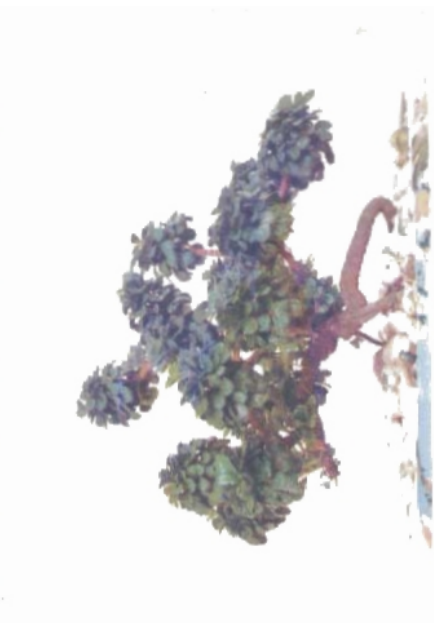
Ảnh 18G. Mồ phương  
*Heliconia liliifolia* Sweet.



Ảnh 18H. Mồng hơ tím  
*Bougainvillea purpurea* L.



Ảnh 187. Muồng hoa vàng  
*Cassia puberula* Vog.



Ảnh 188. Ngẫu tâu  
*Albizia salada* Lour.



Ảnh 189. Ngọc bụt  
*Albizia purpurascens* Willd.



Ảnh 190. Ngọc lan trắng  
*Michelia alba* L.



Ảnh 191: Nhội đàn - *Citharexylum quadrangulare* Jacq.



Ảnh 192: Phước hoa - *Fuchsia speciosa* Hort. (Đơn)





*Ảnh 195. Phước hoa - Fuchsia speciosa Hort. (Kép)*



*Ảnh 194. Phượng vĩ tím - Jacaranda mimosaeifolia D. Don*



Ảnh 196. Sô đò bông vàng (*Strobilaxys* L'Her. Seem.



Ảnh 195. Sơn liên  
(*Adiantum formosense* Muell. Arg.



Ảnh 197. Tai tương dưới chôn  
(*Leidyphyllum harpala* Burm. f.





Ảnh 198. Thiên diêu  
*Strelitzia reginae* Banks.

Ảnh 199. Thơm nài  
*Michelia alba* L.





Ảnh 200: **Thông thiên** *Thevetia peruviana* Sch.



Ảnh 201: **Tràm bông đỏ**  
*Callistemon lanceolatus* Sweet.



Ảnh 202: **Trạng nguyên**  
*Poinsettia pulcherrima* Grah.



203: Trúc đào kép - *Nerium odoratum* Soland. Ảnh 204: 'Tủ cầu' - *Hydrangea opuloides* K. Kochia.



Ảnh 205: Tử tiêu - *Michelia figo* Spreng.





Ảnh 206. Tường vĩ - *Lagerstroemia speciosa* L. Ảnh 207. Vàng anh - *Spatholobus suberectus* L.





*Ảnh 209. Cà chua cảnh*  
*Lycopersicon esculentum*  
Mill. var. *pyramale* Alef.



*Ảnh 210. Cà vù*  
*Solanum elaeagnifolium* L.



Ảnh 211: Khử khối  
*Lycium chinense* Mill.



Ảnh 212: Kim quít  
*Triphasia trifolia* P. Wilson.



Ảnh 213: ớt - *Capsicum annuum* L.  
var. *fasciculatum* Irish.



Ảnh 214: ớt cảnh - *Capsicum annuum* L.  
var. *Ruby king*

#### IV.B.56. CÂY ĐINH LĂNG LÁ TRÒN

*Polyscias balfouriana* Bailey

(*Aralia balfouriana* Sander, *Panax balfourii* Sander,  
*Polyscias rumphiana* Harms.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân - Calêdoni. Cây mọc bụi dày, phân cành rất thấp nên tán lá rất dày từ gốc lên đỉnh, thơm, vỏ màu xám xanh nhẵn. Lá lớn cuống dài, phiến kép 3 lá nhỏ dạng gần tròn tù ở đỉnh, tròn ở gốc, mép khía răng, và phiến có đốm. Cụm hoa dạng tán làm thành chùy thưa. Hoa nhỏ, mẫu 4 - 5, màu nhạt.

Cây trồng làm cảnh phổ biến vì tán lá đẹp. Cây dễ trồng bằng tách bụi.

#### IV.B.57. CÂY ĐỔ QUYÊN ẮN (Hồng thụ ấn)

*Rhododendron simsii* Planch.

(*R. indicum* Sweet var. *simsii* Maxim, *R. indicum* Sweet  
var. *ignescens* Sweet; *Azalea indica* Sims. non Linn.)

Họ Đỗ quyên (Ericaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi cao châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương) và đã được gây trồng làm cảnh từ lâu đời ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Cây bụi dày, phân cành đều, thẳng làm thành tán tròn đẹp. Lá tập trung ở đầu cành, dạng thuôn có mũi ở đỉnh, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa ngắn mang ít hoa. Hoa lớn, màu đỏ hồng, dạng ống, loe rộng ở đỉnh. Quả nang.

Hoa nở rộ vào mùa xuân, mùa hoa kéo dài, bền, làm cảnh ở chậu rất thích hợp. Cây ưa khí hậu mát, ẩm, cần chăm sóc làm đất kỹ hoa mới nở rộ.



H.151. Đỗ quyên ấn -  
*Rhododendron indicum* Sw.

Loài này cùng với một số loài khác như *R. Kaempferi* Planch.; (hoa màu đỏ cam tươi); *R. obtusum* Planch. (hoa từ màu trắng, đỏ gạch, đỏ tía) đều là chủng của *R. indicium* Sweet (Hình 151).

Hiện các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều chủng cho hoa lớn, tạo ra màu sắc lộng lẫy (Ảnh 168) và nhập nhiều loài có hoa đẹp từ Trung Quốc bày bán vào dịp Tết Nguyên đán.

#### IV.B.58. CÂY ĐUÔI SAM

***Sterculia pexa* Pierre**

**Họ Trôm - Sterculiaceae**

Cây được các nhà vườn trồng bằng hạt sát nhau, khi có thân thì tết lại như đuôi sam rất đẹp. Cây thân gỗ mềm, dễ uốn tía (cao đến 10 m). Lá kép chân vịt 7 - 9 lá phụ, màu xanh bóng nhạt, mặt dưới có lông hung. Cụm hoa dạng chùm dài 20 cm.

Cây đẹp trồng ở chậu làm cảnh khá thú vị.

#### IV.B.59. CÂY GẠO

**Silk cotton Tree, Fromager; Arbra à soie; Cotonnier Mapou**

***Bombax ceiba* Burme. (*B. malabaricum* DC.)**

**Họ Gòn (Bombacaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Srilanca, Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới, vì cây mọc nhanh, dễ trồng, cho bóng mát, hoa đẹp, có sợi.

#### IV.B.60. CÂY GIỀNG GIỀNG (Lâm vớ)

**Flame of the forest, Bengal Kino**

***Butea frondosa* Roxbg.**

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới : Srilanca, Ấn Độ, Đông Dương. Cây mọc hoang dại nơi rừng thưa và có 2 mùa rộ rệt. (Tây Nguyên).



#### IV.B.61. CÂY HẢI ĐƯỜNG (Trà mi)

*Camellia amplexicaulis* (Pit.) Coh. - Swact.  
(*Thea amplexicaulis* Pitard.)

Họ Chè (Theaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Bắc Việt Nam) được gây trồng rất lâu đời làm cây cảnh nơi đền chùa, và cắt cành cắm lọ để thờ cúng. Cây bụi hay gỗ nhỏ phân cành nhánh dài. Lá dày, màu xanh đậm, bóng, nổi rõ gân, mép có răng cưa nhỏ, đều đặn. Cụm hoa thưa, mang 1 - 3 hoa ở ngọn cành, trên cuống dài. Hoa lớn có cánh màu đỏ tía xếp đều đặn, làm nổi bật đám nhị nhiều ở giữa màu vàng. Mặc dù hoa không thơm, nhưng sắc màu long lanh làm cây cảnh rất nổi trên đám lá xanh. Ít khi có quả.

Hoa nở rộ vào mùa xuân, mùa hoa dài. Cây trồng chủ yếu bằng chiết cành. Cành chiết nếu bó kỹ, đủ ẩm, rễ mọc khỏe. Cây trồng nơi đất tơi xốp, tránh úng. Cây ưa khí hậu ẩm mát và đủ nắng.

#### IV.B.62. CÂY HOA CHÔNG

*Barleria cristée*

*Barleria cristata* Linn.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, gây trồng ở chậu, tron bốn hoa lớn ở các tỉnh Nam Việt Nam. Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi thấp, cành non có lông. Lá thuôn hình trứng, đều, mép nguyên, có lông cả 2 mặt. Cụm hoa dạng tán nhỏ ở đỉnh cành hay nách lá. Lá bắc có răng nhọn như gai. Cánh tràng hợp thành ống dài cong, loe rộng và chia 5 thùy lớn ở đỉnh, màu hồng. Quả nang có 4 hạt.

Cây có hoa đẹp, nở đều quanh năm, làm cây trang trí trong vườn rất thích hợp. Cây mọc khỏe, luôn xanh tươi, gây trồng bằng hạt và cành.

#### IV.B.63. CÂY HOA CHÔNG VÀNG (Gai kim)

*Barleria lupulina*

*Barleria lupulina* Lindley.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Maurice được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Cây gỗ nhỏ, phân cành từ gốc, nếu xén tỉa đều làm thành bờ tường thấp, ken chặt với nhau, có gai, nên khó xuyên qua. Lá nguyên, nhẵn, mọc đối khá bóng. Gốc lá có gai nhọn, thẳng, cứng. Cụm hoa ở ngọn, ngoài có lá bắc lớn xếp lợp lên nhau, che kín nụ hoa. Hoa lớn, màu vàng bóng, cánh dài hợp ở gốc trên chia thùy nhọn như gai. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, dài trên chia 2 môi, 4 thùy tròn gần đều. Quả nang, có 2 hạt (Ảnh 169)

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay giâm cành. Hoa nở quanh năm, khá đẹp.

#### IV.B.64. CÂY HOA CHUÔNG ĐỎ (Đình phượng hoàng, So đo cam)

African Tulip Tree,

*Spathodea campanulata* P. Beauv.

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới được gây trồng làm cây bóng mát cho hoa đẹp, trên đường phố, trong công viên nước ta.

Cây gỗ lớn, nhẵn, vỏ màu nâu xám, phân cành nhánh cao, tán tập trung ở đỉnh và xòe rộng. Lá kép lông chim 1 lần, mọc đối, cuống chung có lông, với 9 - 10 lá nhỏ gần như không có cuống dạng bầu dục thuôn dài, nhẵn, đôi khi có lông ở lá non. Cụm hoa ngắn, dày đặc ở đỉnh cành. Hoa lớn dạng ống rộng hơi cong trên chia thùy rần reo màu vàng đậm, hay đỏ cam xếp sát nhau, mọc thẳng đứng. Quả nang, đứng, cao 20 cm, rộng 3 - 5 cm, nhẵn. Hạt có cánh (Ảnh 170).

Cây đẹp, tán lá dày xanh bóng quanh năm. Hoa nở rộ trên tán lá, rất hấp dẫn. Hoa nở tập trung vào mùa khô, mùa hoa kéo dài.

#### IV.B.65. CÂY HOA HỒNG

Rosier, China Rose, Bengal Rose

*Rosa chinensis* Jacq.

(*R. indica* Lindl. non Linn, *R. chinensis* Jacq. var. *indica* Koehne., *R. indica* var. *vulgaris* Lindl.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc (chúng mọc hoang dại đã phát hiện ở Trung Quốc là *Rosa chinensis* Jacq. var. *spontanea* Rehd et Wilson, có hoa mọc đơn độc, cánh hoa đơn màu đỏ đậm hay tím đỏ) cây hiện được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới và được lai ra rất nhiều chủng có kích thước và màu sắc khác nhau. Cây bụi thấp, thẳng hay có cành mềm có gai cong. Lá kép lông chim với 3 - 7 lá phụ, nhẵn, khía răng ở mép. Cụm hoa chỉ có một hoa hay tập trung ít hoa, trên cuống chung dài, cứng, có gai. Hoa lớn có cánh dài hợp thành chén ở gốc. Cánh tràng mềm, xếp một hay nhiều vòng, màu sắc thay đổi, từ trắng, hồng đến đỏ, mùi thơm nhẹ. Quả hình trái xoan, có cánh dài còn lại (Ảnh 171)

Cây được gây trồng chủ yếu bằng chiết cành, giâm cành, rất chóng có rễ và đâm nhiều chồi mới. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra rất nhiều dạng, có hoa với màu sắc và kích thước khác nhau (từ màu trắng, vàng đến đỏ tím xậm) (Ảnh 172)

Sơ bộ có thể kể một vài chủng còn nguyên thủy là :

IV.B.65.a. *Rosa chinensis* Jacq. var. *semperflorens* Koehne  
(Crimson chinese rose)

Hoa thường đơn độc, màu đỏ đậm.

IV.B.65.b. *Rosa chinensis* Jacq. var. *longifolia* Rehd.

Hoa màu hồng đỏ

IV.B.65.c. *Rosa chinensis* Jacq. var. *minima* Redh. (The Fairy Rose).

Cây nhỏ bé, hoa đơn hay kép màu hồng, nhỏ bé. (có thể là hoa Hồng tỉ muội được nhiệt đới hóa, trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta).

IV.B.65.d. *Rosa chinensis* Jacq. var. *viridiflora* Dipp (Green rose)

Hoa màu xanh.

IV.B.65.e. *Rosa chinensis* Jacq. var. *manetti* Dipp.

Hoa màu tím đậm.

#### IV.B.66. CÂY HOÀNG LAN (Ngọc lan ta, Công chúa)

**Ylang - ylang, Plangilang, Moso'oi, Moto - oi**

***Canarium odoratum* (Lamk.) King (*Waria odorata* Lam.)**

**Họ Na (Annonaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Malaisia, Philippin và các đảo Thái Bình Dương), hiện được gây trồng rộng rãi làm cây bóng mát cho hoa thơm lấy hương liệu. Cây gỗ lớn, cành lớn mọc ngang, dễ gãy, cành non rủ xuống. Lá mọc cách, dạng trứng, đầu thon, gốc tròn mép hơi lượn sóng, hai mặt nhẵn, màu xanh nhạt pha vàng. Hoa mọc thành cụm trên các nhánh ngắn. Hoa lớn, thơm, đẹp. Cánh dài, hình tam giác, dày. Cánh tràng 6, dài, thuôn nhọn ở đỉnh gốc hơi hẹp, mỏng lượn sóng, màu vàng lục nhạt, cong rủ xuống. Nhị nhiều. Quả thất đốt, hoa nở quanh năm có hương thơm đậm đà rất được ưa chuộng trồng ở vườn hoa, vườn gia đình. Cây trồng dễ dàng bằng hạt, ươm gieo hạt ở vườn ươm. Sau 1 năm, cây cao khoảng 1 m búp bấu trông nơi cố định. Cây mọc nhanh, cao vút, và sớm có hoa.

#### IV.B.67. CÂY HÒE (Hoa hòe)

**Japan pagoda tree**

***Sophora japonica* Linn.**

**(*Styphnolobium japonicum* Schott.)**

**Họ Đậu (Fabaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và được gây trồng rất rộng rãi ở Nhật Bản và Bắc Việt Nam, làm cây cảnh, cây thuốc. Cây gỗ có thể cao đến 20 m, nhưng thường cắt xén cho phân cành sớm thành cây gỗ nhỏ, có cành nhánh nhiều, tán dày nhiều hoa quả (có khi tạo dáng cho tán thành tròn). Lá kép lông chim lẻ, cuống chung mảnh có rãnh ở mặt trên. Lá phụ có 7 - 17 đôi, dạng bầu dục hay thuôn

có mũi nhọn ở đỉnh, tròn ở gốc, màu xanh nhạt. Cụm hoa lớn, mang hoa xếp thưa ở đỉnh cành. Hoa màu vàng trắng, dựng đứng, nhỏ bé với cánh cờ lớn lật ra phía sau. Quả đậu hình tràng hạt, thắt lại không đều giữa các hạt, nhăn. Hạt 4 - 6 hình bầu dục, dẹt, màu nâu vàng, sáng bóng. Mùa hoa tháng 5 - 6. Mùa quả chín tháng 10 (Hình 152)



H.152. Hòe - *Sophora japonica* L.

Cây trồng cho hoa thơm làm thuốc, ướp chè. Cây có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hoa, trong sân nhà và trong chậu lớn (cắt tỉa làm cây thế). Có các chủng đẹp là :

IV.B.67.a - *Sophora japonica* L. var. *pendula* Loud.

Cây có cành nhánh dài rủ xuống, mềm mại.

IV.B.67.b - *Sophora japonica* L. var. *columnaris* Schwerin.

Cây có tán hẹp hình tháp.

#### IV.B.68. CÂY HỒNG MAI

Médecinier

*Jatropha pandurifolia* Andr.

(*J. acuminata* Desv.; *J. hastata* Griseb.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, nay được gây trồng làm cảnh ở các nước nhiệt đới trong các vườn, bồn hoa và nơi công viên. Cây bụi cao, phân cành ít, thưa và gốc có thân dài, cao 1 - 3 m. Lá

hình bầu dục thuôn dài, nguyên ở phần trên, có khía răng ở gần gốc Cuống lá mảnh, dài. Cụm hoa trên cuống chung dài, mang nhiều hoa xếp thưa. Hoa có cánh dài màu đỏ thắm, xòe rộng. (Ảnh 174). Hoa nở bền vì nở dần nên có hoa quanh năm. Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, gây trồng bằng chiết cành. Cây mọc khỏe, cành nhánh nảy chồi nhanh.

#### IV.B.69. CÂY HƯỚNG DƯƠNG ĐẠI (Sơn quỳ)

**Mexican sunflower, Soleil de Mexique**

***Tithonia diversifolia* (Hemsl.) A. Gray**  
**(*Mirasolia diversifolia* Hemsl.)**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây có nguồn gốc từ Nam Mêhicô và Guatemala, nay mọc hoang đại rất phổ biến ở các tỉnh Trung du miền Bắc, miền Trung và vùng núi miền Nam nước ta. Cây mọc hoang đại theo bờ đường làm thành hàng dậu tự nhiên, mùa đông cho hoa nở vàng. (Ảnh 175)

Cây đôi khi được trồng bằng hạt, để làm cây hàng rào, có thể cắt cụm hoa cắm lọ được. Cây mọc khỏe dễ trồng, và chóng có hoa. Hàng năm cây lụi đi đến mùa đông lại nảy chồi mới. Rất ít gây trồng.

#### IV.B.70. CÂY HƯỚNG DƯƠNG ĐẠI TRÒN (Sơn quỳ lá tròn)

***Tithonia rotundifolia* (Mill.) Blake.**

**Họ Cúc (Asteraceae)**

Cây được gây trồng để làm cảnh ở các bồn hoa lớn hay trên bãi rộng. Cây bụi sống lâu năm, cao khoảng 2 m, phân cành nhánh nhiều và phủ lông xám trắng.

Cây đẹp, hoa nở rộ vào mùa đông - xuân nên được ưa chuộng, khi có hoa, có thể cắt cắm lọ.

#### IV.B.71. CÂY HUYỀN DIỆP (Hoàng nam)

**Asoka tree, Mast tree**

***Polyalthia longifolia* (Lam.) Hook. f. var. *pendula*.**

**Họ Na (Annonaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ). Thân gỗ, thẳng cao đến 15 m, tán hẹp dạng tháp. Lá thuôn dài, mềm, cong xuống, dày đặc,

che kín hết cành thân. Hoa màu xanh xám, cánh rần reo thơm. Quả dạng bầu dục, màu đen.

Cây mọc khỏe, xanh quanh năm, làm cảnh đẹp.

#### IV.B.72. CÂY KẸN

*Aesculus chinensis* Bunge

Họ Kẹn (Hippocastanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng lấy bóng mát và làm cảnh ở các tỉnh Bắc Việt Nam. Cây gỗ lớn cao trên 10 m, phân cành sớm, mấp màu xám nâu với nhiều lỗ bì rõ. Chồi có vẩy. Lá mọc đối, cuống dài, kép chân vịt, có 5 - 9 lá phụ thuôn dài mép khía có răng nhỏ. Cụm hoa dạng chùy lớn mọc ở đỉnh, lộ ra ngoài đám lá. Hoa màu trắng lớn có móng khá dài. Quả nang có 1 - 3 hạt.

Cây cho hoa đẹp làm cảnh thích hợp, nở rộ vào mùa thu đông. Gây trồng bằng hạt ở vườn ươm. Sau 1 năm, bứng bầu trồng nơi cố định.

#### IV.B.73. CÂY KEO LÁ DÀI

Sidney Golden wattle, Chenille

*Acacia longifolia* Willd.

(*A. intertexta* Sieb.; *A. obtusifolia* A. Cunn.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở vùng núi nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh dài. Lá thuôn hình giáo hẹp, hơi cong, hẹp ở gốc và đỉnh, có 3 - 4 gân chính dài, có tuyến ở gân gốc. Cụm hoa dạng bông dày ở nách lá, mang nhiều hoa nhỏ màu vàng, thơm. Quả dẹt, dài 5 - 15 cm, thắt lại ở hạt. Hạt đen. Hoa nở quanh năm.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn chọn các chủng :

IV.B.73.a. *Acacia longifolia* Willd. var. *sophorae* F.V.M.

Lá ngắn tròn. Cụm hoa dạng bông ngắn.

IV.B.73.b. *Acacia longifolia* Willd. var. *floribunda* F.V.M.

Lá hình giải nhọn. Hoa màu vàng nhạt gần trắng.

#### IV.B.74. CÂY KEO SƠN

*Acacia à fleurs durables*

*Acacia retinodes* Schlecht.

(*A. floribunda* Hort.; *A. semperflorens* Hort.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng nhiều để làm cảnh, cắt cành. Cây gỗ nhỏ, cao khoảng 2 m, phân cành nhiều, dài, mọc thẳng, lúc non màu xanh sau chuyển sang màu đỏ. Lá hình giáo hẹp, thuôn ở gốc, rộng ở phần trên, tròn ở đỉnh, có 1 gân chính, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa dạng đầu hợp lại thành chùy ở đỉnh thân. Mỗi đầu mang 30 - 40 hoa nhỏ, có cuống chung dài, màu vàng. Quả dẹt, mỏng, màu nâu. Hạt dẹt có cán hạt đỏ.

Cây trồng làm cảnh bằng hạt hay chiết cành. Hoa nở vào đầu mùa mưa, rất lâu tàn.

#### IV.B.75. CÂY KEO TRÒN (Cây Mi - mô - sa)

*Acacia podalyriaefolia* Cunn.

(*A. fraseri* Hook.; *A. caleyi*  
Cunn.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh ở vườn, trong công viên vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta. Cây có dáng đẹp, lá đặc sắc và có hoa nở rộ vào mùa xuân. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 5 m, nhẵn, phân cành nhiều, dài, màu xám trắng, lúc non phủ lông mềm.

Lá dạng bầu dục tròn hay thuôn, đầu có mũi nhọn, gốc tròn, có lông mịn và phần mốc trắng, gân phụ mảnh, rõ. Cụm hoa dạng đầu, hợp lại thành chùy, dài hơn lá. Đầu lớn gần 1 cm, màu vàng tươi, thơm. Quả dẹt, có lông, mép rần reo gợn sóng, 6 - 7 hạt.



H.153. Kiến cò -  
*Rhinacanthus nasutus* Kurz.



Cây làm cảnh đẹp, cả về thân, lá và hoa. Gây trồng bằng hạt hay giâm cành.

#### IV.B.76. CÂY KIẾN CÒ (Bạch hạc)

*Rhinacanthus nasutus* (L.) Kurz.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Ở Việt Nam, cây được trồng làm thuốc, làm cảnh, làm hàng rào (đôi khi mọc hoang dại). Cây nhỏ mọc thành bụi lớn, vì cành nhiều, xum xuê. Lá mọc đối, hình trứng thuôn dài, nhẵn bóng ở mặt trên, hơi có lông ở mặt dưới.

Cụm hoa dạng xim thưa, mang hoa nhỏ màu trắng. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, dài trên chia thùy lật ra hai bên như con cò bay. Quả nang, dài, có lông.

Cây có hoa rải rác quanh năm (tập trung vào mùa mưa), trồng bằng hạt, cành. (Hình 153)

#### IV.B.77. CÂY KIẾN SẦU

*Guaiacum officinale* L.

Họ Qui kiến sấu (Zygophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ, gây trồng làm cảnh vì tán đẹp, gỗ cứng, thơm. Cây gỗ cao 2 – 5 m. Lá kép chẵn mọc đối, 4 – 6 lá phụ. Cụm hoa ở nách lá, hoa nhỏ màu lam. Quả nang tròn có 2 cạnh, màu vàng.

#### IV.B.78. CÂY KIỀU HÙNG

*Calliandra hematocephala* Hassk.

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam Việt Nam (chủ yếu ở vùng núi cao Nam Trung Bộ). Cây gỗ nhỏ, phân cành sớm sát gốc, dài cong làm cho tán cây xòe rộng, sát đất. Lá kép lông chim 2 lần, lá phụ nhỏ, mảnh, dài, khi mất nước cũng rủ xuống. Cụm hoa hình đầu thưa, ở nách lá, trên cuống chung mảnh. Cánh hoa màu trắng ở gốc, nhưng nhị đực dài hơn rần reo, màu tím nổi bật trên cánh hoa. Hoa nở rộ

vào mùa khô, (sau mùa mưa) và chóng tàn, cúp lại. Quả đậu, dài có 2 - 3 hạt dẹt (Ảnh 176).

Cây mọc khỏe, dễ trồng cả bằng hạt lẫn giâm cành. Cành giâm chóng có rễ và ra chồi mới, ít đòi hỏi chăm sóc. Cây ưa khí hậu mát, ẩm. Nếu khô nóng, cây ít có hoa.

#### IV.B.79. CÂY KIỀU HÙNG ĐỎ (Điệp lào, Ban hoa đầu)

*Calliandra emarginata* Benth.

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, được trồng làm cảnh và làm cây uốn thế trong chậu ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành dài mềm, lòa xòa sát đất. Lá kép lông chim có 2 - 4 đôi lá phụ dạng thuôn lệch, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng đầu, mọc ra ở nách lá. Hoa nhỏ, màu đỏ tươi, cả cánh hoa ở gốc lẫn nhị dục dài thò ra thẳng. Quả ít gặp (Ảnh 177).

Cây rất đẹp cả dáng cây lẫn cụm hoa. Hoa nở rộ vào dịp Tết. Cây dễ uốn xén làm thành cây thế ở chậu hay trên hòn non bộ. Để làm cảnh có thể chọn.

#### IV.B.79 - CALLIANDRA 'BREVIPES' BENTH.

Hoa màu hồng.

#### IV.B.80.- CALLIANDRA GRACILIS KL.

Hoa màu vàng.

#### IV.B.81. CÂY KIỀU QUÌ (Cúc quì núi)

*Montanoa grandiflora* (DC.)

Hemsl.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (Nam châu Mỹ) trồng làm cảnh chủ yếu ở vùng núi Nam Trung Bộ (Đà Lạt - Lâm Đồng). Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều như cây bụi. Cành non có lông. Lá mọc đối, phiến chia thùy dạng lông chim



H. 154. Kiều quì - *Montanoa grandiflora* Hemsl.

không đều, có lông, mép nguyên hay khía răng, mặt trên màu xanh bóng, mặt dưới có lông nâu hung. Cụm hoa hình đầu tập hợp thành chùy lớn. Trong cụm hoa, lá bắc tổng bao ở xung quanh màu xanh bóng, lá bắc dưới các hoa thì nhỏ, mỏng như vẩy. Hoa ở vòng ngoài không đều với cánh môi lớn, màu trắng. Hoa ở giữa hình ống màu vàng. Quả bé phẳng ở đỉnh, không có chùm lông. (Hình 154)

Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài Cúc khác. Cây ưa khí hậu ẩm mát, hoa nở rộ vào dịp đầu năm nên được ưa chuộng.

#### IV.B.82. CÂY KIM ĐỒNG

*Galphimia glauca* Cav. (*Thryallis glauca* (Cav.) O. Ktze.)

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô đến Panama (châu Mỹ). Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu ở miền Trung và miền Nam. Cây gỗ nhỏ mọc thành bụi dày, chỉ cao đến 1 m, phân cành nhiều. Lá thuôn bầu dục đều, nhẵn. Cụm hoa dạng tán thưa ở đỉnh. Hoa màu vàng tươi, với cánh tràng 5 có móng ngắn, nhị 10 chỉ nhị mảnh màu vàng sau chuyển màu đỏ. Quả hạch, hình cầu, nhỏ (Ảnh 178).

Cây trồng ở các bồn hoa hay trong chậu rất thích hợp. Hoa nở quanh năm, bền màu và lâu rụng. Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, mọc khỏe. Cây gây trồng chủ yếu bằng hạt và chiết cành.

#### IV.B.83. CÂY KIM PHƯỢNG (Điệp ta, Điệp cúng)

*Poincillade élégant; Petit Flamboyant, Barbados Pride, Barbados Flower - Fence, Dwarf Poinciana*

*Caesalpinia pulcherrima* Swartz.  
(*Poinciana pulcherrima* Linn.)

Họ Vang (Caesalpinaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ) được gây trồng làm cảnh rộng rãi vì cây mọc khỏe, hoa đẹp nở gần quanh năm (cắt hoa để thờ cúng ngày rằm, mừng một), Cây gỗ nhỏ, nhẵn, không có gai, phân cành nhiều, tán rộng. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá phụ trên 20 đôi, nhỏ thuôn tròn có mũi nhọn ở đỉnh. Cụm hoa dạng chùm rộng, hoa có cuống dài màu vàng cam với các

vạch màu đỏ có móng dài bằng phiến. Nhị đực dài đỏ, uốn cong trông như đuôi phượng. Bầu có vòi dài cũng màu đỏ. Quả dẹt màu nâu, thẳng hay hơi cong, mỏng, 8 hạt dẹt.

Cây trồng bằng hạt và được gây trồng nơi đất thoáng rộng ở vườn hay công viên. Hiện nay trong nhân dân còn trồng 1 chủng có hoa hoàn toàn vàng là :

*IV.B.83.a - Caesalpinia pulcherrima Sw. var. flava Hort.*

Hoa cũng nở quanh năm, cắt hoa cắm lọ đẹp.

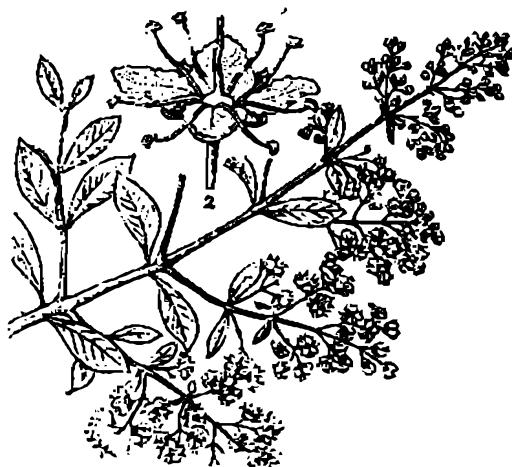
#### IV.B.84. CÂY LÁ MÓNG (Nhuộm móng tay)

Henna, Henné

*Lawsonia inermis Linn.*

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc rộng rãi từ Bắc châu Phi, đến Nam châu Á (Ấn Độ), được gây trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới. Cây gỗ thấp, phân cành nhánh thưa, nhẵn, có khi có gai. Lá nhỏ dạng trái xoan ngược, đầu nhọn, nguyên, mọc đối. Cụm hoa dạng ngù ở kẽ lá



hay thành chùy ở đầu cành. Hoa nhỏ có móng ngắn, xếp dày đặc có màu sắc khác nhau từ trắng, hồng đến đỏ (tùy theo chủng). Quả nang hình cầu, có cánh dài bao bọc ở nửa dưới. Hạt nhỏ, màu nâu đỏ (Hình 155).

Cây có hoa đẹp, nở rộ vào mùa xuân, hương thơm ngát.

Các chủng có hoa màu sắc khác nhau là:

H.155. Lá móng - *Lawsonia inermis* L.

IV.B.84.a - *Lawsonia inermis* L. var. *alba* Hassk. (L. *alba* Lam.)

Hoa hoàn toàn trắng.

IV.B.84.b - *Lawsonia inermis* L. var. *rubra* Hort.

Hoa màu hồng.

IV.B.84.c - *Lawsonia inermis* L. var. *miniata* Hassk.

Hoa màu đỏ.

#### IV.B.85. CÂY LÁ RẢI BÀN (Cánh phượng)

**Silk oak, *Grevillea robusta***

***Grevillea robusta* A. Cunn. ex R. Br.**

**Họ Côm vàng (Proteaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Australia, gây trồng làm cây phong cảnh chủ yếu ở miền Bắc và vùng núi cao Trung Bộ. Cây gỗ lớn, cành lá xum xuê, tán rộng và thưa, cành non hơi rừ xuống. Lá lớn kép 2 lần như lá Dương xỉ, màu xanh đậm bóng ở mặt trên, màu trắng bạc ở mặt dưới (có lông trắng). Cụm hoa dạng bông kép mang hoa thuôn dài màu vàng. Quả có hạt có cánh. Cây có hoa vào mùa mưa, nhưng lá xanh quanh năm rất đẹp. Cây rất thích hợp với các vườn lớn và các công trình kiến trúc đồ sộ (Hình 156).



H.156. Lá rải bàn -  
*Grevillea robusta* A. Cunn

Có mấy chủng đặc sắc :

IV.B.85.a. *Grevillea robusta* A. Cunn. var. *compacta* Hort.

Tán cây tròn đầy

IV.B.85.b. *Grevillea robusta* A. Cunn. var. *pyramidalis* Hort.

Tán cây hình tháp.

#### IV.B.86. CÂY LÀI MỸ (Cà hoa xanh)

**Manaca Rain - tree, Yesterday, to day, tomorrow**

***Brunfelsia pauciflora* (Pohl.) D. Don.**

**(*B. hopeana* Benth.; *Franciscea uniflora* Pohl.)**

**Họ Cà (Solanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh nơi công viên, chậu lớn, bãi cỏ vùng núi cao Trung Bộ nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, dài mọc thẳng, dạng bụi, vỏ nứt dọc, nhẵn. Lá thuôn hình giáo, màu xanh đậm, bóng nhẵn, mép nguyên. Hoa đơn độc hay tập trung 2 - 3 chiếc ở đầu cành. Hoa có cuống ngắn và cánh tràng hợp thành ống rộng, trên chia 5 thùy tròn xòe ra trên mặt phẳng, lúc mới nở màu lam tím sau chuyển dần sang màu trắng. Trên một cây, hoa non và già lẫn lộn làm cho cụm hoa có màu sắc thay đổi đặc sắc. Hoa rất thơm (Ảnh 179).

Cây trồng cho hoa đẹp thơm, dễ chăm sóc, và nhân giống chủ yếu bằng chiết, giâm. Cành giâm chóng nảy mầm và mọc rễ mới. Cây ưa khí hậu ẩm, mát, nhưng nhiều nắng.

#### IV.B.87. CÂY LÀI TÀU (Dạ hoa)

**Tree of sadness; night jasmine**

***Nyctanthes arbortristis* Linn.**

**Họ Hoa nhài (Oleaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ...). Cây gỗ nhỏ, cành nhánh dài có 4 cạnh và có lông cứng. Lá mọc đối, dạng trái xoan, gốc hình tim, nguyên hay hơi khía răng. Cụm hoa dạng tán thưa có ít hoa, gốc mỗi lá bắc có 3 hoa. Hoa màu trắng, cánh hoa ở đỉnh chia 4 - 8 thùy, gốc hình ống màu vàng cam. Quả nang có cánh, 2 hạt.

Cây có hoa nở vào mùa hè - thu, khá đẹp được gây trồng làm cảnh ở chậu lớn, bồn hoa hay trong vườn. Cây trồng bằng chiết cành, và bằng hạt.

#### IV.B.88. CÂY LÂN BÁCH

*Muehlenbeckia platyclada* (F. Muell.) Meissn.  
(*Coccoloba platyclada* F. Muell.)

Họ Rau răm (Polygonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Salomon thuộc Thái Bình Dương, nay mọc hoang dại khá phổ biến ở vùng ven biển nước ta và được gây trồng làm cảnh do dáng cây đẹp.

#### IV.B.89. CÂY LIỄU TƯỜNG HOA ĐỎ (Xác pháo)

Coral Plant

*Russelia equisetiformis* Schl.  
(*R. juncea* Zucc. *R. scopania* Hort.)

Họ Hoa mồm sói  
(Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nay mọc hoang dại hay được gây trồng làm cảnh ở khắp nước ta. Cây mọc thành bụi nhỏ, thưa, chỉ có lá ở phần non, còn toàn bộ cơ thể như bộ xương khô, khẳng khiu và cong dài. Lá nhỏ bé, hẹp, mọc tập trung 5 - 8 chiếc ở mỗi đốt phía gốc còn ở đỉnh lá rộng hơn và mọc đối. Cụm hoa chùm thưa, mang hoa cong rủ xuống, có cuống nhỏ, mảnh và cánh tràng hợp thành ống, hẹp, dài 2 cm, màu đỏ chói, trên chia thùy nhỏ. Quả nang mở 4 mảnh. (Hình 157)

Cây có dáng đẹp, làm cảnh ở vườn rất thích hợp, mọc khỏe, dễ trồng, hoa nở quanh năm. Các nhà vườn còn lai tạo với các loài khác để cho các chủng có hoa sắc sảo hơn, như :



H.157. Liễu tường hoa đỏ -  
*Russelia equisetiformis* Schl.

IV.B.89.a. *Russelia equisetiformis* Schl. var. *semperflorens* Hort.

Hoa nở bền.

IV.B.90. CÂY LIM XET (Muồng vàng thắm)

Yellow Flame

*Peltophorum pterocarpum* (DC.) Back.

Họ Vang (Caesalpinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia và châu Á nhiệt đới. Cây gỗ lớn, phân cành mập, lúc non có lông gỉ sắt. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá phụ nhỏ bé xếp đều đặn. Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng ở ngọn, có lông màu hoe đỏ như nhung. Hoa trung bình màu vàng tươi, cánh hoa rộng, răn reo. Nhị ở giữa cũng vàng và ngắn. Quả dẹt có cánh ở mép, 2 - 4 hạt (Ảnh 180).



H.158. Lo bo - *Paulownia tomentosa* Steud.

Hoa nở rộ vào mùa xuân - hè, làm cây phong cảnh và che bóng rất thích hợp. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn, khi cây cao trên 1 m (khoảng 1 năm) thì đem trồng nơi cố định. Cây mọc khỏe, lá xanh quanh năm và hoa nở rộ.

Ở miền Bắc còn trồng một loài khác cho hoa cũng màu vàng nhưng kém tươi hơn :

*Peltophorum ferrugineum* Benth.



#### IV.B.91. CÂY LO BO

*Paulownia tomentosa* Steud. (*P. imperialis* Sieb. et Zucc)

**Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản. Cây gỗ nhỏ, thường tạo dáng thành cây bụi có cành nhánh xum xuê từ gốc, tán cây tròn hoặc bầu dục. Lá rộng gốc hình tim, nguyên hay chia 3 thùy nông, nhẵn bóng ở mặt trên, có lông mềm ở mặt dưới. Cứng lá dài. Cụm hoa chùy mang hoa màu tím nhạt, thơm. Hoa có cánh dài phủ lông, cánh tràng hợp thành ống trên chia thùy nông, tròn. Quả nang (hình 158). Có hai chủng được gây trồng phổ biến là :

IV.B.91.a. *Paulownia tomentosa* Steud. var. *pallida* Schneid.

Hoa màu tím nhạt. Lá màu xanh ở mặt bên.

IV.B.91.b. *Paulownia tomentosa* Steud. var. *lanata* Schneid.

Lá có lông dày màu vàng nhạt ở mặt dưới. Hoa có lông ở cánh dài.

#### IV.B.92. CÂY LONG THỦ (Cầu long nhả ngọc)

**Beloperone**

*Callispida guttata* (Brand.) Brem.

(*Beloperone guttata* Brand.)

**Họ Ô rô (Acanthaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc châu Mỹ nhiệt đới, được trồng làm cảnh ở chậu vì cụm hoa đặc sắc.

Cây thân bụi nhỏ, cao khoảng 60 - 80 cm, phân cành nhánh nhiều từ gốc. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, mềm, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng bông dày và dẹt, ngoài có lá bắc lớn màu hồng đậm xếp úp lên nhau. Hoa màu hồng nở dần trong ở khe các lá bắc, cánh hoa hình ống, chia 2 thùy lớn, xẻ ra, môi trên lõm, môi dưới xẻ đôi. Quả nang có 4 hạt (Ảnh 181).

Cây cho hoa nở tập trung vào mùa xuân và được gây trồng bằng hạt. Ươm gieo vào mùa thu hay trước mùa xuân 2 - 3 tháng, sau khi nảy mầm, bứng trồng ở chậu hay các bồn hoa lớn. Cây có hoa nở bền và nở dần ít hoa một, làm cây trang trí trong phòng được.

Gần đây, các nhà vườn có nhập trồng một loài đẹp hơn là :

#### IV.B.93. CÂY LONG THỦ VÀNG

**Lollypops**

***Pachystachys lutea***

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Pêru). Cây bụi thấp (cao 20 - 40 cm), ít phân nhánh. Lá mọc đối, hình giáo, màu xanh bóng, nổi rõ các gân. Cụm hoa thẳng đứng ở đỉnh cây, ngoài có nhiều lá bắc màu vàng cam xếp sát nhau, hoa dạng ống cong màu trắng. Hoa chóng tàn, nhưng lá bắc rất bền.

#### IV.B.94. CÂY LU CU

***Luculia pinceana* Hook.f.**

**Họ Cà phê (Rubiaceae)**

Cây vùng núi cao (Sapa), gỗ nhỏ, nhẵn, phân cành nhiều. Lá thuôn nhọn, dài. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán. Hoa lớn, màu hồng, đẹp. Quả nang nhiều hạt.

Cây trồng cho hoa đẹp ở sân vườn, ưa khí hậu lạnh, ẩm.

#### IV.B.95. CÂY MÃ HỔ

***Mahonia nepalensis* DC. (*Berberis nepalensis* Spreng.)**

**Họ Mã hổ (Berberidaceae)**

Cây có nguồn gốc từ dãy núi Hymalaya, Ấn Độ, nhưng mọc hoang dại phổ biến ở vùng núi cao nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt). Quả mọng màu lam đậm.

#### IV.B.96. CÂY MÃ KỶ (Trứng chí)

***Styphelia malayana* Spreng.**

**Họ Mã kỳ (Epacridaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, ở Việt Nam cây mọc hoang dại vùng cát ven biển phía Nam.

Cây có dáng kỳ lạ, có thể khai thác làm cây cảnh, uốn thế trồng ở chậu được.

#### IV.B.97. CÂY MAI

Japanese Apricot

*Prunus mume* Sieb. et. Zucc. (*Armeniaca mume* Sieb.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc nước ta để làm cảnh và cắt cành cắm lọ vào dịp Tết Nguyên đán. Cây gỗ nhỏ, vỏ thân màu xám hay hơi xanh, cành nhánh dài, khẳng khiu, vươn dài, sần sùi và dễ uốn. Lá hình bầu dục, có cuống dài, mép khía răng nhỏ, đều đặn. Hoa mọc đơn độc, có cuống rất ngắn, cánh tràng có 1 hay nhiều lớp, mềm, dạng bầu dục màu trắng, có hương thơm. Nhị nhiều. Quả màu vàng xanh, trong có hạch cứng.

Cây cho hoa đẹp, dáng thanh cao nên rất được trồng làm cảnh nơi đình chùa, trong sân nhà. Hoa nở vào cuối đông đầu xuân, cắt cành trang trí trong nhà vào dịp tết.

Thường trồng một chủng cho hoa đặc sắc hơn là :

IV.B.97.a. *Prunus mume* Sieb. et Zucc. var. *albo plena* Hort.

Hoa có cánh kép, nụ lúc đầu hơi hồng sau chuyển sang màu trắng.

Cây trồng bằng hạt hay chiết, ghép cành như Hoa đào.

#### IV.B.98. CÂY MAI CHẤM THỦY (Mai chiếu thủy)

*Wrightia religiosa* (Teijsm. et Binn.) Hook. f.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Đông Dương) được trồng làm cảnh, làm cây uốn thế rất lâu đời của nhân dân các tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ, thân xù xì, nhiều cành nhánh nhỏ dễ uốn nắn và cắt tỉa. Lá mỏng, hình trái xoan thuôn, gần như không cuống, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng xim thưa, mang hoa nhỏ có cuống dài buông chúc xuống. Hoa màu trắng xòe rộng, rất thơm. Quả đại 1 đôi màu xanh, dạng dài hẹp cũng buông thẳng xuống. Hạt có lông mềm (Ảnh 182).

Cây được trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây mọc khỏe, có thể bứng gốc để trồng lại ngay rồi mới trồng lại, cây vẫn sống. Cây vừa có dáng đẹp, vừa có hoa thơm, mọc nơi cao ráo hay chịu nước vẫn được. Cây sống càng lâu năm, dáng càng đẹp.

Thường chọn chùng có lá nhỏ hơn để làm cảnh ở chậu (Cắm mai).

*IV.B.98.a. Wrightia religiosa* Hook. f. var. *microphylla* Hort.

#### IV.B.99. CÂY MAI TỬ QUÍ (Mai đỏ)

*Ochna atropurpurea* DC.

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây gỗ nhỏ, cao 1 - 5 m, phân nhánh ít, tán thưa, nhưng lá đậm nên khá xum xuê. Cành hoa màu nâu đỏ. Lá cứng dày, hình bầu dục màu xanh bóng, mép có răng cưa thưa, răng có 1 gai nhọn nhỏ. Cụm hoa có ít hoa, hoa nhỏ màu vàng, có 5 cánh dài màu xanh, cứng, còn lại ở quả, chuyển sang màu đỏ tía. Cánh tràng màu vàng, mau rụng. Nhị nhiều. Bầu có 3 - 10 ô, mỗi ô một noãn. Quả có nhân cứng xếp 1 - 5 chiếc, không cuống xung quanh đế hoa, trong cánh dài đồng trường màu đỏ. Quả rất bền cho cây.

Cây vừa cho hoa đẹp và quả đặc sắc nên làm cảnh rất thích hợp. Cây có quả trên cây gần như quanh năm. Cây trồng bằng hạt, dễ nảy mầm, cây con mọc khỏe, chỉ cần đất tơi xốp và đủ nắng.

#### IV.B.100. CÂY MAI VÀNG (Huỳnh mai)

*Ochna integerrima* (Lour.) Merr. (*O.harmandii* H. Lec.)

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng miền Trung và miền Nam nước ta (đôi khi gặp ở rừng miền Bắc) được gây trồng làm cảnh ở các chậu lớn hay cắt các cành già lớn cắm lọ, bình như cắm hoa đào. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 7 m, cành nhánh thưa dài, mảnh. Lá thưa thường xanh (để có hoa nở rộ thường cắt bớt lá vào mùa có nụ). Lá đơn mọc cách, mềm, xanh nhạt bóng, mép có răng cưa nhỏ. Cụm hoa thành chùm nhỏ ở nách lá. Hoa có cuống ngắn. Cánh dài 5, màu xanh bóng, dày, không che kín nụ. Cánh tràng 5 - 10 (hiện nay

nhiều nhà vườn đã tạo ra các cây mai vàng có số cánh rất nhiều : trên 20) màu vàng tươi. Đĩa hoa dày có khía. Nhị nhiều. Bầu có 3 - 10 múi, mỗi múi một noãn. Quả có nhiều hạch nhỏ, không cuống xếp quanh đế hoa. (Ảnh 183)

Cây cho hoa nở vào dịp tết Nguyên đán (ở các tỉnh phía Nam) và có hương thơm nên rất được ưa chuộng. Muốn có hoa nở đúng dịp tết, cần tuốt lá trước độ 1 tháng (tùy theo thời tiết và chồi nụ xuất hiện).

#### IV.B.101. CÂY MAI VÀNG THƠM

*Ouratea lobopetala* Gagnep.

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây gỗ nhỏ mọc thành bụi. Hoa màu vàng rất thơm. Thường được trồng ở miền Trung.

#### IV.B.102. CÂY ME

Tamarind, Tamarinier, Tamarindo

*Tamarindus indica* Linn.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nay được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây bóng mát và lấy quả. Ở Việt Nam, cây còn được băm thành cây cảnh lùn trồng ở chậu, vì có dáng thân xù xì, cong queo và mọc khỏe. (Ảnh 184)

Cây cho hoa nở tháng 4 - 6 và quả chín tháng 8 - 10. Cây trồng bằng hạt.

#### IV.B.103. CÂY MÍ

*Lysidice rhodostegia* Hance

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc ở miền Nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam, mọc hoang dại trong rừng nước ta, nhưng có hoa đẹp, dáng cây hấp dẫn nên thường được gây trồng làm cây phong cảnh.

#### IV.B.104. CÂY MÒ CUA (Sữa)

*Alstonia scholaris* R. Br.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc phổ biến khắp các vùng và được gây trồng làm cây bóng mát và làm cảnh. Cây gỗ lớn, có mủ trắng, vỏ vàng trắng mềm xốp, hơi có mùi. Cành mọc vòng và ngang (4 - 6 nhánh một tầng). Lá mọc vòng thuôn dài, đầu tù, gốc thuôn theo cuống ngắn, dày, màu xanh bóng, gân rõ, song song. Cụm hoa dạng xim dày đặc. Hoa nhỏ dạng ống hẹp màu lục nhạt hay vàng nhạt, có mùi thơm mạnh, nhất là chiều tối. Quả đại một đôi, dài, mảnh, buồng thông xướng. Hạt nhiều, có 2 chù lông ở hai đầu.

Cây có hoa nở rộ vào mùa thu - đông (tháng 8 - 12), lúc các loài cây khác rất ít khi có hoa. Hoa thơm ngát nên làm cây phong cảnh rất thích hợp. Cây trồng bằng hạt. Cây con dễ uốn tía làm cây trồng ở chậu được.

#### IV.B.105. CÂY MỎ PHƯỢNG (Chuối tràng pháo)

Balicier, Wild Plantain, Firebird.

*Heliconia bihai* (L.) Sweet.

(*Musa bihai* L.; *Heliconia caribaea* Lam.)

Họ Thiên điều (Heliconiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Antille, nay được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Nam. Cây mọc thành bụi thưa, gốc có thân rễ mập đẻ nhiều nhánh. Thân giả cao khoảng 1 - 2 m, dạng như cây Chuối, thẳng, cứng. Lá có cuống dài 30 - 50 cm, phiến dạng thuôn bầu dục, dài 50 - 80 cm, màu xanh bóng, gân bên mảnh song song với nhau. Cụm hoa trên cuống chung dài, mọc ra giữa đám lá, trên chót ngọn, cụm hoa buồng dài xếp 2 dãy mo trên mặt phẳng, dài 10 - 15 cm màu đỏ tươi và vàng cam, mép viền màu xanh. Hoa trong mo có 4 - 8 chiếc, cánh hoa hợp và 1 cánh rời màu lục (Ảnh 185).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách tách bụi hay đoạn thân rễ (như trồng chuối). Mùa hoa kéo dài vì mo có màu sắc bền. Cây

trồng ở các bồn hoa, ven tường, dọc lối đi, làm cảnh cả cây, đôi khi cắt cụm hoa để bày trong phòng.

Ngoài ra ở các tỉnh phía Nam nước ta còn nhập trồng :

IV.B.105.a. *Cây Mỏ phượng đứng - Heliconia wagneriana*

Có nguồn gốc từ Costa - Rica, Panama.

IV.B.105.b. *Cây Mỏ phượng rủ - (Hanging lobster - Claws) -*

*Heliconia rostrata.*

Cây có nguồn gốc từ Pêru.

IV.B.103.c. *Cây Mỏ phượng treo - Heliconia pendula*

#### IV.B.106. CÂY MÓNG BÒ HỒNG (Đơn hùng)

**Pink Bauhinia**

***Bauhinia monandra* Kurz.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây được trồng làm cảnh rộng rãi vì có hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, dài, mọc ngang. Lá gần hình tròn, đỉnh có hai thùy thuôn nhọn tam giác, gốc có 12 gân rõ, phiến xanh tươi mặt trên nhẵn, bóng, mặt dưới có lông. Cuống chung dài, mảnh. Cụm hoa dạng chùm thẳng đứng, mang hoa lớn màu hồng hay màu vàng có đốm đỏ, đặc biệt có 1 cánh thìa lớn màu vàng với đốm đỏ rộng, có móng. Quả thuôn, dài 20 cm đầu có mũi nhọn.

Cây làm cảnh ở nơi công viên, trong vườn, hoa nở vào mùa hạ (tháng 3 - 6). Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài cây gỗ khác.

#### IV.B.107. CÂY MÓNG BÒ SỌC

**Variegated Bauhinia**

***Bauhinia variegata* Linn.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi làm cảnh vì hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ trung bình, phân cành dài, mềm, lúc non có lông. Lá gần tròn, gốc dạng tim, đỉnh có hai thùy sâu thuôn tròn nhọn, màu xanh nhạt, nhẵn, mềm. Cuống lá dài, cứng. Cụm hoa dạng chùm, dài

đến 30 cm, hơi cong rủ xuống, mang 5 - 7 hoa lớn, xếp thưa. Hoa có 5 cánh tràng màu đỏ hơi tím có sọc đỏ, hay vàng dạng thuẫn dài nổi bật cánh thìa rộng có nhiều vết đỏ sậm. Quả dẹt, có 9 - 10 hạt.

Có thể trồng 1 chủng có hoa màu sắc khác là :

*IV.B.107.a. Bauhinia variegata* L. var. *candida* Roxbg.

Cây có hoa màu trắng với các vân màu xanh, đẹp.

**IV.B.108. CÂY MÓNG BÒ TÍM (Lan hoàng hậu, Móng bò lan)**

**Orchid tree, bauhinia à fleurs violettes**

***Bauhinia purpurea* Linn. (*B. triandra* Roxbg.)**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, Mianma. Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 6 m, phân cành dài, tán rộng, thưa. Lá to, hình tim ở gốc, đầu có 2 thùy sâu dạng tròn, màu xanh bóng, nhẵn, gốc có 9 - 11 gân rõ. Cụm hoa dạng chùm thưa, mang hoa lớn, màu đỏ tím, rất đẹp, ở ngọn cành hay nách các lá ở đỉnh, có hương thơm. Hoa có cánh tràng mềm, mép rần reo kéo dài và hẹp thành móng ở gốc, ở giữa có một cánh thìa dạng thuẫn hình giáo nổi rõ đốm trắng. Quả lớn, dẹt thuẫn đều, dài 30 cm, hạt dẹt (Ảnh 186).

Cây cho hoa đẹp, nở đều quanh năm, được ưa chuộng trồng ở vườn hoa, công viên, trong vườn làm cây phong cảnh cho các công trình kiến trúc. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm trong bầu, sau 1 năm đem trồng nơi cố định. Cần có đất tốt, đủ nước và đủ nắng. Cây ít đòi hỏi chăm sóc.

**IV.B.109. CÂY MÓNG BÒ TRẮNG (Móng bò nhọn)**

**White bauhinia, Bauhinia à fleurs blanches**

***Bauhinia acuminata* L.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Trung Quốc, Malaixia...) được trồng làm cảnh phổ biến ở nơi công viên vườn hoa hay trong các chậu lớn khắp nước ta. Cây gỗ nhỏ cao khoảng 2 m, phân cành mảnh, thẳng đứng như bụi. Lá dạng bầu dục chia 2 thùy nhọn ở đỉnh có lông ở mặt dưới và 7 gân gốc. Cụm hoa dạng chùm



thưa, nụ dạng thuôn nhọn có lông. Hoa có 5 cánh tràng lớn gần bằng nhau, màu trắng nở xòe rộng, khá bền. Quả dẹt có 3 - 11 hạt.

Cây có hoa nở quanh năm, ưa đất thoáng, nhiều nắng. Cây trông chủ yếu bằng hạt.

#### IV.B.110. CÂY MÓNG BÒ VÀNG

**Yellow Bauhinia, St. Thomas tree**

***Bauhinia tomentosa* L.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Srilanca, Ấn Độ và các nước châu Á khác. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành nhánh ngắn có lông mịn. Lá gần tròn có hai thùy tù, nhẵn, mặt dưới hơi mốc trắng. Cụm hoa thưa có 1 - 3 hoa lớn với cánh tràng dạng bầu dục dài xòe rộng màu vàng tươi, đặc biệt có một cánh dưới nổi rõ 1 đốm lớn màu đỏ đậm. Quả dẹt, có 4 - 12 hạt.

Hoa nở chủ yếu vào mùa xuân. Cây trồng làm cảnh ở chậu, trong bồn hoa hay bãi cỏ nơi công viên, vườn nhà. Cây mọc khỏe, chịu nắng và gậy trồng bằng hạt.

#### IV.B.111. CÂY MỘC

**Olivier odorant**

***Osmanthus fragrans* Lour.**

**(*Olea fragrans* Thunb.)**

**Họ Nhài (Oleaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya, Trung quốc, Nhật Bản, nay được gậy trồng rất rộng rãi ở nước ta nơi đình chùa, vườn gia đình vì hoa rất thơm. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, nhánh non dẹt, thưa màu trắng. Lá hình trái xoan hay thuôn hình giáo dài, nhẵn, mép có răng nhọn, gân mảnh nổi rõ. Cuống lá dày và nâu ở gốc. Cụm hoa dạng chùm ngắn, mọc ra từ nách các lá ngọn. Hoa màu trắng hay vàng nhạt, rất thơm. Quả hạch hình bầu dục. Hạt 1 (Hình 159).



H. 159. Mộc -  
*Osmanthus fragrans* Lour.

Cây có hoa nở gần quanh năm (tập trung vào mùa thu). Cây trồng bằng chiết cành, ít khi bằng hạt. Cây ưa khí hậu mát, ẩm và có nắng.

#### IV.B.112. CÂY MÒ THƠM (Ngọc nữ thơm, Mồ mằm xôi)

*Peragut odorant*

*Clerodendrum fragrans* (Vent.) (Willd.)

(*C. Coronaria* Hort.; *Volkameria fragrans* Vent.;

*Volkameria japonica* Vent.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở nhiều nước châu Á và châu Mỹ. Cây thân gỗ dạng bụi cao 1 - 2 m, có lông mịn, phân cành nhiều có cạnh. Lá bầu dục, đầu thuôn nhọn, gốc tù hay hình tim, màu xanh đậm, nhám, mép có răng thưa. Cụm hoa dạng chùy ở đỉnh, mang nhiều hoa sát nhau dày đặc như dạng đầu. Hoa có cánh dài hợp ở gốc thành ống, màu đỏ. Cánh tràng lớn màu trắng hay hơi hồng, thơm. Nhị dài, mảnh mọc thò ra ngoài. Quả hạch cứng, lớn 1 cm, có đài bao ở ngoài. Hoa nở vào vụ đông - xuân.

Có một chủng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.B.112.a. *Peragut odorant* à fleurs pleines

*Clerodendron fragrans* (Vent.) Willd. var. *pleniflora* Schau.

Cánh hoa kép.

#### IV.B.113. CÂY MỠ VÁY (Ngọc nữ váy)

*Clerodendrum squamatum* Vahl. (*C. coccineum* Dietr.;

*C. japonicum* Hort., non Thunb.; *C. kaempferi* Sieb.;

*Volkameria coccinea* Herb.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng mọc dại rất phổ biến ở khắp miền nước ta. Cây bụi cao 1 - 3 m, phân cành nhiều, tiết diện vuông, có lông mịn. Lá hình trái xoan tròn, có mũi ngắn ở đầu, hình tim ở gốc, mép khía răng cưa nhỏ, mặt dưới có tuyến. Cụm hoa hình chùy ở ngọn màu đỏ tươi, thắm hoặc hồng.

Cây cho hoa đẹp nở rộ vào cuối đông, đầu thu.

#### IV.B.114. CÂY MUÔNG ĐEN (Muông xiêm)

**Kassod tree, casse du Siam**

***Cassia siamea* Lamk.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây mọc trong rừng thưa miền Nam nước ta, nhưng được gây trồng làm cảnh, cây lấy gỗ và bóng mát ở khắp nước ta.

Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 6 - 8) có thể kéo dài đến mùa thu. Cây trồng bằng hạt, nảy mầm khỏe, dễ trồng, nhưng chậm lớn.

#### IV.B.115. CÂY MUÔNG HOA ĐÀO (Muông Java)

**Java cassia casse de Java**

***Java cassia* Linn.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaysia, Srilanca...). Cây gỗ trung bình, phân cành nhiều, thấp. Cành dài, xòe rộng tán thưa. Lá kép lông chim với 8 - 12 đôi lá phụ xếp cách nhau đều đặn, dạng thuôn dài, màu xanh nhạt, mọc. Cụm hoa dạng chùy lớn, kép, thẳng đứng mang nhiều hoa màu hồng rất đẹp. Hoa có cánh tràng gần bằng nhau, mảnh dễ rụng. Quả hình trụ dài 30 - 40 cm, màu đen bóng. Hạt dẹt.

Cây có mùa hoa nở rộ vào đầu mùa mưa làm cho cây có tán màu hồng, đẹp nhưng hoa chóng tàn. Cây rất thích hợp nơi vườn rộng, trồng công viên hay ven lối đi. Cây trồng bằng hạt, rất ít khi chiết cành.

#### IV.B.116. CÂY MUÔNG HOA VÀNG (Bò cạp vàng)

**Shunshine tree**

***Cassia splendida* Vogel.**

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, nay gây trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh thấp, tán xòe rộng. Lá kép lông chim với 8 - 12 đôi lá phụ màu xanh bóng, mềm mại. Cụm hoa dạng chùy, mang hoa xếp

thưa. Hoa lớn có cánh tràng lớn tròn mở rộng, màu vàng sáng. Hoa nở bền và mùa hoa kéo dài gần quanh năm. Quả đậu dẹt, thẳng. (Ảnh 187).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, ít đòi hỏi chăm sóc, ưa khí hậu nóng, nhiều nắng, chịu được khô hạn, không chịu được úng nước. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài cây gỗ khác, hạt chóng nảy mầm, cây con vươn dài. Cây rất thích hợp trồng trong công viên, ven lối đi nhỏ, phù hợp với các công trình kiến trúc thấp.

#### IV.B.117. CÂY MUÔNG HOÀNG YẾN (Bò cạp nước)

**Indian Laburnum, Averse dorée, Pudding - Pipe tree, Golden Shower**

***Cassia fistula* Linn.**

**Họ Vang (Caesalpinaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanka, nhưng được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác vì chùm hoa đẹp. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 20 m, thân tròn nhẵn, phân cành nhánh dài, mềm mọc thẳng, tán hẹp và thưa. Lá kép lông chim với 3 - 8 đôi lá phụ, dày màu xanh nhạt, hơi ỉm ở mặt dưới. Chùm hoa buông xuống, mọc ra từ nách lá, dài 30 - 50 cm mang nhiều hoa xếp thưa có cuống dài. Hoa lớn trung bình màu vàng chanh, cánh hoa mềm mở rộng và nở dần từ gốc lên ngọn, rất hấp dẫn. Quả lớn, dài 30 - 40 cm. Hạt dẹt, mảnh.

Cây có mùa hoa nở rộ vào tháng 4 - 7, chùm lên hết tán lá nên được trồng làm cảnh nhiều ở nơi công viên, vườn hoa và tô điểm cho các công trình kiến trúc. Cây trồng bằng hạt hay các chồi rễ.

#### IV.B.118. CÂY MUÔNG NGŨ (Cồng)

**Saman, Rain, tree, Zaman**

***Samanea saman* Merrill.**

**(*Mimosa saman* Jacq.; *Pithecolobium saman* Benth.;**

***Enterolobium saman* Prain.)**

**Họ Trinh nữ (Mimosaceae)**

Cây có nguồn gốc từ miền Trung châu Mỹ, nhưng nay được

trồng rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới làm cây che bóng mát cho hoa đẹp. Ở nước ta, cây được trồng dọc theo các phố lớn hay trồng trong các công viên rộng.

Cây gỗ lớn, thân mập, phân cành nhánh sớm lớn, dài, tỏa rộng làm tán có dạng ô thưa. Cành non có lông tơ nhưng. Lá kép lông chim 2 lần với 2 - 8 cặp lá nhỏ. Phiến lá hình trái xoan thuôn, gần như tròn. Cụm hoa hình đầu thưa, cuống chung dài, cuống hoa ngắn. Hoa có cánh trắng màu hồng mềm mại làm nền cho 20 nhị màu hồng, dài, thò thẳng ra ngoài. Quả thuôn dài, dẹt, màu đen. Hạt 10 - 15 có cơm dính.

Cây mọc nhanh, khỏe, dáng đẹp. Hoa nở rộ vào cuối mùa khô (tháng 3 - 4). Lá nhỏ rụng lại khi trời tối, và dễ rụng. Gỗ trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo như các loài cây gỗ khác. Có thể giâm cành làm cây cảnh lùn trồng ở chậu (chọn cành khẳng khiu, có hoa). Cây rất được ưa chuộng, vì sống lâu năm, mọc khỏe, tán đặc sắc.

#### IV.B.119. CÂY NGÁU

*Aglaia duperreana* Pierre

Họ Xoan (Meliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở vườn, sân đình chùa, vì hoa thơm, lá xanh quanh năm. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, vỏ xám. Lá kép lông chim với 2 - 3 đôi lá phụ, đầu tròn, gốc thuôn nhọn, màu xanh bóng, nhẵn. Cuống lá chung có cánh do phiến kéo dài. Cụm hoa dạng chùm ở nách lá cánh hoa mềm màu vàng, thơm. Quả hạch màu đỏ, hình cầu, có 1 hạt.

Cây cho hoa nở gần quanh năm. Cây ưa khí hậu ẩm mát, gây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây mọc khỏe, cần chăm bón đất tươi xốp để hoa nở rộ. Có thể uốn tỉa để tạo dáng đẹp.

#### IV.B.120. CÂY NGÀU TÀU

*Aglaia adorata* Lour.

Họ Xoan (Meliaceae)

Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh vì hoa thơm không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước châu Á khác. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, gỗ vàng nhạt. Lá mọc cách, dạng kép lông chim lẻ có 3 -

5 lá phụ hình trứng ngược, đầu tù, gốc làm thành cánh men theo cuống, nhẵn, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa dạng chùy ở nách lá. Hoa hình cầu nhỏ, màu vàng, rất thơm. Quả hạch hình cầu đỏ, 1 hạt có áo hạt. (Ảnh 188)

Cây ra hoa tập trung vào mùa hè - thu. Cây vừa trồng làm cảnh vì lá xanh quanh năm, hoa thơm lại có thể uốn tỉa thành cây thế, cây tạo dáng đẹp. Cây trồng bằng hạt và chiết cành.

#### IV.B.121. CÂY NGỌC BÚT (Bánh hời, Lài trâu)

**Crape Jasmine, Nero's crown**

***Tabernaemontana coronaria* Willd. (*T. divaricata* R. Br.)**

**Họ Trúc đào (Apocynaceae)**

Cây có lẽ có nguồn gốc châu Mỹ nhưng gây trồng phổ biến ở Ấn Độ, cây bụi thấp, cành nhánh dài. Lá thuôn hình giáo, màu xanh bóng, phình rộng ở giữa, thuôn dài có mũi ở đỉnh. Cụm hoa dạng chùy nhỏ mang hoa lớn, màu trắng cánh dài xanh, cánh tràng trắng mép răn reo, rất thơm. Quả có 2 đại, hạt có cơm đỏ (Ảnh 189).

Cây mọc khỏe, lượn xanh tươi, hoa nở quanh năm, khá bền. Cây được trồng nhiều làm cảnh ở bốn hoa, bãi cỏ trong vườn hay trong công viên rộng. Cây trồng bằng chiết, giâm cành.

Chúng có hoa đẹp, thường được gây trồng là :

*IV.B.121.a. Tabernaemontana coronaria* Wild.

*var. flore - pleno* Hort.

Hoa có cánh kép, rất thơm.

#### IV.B.122. CÂY NGỌC LAN (Sứ)

**Champaca**

***Michelia champaca* Linn.**

**Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Himalaya được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước châu Á từ Bắc xuống xích đạo. Cây gỗ lớn, phân cành nhánh nhiều, tán rộng, cành non có lông. Lá hình bầu dục thuôn, dài 20 cm, màu xanh đậm, bóng ở mặt trên, màu xanh



Ảnh 215: Phật thủ - *Citrus medica*  
var. *sarcodactylis* Swingle.

Ảnh 216: Quất  
*Citrus microcarpa* Bunge.





Ảnh 217: Sung  
*Ficus racemosa* L.

Ảnh 218: Xơ-ri  
*Malpighia glabra* L.







Ảnh 219: **Lỗ danh**  
*Laurentia longiflora* Peterm.



Ảnh 220: **Mỏ két**  
*Heliconia psittacorum* Druce.



Ảnh 221: Sen - *Nelumbium nelumbo* Druce.



Ảnh 222: Sen hoàng hậu - *Victoria regia* Ldl.



Ảnh 223: Súng trắng - *Nymphaea lotus* L.



Ảnh 224: Súng đỏ - *Nymphaea rubra* Roxb.

nhạt và có lông ở mặt dưới. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, gồm nhiều cánh hoa hình giải, màu vàng rất thơm.

Cây trồng lấy hoa ướp chè.

#### IV.B.123. CÂY NGỌC LAN TRẮNG

*Michelia alba* Linn.

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây gỗ lớn, vỏ nhẵn màu xám, phân cành nhánh dài, thẳng. Lá thuôn bầu dục, đầu nhọn, gốc tù, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông thưa. Hoa đơn độc ở nách lá có 10 - 15 cánh hoa hình giải thuôn, xếp xoắn ốc. Nhị nhiều, ngắn và dẹt. Quả kép, hình nón, gồm nhiều đại, mỗi đại 1 - 8 hạt (Ảnh 190).

Cây có hoa rất thơm, đẹp, nở rộ vào mùa xuân hạ (tháng 2 - 6). Cây được gây trồng làm cảnh đẹp, trong vườn hay nơi công viên thoáng mát. Hoa dùng để thờ cúng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm trong túi bầu. Sau khi cây cao 1 m thì đem trồng. Đôi khi chiết cành để cây nhỏ chóng có hoa.

#### IV.B.124. CÂY NGŨ TRẢO

*Vitex negundo* Linn.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, cao khoảng 3 - 5 m. Cành non tròn, phủ lông mịn, dày màu trắng mốc. Lá kép chân vịt mọc đối hình trái xoan, có mũi ở đỉnh, gốc thuôn, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông trắng bạc, thơm. Cụm hoa hình chùy ở đỉnh cành có phủ lông màu trắng xám. Hoa nhỏ màu lam tím với cánh tràng hợp thành ống, trong họng có lông dài, trên chia 2 môi. Môi trên có hai thùy cong ra, môi dưới 3 thùy, to. Quả màu vàng, nhẵn có cánh dài phát triển bọc ở ngoài.

Để làm cảnh, thường trồng chung :

IV.B.124.a. *Vitex negundo* Linn. var. *incisa* Clarke

(*V. incisa* Lam.; *V. laciniata* Hort.).

Cây có lá nhỏ, khía răng sâu và dài dạng như kép lông chim, rất đẹp.

#### IV.B.125. CÂY NGUYỆT QUỚI (Nhâm hôi)

*Murraya paniculata* (L.) Jack. (*Chalcas paniculata* L.)

##### Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaisia, Đông Dương). Cây gỗ nhỏ, thân thẳng, vỏ mỏng, màu vàng nhạt. Cành khảnh khiu dễ uốn xén. Lá kép lông chim lẻ gần tròn, nhẵn, xanh bóng. Cụm hoa dạng xim mang ít hoa. Hoa màu trắng hơi vàng, thơm. Quả hình cầu màu đỏ. Cây có dáng đẹp, hãm thành cây lùn làm cây uốn thế, tạo dáng rất dễ dàng.

Cây trồng bằng hạt. Ươm gieo trực tiếp ở chậu để cho cây con. Cắt tỉa các cành để thân nảy nhiều chồi. Cây vừa có lá xanh bóng, vừa có hoa thơm (hoa nở vào đầu mùa mưa) nên rất được ưa chuộng trồng nơi vườn hoa, bãi cỏ hay trong chậu nơi đình chùa.

#### IV.B.126. CÂY Ô MÔI (Muồng hồng lớn)

Pink shower, Horse cassia, Averse rose.

*Cassia grandis* Linn. f.

##### Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ được gây trồng làm cây bóng mát cho hoa đẹp ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây trồng chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 20 m, phân cành lớn, mọc ngang thẳng. Lá kép lông chim với 8 - 20 đôi lá phụ dạng thuôn dài tròn cả hai đầu, màu xanh bóng, gân rõ. Cụm hoa nở rộ khi lá rụng, dạng chùm dài mang hoa lớn, xếp thưa, màu hồng đậm. Quả hình trụ dẹt dài 60 cm. Hạt dẹt, màu vàng, cứng.

Cây làm cảnh vì hoa đẹp, gây trồng bằng hạt. Ươm gieo hạt vào đầu mùa mưa (sau khi rửa sạch hết cơm ở hạt). Đất bầu vườn ươm cần tơi xốp, đủ phân và tưới nước. Cây con chịu bóng một phần. Sau 1 năm, đem trồng cả bầu nơi cố định.

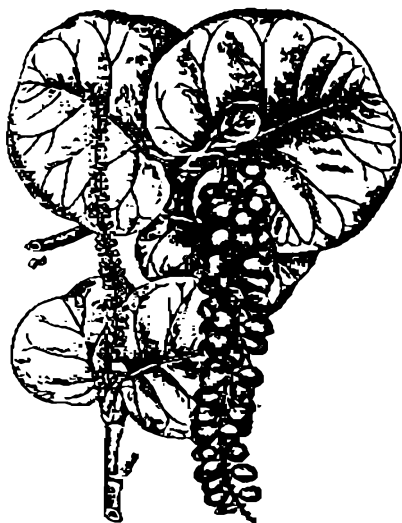
#### IV.B.127. CÂY NHỎ BIỂN

Sea grape, Raisinier de mer, Shore - Grape, Uvadel Mar.

*Coccoloba uvifera* (L.) L.

Họ Rau răm (Polygonaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung châu Mỹ, được gây trồng làm cây cho bóng mát, làm cảnh đẹp. Cây gỗ lớn cao 10 - 20 m, phân cành nhiều cong queo, nhẵn. Lá rộng dạng tròn, góc hình tim, đầu hơi lõm, mép nguyên, rần reo, nhẵn, màu xanh bóng, phần gốc đỏ. Cụm hoa dạng chùm, dài 10 - 20 cm, mang nhiều hoa nhỏ bé màu lục vàng, hay trắng, thơm. Quả mọng, mập, lớn 1 cm nằm trong đài, đồng trưởng, phần thịt màu đỏ nhạt (Hình 160)



H.160. Nho biển -  
*Coccoloba uvifera* L.

Cây mọc khỏe nơi bờ biển, bãi cát, làm cây phong cảnh rất thích hợp. Có thể trồng dọc đường ven biển hay trong công viên, các nhà nghỉ vùng duyên hải. cây trồng chủ yếu bằng hạt.

#### IV.B.128. CÂY NHỘI ĐÀN (Cầm mộc)

*Citharexylum quadrangulare* Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh vì dáng cây đẹp, hoa thơm. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m, phân cành dài mềm, có tiết diện vuông màu xám trắng, vỏ nhẵn, đẹp. Lá thuôn trái xoan, dài nhẵn, màu xanh trắng với cánh tràng hình ống chia hai môi không đều. Quả hạch cứng (Ảnh 191).

Hoa nở vào mùa xuân hè (tháng 2 - 6). Cây dễ trồng bằng hạt, ít đòi hỏi chăm sóc, mọc khỏe phân cành nhiều, tán thưa. Hiện được gây trồng rộng rãi trong vườn rộng, trong công viên hay dọc lối đi, làm cây phong cảnh đẹp.

#### IV.B.129. CÂY ỐC TỬ

*Cochlospermum religiosum* (L.) Alst.

(*C. gossypium* DC.;  
*Maximiliana gossypium*  
Kuntze)

Họ Ốc tử  
(Cochlospermaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, mọc hoang dại ở vùng núi cao nước ta. Cây gỗ nhỏ, cành nhánh có lông dày (Hình 161).

Cây ưa khí hậu ẩm ướt, cho hoa nở rộ, lớn, nên làm cây phong cảnh đẹp. Cây trồng bằng hạt, mọc khỏe nơi đất sâu, ẩm.



H.161. Ốc tử - *Cochlospermum religiosum* Alst.

#### IV.B.130. CÂY ỔI TÀU (Ổi lùn)

*Psidium cujavillus* Burm. f.  
(*Psidium pumila* Linn. var. *crispa* Lec.)

Họ Sim (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Trung châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 4 m, nhưng thường hãm cho nhỏ để trồng trong các chậu làm cây cảnh lùn. Thân mềm dễ uốn và tạo dáng, vỏ mỏng bong từng mảng. Cành nhánh dài, khẳng khiu. Lá nhỏ, dạng thuôn dài, màu xanh bóng mềm, mép nhăn nheo như gợn sóng, đôi khi màu nhạt hơn, gân lá mảnh nổi rõ đều đặn. Cuống ngắn nhưng làm cho lá rủ hay ngang ra.

Hoa trắng, nhỏ, mọc đơn độc ở nách lá với cánh tràng 5, mềm, mỏng, thuần, dễ rụng. Nhị nhiều, xếp nhiều vòng. Quả hình cầu nhiều hạt, ít thấy.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng và dễ cắt xén nên rất được ưa chuộng làm cây cảnh. Để làm cây cảnh lùn có thể trồng cả cây Ổi ăn quả thông thường (*Psidium guajava* L.) (goyavier)

#### IV.B.131. CÂY PHI LAO (Dương)

Horsetail Tree, Australian Pine, Filao a feuilles du Prêlé

*Casuarina equisetifolia* J.S. et G. Forst.

Họ Phi lao (Casuarinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, nay được gây trồng trên toàn thế giới (chủ yếu vùng nhiệt đới, á nhiệt đới). Cây to, cành nhánh nhiều, dài, dễ cắt xén (nảy chồi nhiều) để làm cây tạo dáng, cây cảnh lùn hay làm cây hàng rào. Cây trồng bằng hạt.

#### IV.B.132. CÂY PHÙ DUNG

Cotton rose, Confederate Rose, Ketmie changeante

*Hibiscus mutabilis* L.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh vì hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh ít, cao khoảng 2 - 6 m, thẳng, tán hẹp, thưa, có lông hình sao trắng, cứng. Lá hình tim, trên chia 5 thùy nông, mép khía răng màu xanh bóng nhạt nổi rõ gân và lông, mặt dưới lá màu trắng. Hoa mọc đôi một ở nách lá. Hoa to đẹp, buổi sáng màu trắng, buổi chiều chuyển sang màu hồng sẫm rồi đỏ.



H.162. Phù dung - *Hibiscus mutabilis* L.

Hoa có tiểu đài dạng giải hẹp, có lông. Cánh dài hợp thành chén rộng, cánh tràng đơn hay kép, hình bầu dục. Nhị nhiều dính nhau thành một cột ngắn. Quả nang hình cầu có lông màu vàng nhạt. Hạt hình trứng, có lông dài (Hình 162).

Cây được trồng làm cảnh ở nơi vườn hoa, bãi cỏ vì hoa nở gần như quanh năm. Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều dạng cho cánh hoa kép, xoắn lại nhau và xòe rộng, màu sắc thay đổi từ hồng đến đỏ sậm, rất lâu tàn.

#### IV.B.133. CÂY PHƯỚC HOA (Hoa văn anh)

***Fuchsia brilliant.*, Ladies' Ear Drops**

***Fuchsia hybrida* Voss. (*Fuchsia speciosa* Hort.)**

**Họ Rau dứa nước (Oenotheraceae)**

**và *Fuchsia magellanica* Lam.**

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, có thể là loài lai giữa *F. magellanica* Lam. và *F. fulgens* Moc. et Sesse.

Cây có nguồn gốc ở Pêru. Cây gỗ nhỏ, cao 1 - 2 m, phân cành nhiều, ngắn. Lá mọc đối hay vòng 3 chiếc, dạng bầu dục, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng, có cuống dài. Hoa có cuống dài buông thõng xuống, cánh dài hợp thành ống dài chia thùy thuôn hình giáo, màu đỏ, và dài hơn cánh tràng màu xanh tím rần reo. Nhị đực dài thò ra ngoài (Ảnh 192 và 193)

Loài này có rất nhiều chủng đều làm cây cảnh đẹp :

**IV.B.133.a. *Fuchsia magellanica* Lam. var. *globosa* Bailey**  
**(*F. globosa* Lindl.)**

Cây có nguồn gốc ở Chilê. Cây bụi cao 1 - 2 m, phân cành nhánh rất nhiều. Lá mọc đối, ngắn, dạng bầu dục nhọn đầu, mép khía răng. Hoa có cuống buông xuống, hình cầu. Cánh dài màu đỏ tía, hơi xòe ra. Cánh tràng màu đỏ tím, hẹp hơn cánh đài. Nhị và vòi rất dài lộ ra khỏi bao hoa.

**IV.B.133.b. *Fuchsia magellanica* Lam. var. *discolor* Bailey**  
**(*F. discolor* Lindl.)**

Cây bụi lùn, cành nhiều, dày đặc, màu đỏ tía. Lá nhỏ mép khía



răng răn reo, hoa đỏ ở nách lá, cuống hoa dài cong xuống. Hoa nhỏ màu đỏ cánh dài làm thành ống hẹp, trên xòe rộng. Cánh tràng tù, ngắn hơn thùy dài.

*IV.B.133.c. Fuchsia magellanica* Lam. var. *gracilis* Bailey  
(*F. gracilis* Lindl.)

Cây có nguồn gốc ở Mêhicô. Cây bụi phân cành nhánh rất nhiều, mảnh, khi non hơi có lông. Lá mọc đối, nhỏ bé, mép khía răng nhỏ, thưa. Hoa có cuống mảnh, cong xuống. Cánh dài màu hồng đều. Cánh tràng màu đỏ tía, ngắn hơn cánh dài.

*IV.B.134. FUCHSIA FULGENS* MOC. et SESSE.

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây bụi cao 1,5 - 2 m, rễ có u lồi. Thân mập như phị nước, nhẵn, màu đỏ. Lá lớn dạng tim, bầu dục, nhọn ở đỉnh, nhẵn, mép khía răng nhỏ. Cụm hoa thành chùm buồng thông xuống. Cánh dài hợp thành ống dài 5 - 6 cm, màu đỏ sẫm, trên chia thùy ngắn có đỉnh màu xanh xám. Cánh tràng màu đỏ tím, hoặc đỏ thẫm, tận cùng bằng 1 điểm. Nhị hơi thò ra ngoài một chút.

Cây dạng lai *Fuchsia speciosa* Hort. được gây trồng rộng rãi làm cảnh trong chậu trên vùng núi Nam Trung Bộ (Đà Lạt) nước ta, và chia ra loại hoa đơn, loại hoa kép, loại có lá màu xanh, loại lá có vạch trắng, hồng, loại cây bụi cao, loại cây bụi lùn.

*IV.B.135. CÂY PHƯỢNG VĨ* (Me tây)

**Flame of the Forest, Flamboyant, Royal poinciana, Peacock Flower**

*Delonix regia* (Boj.) Raf. (*Poinciana regia* Boj.)

**Họ Vang (Caesalpiniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, nay được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây bóng mát với hoa đẹp. Ở nước ta, cây được trồng ở hầu hết các thành phố lớn và gắn liền với mùa hè, nên còn được gọi là cây của mùa thi (vì được trồng nhiều trong các sân trường học) (Hình 163).

Cây gỗ lớn, cao 10 - 20 m, vỏ thân màu xám trắng, nhẵn, phân

cành nhánh nhiều, lớn, dài mọc nghiêng, nên tán mở ra rất rộng và dày. Lá kép lông chim 2 lần với 20 đôi lá phụ, rụng thưa vào mùa khô, màu xanh bóng. Cụm hoa lớn, dài 20 - 50 cm, mang hoa xếp thưa, xòe rộng. Hoa lớn, màu đỏ tươi với cánh tràng có cuống dài, phiến rộng rần reo, trong đó có cánh lớn màu cam đỏ và các vạch đốm màu trắng.



H.163. Phượng vĩ  
*Delonix regia* Faf.

Nhị có bao phấn cong màu đỏ. Quả rất lớn, dài 20 - 60 cm, rộng 4 - 6 cm, dẹt, vỏ hóa gỗ. Hạt rất cứng.

Cây dễ trồng bằng hạt, ươm gieo trong vườn ươm như các cây gỗ khác. Khi cao 1 - 2 m, đánh ra trồng nơi cố định. Hoa nở rộ vào tháng 4 - 7, làm cho tán cây có dạng đỏ tươi.

#### IV.B.136. CÂY PHƯỢNG VĨ TÍM (Phượng tím)

Green Ebony, Flam boyant blue.

*Jacaranda mimosaeifolia* D. Don (*J. ovalifolia* R.B.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được gây trồng chủ yếu ở vùng núi Nam Trung Bộ, làm cây phong cảnh đẹp. Cây gỗ trung bình, phần cành nhánh dài, thẳng. Lá kép lông chim mọc đối thưa với các lá phụ nhỏ xếp sát nhau. Cụm hoa chùm bông mang hoa nhỏ bé, màu lam tím nhạt. Hoa có cánh tràng hợp lại thành ống dài hẹp, đầu loe rộng chia thùy gần đều. Rất ít khi thấy có quả (Ảnh 194)

Cây ưa khí hậu mát ẩm, nhân giống chủ yếu bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ, cắt ra từng đoạn dài trên 20 cm, giâm trên đất ẩm, mát. Sau 20 ngày đã thấy có rễ con. Cần chăm sóc kỹ và bón phân lót đủ.

Ngoài ra, còn có *Jacaranda obtusifolia* H.B.K. subsp. *rhombofolia* (Mey.) A. Gentry, có lá rụng vào mùa khô, hoa hình ống màu lam. Cây gốc ở Nam Mỹ, được trồng làm cảnh đẹp.

#### IV.B.137. CÂY QUANH CHÂU

*Hedge sageretia*

*Sageretia theezans* (L.) Brong.

Họ Táo ta (Rhamnaceae)

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều thành bụi dày. Lá dạng bầu dục, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng chùm thẳng. Hoa nhỏ màu trắng xanh. Quả hạch màu đen, chua.

Cây dễ mọc, có thể trồng làm hàng rào hay khai thác gốc già cắt xén làm cây cảnh ở chậu (Bonsai).

#### IV.B.138. CÂY RÂM (Nữ trinh, Giâm)

Troènes., Privet, Prim

*Ligustrum nepalense* Wall. (*L. spicatum* Don.)

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ Himalaya, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta nơi công viên, vườn hoa, quanh nhà, đền chùa... Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cao 1 - 5 m, nhánh non có lông ngắn, dày, màu hơi vàng, đốm trắng. Lá thuôn hình trái xoan, tròn hay tù ở gốc, nhọn ở đỉnh, nhẵn bóng ở mặt trên, có lông ngắn ở mặt dưới. Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành. Hoa có cánh tràng hợp thành hình phễu màu trắng thơm. Nhị 2, thò ra ngoài. Quả hạch hình cầu, màu đen khi chín.

Cây cho hoa thơm, gỗ nhẹ cũng thơm, cây lại có lá xanh quanh năm, tán rậm đẹp nên trồng làm cây cảnh phổ biến. Cây trồng chủ yếu bằng chiết, giâm cành, cần chăm sóc bón phân đầy đủ cho cây để hoa luôn nở rộ.

#### IV.B.139. CÂY ROI TIÊN TRẮNG (Lài đuôi chồn)

*Aloysia virgata* (*Lippia urticoides* Steud.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Peru, Brazil, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi cao 2 - 3 m, phân cành nhánh nhiều, gần tròn, thẳng, nhẵn. Lá mọc đối, dạng bầu dục, thuôn, nhọn ở đầu, màu xanh đậm, nhám, mép khía răng. Cụm hoa dạng trụ đơn hay kép mang nhiều hoa màu trắng, rất thơm. Hoa nhỏ xếp sát nhau. Cánh đài hình ống có lông, trên chia 4 thùy nhọn. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, chia 4 thùy xòe rộng. Quá ít gặp (Hình 164).



H.164. Roi tiên trắng -  
*Lippia urticoides* Steud.

Cây có hoa vào mùa xuân (tháng 1 - 3), nở rộ trên cành làm cho cây có màu trắng đẹp. Hoa nở dần trên cụm hoa, nên mùa hoa kéo dài. Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành.

#### IV.B.140. CÂY SAM ĐÁ

*Portulacaria afra* Jacq. var. *macrophylla*

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, trồng ở chậu thành cây cảnh hay cắt xén thành Bonsai. Cây có thân mập, mọng nước, phân cành dài cong queo màu nâu đỏ. Lá dày, cứng, xếp dày đặc ở các đốt, màu xanh bóng.

Cây đẹp, chịu được nóng khô, làm cây trang trí đẹp.

IV.B.141 - CÂY SANH (*Ficus retusa* L.); CÂY SANH LÁ NHỎ (*Ficus virens* Ait.); CÂY SI (Giữa tàu) (*Ficus benjamina* L.) cùng với các loài khác như GỪA (*Ficus microcarpa* L.); SỘP (*Ficus pisocarpa* Bl.); LÂM VỎ (*Ficus rumphii* Bl.); GỪA TRUNG (*Ficus strita* Miq.) và CÂY SUNG (*Ficus racemosa* L.) đều thuộc họ Dâu tằm (*Moraceae*)

Là những cây gỗ ít nhiều có rễ phụ và quả mọc trên thân, được các nhà vườn cắt xén và hãm, trở thành cây cảnh, cây uốn thế trồng ở chậu rất đặc sắc.

Đặc biệt, gần đây có nhập trồng một chủng đặc sắc là :

#### IV.B.142. CÂY SI ĐỐM

**Variegated mini - rubber.**

***Ficus benjamina* L. var. *variegata* Hort.**

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Malaixia, cây gỗ lớn, nhưng thường trồng bằng cành cho các cây nhỏ, lùn. Thân không rễ phụ. Lá thuôn trái xoan, dài 6 - 10 cm, dày, bóng màu xanh đậm có nhiều đốm không đều nhau màu trắng ngà, tập trung nhiều ở mép lá. Cụm hoa dạng sung màu đỏ sau màu đen.

Cây đẹp, trồng làm cảnh hay ghép lên loài Si khác để cho lá nhiều màu khác nhau.

#### IV.B.143. CÂY SO ĐO BÔNG VÀNG (Huỳnh liên)

**Yellow elder, yellow bignonia**

***Tecoma stans* (L.) H.B.K. (*Stenolobium stans* (L.) Seem.)**

**Họ Núc nác (*Bignoniaceae*)**

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, nay được trồng ở các tỉnh miền Nam nước ta làm cây cảnh trong vườn hoa, công viên. Cây gỗ nhỏ, chỉ cao 2 - 4 m, phân cành nhiều sát đất như dạng cây bụi lớn. Lá kép lông chim 2 lần, mọc đối. Lá nhỏ 5 - 11 chiếc, gần như không có cuống, hình bầu dục thuôn dài, mép khía răng đều, nhọn, đầu nhọn. Cụm hoa chùm kép ở đầu cành. Hoa lớn màu vàng tươi với cánh tràng hợp lại thành ống, cong trên chia 5 thùy lớn bằng nhau xòe rộng. Hoa nở quanh năm, dày đặc làm cho cả tán cây có

màu vàng. Quả nang dẹt, dài 5 - 7 cm, quả xanh trên cây cũng gần như có quanh năm. Quả chín chuyển dần màu vàng, nứt nhanh, hạt tung ra xa nhờ có hai cánh mỏng (Ảnh 195).

Cây trồng dễ dàng bằng hạt, sau khi gieo ở vườn ươm 5 - 7 ngày đã nảy mầm. Khi cây cao có 2 - 4 lá đem đi cấy vào trong bầu, sau đó đem đi trồng (tùy độ cao thích hợp ở nơi công viên, thường sau 6 tháng cao 50 - 70 cm). Khi trồng cần có cọc chống vì cây có thân mềm và đâm cành nhiều. Sau 1 năm, cây đã cho hoa. Hoa vừa đẹp, vừa có hương thơm nên rất được yêu chuộng.

#### IV.B.144. CÂY SÓI (Hoa sói lang)

*Chloranthus glaber* (Thunb.) Mark. (*Chl. brachystachys* BL)

#### Họ Sói (Chloranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Sri lanca..) được gây trồng làm cảnh, lấy hoa ướp trà, ướp thuốc lá. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cao khoảng 1 m, có thể gây trồng ở chậu lớn hay trong vườn, phân cành nhiều, xum xuê, gần tròn, nhẵn. Lá mọc đối, thuôn dài, đầu có mũi nhọn cụt, kéo dài ở gốc, mỏng, nhẵn, xanh bóng, mép có răng dày, nhọn. Cụm hoa dạng bông phân nhánh. Hoa nhỏ màu vàng. Quả có nhân cứng, đỏ. Hạt hình trái xoan. (Hình 165).



H.165. Sói - *Chloranthus glaber* Mark.

Cây có hoa chủ yếu vào mùa đông - xuân, rất thơm nên được trồng nơi đình chùa, gần nhà, trong vườn làm cho không khí thêm mát, lành. Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây cần chăm sóc, làm đất kỹ bón phân đầy đủ. Cây ưa ánh sáng có thể chịu bóng một phần.

#### IV.B.145. CÂY SƠN LIỄU

*Phyllanthus Welwitschianus* Muell. - Arg.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây mọc hoang nơi đất trống, khô, thân cong queo cứng, làm thành bụi thấp, cành nhánh mềm dài, buông xuống. Lá nhỏ xếp sát nhau đều đặn, dạng thuôn bầu dục, mặt trên xanh bóng, mặt dưới hơi trắng. Hoa nhỏ bé, ít hấp dẫn. Quả nang màu đỏ (Ảnh 196).

Cây mọc khỏe, chịu được khô hạn và nhiều nắng, được các nhà vườn uốn tỉa tạo ra nhiều dáng đẹp. Nhân giống bằng giâm cành.

#### IV.B.146. CÂY SƠN TRÀ

*Rinorea anguifera* (Lour.) O.Ktze

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây mọc hoang nơi đất trống khô hạn hay trong các rừng còi nhiều sỏi đá. Cây gỗ nhỏ, thân xù xì, dễ tróc vỏ. Cành phân thấp, cong queo, non có lông hung. Lá tập trung từng đám, dạng bầu dục ngược, mép có răng không đều. Cụm hoa ngắn ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng hay đỏ. Quả nang có gai mềm.

Cây được khai thác trồng ở chậu làm cây cảnh.

#### IV.B.147. CÂY SƠN TRÀ NHẬT BẢN (Nhót tây)

Loquat, Néflier du Japon, Bibacier

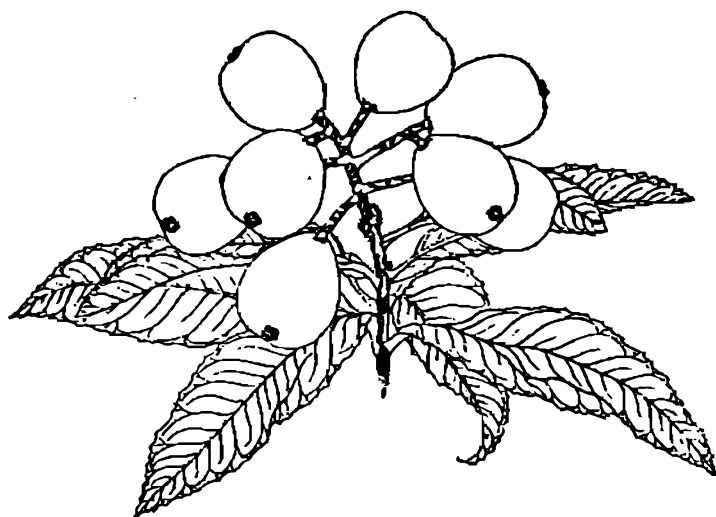
*Eriobotrya japonica* (Thunb.) Lindl.

(*Mespilus japonica* Thunb.; *Photinia japonica* Gray.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được gây trồng rộng rãi khắp thế giới để làm cảnh ở vườn, nơi công viên hay ở các bồn lớn. Cây gỗ nhỏ cao 4 - 5 m, cành non có nhiều lông rậm. Lá lớn, hình trái xoan thuôn dài, dày, gần như không có cuống, mặt trên nhẵn, màu lục sáng, mặt dưới phủ lông dày màu xám hay vàng nhạt, mép lá phần nửa trên có răng. Cụm hoa hình chùy phân nhánh nhiều, mọc ra ở ngọn cành, phủ đầy lông vàng hoe. Hoa lớn, có 5 cánh tràng, hình trứng ngược, mềm, bóng, màu trắng. Nhi

nhieu, chỉ nhị ngắn. Quả thịt gấn hình cầu, chín màu vàng, có 1 - 5 hạt lớn (hình 166).



H.166. Sơn trà Nhật bản - *Eriobotrya japonica* Ldl.

Cây làm cảnh đẹp, do dáng cây, lá và hoa (Hoa nở vào cuối đông, đầu xuân).

Để làm cảnh có thể chọn chủng :

IV.B.147.a. *Eriobotrya japonica* Lindl. var. *variegata* Sander.

Lá có vân xám xanh, xanh đậm và trắng xen kẽ nhau.

IV.B.148. CÂY SÔ ĐỎ (Xác pháo núi, Sơn)

*Sauge éclatante*; *Scarlet sage*.

*Salvia splendens* Ker. - Gawl.

(*S. colorans* Hort. *S. brasiliensis* Spreng.)

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở rất nhiều nước, làm thành các bụi hay thành các bờ tường thấp, dọc theo lối đi trong vườn, công viên. Cây mọc thành bụi,



hóa gỗ ở gốc, cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều, có tiết diện vuông. Lá mọc đối, dạng bầu dục, thuôn nhọn ở đỉnh, gốc tròn hơi hình tim. Cụm hoa ở đỉnh mang hoa dày đặc trên 1 cuống chung không phân nhánh. Lá bắc hình bầu dục thuôn dài, màu đỏ. Cánh dài hợp thành ống rộng trên chia 3 răng tròn cũng màu đỏ. Cánh tràng hợp thành ống dài thẳng hay hơi cong, rủ xuống, trên chia 2 môi không đều, màu đỏ, nhẵn. Nhị thò ra ngoài. Quả nang. (Hình 167).



H.167. Sô đỏ - *Salvia splendens* Ker-Gawl.

Cây dễ trồng, chịu được nắng và khí hậu ẩm mát.

Càng đầy đủ ánh sáng, hoa càng đỏ tươi rực rỡ, do đó rất thích hợp trồng ở vườn rộng. Cây cho hoa nở rộ vào mùa đông xuân. Cây trồng bằng hạt hay giâm ngọn. Hạt gieo sau 1 tuần đã nảy mầm và sau 1 tháng rưỡi có thể đem trồng ở vườn (Cây mọc khỏe do đó ở vườn ươm nên gieo thưa). Còn giâm ngọn thì sau 20 ngày đã có rễ, nhỏ và trồng ở vườn hoa. Sau 80 - 100 ngày, cây bắt đầu trở hoa.

Các nhà vườn trên thế giới còn tạo ra nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau như :

IV.B.148.a. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.148.b. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *atropurpurea* Hort.

Hoa màu tím đậm.

IV.B.148.c. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *bicolor* Hort.

Cây cho chùm bông màu đỏ đậm, hoa già màu trắng.

Ngoài ra, ở các tỉnh miền Bắc còn trồng 1 loài khác là :

#### IV.B.149. CÂY SÔ ĐỎ LÙN (Hoa diên đỏ)

*Salvia coccinea* L. (*S. rosea* Vahl.)

Cây mọc bụi hàng năm, thân thấp, chỉ cao 40 - 50 cm, cụm hoa màu đỏ rực, nở vào dịp cuối Đông, đầu Xuân, cây rất đẹp, nhất là trồng dày thành các thảm. Hoa lớn.

#### IV.B.150. CÂY TAI TƯỢNG ĐUÔI CHÔN

Red hot cat - tail, Ricinelle de Sander.;

Queue de chat incendiaire

*Acalypha hispida* Burm. f. (*A. sanderi* N.E.Br.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanca, Tân Ghinê) được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước vì chùm hoa rất đẹp. Cây gỗ nhỏ hay bụi, cao 1 - 2 m, phân cành đều, màu nâu xanh. Lá mọc dày đặc làm thành bụi màu xanh bóng. Lá dạng bầu dục thuôn nhọn ở đỉnh, gốc hình tim rộng, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông thưa, gân nổi rõ. Cuống lá mảnh, dài. Cụm hoa dạng bông dày đặc, mập, dài hơn lá, buồng thông ra ngoài, dài 20 - 40 cm, màu đỏ tươi (Ảnh 197).



H.168. Thần lằn - *Quassia amara* L.

Cây cho hoa rất đặc sắc, nở đều quanh năm, nhất là vào mùa nắng. Các nhà vườn tạo ra các chủng có cụm hoa hấp dẫn :

IV.B.150.a *Acalypha hispida* Burm. f. var. *alba* Hort.

Cụm hoa dạng bông, màu trắng vàng nhạt.

IV.B.150.b. *Acalypha hispida* Burm. f. var. *ramosa* Hort.

Cụm hoa dạng bông, phân nhánh, màu đỏ tươi.

#### IV.B.151. CÂY THẦN LÀN

*Quassia amara* Linn.

Họ Thanh thất (Simaroubaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta để làm cảnh, làm thuốc. Cây gỗ nhỏ, chỉ cao đến 3 m, dạng bụi. Cành dài mềm. Lá mọc đối dạng 3 lá phụ dính nhau, gốc có cánh dài theo cuống, lúc non gân lá màu đỏ. Cụm hoa mọc thẳng đứng màu đỏ. Hoa nhỏ có cánh vặn xoắn lại, cánh dài và cánh tràng đều màu đỏ. Quả hạch hình trái xoan màu đen, có đốm ở gốc (hình 168).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, dễ uốn tía, nên tạo dáng dễ dàng. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành.

#### IV.B.152. CÂY THIÊN ĐIỀU (Chim trời)

Bird of Paradise Flower, Oiseau de Paradis

*Strelitzia reginae* Banks.

Họ Thiên điều (Strelitziaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Phi, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta để làm cây cảnh ở chậu lớn (chủ yếu là ở Đà Lạt). cây thân cỏ, mọc thành bụi lớn cao trên 1 m, thân rễ mập, khỏe. Lá có cuống dài, mọc sát nhau từ mặt đất. Phiến lá rộng, dạng lá chuối, đầu thon hẹp dần, gốc hơi rộng, màu xanh đậm, bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa cũng trên cuống, mập, thẳng đứng mang hoa tập trung ở đỉnh trong 2 mo lớn xếp úp lên nhau. Khi hoa nở, mọc ra trong khe của mo, mang 8 - 10 hoa lớn, màu vàng cam có một phiến màu xanh lam bóng như mỏ chim, mọc thẳng, hướng lên trên. Các hoa khác lật ra phía sau như mào và đầu chim. Quả ít gặp, hạt đen tròn (Ảnh 198).

Cây được ưa chuộng vì có bụi đẹp, hoa đặc sắc, nở bền. Cây trồng chủ yếu bằng tách bụi với một phần thân rễ có chồi. Cây ưa khí hậu mát lạnh, ẩm ướt và chịu bóng một phần, nên khi trồng cần có giàn che bớt nắng.

IV.B.153. CÂY THƠM ỔI (Ngũ sắc, Cứt lợn)

*Camara commum*, yellow sage

*Lantana camara* L. (*L. aculeata* L.; *L. scabrida* Ait.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Jamaica và các nước châu Mỹ nhiệt đới khác, hiện mọc hoang dại và được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta. Cây mọc khỏe, sống lâu, đâm chồi mạnh, nên được cắt xén làm cây cảnh lùn, tạo dáng đẹp. Cây bụi, thân gỗ. Cành non dài, mềm, có lông và có gai mềm, cong xuống. Lá hình trái xoan, nhọn đầu, gốc hình tim, dày, xanh nhạt, mặt trên phủ lông ngắn, mặt dưới có lông mềm. Cuống ngắn. Cụm hoa dạng tán hình cầu mang nhiều hoa sát nhau. Hoa không có cuống, có cánh hoa dạng ống hẹp màu trắng, vàng cam và đỏ xen lẫn nhau. Quả hạch, vỏ nhẵn hình cầu màu xanh chuyển sang tím đậm (Ảnh 199).

Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, đất xấu, phân bố rất rộng từ vùng ven biển lên núi cao, cho hoa nở quanh năm, cây được trồng bằng hạt hay giâm cành, chồi rễ. Do khả năng nảy mầm khỏe nên được chú ý để lai tạo làm cây cảnh. Hiện nay có thể trồng 1 vài chủng có hoa đặc sắc:

IV.B.153.a. *Lantana camara* L. var. *nivea* Bailey.

Cụm hoa gần tròn, hoa vòng ngoài hơi xanh, hoa ở giữa trắng.

IV.B.153.b. *Lantana camara* L. var. *mutabilis* Bailey.

Cụm hoa hình cầu, hoa có màu sắc thay đổi từ trắng sang vàng nhạt, tím hồng và xanh.

IV.B.153.c. *Lantana camara* L. var. *mista* Bailey.

Cụm hoa ở ngoài màu vàng nhạt sau thành màu đỏ gạch, hoa ở trong màu vàng sau thành màu vàng cam.

IV.B.153.d. *Lantana camara* L. var. *crocea* Bailey.

Hoa lúc mới nở màu vàng tươi sau đổi sang màu đỏ vàng nghệ.

IV.B.153.e. *Lantana camara* L. var. *sanguinea* Bailey.

Hoa mới nở màu vàng nghệ sau đổi sang màu đỏ gạch.

Các nhà làm vườn đã đặt tên theo các màu sắc của hoa như : boule de neige (Hoa trắng); Feu follet (Hoa vàng sau hồng); Incendie (Hoa đỏ); Prince soleil (Hoa vàng kim)...

#### IV.B.154. CÂY THÔNG THIÊN

Yellow oleander, Trumpet - flower

*Thevetia peruviana* (Pers.) Sch. (*Thevetia nereifolia* Juss.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô và các nước Nam châu Mỹ, nay được gây trồng phổ biến ở khắp nước ta, làm cây cảnh trong công viên hay hãm nhỏ làm cây cảnh lùn trong chậu.

Cây gỗ nhỏ cao 2 - 4 m, có nhựa mù trắng, phân cành nhánh nhiều, thấp nên tán rộng và thưa. Lá hẹp hình giải ngắn, màu xanh đậm bóng, nổi rõ một gân giữa, đầu lá nhọn, gốc thuôn thành cuống ngắn. Cụm hoa ở nách lá có ít hoa (thường nở từng chiếc một). Hoa lớn và dài màu vàng tươi. Cuống hoa mềm, thường đưa hoa cong ra ngoài và cánh tràng lớn, mềm xếp vắn đều đặn, loe ở đỉnh. Quả hai đại dính sát nhau thành hình cầu có cạnh. (Ảnh 200)

Cây rất được ưa chuộng vì dáng cây đẹp, hoa nở gần như quanh năm lại có hương thơm. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe, chịu được khô, nắng, cho hoa nở quanh năm làm cây phong cảnh, cây hàng rào được.

#### IV.B.155. CÂY THỤC ĐỊA GỖ

Guacima

*Guazuma ulmifolia* Lam.

Họ Trôm (Sterculiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô). Cây gỗ trung bình, phân cành nhánh nhiều, ngắn, lúc non có lông mịn. Lá hình bầu dục hay thuôn hình giáo, đầu nhọn, gốc hình tim, có lông mịn, ráp. Cụm hoa ngắn ở nách lá, hoa nhỏ màu trắng, hay vàng đậm với phần phụ thẳng đứng màu nâu. Quả hình cầu.

Cây có dáng đẹp, trồng làm cảnh, thường hãm và xén tỉa làm cây cảnh lùn ở chậu.

Có 1 chủng thường được trồng vì mặt lá có lông mềm :

IV.B.155.a. *Guazuma ulmifolia* Lam. var. *tomentosa* H. Schum.

#### IV.B.156. CÂY TRÀ MI

*Camellia*

*Camellia japonica* Nois.

Họ Chè (Theaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, nay được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Âu. Ở Việt Nam đã nhập trồng làm cảnh ở chầu, chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và ngày nay đã ghép lai nhiều dạng hoa có màu sắc đẹp. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, cành nhánh nhiều, dài, xum xuê. Lá mọc cách, nhẵn bóng, màu xanh đậm, mép có răng nhỏ. Hoa đơn độc hay 2 - 3 chiếc ở đầu cành. Cánh hoa chuyển tiếp từ cánh dài đến cánh tràng,



H.169. Trà mi - *Camellia japonica* Nois. var. *flore pleno* Hort.

mềm, xếp sát nhau, từ màu trắng, vàng, hồng đến đỏ. Nhị rất nhiều. Hoa nở vào dịp đầu xuân, có hương thơm. Cây trồng chủ yếu bằng chiết cành (ngày nay đã nuôi cấy mô) đôi khi giâm hom. Cây mọc chậm, đòi hỏi khí hậu mát ẩm, đất tốt, chăm sóc kỹ.

Chúng có hoa đẹp hơn cả là :

IV.B.156.a. *Camellia japonica* Nois. var. *flore - pleno* Hort.

Cánh hoa kép nhiều lớp xếp xoắn ốc. (Hình 169).

#### IV.B.157. CÂY TRÀM BÔNG ĐỎ (Liễu đỏ, Kiều nhụy)

Bottle - Brush.

*Callistemon citrinus* (Curtis) Skeels.

(*Callistemon lanceolatus* Sweet;

*Metrosideros lophanta* Vent.)

Họ Sir (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng rộng rãi ở các

nước nhiệt đới làm cánh do cụm hoa đặc sắc. Cây gỗ nhỏ cao 2 - 4 m, phân cành nhiều, dài, rủ xuống như liễu. Lá hình giáo thuôn đều cả hai đầu, có 3 gân, lúc non có lông, và màu đỏ nhạt. Cụm hoa bông dài, xếp sát nhau dày đặc với chỉ nhị màu đỏ, nổi trên cánh hoa. Quả nang hình chuông, nhỏ. (Ảnh 201)

Cây rất thích hợp trồng ở vườn rộng, nơi công viên, bờ nước, vì hoa đẹp, nở quanh năm. Đối với khu đất hẹp có thể chọn chủng :

IV.B.157.a. *Callistemon lanceolatus* Sweet. var. *sempreflorens* Hort.

Cây thấp lùn nhưng tán rộng cho hoa dày đặc, cụm hoa nhiều.

#### IV.B.158. CÂY TRANG TÂY

*Kopsia fruticosa* AD.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (từ Ấn Độ qua Malaixia đến Philippin). Cây bụi xanh quanh năm, cao 1- 3 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn. Lá hình trái xoan, thuôn hình giáo, đầu có mũi nhọn, gân khá rõ, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng tán nhiều hoa, mọc ra ở đầu cành. Hoa màu hồng tím với cánh tràng hợp thành ống dài hẹp, trên chia 5 thùy thuôn tròn, xếp chồng lên nhau, khi chín xòe rộng. Quả mập, chứa 2 hạt trong 2 đại.

Hoa nở quanh năm rất đẹp, được gây trồng rất rộng rãi trong vườn hay ở bồn hoa (miền Bắc, hoa nở vào mùa thu).

#### IV.B.159. CÂY TRANG NGUYÊN

Easter flower; Christmas flower, Mexican flame leaf.

Euphorbe très élégante

*Poinsettia pulcherrima* (Willd.) Grah.

(*Euphorbia pulcherrima* Willd.)

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây gỗ nhỏ cao trên 1 m, phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, có nhựa mủ trắng. Lá ở thân dạng bầu dục thuôn dài, chia thùy hay có răng rộng, cuống mập, màu xanh đậm, bóng, gân nổi rõ. Lá bao quanh cụm hoa có màu đỏ chói (hoàn toàn đỏ hay chỉ đỏ 1 phần lớn phía góc, phần đỉnh vẫn màu

xanh). Chén hoa màu xanh nhạt, có một tuyến lớn màu vàng. Quả nang tròn. (Ảnh 202)

Cây dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe phân cành nhánh nhiều và chịu được nắng và hạn. Hoa nở quanh năm, các lá có màu rất bền, thường rất ưa chuộng trồng ở nơi công viên rộng và cắt cành để cắm ở chậu xen với các hoa khác. Ở nước ngoài, đây là 1 cây rất phổ biến trong mùa Giáng sinh ở châu Mỹ, và châu Âu vì mùa đông rét, ít có cây màu sắc đẹp, rực rỡ như cây Trạng nguyên.

#### IV.B.160. CÂY TRÚC ĐÀO (Trước đào)

Rose Bay, Oleander, Laurier rose d'Europe

*Nerium oleander* Linn. (*N. lauriforme* Lam.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải, được gây trồng làm cảnh ở khắp châu Âu và châu Á. Ở Việt Nam, cây được gây trồng ở đình chùa, nơi công viên, vườn rộng. Cây gỗ nhỏ, cao 3 - 5 m, có nhựa trắng, cành dài mềm. Lá mọc vòng 3 chiếc, hình mác, dai, cứng, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới nhạt, gân bên mảnh song song, nổi rõ. Cụm hoa dạng xim ở đầu cành, mang nhiều hoa xếp thưa cánh xoắn lúc non, xòe rộng khi nở, màu hồng hay trắng, không thơm. Quả đại 2, dài 15 - 20 cm, nhiều hạt có mào lông.

Cây có dạng thân tán lá và hoa rất hấp dẫn, nở gần quanh năm. Hiện nay các nhà vườn trên thế giới tạo ra rất nhiều chủng :

IV.B.160.a. *Nerium oleander* L. var. *album* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.160.b. *Nerium oleander* L. var. *album - plenum* Hort.

Hoa màu trắng, cánh kép.

IV.B.160.c. *Nerium oleander* L. var. *atropurpureum* Hort.

Hoa màu đỏ thẫm

IV.B.160.d. *Nerium oleander* L. var. *aurantiacum* Hort.

Hoa màu vàng cam đậm ở họng.

IV.B.160.e. *Nerium oleander* L. var. *formosum* Hort.

Hoa có màu hồng, gốc rất nhạt.



*IV.B.160.g. Nerium oleander L. var. luteum Hort.*

Hoa màu vàng.

*IV.B.160.h. Nerium oleander L. var. splendens Hort.*

Hoa màu đỏ có vạch trắng, thơm.

#### **IV.B.161. CÂY TRÚC ĐÀO KÉP**

Sweet - scented oleander, Laurier - rose d'asie

*Nerium odorum Soland. (N. indicum Mill.)*

**Họ Trúc đào (Apocynaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Ba Tư hay Nhật Bản, được gây trồng phổ biến hơn cả ở nước ta. Cây gỗ cao 3 - 5 m, phân cành nhánh nhiều thẳng, tròn hay có cạnh, có nhựa trắng. Lá mọc vòng 3 chiếc, dạng thuôn hẹp hình giải, gân phụ song song, mép gấp xuống. Cụm hoa dạng chùy dày ở đỉnh. Hoa có cánh tràng hợp thành ống, trên loe rộng, họng có 5 - 10 vảy, màu hồng hay trắng rất thơm. Quả đại 2, hạt có mào lông. (Ảnh 203)

Cây cho hoa đẹp, thơm nở quanh năm, rất thích hợp nơi vườn hoa, bãi cỏ rộng, gần các công trình kiến trúc.

Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành. Cây mọc khỏe, chịu được đất xấu, nảy chồi mạnh. Các nhà vườn cũng tạo ra các chủng có hoa từ màu trắng, vàng cam, hồng đỏ, và đỏ có vạch trắng như cây Trúc đào đơn.

#### **IV.B.162. CÂY TÚ CẦU (Bát tiên, Hoa đĩa)**

*Hydrangea, Hortensia*

*Hydrangea opuloides K. Kochia*

*(H. hortensia DC.; H. japonica Hort., H. macrophylla Ser.)*

**Họ Tú cầu (Hydrangeaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt). Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi hay xén tĩa cho có dáng tròn, cao khoảng 1 m, nhẵn. Lá mọc đối, dạng bầu dục rộng, đầu có mũi, mép có răng. Cụm hoa dạng tán dày đặc và lớn, gần tròn, màu trắng, hồng, tím hay pha xanh bao gồm cả hoa hữu thụ và bất thụ. Màu sắc cụm hoa là do hoa bất thụ ở xung quanh có cánh dài lớn xòe rộng. (Ảnh 204)

Cây cho hoa đẹp, lớn, sắc sỡ và khá bền, rất thích hợp trồng ở chậu và bồn hoa, làm cây trang trí trong vườn hay nơi công viên rộng. Hiện nay các nhà vườn đã gây trồng rất nhiều chủng khác nhau để làm cảnh. Sau đây là một vài chủng đặc sắc :

*IV.B.162.a. Hydrangea opuloides* Koch. var. *acuminata* Dipp.

Lá bầu dục thuôn, nhọn. Cánh đài hoa bất thụ hình trái xoan, nguyên, màu xanh.

*IV.B.162.b. Hydrangea opuloides* Koch. var. *belzonii* Schneid.

Cây lùn, lá bầu dục ngược, dày. Cánh đài hoa bất thụ nguyên, gần tròn, màu trắng nhạt, tím nhạt, xanh nhạt.

*IV.B.162.c. Hydrangea opuloides* Koch. var. *japonica* Schneid.

Lá trái xoan hay bầu dục nhọn. Cánh đài hình bầu dục rộng, khía răng, màu tím.

*IV.B.162.d. Hydrangea opuloides* Koch. var. *cyanoclada* Dipp.

Cành nhánh màu tím, đen. Lá trái xoan, bầu dục. Cụm hoa lớn. Cánh đài màu tím hồng hay xanh nhạt.

*IV.B.162.e. Hydrangea opuloides* Koch. var. *fimbriata* Dipp.

Cụm hoa dày, hoa hoàn toàn bất thụ, cánh đài có tua viền, màu trắng, tím ở gốc.

*IV.B.162.g. Hydrangea opuloides* Koch. var. *rubro-plena* Dipp.

Cụm hoa dày, hoa hoàn toàn bất thụ. Cánh đài chuyển màu từ tím nhạt đến đỏ.

*IV.B.162.h. Hydrangea opuloides* Koch. var. *variegata* Hort.

Lá có mép trắng.

*IV.B.162.i. Hydrangea opuloides* Koch. var. *tricolor* Hort.

Lá có mép vàng và trắng.

*IV.B.162.k. Hydrangea opuloides* Koch. var. *roseo-marginata* Hort.

Lá có mép tím và đốm trắng ở giữa.

#### IV.B.163. CÂY TỬ TIÊU (Lan tiêu, Hàm tiêu)

*Michelia figo* (Lour.) Spreng

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng từ rất lâu đời ở các tỉnh miền Bắc nước ta làm cây cảnh ở chậu bầy trong vườn hay nơi đình chùa. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành nhánh màu xanh bóng đậm, mặt dưới có lông thưa (nhất là lá non). Hoa khá lớn đường kính 4 - 5 cm, mọc đơn độc ở nách lá, gồm nhiều cánh hoa màu xanh vàng nhạt điểm các đốm màu nâu tía, rất thơm. Rất hiếm gặp quả (Ảnh 205).

Cây ưa khí hậu mát ẩm, đất tốt, chăm sóc kỹ, nhân giống chủ yếu bằng chiết hay giâm cành. Chọn cành bánh tẻ rồi chiết, bó kỹ giữ đủ ẩm. Sau 1 năm, khi rễ đủ dài mới cắt cành chiết đem trồng riêng ở chậu.

#### IV.B.164. CÂY TƯỜNG VI (Tử vi tàu, Bá tử kinh)

*Rose of India, crape Myrtle*

*Lagerstroemia indica* Linn. (*L. chinensis* Lam.)

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng được trồng làm cảnh rất rộng rãi ở Ấn Độ và nhiều nước nhiệt đới khác. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, cành non có 4 cạnh, nhẵn, màu nâu trắng. Lá mọc gần đối, hình trái xoan ngược thuôn, gần như không có cuống, màu xanh pha tím, mép nguyên, rần reo. Cụm hoa hình chùy ở đầu cành. Nụ hoa hình cầu. Hoa lớn trung bình màu tím hay tím hồng, đôi khi gần trắng với cánh hoa có móng dài, phiến mảnh nhăn nheo. Nhị nhiều. Quả nang hình cầu, ngoài có cánh dài bao bọc. Hạt có cánh (Ảnh 206).

Cây dễ trồng, ưa khí hậu mát ẩm (chủ yếu trồng ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung nước ta). Cây được trồng bằng hạt. Ươm gieo như các cây thân gỗ khác, nhưng cũng có thể nhân giống bằng giâm cành. Cây ra hoa sau 2 - 3 năm, và hoa nở tập trung vào mùa hè - thu.

*Lagers. indica* var. *latifolia* Kochne. Lá rộng

*Lagers. indica* var. *angustifolia* Kochne. Lá hẹp

#### IV.B.165. CÂY VÀNG ANH

*Saraca indica* Linn.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ, Malaixia. Cây gỗ nhỏ cao 5 - 10 m, cành nhánh nhiều làm thành tán dày, gần tròn. Lá kép lông chim chẵn với 6 - 12 lá phụ thuôn hình giáo, nguyên, mềm màu xanh bóng. Lá non thường hơi tím, xếp lại và buông thõng xuống. Cụm hoa chùy dày đặc dạng cầu có cuống chung mập. Hoa màu vàng tươi ken chặt nhau, để lộ các nhị đực dài thò ra ngoài, thơm. Quả đậu, dẹt, hóa gỗ, mở 2 mảnh xoắn lại, có 4 - 8 hạt (Ảnh 207).

Cây làm cảnh đẹp vì chùm hoa lớn, nở rộ sắc sỡ, rất thích hợp trồng ở vườn rộng, nơi công viên hay dọc lối đi.

Ở các tỉnh phía Bắc còn trồng 1 loài khác khá giống loài trên.

IV.B.165.a. *Saraca dives* Pierre

Cây có lá phụ khá lớn. Cụm hoa thưa hơn, dạng ngù, hoa màu vàng.

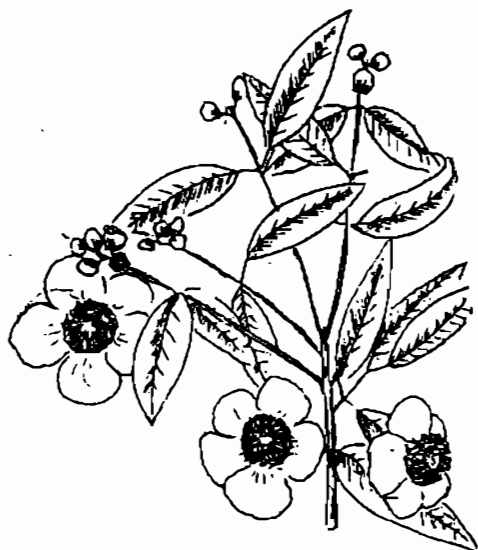
#### IV.B.166. CÂY VẤP

Ironwood, *Mesua*, Bois d'Anis

*Mesua ferrea* L.

Họ Bứa (Clusiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới: Srilanca, Ấn Độ, Malaixia. Ở Việt nam cây mọc dại ở rừng miền Nam nước ta, nhưng cũng được gây trồng làm cây phong cảnh nơi đền chùa trong cả nước, vì cây đẹp, gỗ tốt, cho hoa lớn đặc sắc có hương thơm (Hình 170).



H.170. Vấp - *Mesua ferrea* L.

#### IV.B.167. CÂY VÒNG NEM

Coral tree

*Erythrina orientalis* (L.) Merr. (*E. variegata* L.; *E. picta* L.; *E. carnea* Blanco, *E. indica* Lamk.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Polynési, nhưng mọc hoang dại rải rác ở các tỉnh miền Nam nước ta. Hiện nay cây được gây trồng khắp cả nước làm cây cảnh, cây hàng rào. Cây gỗ trung bình, có gai ngắn, vỏ non màu xanh sau chuyển sang màu nâu dày, xốp. Cành nhỏ thẳng, khẳng khiu mang lá tập trung ở gần đỉnh. Lá có 3 lá phụ dạng bầu dục gần tròn hay hình tam giác lệch, lá phụ cuối cùng lớn hơn cả, màu lục bóng, nhăn, rụng vào mùa mưa. Cụm hoa dạng chùy dày mang nhiều hoa màu đỏ chói sặc nhau. Hoa lớn, dài 3 cm, lúc non cong dạng liềm với cánh tràng lớn có 1 cánh cờ dạng trái xoan thuôn rộng, cuộn lại. Nhị hợp lại thành bó dài. Quả dài 25 cm màu đen, nhăn, thắt lại ở hạt. Hạt 5 - 8, hình thận, đỏ hay nâu (Ảnh 208).

Hoa nở rộ vào lúc lá rụng nên cây trơ cành nhánh vừa có màu đỏ làm cây phong cảnh nơi bồn rộng, bãi cỏ hay ven đường rất thích hợp. Có vài chủng làm cảnh, đặc sắc là :

IV.B.167.a. *Erythrina orientalis* Merr. var. *picta* Hort.

Cây có lá vằn, vạch.

IV.B.167.b. *Erythrina orientalis* Merr. var. *parcellii* Hort.

Cây có màu vàng, hoa màu đỏ nâu.

IV.B.167.c. *Erythrina orientalis* Merr. var. *alba* Hort.

Cây có hoa trắng.



H.171. Bí đợc - *Kigelia pinnata* DC.

## V. NHÓM CÂY CÓ QUẢ LÀM CẢNH

### V.1. CÂY BÍ ĐẶC (Xúc xích)

Fetish - tree, Sausage - tree

*Kigelia africana* (Lam.) Benth. (*Kigelia pinnata* Jacq. DC.)

Họ Đinh (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mozambic (châu Phi) được gây trồng lấy bóng mát và làm cảnh do có dáng quả đặc sắc. Ở Việt Nam, có gây trồng ở vườn Bách Thảo - Hà Nội.

Cây gỗ lớn, cao 10 - 20 m, cành nhánh nhiều, tán dày màu xanh đậm. Lá kép lông chim 3 lần, mọc đối, có 7 - 9 lá nhỏ dạng thuôn trái xoan hay bầu dục, màu xanh bóng, mép nguyên, nhẵn ở mặt trên, hơi có lông ở mặt dưới. Cụm hoa ở đỉnh cành, mang ít hoa, lớn, màu tối. Hoa có cánh tràng làm thành hình phễu lớn, trên chia 2 môi màu đỏ vàng. Quả thịt, thuôn dài, tròn ở đỉnh và gốc, nguyên hay hơi thắt dẹt, bông thông trong không khí với cuống quả dài treo lơ lửng. Vỏ quả màu nâu, tồn tại bền trên cây. Hạt lớn, xếp nối tiếp nhau. (Hình 171)

Cây có dáng đẹp làm cây phong cảnh đặc sắc, nhất là khi có quả.

### V.2. CÂY BƯỞI

Shaddock, Pumelo, Grapefruit; Pamp - le - mousse

*Citrus grandis* (L.) Osbeck

### V.3. CÂY CAM

Orange tree, Oranger

*Citrus sinensis* (L.) Osbeck.

### V.4. CÂY THANH YÊN

Citron

*Citrus medica* L.

Họ Cam (Rutaceae)

Là những cây trồng lấy quả, nhưng vào dịp tết Nguyên đán những năm gần đây cũng được chiết cành bán làm cây cảnh.

## V.5. CÂY CÀ CẢNH (Cà đỏ)

Chinese scarlet, egg plant, ornamental egg plant,  
Ethiopian egg plant

*Solanum integrifolium* Poir.

(*S. coccineum* Hort.; *S. lobelii* Tenore)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi, đã được gây trồng rộng rãi từ lâu đời ở các nước nhiệt đới khác. Cây thân cỏ mọc thành bụi nhỏ, sống hàng năm, cao 0 - 60 cm, cành nhánh nhiều, có lông và có gai mập, nhọn. Lá đơn, mọc cách, phiến hình trái xoan rộng, gốc gân tròn, đầu thuôn, chia thùy tròn dạng lông chim và có răng thưa, màu xanh xám có gai nhọn trên gân giữa và trên cuống, cuống dài. Cụm hoa ngắn, ít hoa mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ màu trắng. Quả gần hình cầu có múi tròn, thưa không rõ gốc, dẹt, màu đỏ tươi hay vàng, khá hấp dẫn. (Hình 172)



H.172. Cà cảnh - *Solanum integrifolium* Poir.

Cây trồng làm cảnh chủ yếu bằng màu sắc của quả.

## V.6. CÂY CÀ CẢNH MỸ

Slender vine, Morelle de Seaforth.

*Solanum seaforthianum* Andr.

(*S. kerrii* Bon., *S. azureum* Hort.; *S. venustum* Kunth.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi leo hay sống dựa, nhẵn, thân tròn, dài đến hàng thước, gốc hóa gỗ, cành nhánh mềm. Lá mọc dày đặc, có cuống dài và chia thùy dạng kép lông chim (thường có 3 lá nhỏ), lá nhỏ không đều, nguyên hay chia thùy, hình giáo hay bầu dục dài.

Cụm hoa ở đầu cành dạng chùy dài cong xuống có nhiều hoa. Hoa lớn màu tím nhạt hay xanh gốc có họng trắng với cánh tràng thành ống hẹp trên có 5 thùy lớn, dài, lật ra phía sau. Nhị 5, lớn màu vàng tươi, chụm lại ở đỉnh. Quả mọng, tròn, lớn, nhẵn màu vàng cam và đỏ tươi.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt, làm giàn leo thưa để uốn cành theo các dạng khác nhau. Quả chín nổi bật trên đám lá xanh. Cây làm cảnh bằng quả vào dịp đầu xuân.

Có thể chọn 1 chủng.

V.6.a. *Solanum seaforthianum* Andr. var. *album* Hort.

Hoa màu trắng.

#### V.7. CÂY CÀ CHUA CẢNH (Cà kiu trứng)

Pear, Plum tomato

*Lycopersicum esculentum* (Linn.) Mill. var. *pyriforme* Alef.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ, được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới để lấy quả. Nhưng do quả có dáng đẹp, màu đỏ tươi nên cũng được làm cảnh vào dịp Tết Nguyên đán.

Cây thân cỏ phân cành nhiều, có lông trắng thưa, thẳng. Lá phân thành dạng kép không đều, màu trắng xanh, có lông thưa. Cụm hoa dạng tán thưa, mọc ra ở nách lá. Quả mọng thuôn tròn dài, dạng trứng, màu đỏ tươi, nhẵn bóng, nhiều hạt. (Ảnh 209)

Cành nhánh dài có thể uốn thành dạng hình cầu hay làm giàn nhỏ để quả mọc tập trung đỏ rực trên đám lá xanh.

#### V.8. CÂY CÀ KIU CẢNH (Tô mách chim)

Cherry tomato

*Lycopersicum esculentum* (Linn.) Mill. var. *cerasiforme* Hort. (*L. cerasiforme* Dunal)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ và châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ mềm, phân cành nhánh nhiều mang nhiều lá, cong rủ xuống hay



sống dựa, có lông trắng. Lá mọc cách, lớn dạng kéo lông chim với các lá nhỏ không đều nhau, lớn nhỏ xen kẽ, mềm, màu xanh nhạt. Cụm hoa dạng chùm, dài 4 - 8 cm, mang hoa thưa màu tím nhạt. Quả mọng, tròn hình cầu màu đỏ tươi hay đỏ cam, lớn 1 - 2 cm, có 2 ô, nhiều hạt.

## V.9. CÂY CÀ ỚT

Jerusalem cherry, Cerisier de jerusalem, Cerisier d'amour;  
Oranger des savetiers

*Solanum pseudo - capsicum* Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở cực lục địa nay phân bố rất rộng rãi ở các vùng nhiệt đới và á nhiệt đới cả hai bán cầu. Cây mọc thành bụi thưa, phân cành nhỏ, cao 30 - 80 cm, cành tròn, nhẵn, mọc thẳng. Lá hình giáo hẹp, thuôn tròn ở đỉnh, hẹp dần ở gốc thành cánh trên cuống, mép nguyên, hơi gợn sóng, mặt trên màu xanh bóng. Hoa đơn độc hay 3 chiếc hợp thành tán nhỏ, đối diện với lá. Hoa nhỏ bé, màu trắng hay xanh nhạt, với cánh tràng hợp thành ống ngắn, chia 5 thùy dài, thuôn, xòe rộng ra. Nhị 5, chụm lại ở bao phấn thành ống nhọn. Quả tròn, nhẵn, màu vàng cam hay đỏ tươi, gốc có đài còn lại và quả rất bền trên cây. Hạt có cánh. (Hình 173)

Cây dễ mọc, dễ chăm sóc. Cây được trồng chủ yếu bằng hạt, nơi khí hậu mát, ẩm. Nếu trồng ở chậu nhỏ, làm cây cảnh lùn bày trong nhà vào dịp đầu xuân có thể chọn chủng :

V.9.a. *Solanum pseudo - capsicum* L. var. *nanum* Hort.



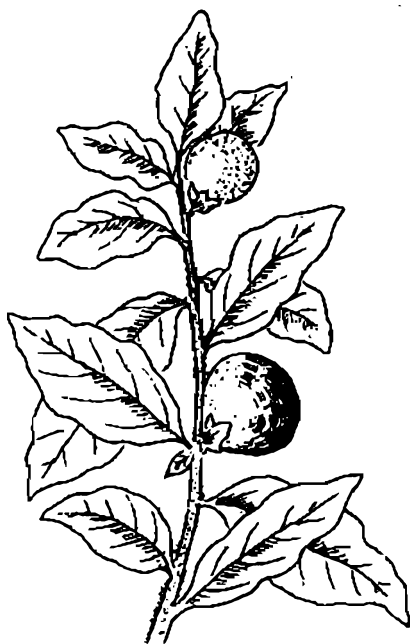
H.173. Cà ớt - *Solanum pseudo capsicum* L.

## V.10. CÂY CÀ ỚT LÔNG

*Solanum capsicastrum* Link.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil và Uruguay, được trồng làm cảnh bằng quả ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi nhỏ, thân cỏ. như cây cà ớt, nhưng chỉ cao 30 - 50 cm, thân, cành và chồi có lông hình sao. Lá đơn, dạng bầu dục thuôn dài, gốc kéo dài theo cuống, tù ở đỉnh, mép nguyên và răn reo, mặt trên lá màu xanh bóng, đôi khi có lông, mặt dưới màu nhạt hơn. Hoa mọc thành tán nhỏ, mang 1 - 3 hoa. Hoa nhỏ màu trắng. Quả tròn, đường kính 1 - 2 cm, màu đỏ cam hay đỏ tươi, mau rụng (Hình 174)



H.174. Cà ớt lông - *Solanum capsicastrum* Link.

Để làm cảnh, có thể chọn các chủng :

V.10.a. *Solanum capsicastrum* Link. var. *melvinii* Hort.

Cây mọc rậm rạp hơn, quả dạng bầu dục.

V.10.b. *Solanum capsicastrum* Link. var. *variegatum* Hort.

Lá có vân trắng.

## V.11. CÂY CÀ VÚ

*Solanum mammosum* Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, gây trồng làm cảnh vì có dạng quả đẹp, mặc dù có chất độc. Cây thân cỏ, cứng, mọc thẳng, phân cành nhánh dài có lông và có gai. Cây cao 1 - 2 m,

lá hình bầu dục rộng, tròn hay tù ở gốc, đầu thuôn hẹp, mép chia thùy và có răng không đều, mặt lá có lông mịn và gai thưa, nhọn, thẳng đứng. Cuống lá dài, cứng, có lông. Cụm hoa ngắn có 1 - 6 hoa ở nách lá. Hoa trắng, hẹp, có lông và cánh tràng hợp ngắn ở gốc, trên chia thùy dài, hẹp, uốn cong ra. Quả mập lớn, buồng rủ xương, dài 4 - 10 cm, màu vàng, nhẵn bóng, thuôn dài và tròn ở đỉnh, phình rộng ở gốc và nổi lên nhiều u tròn ở gần cuống (Ảnh 210)

Cây cho quả chín vào đầu xuân, nên được trồng làm cảnh ở các chạu. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.



H.175. *Cơm cháy thơm* -  
*Sambucus canadensis* L.

## V.12. CÂY CƠM CHÁY

Elder, Sureau

*Sambucus simpsonii* Rehder (*S. eberhardtii* Dang.)

Họ Cơm cháy (Caprifoliaceae)

Cây mọc hoang dại từ Bắc vào vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, nơi ẩm mát và nhiều nắng. Hoa nở quanh năm.

Để trồng làm cảnh, ở vùng núi cao Nam Trung Bộ thường trồng 1 loài khác là :

### V.12A. CÂY CƠM CHÁY THƠM (Cơm cháy mỹ)

American or Sweet elder

*Sambucus canadensis* Linn.

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, cho cụm hoa lớn, che kín cả đầu cành. Hoa nhỏ thơm và quả chín rất lâu rụng. Cây trồng nơi hàng rào, bờ tường, ven lối đi vừa làm cảnh bằng quả, vừa cho hoa nở quanh năm (Hình 175). Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành.

### V.13. CÂY ĐA ĐA

**Krassang**

***Feroniella oblata* Swingle**

**Họ Cam (Rutaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Dương (Campuchia, Nam Việt Nam). Cây gỗ nhỏ, có gai. Lá kép lông chim lẻ, với 3 - 4 đôi lá phụ có lông tơ trắng, cuống rất ngắn. Cụm hoa dạng chùy mang rất nhiều hoa. Hoa trắng, rất thơm với 4 - 5 cánh hoa, nhiều nhị đực. Hoa nở rộ, khá đẹp và hấp dẫn. Quả hình cầu dẹt (Hình 176)

Cây trồng làm cảnh do hoa thơm, nhưng cũng làm cảnh bằng quả.



H.176. Đa đa - *Feroniella oblata* Swingle

### V.14. CÂY ĐA ĐA BÓNG (Cần thăng)

**Kavista Batu**

***Feroniella lucida* (Scheff.) Swingle**

**(*Feronia lucida* Scheff.)**

**Họ Cam (Rutaceae)**

Cây gỗ nhỏ cao đến 25 m, có gai, cành có lông, lớn xanh bóng. Lá kép lông chim với 3 - 6 đôi lá phụ. Cụm hoa ở nách lá. Hoa màu xanh lúc non sau trắng nhạt, thơm. Quả hình cầu dẹt màu vàng nâu, vỏ dày, ăn được.

Cây dễ trồng làm Bonsai đẹp, dễ uốn cắt, tỉa.

### V.15. CÂY ĐÀO TIÊN

**Calabash tree, Calabassier**

***Crescentia cujete* Linn.**

**Họ Đinh (Bignoniaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng khá phổ biến làm cây cảnh ở vườn, trong công viên, nơi đình chùa ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, nhẵn, lá mọc chụm đầu cành,

dạng thườn hình giáo, gốc kéo dài ở cuống, đầu lá rộng, màu xanh đậm, bóng cứng, tán lá dày tối. Hoa mọc đơn độc ở đầu cành hay kẽ lá, bông thông xuống, với cánh tràng màu xám, gốc màu đỏ tía, điểm các mụn nhỏ (Hình 177) hợp thành ống loe ở đỉnh trên chia 2 môi. Quả lớn hình cầu đường kính đến 20 cm, vỏ cứng, bón, nhiều hạt. Cây có quả đẹp, lâu héo nên làm cảnh hay bày mâm ngũ quả. Quả sau khi hái để lâu cả vài năm, chỉ đổi màu sang nâu bóng và khô.



H.177. Đào tiên -  
*Crescentia cujete* L.

## V.16. CÂY HẢI CHÂU

*Scolopia buxifolia* Gagnep.

Họ Mùng quân (Flacourtiaceae)

Cây mọc tự nhiên trong rừng khô, thưa ven biển miền Trung nước ta. Cây thân gỗ dạng bụi cao 2 - 6 m, có gai. Cành nhiều, khẳng khiu. Lá dày dạng trái xoan ngược, màu xanh bóng, lúc non màu hồng tím nhạt. Cụm hoa nhỏ, hoa màu trắng vàng. Quả hình cầu, màu đỏ, bền, rất đẹp.

Cây trồng ở chậu làm Bonsai cho quả hấp dẫn.

## V.17. CÂY KHẾ

Carambola, Carambolier, Pommier de Goa

*Averrhoa carambola* Linn.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây trồng chủ yếu lấy quả, nhưng quả đẹp mọc ngay ra trên cành già và rất sai, nên các nhà vườn đã hăm làm cây uốn thế trồng ở chậu, cây nhỏ, thấp nhưng trĩu quả lớn.

Để làm cảnh, cây Bonsai, các nhà vườn thường sử dụng 1 loài khác là :

Cây khế tàu. Cucumber tree, Bilimbi.

Cây có nguồn gốc từ Malaysia đến Indonesia.

## V.18. CÂY KHÙ KHỞI (Kỳ tử, Cầu khởi)

Box - thorn, Matrimony - vine

*Lycium chinensis* Mill.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây bụi nhỏ, cành rất dài mềm, mọc cong xuống, màu xám vàng đôi khi có gai ngắn mọc ở kẽ lá. Lá mọc cách gần như vòng, màu xanh bóng, hình thoi - trái xoan, mép nguyên. Hoa nhỏ mọc ra từ kẽ lá, màu tím đỏ. Quả hình trứng thuôn tròn, màu đỏ sẫm hay đỏ cam, bóng, nhăn, hạt nhiều, dẹt (Ảnh 211).

Hoa nở vào mùa thu (tháng 8 - 9) và quả chín vào mùa đông (tháng 10 - 11), nhưng các nhà vườn đều ép để cây sai quả vào mùa xuân, làm cây cảnh ở chậu bày dịp tết. Quả rất lâu rụng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành. Gieo hạt vào mùa hạ. Sau 1 tuần, hạt nẩy mầm, đem bứng trồng ở chậu hay ở vườn. Cây trồng 2 - 3 năm, xén tỉa uốn làm cây cảnh cho quả chín trong nhiều năm.

Có thể trồng các chủng đặc sắc là :

V.18.a. *Lycium chinense* Mill. var. *ovatum* Schneid.

Cây có quả lớn hơn, rất tù ở đỉnh

V.18.b. *Lycium chinense* Mill. var. *inerme* Schnelle

Cây không có gai.

## V.19. CÂY KIM QUẤT (Kim quýt)

Lime - Berry, Kumquat, Lemon china

*Triphasia trifolia* P. Wilson (*Limonia trifolia* Burm, *T. aurantiola* Lour., *T. trifoliata* DC.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Đông Nam châu Á (Mianma, Ấn Độ) được gây trồng làm cảnh ở các bồn, chậu và hãm thành cây cảnh lùn rất đẹp. Cây mọc bụi có gai nhọn hướng lên phía trên. Lá mọc cách, kép 3 lá. Hoa đơn độc hay tập hợp 2 - 3 chiếc ở nách lá, màu trắng, thơm. Cánh hoa dài có lông. Quả tròn bằng đầu ngón tay út, màu đỏ, 1 hạt (Ảnh 212).

Cây mọc khỏe, dễ uốn, tạo dáng. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo trong vườn, sau trồng ở chậu để tạo dáng.

#### V.20. CÂY LU LU CẢNH (Thù lù lông, Lồng đèn)

Cape Gooseberry, Peruvian cherry, Amour en cage, Coqueret de Perou, Alkekenge de Perou, Cerise d'hiver.

*Physalis peruviana* Linn. (*P. edulis* Sims.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước nhiệt đới châu Mỹ (Pêru) trồng ở nhiều nước làm cảnh hay lấy quả (đôi khi mọc dại ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam). Cây thân cỏ cao gần 1 m, phân cành nhánh dài, mềm, gãy khúc, phủ đầy lông. Lá hình tam giác rộng, và gần hay hình tim ở gốc, đầu thuôn nhọn, phiến lá nguyên hay phân thùy nông, không đều, nhiều lông. Hoa đơn độc ở nách lá. Cánh đài hợp hình chuông, xẻ 5 thùy sâu ở đỉnh, hình mũi nhọn. Cánh tràng màu vàng, gốc màu tím, cũng hợp ở gốc hình chuông, trên chia 5 thùy ngắn. Nhị màu tím. Quả mỏng, hình cầu màu vàng, nhăn, đường kính 1 - 1,5 cm, cánh đài lớn theo quả và bọc kín ở ngoài. Hạt dẹt màu vàng (Hình 178). Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ưa khí hậu mát, ẩm, ít phải chăm sóc, cho quả gần quanh năm, làm cảnh ở chậu rất thích hợp.



H.178. Lu lu cảnh -  
*Physalis peruviana* L.

#### V.21. CÂY LU LU ĐỎ (Đèn lồng tàu)

Chinese lantern plant, Lanterne chinoise,  
Coqueret, Amour en cage

*Physalis franchetii* Mast.

(*P. alkekengi* Linn. var. *franchetii* Hort.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, gây trồng rộng rãi ở các nước

châu Á và châu Mỹ, nơi có khí hậu mát, ẩm. Cây thân cỏ mọc thành bụi, phân cành dài, mềm, gãy khúc, nhẵn, cao khoảng 1 m, lá mọc cách, hình trái xoan, gốc có cuống ngắn, mép rần reo, chia thùy không rõ. Cụm hoa ngắn, mang ít hoa. Hoa nhỏ, màu trắng, bao phấn màu vàng. Quả tròn, nhẵn bóng, màu đỏ cam, có cánh dài lớn, bọc trùm ra ngoài, như đèn lồng.

Cây có quả đẹp, chín rộ vào mùa xuân nên làm cây cảnh trồng ở chậu rất thích hợp, nhất là bày trong phòng.

## V.22. CÂY LỰU

Pomegranate, Grenade, Grenadier commun

*Punica granatum* Linn.

Họ Lựu (Punicaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ba Tư, Afghanistan đến Ấn Độ. Cây được gây trồng rộng rãi cho cả hoa, quả và ăn được. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh từ gốc thành bụi dày, cành non dài-dài, vươn cao, tiết diện vuông, màu trắng hay đỏ. Lá mọc đối, dạng thuôn tù, nguyên, nhẵn, bóng, màu xanh pha tía, cuống đỏ. Hoa đơn độc mọc ra ở nách lá, cuống dài. Cánh dài hợp ở gốc trên chia thùy, dày, màu đỏ tía. Cánh tràng mềm, nhẵn nheo, màu đỏ thắm tươi. Nhị nhiều, gắn trên ống dài. Quả lớn, tròn, vỏ cứng, dày bóng có đài còn lại ở đỉnh, nhiều hạt đỏ, thơm (Hình 179).



H.179. Lựu - *Punica granatum* L.

Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây làm cảnh đẹp vì quả tồn tại lâu trên cành, từ màu xanh chuyển sang đỏ nâu, buồng thông xuống. Hoa nở rộ vào mùa hạ còn quả có quanh năm, rất



thích hợp trồng ở chậu lớn.

Hiện nay để trồng làm cảnh, các nhà vườn đã tạo ra vài chủng đặc sắc :

V.22.a. *Punica granatum* L. var. *nana* Hort. (*P. nana* Linn.)  
(Dwarf. Pomegranate).

Cây lùn, lá nhỏ, quả đỏ tươi.

V.22.b. *Punica granatum* L. var. *legrellei* Hort.

Hoa có cánh tràng kép, làm cảnh cả hoa lẫn quả.

### V.23. CÂY ỚT

**Piment à fruit rond, Cayenne pepper**

***Capsicum annuum* Linn. (*C. frutescens* L., *C. baccatum* L.)**

**Họ Cà (Solanaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil), được gây trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây gia vị và do quả đẹp, nở rộ, màu tươi nên cũng làm cảnh. Để làm cảnh bằng quả, có thể trồng các chủng :

V.23.a. *Capsicum annuum* L. var. *conoides* Irish  
(*C. conoides* Mill.) (Cone pepper, Tabasco)

Quả hình chùy thẳng đứng cao 2 - 4 cm, màu tím.

V.23.b. *Capsicum annuum* L. var. *fasciculatum* Irish.  
(*C. fasciculatum* Sturt.) (Red cluster pepper)

Quả thuôn nhọn ở đỉnh, thẳng đứng, màu đỏ thẫm, bóng. (Ảnh 213)

V.23.c. *Capsicum annuum* L. var. *acuminatum* Fingh.  
(*C. chilense* Hort.) (Fing Chilies)

Quả thuôn, rộng ở gốc, dài 7 - 10 cm, cong và bông thõng.

V.23.d. *Capsicum annuum* L. var. *longum* Sendt.  
(*C. longum* DC.) (long pepper)

Quả rất dài thuôn, bông thõng xuống, màu vàng.

V.23.e. *Capsicum annuum* L. var. *grossum* Sendt.  
(*C. grossum* Linn.) (Bell pepper, Sweet pepper, Poivron)

Quả to, nhăn nheo, màu đỏ hay vàng, thơm, không cay (Ảnh 213)

V.23.g. *Capsicum annuum* L. var. *abbreviatum* Fingh.  
(*C. umbilicatum* Vell.; *C. luterum* Lam.)

Quả thuôn bầu dục, răn reo nhiều, màu đỏ hay vàng bóng.

V.23.h. *Capsicum annuum* L. var. *cerasiforme* Irish.  
(*C. cerasiforme* Mill.) (Cherry pepper)

Quả tròn, đứng hay buông thõng xuống, màu đỏ.

Hiện nay ở miền Nam, các nhà vườn trồng chủng cho quả đẹp vào dịp tết Nguyên đán (*Capsicum annuum* L. var. *Ruby king*) (Ảnh 214).

## V.24. CÂY ỚT TÀU

Papaya chili, Tabanero

*Capsicum chinensis* L.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Honduras (châu Mỹ). Cây mọc bụi, cao 50 cm, nhiều cành có đốt, gãy khúc. Lá mọc cách, thuôn bầu dục, mép răn reo. Hoa nhỏ ở nách lá. Quả buông rủ xuống, dạng trái lê có múi tròn màu xanh chuyển sang đỏ tươi khi chín.

Cây đẹp, làm cảnh dịp tết Nguyên Đán.

## V.25. CÂY PHẬT THỦ

Foshu Kan, Bushukan, Main de Bouddha, Fingered citron

*Citrus medica* Linn. var. *sarcodactylis* (Sieb.) Swingle.

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh, lấy quả bày dịp tết. Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 5 m, phân cành ít, có gai ngắn. Lá dạng trái xoan tròn, cuống lá dài 4 - 7 cm, tròn. Cụm hoa ít hoa. Hoa có cánh tràng dày màu trắng ở mặt trong, màu hồng tím ở mặt ngoài. Quả màu vàng, thuôn tròn dài, vỏ dày, trên đỉnh có nhiều ngón cong queo, cuộn vào trong. Hạt có mầm trắng. Quả rất thơm (Ảnh 215).

Cây có hoa vào tháng 8 - 10 và cho quả vào dịp Tết Nguyên đán. Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cành chiết chóng có quả và được trồng ở chậu bày trong nhà. Quả rất lâu héo và đáng đặc sắc. Cây được trồng làm cảnh nhiều ở vườn, nơi đình chùa, khi có quả, cất bày ở mâm ngũ quả.

#### V.26. CÂY QUẤT (Tắc, Hạnh)

Marumi, Kumquat, Kumquat rond, Clémentine

*Citrus microcarpa* (Hassk.) Bunge

(*C. japonica* Thunb., *Fortunella japonica* Swingle)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được trồng rộng rãi làm cây cảnh đẹp trong dịp tết Nguyên đán ở nhiều nước châu Á. cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều có thể cắt tỉa và uốn ghép thành, tán dày tròn, nhẵn, thường không có gai (hoặc gai nhỏ ngắn mọc đứng). Lá hình trái xoan hay tròn dài, hình nêm ở gốc, thu hẹp ở đỉnh nguyên hay hơi lõm. Cuống lá có cánh rất nhỏ hay gần hình trụ. Hoa mọc đơn độc, màu trắng. Nhị nhiều dính nhau ở gốc và ngắn hơn cánh hoa. Quả hình cầu hay gần hình trứng, màu xanh chuyển vàng cam bóng, vỏ quả dày (Ảnh 216).

Cây cho quả chín rộ, chùm lên che kín tán cây nên làm cảnh đẹp. Cây trồng được chăm sóc cẩn thận vì hãm cây cho quả chín vào đúng dịp tết (thường cho hoa quả quanh năm), bằng cách cắt bớt rễ khi có hoa (đào quất). Để làm cảnh, có thể chọn các chủng :

V.26.a. *Citrus microcarpa* Bunge var. *vagami* Hort.

Quả hơi thuôn dài, màu vàng cam đậm.

V.26.b. *Citrus microcarpa* Bunge var. *newa* Hort.

Quả tròn, màu cam vàng đậm.

V.26.c. *Citrus microcarpa* Bunge var. *marumi* Hort.

Quả tròn, màu cam đậm.

#### V.27. CÂY ROI ẤN ĐỘ (Trâm sơ ri)

Pitanga, Surinam cherry, Cersier de cayenne

*Syzigium michelii* (Lamk.) Tranh. nom. nov.

(*Eugenia michelii* Lamk.; *E. uniflora* Bing. - Th.)

### Họ Sim (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh trong chậu và ở vườn, nơi công viên vì có dáng cây và quả đẹp. Cây bụi, cao 4 - 5 m, nhẵn, phân cành dài. Lá dạng trái xoan dài, tù ở gốc gần như không cuống, đầu thuôn nhọn, nhẵn, xanh bóng. Hoa trên cuống dài, mịn, có cánh dài hình chén nhỏ và cánh tràng màu trắng mềm. Nhị nhiều, màu vàng. Quả mọng, hình cầu có 8 múi tròn giống như quả cà chua nhỏ, đường kính 1 - 2 cm.

Cây trồng làm cảnh cả cây khi có quả chín rộ. Cây trồng bằng hạt hay chiết. Cây ưa khí hậu mát, lạnh, ẩm nhưng đủ nắng. Trồng ở chậu tạo dáng thành cây lùn rất đẹp.

### V.28. CÂY SƠN THÙ DU NHẬT (Kiba)

Japanese Laurel ,

*Aucuba japonica* Thunb.

Họ Sơn thù du (Cornaceae)

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya đến Nhật Bản. Ở Việt Nam, cây có mọc vùng núi cao Việt Bắc (Lang Sơn). Cây gỗ nhỏ, nhẵn. Lá mọc đối hay tập trung ở đỉnh dạng bầu dục, mép có răng thưa, to. Cụm hoa thưa ở đỉnh cành. Hoa màu xanh nhạt đơn tính. Quả mọng dạng trái xoan dài 1 - 2 cm, màu đỏ tươi khi chín.

Cây mọc nơi lạnh ẩm, làm cảnh khi có quả chín rộ. Có chùng làm cảnh bằng lá là :

- *Aucuba japonica* var. *variegata* Hort. (Gold dust Tree).

Lá xanh có đốm trắng.

### V.29. CÂY SUNG

*Ficus racemosa* Linn.

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, gây trồng để giữ đất ven bờ nước, lấy quả ăn nhưng do mọc khỏe, quả rất sai và bền trên thân và cành già, nên được trồng làm cảnh (nhân dân cho rằng trồng cây này, trong nhà luôn sung túc, đủ ăn). Hiện nay trồng thành cây cảnh lùn, cây uốn thế ở chậu. Cây gỗ nhỏ, nhẵn, thân xù xì, cành mập, vươn dài. Lá hình trái xoan ngược, mỏng, có

nhiều u lồi do sâu làm tổ. Cụm hoa (quả) có cuống ngắn, dạng nón ngược, mọc rất sát nhau, dày đặc trên thân, cành, màu xanh vàng lúc non và đỏ bầm khi già (Ảnh 217).

Cây mọc tự nhiên bằng hạt, có thể gây trồng dễ dàng bằng giâm cành, dễ uốn tía và tạo dáng.

### V.30. CÂY SỪNG TRÂU

*Strophanthus caudatus* (Burm. f.) Kurz.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây mọc ở rừng ẩm nước ta. Thân gỗ mập ở gốc, có khi phình rộng xù xì, nhưng cành dài mềm, sống dựa, vươn cao. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, nhẵn, màu xanh bóng. Cụm hoa đầu cành. Hoa lớn dạng ống loe rộng chia 5 thùy ở đỉnh. Đầu thùy kéo dài cong ra, màu đỏ ở đỉnh, nhạt dần ở ống. Quả 2 đại lớn, lâu rụng.

Cây dễ trồng, uốn tía ở chậu đẹp.

### V.31. CÂY TRAI TÍCH LAN

*Fagraea ceilanica* Thunb.

Họ Long đởm (Loganiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanca). Cây gỗ nhỏ, lúc nhỏ sống phụ sau mọc thẳng. Lợi dụng đặc điểm này, các nhà vườn khai thác cây con trồng làm cảnh ở các hòn non bộ hay trong chậu, bám gốc cây gỗ khác. Lá thuôn bầu dục, dày mềm, màu xanh bóng. Cụm hoa ở nách lá. Hoa lớn màu vàng nhạt. Quả hình cầu đường kính 2 - 4 cm, Cây trồng cho hoa, quả đẹp.

### V.32. CÂY TRÁI NẤM

*Aegle marmelos* Correa Egle' (*Cratea (marmelos)* Linn.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng được gây trồng rộng rãi ở các nước Đông Nam châu Á, làm cây cảnh và cây thuốc. Cây gỗ nhỏ, có gai. cành nhánh nhiều, dài. Lá kép 3 lá phụ, cuống chung có cánh, màu xanh bóng, dễ rụng theo mùa, gốc lá có gai thẳng. Cụm hoa có ít hoa, màu trắng, lớn trung bình. Nhị nhiều, rời nhau. Quả lớn hình cầu thuôn dài, đường kính 5 - 15 cm, màu xanh vàng.

Vỏ quả ngoài cứng, thịt quả dày màu vàng cam. Hạt nhiều.

Cây cho quả có dáng đẹp, làm cảnh rất thích hợp ở vườn hay nơi đất rộng công viên. Cây trồng bằng chiết cành.

### V.33. CÂY TRỌNG DỪA (Cơm nguội nhân)

*Ardisie crénelé*

*Ardisia crispa* Hort. (*A. crenata* Sims., *A. crenulata* Lodd.)

Họ Đơn nem (Myrsinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Quốc hay miền Nam châu Mỹ. cây bụi, thân cứng nhiều, cành nhánh thẳng, mảnh ở đỉnh thân. Lá hình bầu dục, thuôn nhọn cả 2 đầu, mép khía răng tròn rộng, dày, màu xanh bóng hay hồng. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán thưa, xòe rộng. Hoa nhỏ có cánh mềm, xếp vặn màu trắng hay hồng đỏ. Quả hình cầu, màu đỏ tía, có mũi nhọn ở đỉnh, xếp đều đặn trên cuống dài, đôi khi cong xuống (Hình 180).

Cây có quả đẹp, chín bền. Các nhà vườn đã tạo ra các màu sắc khác nhau ở quả và lá.

V.33.a. *Ardisia crispa* Hort.

var. *fructu - albo* Hort.

Quả màu trắng.

V.33.b. *Ardisia crispa* Hort.

var. *fructu - luteo* Hort.

Quả màu vàng.

V.33.c. *Ardisia crispa* Hort. var. *variegata* Hort.

Lá nhiều vạch trắng.



H.180. Trọng dưa  
*Ardisia crispa* Hort.

V.34. CÂY TU HÚ ĐỎ (Thuốc kê)

*Callicarpa dichotoma* (Lour.) K. Koch.

(*C. purpurea* Juss.; *C. gracilis* Sieb. et Zucc.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc) và mọc dại khá phổ biến ở vùng Trung du miền Bắc nước ta.

Cây được gây trồng ở chậu để thưởng ngoạn màu sắc quả. Quả chín bền và gây trồng bằng hạt.

V.35. CÂY TU HÚ MỸ

*Callicarpa americana* Linn.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Trung châu Mỹ, nhưng được gây trồng làm cảnh khá đẹp ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây thân bụi cao 1 - 2 m, phân cành nhánh nhiều, có lông hung. Lá bầu dục thuôn hay trái xoan nhọn đầu tù ở gốc lá và ánh bạc ở mặt dưới. Cụm hoa dạng xim ngắn, mọc sát nách lá. Hoa màu xanh nhạt, hình chuông nhẵn, trên chia 4 thùy tròn. Quả hình cầu màu tím rất đẹp.

Cây làm cảnh chủ yếu bằng quả, bền trên cành. Có thể gây trồng 1 chủng khác :

V.35.a. *Callicarpa americana* L. var. *alba* Hort.

Cây cho quả màu trắng, đẹp.

V.36. CÂY TU HÚ TRẮNG (Tu hú lá dài)

*Callicarpa longifolia* Lam.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Hymalaya, Trung Quốc, và mọc dại ở vùng đồi núi khắp nước ta.

V.37. CÂY XA KÊ (Bánh mì)

Bread fruit tree, Arbre à pain.

*Artocarpus altilis* (Park.) Forb.

(*A. communis* J. R. et G. Forst.)

## Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaisia, Tahiti...) đã gây trồng ở nhiều nước lấy quả làm lương thực (thay bánh mì), nhưng ở các tỉnh miền Nam nước ta chỉ trồng làm cây phong cảnh, do dáng cây đẹp, tán nhiều tầng, lá lớn đặc sắc và quả lớn, đẹp. Cây trồng rất thích hợp ở vườn nhà, nơi công viên, hỗ trợ cho các công trình kiến trúc.

Cây gỗ nhỏ, có nhựa mủ, cành mảnh mọc ngang, dài, làm thành tán rộng, dày. Lá lớn chia 3 - 9 thùy dạng thuôn dài, cuống mập,

rụng để lại sẹo trên cành, đặc biệt lá màu xanh bóng, khi rụng đổi màu vàng nâu khô, cứng làm vật trang trí. Cụm hoa đực dạng bông dài, hoa nhỏ màu vàng. Cụm hoa cái hình cầu thuôn, mập khi non màu xanh thẳng đứng trên cành, già chuyển dần sang vàng, rất bền (Hình 181)

Cây cho quả làm cảnh đặc sắc. Gây trồng chủ yếu bằng hom rễ (chôi rễ) rất ít khi chiết cành. Xa kê có hai loại : loại quả không hạt và loại quả có hạt. Cả hai đều không gây trồng bằng hạt.

### V.38. CÂY XI RÔ

Christ's Thorn, Caraunda

*Carissa carandas* Linn.

## Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh do dáng cây đặc sắc, quả đẹp ăn được. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m, thân cong



H.181. Xa kê - *Artocarpus altilis*  
Forb.



queo, phân nhánh dài, mềm có gai cứng chia nhánh. Lá hình bầu dục hay trái xoan nhọn đầu, gốc thuôn tròn, nhẵn, bóng, màu xanh đậm. Hoa mọc thành cụm nhỏ 2 - 3 chiếc ở đầu cành, thơm, cánh hoa lớn, mềm màu đỏ hồng hay gần trắng. Quả hạch cứng, non màu đỏ sẫm sau tím đậm. Hạt màu đỏ.

Cây cho hoa quả quanh năm, làm cây phong cảnh đẹp. Cây ưa bờ nước, thoáng, nhiều nắng.

### V.39. CÂY XƠ - RI

**Barbados cherry, Cerisier des Antilles, Serise carrée**

***Malpighia glabra* Linn.**

**Họ Dùi dục (Malpighiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cây cảnh và cho quả đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều xum xuê, mềm dài, nên làm cây hàng rào hay xán tia cho tán tròn, dày. Lá nguyên dạng bầu dục, trái xoan, màu xanh bóng, hoa nhỏ màu hồng đỏ, cánh mềm rần reo xê rộng. Quả màu đỏ hay đỏ thẫm, nhẵn bóng, vị chua, đường kính 1,5 - 3 cm, có 3 khía nông, 3 hạt (Ảnh 218).

Cây trồng bằng hạt. Sau 2 năm, cây có hoa và hoa nở chóng kết trái (sau 3 - 5 tuần nở hoa đã kết thành quả). Có thể chiết trên không hay uốn xuống đất (cành bánh tẻ đường kính trên 6 mm) và cắt cành ươm hom.

## VI. NHÓM CÂY Ở TRONG NƯỚC, BỜ NƯỚC LÀM CẢNH

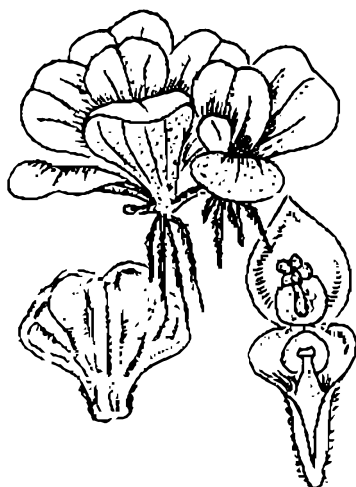
### VI.1. CÂY BÈO CÁI

**Water Lettuce, Tropical Duck - weed.**

***Pistia stratiotes* Linn.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, nay phân bố rộng rãi ở hầu hết các nước nhiệt đới khác. (Hình 182)



### VI.2. CÂY BÈO CÁM

**Duck - weed, Duck meat; Len - tille d'eau**

***Lemna minor* Linn.**

**Họ Bèo tấm (Lemnaceae)**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nay lan tràn ở ao hồ nước ngọt khắp hoàn cầu. (Hình 183)

### VI.3. CÂY BÈO HOA DÂU (Bèo giầu)

***Azolla pinnata* Br. (*A. imbricata* Nakai)**

**Họ Bèo dậu (Azollaceae)**

Cây phân bố rất rộng, khắp các nước có khí hậu nhiệt đới và gây trồng làm phân xanh, chăn nuôi, làm thuốc và thả ở các chậu cá cảnh để làm cho mát, đẹp.

### VI.4. CÂY BÈO TẤM (Bèo phấn)

***Wolffia schleidenii* Miq.**

**Họ Bèo tấm (Lemnaceae)**

Cây có khu phân bố rất rộng, chiếm hầu hết mặt nước ngọt vùng nhiệt đới.

H.182. Bèo cái  
*Pistia stratiotes* L.

## VI.5. CÂY BÈO VẦY ỐC

*Salvinia natans* (Linn.) Ait.

Họ Bèo ong (Salviniaceae)

Cây sống trôi nổi chủ yếu ở các ao đầm và vớt để nuôi nơi các bể cá (Hình 184).

## VI.6. CÂY CHÓC GAI

Kohilla

*Lasia spinosa* (Linn.) Thw.

(*L. heterophylla* Schott.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Srilanca, Đông Dương...). Ở Việt Nam cây mọc dại bờ nước, nhiều bùn ven ao hồ (Hình 185). Cây mọc khỏe, dễ nhánh nhiều và có cụm hoa quanh năm.

## VI.7. CÂY CHOI

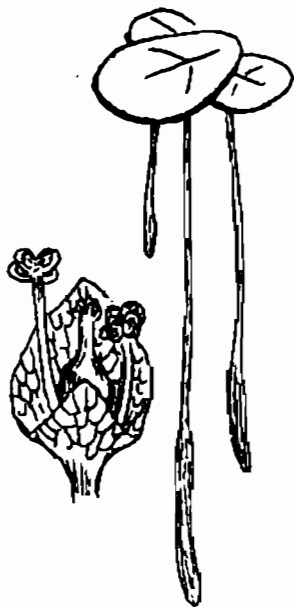
Cape pond-weed; water hawthorn,  
Aponogeton à deux épis

*Aponogeton distachyus*

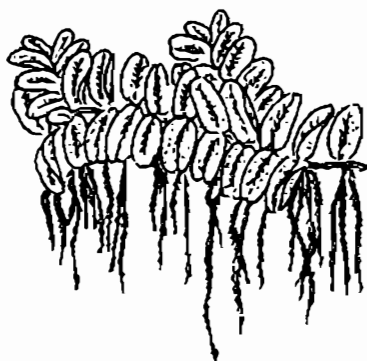
Linn.f.

Họ Chối (Aponogetonaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Mỹ, được gây trồng làm cây cảnh trong các bể cá, vì lá đẹp, hoa thơm. Cây thân cỏ, sống lâu năm, củ tròn nhỏ. Lá mọc nổi ở nước, dạng thuôn dài hình giáo, tròn ở gốc, đầu thuôn dài, gân song song khá rõ, màu xanh bóng tươi. Cứng



H.183. Bèo cám – *Lemna minor* L.



H.184. Bèo vầy ốc – *Salvinia natans* Ait.

lá dài. Cụm hoa dạng bông xé ngón ở trên đỉnh một cuống dài thẳng, lộ ra khỏi mặt nước. Hoa có cánh màu trắng, hồng tím, thơm.

Cây có dáng lá và cụm hoa đẹp. Có thể chọn chủng : - Water ribbon - weed.



H.185. Chóc gai - *Lasia spinosa* Thu.



H.186. Cỏ nến - *Typha latifolia* L.

VI.7.a. *Aponogeton distachyus* L. f. var. *lagrangei* Hort.

Hoa đẹp hơn. Lá bắc màu tím và lá cũng có mặt trên màu tím (Water ribbon - weed)

VI.8. CÂY CỎ NẾN (Hương bồ)

Cattail, Bulrush, Reed Mace

*Typha angustifolia* Linn.

Họ Cỏ nến (Typhaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi từ Bắc châu Mỹ, châu Mỹ nhiệt đới, châu Âu và châu Á, mọc nơi đầm lầy và được gây trồng nơi ven hồ, bờ nước.

Cây có dáng đẹp, lá xanh biếc. Cụm hoa lâu tàn và có gân như quanh năm nên làm cây cảnh ở bờ nước rất thích hợp. Có thể trồng 1 loài khác cũng phân bố rộng từ châu Mỹ, châu Âu và châu Á là :

VI.9. *TYPHA LATIFOLIA* LINN. (HÌNH 186)

VI.10. CÂY CỦ NIỀNG

Water oats

*Zizania caduciflora* (Turcz.) Hand - Mzt.

(*Z. latifolia* Turcz.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc và phân bố ở Bắc châu Á. Ở Việt nam cây mọc ven bờ hồ, ngập trong nước nông, (thường được trồng ở bờ hồ nhiều bùn) (Hình 187).

VI.11. CÂY DIỄM MAO

*Callitriche antoginalis*  
Hort. (*C. stagnalis* Scop.)

Họ Diễm mao  
(Callitrichaceae)

Cây mọc rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ sống trong nước (vừa chìm vừa nổi). Lá mọc thành chùm ở trong nước, màu xanh bóng nổi rõ 3 gân. Hoa mọc đơn độc ở nách lá. Hoa trần chỉ có 2 lá bắc mỏng bao bọc. Quả bế bốn có 1 hạt.

Cây ưa nước trong, nơi khí hậu lạnh mát.



H.187. Củ niềng - *Zizania caduciflora* Hand - Mzt.

## VI.12. CÂY ĐUÔI CHỖN (Kim ngư)

*Ceratophyllum demersum* Linn.

Họ Đuôi chồn (Ceratophyllaceae)

Cây phân bố trên toàn thế giới, chiếm hầu hết các ao hồ nước ngọt vùng nhiệt đới. Cây thân cỏ sống chìm trong nước, lâu năm, phân cành nhánh nhiều, dài lơ lửng sát mặt nước. Lá mọc chụm ở các đốt, chia đôi 2 - 3 lần thành các sợi hẹp, màu xanh bóng. Hoa mọc đơn độc, hoa đực, hoa cái trên cùng một gốc. Quả bế có mũi nhọn và hai sừng dài.

Cây đẹp, trồng ở trong các bể cá rất hấp dẫn, sinh sản nhanh bằng các đoạn thân.

## VI.13. CÂY KÈO NÈO (Nê thảo)

Water poppy

*Limnocharis flava* (L.) Buch. (*L. plumieri* Rich.)

Họ Nê thảo (Butomaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, ở Việt Nam cây mọc ở ven bờ nước khắp các tỉnh miền Nam, đôi khi trồng làm rau (Hình 188).

## VI.14. CÂY LÁC DỪ (Thủy trúc)

Umbrella grass, umbrella palm.

*Cyperus involucratus* Poiret

(*C. flabelliformis* Rottb.)

Họ Cói (Cyperaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca (châu Phi), có dáng đặc sắc, mọc thành bụi dày, thẳng như cây dừa, cau tí hon. Cây có thân tròn màu xanh đậm. Lá giảm thành các bẹ ở gốc, thay vào đó các lá bắc ở đỉnh lại

lớn, xếp vòng xòe ra, dài, cong xuống, khá đẹp. Cuống chung của hoa dài thẳng, xếp tỏa ra nổi trên đám lá bắc, hoa lúc non màu



H.188. Kèo nèo -  
*Limnocharis flava* Buch.

trắng sau chuyển sang nâu.

Cây mọc khỏe, chịu được đất úng, nước, nên được gây trồng làm cảnh ở vườn, trên hòn non bộ.

Có thể chọn mấy chủng đẹp sau :

*VI.14.a. Cyperus involucratus. var. variegatus* Hort.

Cây có thân và lá có nhiều vạch trắng, đôi khi hoàn toàn trắng.

*VI.14.b. Cyperus involucratus. var. gracilis* Hort.

Cây nhỏ bé, lá hẹp, ngắn, làm cảnh ở chậu rất đẹp.

## VI.15. CÂY LÁC GIẤY

**Egyptian paper plant, Papyrus**

***Cyperus papyrus* L.**

**Họ Cói (Cyperaceae)**

Cây có nguồn gốc từ Egyp., mới nhập trồng làm cảnh (hay cắt cây cắm lọ). Thân mảnh, thẳng, màu xanh đậm, bóng (nơi nguyên sản cao đến 2 m). Lá xếp ở đỉnh, dạng sợi cong rủ xuống như cái dù. Cụm hoa ở đỉnh, giữa đám lá.

Cây đẹp, dễ trồng.

## VI.16. CÂY LIỄU (Liễu rủ)

**Weeping willow, Saule, Napoleon's Willow**

***Salix babylonica* Linn. (*S. pendula* Moench.)**

**Họ Liễu (Salicaceae)**

Cây có nguồn gốc Trung Quốc. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, mềm, cong rủ xuống. Cành non có lông mịn, màu lục hay tím nhạt. Lá mọc cách, hình giải dài và hẹp, đầu và gốc thuôn đều, mép có răng cưa nhỏ, mặt trên màu lục nhạt, mặt dưới mốc trắng, nhẵn, cuống ngắn cong, đưa lá rủ xuống. Cụm hoa dạng đuôi sóc ngắn. Quả nang mở hai mảnh nhỏ. Mùa hoa tháng 3 - 4. Mùa quả tháng 5 - 6.

Cây có dáng đẹp, mềm mại rất thích hợp với trồng cảnh ven lối đi bờ hồ.

## VI.17. CÂY LỖ DANH (Mù mắt)

Star of Bethlehem

*Hippobroma longiflora* (L.) G. Don.

*Laurentia longiflora* (L.) Peterm.

(*Isotoma longiflora* (L.) Presl.)

Họ Lô bê (Lobeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á và Australia, được gây trồng làm cảnh từ lâu vì hoa nở đẹp quanh năm. Ở Việt nam, cây được gây trồng trên các hòn non bộ, nơi bờ nước. Cây thân cỏ, sống lâu năm. Lá thuôn dài, mép khía răng nhọn, to và có lông dài, màu xanh mượt, xếp tỏa tròn ở sát gốc. Hoa đơn độc ở nách lá nhưng mọc thẳng, dạng ống hẹp, trên xòe ra 5 cánh thuôn nhọn như hình sao, màu trắng, làm nổi nhị đực ở giữa màu vàng. Hoa bền, nở dần từng chiếc nên mùa hoa kéo dài quanh năm. Quả nang dài, nhiều hạt (Ảnh 219).



H.189. Lục bình – *Eichhornia crassipes* Solms.

Cây mọc khỏe, trồng bằng hạt, chịu được đất xấu và ngập nước, thường mọc nơi vách đá bờ nước.



## VI.18. CÂY LỤC BÌNH (Bèo Nhật Bản)

**Water hyacinth, Eichhornie à pétióles épais**

***Eichhornia crassipes* (Mort.) Solms.**

**(*E. speciosa* Kth. *Pontederia crassipes* Martins)**

**Họ Lục bình (Pontederiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) nay lan tràn trên khắp các nước nhiệt đới khác, chịu được từ nước ngọt đến nước lợ (Hình 189).

## VI.19. CÂY MẠO ĐÀI LÁ NHỎ (Lăn tăn)

**Artillery plant, Plant au feu d'artifice**

***Pilea microphylla* (L.) Liebm. (*P. muscosa* Lindl.)**

**Họ Gai (Urticaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Mêhicô) nay mọc hoang dại rất phổ biến ở nhiều nước châu Á. Ở Việt Nam thường được gây trồng nơi các hòn non bộ hay bờ nước làm cây phủ đất, giữ đất và làm cảnh (giống như bãi cỏ nhỏ).

## VI.20. CÂY MỎ KẾT LÁ DONG

***Heliconia psittacorum* Sesse. et Moc.**

**Họ Thiên diếu (Heliconiaceae)**

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam cây được gây trồng rộng rãi ở nơi bờ nước, nhiều bùn, lấy hoa cắm lọ. Cây có thân giả khá cao, gốc có thân rễ bò dài, sống lâu năm. Lá có cuống dài, phiến thuôn đều, rộng, màu xanh bóng, mềm, gốc tròn, đỉnh thuôn. Cụm hoa ở đỉnh, có nhiều lá bắc dạng mo xếp cách nhau đều đặn, mở 2 hướng trên mặt phẳng. Mo hẹp, màu vàng bóng, nhọn đầu. Hoa lớn có 6 cánh màu vàng cam, với 3 cánh ở trong màu xanh (Ảnh 220). Quả mọng.

Cây có hoa đẹp, nở bền, gần như quanh năm, trồng làm cảnh ở các chậu lớn hay dọc lối đi ven hồ rất đẹp. Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân rễ có chồi thân giả. Cây dễ bụi nhiều, dày ở nơi đất ngập nước.

- Cây Mỏ kết đỏ - *Heliconia lanceana*, mới nhập có hoa màu vàng, nhưng lá bắc màu đỏ rất đẹp.

## VI.21. CÂY MUỖNG TRÂU

Seven Golden, Candlesticks

*Cassia alata* L.f.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây mọc hoang dại vùng đất ẩm ướt, nơi bờ nước, ven ruộng hay bãi thấp. Cụm hoa thẳng, dài 40 cm. Hoa lớn màu vàng tươi.

## VI.22. CÂY NÁNG TRỤ (Đại tướng quân, Tỏi lơi trụ)

Crinole d'Asie;

*Crinum asiaticum* Linn.

(*C. anomalum* Herb.; *C. procerum* Carey)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước châu Á, châu Mỹ. Cây có củ lớn, đường kính 5 - 10 cm, trên có cổ ngắn. Lá tập trung ở đỉnh củ với bẹ hợp lại thành thân giả cao đến 60 cm. Lá lớn, phiến hẹp, dài trên 1 m, dày, nguyên. Cụm hoa trên 1 cuống chung lớn dài đến 70 cm, màu xanh bóng, thẳng, đỉnh mang 20 - 50 hoa làm thành tán rộng, gốc có lá bắc dạng mo lớn. Hoa có cuống, cánh hoa hợp thành ống, màu xanh nhạt, trên chia thùy dài hình giải, tỏa rộng; rú xương màu trắng, rất thơm.

Nhị dài, màu đỏ, bao phấn vàng. Quả nang hình cầu, 1 hạt. Cây ưa nơi đất sâu, ẩm ướt (thường mọc ở bờ nước). Có thể chọn các chủng sau :

VI.22.a. *Crinum asiaticum* L. var. *sinicum* Baker.

Hoa lớn màu trắng.

VI.22.b. *Crinum asiaticum* L. var. *declinatum* Baker.

Hoa lớn màu trắng, có đỉnh thùy màu đỏ.

## VI.23. CÂY NGẢI TIÊN

*Hedychium à bouquets butterfly* Lily, Garland flower, Ginger Lily.

*Hedychium coronarium* Koen.

## Họ gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ (châu Á nhiệt đới) được trồng thành bụi lớn làm cảnh nơi bờ nước hay trong chậu ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây thân cỏ, cao đến 1 m, có thân rễ mập khỏe, đâm chồi nhiều thành bụi thưa. Lá mọc cách đều đặn trên thân, phiến thuôn dài, mềm, đầu nhọn, gốc có bẹ ôm thân, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùm rộng. Hoa thưa, nở dần ít một. Hoa khá lớn, đường kính 5 - 8 cm, rất thơm, gốc có nhiều lá bắc màu xanh. Hoa có cánh hoa màu trắng tuyền hay ở nách có đốm xám. Quả nang tròn.

Cây trông bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe rất thích hợp với nơi bờ nước, ẩm ướt, khí hậu mát. Có thể trồng xen với các loài có màu hoa khác như :

### VI.24. CÂY NGẢI TIÊN ĐỎ

*Hedychium coccineum* Buch - Ham

Họ gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), mọc hoang đại vùng núi cao ẩm ướt nước ta.

### VI.25. CÂY NGẢI TIÊN VÀNG

*Hedychium flavum* Roxb.

Họ gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), mọc được nơi bờ nước vùng núi cao nước ta.

### VI.26. CÂY QUYẾN BÁ MỎNG (Quyến bá vẩy)

Resurrection plant, Club moss, Sélaginelle à feuilles  
ecailleuses, Plant à la resurrection

*Selaginella lepidophylla* Spring.

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Texas, Mêhicô, Peru), được gây trồng làm cảnh nơi bờ nước hay trên các hòn non bộ.

Cây có thân rất ngắn, mọc thấp thẳng đứng, cao 2 - 10 cm, gốc có thân rễ dày đặc, đỉnh mang nhiều nhánh xếp hoa thị, khi non cúp lại với nhau thành một khối tròn, sau nở xòe rộng dày đặc, đường kính 10 - 20 cm, màu xanh bóng đậm, các nhánh dài hẹp, phân chia 2 lần, mảnh, dạng sợi. Lá hình vẩy, nhỏ bé, nhọn đầu, xếp dày đặc trên nhánh phụ.

Cây có dáng kỳ lạ, rất thích hợp với nơi ẩm ướt (vì có nước mới nở xòe rộng) nên được trồng ở bờ nước làm cây cảnh.

#### VI.27. CÂY RAU MÁC (Từ cỏ)

Old - World Arrow - head,

Fléchière, Sagittaire.

*Sagittaria sagittaeifolia* Linn.

Họ Rau mác (Alismaceae)

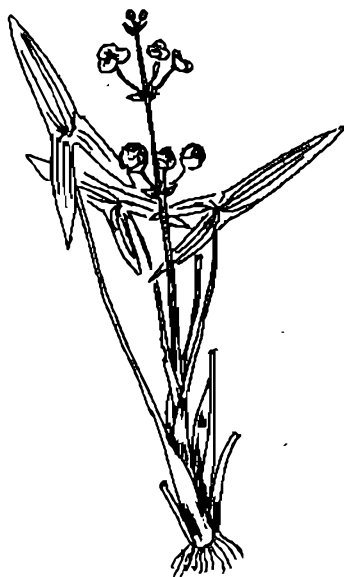
Cây có nguồn gốc từ châu Á và châu Mỹ nhiệt đới, mọc rất phổ biến ở trong ruộng nước, nơi bờ rạch nước nông. Cây có thân rễ dày, dạng củ. Lá có cuống và phiến thay đổi, hoặc hình bán dài (chìm trong nước) hoặc hình mũi mác chia 3 thùy (lộ ra mặt nước). Cụm hoa nằm ở nửa phần trên của một cuống chung, mập dài đến 1 m, phân nhánh. Mỗi nhánh đều xếp 3 vòng hoa, ở nách những lá bắc hình tam giác. Hoa có 3 cánh tràng, lớn, màu trắng, nhị xếp thành nhiều vòng. Hoa cái có nhiều lá noãn xếp thành khối hình cầu. Quả bế dẹt, có 1 hạt (Hình 190).

Cây có mùa hoa từ tháng 6 đến tháng 10. Có thể trồng là cảnh vì mùa hoa dài. Các nhà vườn đã tạo ra một chủng có hoa đẹp hơn :

VI.27.a. *Sagittaria sagittaeifolia* Linn. var. *flore - pleno* Hort.

(*S. japonica* Hort.)

Cánh tràng gấp đôi xếp 2 vòng, hoa đẹp hơn.



H.190. Rau mác -

*Sagittaria sagittaeifolia* L.

## VI.28. CÂY RAU MÁC TRÒN (Củ dĩa)

*Monochoria vaginalis* (Burm.f.) Presl.

Họ Lục bình (Pontederiaceae)

Cây có thân rễ trong bùn. Lá trên cuống dài mọc thẳng đứng, lộ ra khỏi nước. Phiến hình tròn hay hình tim, xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống mập như cuống lá. Hoa thưa, màu xanh khá đẹp. Quả nang, hạt màu nâu (Hình 191).

Có thể gây trồng 1 chủng có lá nhỏ hơn ở các bể cá lớn.

VI.28.a *Monochoria vaginalis* Presl. var. *plantaginea* Solms.

Cây trồng dễ dàng bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ, ít khi bằng hạt.

## VI.29. CÂY RONG ĐUÔI CHÓ (Rong xương cá)

Parrot's feather

*Myriophyllum tetandrum* Roxb.

Họ Rong xương cá (Haloragaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, nay được gây trồng ở hầu hết các nước nhiệt đới, để thả vào bể cá cảnh.

## VI.30. CÂY RONG ĐUÔI CHỖN (Gạt nai nổi)

Water fern, *Ceratopteris* à aspect de pigamon

*Ceratopteris thalictroides* (L.) Brongn.

(*Pteris thalictroides* Swartz.)

Họ Rau cần trời (Parkeriaceae)

Cây có nguồn gốc rộng rãi từ các nước nhiệt đới Cựu lục địa, và phân bố rộng ở khắp các nước nhiệt đới trên thế giới.



H.191. Rau mác tròn -  
*Monochoria vaginalis* Presl.

### VI.31. CÂY RONG ĐUÔI CHỖN MỸ

*Ceratopteris pteridoides* Hort.

Họ Rau cần trôi (Parkeriaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Mỹ, được gây trồng để trang trí các hồ nuôi cá cảnh trên toàn thế giới.

### VI.32. CÂY SEN

East Indian lotus, Lotus lily, Sacred lotus, Lotus.

*Nelumbium nelumbo* (L.) Druce

(*N. speciosum* Willd. *N. nucifera* Gaertn.)

Họ Sen (Nelumbonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc suốt từ Bắc vào Nam trong các ao hồ, đầm ngòi nhiều bùn. Cây có thân rễ mập (ngó sen) sống lâu năm. Lá gần hình tròn, trải rộng trên mặt nước trên lộ ra ngoài không khí trên một cuống dài, màu xanh bóng, gân rõ. Ở miền Bắc, về mùa đông, toàn bộ lá bị héo tàn. Hoa to trên cuống dài, có nhiều cánh hoa mềm, bóng xếp tỏa tròn đều, màu hồng hay trắng vàng (tùy chủng). Nhị nhiều màu vàng làm viền nổi cho phần nhụy dạng nón ngược, màu xanh (gương sen). Quả bế thường gọi là hạt sen. (Ảnh 221)

Cây mọc khỏe nơi nước tĩnh, nhiều bùn. Gây trồng bằng các đoạn thân rễ có chồi mầm (Ngó sen), ít khi trồng bằng hạt. Ở miền Bắc, trồng vào giữa mùa xuân, (ở các tỉnh phía Nam trồng vào mùa mưa). Sau đó cho nước ngập khoảng 2/3 thân rễ. Sau 3 - 4 tháng có chồi dài mới cho ngập nước. Mùa hè năm sau đã có hoa.

Ngoài loài có hoa màu hồng (màu cánh sen) kể trên, còn có :

### VI.33. CÂY SEN TRẮNG

*Lotus magnolia*

*Nelumbium alba* Hort.

Hoa có cánh hoàn toàn trắng.

### VI.34. CÂY SEN VÀNG

*Lotus jaune d' Amerique*

*Nelumbium lutea* Pers.

Hoa có cánh màu vàng, đặc biệt có chủng :

VI.34.a. *Cây Sen sè* (Sen tiêu)

*Nelumbium nelumbo* Druce var. *nanum* Hort.

Cây thấp, lá và hoa nhỏ, thường trồng ở chậu, trong bể nông hay bờ nước hờn non bộ.

#### VI.35. CÂY SEN HOÀNG HẬU (Sen Amaxôn)

Giant water lily, Royal water lily

*Victoria regia* Lindl. (*V. amazonica* (Poep.) Klotzsch.)

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (từ Guian đến Arhentina), hiện được gây trồng làm cảnh ở các hồ nước vùng nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở Thảo Cầm Viên (thành phố Hồ Chí Minh). Cây có thân rễ mập, nằm trong bùn, sống lâu năm. Lá rất to, phiến rộng đường kính 1 m, mép gấp thẳng góc lên, cao đến 10 cm, nguyên hay rách nhỏ không đều. Mặt trên xanh bóng có lông, gân tỏa tròn đều, mặt dưới màu đỏ, gân lồi rõ vừa tỏa tròn vừa mạng lưới. Cuống mập cứng. Hoa mọc đơn độc, lớn, trên một cuống dài, đưa hoa nổi trên mặt nước, đường kính 20 - 40 cm, nở về đêm, màu đỏ bầm tối. Hoa có 4 cánh dài gần tròn và cánh tràng xếp nhiều vòng. Nhị nhiều xếp nhiều vòng dày đặc. Bầu hạ có 30 - 40 ô. Quả có nhiều hạt hình trái xoan tròn. (Ảnh 222)

Cây được nhân giống bởi các đoạn thân rễ trong bùn. Gây trồng dễ, thường làm cảnh nơi hồ rộng và nhiều bùn.

#### VI.36. CÂY SÚNG TRẮNG

White lotus of Egypt, Lotus blanc d'Egypte

*Nymphaea lotus* Linn. (*N. edulis* DC.; *N. thermalis* DC.)

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Cây có nguồn gốc vùng Trung cận Đông, nay mọc rộng trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, cây mọc rất phổ biến nơi ruộng nước, hồ ao nước nông, nhiều bùn khắp nước ta. Cây có thân rễ bò dài trong bùn. Lá to, nổi trên mặt nước, dạng gần tròn, gốc hình tim, mép có răng hình tam giác, màu lục hồng, tối. Cuống lá dài. Hoa lớn màu

trắng hay hơi hồng, với các cánh hoa dài thuần, mềm xếp nhiều vòng, đều. Nụ hoa đẹp, hoa nở ít bền, chóng tàn. Nhị nhiều. Quả 15 - 18 ô, hạt nhiều (Ảnh 223).

Cây mọc khỏe nơi đủ nước, đủ nắng, nóng, nơi nước đọng hay chảy nhẹ. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân rễ, rất ít khi bằng hạt. Để làm cảnh đẹp, có thể trồng các loài khác.

#### VI.37. CÂY SÚNG ĐỎ

**Water lily, Nymphaea**

***Nymphaea rubra* Roxb.**

Hoa có cánh màu hồng đậm (Ảnh 224)

#### VI.38. CÂY SÚNG LAM

**Blue lotus of India, lotus bleu des Indes**

***Nymphaea nouchali* Burm. f. (*N. stellata* Willd.)**

Lá lớn, mép lượn sóng, mặt dưới màu tím. Hoa lớn có cánh màu xanh nhạt (có khi gần trắng).

#### VI.39. CÂY THẠCH XƯƠNG BỒ

***Acorus gramineus* Soland.**

**Họ Ráy (Araceae)**

Cây có nguồn gốc ở Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng và mọc dại ở các tỉnh miền Bắc nước ta, nơi bờ suối, trên kẽ đá có nước chảy, gây trồng làm cảnh rất đẹp ở bờ nước các hòn non bộ.

Để làm cảnh, các nghệ nhân thường sử dụng 1 chủng.

**VI.39.a. *Acorus gramineus* Soland. var. *pusillus* Engl.**

Cây có thân rễ màu trắng, mọc ngang, có đốt rõ ràng. Lá nhỏ, rậm xếp 2 dãy. Cụm hoa đẹp, hình trụ tròn, màu vàng lục nhạt. Quả mỏng hình trứng. Cây nhỏ thích hợp với các hòn non bộ.

Ngược lại để trồng làm cây viền lối đi, bờ cỏ có thể trồng :

**VI.39.b. *Acorus gramineus* Soland. var. *variegatus* Hort.**

Lá xanh với viền mép màu trắng.



## VI.40. CÂY THỦY NỮ

Water snow flake

*Limnanthemum indicum* Linn.

(*Nymphoides indicum* (L.) O.ktze)

Họ Long đởm (Gentianaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại trong ruộng ngập nước, theo các kinh rạch nông.

## VI.41. CÂY THỦY XƯƠNG BỔ

Sweet flag., Wadakaba

*Acorus calamus* Linn.

Họ Ráy (Aeaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới, mọc hoang dại hay gây trồng ở nước ta để làm cảnh và làm thuốc.

Cây được trồng ở bờ nước, thân cỏ có thân rễ nằm ngang, thơm. Lá hình dải hẹp, có 1 gân giữa, phiến xanh bóng, mép hơi lượn sóng. Cụm hoa ở trên đỉnh 1 cuống chung. Mo có dạng giống lá, ngắn. Trụ hoa nạc, hơi cong mang rất nhiều hoa. Quả mọng thuôn, khi chín màu đỏ.

Cây có hoa vào mùa hạ và quả vào mùa thu. Để làm cảnh, có thể chọn chủng :

VI.41.a. *Acorus calamus* L. var. *variegatus* Hort.

Lá non có nhiều vạch vàng đậm.

## VI.42. CÂY TIÊM LIÊN

Finsh grass, Washington - plant

*Colomba caroliniana* Gray

(*C. aquatica* DC.; *C. viridiflora* Hort.)

Họ Tiêm liên (Colombaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ. Cây mọc chìm trong nước trong, không sâu. Lá trong nước thường xẻ lông chim có phiến nhỏ như sợi. Lá ở trên, nổi trên mặt nước, màu xanh bóng có dạng tròn đều, nổi rõ gân, cuống dài dính ở giữa phiến. Hoa đơn độc trên

cứng dài lộ ra khỏi mặt nước, cánh hoa xòe rộng đều, màu trắng với 2 đốm vàng. Hoa ít gặp. (Hình 192)

Cây trồng rất phổ biến trong các bể cá cảnh vì dáng cây đẹp, xanh quanh năm. Nhân giống bằng các đoạn thân, chôn thành cây trưởng thành.

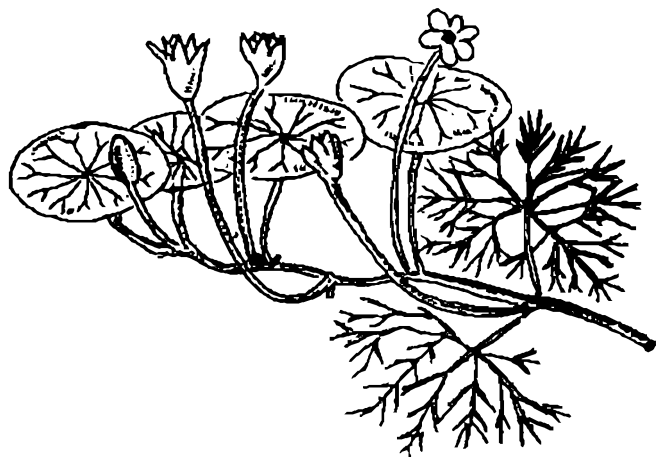
Để làm cảnh, có thể chọn chủng :

VI.42.a. *Colomba caroliniana* Gray. var. *rosaefolia* Hort.

Cây lá màu đỏ nhạt.

VI.42.b. *Colomba caroliniana* Gray. var. *pulcherrima* Harper.

Thân màu đỏ nhạt, lá màu xanh đậm, chia phiến hẹp, hoa có cánh trắng màu đỏ tươi.



H.192. Tiềm liên - *Colomba caroliniana* Gray.

## BẢNG TRA CỬU TÊN CÂY THEO TIẾNG VIỆT

- Agao lùn 148  
Agao Mỹ 146  
Agao to 148  
Ang - ti - gôn 10  
Anh đào 357  
Anh đào đôi 357  
Ác - ó 10  
Ánh hồng 11  
Ấm kiếm 210  
Ấm kiếm bạc 210  
Ấm kiếm dóm 210  
Ấm kiếm trắng 210  
Bàng khuâng 273  
Bát tử 274  
Bát tuyết 274  
Bằng lăng nước 359  
Bằng lăng tím 359  
Bằng phi 359  
Bạc thau 12  
Bạch hạc 395  
Bạch hoa xà 306  
Bạch huệ 315  
Bạch liễm 30  
Bạch phiến 271  
Bạch phụ tử 374  
Bạch tạng 239  
Bạch thư 156  
Bạch trinh 272  
Bạch trinh biển 272  
Bạch trinh mỹ 272  
Bạch tùng 202  
Bạch tuyết mai 360  
Ban hoa dẫu 396  
Bàng 358  
Bàng biển 358  
Bá tử kinh 441  
Bách nhật 271  
Bách tán 193  
Bách tán gai 194  
Bách tán lá gai 194  
Bách tán lớn 193  
Bách tán nam 193  
Bách tán úc 194  
Bách tán vàng 193  
Bách tán xa mu 194  
Bách xanh 204  
Bách xà 194  
Bách xoắn 207  
Bán hạ đỏ 273  
Bán hạ vắn 211  
Bán tự cảnh 211  
Bánh hời 416  
Bánh mì 461  
Báo hi 153  
Bát tiên 439  
Bê bê 275  
Bèo cái 464  
Bèo cám 464  
Bèo giầu 464  
Bèo hoa dâu 464  
Bèo nhật bản 471  
Bèo phấn 464  
Bèo tấm 464  
Bèo vẩy ốc 465  
Bí kỳ nam 123  
Bí dặc 444  
Biện lý 47  
Bìm bìm 13  
Bìm bìm biếc 13  
Bìm bìm lam 15  
Bìm bìm ngón 16  
Bìm bìm nhung 17  
Bìm bìm đỏ 14  
Bìm bìm tím 18  
Bìm bìm tím đậm 19  
Bìm bìm trắng 19

Bìm bìm trắng khói 19  
Bìm Hi Lạp 13  
Bìm mậ 19  
Bìm đẹp 13  
Bìm tay 16  
Bồ kết tây 361  
Bồ đề 360  
Bồ oanh 277  
Bội tinh 20  
Bội tinh ngũ hùng 21  
Bội tinh xanh 21  
Bồng bồng 253  
Bồng búp 22  
Bồng cần 22  
Bồng dừa 303  
Bồng rìa trắng 67  
Bồng tai 277  
Bồng tai gai 278  
Bồng vàng 51  
Bồng xanh 21  
Bọ chó cảnh 278  
Bò cạp nước 414  
Bò cạp vàng 413  
Bướm bướm hương 307  
Bướm bướm xanh 307  
Bờm ngựa 104  
Bông bong 169  
Bông bong lá nhỏ 169  
Bông bong nhật 170  
Bưởi 444  
Bướm bạc 361  
Bướm bạc phi 362  
Bướm hồng 362  
Bướm đêm 284  
Bướm đỏ 362  
Bướm trắng 361  
Bông nê 360  
Bông nê tím 360  
Bóng nước 275  
Bóng nước đỏ 276

Búp 22  
Búp giấm 340  
Búp kín 24  
Búp đơn bóng 23  
Búp đơn đóm đỏ 24  
Búp đơn vàng 23  
Búp rìa 25  
Búp vằn 23  
Búp vạch tím 23  
Búp vang 356  
Búp xi - ry 25  
Búp xi - ry tím 26  
Búp xoắn 23  
Búp xòe 23  
Bụt mọc 195  
Bù cu đóm 212  
Bù xít 293  
Buồm đỏ 355  
Búng báng 77  
Búp lẹ 278  
Cắm chướng 280  
Cắm chướng gấm 281  
Cắm chướng nhung 280  
Cắm chướng tàu 281  
Cắm cù 29  
Cắm cù nhiều hoa 30  
Cắm cù tím 30  
Cắm mộc 419  
Cắm thạch 120  
Cắm thạch lùn 120  
Cắm thạch vằn 120  
Cắm thị 365  
Cẩn cảnh 265  
Cẩn thẳng 365  
Cẩn thẳng 450  
Cầu khởi 452  
Cam 444  
Cam thảo dây 26  
Cao cảnh 214  
Cao cảnh cảnh 214

Cao cẳng trở 215  
Cao cẳng vạch 215  
Cà cảnh 445  
Cà cảnh mỹ 445  
Cà chua cảnh 446  
Cà gai 278  
Cà hoa 279  
Cà hoa xanh 400  
Cà kiu cảnh 446  
Cà kiu trứng 446  
Cà độc dược cảnh 363  
Cà độc dược thuốc 363  
Cà đỏ 445  
Cà ớt 447  
Cà ớt lòng 448  
Cà vú 448  
Càng cua 121  
Càng cua cảnh 212  
Càng cua đóm 213  
Càng cua tròn 213  
Cành giao 136  
Cau 77  
Cau bụi 79  
Cau bụi cảnh 80  
Cau bưng 78  
Cau cảnh 79  
Cau chuột 80  
Cau chuột mã lai 80  
Cau kiếng đỏ 80  
Cau kiếng vàng 82  
Cau đỏ bẹ 80  
Cau đỏ bẹ lớn 81  
Cau đỏ bẹ máu 81  
Cau đuôi phượng 82  
Cau sâm banh 81  
Cau trắng 81  
Cau trụ 78  
Cau trúc 82  
Cau tua 82  
Cau úc 79

Cau vàng 82  
Cẳng gà 170  
Cẳng gà dẹt 170  
Cẳng gà trắng 171  
Cẳng gà xanh 171  
Cánh phượng 399  
Cát anh 364  
Cát anh lớn 364  
Cát lỏi 340  
Cát dăng 26  
Cát dăng cánh 27  
Cát dăng cánh trắng 28  
Cát dăng cánh vằn 28  
Cát dăng cánh vàng 28  
Cát dăng cọp 45  
Cát dăng thơm 28  
Cát dăng thơm lông 28  
Cát dăng thơm nhần 29  
Cát dăng thon 29  
Chân chim 282  
Chân chim bầu dục 122  
Chân chim lớn 283  
Chân chim tám lá 122  
Chân chim vằn 123  
Chân rết 120  
Chân rết lùn 120  
Chân rết vằn 120  
Chà là 83  
Chà là bụi 84  
Chà là miền 85  
Chà là nam 83  
Chè vàng 62  
Chìa vôi 30  
Chìa vôi vuông 51  
Chim trời 433  
Choi 465  
Chóc 340  
Chóc gai 465  
Chua me đất 283  
Chua me đất hoa hồng 284

Chua me đất hoa đỏ 284  
Chua me đất lá tím 284  
Chuối hoa 284  
Chuối hoa lai 285  
Chuối kiểng đỏ 367  
Chuối ngọc 67  
Chuối đỏ 366  
Chuối rẽ quạt 91  
Chuối sen 367  
Chuối sen công 367  
Chuối sen hương 367  
Chuối tràng pháo 408  
Chùm bao dừa 39  
Chùm ngậy 366  
Chùm ớt 31  
Cò ca cánh 216  
Cò nóc lan 286  
Cò nóc rộng 287  
Cò tông 216  
Cổng chào 93  
Cổng chúa 390  
Cốt cán chẻ 179  
Cốt mốt đỏ 289  
Cốt mốt vàng 288  
Cốt rắn 177  
Cọ cánh 85  
Cọ dầu 86  
Cọ mỹ 87  
Cọ đỏ 86  
Cọ quạt 99  
Cọ sa - ba 88  
Cọ saba nhẵn 88  
Cọ saba xanh 88  
Cọ sẻ 89  
Cọ tàu 89  
Cọ úc 90  
Cơm cháy 449  
Cơm cháy rẫy 449  
Cơm cháy thơm 449  
Cơm nguội nhẵn 460

Còng 414  
Cườm rụng 368  
Cỏ bông lau 109  
Cỏ cát vi 108  
Cỏ cựa gà 104  
Cỏ cứt heo 292  
Cỏ gừng 104  
Cỏ gừng gấp 105  
Cỏ hoa 105  
Cỏ hương bài 108  
Cỏ lào trắng 300  
Cỏ lá tre 105  
Cỏ luồng 171  
Cỏ luồng bạc 172  
Cỏ luồng đỏ 172  
Cỏ mỹ 106  
Cỏ nền 466  
Cỏ nhung 109  
Cỏ đuôi ngựa 104  
Cỏ ống 104  
Cỏ roi ngựa cánh 285  
Cỏ seo gà 173  
Cỏ seo gà trể 173  
Cỏ voi 106  
Cỏ xước đỏ 250  
Cứt lợn 434  
Cừu long nhả ngọc 403  
Cừu ly hương 370  
Cụm rìa 369  
Cù dẻ 368  
Cùi dĩa 475  
Cùm rụm 368  
Cùm rụm nhọn 368  
Cùm rụm răng 369  
Củ khát nước 177  
Củ niễng 467  
Củ nưa 337  
Cúc bất tử 274  
Cúc cánh mối 287  
Cúc cánh mối đại 288

Cúc chuẩn 288  
Cúc chuẩn nhái 289  
Cúc chuẩn đỏ 289  
Cúc chùy 290  
Cúc điệp tư 290  
Cúc hôi 292  
Cúc hôi tím 293  
Cúc hoàng phấn 292  
Cúc kim thất 218  
Cúc kim thất nhung 218  
Cúc kim thất nhung thun 219  
Cúc kim thất nhung tía 219  
Cúc lạc lông 294  
Cúc lạc 293  
Cúc mốc 294  
Cúc đất 291  
Cúc đất lông 291  
Cúc phát trần 295  
Cúc quì 316  
Cúc quì núi 396  
Cúc sao 288  
Cúc sợi tím 295  
Cúc tần ô 295  
Cúc tiến 306  
Cúc tím 295  
Cúc trắng 296  
Cúc trắng lớn 297  
Cúc vụn thọ 298  
Cúc vụn thọ lùn 298  
Cúc vàng 297  
Cúc vàng 299  
Cúc vàng nhỏ 292  
Cúc vàng đơn 299  
Cúc vàng sữa 298  
Cúc yên bạch 300  
Dâm xanh 67  
Dâu da xoan 373  
Dầu lai củ 135  
Dầu lai nhiều khía 374  
Dầu lai vải 374

Dầu lai xé 374  
Dây bông cánh 27  
Dây bông thơm 28  
Dây bông xanh 26  
Dây húp búp 36  
Dây cắm vãn 62  
Dây chanh mỹ 55  
Dây chi chi 26  
Dây chia vôi đỏ 50  
Dây công chúa 33  
Dây cườm 26  
Dây giun 34  
Dây huỳnh 51  
Dây kim ngân 54  
Dây kim đồng 34  
Dây lãng 34  
Dây mỹ ê 35  
Dây mỹ ê lông 36  
Dây đấng tiêu 44  
Dây sừng dê 35  
Dây tám phong 36  
Dây thiên lý 37  
Dây tóc tiên 38  
Dây trung châu 38  
Dây vàng sán 64  
Dây vác nhật 39  
Dạ hoa 400  
Dạ hợp 370  
Dạ hợp nhỏ 371  
Dạ hương 32  
Dạ hương đỏ 32  
Dạ hương vàng 33  
Dạ lý hương 32  
Dạ lý hương 37  
Dạ lý hương tím 371  
Dành dành 372  
Dành dành vàng 373  
Dải lụa 177  
Đền kiếng 220  
Đền lửa 219

Dền đuôi chồn 301  
Dền đuôi ngắn 301  
Dệu bò tía 220  
Dệu bò vằn 220  
Dệu cảnh 220  
Di nha 302  
Diếc bò tía 220  
Diễm mao 467  
Diệp long nhon 158  
Diệp vĩ dụ 115  
Dị liễu 231  
Dừa gang tây 39  
Dừa gang tây vằn 40  
Đơn 317  
Dong cảnh 234  
Dong đại 235  
Dong tía 221  
Dong vằn 222  
Dừa 92  
Dừa cạn 303  
Dừa cạn lớn 304  
Dừa cạn nhỏ 304  
Dừa dẫu 86  
Dừa hawaii 82  
Dừa rù 92  
Dừa rù úc 92  
Dừa rù chùm 93  
Dừa xụ lá 92  
Dương 421  
Dương kỳ thảo 352  
Dương xỉ chân thỏ 175  
Dương xỉ gỗ 173  
Dương xỉ gỗ bóng 174  
Dương xỉ mộc 173  
Dương xỉ mộc nhẵn 174  
Dứa cảnh 223  
Dứa cảnh dẹt đỏ 224  
Dứa cảnh dẹt tím 224  
Dứa cảnh gai hồng 225  
Dứa cảnh hồng tâm 225

Dứa cánh lửa gươm 225  
Dứa cánh mẫu tử 225  
Dứa cánh nền đỏ 226  
Dứa cảnh đẹp 224  
Dứa cảnh sen 226  
Dứa đại cánh 226  
Dứa đại cánh lùn 227  
Dứa lẳng la 227  
Dứa lẳng la thơm 228  
Dứa Mỹ 146  
Dứa sọc 228  
Dứa sọc 229  
Dứa thơm 229  
Dứa trở 229  
Dứa trở vòng 228  
Dớn đen 189  
Duối nhám 64  
Duyên cúc 302  
Đa 230  
Đa cao su 230  
Đa đa 450  
Đa đa bóng 450  
Đa đàn 231  
Đai vàng 51  
Đáng 122  
Đào 376  
Đào đậu 378  
Đào tiên 450  
Đào trắng 378  
Đại 375  
Đại bi 351  
Đại kích biển 150  
Đại tướng quân 472  
Đại trắng 376  
Đại tù 376  
Đạt phước 379  
Đậu biếc 40  
Đậu biếc lam 41  
Đậu biếc trắng 41  
Đậu khấu lửa 304



Đậu khế 41  
Đậu kiếm 42  
Đầu lân 379  
Đậu rồng 41  
Đậu rựa 42  
Đậu tấc 42  
Đậu thơm 42  
Đậu thơm màu hồng nhạt hồng trắng 44  
Đậu thơm màu hồng điều 43  
Đậu thơm màu trắng xám 44  
Đậu thơm màu xanh 43  
Đậu thơm màu xanh đậm 44  
Đậu thơm nhiều màu 44  
Đậu vương 41  
Đậu xương rồng 41  
Đặng đứng 365  
Đặng tiêu 44  
Đặng tiêu kép vàng 45  
Đặng tiêu đỏ 45  
Đặng tiêu vàng 45  
Đình phượng hoàng 388  
Điệp cúng 397  
Điệp lào 396  
Điệp ta 397  
Đình lăng lá nhỏ 382  
Đình lăng lá quạt 383  
Đình lăng lá ráng 384  
Đình lăng lá tròn 385  
Đình lăng đĩa 381  
Đình lăng tro 383  
Địa liên 341  
Đồ quyền ấn 385  
Đồng hầu 305  
Đồng tiền 306  
Đoác 77  
Đơn hùng 409  
Đơn mặt trời 231  
Đơn dò 380  
Đơn đồ lớn 380

Đơn tía 231  
Đơn tướng quân 231  
Đơn trắng 380  
Đơn vàng 381  
Đơn vàng cam 381  
Đèn lồng tàu 453  
Đừng quên 323  
Đường quân tử 53  
Đuôi chồn 187  
Đuôi chồn 468  
Đuôi chồn lệch 188  
Đuôi công 306  
Đuôi công hồng 307  
Đuôi công xanh 307  
Đuôi lươn 216  
Đuôi sam 386  
Đuôi voi 106  
Đuôi voi mỹ 106  
Đùng đình 93  
Đùng đình ngựa 94  
Đùng đình đơn 94  
Găng tu hú 75  
Gai kim 388  
Gạo 386  
Gạt nai nổi 475  
Gia cấp 308  
Giâm 425  
Giang tâm 156  
Giếng giếng 386  
Giữa trung 427  
Gừng ấm 339  
Guột 174  
Hắc sừ 13  
Hạnh 457  
Hạt bí nhỏ 46  
Hạt bí túi 47  
Hàm cạp 45  
Hàm tiểu 441  
Hải châu 451  
Hải đăng 303

Hải đường 387  
Hèo ấn 95  
Hèo bắc 95  
Hèo gai 94  
Hèo lụi 95  
Hèo ngón 98  
Hèo nhẫn 96  
Hèo quạt 97  
Hèo to 97  
Hiếu nữ 10  
Hoa chông 387  
Hoa chông vàng 388  
Hoa chuông đỏ 388  
Hoa chuông 238  
Hoa diễn đỏ 432  
Hoa giấy 47  
Hoa giấy hồng 48  
Hoa giấy hồng tím 49  
Hoa giấy hồng vắn 49  
Hoa giấy đỏ gạch 48  
Hoa hiên 308  
Hoa hiên đỏ 309  
Hở hoa nhiều hoa 30  
Hở hoa xẻ 30  
Hoa hồng 389  
Hoa hòe 390  
Hoa huệ 313  
Hoa kèn 49  
Hoa kèn lớn 49  
Hoa la lét 282  
Hoa lis 309  
Hoa lý 37  
Hoa mặt 294  
Hoa muống 279  
Hở đặng hai màu 50  
Hở đặng hai màu mềm 50  
Hở đặng hai màu vắn 51  
Hở đặng vương 51  
Hoa nhò 10  
Hở nhi 138

Hoa đĩa 439  
Hở đời tú 63  
Hoa phấn 310  
Hoa phốc 311  
Hoa quốc khánh 315  
Hoa sói lang 428  
Hoa tai 24  
Hở thiệt 130  
Hở thiệt vắn 129  
Hoa tí ngọc 332  
Hoa tím 334  
Hoa tím thơm 334  
Hoa vắn anh 422  
Hở vĩ 129  
Hoa xác pháo 31  
Hoa xinh 312  
Hồng anh 312  
Hồng điệp môn 232  
Hồng kích 164  
Hồng mai 391  
Hồng thụ ấn 385  
Hồng trai 261  
Hồng tuyết điệp 212  
Hồng tuyết mai 360  
Hoàn thảo 107  
Hoàn thảo mảnh 107  
Hoàng lan 390  
Hoàng nam 392  
Hoàng đàn 195  
Hòe 390  
Hương bài 108  
Hương bồ 466  
Hương dương 316  
Hương dương đại 392  
Hương dương đại tròn 392  
Hỏa hoàng 311  
Hỏa hoàng lam 312  
Huệ 313  
Huệ da cam 314  
Huệ hồng 315

Huệ lỏng đèn 60  
Huệ đỏ 335  
Huệ táy 315  
Huyền điệp 392  
Huyền thảo 309  
Huyết dụ 232  
Huyết hạp 233  
Huyết hoa 315  
Huyết rồng 254  
Huỳnh anh 51  
Huỳnh anh kép 52  
Huỳnh anh lá hạp 52  
Huỳnh anh lớn 52  
Huỳnh anh vắn nâu 52  
Huỳnh anh vắn đỏ 52  
Huỳnh liên 427  
Huỳnh mai 406  
Huỳnh tinh cảnh 234  
Huỳnh tinh kiếng 221  
Huỳnh tinh rừng 235  
Huỳnh tinh vắn 222  
Huỳnh tinh vắn 236  
Kẹn 393  
Kề buôn 101  
Kề chỉ 87  
Kề cưỡng đỏ 98  
Keo lá dài 393  
Kề nam 86  
Kề nhật bản 97  
Kề đỏ 86  
Kề quạt 99  
Kề quạt bạc 99  
Kề quạt mỹ 100  
Keo sơn 394  
Kề tàu 89  
Keo tròn 394  
Kề voi 106  
Kèo nèo 468  
Khế 451  
Khóm rần 223

Khù khời 452  
Kiba 458  
Kiến cò 395  
Kiên ngư 13  
Kiến sáu 395  
Kiều hùng 395  
Kiều hùng đỏ 396  
Kiều nhụy 436  
Kiều qui 396  
Kiều tràng 295  
Kim anh 53  
Kim cúc 297  
Kim giao 196  
Kim giao 202  
Kim giao lá to 201  
Kim mâu 108  
Kim mâu vắn 108  
Kim ngân gân vàng 55  
Kim ngân hoa 54  
Kim ngân hoa tàu 55  
Kim ngân hoa trắng 55  
Kim ngư 468  
Kim đồng 397  
Kim phượng 397  
Kim quát 452  
Kim quít 452  
Kỳ nam kiến 123  
Kỳ tử 452  
La đơn 317  
La hán tùng 201  
Lâm nhung 56  
Lâm nhung áo 56  
Lâm vố 386  
Lâm vồ 427  
Lân bách 401  
Lân tăn 471  
Lân tăn đóm 241  
Lân tăn trở 241  
Lạc tiên cảnh 55  
Lan hoàng hậu 410

Lan huệ 319  
Lan huệ mạng 320  
Lan phi 343  
Lan thủy tiên 241  
Lan thủy tiên 243  
Lan tiêu 441  
Lanh sa mẫu tử 176  
Lanh sa tròn 176  
Lài 61  
Lài mỹ 400  
Lài nhiều hoa 61  
Lài đuôi chồn 426  
Lài tàu 400  
Lài trâu 416  
Lau 109  
Lá buồn ẩn 101  
Lá buồn đỏ 101  
Lá buồn to 101  
Lá cẩm thạch 212  
Lá gấm 319  
Lá gói 86  
Lá lệch đá 256  
Lá lược 192  
Lá măng 237  
Lá mỏng 175  
Lá móng 398  
Lá mỏng đẹp 176  
Lá ngựa vằn 238  
Lá non 86  
Lá non xẻ 89  
Lá rải bàn 399  
Lá rết 179  
Lá sọc dưa 238  
Lá tỏi 11  
Lá trắng 239  
Lác dù 468  
Lác giấy 469  
Lão bạn 239  
Lay ơn 317  
Lệ nhi 327

Lẻ bạn 239  
Liên đài 123  
Liên đài gù 124  
Liên đài lệch 126  
Liên đài đỏ 124  
Liên đài thừa 126  
Liệt nữ 321  
Liều 469  
Liều bách 264  
Liều bách rú 265  
Liều đỏ 436  
Liều rú 469  
Liều sam 197  
Liều sam nhật 197  
Liều tường hoa đỏ 401  
Lim xẹt 402  
Lo bo 403  
Lô biên 322  
Lỗ bình 322  
Lỗ danh 470  
Lô hội 127  
Lô hội cánh 128  
Lô hội vằn 128  
Lô hội vằn nhỏ 129  
Loa kèn đỏ 321  
Loa kèn trắng 315  
Lông heo 109  
Lồng đèn 453  
Lồng đèn 59  
Lợn 454  
Long thủ 403  
Long thủ vàng 404  
Lôi thọ leo 75  
Lồng thuyền 286  
Lưỡi cọp vằn 129  
Lưỡi cọp xanh 130  
Lưỡi cọp xanh mép vàng 130  
Lưỡi hổ 127  
Lưỡi lân 173  
Lưỡi lân 179

Lưỡi lê 146  
Lưỡi lê 147  
Lưỡi mèo 131  
Lưỡi rần thông 177  
Lưu ly thảo 323  
Lưu ly thảo cảnh 324  
Lu cu 404  
Lu lu cảnh 453  
Lu lu đỏ 453  
Lục bình 471  
Lục thảo 243  
Lục thảo cảnh 240  
Lục thảo lan 240  
Lục thảo thủy tiên 241  
Mận 378  
Mật cật 97  
Mật cật gai 94  
Mật cật ngón 98  
Mật cật nhỏ 96  
Mật cật to 97  
Mẫu đơn 373  
Mẫu tử 243  
Mộc tiền 46  
Mãng bàn tay 237  
Mãng tây 242  
Mãng tây cảnh 242  
Mặt quỷ 231  
Mai 405  
Mai chấm thủy 405  
Mai chiếu thủy 405  
Mai đỏ 406  
Mai tứ quý 406  
Mai vàng 406  
Mai vàng thơm 407  
Mạch môn 214  
Mạch môn lá cụt 240  
Mạo dài lá nhỏ 471  
Mạo dài trở 241  
Mạo san 114  
Mã hồ 404

Mao kiến ngư 15  
Mã kỳ 404  
Mã thiên hương 360  
Mã tiên bóng 285  
Màn màn cảnh 324  
Mãn đình hồng 345  
Mào gà 325  
Mào gà đỏ 325  
Me 407  
Me tây 423  
Mép dê 326  
Mi - mô - sa 394  
Mí 407  
Minh ty lá dài 245  
Minh ty rần 244  
Minh ty sóng 244  
Minh ty trắng 245  
Mơ tam thể 57  
Mộc 411  
Mộc tiền bầu 47  
Môn cọng đỏ 273  
Môn lưỡng sắc 245  
Môn đốm 245  
Môn đốm bạch tạng 246  
Môn thạch học 246  
Môn trở 245  
Môn trường sinh 247  
Môn trường sinh xanh 248  
Mồng gà 325  
Mộng tưởng 334  
Mò cua 408  
Mò mâm xôi 412  
Mò đỏ 380  
Mò thơm 412  
Mò vàng 381  
Mỡ vảy 412  
Mỡm sói 326  
Mười giờ 327  
Mười giờ nhỏ 328  
Mỏ két 128

Mỏ két lá dong 471  
Mỏ phượng 408  
Mỏ phượng đứng 409  
Mỏ phượng rủ 409  
Mỏ phượng treo 409  
Móc câu đỏ 131  
Móc diều 47  
Móc dùng đình 93  
Móc tai 275  
Móc. 94  
Móng bò hồng 409  
Móng bò lan 410  
Móng bò nhọn 410  
Móng bò sọc 409  
Móng bò tím 410  
Móng bò trắng 410  
Móng bò vàng 411  
Móng cọp xanh 57  
Móng rồng 33  
Móng trâu 177  
Móng trâu dày 178  
Móng trâu dẹt 178  
Móng trâu dẹt lông chim 178  
Móng trâu tròn 179  
Móng trâu xẻ 179  
Mù mắt 470  
Muống hoa đào 413  
Muống hoa vàng 413  
Muống hồng lớn 418  
Muống hoàng yến 414  
Muống java 413  
Muống đen 413  
Muống ngù 414  
Muống trâu 472  
Muống vàng thắm 402  
Muống xiêm 413  
Nấc nẻ 275  
Nấp ấm 58  
Nanh heo 133  
Náng củ 328

Náng đế 132  
Náng đế lá dài 132  
Náng tía 329  
Náng trường sơn 319  
Náng trụ 472  
Nê thảo 468  
Ngâu 415  
Ngâu tàu 415  
Ngà voi 133  
Ngãi cứu cánh 290  
Ngái hoa 285  
Ngái hùm 331  
Ngái tiên 472  
Ngái tiên đỏ 473  
Ngái tiên vàng 473  
Nghệ hương 329  
Nghệ hương cánh 330  
Nghệ hương lai 330  
Nghệ hương dài 330  
Nghệ sen 331  
Ngô đồng 135  
Ngô thi 277  
Ngọc am 195  
Ngọc bút 416  
Ngọc điệp 269  
Ngọc giá 134  
Ngọc giá cuộn 134  
Ngọc giá ván 134  
Ngọc lan 416  
Ngọc lan ta 390  
Ngọc lan trắng 417  
Ngọc long 308  
Ngọc nữ 59  
Ngọc nữ hồng 59  
Ngọc nữ đỏ 59  
Ngọc nữ thơm 412  
Ngọc nữ váy 412  
Ngọc trăm 331  
Ngọc trăm voi 331  
Ngọc tùng 194

Ngót 70  
Ngót ngào 60  
Ngũ phương 332  
Ngũ sắc 434  
Ngũ sắc điệp 249  
Ngũ tinh 333  
Ngũ trảo 417  
Nguyệt bạch 294  
Nguyệt quới 418  
Nha đam 127  
Nha đam vân 128  
Nhâm hôi 418  
Nhài 61  
Nhài leo 61  
Nhài vàng 62  
Nho 62  
Nho đen nhỏ 63  
Nho đen lớn 63  
Nho đỏ 63  
Nho trắng 63  
Nho biển 419  
Nhội đàn 419  
Nhót 63  
Nhót tây 429  
Nhum 102  
Nhưng hoa 250  
Nhũ cúc đồng 298  
Nhuộm móng tay 398  
Nữ trình 425  
Nở ngày 271  
Nửa 109  
Ô liêm mẫu 39  
Ô môi 418  
Ô rô đỏ 250  
Ô rô núi 64  
Ô rô sao tím 251  
Ô rô xanh 251  
Ổ rồng 180  
Ổ rồng kê 180  
Ốc tử 420

Ồi lùn 420  
Ồi tàu 420  
Ốt 455  
Ốt tàu 456  
Păng - xê 334  
Păng xê nhỏ 335  
Păng xê thơm 334  
Pê - tra 21  
Pê-tun 279  
Phát dụ 252  
Phát dụ hẹp 253  
Phát dụ mảnh 253  
Phát dụ dóm mờ 254  
Phát dụ rộng 254  
Phát dụ thơm 263  
Phát dụ trúc 254  
Phát dụ trúc lang 255  
Phát dụ vân 256  
Phát dụ từng 207  
Phát tài sọc 252  
Phật thủ 456  
Phát dụ sọc 252  
Phát dụ xanh 251  
Phát tài 251  
Phi lao 421  
Phi yến 283  
Phong diệu yếu 338  
Phong huệ 335  
Phong huệ lớn 336  
Phong huệ trắng 336  
Phong huệ vàng 336  
Phong lữ 336  
Phong nhận 330  
Phượng tím 424  
Phượng vĩ 423  
Phượng vĩ tím 424  
Phượng vũ 83  
Phước 311  
Phước hoa 422  
Phu lệ bò 256

Phu lệ đẹp 257  
Phù dung 421  
Quát 457  
Quạt xòe 176  
Quanh châu 425  
Quả nổ 337  
Quyển bá 180  
Quyển bá bò 180  
Quyển bá cuộn 181  
Quyển bá lá dày 181  
Quyển bá mỏng 473  
Quyển bá đứng 181  
Quyển bá thận 182  
Quyển bá thận bạc 182  
Quyển bá trường sinh 182  
Quyển bá vẩy 473  
Quỳnh 135  
Quỳnh đỏ 136  
Râm 425  
Râm bụi 22  
Râm bụi sè 25  
Râu cây 183  
Râu hùm 337  
Râu mèo 338  
Râu mèo mảnh 338  
Râu ông lão 64  
Râu rồng 183  
Râu rồng lá 183  
Râu rồng tua 184  
Rạng đông 31  
Ràng ràng 174  
Rau cúc 295  
Rau mác 474  
Rau mác tròn 475  
Ráng can xỉ hình phẳng 190  
Ráng chò chanh 185  
Ráng liên sơn lưỡi dao 176  
Ráng liên tọa bần 173  
Ráng ở phụng 189  
Ráng tây sơn 174

Ráng thận lân 179  
Ráng thận lân chẻ 179  
Ráng thận lân hình tim 177  
Ráng thận lân đứng 178  
Ráy bụi 257  
Ráy cảnh 257  
Ráy cửa sổ 70  
Ráy leo lá lớn 69  
Ráy leo lá xẻ 70  
Ráy xẻ 258  
Rẻ quạt 338  
Rìa xanh 67  
Riêng nước 339  
Rồng nhả ngọc 59  
Roi ấn độ 457  
Roi tiên trắng 426  
Rong đuôi chồn 475  
Rong đuôi chồn mỹ 476  
Rong đuôi chó 475  
Rong xương cá 475  
Ruối 64  
Ruối ô rô 64  
Ry đẹp 339  
Sâm cau 286  
Sâm cau lá rộng 287  
Sâm chua 340  
Sâm nam 122  
Sâm tuế 208  
Sậy 112  
Sậy cảnh 110  
Sậy núi 112  
Sậy trở 112  
Sậy trở sọc 113  
Saba xanh 88  
Sấn vắn 258  
Sặt 110  
Sặt cảnh 111  
Sặt cong 111  
Sặt cỏ 111  
Sặt nhỏ 111



Sắt sọc 112  
Sam đá 426  
San hô xanh 136  
Sanh 427  
Sanh lá nhỏ 427  
Sao nhái chuẩn chuẩn 289  
Sao nhái đỏ 289  
Sàn sạt 65  
Sát thủ dóm 378  
Sẹ đỏ 340  
Sẹ vòng 340  
Sen 476  
Sen Amaxôn 477  
Sen cạn 341  
Sen hoàng hậu 477  
Sen đất 370  
Sen trắng 476  
Sen vàng 476  
Si (gựa tàu) 427  
Si dóm 427  
Sư nha 343  
So đo bông vàng 427  
So đo cam 388  
Sô đỏ 430  
Sô đỏ lùn 432  
Sôn 430  
Sống đời 149  
Sộp 427  
Sơn cóc 373  
Sơn liểu 429  
Sơn quì 392  
Sơn quì lá tròn 392  
Sơn thế 198  
Sơn thù du nhật 458  
Sơn trà 429  
Sơn trà nhật bản 429  
Sơn trà nhám 368  
Sơn tuế đế 199  
Sơn tuế xiêm 199  
Song bào 342

Song dị 259  
Sò huyết 239  
Sữa 408  
Sừng hươu 151  
Sừng hươu 185  
Sừng trâu 459  
Sứ 416  
Sứ cùi 375  
Sứ quân tử 34  
Sứ thái 137  
Sói 428  
Sung 427  
Sung 458  
Sung thần lân 74  
Súng lam 478  
Súng đỏ 478  
Súng trắng 477  
Tầm sét 16  
Tầm vông 114  
Tầm xuân 66  
Tắc 457  
Tai cùi 139  
Tai hùm 138  
Tai tượng đuôi chồn 432  
Tai tượng trở 259  
Tai voi 61  
Tế 174  
Thần tiên bất tử 167  
Thận tử 102  
Thận tử sọi 102  
Thập nhị 136  
Thần lân 433  
Thạch thảo 287  
Thạch trụ thiên 139  
Thạch tùng dài 186  
Thạch tùng nghiêng 186  
Thạch tùng thân gấp 183  
Thạch tùng tua mục 184  
Thạch tùng vẩy 183  
Thạch tùng xoan 184

Thạch xương bò 478  
Thanh anh 343  
Thanh long 154  
Thanh quan 67  
Thanh quan trắng 67  
Thanh táo 68  
Thanh tùng 203  
Thanh yên 444  
Thài lài tía 261  
Thài lài tím 262  
Thảo bạc mềm 17  
Thảo bạc tím 12  
Thích lệ tử 53  
Thích tím 263  
Thiên môn đông 263  
Thiên điều 433  
Thiên tuế 200  
Thiên tuế bắc 200  
Thiên tuế biển 198  
Thiên tuế uốn 207  
Thiết giác lưỡi liềm 190  
Thiết mộc lan 263  
Thổ yên hoa 256  
Thông ba lá 201  
Thông hai lá 200  
Thông la hán 201  
Thông la hán cảnh 202  
Thông lông gà 202  
Thông mục 208  
Thông đất 186  
Thông đất dùi 186  
Thông nàng 202  
Thông nhựa 200  
Thông đỏ 203  
Thông thiên 435  
Thông tre 202  
Thông úc 204  
Thông xanh 203  
Thông xanh lá vàng 204  
Thốt nốt 103

Thoát bào lan 344  
Thơm dùm 140  
Thơm kiếng 223  
Thơm ổi 434  
Thược dược 347  
Thượng cán 69  
Thượng cán cưỡng mập 71  
Thượng cán mỹ rách 70  
Thượng cán mỹ xè 70  
Thượng cán đuôi phượng 71  
Thượng cán xè 70  
Thượng nữ 149  
Thượng nữ núi 149  
Thường sơn 68  
Thu hải đường bắc 141  
Thu hải đường châu đóc 141  
Thu hải đường mỹ 142  
Thu hải đường đá 142  
Thu hải đường nguyên 143  
Thu hải đường thầu dầu 143  
Thu hải đường trắng 143  
Thu hải đường trường xuân 144  
Thu hải đường vằn 144  
Thu hải đường xè 145  
Thu thảo 104  
Thực địa gổ 435  
Thực quì 345  
Thù lù lông 453  
Thùa 146  
Thùa cảnh 147  
Thùa nhỏ 148  
Thùa xanh 148  
Thuốc bóng 149  
Thuốc dẫu 120  
Thuốc giòi 150  
Thuốc kê 461  
Thuốc trặc 68  
Thùy ti liệu 264  
Thủ lân 145  
Thủy nữ 479

Thủy tiên 346  
Thủy trúc 468  
Thủy tùng 237  
Thủy xương hổ 479  
Ti liệu 264  
Ti liệu rủ 265  
Tía tô cảnh 265  
Tía tô mập 266  
Tía tô tây 265  
Tía tô tím 267  
Tiềm liên 479  
Tiêu dọi 71  
Tiêu lốt 72  
Tiêu long 72  
Tiêu long Java 71  
Tiểu đình hồng 348  
Tigôn 10  
Tổ chim 189  
Tổ chim cong 190  
Tổ chim dài 190  
Tổ chim thưa 191  
Tô hạp bách 204  
Tô liên 349  
Tô liên á 350  
Tô liên Thái Lan 350  
Tô mách chim 446  
Tổ điều 189  
Từ bi 351  
Từ cô 474  
Tương tư đậu 26  
Tường liên 154  
Tường vi 441  
Tước kim chi 268  
Tử tiêu 441  
Tử vi tàu 441  
Tóc thần 187  
Tóc thần đuôi 187  
Tóc thần phi 188  
Tóc thần xanh 189  
Tóc tiên 335

Tóc tiên 38  
Tóc tiên rừng 342  
Tóc vệ nữ 187  
Tỏi lan 240  
Tỏi lơ tía 329  
Tỏi lơ trắng 328  
Tỏi lơ trụ 472  
Tỏi trời 344  
Trám hùng 74  
Trâm sơ ri 457  
Trấu bà 268  
Trấu cổ 74  
Trấu cổ nhỏ 75  
Trấu không 73  
Trấu trời (ráy leo) 73  
Trấu trời lá lớn 70  
Trấu trời mỳ 74  
Trắc bá 205  
Trắc bách diệp 205  
Trắc bách diệp lớn xoắn 206  
Trai đỏ 262  
Trai tích lan 459  
Trạng nguyên 437  
Trạng son 380  
Trạng tây 437  
Trạng to 380  
Trạng trắng 380  
Trạng vàng 381  
Trạng vàng cam 381  
Trà hàng rào 72  
Trà mi 387  
Trà mi 436  
Trâm bông đỏ 436  
Trái nấm 459  
Tre mạnh tông lớn 114  
Tre mạnh tông đặc 114  
Tre dùi gà 113  
Tre ống điều 113  
Tre trở 115  
Tre vàng sọc 115

Trị rắn 51  
Trọng đũa 460  
Trường anh 350  
Trường sinh det 150  
Trường sinh hồng 151  
Trường sinh lá to 152  
Trường sinh lá tròn 152  
Trường sinh lá xẻ 151  
Trường sinh ống 153  
Trường sinh phu 149  
Trường sinh rắn 153  
Trường sinh rách 151  
Trường sinh xuân 153  
Trước đào 202  
Trước đào 438  
Trúc bạc 268  
Trúc chí 404  
Trúc gà nhỏ 371  
Trúc vịt 182  
Trùm bao trúc 55  
Trúc cảnh 115  
Trúc cảnh 117  
Trúc hóa long 116  
Trúc lùn 117  
Trúc lùn nhật 118  
Trúc đào 438  
Trúc đào kép 439  
Trúc đen 116  
Trúc nhật 254  
Trúc nhật dóm 255  
Trúc sắt 110  
Trúc vàng 118  
Trúc vuông 118  
Tu hú lá dài 461  
Tu hú mỹ 461  
Tu hú đông 75  
Tu hú đỏ 461  
Tu hú phi 76  
Tu hú trắng 461  
Tu lép 351

Tùng mốc 206  
Tùng ngắn 207  
Tùng xà 194  
Tú cầu 439  
Túc vàng 116  
Tút thiên nhon 263  
Tuyển nha 76  
Vân môn 353  
Vân môn dóm 353  
Vẩy ốc 74  
Vẩy trúc 311  
Váp 442  
Vạn diệp 352  
Vạn niên bạch 245  
Vạn niên bụi 244  
Vạn niên thanh 268  
Vạn niên vạc 244  
Vạn thọ nhỏ 298  
Vạn tuế 207  
Vạn tuế chìm 208  
Vạn tuế mỹ 208  
Vạn tuế nam 208  
Vạn tuế trung 208  
Vàng anh 442  
Vàng bạc 269  
Vi lân lá đẹp 192  
Vi lân mảnh mai 192  
Viên trùng 204  
Vi hoa đẹp 354  
Vi hoa răng 354  
Vi hoa thơm 355  
Vi hoa trắng 271  
Vi hoa tròn 355  
Vông nem 443  
Vông vang 356  
Vọt 174  
Vọt gai 154  
Vọt gai biển 155  
Vọt gai cánh 155  
Vương tùng 193

## BẢNG TRA CỬU TÊN CÂY BẰNG TIẾNG LA TINH

- Abelmoschus moschatus* Moench. 356
- Abrus pauciflorus* Desv. 26
- Abrus precatorius* L. 26
- Acacia caleyi* Cunn. 394
- Acacia floribunda* Hort. 394
- Acacia fraseri* Hook. 394
- Acacia intertexta* Sieb.; 393
- Acacia lebbek* Willd. 361
- Acacia longifolia* Willd. 393
- Acacia longifolia* Willd. var. *floribunda* F.V.M. 393
- Acacia longifolia* Willd. var. *sophorae* F.V.M. 393
- Acacia obtusifolia* A. Cunn. 393
- Acacia podalyriaefolia* Cunn. 394
- Acacia retinodes* Schlecht. 394
- Acacia semperflorens* Hort. 394
- Acalypha evrardii* Gagn. 72
- Acalypha fruticosa* Auct. 72
- Acalypha hispida* Burm. f. 432
- Acalypha hispida* Burm. f. var. *alba* Hort. 432
- Acalypha hispida* Burm. f. var. *ramosa* Hort. 433
- Acalypha sar. deri* N.E.Br. 432
- Acalypha tricolor* Hort. ex Seem. 259
- Acalypha u ilkesiana* Muell- Arg 259
- Acanthaceae** 10, 26, 27, 28, 29, 45, 68
- Acanthaceae** 211, 238, 249, 250, 251 269, 308, 311, 312, 337, 365, 387, 388, 395, 403
- Acanthus integrifolius* T. Anders 10
- Acer palmatum* L. var. *atropurpureum* 263
- Aceraceae** 263
- Achania malvaviscus* Swartz. 24
- Achillea Millefolium* L. var. *roseum* Hort. 353
- Achillea Millefolium* L. var. *rubrum* Hort. 353
- Achimenes cupreata* Hook. 210
- Achyranthes verschaffeltii* Lem. 250
- Acorus calamus* L. var. *variegatus* Hort. 479
- Acorus calamus* Linn. 479
- Acorus gramineus* Soland 478
- Acorus gramineus* Soland. var. *pusillus* Engl. 478
- Acorus gramineus* Soland. var. *variegatus* Hort. 478
- Actinophleus macarthurii* Becc. 79
- Adamia versicolor* Fortune 68
- Adenium obesum* Roem. et Sch. 137
- Adiantaceae** 187, 187, 188, 189
- Adiantum arcuatum* SW. 188
- Adiantum capillus - veneris* L. 187
- Adiantum caudatum* Bak. 187
- Adiantum ciliatum* Bl. 187
- Adiantum dolabriforme* Hook. 188
- Adiantum flabellulatum* L. 189
- Adiantum luddemanianum* Hort. 187

Vết 189  
Vuốt cạp 57  
Xa kê 461  
Xa mu 208  
Xạ can 338  
Xạ thảo nhật 214  
Xác pháo 401  
Xác pháo núi 430  
Xi rô 462  
Xơ - ri 463  
Xộp 74  
Xương khô 136  
Xương rắn 164  
Xương rồng ba cạnh 164  
Xương rồng bạc đầu 156  
Xương rồng bạch điếu 157  
Xương rồng bạch thổ 157  
Xương rồng bạch vũ 158  
Xương rồng bà 156  
Xương rồng bà nhãn 156  
Xương rồng bàn tay 139  
Xương rồng cầu vòng 167  
Xương rồng cột 139  
Xương rồng dẹt 154  
Xương rồng dẹt cánh 155  
Xương rồng điệp long 158

Xương rồng điệp long lớn 159  
Xương rồng dưa 159  
Xương rồng dưa gang 160  
Xương rồng gai heo 161  
Xương rồng gai đỏ 131  
Xương rồng hồng tử đình 161  
Xương rồng huỳnh hoa 121  
Xương rồng kẽm trông đỏ 161  
Xương rồng khế 162  
Xương rồng kim cương 162  
Xương rồng long cốt (nọc trụ) 163  
Xương rồng móc câu 163  
Xương rồng năm cạnh 156  
Xương rồng đào lê tiên 160  
Xương rồng ông 164  
Xương rồng ông cảnh 164  
Xương rồng tàu 164  
Xương rồng thần tiên 167  
Xương rồng thần tiên vàng 167  
Xương rồng thái dương 165  
Xương rồng thái dương đỏ 166  
Xương rồng thái dương tím 167  
Xương rồng trứng 168  
Xương rồng xoài riêng 168  
Xúc xích 444

*Adiantum lunulatum* Burm. 188  
*Adiantum philippinense* L. 188  
*Adiantum regine* Hort. 187  
*Aeaceae* 479  
*Aechmea fasciata* 225  
*Aegle marmelos* Correa Egle' 459  
*Aeschynanthus evardii* Pell. 145  
*Aesculus chinensis* Bunge 393  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*albidus* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*atrocaeruleus* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*aureus* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*flore-pleno* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*minor* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*multiflorus* Voss. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*praecox* Hort. 344  
*Agapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*weillighii* Hort. 344  
*Agapetes poilanei* Dop. 149  
*Agapetes velutina* Guill. 149  
*Agaphanthus africanus* Hoffm. 343  
*Agaphanthus umbellatus* L'Her 343  
*Agathis australis* Steud. 204  
*Agavaceae* 134, 146, 147, 148, 313  
*Agave altissima* Zun. 146  
*Agave americana* Linn. 146  
*Agave angustifolia* Haw. 148  
*Agave bulbifera* Salm. - Dyck. 147  
*Agave cantula* Roxb. 147

*Agave foetida* Linn. 148  
*Agave Jacquiniiana* Schult.f. 148  
*Agave lucida* Jacq. 148  
*Agave ramosa* Moench. 146  
*Agave spectabilis* Salisb. 146  
*Agave vivipara* L. 147  
*Agave wrightii* Prain. 148  
*Ageratum caeruleum* Desf. 292  
*Ageratum conyzoides* Linn. 292  
*Ageratum houstonianum* Mill. 293  
*Ageratum mexicanum* Sims. 293  
*Aglaiia adorata* Lour. 415  
*Aglaiia duperreana* Pierre 415  
*Aglaonema commutatum* Hort. 244  
*Aglaonema costatum* Veitch. 244  
*Aglaonema marantifolium* Bl. 244  
*Aglaonema marantifolium* Bl. var.  
*commutatum* Schott. 244  
*Aglaonema marantifolium* var.  
*maculatum* Hook. 244  
*Aglaonema oblongifolium* Kth, 244  
*Aglaonema pseudobracteatum* Hort.  
245  
*Albizia lebbek* Benth. 361  
*Aletris fragrans* L. 263  
*Alismaceae* 474  
*Allamanda cathartica* L. 51  
*Allamanda hendersoni* Hort. 51  
*Allamanda neriifolia* Hook. f. 52  
*Alliaceae* 343  
*Allospondias lakoensis* (Pierre)  
Stapf. 257  
*Alocasia macrorrhiza* (L.) G. Don  
257

*Alocasia sanderiana* W. Bull. 258  
*Aloe abyssinica* Lamk. 128  
*Aloe barbadensis* Mill. 127  
*Aloe elongata* Murr. 127  
*Aloe flava* Pers. 127  
*Aloe foetida* Crantz. 148  
*Aloe maculata* Fork. 128  
*Aloe perforliata vera* Linn. 127  
*Aloe punctata* Haw. 128  
*Aloe variegata* Linn. 128  
*Aloe vera* Linn. 127  
*Aloe vulgaris* Lam. 127  
*Aloysia virgata* 426  
*Alpinia nutans* Roscoe 339  
*Alpinia purpurata* Linn. 340  
*Alsophylla contaminans* Wall. 173  
*Alsophylla glauca* J. Smith. 173  
*Alstonia scholaris* R. Br. 408  
*Alternanthera amabilis* Versch. 220  
*Alternanthera ficoidea* 220  
*Alternanthera repens* (L.) O. Ktze.  
    forma *rubra* Hort. 220  
*Althaea rosea* (L.) Cav. 345  
*Amaranthaceae* 219, 220  
*Amaranthaceae* 250, 271, 301, 301,  
    325  
*Amaranthus caudatus* Linn. 301  
*Amaranthus hybridus* L. var.  
    *paniculatus* Uline et Bray 301  
*Amaranthus paniculatus* Linn. 301  
*Amaranthus tricolor* L. var.  
    *splendens* Bail. 319  
*Amaryllidaceae* 272, 272, 314, 316,  
    319, 320, 321, 328, 329, 331,

    335, 344, 346, 472  
*Amaryllis aurea* L'Her. 344  
*Amaryllis belladonna* Linn. 321  
*Amaryllis carnea* Schult. 335  
*Amaryllis equestris* Ait. 319  
*Amaryllis reticulata* L'Herit 320  
*Amomum magnificum* Benth. et  
    Hook. 304  
*Ampelidaceae* 50  
*Amygdalus persica* Linn. 376  
*Anacardiaceae* 373  
*Ananas sativus* Lindl. var.  
    *variegatus* Hort. 228  
*Andropogon muricatus* Retz. 108  
*Angelonia salicariaefolia* Humb. et  
    Bonpl. 273  
*Annonaceae* 33  
*Annonaceae* 390, 392  
*Anthemis coronaria* Hort. 295  
*Anthericum picturatum* Hort. 243  
*Anthericum vittatum* Hort. 243  
*Anthericum williamsii* Hort. 243  
*Anthurium andreanum* Ldl. var.  
    *album* Hort. 356  
*Anthurium andreanum* Ldl. var.  
    *gameri* Hort. 356  
*Anthurium andreanum* Ldl. var.  
    *salmonium* Hort. 356  
*Anthurium andreanum* Lindl. 355  
*Anthurium dentatum* Hort. 354  
*Anthurium magnificum* Linn. 354  
*Anthurium Scherzerianum* Schott.  
    355  
*Anthurium Scherzerianum* Schott.  
    var. *album* Hort. 355



- Anthurium Sherzerianum* Schott.  
var. *andegavense* Hort. 355
- Anthurium Sherzerianum* Schott.  
var. *nebulosum* Hort. 355
- Anthurium Sherzerianum* Schott.  
var. *parisiense* Hort. 355
- Antigonon leptopus* Hook. et Arn. 10
- Antirrhinum latifolium* DC. 326
- Antirrhinum majus* Linn. 326
- Aphelandra squarrosa* Nees. 238
- Apocynaceae 303, 375, 376, 405,  
408, 416, 435, 437, 438, 439,  
459, 462
- Apocynaceae 35, 49, 51, 52, 76
- Aponogeton distachyus* L. f. var.  
*lagrangei* Hort. 466
- Aponogeton distachyus* Linn.f. 465
- Aponogetonaceae 465
- Araceae 211, 232, 244, 244, 245, 245,  
246, 247, 257, 258, 268, 271,  
273, 353, 354, 355, 464, 465,  
478, 248, 354
- Araceae 69, 70, 70, 71, 73
- Aralia balfouriana* Sander 385
- Aralia filicifolia* Moore 382
- Aralia fruticosa* Hort. 384
- Aralia guilfoylei* Bull. 383
- Aralia monstrosa* Hort. 383
- Aralia victoriae* Hort. 384
- Araliaceae 122, 259, 381, 382, 383,  
384, 385
- Araucaria bidwill* Hook. 194
- Araucaria columnaris* (G. Forst.)  
Hook. 193
- Araucaria cookii* R. Br. 193
- Araucaria cunninghamii* D. Don 194
- Araucaria excelsa* R. Br. 193
- Araucariaceae 193, 194, 204
- Archillea Millefolium* Linn. 352
- Archontophoenix alexandrae*  
Wendl. et Drude 79
- Ardisia crenata* Sims. 460
- Ardisia crenulata* Lodd. 460
- Ardisia crispa* Hort. 460
- Ardisia crispa* Hort. var. *fructu -*  
*albo* Hort. 460
- Ardisia crispa* Hort. var. *fructu -*  
*luteo* Hort. 460
- Ardisia crispa* Hort. var. *variegata*  
Hort. 460
- Areca catechu* L. 77
- Areca gracilis* Thouars 82
- Areca lutescens* Borry. 82
- Areca nobilis* Hort. 102
- Arecaceae 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83,  
84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92,  
93, 94
- Arecaceae 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100,  
101, 102, 103
- Arecastrum romanzollianum* Becc.  
92
- Arenga pinnata* (Warmb.) Merr. 77
- Argemone mexicana* Linn. 278
- Argemone speciosa* Hort. 278
- Argyreia argentea* Miq. 17
- Argyreia mollis* (Burm.f.) Choisy 17
- Argyreia nervosa* (Burm.f.) Boi 12
- Argyreia speciosa* Sweet. 12
- Armeniaca mume* Sieb. 405
- Artabotrys odoratissima* R. Br. 33

*Artabotrys uncinatus* (Lam.) Merr.  
33  
*Artemisia capillaris* Thunb. 290  
*Artocarpus altilis* (Park.) Forb. 461  
*Artocarpus communis* J. R. et G.  
Forst. 461  
*Arum bicolor* Ait. 245  
*Arundinaria auricoma* 112  
*Arundinaria falcata* Nees in L. 111  
*Arundinaria japonica* Sieb. et Zucc.  
118  
*Arundinaria pusilla* Chev. et Cam.  
111  
*Arundinaria sat* Bul. 110  
*Arundinaria viridistriata* 112  
*Arundo donax* L. 110  
*Asclepiadaceae* 277, 278  
*Asclepiadaceae* 29, 37, 46, 47, 74  
*Asclepias carnosus* L. 29  
*Asclepias cordata* Burm. f. 37  
*Asclepias curassavica* Linn. 277  
*Asclepias pulchella* Roxb. 74  
*Asparagaceae* 237, 242, 263  
*Asparagus acerosus* Roxb. 263  
*Asparagus officinalis* L. 242  
*Asparagus plumosus* Baker. 237  
*Asparagus sprengeri* Regel. 242  
*Asphodelaceae* 127, 128, 129  
*Asphodelaceae* 240, 241, 243  
*Aspleniaceae* 189, 190, 191  
*Asplenium australasicum* Hook. 189  
*Asplenium belangerii* (Borrey.) O.  
Ktze. 191  
*Asplenium falcatum* Lamk. 190

*Asplenium longissimum* Blume 190  
*Asplenium nidus* L. 189  
*Asplenium veichianum* Moore 191  
*Asteliaceae* 232, 233  
*Aster amellus* Linn. 287  
*Aster trinervius* Roxbg. 288  
*Asteraceae* 218, 274, 287, 288, 289,  
290, 291, 292, 293, 294, 295,  
296, 297, 298, 299, 300, 302,  
306, 316, 343, 347, 351, 352,  
392, 392, 396  
*Asystasia chelonoides* Nees. 251  
*Attalea macrocarpa* Linden. 92  
*Aucuba japonica* Thunb. 458  
*Averrhoa carambola* Linn. 451  
*Azalea indica* Sims. non Linn. 385  
*Azolla imbricata* Nakai 464  
*Azolla pinnata* Br. 464  
*Azollaceae* 464  
*Balsamina hortensis* DC. 275  
*Balsaminaceae* 275, 276  
*Bambusa argentea* Hort. 112  
*Bambusa aurea* Hort. 118  
*Bambusa falcata* Hort. 111  
*Bambusa mitis* Hort., non Poir 115  
*Bambusa nigra* Lodd. 116  
*Bambusa quadrangularis* Penzi. 118  
*Bambusa stricta* Roxb. 114  
*Bambusa ventricosa* Mc. Clure 113  
*Bambusa vulgaris* Schrader ex  
Wendl. var. *aurea* - *variegata*  
Hort. 115  
*Bambusa vulgaris* var. *striata*  
Gamble 115

*Barleria cristata* Linn. 387  
*Barleria lupulina* Lindley. 388  
*Bauhinia acuminata* L. 410  
*Bauhinia monandra* Kurz. 409  
*Bauhinia purpurea* Linn. 410  
*Bauhinia tomentosa* L. 411  
*Bauhinia triandra* Roxbg. 410  
*Bauhinia variegata* Linn. 409  
*Beaucarnea longifolia* Baker. 132  
*Beaucarnea recurvata* Ch. Lem. 132  
*Baumontia fragrans* Pierre 49  
*Baumontia grandiflora* Wall. 49  
*Begonia baviensis* Gagnep. 141  
*Begonia bowringiana* Champ. 145  
*Begonia daveauana* Carr. 256  
*Begonia davisii* Veitch. 142  
*Begonia dolifolia* Hort. 143  
*Begonia harmandii* Gagnep. 141  
*Begonia integrifolia* Dalz. in Hook.  
143  
*Begonia laciniata* Roxb. 145  
*Begonia rex* Putz. 144  
*Begonia ricinifolia* Hort. 143  
*Begonia rupicola* Miq. 142  
*Begonia semperflorens* Link. et Otto  
144  
*Begonia spathulata* Willd. 144  
*Begoniaceae* 141, 142, 143, 144, 145  
*Belamcanda chinensis* DC. 338  
*Belamcanda punctata* Moench, 338  
*Beloperone guttata* Brand. 403  
*Berberidaceae* 404  
*Berberis nepalensis* Spreng. 404  
*Bidens atrosanguinea* Ort. 289

*Bidens dahlioides* Wata. 289  
*Bignonia floribunda* Hort. 11  
*Bignoniaceae* 11, 31, 44  
*Bignoniaceae* 379, 388, 424, 427  
*Bignoniaceae* 444, 450  
*Billbergia amoena* Lindl. 224  
*Billbergia discolor*. Beer. 2 24  
*Billbergia pyramidalis* (Sims.) Lindl.  
223  
*Billbergia speciosa* Thunb. 224  
*Billbergia variegata* Schult. f. 224  
*Biognonia venusta* Ker. 31  
*Biota orientalis* (L.) Endl. 205  
*Bombacaceae* 386  
*Bombax ceiba* Burme. 386  
*Bombax malabaricum* DC. 386  
*Boraginaceae* 239, 323, 324  
*Borassus flabellifer* L. 103  
*Borassus flabelliformis* Mart. 103  
*Bougainvillea glabra* Choisy 48  
*Bougainvillea speciosa* Lindl. non  
SchintzL. 47  
*Bougainvillea spectabilis* Willd. 47  
*Bougainvillea splendens* Hort. 47  
*Brahea dulcis* Mart. 101  
*Brahea filamentosa* Hort. 87  
*Breynia disticha* Forst. var. *rose-*  
*picta* Hort. 212  
*Breynia rhamnoides* Muell-Arg. 368  
*Bromeliaceae* 140, 223, 224, 225,  
226, 228  
*Brownea ariza* Benth. 364  
*Brownea grandiceps* Jacq. 364  
*Brownea Rosa de Monte* Berger. 364

*Brugmania suaveolens* D. Don. 363  
*Brunfelsia hopeana* Benth. 400  
*Brunfelsia pauciflora* (Pohl.) D. Don.  
 400  
*Bryophyllum calycinum* Salisb. 149  
*Bryophyllum tubiflorum* Haw. 153  
*Buddleia davidii* Franch. 278  
*Butea frondosa* Roxbg. 386  
*Butomaceae* 468  
*Cactaceae* 121, 131, 135, 136, 139,  
 154, 155, 156, 157, 158, 159,  
 160, 161, 162, 163, 165, 166,  
 167, 168  
*Cactus peruvianus* Linn. 163  
*Caesalpinia pulcherrima* Sw. var.  
*flava* Hort. 398  
*Caesalpinia pulcherrima* Swartz.  
 397  
*Caesalpiniaceae* 268, 364, 397, 402,  
 407, 409, 410, 411, 413, 414,  
 418, 423, 442, 472  
*Caladium bicolor* (Ait.) Vent. 245  
*Caladium candidum* Hort. 246  
*Caladium odorum* Lindl. 257  
*Calathea bicolor* Steud. 221  
*Calathea* cf. *clissoni* Hort. 235  
*Calathea ornata* (Lind.) Koern. 234  
*Calathea zebrina* (Sims.) Lindl. 236  
*Calla aethiopica* L. 353  
*Calla rubens* Roxb. 273  
*Calliandra emarginata* Benth. 396  
*Calliandra hematocephala* Hassk.  
 395  
*Callicarpa americana* L. var. *alba*  
 Hort. 461

*Callicarpa americana* Linn. 461  
*Callicarpa dichotoma* (Lour.) K.  
 Koch. 461  
*Callicarpa gracilis* Sieb. et Zucc. 461  
*Callicarpa longifolia* Lam. 461  
*Callicarpa purpurea* Juss. 461  
*Callioptis tinctoria* DC. 299  
*Callispida guttata* (Brand.) Brem.  
 403  
*Callistemon citrinus* (Curtis) Skeels.  
 436  
*Callistemon lanceolatus* Sweet 436  
*Callistemon lanceolatus* Sweet. var.  
*semperflorens* Hort. 437  
*Callistephus chinensis* (L.) Ness. 295  
*Callistephus hortensis* Cass. 295  
*Callitrichaceae* 467  
*Callitriche antoginalis* Hort. 467  
*Callitriche stagnalis* Scop. 467  
*Calocedrus macrolepis* Kurz. 204  
*Calomyction aculeatum* Ochse. 19  
*Calomyction speciosum* Choisy 19  
*Camellia amplexicaulis* (Pit.) Coh. -  
 Swact. 387  
*Camellia japonica* Nois. 436  
*Camellia japonica* Nois. var. *flore* -  
*pleno* Hort. 436  
*Campsis radicans* Seem. 44  
*Canarium odoratum* (Lamk.) King  
 390  
*Canavallia ensiformis* (L.) DC. 42  
*Canavallia microcarpa* (DC.) Merr.  
 42  
*Canna coccinea* Link. 284  
*Canna crocea* Hort. 284

*Canna hybrida* Hort. 285  
*Canna indica* Linn. 284  
*Canna patens* Roscoe 284  
 Cannabinaceae 65  
 Cannaceae 284, 285  
 Capparaceae 324  
 Caprifoliaceae 54, 449  
*Capsicum annuum* L. var.  
     *abbreviatum* Fingh. 456  
*Capsicum annuum* L. var.  
     *acuminatum* Fingh. 455  
*Capsicum annuum* L. var.  
     *cerasiforme* Irish. 456  
*Capsicum annuum* L. var. *conoides*  
     Irish 455  
*Capsicum annuum* L. var.  
     *fasciculatum* Irish. 455  
*Capsicum annuum* L. var. *grossum*  
     Sendt. 455  
*Capsicum annuum* L. var. *longum*  
     Sendt. 455  
*Capsicum annuum* Linn. 455  
*Capsicum baccatum* L. 455  
*Capsicum cerasiforme* Mill. 456  
*Capsicum chilense* Hort. 455  
*Capsicum chinensis* L. 456  
*Capsicum conoides* Mill. 455  
*Capsicum fasciculatum* Sturt. 455  
*Capsicum frutescens* L. 455  
*Capsicum grossum* Linn. 455  
*Capsicum longum* DC. 455  
*Capsicum luterum* Lam. 456  
*Capsicum umbilicatum* Vell. 456  
*Cardiospermum halicacabum* Linn.

*Carissa carandas* Linn. 462  
*Carmona retusa* (Vahl.) Matsam. 368  
*Carmona microphylla* (Lam.) Don  
     368  
 Caryophyllaceae 275, 280, 281, 321  
*Caryota furfuraca* Bl. 93  
*Caryota mitis* Lour. 93  
*Caryota sobolifera* Wall. 93  
*Caryota urens* L. 94  
*Cassia alata* L.f. 472  
*Cassia fistula* Linn. 414  
*Cassia grandis* Linn. f. 418  
*Cassia siamea* Lamk. 413  
*Cassia splendida* Vogel. 413  
*Casuarina equisetifolia* J.S. et G.  
     Forst. 421  
 Casuarinaceae 421  
*Catharanthus roseus* (L.) G. Don 303  
*Catimbiium speciosum* (Wendl.)  
     Holt. 339  
*Cayratia japonica* (Thunb.) Gagnep.  
     39  
*Celosia argentea* Linn. 325  
*Celosia cristata* Linn. 325  
*Centratherum intermedium* Less.  
     295  
*Centrosema pebescens* Benth. 38  
*Cephalocereus senilis* (Haw.) Pfeiff.  
     156  
 Cephalotaxaceae 203  
*Cerasus lannesiana* Carr. 357  
*Cerasus phoshia* Hamilt. 357  
*Cerasus puddum* Wall. 357  
 Ceratophyllaceae 468

- Ceratophyllum demersum* Linn. 468  
*Ceratopteris pteridoides* Hort. 476  
*Ceratopteris thalictroides* (L.)  
 Brongn. 475  
*Cereus candicans* Hort. 167  
*Cereus pectinatus* EngL. 166  
*Cereus peruvianus* (L.) Mill. 163  
*Cereus rigidissimus* Hort. 167  
*Cereus senilis* DC. 156  
*Cereus viridiflorus* Engl. 165  
*Cestrum aurantiacum* Lindl. 33  
*Cestrum elegans* Schlecht. 32  
*Cestrum elegans* Schlecht. 371  
*Cestrum nocturnum* Linn. 32  
*Cestrum purpureum* Standl. 371  
*Chalcas paniculata* L. 418  
*Chamaecereus sylvestri* (Speg.) Britt.  
 et Rose 160  
*Chamaecyparis funebris* (Endl.)  
 Franco 195  
*Chamaedorea elegans* 82  
*Chamaerops chinensis* Hort. 85  
*Chamaerops exelsa* Thunb. 85  
*Chamaerops fortunei* Hook. 85  
*Cheiropleuriaceae* 180  
*Chimnobambusa quadrangularis*  
 (Fenzi.) Mak. 118  
*Chirita eherhardtii* Pellegrin 261  
*Chloranthaceae* 428  
*Chloranthus brachystachys* Bl. 428  
*Chloranthus glaber* (Thunb.) Mark.  
 428  
*Chlorophytum bichetii* Back. 240  
*Chlorophytum elatum* R. Br. 243  
*Chlorophytum laxum*. R.Br. 241  
*Chlorophytum orchidastrum* Lindl.  
 240  
*Chrysalidocarpus lutescens* H.  
 WendL. 82  
*Chrysanthemum coronarium* L. 296  
*Chrysanthemum indicum* L. 297  
*Chrysanthemum maximum* Ramond.  
 297  
*Chrysanthemum morifolium* Ramat.  
 296  
*Chrysanthemum sinense* Sabine 296  
*Chrysothemis pulchella* (Donn.)  
 Decaisne 319  
*Cineraria petasitis* Sims. 291  
*Cissus discolor* Vent. ex Planch. 50  
*Cissus japonica* Willd. 39  
*Cissus modeccides* Planch. 30  
*Cissus quadrangularis* (L.) Planch.  
 51  
*Cissus triloba* Merr. 30  
*Cissus velutinus* Lindl. 50  
*Cissus vitiginea* Lour. (non. L.) 30  
*Citharexylum quadrangulare* Jacq.  
 419  
*Citrus grandis* (L.) Osbeck 444  
*Citrus japonica* Thunb. 457  
*Citrus medica* L. 444  
*Citrus medica* Linn. var.  
*sarcodactylis* (Sieb.) Swingle  
 456  
*Citrus microcarpa* (Hassk.) Bunge  
 457  
*Citrus microcarpa* Bunge var.  
*marumi* Hort. 457

*Citrus microcarpa* Bunge var.  
*nagami* Hort. 457  
*Citrus microcarpa* Bunge var. *newa*  
Hort. 457  
*Citrus sinensis* (L.) Osbeck. 444  
*Clematis umbellifera* Gagnep. 64  
*Cleome speciosa* Raf. 324  
*Cleome speciosissima* Deppe 324  
*Cleorodendrum coccineum* Dietr. 412  
*Cleorodendrum japonicum* Hort.,  
non Thunb. 412  
*Cleorodendrum kaempferi* Sieb. 412  
*Cleorodendrum squamatum* Vahl.  
412  
*Clerodendrum Coronaria* Hort. 412  
*Clerodendrum fragrans* (Vent.)  
(Willd.) 412  
*Clerodendron balfouri* Hort. 59  
*Clerodendron thomsonae* Balf. 59  
*Clitoria spectabilis* Salisb. 40  
*Clitoria ternatea* L. 40  
*Clivia miniata* Regel. 314  
*Clusiaceae* 442  
*Coccoloba platyclada* F. Muell. 401  
*Coccoloba uvifera* (L.) L. 419  
*Coccothrinax argentea* Schum. 99  
*Cochlospermaceae* 420  
*Cochlospermum gossypium* DC. 420  
*Cochlospermum religiosum* (L.) Alst.  
420  
*Cocos flexuosa* Mart. 92  
*Cocos nucifera* L. 92  
*Cocos plumosus* Hook. 92  
*Cocos romanzoliana* Cham. 92

*Codiaeum pictum* Hook. 216  
*Codiaeum variegatum* (L.) Bl. var.  
*pictum* (Lodd.) Muell.- Arg. 216  
*Coleus blumei* Benth. 265  
*Coleus scutellarioides* Benth. var.  
*blumei* Miq. 265  
*Coleus scutellarioides* Benth. 266  
*Coleus verochaffeltii* Lem. 265  
*Colocasia aethiopica* Spreng. 353  
*Colocasia odora* Brongn. 257  
*Colodracon terminalis* Planch. 232  
*Colomba aquatica* DC. 479  
*Colomba caroliniana* Gray 479  
*Colomba caroliniana* Gray. var.  
*pulcherrima* Harper. 480  
*Colomba caroliniana* Gray. var.  
*rosaeifolia* Hort. 480  
*Colomba viridiflora* Hort. 479  
*Colombaceae* 479  
*Combretaceae* 34, 358  
*Commelina zebrina* Hort. 261  
*Commelinaceae* 239, 261, 262  
*Congea pedicellata* Munir 56  
*Congea tometosa* Roxb. var.  
*subvestita* Munir. 56  
*Congea vestita* Griff. 56  
*Consolida arvensis* Opiz. 283  
*Convallariaceae* 214, 215, 342  
*Convolvulaceae* 12, 13, 14, 15, 16,  
17, 18, 38  
*Convolvulus cairica* L. 13  
*Convolvulus majus* Hort. 15  
*Convolvulus minor* Hort. 18  
*Cordia latifolia* Roxb. 239

- Cordyline stricta* Endl. 233  
*Cordyline terminalis* (L.) Kunth. 232  
*Coreopsis bicolor* Reichb. 299  
*Coreopsis elegans* Hort. 299  
*Coreopsis lanceolata* Linn. 299  
*Coreopsis tinctoria* Nutt. 299  
**Cornaceae** 458  
*Coryline fruticosa* (L.) A. Chev. 232  
*Corypha australis* R. Br. 90  
*Corypha dulcis* Humb. et Bonpl. 101  
*Corypha elata* Roxb. 101  
*Corypha frigida* Lodd. 101  
*Corypha gebanga* Bl. 101  
*Corypha umbraculifera* L. 101  
*Cosmos bipinnatus* Cav. 289  
*Cosmos diversifolius* Otto. 289  
*Cosmos sulphureus* Cav. 288  
*Costus speciosus* (Koenig) Smith.  
 340  
*Cotyledon agavoides* Bak. 126  
*Cotyledon coccinea* Cav. 124  
*Cotyledon gibbiflora* Moc. et Sessé  
 124  
*Cotyledon glauca* Baker 123  
*Cotyledon pinnata* Lamk. 149  
*Cotyledon secunda* Baker 126  
*Couroupita guianensis* Aubl. 379  
**Crassulaceae** 123, 124, 126, 149,  
 150, 151, 152, 153  
*Cratea (marmelos)* Linn. 459  
*Crescentia cujete* Linn. 450  
*Crimson chinese* Rose 389  
*Crinum amabile* Donn. 329  
*Crinum anomalum* Herb. 472  
*Crinum asiaticum* L. var. *declinatum*  
 Baker. 472  
*Crinum asiaticum* L. var. *sinicum*  
 Baker. 472  
*Crinum asiaticum* Linn. 472  
*Crinum colensoi* Hort. 328  
*Crinum mackeni* Hort. 328  
*Crinum makoyanum* Carr. 328  
*Crinum moorei* Hook. f. 328  
*Crinum natalense* Hort. 328  
*Crinum procerum* Carey 472  
*Crossandra infundibuliformis* Nees  
 311  
*Crossandra undulaefolia* Salisb. 311  
*Crossostephium chinensis* (L.) Merr.  
 294  
*Croton variegatus* L. 216  
*Cryptanthus acaulis* Beer. 140  
*Cryptanthus undulatus* Otto et  
 Dietr. 140  
*Cryptomeria japonica* (L.) D. Don  
 197  
*Cryptomeria fortunei* D. Don. 197  
*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.)  
 Hook.f. 208  
*Cunninghamia sinensis* R. Br. 208  
*Cuphea hyssopifolia* (L.) Tranh. 360  
**Cupressaceae** 194, 195, 204, 205,  
 206, 206, 207  
*Cupressus funebris* Endl. 195  
*Cupressus glauca* Lam. 206  
*Cupressus lusitanica* Mill. 206  
*Cupressus nepalensis* Loud. 207  
*Cupressus pendula* Lam. 195  
*Cupressus sinensis* Hort. 206



*Cupressus torulosa* D. Don. 207  
*Curculigo latifolia* Dry. 287  
*Curculigo orchioides* Gaertn. 286  
*Curcuma petiolata* Roxb. 331  
*Cyanotis vittata* Lindl. 261  
*Cyathea contaminans* (Wall.) Cop.  
173  
*Cyathea glabra* (Bl.) Copel. 174  
*Cyatheaceae* 173, 174  
*Cycadaceae* 198, 199, 200, 200, 207,  
208, 208  
*Cycas bellifonti* Lind. et Rod. 200  
*Cycas circinalis* Linn. 198  
*Cycas immersa* Craib. 208  
*Cycas micholitzii* Dyer. 208  
*Cycas neocaledonica* Hort. 198  
*Cycas pectinata* Griff. 200  
*Cycas revoluta* Thunb. 207  
*Cycas rumphii* 198  
*Cycas siamensis* Miq. 199  
*Cycas taiwanensis* Miq. 207  
*Cyperaceae* 107, 468, 469  
*Cyperus flabelliformis* Rottb. 468  
*Cyperus involucratus* Poir. 468  
*Cyperus involucratus*. var. *gracilis*  
Hort. 469  
*Cyperus involucratus*. var. *variegatus*  
Hort. 469  
*Cyperus papyrus* L. 469  
*Cupressus disticha* L. 195  
*Cyrtoceras lindleyanum* Hort. 30  
*Cyrtoceras multiflorum* Heyn. 30  
*Cyrtodeira cupreata* Hanst. 210  
*Cyrtostachys lakka* Becc. 80

*Cystostachys renda* Bl. 81  
*Daedalacanthus nervosus* T. Anders.  
312  
*Dahlia pinnata* Cav. 347  
*Dahlia variabilis* Desf. 347  
*Dahlia zimapanii* Roenzl. 289  
*Darura fastuosa* Linn. 363  
*Darura metel* Linn. 363  
*Datura metel* L. var. *flore pleno*  
Hort. 363  
*Datura suaveolens* Humb. et Bonpl.  
363  
*Davallia canariensis* Swartz. 175  
*Davallia elegans* Swartz. 176  
*Davallia lonchitidea* Wall. 192  
*Davallia platyphylla* Don. 192  
*Davallia tenuifolia* Swartz. var.  
*veitchiana* Hort. 192  
*Davalliaceae* 175, 176, 192  
*Decussocarpus wallichianus* (Presl.)  
de Laubenf. 196  
*Delonix regia* (Boj.) Raf. 423  
*Delphinium ajacis* Linn. 282  
*Delphinium consolida* Linn. 283  
*Dendrocalamus giganteus* Munro 114  
*Dendrocalamus strictus* (Roxb.) Nees  
114  
*Dennstaedtiaceae* 192  
*Dianthus barbatus* Linn. 280  
*Dianthus caryophyllus* Linn. 280  
*Dianthus chinensis* Linn. 281  
*Dianthus sinensis* Hort. 281  
*Dichroa febrifuga* Lour. 68  
*Dicranopteris linearis* (Burm.) Underw.  
174

*Dieffenbachia amoena* Hort. 248  
*Dieffenbachia brasiliensis* Veitch.  
 247  
*Dieffenbachia picta* Schott. 247  
*Dieffenbachia shuttleworthiana*  
 Regel 247  
*Diospyros chevalieri* Lec. 365  
*Dipladenia harrisii* Purd. 76  
*Dischidia nummularia* R. Br. 46  
*Dischidia rafflesiana* Wall. 47  
*Disporum calcaratum* D. Don var.  
*rubriflorum* Gagnep. 343  
*Disporum calcaratum* D. Don 342  
*Dizygotheca elegantissima* Vig. et  
 Guill. 259  
*Dracaena angustifolia* Roxb. 253  
*Dracaena deremensis* Engl. var.  
*warneckeii* Hort. 252  
*Dracaena draco* L. 254  
*Dracaena fragrans* (L.) Ker- Gawl.  
 263  
*Dracaena godseffiana* Hort. 255  
*Dracaena goldieana* Bull. 256  
*Dracaena gracilis* Wall. 253  
*Dracaena marginata* 253  
*Dracaena sanderiana* Hort. 252  
*Dracaena sanderiana* Sander forma  
*virescens* Hort. 251  
*Dracaena surculosa* Lindl. var.  
*punctulata* Hort. 254  
*Dracaena terminalis* Rchb. 232  
*Dracaenaceae*, 129, 130, 133, 251,  
 252, 253, 254, 255, 256, 263  
*Duranta Ellisa* Jacq. 67  
*Duranta erecta* L. 67

*Duranta plumieri* Jacq. 67  
*Duranta repens* L. 67  
*Dypsis pinnatifrons* Mart. 82  
*Ebenaceae* 365  
*Echeveria agavoides* Lem. 126  
*Echeveria coccinea* DC. 124  
*Echeveria gibbiflora* DC. 124  
*Echeveria glauca* Hort. ex Baker 123  
*Echeveria secunda* Lindl. 126  
*Echinocactus capricornis* A. Dietz.  
 167  
*Echinocactus grusonii* Hildmann 167  
*Echinocactus pectinatus* (Scheidw.)  
 Engl. 166  
*Echinocereus rigidissimus* Engl. 167  
*Echinocereus viridiflorus* Engl. 165  
*Ehretia acuminata* R. Br. 368  
*Ehretia buxifolia* Roxb. 368  
*Ehretia dentata* Courch. 369  
*Ehretia serrata* Roxb. 368  
*Ehretiaceae* 368  
*Eichhornia crassipes* (Mort.) Solms.  
 471  
*Eichhornia speciosa* Kth. 471  
*Elaeagnaceae* 63  
*Elaeagnus latifolia* L. 63  
*Elaeis guineensis* Jacq. 86  
*Eleutherine longifolia* Gagnep. 315  
*Enterolobium saman* Prain. 414  
*Epacridaceae* 404  
*Epiphyllum akermannii* Haw. 136  
*Epiphyllum oxypetalum* (DC.) Haw.  
 135  
*Epiphyllum truncatum* Haw. 121

*Epipremnum aureum* Nichols. 268  
*Epipremnum giganteum* Schott. in  
Bonpl. 69  
*Epipremnum mirabile* Schott. 70  
*Epipremnum pinnatum* (L.) Engl.  
268  
*Epipremnum pinnatum* (L.) Schott. 70  
*Episcia cupreata* Hanst. 210  
*Eranthemum nervosum* R.Br. 312  
*Eranthemum pulchellum* Andr. 312  
*Ericaceae* 385  
*Eriobotiva japonica* (Thunb.) Lindl.  
429  
*Eriobotrya japonica* Lindl. var.  
*variegata* Sander. 430  
*Eriocactus leninghausii* (Hge.jr.)  
Backbg. 168  
*Erythrina carnea* Blanco 443  
*Erythrina indica* Lamk. 443,  
*Erythrina orientalis* (L.) Merr. 443  
*Erythrina orientalis* Merr. var. *alba*  
Hort. 443  
*Erythrina orientalis* Merr. var. *picta*  
Hort. 443  
*Erythrina picta* L. 443  
*Erythrina variegata* L. 443  
*Erythroxylaceae* 216  
*Erythroxylum novagranatense*  
(Morris) Hieron 216  
*Eucharis grandiflora* Planch. et  
Linden. 331  
*Eugenia michelii* Lamk. 457  
*Eugenia uniflora* Bing. - Th. 457  
*Eulalia speciosa* (Debeaux) O. Ktze.  
108

*Eulalia zebrina* Hort. 108  
*Eupatorium capillifolium* (Lam.)  
Small. 300  
*Euphorbia antiquorum* Linn. 164  
*Euphorbia atoto* Forst. 150  
*Euphorbia canaliculata* Lodd. 120  
*Euphorbia carinata* Don. 120  
*Euphorbia havanensis* Hort. 164  
*Euphorbia lactea* Haw. 164  
*Euphorbia ligularia* Roxb. 156  
*Euphorbia milii* Ch. des Moulins  
164  
*Euphorbia neriifolia* L. 156  
*Euphorbia pulcherrima* Willd. 437  
*Euphorbia splendens* Bojer. ex Hook.  
164  
*Euphorbia tirucalli* Linn. 136  
*Euphorbia tithymaloides* L. 120  
*Euphorbiaceae* 72, 120, 135, 136,  
150, 156, 164, 212, 216, 231,  
258, 259 368, 374, 374, 391,  
429, 432, 437  
*Eurycles amboinensis* (L.) Loudl. 331  
*Eurycles silvestris* Slisb. 331  
*Excoecaria bicolor* Hassk. 231  
*Excoecaria cochinchinensis* Lour. 231  
*Fabaceae* 26, 38, 40, 42, 42, 57, 41,  
378, 386, 390, 443  
*Fagraea ceilanica* Thunb. 459  
*Ferocactus latispinus* (Haw.) Britt. et  
Rose 161  
*Ferocactus peninsulae* Britt. et Rose  
163  
*Feronia elephantum* Corr. 365  
*Feronia lucida* Scheff. 450

*Feroniella lucida* (Scheff.) Swingle 450  
*Feroniella oBlata* Swingle 450  
*Ficus benjamina* L. var. *variegata*  
Hort. 427  
*Ficus decora* Hort. 230  
*Ficus elastica* Roxb. ex Hornum. 230  
*Ficus lyrata* Warb. 231  
*Ficus pumila* L. 74  
*Ficus racemosa* Linn. 458  
*Ficus religiosa* Linn. 360  
*Ficus repens* Hort. 74  
*Ficus rubinervis* Sata 230  
*Ficus stipulata* Thunb. var. *repens*  
Hort. 74  
*Flacourtiaceae* 451  
*Flueggia japonica* L. C. Rich. 214  
*Fortunella japonica* Swingle 457  
*Franciscea uniflora* Pohl. 400  
*Freesia refracta* Klatlt. 329  
*Fuchsia discolor* Lindl. 422  
*Fuchsia globosa* Lindl. 422  
*Fuchsia gracilis* Lindl. 423  
*Fuchsia hybrida* Voss. 422  
*Fuchsia magellanica* Lam. 422  
*Fuchsia magellanica* Lam. var.  
*discolor* Bailey 422  
*Fuchsia magellanica* Lam. var.  
*globosa* Bailey 422  
*Fuchsia magellanica* Lam. var.  
*gracilis* Bailey 423  
*Fuchsia speciosa* Hort. 422  
*Funium piliferum* Willem 148  
*Furcraea gigantea* Vent. 148  
*Gaillardia aristata* Pursh. 29

*Gaillardia grandiflora* Hort. 294  
*Gaillardia lutea* Hort. 294  
*Gaillardia pulchella* Foug. 293  
*Galphimia glauca* Cav. 397  
*Gapanthus umbellatus* L'Her. var.  
*variegatus* Hort. 344  
*Gardenia florida* L. 372  
*Gardenia jasminioides* Ellis 372  
*Gardenia jasminioides* Ellis var.  
*flore - pleno* Hort 372  
*Gardenia jasminioides* Ellis var.  
*variegata* Hort 372  
*Gardenia lucida* Roxb. 373  
*Gebanga rotundifolia* Bl. 101  
*Gendarussa vulgaris* Nees 68  
*Gentianaceae* 479  
*Geraniaceae* 336  
*Gerbera jamesonii* Hook. 306  
*Gesneriaceae* 145, 210, 238, 261  
*Gesneriaceae* 319  
*Gladiolus communis* Linn. 317  
*Gleichenia linearis* Clarke 174  
*Gleicheniaceae* 174  
*Gliricidia maculata* HBK 378  
*Gloriosa simplex* Don. 60  
*Gloriosa superba* L. 60  
*Gloxinia speciosa* Lodd. 238  
*Glycine abrus* L. 26  
*Gmelina asiatica* L. 75  
*Gmelina hystrix* Sch. 76  
*Gmelina parviflora* Pers. 75  
*Gmelina philippinensis* Cham. 76  
*Gomphocarpus fruticosus* (L.) R. Br.  
278

*Gomphrena globosa* Linn. 271  
*Graptophyllum hortenise* Nees 269  
*Grevillea robusta* A. Cunn. ex R. Br.  
399  
*Grevillea robusta* A. Cunn. var.  
*compacta* Hort. 399  
*Grevillea rubusta* A. Cunn. var. .  
*pyramidalis* Hort. 399  
*Guazuma ulmifolia* Lam. 435  
*Guazuma ulmifolia* Lam. var.  
*tomentosa* H. Schum. 435  
*Guaiacum officinale* L. 395  
*Guzmania lingulata* 226  
*Gymnocactus saueri* (Bod.) Backbg.  
160  
*Gymnocalycium damsii* (K.Sch.)  
Britt. et Rose 162  
*Gymnogramme calomelanos* Kunze.  
185  
*Gymnogrammeaceae* 185  
*Gynura aurantiaca* (Bl.) DC. 218  
*Gynura procumbens* (Lour.) Merr.  
218  
*Gynura sarmetosa* D.C. 218  
*Gypsophila paniculata* L. 275  
*Haemanthus abyssinicus* Herb. 315  
*Haemanthus multiflorus* (Tratt.)  
Martyn. 315  
*Haemanthus tenuiflorus* Herb. 315  
*Haloragaceae* 475  
*Haworthia limifolia* Marloth. 129  
*Hedychium coccineum* Buch - Ham  
473  
*Hedychium coronarium* Koen. 472  
*Hedychium flavaum* Roxb. 473

*Helianthus annuus* Linn. 316  
*Helichrysum bracteatum* (Vent.)  
Andr. 274  
*Heliconia bihai* (L.) Sweet. 408  
*Heliconia caribaea* Lam. 408  
*Heliconia pendula* 409  
*Heliconia psittacorum* Sesse. et Moc.  
471  
*Heliconia wagneriana* 409  
*Heliconiaceae* 408, 471  
*Hemerocallidaceae* 308, 309  
*Hemerocallis disticha* Donn. 309  
*Hemerocallis flava* Linn. f. 308  
*Hemerocallis fulva* (L.) L. 309  
*Hemerocallis lilio-asphodelus* L. 308  
*Hemigraphis alternata* (Burm. f.) T.  
and. 211  
*Hemigraphis colorata* (Bl.) Hall. f.  
211  
*Hexacentris mysorensis* Wight. 45  
*Hibiscus abelmoschus* Linn. 356  
*Hibiscus mutabilis* L. 421  
*Hibiscus rosa - sinensis* Linn. 22  
*Hibiscus rosella* Hort. 340  
*Hibiscus sabdariffa* Linn. 340  
*Hibiscus schizopetalus* (Mast.)  
Hook.f. 25  
*Hibiscus sinensis* Hort. 22  
*Hibiscus syriacus* L. 25  
*Hippeastrum equestre* Herb. 319  
*Hippeastrum reticulatum* Herb. 320  
*Hippobroma longiflora* (L.) G. Don.  
470  
*Hippocastanaceae* 393

- Homalocephala texensis* (Hopffe.)  
Britt. et Rose 162
- Homalonema pendula* (Bl.) Hook. f.  
273
- Homalonema rubescens* Kth. 273
- Homalonema rubra* Hassk. 273
- Homalonema singaporensis* Rgl. 273
- Hoya carnosae* R.Br. 29
- Hoya multiflora* Blume 30
- Hoya obovata* Dece. in. DC. var.  
*kerrii* (Craib.) Cost. 30
- Humulus japonicus* Sieb. et Zucc. 65
- Humulus scandens* (Lour.) Merr. 65
- Huperzia obovalifolia* (Bonap.) Bon.  
184
- Huperzia phlegmaria* (L.) Roth. 183
- Huperzia squarrosa* (Forst.) Trevis.  
183
- Hydnophytum formicarum* Jack 123
- Hydrangea hortensia* DC. 439
- Hydrangea japonica* Hort. 439
- Hydrangea macrophylla* Ser. 439
- Hydrangea opuloides* K. Kochia 439
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*cyanoclada* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*acuminata* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*belzonii* Schneid. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*fimbriata* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*japonica* Schneid. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*roseo-marginata* Hort. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*rubro-plena* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*tricolor* Hort. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var.  
*variegata* Hort. 440
- Hydrangeaceae** 439
- Hylocereus undulatus* (Haw.) Britt et  
Rose 154
- Hymenocallis americana* Roem. 272
- Hymenocallis speciosa* Salisb. 272
- Hyophorbe amaricaulis* Mart. 81
- Hyophorbe commersoniana* Mart. 82
- Hyophorbe indica* Gaertn. 82
- Hyophorbe lagenicaulis* 81
- Hypoxidaceae** 286, 287
- Imantophyllum miniatum* Hook. 314
- Impatiens balsamina* L. 275
- Impatiens sultanii* Hook. f. 276
- Impatiens walleriana* 276
- Inbina agavoides* Rose 126
- Ipomoea coccinea* L. 14
- Ipomoea alba* L. 19
- Ipomoea cairica* (L.) Sw
- Ipomoea carnea* Jacq. sub sp.  
*fitulosa* (Chois.) Austin 19
- Ipomoea congesta* R. Br. 19
- Ipomoea crassicaulis* (Benth.) Roxb.  
19
- Ipomoea hederacea* Jacq. 13
- Ipomoea hookeri* G. Don. 18
- Ipomoea learii* Paxt. 19
- Ipomoea mauritiana* Jacq. 16
- Ipomoea nil* (L.) Roth. 13

- Ipomoea palmata* Hort. 16  
*Ipomoea paniculata* (L.) 16  
*Ipomoea purpurea* (L.) Kunth. 15  
*Ipomoea quamoclit* L. 38  
*Ipomoea rubro-coerulea* L. 18  
*Iresine herbstii* Hook.f. 250  
**Iridaceae** 315, 317, 329, 330, 338  
*Iris chenensis* L. 338  
*Isolepis gracilis* Nees 107  
*Isotoma longiflora* (L.) Presl. 470  
*Ixora coccinea* L. var. *lutea* Hort.  
 381  
*Ixora coccinea* Linn. 380  
*Ixora grandiflora* Ker. 380  
*Ixora duffii* Moore 380  
*Ixora finlaysoniana* Wall. 380  
*Ixora javanica* DC. 381  
*Ixora lutea* Hutch. 381  
*Ixora macrothyrsa* Teijsm. et Binn.  
 380  
*Jacaranda mimosaeifolia* D. Don 424  
*Jacaranda ovalifolia* R.B. 424  
*Jacobinia carnea* Nichols 308  
*Jasminum multiflorum* (Burm.)  
 Andr. 61  
*Jatropha acuminata* Desv. 391  
*Jatropha gossypifolia* Linn. 374  
*Jatropha hastata* Griseb. 391  
*Jatropha multifida* Linn. 374  
*Jatropha pandurifolia* Andr. 391  
*Jatropha podagrica* Hook. 135  
*Java Cassia* Linn. 413  
*Jaxminum sambac* (L.) Ait. 61  
*Juniperus chinensis* L. 194  
*Justicia caragana* Newman 269  
*Justicia gendarussa* L. 68  
*Justicia picta* L. 269  
*Kalanchoe integra* (Medik.) O. Ktze.  
 150  
*Kalanchoe laciniata* (L.) DC 151  
*Kalanchoe pinnata* (Lamk.) Pers.  
 149  
*Kalanchoe spathulata* DC. 152  
*Kalanchoe tubiflora* Hamet. 153  
*Kalanchoe blossfeldiana* Poelln. 153  
*Kentia macarthurii* Hort. 79  
*Kereus triangulais* Haw. 154  
*Kigelia africana* (Lam.) Benth. 444  
*Kigelia pinnata* Jacq. DC. 444  
*Kopsia fruticosa* AD. 437  
*Lagerstroemia chinensis* Lam. 441  
*Lagerstroemia flos-reginae* Retz. 359  
*Lagerstroemia indica* Linn. 441  
*Lagerstroemia reginae* Roxb. 359  
*Lagerstroemia speciosa* (L.) Pers.  
 359  
**Lamiaceae** 265, 266, 267, 338, 430  
*Lantana aculeata* L. 434  
*Lantana camara* L. 434  
*Lantana camara* L. var. *crocea*  
 Bailey. 434  
*Lantana camara* L. var. *mista*  
 Bailey. 434  
*Lantana camara* L. var. *mutabilis*  
 Bailey. 434  
*Lantana camara* L. var. *nivea*  
 Bailey. 434  
*Lantana camara* L. var. *sanguinea*  
 Bailey. 434

- Lantana scabrida* Ait. 434  
*Lasia heterophylla* Schott. 465  
*Lasia spinosa* (Linn.) Thw. 465  
*Latania borbonia* Hort. 89  
*Latania commersonii* L. 98  
*Latania lontaroides* 98  
*Lathyrus odoratus* Linn. 42  
*Laurentia longiflora* (L.) Peterm.  
 470  
*Lavatera rosea* Medikus 348  
*Lavatera trimestris* L. var. *alba*  
 Hort. 348  
*Lavatera trimestris* L. var. *splendens*  
 Hort. 349  
*Lavatera trimestris* Linn. 348  
*Lawsonia alba* Lam. 399  
*Lawsonia inermis* L. var. *alba*  
 Hassk. 399  
*Lawsonia inermis* L. var. *miniata*  
 Hassk. 399  
*Lawsonia inermis* L. var. *rubra*  
 Hort. 399  
*Lawsonia inermis* Linn. 398  
*Lecythidaceae* 379  
*Lemna minor* Linn. 464  
*Lemnaceae* 464  
*Leucanthemum maximum* DC. 297  
*Liatris punctata* Hook. 95  
*Libocedrus macrolepis* Benth. et  
 Hook. 204  
*Licuala fatua* Becc. 95  
*Licuala grandis* H. Wendl. 97  
*Licuala horrida* Bl. 94  
*Licuala peltata* Roxb. 95  
*Licuala radula* Gagnep. 98  
*Licuala remosa* Bl. 94  
*Licuala spinosa* Wurm. 94  
*Licuala tonkinensis* Becc. 95  
*Licuala Veitchii* Watson. 97  
*Ligeria speciosa* Decne. 238  
*Ligustrum nepalense* Wall. 425  
*Ligustrum spicatum* Don. 425  
*Liliaceae* 309, 315, 351  
*Lilium longiflorum* Thunb. 315  
*Lilium pumilum* DC. 309  
*Limncharis flava* (L.) Buch. 468  
*Limncharis plumieri* Rich. 468  
*Limnanthemum indicum* Linn. 479  
*Limonia acidissima* L. 365  
*Limonia trifolia* Burm. 452  
*Limonium latifolium*. 351  
*Limonium sinuatum* Mill. 350  
*Limonium sinuatum* Mill. var.  
*candidissimum* Hubb. 351  
*Lindsaea cultrata* (Willd.) Sw. 176  
*Lindsaea longipes* C. Chr. et Tard.  
 176  
*Lindsaeaceae* 176  
*Lippia urticoides* Steud. 426  
*Livistona australis* Mart. 90  
*Livistona chinensis* R. Br. ex Mart.  
 89  
*Livistona cochinchinensis* Mart. 86  
*Livistona hoogendorpii* Teysm. et  
 Bnd. 86  
*Livistona mauritiana* Wall.; 89  
*Livistona saribus* (Lour.) Merr. ex  
 Chev. L. 86  
*Lobelia bicolor* Sims. 322



*Lobelia erinus* L. 322  
*Lobelia gracilis* Hort. 322  
*Lobeliaceae* 322, 470  
*Lobivia famatimensis* (Spreg.) Britt  
et Rose 159  
*Loganiaceae* 459  
*Lonchocarpus maculatus* DC. 378  
*Lonicera japonica* Thunb. 54  
*Luculia pinceana* Hook.f. 404  
*Lychnis chalconica* Linn. 321  
*Lycium chinense* Mill. var. *inerme*  
Schnelle 452  
*Lycium chinense* Mill. var. *ovatum*  
Schneid. 452  
*Lycium chinensis* Mill. 452  
*Lycopersicum cerasiforme* Dunal 446  
*Lycopersicum esculentum* (Linn.)  
Mill. var. *cerasiforme* Hort. 446  
*Lycopersicum esculentum* (Linn.)  
Mill. var. *pyriforme* Alef. 446  
*Lycopode* 183  
*Lycopodiaceae* 183, 184, 186  
*Lycopodiella cernua* (L.) Franco et  
Vahl. 186  
*Lycopodium cernuum* Linn. 186  
*Lycopodium clavatum* Linn. 186  
*Lycopodium epiceaefolium* Desv. 183  
*Lycopodium hookeri* Wall. 183  
*Lycopodium obovatifolium* Bonap. 184  
*Lycopodium phlegmaria* L. 183  
*Lycopodium squarrosum* Forst. 183  
*Lycoris aurea* Herb. 344  
*Lygodium japonicum* Swartz. 170  
*Lygodium microphyllum* (Cav.) R.Br.

*Lygodium scandens* Sw. 169  
*Lysidice rhodostegia* Hance 407  
*Lythraceae* 359, 360, 398, 441  
*Magnolia coco* DC. 371  
*Magnolia foetida* Sarg. 370  
*Magnolia grandiflora* Linn. 370  
*Magnolia pumila* Andr. 371  
*Magnoliaceae* 370, 371, 416, 417,  
441  
*Mahonia nepalensis* DC. 404  
*Malpighia coccigera* L. 369  
*Malpighia glabra* Linn. 463  
*Malpighiaceae* 34, 369, 397, 463  
*Malvaceae* 22, 24, 25, 340, 348, 356,  
421, 345  
*Malvaviscus arboreus* Cav. 24  
*Mammillaria bocasana* Poselg. 158  
*Mammillaria candida* Scheifdw. 157  
*Mammillaria centricirra* Lem. 168  
*Mammillaria deflexispina* Lem. 168  
*Mammillaria hahniana* Werd. et  
Backbg. 161  
*Mammillaria plumosa* Web. 157  
*Mammillaria schmidtii* Sencke 168  
*Mammillaria sphaerotrache* Lem.  
157  
*Mammillaria tetraacantha* Hort. 168  
*Manihot esculenta* Crantz. var.  
*variegata* Hort. 258  
*Maranta bicolor* Gawl. 221  
*Maranta leuconeura* Ed. Morr. 222  
*Maranta ornata* Lindl. 234  
*Maranta regalis* Hort. 234  
*Maranta zebrina* Sims. 236

- Marantaceae* 221, 222, 234, 235, 236  
*Maximiliana gossypium* Kuntze 420  
*Melanthiaceae* 60  
*Meliaceae* 415  
*Mentha perilloides* Willd. 267  
*Mesua ferrea* L. 442  
*Methonica superba* Lamk. 60  
*Metrosideros lophanta* Vent. 436  
*Meyenia erecta* Benth. 365  
*Michelia alba* Linn. 417  
*Michelia champaca* Linn. 416  
*Michelia figo* (Lour.) Spreng 441  
*Microlepia platyphylla* (Don.) J. Smith. 192  
*Millingtonia hortensis* L.f. 379  
*Mimosa saman* Jacq. 414  
*Mimosaceae* 393, 394, 395, 396, 414  
*Mirabilis jalapa* L. 310  
*Mirasolia diversifolia* Hemsl. 392  
*Monochoria vaginalis* (Burm.f.) Presl. 475  
*Monochoria vaginalis* Presl. var. *plantaginea* Solms. 475  
*Monstera deliciosa* Liemb. 70  
*Monstera leichtinii* 70  
*Monstera obliqua expilta* 70  
*Montanoa grandiflora* (DC.) Hemsl. 396  
*Moraceae* 64, 75, 230, 231, 360, 458, 462  
*Moraea chinensis* Thunb. 338  
*Moringa oleifera* Lam. 366  
*Moringa pterygosperma* Gaertn. 366  
*Moringaceae* 366  
*Mospilus japonica* Thunb. 429  
*Muehlenbeckia platyclada* (F. Muell.) Meissn. 401  
*Murroya paniculata* (L.) Jack. 418  
*Musa bihai* L. 408  
*Musa coccinea* Andr. 366  
*Musa ornata* Roxb. 367  
*Musa rosacea* Jacq. 367  
*Musa rubra* Wall. 367  
*Musa sanguinea* Hook.f. 367  
*Musa speciosa* Tenore 367  
*Musaceae* 366, 367  
*Mussaenda erythrophylla* Schum. et. Thonn. 362  
*Mussaenda frondosa* Linn. 361  
*Mussaenda philippica* var. *aurorae* Hort. 362  
*Mussaenda pubescens* Dryand 361  
*Myosotis palustris* Hern. 323  
*Myosotis scorpioides* L. 323  
*Myosotis sylvatica* Hoffm. 324  
*Myriophyllum tetandrum* Roxb. 475  
*Myrsinaceae* 460  
*Myrtaceae* 420, 436, 458  
*Narcissus orientalis* Linn. 346  
*Narcissus tazetta* L. var. *orientalis* Hort. 346  
*Nelumbium alba* Hort. 476  
*Nelumbium lutea* Pers. 476  
*Nelumbium nelumbo* (L.) Druce 476  
*Nelumbium nucifera* Gaertn. 476  
*Nelumbium speciosum* Willd. 476  
*Nelumbonaceae* 476  
*Neohouzeaua dulloa* A. Camus 109

- Neoregelia carolinae* 225  
*Neoregelia concentrica* 225  
*Neottopteris nidus* (L.) J.Sm. 189  
*Nepenthaceae* 58  
*Nepenthes mirabilis* (Lour.) Druce 58  
*Nephrolepidaceae* 177, 178, 179  
*Nephrolepis acuminata* Presl. non Kuhn. 179  
*Nephrolepis acuta* Presl. 179  
*Nephrolepis biserrata* (Sw.) Schott. var. *furcans* Bail. 179  
*Nephrolepis cordata* Hort. 177  
*Nephrolepis cordifolia* (L.) C. Presl. 177  
*Nephrolepis duffii* Moore 179  
*Nephrolepis exaltata* (L.) Schott. 178  
*Nephrolepis tuberosa* Hook. 177  
*Nephrosperma van-houtteana* Bal f. 102  
*Nerium indicum* Mill. 439  
*Nerium lauriforme* Lam. 438  
*Nerium odorum* Soland. 439  
*Nerium oleander* L. var. *album* - *plenum* Hort. 438  
*Nerium oleander* L. var. *album* Hort. 438  
*Nerium oleander* L. var. *atropurpureum* Hort. 438  
*Nerium oleander* L. var. *formosum* Hort. 438  
*Nerium oleander* L. var. *luteum* Hort. 439  
*Nerium oleander* L. var. *splendens* Hort. 439  
*Nerium oleander* L. var. *aurantiacum* Hort. 438  
*Nerium oleander* Linn. 438  
*Nicolaia eliator* 304  
*Nolina longifolia* Hemsl. 132  
*Nolina recurvata* Hemsl. 132  
*Nolinaceae* 132  
*Nopalea cochenillifera* (Mill.) Salm - Dyck. 139  
*Nopalea dejecta* Salm - Dyck 156  
*Nopalea inaperta* Schott. 139  
*Nothopanax fruticosum* Miq. 384  
*Nothopanax guifloylei* Merr. 383  
*Nothopanax scutellarius* (Burm.f.) Merr. 381  
*nthurium andreanum* Ldl. var. *roseum* Hort. 356  
*Nyctaginaceae* 48, 310  
*Nyctanthes arbortristis* Linn. 400  
*Nymphaea edulis* DC. 477  
*Nymphaea lotus* Linn. 477  
*Nymphaea nouchali* Burm. f. 478  
*Nymphaea rubra* Roxb. 478  
*Nymphaea stellata* Willd. 478  
*Nymphaea thermalis* DC. 477  
*Nymphaeaceae* 477  
*Nymphoides indicum* (L.) O.ktze 479  
*Ochna atropurpurea* DC. 406  
*Ochna harmandii* H. Lec. 406  
*Ochna integerrima* (Lour.) Merr. 406  
*Ochnaceae* 406, 407  
*Ocimum frutescens* L. 267  
*Ocimum scutellarioides* L. 266  
*Odontadenia grandiflora* Miq. 76

- Odontadenia macrantha* (Roem. et Sch.) Markgr. 76
- Odontadenia speciosa* Benth 76
- Oenocarpus regius* Spreng. 78
- Oenotheraceae* 422
- Olea fragrans* Thunb. 411
- Oleaceae* 61, 62, 400, 411, 425
- Oncosperma filamentosa* Blume 102
- Oncosperma tigillaria* (Jack.) Ridl. 102
- Oncosperma van-houtteana* H. Wendl. 102
- Ophioderma pendulum* Presl. 177
- Ophioglossaceae* 177
- Ophioglossum pendulum* L. 177
- Ophiopogon jaburan* Lodd. 215
- Ophiopogon japonicus* (L.f.) Ker-Gawl. 214
- Ophiorrhiza lanceolata* Forsk. 333
- Oplismenus burmannii* (Retz.) P. Beauv 105
- Oplismenus imbecilis* Kunth 105
- Opuntia dillenii* (Ker. - Gawl.) Haw. 154
- Opuntia elatior* Mill. 155
- Opuntia ficus-indica* (L.) Mill. 155
- Oreodoxa regia* H.B. et. K. 78
- Orthosiphon aristatus* (Bl.) Miq. 338
- Orthosiphon marmoritis* Dunn. 338
- Orthosiphon stamineus* Benth. in Wall. 338
- Osmanthus fragrans* Lour. 411
- Ouratea lobopetala* Gegnep. 407
- Oxalidaceae* 283, 284, 451
- Oxalis corniculata* Auct. non L. 283
- Oxalis floribunda* Lehm. 284
- Oxalis hedysavoides* var. *rubra* Hort. 284
- Oxalis maritiana* Zucc. 284
- Oxalis pusilla* Salisb. 283
- Oxalis repens* Thunb. 283
- Oxalis rosea* Jacq. 284
- Oxalis urbica* St. Hil. 284
- Pachyptera hymenaea* (DC.) Gentry 11
- Pachystachys lutea* 404
- Padanus reversispiralis* St. John 228
- Paederia sacandens* (Lour.) Merr. var. *tomentosa* (Bl.) Hand.-Mazz. 57
- Paederia tomentosa* Bl. 57
- Palma argentea* Jacq. 99
- Panax balfourii* Sander 385
- Panax excelsum* Hort. 384
- Panax filicifolium* Hort. 382
- Panax fruticosum* Linn. 384
- Panax lacinatum* Hort. 383
- Panax plumatum* Hort. 384
- Panax victoriae* Rod. 384
- Pancraticum amboinense* L. 331
- Pancratium speciosum* Salisb. 272
- Pandanaceae* 226, 227, 228, 229
- Pandanus amaryllidifolius* Roxb. 229
- Pandanus candelabrum* Hook. 227
- Pandanus elegantissimus* Hort. 227
- Pandanus odoratissimus* Hort. 227
- Pandanus odoratus* Ridl. 229
- Pandanus pygmaeus* Thou. 227
- Pandanus tectorius* Soland. ex Parkins 226

*Pandanus utilis* Bory. 227  
*Pandanus Veitchii* Hort. 229  
*Pandanus flabelliformis* Carr. 227  
*Panicum imbecile* Trin. 105  
*Panicum plicatum* L. 105  
*Panicum repens* L. 104  
*Papaver rhoeas* L. 312  
*Papaveraceae* 278, 312  
*Pardanthus chinensis* Ker. 338  
*Parkeriaceae* 475, 476  
*Parkinsonia aculeata* L. 268  
*Parodia mutabilis* Backbg. 131  
*Parodia setosa* Backbg. 161  
*Passiflora edulis* Sims. 55  
*Passiflora incarnata* L. var. *edulis*  
Hook. 55  
*Passiflora quadrangularis* L. 39  
*Passifloraceae* 39, 55  
*Paulownia imperialis* Sieb. et Zucc  
403  
*Paulownia tomentosa* Steud. 403  
*Paulownia tomentosa* Steud. var.  
*lanata* Schneid. 403  
*Paulownia tomentosa* Steud. var.  
*pallida* Schneid. 403  
*Pedilanthus tithymaloides* (L.) Poit.  
120  
*Peireskia aculeata* Mill 158  
*Peireskia grandifolia* Haw. 159  
*Pelargonium hortorum* Closs. 336  
*Pelargonium zonale* (L.) W. Ait 336  
*Pellionia daveauana* N.E. Br. 256  
*Pellionia pulchra* N.E.Br. 257  
*Pellionia repens* (Lour.) Merr. 256

*Peltophorum pterocarpum* (DC.)  
Back. 402  
*Pemphis acidula* J.Ret G. Forst. 359  
*Pennisetum americanum* (L.) Schum.  
106  
*Pennisetum purpureum* Schumach.  
106  
*Pennisetum typhoides* (Burm.f.)  
Stapf. et Hub. 106  
*Pentapetes phoenicea* Linn. 332  
*Pentas carnea* Benth. 333  
*Pentas lanceolata* Schum. 333  
*Peperomia argyrea* (Miq.) E. Morr.  
212  
*Peperomia arifolia* Miq. var. *argyrea*  
Hook. 212  
*Peperomia maculosa* Hook. 213  
*Peperomia obtusifolia* Hort. 213  
*Peperomia sandersii* A. DC. var.  
*argyrea* Hort. 212  
*Peperomia sandersii* DC. 212  
*Pereskia foetans* Speg. 158  
*Perguaria odoratissima* Sm. 37  
*Pergularia monor* Andr. 37  
*Perilla frutescens* (L.) Britton 267  
*Perilla ocymoides* L. 267  
*Persica vulgaris* Mill. 376  
*Petrea volubilis* Jacq. 21  
*Petunia hybrida* Vilmor. 279  
*Phalaris arundinacea* L. 112  
*Pharbitis hederacea* Choisy 13  
*Pharbitis hispida* Choisy 15  
*Pharbitis learii* Lindl. 19  
*Pharbitis nil* Choisy 13  
*Philodendron cannifolium* 71

- Philodendron discolor* Hort. 74  
*Philodendron erubescens* 232  
*Philodendron scandens* Koch. et Sello ex. Koch et Bouché 74  
*Phlox drummondii* Hook. 311  
*Phoenix hanceana* Naud. 85  
*Phoenix leonensis* Houtte, 84  
*Phoenix Loureiri* (Becc.) Kunth. 83  
*Phoenix reclinata* Jacq. 84  
*Phoenix roebelenii* O'Brien 83  
*Phoenix zanzibariensis* Hort. 84  
*Photinia japonica* Gray. 429  
*Phragmites karka* (Retz.) Trin ex Steud. 112  
*Phrynium ornatum* C. Kock. 234  
*Phyllanthus welwitschianus* Muell. - Arg. 429  
*Phyllocactus akermannii* Valp. 136  
*Phyllocactus grandis* Lem. 135  
*Phyllostachys aurea* A. et C. Rivière 116  
*Phyllostachys aurea* Munro 118  
*Phyllostachys bambusoides* Sieb. et Zucc. Var. *aurea* (Carr. ex Riv.) Mak. 116  
*Phyllostachys mitis* A. et C. Rivière 115  
*Phyllostachys nigra* (Lodd) Munro 116  
*Physalis alkekengi* Linn. var. *franchetii* Hort. 453  
*Physalis edulis* Sims. 453  
*Physalis franchetii* Mast. 453  
*Physalis peruviana* Linn. 453  
*Pilea cadierii* Gagn. et Guill. 241  
*Pilea microphylla* (L.) Liebm. 471  
*Pilea muscosa* Lindl. 471  
*Pilocereus senilis* Lem. 156  
**Pinaceae** 200, 201  
*Pinanga kuhlii* Bl. 80  
*Pinanga paradoxa* Scheff. 80  
*Pincinctita tuberculata* Hort. 132  
*Pinus insularis* Endl. var. *khasya* Royle 201  
*Pinus kesiya* Royle. ex Cardon. 201  
*Pinus merkusiana* Cool. et Gauss. 200  
*Piper bettle* L. 73  
*Piper longum* L. 72  
*Piper retrofractum* Vahl. 71  
**Piperaceae** 71, 72, 73, 212, 213  
*Piptanthocareus peruvianus* Riec. 163  
*Pistia stratoites* Linn. 464  
*Pithecolobium saman* Benth. 414  
*Pityrogramma calomelanos* (L.) Link. 185  
*Platycerium grande* (A. Cunn. msc.) J. Smith. 180  
*Platyopuntia ficus-indica* Fric. et Schelle 155  
*Plectranthus nudiflorus* Willd. 266  
**Plumbaginaceae** 306, 307, 350  
*Plumbago auriculata* Lamk. 307  
*Plumbago capensis* Thunb. 307  
*Plumbago indica* Linn. in strick m. 307  
*Plumbago rosea* Linn. 307  
*Plumbago zeylanica* Linn. 306  
*Plumeria acuminata* Ait. 375

- Plumeria acutifolia* Poir. 375  
*Plumeria alba* L. 376  
*Plumeria obtusa* L. 376  
*Plumeria rubra* f. *acutifolia* (Ait.)  
 Woods. 375  
*Plumeria rubra* f. *lutea* (R. et P.)  
 Woods. 375  
*Plumeria rubra* f. *rubra*. 375  
*Plumeria rubra* f. *tricolor* (R. et P.)  
 Woods. 375  
*Plumeria rubra* L. 375  
*Poaceae* 104, 105, 106, 108, 109,  
 110, 111, 112, 113, 114, 115,  
 116, 117, 118, 119, 467  
*Podocarpaceae* 196, 201, 202  
*Podocarpus imbricatus* (Bl.) de  
 Laubenf. 202  
*Podocarpus macrophyllus* (Thunb.)  
 D. Don. 201  
*Podocarpus neriifolius* D. Don 202  
*Podocarpus wallichianus* C. Presl.  
 196  
*Pogonatherum crinitum* (Thunb.)  
 Kunth. 104  
*Poinciana pulcherrima* Linn. 397  
*Poinciana regia* Boj. 423  
*Poinsettia pulcherrima* (Willd.)  
 Grah. 437  
*Polemoniaceae* 311  
*Polianthes tuberosa* Linn. 313  
*Polyalthia longifolia* (Lam.) Hook. f.  
 var. *pendula*. 392  
*Polygonaceae* 10, 401, 419, 327, 328,  
 426  
*Polyscias balfouriana* Bailey 385  
*Polyscias filicifolia* Bailey 382  
*Polyscias fruticosa* Harms. 384  
*Polyscias fruticosa* Harms. var.  
*plumata* Bailey 384  
*Polyscias guilfoylei* Bailey 383  
*Polyscias guilfoylei* Bailey. var.  
*laciniata* Bailey 383  
*Polyscias guilfoylei* Bailey. var.  
*monstrosa* Bailey 383  
*Polyscias guilfoylei* Bailey. var.  
*victoriae* Bailey 384  
*Polyscias rumphiana* Harms. 385  
*Pontederia crassipes* Martins 471  
*Pontederiaceae* 471, 475  
*Portulaca oleracea* Linn. 328  
*Portulaca pilosa* L. subsp.  
*grandiflora* (Hook.) Gees. 327  
*Portulacaria afra* Jacq. var.  
*macrophylla* 426  
*Pothos aureo - maculata* Hort 268  
*Pothos aureus* Lind. et And. 268  
*Pothos scandens* L. 73  
*Pritchardia filifera* Lind. 87  
*Pritchardia grandis* Hort. 97  
*Proteaceae* 399  
*Prunus botan* Hort. 378  
*Prunus cerasoides* D. Don 357  
*Prunus donarium* Sieb. 358  
*Prunus hattan* Tamari 378  
*Prunus ichangana* Schneid. 378  
*Prunus japonica* Hort. 378  
*Prunus lannensiana* Wilson. form.  
*donarium* Wilson. 358  
*Prunus lannesiana* Wilson 357  
*Prunus masu* Hort. 378

- Prunus mume* Sieb. et Zucc. var.  
*albo plena* Hort. 405
- Prunus mume* Sieb. et Zucc. 405
- Prunus persica* Sieb et Zucc. 376
- Prunus puddum* Roxb. 357
- Prunus salicina* Lindl. 378
- Prunus triflora* Roxb. 378
- Pseuderanthemum crenulatum* (Ldl.)  
R. Benoist 251
- Pseuderanthemum gracilliflorum*  
251
- Pseuderantherum carruthersii*  
(Seem.) Guill. var.  
*atropurpureum* (Bull.) Fosb.  
250
- Psidium cujavillus* Burm. f. 420
- Psidium pumila* Linn. var. *crispa*  
Lec. 420
- Psophocarpus tetragonolobus* DC. 41
- Pteridaceae* 170, 171, 173
- Pteris cretica* Linn. 170
- Pteris ensiformis* Burm. 173
- Pteris quadriaurita* Retz. 171
- Pteris thalictroides* Swartz. 475
- Ptychosperma alexandrae* F. V.  
Muell. 79
- Ptychosperma macarthurii* H. Wendl.  
79
- Punica granatum* L. var. *legrellei*  
Hort. 455
- Punica granatum* L. var. *nana* Hort.  
455
- Punica granatum* Linn. 454
- Punica nana* Linn. 455
- Punicaceae* 454
- Purple tradescantia* 262
- Pyrostegia ignea* (Vahl.) Presl. 31
- Pyrostegia venusta* Baill. 31
- Quamoclit pinnata* Boj. 38
- Quamoclit vulgaris* Choisy. 38
- Quamoclit coccinea* Moench. 14
- Quassia amara* Linn. 438
- Quisquailis indica* Linn. 34
- Quisquailis pubescens* Burn 34
- Quisquailis sinensis* Lindl. 34
- Ranunculaceae* 64, 282, 283
- Raphidophora decursiva* (Roxb.)  
Schott. 71
- Raphistemma pulchellum* (Roxb.)  
Wall. 74
- Raupellia grata* Wall. et Hook. 35
- Ravenala madagascariensis* J.f.  
Gmel. 91
- Rhamnaceae* 425
- Rhapis aspera* Hort. 97
- Rhapis excelsa* (Thunb.) Henry 997
- Rhapis flabelliformis* L' Herit ex W.  
Ait. 97
- Rhapis humilis* Blume 96
- Rhapis sirotsik* Sieb. 96
- Rhinacanthus nasutus* (L.) Kurz. 395
- Rhodocactus aculeata* (Mill.) Tranh.  
n. comb. 158
- Rhodocactus grandifolius* (Haw.)  
Kunth. 159
- Rhododendron indicum* Sweet var.  
*ignescens* Sweet 385
- Rhododendron indicum* Sweet var.  
*simsii* Maxim 385
- Rhododendron simsii* Planch. 385



- Rhoeo discolor* (L' Her.) Hance 239  
*Rhoeo spathacea* (Sw.) Stearn. 239  
*Richardia aethiopica* Hert. 353  
*Richardia albo-maculata* Hook.f. 353  
*Rinorea anguifera* (Lour.) O.Ktze 429  
*Rosa camellia* Hort. 53  
*Rosa cherokeensis* Don 53  
*Rosa chinensis* Jacq. 389  
*Rosa chinensis* Jacq. var. *indica*  
 Koehne. 389  
*Rosa chinensis* Jacq. var. *longifolia*  
 Rehd. 389  
*Rosa chinensis* Jacq. var. *manetti*  
 Dipp. 390  
*Rosa chinensis* Jacq. var. *minima*  
 Redh. 389  
*Rosa chinensis* Jacq. var.  
*semperflorens* Koehne 389  
*Rosa chinensis* Jacq. var. *viridiflora*  
 Dipp. 390  
*Rosa indica* Lindl. non Linn 389  
*Rosa indica* var. *vulgaris* Lindl. 389  
*Rosa intermedia* Carr. 66  
*Rosa laevigata* Michx. 53  
*Rosa multiflora* Thunb. 66  
*Rosa nivea* DC. 53  
*Rosa polyantha* Sieb. 66  
*Rosa sinica* Murr. 53  
*Rosa ternata* Poinr 53  
*Rosa thyriflora* Leroy 66  
*Rosa wichurae* Koch. 66  
*Rosaceae* 53, 66, 357, 376, 378, 389,  
 405, 429  
*Roystonea regia* O.f. Cook. 78  
*Rubiaceae* 57, 123, 333, 360, 361,  
 362, 372, 373, 380, 381, 404  
*Rudbeckia fulgida* Ait. 290  
*Ruellia tuberosa* L. 337  
*Russelia equisetiformis* Schl. 401  
*Russelia equisetiformis* Schl. var.  
*semperflorens* Hort. 402  
*Russelia juncea* Zucc. 401  
*Russelia scopania* Hort. *Russelia*  
 401  
*Ruta chalepensis* Linn. 370  
*Ruta graveolens* Linn. 370  
*Rutaceae* 279, 363, 365, 370, 363,  
 371, 400, 418, 444, 445, 446,  
 447, 448, 450, 452, 453 455,  
 456, 457, 459,  
*Sabal galbra* Sarg. 88  
*Sabal mauritiaefromis* Griseb. et H.  
 Wendl. 88  
*Sabina chinensis* (L.) Antoine 194  
*Saccharum arundinaceum* Retz. 109  
*Sageretia theezans* (L.) Brong. 425  
*Sagittaria japonica* Hort. 474  
*Sagittaria sagittaefolia* Linn. 474  
*Sagittaria sagittaefolia* Linn. var.  
*flore - pleno* Hort. 474  
*Salicaceae* 469  
*Salix babylonica* Linn. 469  
*Salix pendula* Moench. 469  
*Salvia brasiliensis* Spreng. 430  
*Salvia coccinea* L. 432  
*Salvia colorans* Hort. 430  
*Salvia rosea* Vahl. 432  
*Salvia splendens* Ker - Gawl. var.  
*alba* Hort. 431

*Salvia splendens* Ker - Gawll var.  
*atropurpurea* Hort. 431  
*Salvia splendens* Ker - Gawll. var.  
*bicolor* Hort. 431  
*Salvia splendens* Ker - Gawll. 430  
*Salvinia natans* (Linn.) Ait. 465  
*Salviniaceae* 465  
*Samanea saman* Merrill. 414  
*Sambucus canadensis* Linn. 449  
*Sambucus eberhardtii* Dang. 449  
*Sambucus simpsonii* Rehder 449  
*Sanchezia nobilis* Hook.f. 249  
*Sansevieria canaliculata* Carr. 133  
*Sansevieria cylindrica* Bojer 133  
*Sansevieria guineensis* Willd. 129  
*Sansevieria hahnii* Hort. 131  
*Sansevieria sulcata* Boj. 133  
*Sansevieria thyrsiflora* Thunb. 129  
*Sansevieria trifasciata* Prain. 129  
*Sansevieria trifasciata* Prain. var.  
*hahnii* Hort. 131  
*Sansevieria zeylanica* Willd. 130  
*Sansevieria fragrans* Jacq. 263  
*Sapindaceae* 36  
*Saraca dives* Pierre 442  
*Saraca indica* Linn. 442  
*Saribus chinensis* Bl. 89  
*Sasa humilis* (Mif.) Cam. 117  
*Sasa japonica* Mak. 118  
*Saxifraga chinensis* Lour. 138  
*Saxifraga japonica* Hort. 138  
*Saxifraga sarmentosa* Linn.f. 138  
*Saxifraga stolonifera* Merr. 138  
*Saxifragaceae* 138

*Saxifragaceae* 68  
*Schefflera arboricola* var. *variegata*  
Hort. 123  
*Schefflera elliptica* (Harms.) Bl. 122  
*Schefflera octophylla* (Lour.) Harms.  
122  
*Schinus limonia* L. 365  
*Schizaeaceae* 169, 170  
*Schubertia disticha* Mirb. 195  
*Scindapsus aureus* (Lind. et And.)  
Engl. 268  
*Scindapsus decursivus* Zoll. 70  
*Scirpus cernuus* Vahl. 107  
*Scirpus wichurii* Boeck. 107  
*Scolopia buxifolia* Gagnep. 451  
*Scrophulariaceae* 273, 326, 349, 350,  
401, 403  
*Sedum lineare* Thunb. 152  
*Sedum telephium* Linn. 151  
*Selaginella amaema* Hort. 182  
*Selaginella bellula* Cesati non Moore  
182  
*Selaginella caesia arborea* Hort. 180  
*Selaginella caulescens* Spring 182  
*Selaginella frondosa* Warb. 181  
*Selaginella involvens* (SW.) Spring  
181  
*Selaginella laevigata* Spring 180  
*Selaginella lepidophylla* Spring. 473  
*Selaginella tamariscina* (Beauv.)  
Spring 182  
*Selaginella uncinata arborea*  
Metten. 180  
*Selaginella willdenowii* (Desv.)  
Baker 180

*Selaginellaceae* 180, 181, 182, 473  
*Senecio petasitis* DC. 291  
*Senecio petraeus* Muschler. 291  
*Serissa foetida* Lam. 360  
*Serissa japonica* Thunb. 360  
*Setcreasia purpurea* B.K.Boom. 262  
*Simaroubaceae* 433  
*Sinningia speciosa* Benth. et Hook.  
238  
*Solanaceae* 32  
*Solanum azureum* Hort. 445  
*Solanum capsicastrum* Link. 448  
*Solanum capsicastrum* Link. var.  
*melvinii* Hort. 448  
*Solanum capsicastrum* Link. var.  
*variegatum* Hort. 448  
*Solanum coccineum* Hort. 445  
*Solanum integrifolium* Poir. 445  
*Solanum kerrii* Bon. 445  
*Solanum lobelii* Tenore 445  
*Solanum mammosum* Linn. 448  
*Solanum pseudo-capsicum* L. var.  
*nanum* Hort. 447  
*Solanum pseudo-capsicum* Linn.  
447  
*Solanum seaforthianum* Andr. 445  
*Solanum seaforthianum* Andr. var.  
*album* Hort. 446  
*Solanum venustum* Kunth. 445  
*Solidago virga-aurea* L. 292  
*Sonchus arvensis* L. 298  
*Sophora japonica* L. var. *columnaris*  
Schwerin. 391  
*Sophora japonica* L. var. *pendula*  
Loud. 391

*Sophora japonica* Linn. 390  
*Spathiphyllum candidum* N.E.Br.  
271  
*Spathiphyllum patinii* N.E.Br. 271  
*Spathodea campanulata* P. Beauv.  
388  
*Sphenodesma pentandra* Jacq. 21  
*Sphenodesma thorelii* Dop. 20  
*Spondias lakoensis* Pierre 373  
*Statice sinuata* L. 350  
*Statice sinuata* L. var. *candidissima*  
Hort. 351  
*Stenolobium stans* (L.) Seem. 427  
*Sterculia pexa* Pierre 386  
*Sterculiaceae* 386, 392, 435  
*Stramonium arboreum* Moench. 363  
*Streblus asper* Lour. 64  
*Streblus ilicifolia* (Kurz.) Corn. 64  
*Strelitzia reginae* Banks. 433  
*Strelitziaceae* 91, 433  
*Strongylodon macrobitrys* L. 57  
*Strophanthus caudatus* (Burm. f.)  
Kurz. 459  
*Strophanthus gratus* (Wall. ex  
Benth.) Bail. 35  
*Strophanthus hispidus* DC. 36  
*Styphelia malayana* Spreng. 404  
*Styphnolobium japonicum* Schott.  
390  
*Syngonium podophyllum* Schott. var.  
"imperial white" Hort.  
*Syzigium michelii* (Lamk.) Tranh.  
nom. nov. 457  
*Tabernaemontana coronaria* Wild.  
var. *flore-pleno* Hort. 416

*Tabernaemontana coronaria* Willd.  
416  
*Tabernaemontana divaricata* R. Br.  
416  
*Tacca leontopetaloides* (Linn.) O.  
Ktze. 337  
*Tacca pinnatifida* Forst. 337  
**Taccaceae 337**  
*Tagetes erecta* Linn. 298  
*Tagetes patula* L. 298  
*Talauma pumila* Bl. 371  
**Tamaricaceae 264, 265**  
*Tamarindus indica* Linn. 407  
*Tamarix chinensis* Lour. 264  
*Tamarix indica* Wall. 264  
*Tamarix pallasii* Desv. 265  
*Tamarix pentandra* Pall. 265  
*Taraxacum dens-leonis* Desf. 343  
*Taraxacum officinalis* (L.) Weber  
343  
**Taxodiaceae 195, 197, 208**  
*Taxodium distichum* Rich. 195  
*Taxotrophis ilicifolia* (Kurz.) Vidal. 64  
*Taxus baccata* L. var. *wallichiana*  
(Zucc.) Hook. 203  
*Taxus wallichianus* Zucc. 203  
*Tecoma radicans* Juss. 44  
*Tecoma stans* (L.) H.B.K. 427  
*Tecoma venusta* Ch. Lem. 31  
*Telosma cordata* (Durm.f.) Merr. 37  
*Terminalia catappa* Linn. 358  
*Ternatea vulgaris* H.B. et K. 40  
*Thea amplexicaulis* Pitard. 387  
**Theaceae 387, 436**

*Thevetia nereifolia* Juss. 435  
*Thevetia peruviana* (Pers.) Sch. 435  
*Thrinax argentea* Lodd. 99  
*Thrinax chuco* Lindl. 100  
*Thrinax parviflora* Swartz. 99  
*Thryallis glauca* (Cav.) O. Ktze. 397  
*Thuja gigantea* Nutt. 206  
*Thuja lobbii* Hort. 206  
*Thuja orientalis* L. 205  
*Thuja plicata* D. Don. 206  
*Thunbergia alata* Boj. ex Sims. 27  
*Thunbergia erecta* (Benth.) T. Anders.  
365  
*Thunbergia erecta* T. Anders. var.  
*alba* Hort. 365  
*Thunbergia erecta* T. Anders. var.  
*caerulea* Hort. 365  
*Thunbergia grandiflora* Roxb. 26  
*Thunbergia laurifolia* Ldl. 29  
*Thunbergia mysorensis* T. Anders.  
45  
*Thunbergia fragrans* Roxb. 28  
*Tillandsia acaulis* Lindl. 140  
*Tillandsia cyanea* 224  
*Tillandsia imperialis* Morr. et André  
226  
*Tithonia diversifolia* (Hemsl.) A.  
Gray 392  
*Tithonia rotundifolia* (Mill.) Blake.  
392  
*Torenia asiatica* Ldl. var.  
*pulcherrima* Hort. 350  
*Torenia asiatica* Linn. 350  
*Torenia endentula* Hort. non Benth.  
349

- Torenia fournierii* Ldl var. *alba*  
Hort. 350
- Torenia fournierii* Ldl. var.  
*grandiflora* Hort. 350
- Torenia fournierii* Lindl. 349
- Trachycarpus excelsus* H. Wendl. 85
- Trachycarpus fortunei* Wendl. 85
- Tradescantia discolor* L'Herit 239
- Tradescantia pallida* (Roxb.) Hunt.  
262
- Tradescantia zebrina* Bosse 261
- Trichocereus candicans* (Gill.) Britt.  
et Rose. 139
- Trichosporum evardii* (Pell.) Tranh.  
comb. nov. 145
- Trimezia martinicensis* (L.) Herb.  
330
- Triphasia aurantiola* Lour. 452
- Triphasia trifolia* P. Wilson 452
- Triphasia trifoliata* DC. 452
- Tristellateia australis* A. Richard 34
- Trithrinax brasiliensis* Mart. 100
- Trithrinax mauritiaefrome* Karst. 88
- Tritonia crocosmaeflora* Lemoine 330
- Tritonia refracta* Ker. 329
- Tropaeolaceae 341**
- Tropaeolum majus* L. form.  
*atropurpureum* Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.  
*heinemannii* Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.  
*hemisphaerum* Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.  
*regelianum* Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. var. *flore-pleno*  
Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. var. *nanum*  
Hort. 342
- Tropaeolum majus* Linn. 341
- Tulipa gesneriana* "Hybrids" 351
- Turnera ulmifolia* Linn. 305
- Turneraceae 305**
- Typha angustifolia* Linn. 466
- Typhaceae 466**
- Urticaceae 241, 256, 257, 471**
- Vacciniaceae 149**
- Veitchia merrilli* l. Wendl. 81
- Verbena incisa* Hook. 285
- Verbenaceae 20, 21, 56, 59, 67, 75,  
76, 285, 412, 417, 419, 426  
434, 461**
- Vetiveria arundinacea* G. 108
- Vetiveria zizanioides* (L.) Nash. 108
- Victoria amazonica* (Poep.) Klotzsch.  
477
- Victoria regia* Lindl. 477
- Vinca major* Linn. 304
- Vinca minor* Linn. 304
- Vinca rosea* L. 303
- Viola hybrida* Hort. 335
- Viola odorata* Linn. 334
- Viola tricolor* Linn. 334
- Violaceae 334, 335, 429**
- Vitaceae 30, 39, 50, 51, 62**
- Vitex incisa* Lam. 417
- Vitex laciniata* Hort. 417
- Vitex negundo* Linn. 417
- Vitex negundo* Linn. var. *incisa*  
Clarke 417

- Vitis quadrangularis* Wall. 51  
*Vitis vinifera* L. 62  
*Volkameria coccinea* Herb. 412  
*Volkameria fragrans* Vent. 412  
*Volkameria japonica* Vent. 412  
*Vriesea heterostachys* 224  
*Vriesea splendens* (Brongn.) Lemaire 225  
*Waria odorata* Lam. 390  
*Washington filifera* (Lind.) H. Wendl. 87  
*Wolffia schleidenii* Miq. 464  
*Wrightia religiosa* (Teijsm. et Binn.) Hook. f. 405  
*Wrightia religiosa* Hook. f. var. *microphylla* Hort. 406  
*Xanthosoma plowmanii* Schott. var. *albolineata* Hort. 211  
*Yucca aloifolia* L. 134  
*Yucca filamentosa* Linn. 134  
*Yucca serrulata* Haw. 134  
*Zamia pumila* L. 208  
*Zamiaceae* 208  
*Zamioculcas zamiifolia* Engl. 246  
*Zantedeschia aethiopica* Spreng. 353  
*Zantedeschia albo-maculata* Baill. 353  
*Zantedeschia rubens* C. Koth. 273  
*Zebrina pendula* Schnizl. 261  
*Zephyranthes ajax* Hort. 336  
*Zephyranthes atamasco* Herb. 336  
*Zephyranthes carinata* Herb. 336  
*Zephyranthes grandiflora* Lindl. 336  
*Zephyranthes rosea* (Spreng.) LilndL. 335  
*Zingiberaceae* 304, 331, 339, 340, 473  
*Zinnia elegans* Jacq. 302  
*Zizania caduciflora* (Turcz.) Hand - Mzt. 467  
*Zizania latifolia* Turcz. 467  
*Zoysia tenifolia* Willd. ex Trin. 109  
*Zygocatus truncatus* (Haw.) K. Schum 121  
*Zygocereus truncatus* Fric. et Krewz. 121  
*Zygophyllaceae* 395

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Khả Kế và cộng sự : 1969 - 1976.** *Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam (I - VI).* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
2. **Vũ Công Hậu - 1987.** *Cây ăn trái miền Nam* - Nhà xuất bản Nông nghiệp - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
3. **Phạm Hoàng Hộ - 1970 - 1972.** *Cây cỏ miền Nam Việt nam (I, II),* in lần thứ hai. Bộ Giáo Dục. Trung tâm Sản xuất Học liệu - Sài Gòn.
4. **Phạm Hoàng Hộ - 1991 - 1993.** *Cây cỏ Việt nam (I, III),* Montréal, Canada
5. **Trần Hợp - 1968.** *Phân loại thực vật học* - Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp - Hà Nội.
6. **Đỗ Tất Lợi - 1981.** *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam.* In lần thứ tư - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
7. **Nguyễn Tích - Trần Hợp - 1971.** *Tên cây rừng Việt Nam* - Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội.
8. **Trương Hữu Tuyên - 1979** - *Kỹ thuật trồng hoa.* Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội.
9. **Võ Văn Chi - Trần Hợp - Trịnh Minh Tân - 1993.** *Bonsai* - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
10. **L.H. Bailey 1940 - 1958** - *The standard cyclopedie of Horticulture (I - III)* The Macmillan company - NewYork.
11. **Maurice Coutancean 1957** - *Encyclopédie des jardins* - Larousse - Paris.
12. **G. Bellair et Saint Leger 1900.** *Les plantes de serre* - Paris.
13. **H. Schwarzenbach 1959** - *Les arbres et arbustes de jardin.* Edition du Message - Berne.

14. **Francesco Vallardi et all.** 1964 *Encyclopedie du monde vegetale (I - II)* - Librairie Aristide Quillet. Paris.
15. **André Leroy** 1957 *Plants d'eau et bassins fleuris* - Paris.
16. **Paul Grisvard, Victor Chaudun (Pierre Chouard, André Guillaumin)**
17. **1964 - Le bon jardinier** (Encyclopedie horticole) 152e édition. *Tome second.* La maison rúsique - Paris.
18. **S.N.Prikhodko - M. V. Mikhailovkaia** 1989. *Cây hoa trong nhà* - Yrazai - Kiev.
19. **G.K.Tablinova** - 1990. *Cây hoa trong nhà và ngoài bao lơn* - Leningrad.
20. **H.F. Macmillan, F.L.S; A.H.R.H.S.** 1949. *Tropical planting and gardening (Fifth edition)* Macmillan and Co.; limeted St. Martin's street London.
21. **H. de Wit** (1963) *Les plantes du monde (I - II) (plantes à fleurs)* - Hachette - Paris.
22. **Aubréville, Jean F. Leroy, Ph. Morat et all.** 1960 - 1987 *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam (1 - 23 fascicules)* Muséum national d'Histoire naturelle - Paris.
23. **H. Lecomte, F. Gagnepain et all** 1907 - 1951 *Flore générale de l' Indochine (7 tomes et supplément)* Masson édition - Paris.
24. **Derek Fell.** 1992 - *Encyclopedia of flowers* - Michael Friedman Publishing Group, Inc. NewYork.
25. **Graf A.B.,** 1970. *Exotic Plant Manual* (second edition) – Roehrs company – East Rutheford, New Jersey 07073, USA
26. **Graf A.B.,** 1992 - *Hortica.* Published by Roehrs Company - New Jersey, USA.



# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI MỞ ĐẦU.....	3
<b>I. Nhóm cây leo, cây hàng rào .....</b>	<b>10</b>
<b>II. Nhóm cây làm cảnh bằng thân.....</b>	<b>77</b>
II.A. Nhóm cây thân cột.....	77
II.B. Nhóm cây thân rỗng.....	104
II.C. Nhóm cây thân mọng nước.....	120
<b>III. Nhóm cây làm cảnh bằng lá .....</b>	<b>169</b>
III.A. Nhóm cây lá xanh ngành Quyết thực vật .....	169
III.B. Nhóm cây lá kim ngành Thực vật hạt trần.....	193
III.C. Nhóm cây lá rộng ngành Thực vật hạt kín.....	210
<b>IV. Nhóm cây có hoa làm cảnh.....</b>	<b>271</b>
IV.A. Nhóm cây thân cỏ.....	271
IV.B. Nhóm cây thân gỗ.....	357
<b>V. Nhóm cây có quả làm cảnh .....</b>	<b>444</b>
<b>VI. Nhóm cây ở nước, bờ nước làm cảnh .....</b>	<b>464</b>
- Bảng tra cứu tên cây theo tiếng Việt.....	481
- Bảng tra cứu tên cây theo tiếng La Tinh .....	500
- Tài liệu tham khảo.....	533
- Mục lục .....	535

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

**LÊ VĂN THỊNH**

*Biên tập:* Vũ Thị Hòa

*Trình bày bìa:* Nguyễn Phụng Thoại

*Sửa bản in:* Trần Tuyết Oanh - Trần Hợp

*Ảnh:* Phạm Lê Chuẩn - Trần Hợp -

Nguyễn Lệ Hương -

Nguyễn Bội Quỳnh - Bùi Công Trọng

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP**

*D14 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội*

*ĐT : (04) 8523887 - 8525070 - 8521940*

**CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP**

*58 - Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - TP.HCM*

*ĐT : (08) 8297157 - 8299521*

---

*In 1.030 bản khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty In Bao bì và XNK.*

*Chấp nhận đề tài số 1354/XB-QLXB, ngày 30/12/1998.*

*In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2000.*

- **Địa lý các họ cây Việt Nam**  
(cùng Vũ Văn Chuyên - Lê Trần Chấn)  
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1987.
- **Thế giới màu xanh kỳ diệu (I)**  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1987.
- **Kỹ thuật nuôi trồng Phong Lan xuất khẩu**  
(cùng Hoàng Quý Châu - Nguyễn Hồng Đăng - Phan Thúc Hoàn - Nguyễn Văn Lýển)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1987.
- **Đời sống họ Lan** (dịch từ tiếng Nga)  
(Lâm Xuân Sanh dịch - Trần Hợp hiệu đính)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1988.
- **Phong lan Việt Nam (I và II)**  
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật (1988-1990)
- **Việt Nam - Non nước thần tiên (I)**  
(cùng Lê Văn Hảo - Nguyễn Hồng Đăng)  
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1989.
- **Cây gỗ trong kinh doanh**  
(cùng Nguyễn Hồng Đăng)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1990.
- **Bonsai**  
(cùng Võ Văn Chi - Trịnh Minh Tấn)  
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1993.
- **Phong lan có hương thơm**  
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1993.
- **Cây cảnh, hoa Việt Nam**  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993.
- **Cây gỗ kinh tế ở Việt Nam**  
(cùng Nguyễn Bội Quỳnh)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993
- **Bonsai, cây kiểng cổ**  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993.
- **Cây xanh và cây cảnh thành phố Vũng Tàu**  
(cùng Nguyễn Đình Thái - Trần Minh)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1994.
- **Hoa, cây cảnh trong kiến trúc gia thất**  
(cùng Phạm Tạo - Minh Lễ)  
Nhà xuất bản Hà Nội - 1997.
- **100 loài cây gỗ bản địa**  
(cùng Hoàng Quảng Hà)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1997
- **Cây xanh và cây cảnh Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh**  
(sách kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh)  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1998.
- **Phong lan Việt Nam**  
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1998.
- **Cây cỏ có ích ở Việt Nam (I)**  
(cùng Võ Văn Chi)  
Nhà xuất bản Giáo dục - 1999.

Ảnh bìa 1. Số - *Oilena ovata* Wall. ex Hook f et Thoms  
họ Số - Dilleniaceae

Ảnh bìa 4. Hải đường - *Camellia amplexicaulis* (Pit.) Cofl.-Swar  
họ Chà - Theaceae



**Các sách sẽ xuất bản :**

- ❖ Hoa, cây cảnh trong thiết kế sân vườn.
- ❖ Cây Quế Việt Nam.